

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CƠ SỞ NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

- ❖ Mã ngành đào tạo: 7340101
- ❖ Đơn vị thực hiện: Tổ bộ môn QTKD - Khoa Kinh tế

Đồng Nai, 2022

MỤC LỤC
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Ngành: Quản Trị Kinh Doanh

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Trang
1	TOÁN CAO CẤP	3	1
2	LÝ THUYẾT XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ TOÁN	3	13
3	KINH TẾ HỌC VI MÔ	3	24
4	KINH TẾ VĨ MÔ	3	35
5	QUẢN TRỊ HỌC	3	46
6	MARKETING CĂN BẢN	3	59
7	NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ	3	77
8	NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN	3	94
9	THUẾ	3	109
10	TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ	3	127
11	PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	2	140
12	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	3	151
13	VĂN HÓA KINH DOANH	3	166
14	KỸ NĂNG GIAO TIẾP, ĐÀM PHÁN TRONG KINH DOANH	2	181
15	HÀNH VI TỔ CHỨC	2	197
16	HÀNH VI KHÁCH HÀNG	2	208
17	VĂN BẢN VÀ KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN	2	220
18	QUẢN TRỊ NHÓM LÀM VIỆC	2	233
19	QUẢN TRỊ THAY ĐỔI	2	245
20	QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC	3	257
21	QUẢN TRỊ RỦI RO	3	270
22	QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC	3	289
23	QUẢN TRỊ SẢN XUẤT	3	303
24	QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH	3	320
25	QUẢN TRỊ MARKETING	3	332
26	QUẢN TRỊ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG	3	351
27	QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG	3	367

28	QUẢN TRỊ DỰ ÁN	3	382
29	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	3	397
30	NGHIỆP VỤ NGOẠI THƯƠNG	3	415
31	KẾ TOÁN QUẢN TRỊ	3	432
32	KHỞI NGHIỆP KINH DOANH	2	447
33	THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ	3	459
34	KINH TẾ QUỐC TẾ	3	471
35	THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	2	484
36	QUẢN TRỊ BÁN HÀNG	3	497
37	PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	3	511
38	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	2	525
39	QUẢN LÝ TIỀN LƯƠNG	3	535
40	TUYÊN DUNG VÀ ĐÀO TẠO	3	548
41	LUẬT LAO ĐỘNG	2	561
42	MARKETING QUỐC TẾ	3	575
43	QUAN HỆ CÔNG CHỨNG	3	592
44	DIGITAL MARKETING	2	609
45	KIẾN TẬP NGHỀ NGHIỆP	2	620
46	THỰC TẬP TỐT NGHIỆP	6	627
47	KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP	5	638
48	TÂM LÝ DOANH NGHIỆP VÀ NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO	2	650
49	KINH DOANH QUỐC TẾ	2	660
50	QUẢN TRỊ LOGISTICS	3	671
51	QUẢN LÝ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC	3	685

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TOÁN CAO CẤP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: **TOÁN CAO CẤP**
- Tên học phần Tiếng Anh: **ADVANCED MATHEMATICS**
- Mã học phần: 2112101
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150	30	30	0	0	90

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 1
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: Không yêu cầu
 - + Học phần trước: Không yêu cầu
 - + Học phần song hành (nếu có): Không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung: Học phần Toán cao cấp cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của Đại số tuyến tính và Giải tích nhiều biến để có thể hiểu và vận dụng khi học tiếp các môn Toán khác như: *Toán kinh tế, Lý thuyết xác suất và thống kê toán, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Các mô hình toán kinh tế...* và một số các môn chuyên ngành cũng như nhằm trang bị một số kỹ năng tính toán theo yêu cầu chung đối với sinh viên đại học ngành kinh tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object-Viết tắt là CO):

- Về kiến thức :

CO1: Môn học trang bị cho sinh viên các vấn đề lý thuyết và rèn luyện các kỹ năng tính toán của hai vấn đề của Toán học cao cấp là: Đại số tuyến tính và Giải tích toán học cơ bản theo yêu cầu chung đối với sinh viên khối ngành kinh tế.

Từ đó môn học giúp cho sinh viên có thể hiểu và vận dụng khi học tiếp các môn Toán khác như: Toán kinh tế, Lý thuyết xác suất và thống kê toán, Kinh tế lượng, Kinh tế học...

- Về Kỹ năng :

CO2: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thực hiện các phép tính trên ma trận, biến đổi sơ cấp ma trận, giải hệ phương trình tuyến tính, đạo hàm, vi phân (hàm một biến và nhiều biến); kỹ năng thiết lập bài toán cực trị hàm nhiều biến không ràng buộc và có ràng buộc.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO3: Giúp sinh viên thấy được tầm quan trọng của toán học không chỉ với Khoa học Tự nhiên mà còn ứng dụng trong phân tích kinh tế.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Toán cao cấp là học phần đại cương đối với sinh viên chuyên ngành kinh tế năm thứ nhất.

Học phần này đề cập đến các khái niệm về ma trận, định thức và các phương pháp giải hệ phương trình tuyến tính. Học phần còn cung cấp các kiến thức về phép tính vi phân hàm một biến số và nhiều biến số. Từ đó, nêu lên một số ứng dụng trong ngành Kinh tế. Cuối cùng, môn học giới thiệu và cung cấp các kiến thức cơ bản về phương trình vi phân cấp 1 và cấp 2.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CĐR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo <i>thang Bloom</i>)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	- Hiểu được kiến thức về ma trận, phép biến đổi sơ cấp trên ma trận, định thức, ma trận nghịch đảo, ... Hàm nhiều biến và phép tính vi phân hàm nhiều biến.	3.0
CLO2	- Nắm được lý thuyết về hệ phương trình tuyến tính, cấu trúc nghiệm hệ phương trình tuyến tính.	3,0
CLO3	- Nắm được lý thuyết về hàm số một biến số: định nghĩa, giới hạn, đạo hàm và vi phân của hàm một biến.	2.0
CL CLO4O13	- Nắm được lý thuyết về hàm nhiều biến: định nghĩa, đạo hàm riêng, vi phân. Hiểu được phương pháp giải bài toán cực trị hàm 2 biến tự do và hàm 2 biến có ràng buộc bằng phương pháp nhân tử Lagrange...	3.0

CLO5CL	- Nắm được lý thuyết về các phương pháp tính và biến đổi nguyên hàm, tích phân xác định, tích phân suy rộng loại 1 và loại 2.	2.0
CLO6	- Nắm được lý thuyết và phương pháp giải các dạng phương trình vi phân cấp 1.	2.0
CLO7	- Nắm được lý thuyết và phương pháp giải các dạng phương trình vi phân cấp 2.	2.0
Chuẩn về kỹ năng		
CLO8	- Có kỹ năng biến đổi ma trận vuông về dạng bậc thang từ đó tính được ma trận nghịch đảo, tìm hạng ma trận, giải hệ phương trình tuyến tính.	3.5
CLO9	- Có kỹ năng tính toán giới hạn, đạo hàm và vi phân hàm một biến số.	3.0
CLO10	- Có kỹ năng tính đạo hàm, vi phân hàm nhiều biến và giải được bài toán cực trị hàm 2 biến tự do và giải được bài toán cực trị hàm 2 biến có ràng buộc bằng phương pháp nhân tử Lagrange.	3.5
CLO11	- Có kỹ năng tính được các dạng nguyên hàm, tích phân xác định và tính toán được các loại tích phân suy rộng.	3.5
CLO12	- Giải được một số dạng cơ bản của phương trình vi phân cấp 1.	3.0
CLO13	- Giải được một số dạng cơ bản của phương trình vi phân cấp 2.	3.0
Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm		
CLO14	- Thực hiện ghi chép, chú thích, phản hồi tích cực trong quá trình nghe giảng.	3.5
CLO15	- Có tư duy toán học, có suy luận logic, có tổ chức của người làm kinh tế.	3.5

❖ **Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):**

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1		x		x					x									x
2		x		x					x									x
3		x		x					x									x
4		x		x					x									x
5		x		x					x									x

6		x	x					x										x		
7		x	x					x											x	
8		x	x					x											x	
9		x	x					x											x	
10		x	x					x											x	
11		x	x					x											x	
12		x	x					x											x	
13		x	x					x											x	
14		x	x					x	x	x									x	x
15		x	x					x	x	x								x	x	x

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CDR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá quá trình	- Dự học trên lớp - Đóng góp xây dựng bài tại lớp - Ví dụ minh họa trên lớp	Thường xuyên		10%
2. Đánh giá giữa kỳ	- Bài tập về nhà - Làm bài kiểm tra trắc nghiệm thường xuyên: TN1, TN2	Thường xuyên	CLO1 đến CLO11	5%
	- Bài kiểm tra tự luận (TL).	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1 đến CLO11	25%
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	Thi cuối kỳ Sử dụng thang điểm 10 để đánh giá theo đáp án đã được thiết kế.	CLO1 đến CLO11	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

- Tài liệu bắt buộc:

[1] Lê Đình Thuý, Nguyễn Quỳnh Lan (2012), *Giáo trình Toán cao cấp cho các nhà kinh tế*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

[2] Dương Thị Thúy Vân (2022), *Bài giảng Toán cao cấp*, Đại học Đồng Nai (Lưu hành nội bộ).

- Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Huy Hoàng (2014), *Toán cơ sở cho kinh tế*, Nhà xuất bản Giáo dục.

[2] Nguyễn Văn Quý (2018), *Giáo trình Toán cao cấp*, Nhà xuất bản Tài Chính, Hà Nội.

[3] Nguyễn Đình Trí (2001), *Toán học cao cấp tập 1, 2, 3*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

[4] L. Edwards (2006), *Calculus an applied approach seventh edition*, Houghton Mifflin Company, New York.

[5] Michael Hoy, John Livernois, Chris Mc Kenna, Ray Rees, Thanasis Stengos (2011), *Mathematics for Economics*, The MIT Press Cambridge, Massachusetts, London, England (second edition).

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	Giới thiệu học phần - Giới thiệu về học phần Toán cao cấp. - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá. - Giới thiệu tài liệu học tập Nêu mục tiêu môn học. PHẦN 1. ĐẠI SỐ TUYẾN TÍNH CHƯƠNG 1. MA TRẬN – ĐỊNH THỨC 1.1. Ma trận 1.1.1. Định nghĩa ma trận 1.1.2. Các dạng ma trận 1.1.3. Các phép toán trên	GV: Giới thiệu tổng quan về môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học. Giáo viên: + Thuyết trình + Vấn đáp. Sinh viên:	SV: Ghi nhớ mục tiêu, nội dung môn học - Ghi nhớ cách tìm tài liệu, nghiên cứu - Ghi nhớ cách thức đánh giá học phần	Ví dụ minh họa, bài tập	CLO1 CLO8 CLO14 CLO15

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	ma trận 1.1.4. Các phép biến đổi sơ cấp trên hàng 1.2. Định thức 1.2.1. Định nghĩa định thức ma trận vuông cấp n 1.2.2. Định lý khai triển định thức theo một hàng hay một cột bất kỳ Bài tập áp dụng	+ Vấn đáp + Làm bài tập			
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	CHƯƠNG 1: TIẾP THEO 1.2. Định thức (tiếp theo) 1.2.3. Các tính chất định thức 1.2.4. Cách tính định thức 1.3. Ma trận nghịch đảo 1.3.1. Định nghĩa ma trận nghịch đảo 1.3.2. Định lý sự tồn tại của ma trận nghịch đảo 1.3.3. Ma trận phụ hợp 1.3.4. Phương pháp tìm ma trận nghịch đảo 1.3.5. Các tính chất của ma trận nghịch đảo 1.3.6. Ứng dụng của ma trận nghịch đảo để giải phương trình ma trận Bài tập áp dụng	Giáo viên: + Thuyết trình + Vấn đáp.	Sinh viên: + Vấn đáp + Làm bài tập	Ví dụ minh họa, bài tập	CLO1 CLO8 CLO14 CLO15
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	CHƯƠNG 1. TIẾP THEO 1.4. Hạng ma trận 1.4.1. Định nghĩa tổng quát hạng của một ma trận 1.4.2. Tích chất 1.4.3. Phương pháp tìm hạng ma trận Bài tập áp dụng Bài tập ôn tập chương 1	Giáo viên: + Thuyết trình + Vấn đáp.	Sinh viên: + Vấn đáp + Làm bài tập	Ví dụ minh họa, bài tập	CLO1 CLO8 CLO14 CLO15

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	<p>CHƯƠNG 2. HỆ PHƯƠNG TRÌNH TUYẾN TÍNH</p> <p>2.1.1. Dạng tổng quát của hệ phương trình tuyến tính</p> <p>2.1.2. Dạng ma trận của hệ phương trình tuyến tính</p> <p>2.1.3. Nghiệm của hệ phương trình tuyến tính</p> <p>2.1.4. Hệ phương trình tuyến tính thuần nhất</p> <p>2.2. Hệ phương trình Cramer</p> <p>2.2.1. Định nghĩa hệ phương trình Cramer</p> <p>2.2.2. Định lý (Phương pháp giải hệ phương trình Cramer)</p> <p>2.3. Hệ phương trình tuyến tính tổng quát</p> <p>2.3.1. Điều kiện tồn tại nghiệm. Định lý Kronecker-Capelli</p> <p>2.3.2. Giải hệ phương trình tuyến tính tổng quát bằng phương pháp Gauss</p> <p>Bài tập chương 2</p>	<p>Giáo viên: + Thuyết trình + Vấn đáp.</p>	<p>Sinh viên: + Vấn đáp + Làm bài tập</p>	Ví dụ minh họa, bài tập	CLO2 CLO8 CLO14 CLO15
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	<p>CHƯƠNG 2: TIẾP THEO</p> <p>2.4. Một số bài toán ứng dụng trong kinh tế</p> <p>2.4.1. Mô hình cân bằng thị trường</p> <p>2.4.2. Mô hình input – output của Leontief</p> <p>Bài tập áp dụng</p> <p>Bài tập ôn tập chương 1 và chương 2.</p>	<p>Giáo viên: + Thuyết trình + Vấn đáp.</p>	<p>Sinh viên: + Vấn đáp + Làm bài tập</p>	Kiểm tra thường xuyên TN1	CLO1 CLO2 CLO8 CLO14 CLO15
Tuần 6 Buổi 6	<p>PHẦN 2. GIẢI TÍCH HÀM MỘT BIẾN SỐ VÀ</p>	<p>Giáo viên: + Thuyết trình</p>	<p>Sinh viên: + Vấn đáp</p>	Ví dụ minh	CLO3 CLO9

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
4 giờ	<p>HÀM NHIỀU BIẾN SỐ</p> <p>CHƯƠNG 3: HÀM SỐ MỘT BIẾN SỐ VÀ PHÉP TÍNH VI PHÂN CỦA HÀM MỘT BIẾN</p> <p>3.1. Giới hạn của dãy số thực</p> <p>3.1.1. Định nghĩa dãy, giới hạn của dãy số thực</p> <p>3.1.2. Các tính chất và các định lý về giới hạn của dãy số thực</p> <p>3.2. Hàm số một biến số</p> <p>3.2.1. Các khái niệm cơ bản về hàm số</p> <p>3.2.2. Hàm số chẵn-Hàm số lẻ</p> <p>3.2.3. Sự biến thiên của hàm số</p> <p>3.2.4. Hàm số hợp</p> <p>3.2.5. Hàm số ngược</p> <p>3.2.6. Các hàm số sơ cấp cơ bản</p> <p>3.2.7. Một số hàm trong kinh tế</p>	+ Vấn đáp.	+ Làm bài tập	họa, bài tập	CLO14 CLO15
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	<p>CHƯƠNG 3. TIẾP THEO</p> <p>3.3. Giới hạn hàm số</p> <p>3.3.1. Định nghĩa giới hạn</p> <p>3.3.2. Giới hạn của các hàm số sơ cấp cơ bản</p> <p>3.3.3. Các dạng vô định</p> <p>3.3.4. Một vài giới hạn đặc biệt</p> <p>3.4. Đạo hàm</p> <p>3.4.1. Khái niệm về đạo hàm</p> <p>3.4.2. Bảng công thức các đạo hàm cơ bản</p> <p>3.4.3. Các quy tắc tính đạo</p>	Giáo viên: + Thuyết trình + Vấn đáp.	Sinh viên: + Vấn đáp + Làm bài tập	Ví dụ minh họa, bài tập	CLO3 CLO9 CLO14 CLO15

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	hàm 3.4.4. Đạo hàm hàm hợp 3.4.5. Đạo hàm hàm ngược 3.4.6. Đạo hàm một phía 3.4.7. Đạo hàm cấp cao Bài tập chương 3				
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	CHƯƠNG 3. TIẾP THEO 3.5. Vi phân 3.5.1. Định nghĩa vi phân 3.5.2. Sự liên hệ giữa vi phân và đạo hàm 3.5.3. Tính bất biến của biểu thức vi phân cấp 1 3.5.4. Các quy tắc tính vi phân 3.5.5. Vi phân cấp cao 3.6. Một số ứng dụng của đạo hàm trong lĩnh vực kinh tế Bài tập chương 3	Giáo viên: + Thuyết trình + Vấn đáp.	Sinh viên: + Vấn đáp + Làm bài tập	Ví dụ minh họa, bài tập	CLO3 CLO9 CLO14 CLO15
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	CHƯƠNG 4. : HÀM SỐ HAI BIẾN SỐ VÀ PHÉP TÍNH VI PHÂN CỦA HÀM HAI BIẾN 4.1. Các khái niệm cơ bản 4.1.1. Hàm số n biến số 4.1.2. Một số hàm trong kinh tế 4.2. Giới hạn của hàm nhiều biến số 4.3. Đạo hàm riêng và vi phân toàn phần 4.3.1. Đạo hàm riêng 4.3.2. Vi phân và ứng dụng vi phân để tính gần đúng Bài tập	Giáo viên: + Thuyết trình + Vấn đáp.	Sinh viên: + Vấn đáp + Làm bài tập	Ví dụ minh họa, bài tập	CLO4 CLO10 CLO14 CLO15

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	CHƯƠNG 4. TIẾP THEO 4.4. Cực trị hàm nhiều biến 4.4.1. Cực trị tự do 4.4.2. Cực trị có điều kiện 4.4.3. Ứng dụng trong kinh tế Bài tập chương 4 Ôn tập chương 1- 4	Giáo viên: + Thuyết trình + Vấn đáp. + Cho làm bài kiểm tra thường xuyên TN1	Sinh viên: + Vấn đáp + Làm bài tập + Làm bài kiểm tra được giao	Ví dụ minh họa, bài tập	CLO4 CLO10 CLO14 CLO15
Tuần 11 Buổi 11 4 giờ	Bài kiểm tra giữa kỳ CHƯƠNG 5. PHÉP TÍCH TÍCH PHẦN HÀM SỐ MỘT BIẾN SỐ 5.1. Tích phân bất định 5.1.1. Nguyên hàm và tích phân bất định 5.1.2. Bảng công thức các nguyên hàm cơ bản 5.1.3. Các phương pháp tính tích phân bất định Bài tập	Giáo viên: + Thuyết trình + Vấn đáp. - Giao bài kiểm tra	Sinh viên: + Vấn đáp + Làm bài tập +Làm bài kiểm tra được giao	Bài kiểm tra giữa kỳ TL	CLO5 CLO11 CLO14 CLO15
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ	CHƯƠNG 5. TIẾP THEO 5.2. Tích phân xác định 5.2.1. Định nghĩa 5.2.2. Các tính chất cơ bản của tích phân xác định 5.2.3. Công thức Newton-Leibnitz 5.2.4. Các phương pháp tính tích phân xác định 5.2.5. Ứng dụng tích phân xác định 5.3. Tích phân suy rộng 5.3.1. Tích phân suy rộng loại 1: Định nghĩa và phương pháp tính 5.3.2. Tích phân suy rộng loại 2: Định nghĩa và	Giáo viên: + Thuyết trình + Vấn đáp.	Sinh viên: + Vấn đáp + Làm bài tập	Ví dụ minh họa, bài tập	CLO5 CLO11 CLO14 CLO15

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	phương pháp tính Bài tập chương 5				
Tuần 13 Buổi 13 4 giờ	CHƯƠNG 6. PHƯƠNG TRÌNH VI PHÂN 6.1. Phương trình vi phân cấp 1 6.1.1. Các khái niệm 6.1.2. Phương trình vi phân cấp 1 dạng tách biến 6.1.3. Phương trình vi phân cấp 1 dạng tuyến tính Bài tập chương 6	Giáo viên: + Thuyết trình + Vấn đáp. + kiểm tra thường xuyên TN2	Sinh viên: + Vấn đáp + Làm bài tập	Bài kiểm tra thường xuyên TN2	CLO6 CLO12 CLO14 CLO15
Tuần 14 Buổi 14 4 giờ	CHƯƠNG 6. TIẾP THEO 6.2. Phương trình vi phân cấp 2 6.2.1. Các khái niệm 6.2.2. Phương trình vi phân cấp 2 có thể giảm cấp được 6.2.3. Phương trình vi phân cấp 2 tuyến tính hệ số hằng thuần nhất 6.2.4. Phương trình vi phân cấp 2 tuyến tính hệ số hằng không thuần nhất Bài tập chương 6	Giáo viên: + Thuyết trình + Vấn đáp.	Sinh viên: + Vấn đáp + Làm bài tập	Ví dụ minh họa, bài tập	CLO7 CLO13 CLO14 CLO15
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết, nội dung chính của toàn môn học - Ôn tập một số dạng bài tập - Công bố điểm thành phần	Giáo viên: Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm.	Sinh viên: Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do GV đưa ra.	Không đánh giá	CLO1- CLO15

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

- Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với mức độ tự chủ trách nhiệm chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phân biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 6.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

- Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

- Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

- Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

- Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

- Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh Tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh

- Địa chỉ/email liên hệ: duongttvan@dnpu.edu.vn hoặc vandhndn@gmail.com.

Đồng Nai, ngày 16 tháng 04 năm 2022

TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Dương Thị Thúy Vân

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ TOÁN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: **LÝ THUYẾT XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ TOÁN**
- Tên học phần Tiếng Anh: **THE THEORY OF PROBABILITY AND MATHEMATICAL STATISTICS**
- Mã học phần: 2112102
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Số tín chỉ: 3

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150	30	30	0	0	90

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm thứ nhất
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: Không yêu cầu
 - + Học phần trước: Toán cao cấp
 - + Học phần song hành (nếu có): Không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Học phần Lý thuyết xác suất và thống kê toán trang bị cho người học hiểu được các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê toán. Học phần giúp người học có thể vận dụng kiến thức xác suất và thống kê để tiếp cận và giải quyết các vấn đề trong kinh tế và cuộc sống. Đồng thời với những kiến thức được trang bị này sinh viên có thể tiếp thu được các môn học sau này như: Kinh tế lượng; Nguyên lý thống kê kinh tế, Thống kê doanh nghiệp;... Thông qua đó từng bước hình thành đạo đức nghề nghiệp cho người học.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object-Viết tắt là CO):

- Về kiến thức:

CO1: Sau khi kết thúc học phần sinh viên phải hiểu các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất: phép thử, biến cố, xác suất của biến cố, xác suất có điều kiện; đại lượng ngẫu nhiên, quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên; luật số lớn, các định lý giới hạn.

CO2: Bên cạnh đó, người học phải nắm được các kiến thức cơ bản về lý thuyết thống kê toán học: lý thuyết về mẫu ngẫu nhiên; các bài toán thống kê suy luận: bài toán ước lượng các tham số đặc trưng của tổng thể, các bài toán kiểm định giả thuyết thống kê, phân tích tương quan và hồi quy.

- Về kỹ năng:

CO3: Sau khi kết thúc học phần sinh viên phải giải được một cách tương đối thành thạo các bài tập xác suất, các bài tập ước lượng và kiểm định cơ bản theo đề cương chi tiết của học phần.

CO4: Người học có thể xử lý thành thạo các bài toán xác suất gặp trong các học phần khác. Bên cạnh đó, người học có thể giải quyết các tình huống liên quan đến những vấn đề có nội dung xác suất và thống kê trong cuộc sống.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO5: Giúp cho người học nhận thức được trong kinh tế cũng như ngoài xã hội, chúng ta luôn luôn gặp các sự kiện ngẫu nhiên mà ta cần phải xử lý. Người học rèn được tính cẩn thận, tính trung thực.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Lý thuyết xác suất và thống kê toán là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh, và đây là kiến thức cơ sở ngành của ngành Quản trị kinh doanh.

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất: phép thử, biến cố, xác suất của biến cố, xác suất có điều kiện; đại lượng ngẫu nhiên, quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên; luật số lớn, các định lý giới hạn. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về lý thuyết thống kê toán học: lý thuyết về mẫu ngẫu nhiên; các bài toán thống kê suy luận: bài toán ước lượng các tham số đặc trưng của tổng thể, các bài toán kiểm định giả thuyết thống kê, phân tích tương quan và hồi quy.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CĐR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
<i>Chuẩn về kiến thức</i>		
CLO1	Hiểu được các khái niệm Phép thử và biến cố; Các phép toán trên biến cố: phép toán cộng, phép nhân và phủ định biến cố; Tính độc lập, xung khắc, đối lập của biến cố.	3,0

CLO2	Hiểu được khái niệm Xác suất của biến cố; Các định nghĩa xác suất của biến cố; Các công thức tính xác suất của biến cố.	3,0
CLO3	Hiểu được khái niệm Đại lượng ngẫu nhiên, phân loại đại lượng ngẫu nhiên; Bảng phân phối, hàm mật độ, hàm phân phối của đại lượng ngẫu nhiên; Một số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên; Một số phân phối xác suất đặc biệt của đại lượng ngẫu nhiên.	3,0
CLO4	Hiểu được Luật số lớn; Định lý giới hạn trung tâm.	2,0
CLO5	Hiểu được khái niệm Mẫu ngẫu nhiên; Ý nghĩa của các đặc trưng mẫu, gồm trung bình, median, mod, độ lệch chuẩn, phương sai và phân vị.	3,0
CLO6	Hiểu được khái niệm Ước lượng điểm; Ước lượng khoảng; Kiểm định giả thuyết thống kê; Mô hình hồi qui tuyến tính.	3,0
<i>Chuẩn về kỹ năng</i>		
CLO7	Xác định được không gian mẫu và các biến cố ngẫu nhiên của phép thử ngẫu nhiên. Sử dụng được giải tích tổ hợp để tính xác suất theo định nghĩa xác suất cổ điển. Sử dụng được các công thức tính xác suất, đặc biệt là xác suất có điều kiện. Áp dụng được các kiến thức đã học để giải quyết các bài toán xác suất trong kinh tế và thực tế.	3,5
CLO8	Tìm được bảng phân phối xác suất và hàm phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên rời rạc. Áp dụng được các kiến thức đã học để giải quyết các bài toán xác suất trong kinh tế và thực tế.	3,5
CLO9	Tìm được hàm phân phối xác suất và hàm mật độ xác suất của đại lượng ngẫu nhiên liên tục. Áp dụng được các kiến thức đã học để giải quyết các bài toán xác suất trong kinh tế và thực tế.	3,5
CLO10	Xác định được kỳ vọng, phương sai, median, mod của đại lượng ngẫu nhiên và cách sử dụng các số đặc trưng này. Áp dụng được các kiến thức đã học để giải quyết các bài toán xác suất trong kinh tế và thực tế.	3,5
CLO11	Sử dụng được phân phối Siêu bội; Nhị thức; Poisson; Chuẩn; Chi bình phương; Student và mối liên hệ giữa các phân phối này (nếu có). Áp dụng được các kiến thức đã học để giải quyết các bài toán xác suất trong kinh tế và thực tế.	3,5
CLO12	Phân biệt được mẫu ngẫu nhiên và số liệu thống kê. Tính được giá trị của tỉ lệ mẫu, trung bình mẫu, phương sai mẫu bằng máy tính bỏ túi.	3,5

CLO13	Sử dụng được phương pháp ước lượng bằng khoảng tin cậy khi ước lượng các số đặc trưng của tổng thể như: tỉ lệ, trung bình và phương sai.	4,5
CLO14	Xác định được giả thuyết và đối thuyết của bài toán kiểm định giả thuyết và mức ý nghĩa của bài toán kiểm định giả thuyết.	3,5
CLO15	Sử dụng được các tiêu chuẩn kiểm định giả thuyết để giải quyết các bài toán liên quan và áp dụng được trong thực tế.	4,5
CLO16	Xác định được hệ số tương quan mẫu, hàm hồi qui tuyến tính thực nghiệm bằng máy tính bỏ túi. Sử dụng được hàm hồi qui tuyến tính thực nghiệm.	3,5
<i>Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm</i>		
CLO17	Thực hiện ghi chép, chú thích, phản hồi tích cực trong quá trình học.	3,5
CLO18	Có tính cẩn thận, kiên trì, trung thực trong quá trình làm bài tập cá nhân, làm bài tập nhóm, làm bài kiểm tra.	3,5

❖ **Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):**

PLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
CLOs																		
1		x				x			x				x					
2		x				x			x				x					
3		x				x			x				x					
4		x				x			x				x					
5		x				x			x	x			x					
6		x				x			x				x					
7		x				x			x				x					
8		x				x			x				x					
9		x				x			x				x					
10		x				x			x				x					
11		x				x			x				x					
12		x				x			x	x			x					
13		x				x			x				x					
14		x				x			x				x					
15		x				x			x				x					
16		x				x			x				x					

17						X		X		X						X	X
18						X		X		X						X	X

4. Đánh giá học phần:

4.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá quá trình	- Dự học trên lớp - Đóng góp tại lớp	Đánh giá thường xuyên theo thang điểm ABCDF	CLO17 CLO18	10%
2. Đánh giá giữa kỳ	- Ví dụ minh họa trên lớp: - Bài tập về nhà - Bài tập nhóm	Đánh giá thường xuyên theo tiêu chí đánh giá và mức độ đạt chuẩn theo thang điểm ABCDF	CLO1 đến CLO18	5%
	- Bài kiểm tra tự luận hoặc trắc nghiệm 1; 2	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1 đến CLO18	25%
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	Thi cuối kỳ Sử dụng thang điểm 10 để đánh giá theo đáp án đã được thiết kế.	CLO1 đến CLO18	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

- Tài liệu bắt buộc:

[1] Nguyễn Cao Văn, Ngô Văn Thứ, Trần Thái Ninh (2018), Giáo trình Lý thuyết xác suất và thống kê toán, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

[2] Nhóm tác giả Khoa Sư phạm Khoa học Tự nhiên - Trường Đại học Đồng Nai (2021), Lý thuyết xác suất và thống kê toán, Lưu hành nội bộ.

- Tài liệu tham khảo:

[1] Đặng Hùng Thắng (1997), *Mở đầu về lý thuyết xác suất và các ứng dụng*, NXB Giáo dục.

[2] Đặng Hùng Thắng (2001), *Bài tập xác suất*, NXB Giáo dục Hà Nội.

[3] Đào Hữu Hồ, Nguyễn Văn Hữu, Hoàng Hữu Như (2004), *Thống kê toán học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[4] Phạm Văn Kiều (1998), *Lý thuyết xác suất và thống kê toán học*, NXB Khoa học và kỹ thuật.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	<p>Giới thiệu học phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về học phần Lý thuyết xác suất và thống kê toán. - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá. - Giới thiệu tài liệu học tập. <p>Nêu mục tiêu môn học</p>	Thuyết trình Vấn đáp	Vấn đáp	không	Không
	<p>CHƯƠNG 1: BIẾN CỐ VÀ XÁC SUẤT</p> <p>1.1. Các quy tắc đếm và đại số tổ hợp</p> <p>1.1.1. Các quy tắc đếm</p> <p>1.1.2. Đại số tổ hợp</p> <p>1.1.3. Bài tập áp dụng</p> <p>1.2. Phép thử và biến cố</p> <p>1.2.1. Định nghĩa phép thử - Không gian mẫu</p> <p>1.2.2. Biến cố</p>	Thuyết trình Vấn đáp	Vấn đáp Làm bài tập	Ví dụ Bài tập	CLO1 CLO7 CLO17 CLO18
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	<p>CHƯƠNG 1: BIẾN CỐ VÀ XÁC SUẤT</p> <p>1.2. Phép thử và biến cố</p> <p>1.2.2. Biến cố (tiếp)</p> <p>1.3. Định nghĩa và tính chất của xác suất</p> <p>1.3.1. Định nghĩa của xác suất</p> <p>1.3.2. Tính chất của xác suất</p> <p>1.4. Các công thức tính xác suất</p> <p>1.4.1. Công thức cộng xác suất</p> <p>1.4.2. Công thức nhân xác suất</p>	Thuyết trình Vấn đáp	Vấn đáp Làm bài tập	Ví dụ Bài tập	CLO1 CLO2 CLO7 CLO17 CLO18
Tuần 3	CHƯƠNG 1: BIẾN CỐ VÀ XÁC SUẤT	Thuyết	Vấn đáp	Ví dụ	CLO2

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Buổi 3 4 giờ	1.4. Các công thức tính xác suất 1.4.2. Công thức nhân xác suất (tiếp) 1.4.3. Công thức xác suất đầy đủ - Công thức Bayes 1.4.4. Công thức Bernoulli	trình Vấn đáp	Làm bài tập	Bài tập	CLO7 CLO17 CLO18
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	Bài tập Chương 1	Vấn đáp	Vấn đáp Làm bài tập	Bài tập	CLO1 CLO2 CLO7 CLO17 CLO18
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	CHƯƠNG 2: ĐẠI LƯỢNG NGẪU NHIÊN 2.1. Đại lượng ngẫu nhiên 2.1.1. Định nghĩa và phân loại đại lượng ngẫu nhiên 2.1.2. Luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên	Thuyết trình Vấn đáp	Vấn đáp Làm bài tập	Ví dụ Bài tập	CLO3 CLO8 CLO9 CLO17 CLO18
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	CHƯƠNG 2: ĐẠI LƯỢNG NGẪU NHIÊN 2.2. Hàm của đại lượng ngẫu nhiên 2.2.1. Hàm của một đại lượng ngẫu nhiên rời rạc 2.2.2. Hàm của hai đại lượng ngẫu nhiên rời rạc 2.3. Các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên 2.3.1. Kỳ vọng 2.3.2. Phương sai 2.3.3. Mod 2.3.4. Trung vị 2.3.5. Moment, hệ số bất đối xứng, hệ số nhọn	Thuyết trình Vấn đáp	Vấn đáp Làm bài tập	Ví dụ Bài tập	CLO3 CLO8 CLO10 CLO17 CLO18
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	CHƯƠNG 2: ĐẠI LƯỢNG NGẪU NHIÊN 2.4. Một số phân phối xác suất đặc biệt của đại lượng ngẫu nhiên	Thuyết trình Vấn đáp	Vấn đáp Làm bài tập	Ví dụ Bài tập	CLO3 CLO11 CLO17 CLO18

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	2.4.1. Một số phân phối xác suất đặc biệt của đại lượng ngẫu nhiên rời rạc 2.4.2. Một số phân phối xác suất đặc biệt của đại lượng ngẫu nhiên liên tục				
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	CHƯƠNG 2: ĐẠI LƯỢNG NGẪU NHIÊN 2.4.2. Một số phân phối xác suất đặc biệt của đại lượng ngẫu nhiên liên tục (tiếp) CHƯƠNG 3: LUẬT SỐ LỚN VÀ ĐỊNH LÝ GIỚI HẠN TRUNG TÂM 3.1. Luật số lớn 3.2. Định lý giới hạn trung tâm Bài kiểm tra giữa học phần số 01	Thuyết trình Vấn đáp	Vấn đáp Làm bài tập	Ví dụ Bài tập	CLO3 CLO4 CLO11 CLO17 CLO18
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	Bài tập Chương 2 và Chương 3	Vấn đáp	Vấn đáp Làm bài tập	Bài tập	CLO3 CLO4 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO17 CLO18
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	CHƯƠNG 4: MẪU NGẪU NHIÊN 4.1. Tổng thể và mẫu ngẫu nhiên 4.1.1. Một số khái niệm cơ bản của tổng thể và mẫu ngẫu nhiên 4.1.2. Các đặc trưng của mẫu ngẫu nhiên 4.1.3. Quy luật phân phối xác suất của một số thống kê quan trọng CHƯƠNG 5: ƯỚC LƯỢNG CÁC SỐ ĐẶC TRƯNG CỦA TỔNG THỂ 5.1. Các phương pháp ước lượng điểm 5.1.1. Ước lượng không chệch 5.1.2. Ước lượng hiệu quả 5.1.3. Ước lượng vững	Thuyết trình Vấn đáp	Vấn đáp Làm bài tập	Ví dụ Bài Tập	CLO5 CLO6 CLO12 CLO17 CLO18
Tuần 11	CHƯƠNG 5: ƯỚC LƯỢNG CÁC SỐ ĐẶC TRƯNG CỦA TỔNG THỂ	Thuyết trình	Vấn đáp Làm bài	Ví dụ Bài	CLO6

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Buổi 11 4 giờ	5.2. Phương pháp ước lượng bằng khoảng tin cậy 5.2.1. Ước lượng tỉ lệ tổng thể 5.2.2. Ước lượng trung bình tổng thể	Vấn đáp	tập	Tập	CLO13 CLO17 CLO18
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ	CHƯƠNG 5: ƯỚC LƯỢNG CÁC SỐ ĐẶC TRƯNG CỦA TỔNG THỂ 5.2.3. Ước lượng phương sai tổng thể CHƯƠNG 6: KIỂM ĐỊNH GIẢ THUYẾT THỐNG KÊ 6.1. Một số khái niệm cơ bản 6.1.1. Giả thuyết thống kê 6.1.2. Kiểm định giả thuyết thống kê 6.1.3. Các bài toán kiểm định giả thuyết thống kê 6.1.4. Hai loại sai lầm 6.1.5. Mức ý nghĩa của kiểm định 6.2. Một số bài toán kiểm định giả thuyết thống kê 6.2.1. Kiểm định giả thuyết về tỉ lệ tổng thể 6.2.2. Kiểm định giả thuyết về trung bình tổng thể 6.2.3. Kiểm định giả thuyết về so sánh hai tỉ lệ tổng thể	Thuyết trình Vấn đáp	Vấn đáp Làm bài tập	Ví dụ Bài Tập	CLO6 CLO13 CLO14 CLO15 CLO17 CLO18
Tuần 13 Buổi 13 4 giờ	CHƯƠNG 6: KIỂM ĐỊNH GIẢ THUYẾT THỐNG KÊ 6.2.4. Kiểm định giả thuyết về so sánh hai trung bình tổng thể CHƯƠNG 7: TƯƠNG QUAN VÀ HỒI QUY TUYẾN TÍNH 7.1. Hệ số tương quan mẫu 7.2. Đường hồi quy tuyến tính thực nghiệm Bài kiểm tra giữa học phần số 02	Thuyết trình Vấn đáp	Vấn đáp Làm bài tập Làm bài kiểm tra	Ví dụ Bài tập	CLO6 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17 CLO18

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 14 Buổi 14 4 giờ	Bài tập Chương 4, Chương 5, Chương 6 và Chương 7	Vấn đáp	Vấn đáp Làm bài tập	Bài tập	CLO5 CLO6 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17 CLO18
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết, nội dung chính của học phần - Ôn tập một số dạng bài tập - Công bố điểm thành phần	Thuyết trình Vấn đáp	Vấn đáp	Không đánh giá	CLO1- CLO18

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

- Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phân biệt, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 7.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

- Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

- Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

- Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

- Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

- Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh Tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ/email liên hệ: phamvandu.dlu@gmail.com

Đồng Nai, ngày 14 tháng 04 năm 202

TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Phạm Văn Dự

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KINH TẾ HỌC VI MÔ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số..... ngày ... tháng ... năm
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: Kinh tế học vi mô
- Tên học phần Tiếng Anh: Microeconomics
- Mã học phần: 2112103
 - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Số tín chỉ: 03

Tổng số giờ	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	30 giờ			90 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 2
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: Không
 - + Học phần trước:
 - + Học phần song hành (nếu có): không có

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung: Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng:

Trình bày được những vấn đề chung về kinh tế học vi mô, vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa và hành vi của người tiêu dùng. Giải thích và tính toán được các độ co giãn cung – cầu của nền kinh tế thị trường và các quyết định về sản xuất của doanh nghiệp. Khảo sát và phân tích được tình hình về sản phẩm, về các thị trường liên quan đến lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp để có thể đưa ra được các quyết định trong sản xuất, đề xuất được các giải pháp để khắc phục những mặt còn hạn chế và phát triển các thị trường đó trong thời gian tới.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object-Viết tắt là CO):

- Về kiến thức:

CO1: Trình bày được những vấn đề chung về kinh tế học vi mô, vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa và hành vi của người tiêu dùng.

CO2: Giải thích mối quan hệ cung – cầu của nền kinh tế thị trường.

CO3: So sánh được đặc điểm của các thị trường: thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường độc quyền và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo.

- Về kỹ năng:

CO4: Áp dụng công thức để tính được độ co giãn của cung và cầu giữa giá cả của các hàng hóa và giá cả hàng hóa đối với thu nhập; năng suất bình quân, năng suất cận biên, các loại chi phí trong sản xuất và lợi nhuận của Doanh nghiệp.

CO5: Phân tích được thực tế ngân sách của người tiêu dùng và có những lựa chọn tiêu dùng nhằm tối ưu hóa lợi ích trong giới hạn ngân sách.

CO6: Khảo sát được tình hình về sản phẩm, về thị trường liên quan đến lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp để có thể đưa ra được các quyết định trong sản xuất.

CO7: Phân tích được thực trạng thị trường vốn, lao động và đất đai của nền kinh tế và đề xuất được các giải pháp để khắc phục những mặt còn hạn chế và phát triển các thị trường đó trong thời gian tới

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO8: Có thái độ tích cực, chủ động trong việc tìm kiếm và lĩnh hội kiến thức.

CO9: Tham dự đầy đủ các buổi học, hoàn thành các bài kiểm tra cá nhân và các bài tập nhóm.

CO10: Nghiêm túc chấp hành các quy định của nhà trường trong quá trình học tập, kiểm tra và thi.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần Kinh tế vi mô là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Quản trị kinh doanh. Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các qui luật kinh tế cơ bản như qui luật cung cầu, qui luật cạnh tranh...

Học phần này còn đề cập tới hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế: Chính phủ, doanh nghiệp và người tiêu dùng, qua đó sinh viên sẽ được trang bị kiến thức để có khả năng phân tích các hoạt động kinh tế và làm cơ sở để học tập, nghiên cứu các học phần tiếp theo.

Học phần được trình bày trong 7 chương, đó là những nội dung: Những vấn đề chung về kinh tế học vi mô, vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cung-cầu, lý thuyết người tiêu dùng, lý thuyết về hành vi của doanh nghiệp, thị trường các yếu tố sản xuất và cạnh tranh và độc quyền.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CĐR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	Có kiến thức cơ bản về kinh tế học vi mô và nắm vững các phương pháp nghiên cứu kinh tế học vi mô.	3,0
CLO2	Phân tích được những ưu thế và khuyết tật của nền kinh tế thị trường và vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa.	3,5
CLO3	Giải thích được mối quan hệ cung – cầu của nền kinh tế thị trường.	4,0
CLO4	Giải thích được hành vi của người tiêu dùng trong việc lựa chọn sản phẩm và tiêu dùng tối ưu.	3,0
CLO5	Giải thích được các hành vi của DN trong hoạt động kinh doanh để quyết định sản lượng và đạt lợi nhuận.	3,5
CLO6	Phân tích được vai trò của các yếu tố sản xuất của Doanh nghiệp	4,0
CLO7	So sánh được đặc điểm của các thị trường: thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường độc quyền và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo	4,0
Chuẩn về kỹ năng		
CLO8	Áp dụng các phương pháp nghiên cứu kinh tế học vi mô trong việc phân tích một tình huống xảy ra trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay	3,5
CLO9	Áp dụng công thức để tính được độ co giãn của cung và cầu giữa giá cả của các hàng hóa và giá cả hàng hóa đối với thu nhập.	3,5
CLO 10	Phân tích thực tế ngân sách của người tiêu dùng và có những lựa chọn tiêu dùng nhằm tối ưu hóa lợi ích trong giới hạn ngân sách	4,0
CLO 11	Khảo sát và đánh giá được nhu cầu của người tiêu dùng về một nhóm sản phẩm trên thị trường.	4,0
CLO 12	Áp dụng công thức để tính được năng suất bình quân, năng suất cận biên, các loại chi phí trong sản xuất và lợi nhuận của Doanh nghiệp. Từ kết quả khảo sát nhu cầu về sản phẩm của người tiêu dùng, xác định các biện pháp để có thể đưa ra được các	4,5

	quyết định trong sản xuất cho DN.	
CLO 13	Phân tích những mặt còn hạn chế của các thị trường vốn, lao động và đất đai ở nước ta hiện nay và có những đề xuất để khắc phục những hạn chế đó.	4,0
CLO 14	Cho các ví dụ về các thị trường: thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường độc quyền và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo	4,0
Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm		
CLO 15	Tích cực tiếp thu và tìm kiếm kiến thức mới; Tổ chức, thiết kế các hoạt động học tập một cách khoa học.	4,0
CLO 16	Tổ chức, thiết kế các hoạt động thảo luận nhóm; khảo sát, đánh giá thị trường của bản thân khoa học và trung thực	4,5

❖ **Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):**

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1			x						x									
2			x							x								
3			x	x	x													
4			x															
5			x	x	x	x	x			x			x					
6			x															
7			x				x											
8			x			x												
9										x								
10										x			x					
11													x					
12										x			x					
13										x			x					
14													x			x		
15																	x	x
16																	x	x

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá sự chuyên cần	- Tham dự lớp học - Tham gia các hoạt động học tập	Đánh giá thường xuyên theo thang điểm ABCDF	CĐR 15;16	10%
2. Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra thường xuyên: TN1; TN2; TN3; Bài tập Ch3; TN4; PPV; TN5; Bài tập Ch5; TN6; bài Seminar, TN7.	Trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CĐR 1 đến CĐR 14	5%
	Bài kiểm tra giữa kì: TN	Kiểm tra trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CĐR 1 đến CĐR 13	25%
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	Thi cuối kỳ hình thức thi trắc nghiệm Đánh giá theo thang điểm 10.	CĐR 1 đến CĐR 14	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

[1] Bộ giáo dục đào tạo (1997), Giáo trình đại học cao đẳng kinh tế học vi mô, NXB giáo dục.

[2] Phạm Văn Thanh (2021), Kinh tế vi mô, Tài liệu giảng dạy, Trường Đại học Đồng Nai.

Tài liệu tham khảo:

[3] Ngô Trần Ánh (2001), Kinh tế quản lý doanh nghiệp, NXB thống kê.

[4] Nguyễn Văn Dân (2001), Những vấn đề của toàn cầu hóa kinh tế, NXB khoa học xã hội.

[5] Robert C. Guell (2008), Biên dịch Mai Văn Dung, Kinh tế vi mô, NXB tổng hợp Đồng Nai.

[6] Trương Thị Hạnh (2006), Kinh tế vi mô, NXB thống kê.

[7] Lê Bảo Lâm và cộng sự (2010), Kinh tế vi mô, NXB thống kê.

[8] Phan Thanh Phó (1998), Các nguyên lý kinh tế vĩ mô, NXB Giáo dục.

[9] Trường đại học kinh tế TP HCM (2001), Giáo trình kinh tế học vi mô, NXB giáo dục.

[10] Cô đơ lóp – Vusin (1976), Từ điển kinh tế, NXB sự thật.

[11] Paul A Samuelson and William D. Nordhaus (1997), Kinh tế học, NXB chính trị quốc gia.

[12] Robert S. Pindyck and Daniel L. Rubinfeld (1994), Kinh tế học vi mô- Trường đại học ngoại thương dịch.

[13] Robert B. Ekelund and Obert F. Hebert (2004), Lịch sử các học thuyết kinh tế, NXB thống kê.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần/ Buổi/ Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	Giới thiệu môn học				
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ 2 LT 2TH	<p>CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NỀN KINH TẾ VI MÔ</p> <p>1.1. Những vấn đề cơ bản của hoạt động kinh tế</p> <p>1.2. Khái niệm về kinh tế học</p> <p>1.3. Phương pháp nghiên cứu kinh tế học vi mô</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 1;</p> <p>- Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học</p> <p>- Thảo luận nhóm về phương pháp nghiên cứu trong việc phân tích một tình huống xảy ra trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Giao bài trắc nghiệm TN1.</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Thảo luận nhóm hoàn thành bài tập</p> <p>- Làm bài trắc nghiệm TN1.</p>	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 1	CLO1; CLO8; CLO15; CLO16.
Tuần 2 Buổi 2	<p>CHƯƠNG 2: VAI TRÒ CỦA CHÍNH PHỦ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA</p> <p>2.1. Cơ chế thị trường</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2;</p> <p>- Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do</p>	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên	CLO2; CLO9; CLO15; CLO16.

Tuần/ Buổi/ Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
2 LT 2TH	2.2. Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN ở Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm nêu ví dụ về ưu điểm và khuyết tật của nền kinh tế thị trường. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN2. 	giảng viên đưa ra; <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm hoàn thành bài tập; - Làm bài trắc nghiệm TN2. 	TN 2	
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ LT	Chương III: CUNG - CẦU 3.1. Cầu 3.2. Cung 3.3. Cân bằng cung, cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học - Trả lời thắc mắc của sinh viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; 	Đánh giá quá trình	CLO3; CLO15.
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ LT	Chương III: CUNG - CẦU (Tiếp) 3.4. Phương pháp ước lượng cầu 3.5. Đẳng sau đường cầu và đường cung 3.6. Sự co, giãn của cầu và cung.	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN3. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài trắc nghiệm TN3. 	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 3	CLO3; CLO15.
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ TH	Chương III: CUNG - CẦU (TIẾP) Hướng dẫn các công thức tính toán cung - cầu Bài tập chương 3	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. 	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên Bài tập	CLO3; CLO10; CLO15; CLO16.

Tuần/ Buổi/ Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ LT	Chương 4: LÝ THUYẾT NGƯỜI TIÊU DÙNG 4.1. Sở thích của người tiêu dùng 4.2. Lý thuyết về lợi ích 4.3. Lựa chọn sản phẩm và tiêu dùng tối ưu	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 4; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN4. -Hướng dẫn chuẩn bị bài phòng vấn	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài trắc nghiệm TN 4.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN4	CLO4; CLO15.
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ TH nhóm	Chương 4: LÝ THUYẾT NGƯỜI TIÊU DÙNG (Tiếp) Thực hiện phiếu phỏng vấn người tiêu dùng	Hướng dẫn SV thực hiện cuộc phỏng vấn Chia nhóm (mỗi nhóm 5 SV)	SV thực hiện cuộc phỏng vấn Nộp phiếu phỏng vấn	Bài kiểm tra thường xuyên PPV	CLO4; CLO11; CLO15; CLO16.
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ LT	Chương 5: LÝ THUYẾT VỀ HÀNH VI CỦA DOANH NGHIỆP 5.1. Lý thuyết về sản xuất 5.2. Lý thuyết về Chi phí sản xuất 5.3. Lý thuyết về lợi nhuận và quyết định sản lượng 5.4. Ứng dụng và những điểm cần lưu ý	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 5; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học. - Trả lời thắc mắc của sinh viên.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài trắc nghiệm TN 5.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN5.	CLO5; CLO 15.

Tuần/ Buổi/ Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ TH	Chương 5: LÝ THUYẾT VỀ HÀNH VI CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp) Hướng dẫn các công thức tính toán chi phí sản xuất Bài tập chương 5- Phần 1	- Hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập. - Giao bài tập cho sinh viên.	- Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên Bài tập	CLO5; CLO12; CLO15; CLO16.
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ TH	Chương 5: LÝ THUYẾT VỀ HÀNH VI CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo) Hướng dẫn các công thức tính toán chi phí sản xuất Bài tập chương 5- phần 2	- Hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập. - Giao bài tập cho sinh viên.	- Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên Bài tập	CLO5; CLO12; CLO15; CLO16.
Tuần 11 Buổi 11 4 giờ LT	CHƯƠNG 6: THỊ TRƯỜNG CÁC YẾU TỐ SẢN XUẤT 6.1. Những vấn đề chung 6.2. Thị trường lao động 6.3. Cung và cầu về vốn 6.4. Đất đai và tiền thuê đất	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 6; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN6.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài trắc nghiệm TN 6.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 6	CLO6; CLO15.
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ Serminar	CHƯƠNG 6: THỊ TRƯỜNG CÁC YẾU TỐ SẢN XUẤT (Tiếp theo) Hướng dẫn các nhóm trình bày bài serminar về thị trường các yếu tố sản xuất.	- Hướng dẫn sinh viên thảo luận bài serminar về thị trường các yếu tố sản xuất. - Mỗi nhóm chọn 1 trong các lĩnh vực kinh doanh trong nước.	- Sử dụng kiến thức trên lý thuyết và thực tế để hoàn thành bài serminar - Trình bày Power point	Đánh giá kết quả thực hiện bài serminar	CLO6; CLO13; CLO15; CLO16.

Tuần/ Buổi/ Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 13 Buổi 13 2LT 2TH	- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết và sửa các bài tập từ chương 1 đến chương 6. - Làm bài kiểm tra trắc nghiệm giữa kỳ	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Sửa bài tập, trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài kiểm tra giữa kì	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trong tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu, xem lại bài tập. - Làm bài kiểm tra giữa kì	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra giữa kì	Từ CLO1 đến CLO6; Từ CLO8 đến CLO13;
Tuần 14 Buổi 14 4 giờ LT	CHƯƠNG 7: CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN 7.1. Các loại thị trường 7.2. Cạnh tranh hoàn hảo 7.3. Độc quyền 7.4. Cạnh tranh không hoàn hảo	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 7; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN7.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài trắc nghiệm TN 7.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 7	CLO7; CLO15.
Tuần 15 Buổi 15 4TH	TH: Cho các ví dụ về các thị trường: thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường độc quyền và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo ÔN TẬP	- Hướng dẫn thảo luận nhóm - Ôn tập lại toàn bộ nội dung trong các chương, nhấn mạnh những nội dung quan trọng - Hướng dẫn cách thức thi hết học phần	- Hoàn thành bài tập nhóm - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;	Đánh giá quá trình.	CLO7; CLO14; CLO15; CLO16.

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường

xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 8.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

– Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

– Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

– Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

– Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

– Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

– Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

– Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

– Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

– Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh

– Địa chỉ/email liên hệ: thanhvp0302@gmail.com

Đồng Nai, ngày 04 tháng 04 năm 2022

TRƯỞNG KHOA

**TRƯỞNG BỘ
MÔN**

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

ThS. Đinh Thị Hóa

TS. Phạm Văn Thanh

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KINH TẾ VĨ MÔ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: KINH TẾ VĨ MÔ
- Tên học phần Tiếng Anh: MACRO ECONOMIC
- Mã học phần: 2112104
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: *(đánh dấu X vào ô chọn)*
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 03

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	30 giờ	0	0	90 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 2
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - + Học phần trước: Kinh tế vi mô
 - + Học phần song hành (nếu có): không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Học phần Kinh tế vĩ mô giúp người học hiểu rõ các kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô, xác định các nhân tố tác động qua lại trên các thị trường; từ thị trường hàng hoá, thị trường tiền tệ, thị trường lao động, thị trường ngoại hối và làm ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế. Ngoài ra người học còn hiểu rõ các công cụ và sử dụng các công cụ trong điều hành nền kinh tế; Đảm bảo sự phối hợp một cách logic, khoa học các chính sách nhằm phát triển nền kinh tế tránh tình trạng suy thoái hoặc lạm phát.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object – Viết tắt là CO):

- Về kiến thức:

CO1: Trang bị kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô; Nhận biết, đánh giá được tình hình kinh tế;

CO2: Phân tích và hiểu rõ các chính sách điều tiết vĩ mô mà chính phủ ban hành nhằm đưa ra những quyết định trong điều hành doanh nghiệp hoặc chiến lược đầu tư.

- Về kỹ năng:

CO3: Giúp sinh viên phát triển kỹ năng tư duy, kỹ năng phân tích, kỹ năng nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO4: Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập nhóm.

2. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Nội dung học phần Kinh tế vĩ mô giúp người học có kiến thức về những vấn đề cơ bản trong nền kinh tế như: Làm thế nào đo lường sản lượng quốc gia; Phân phối thu nhập quốc dân như thế nào để vừa đảm bảo nhu cầu chi tiêu của các thành phần trong xã hội và vừa đảm bảo mục tiêu phát triển nền kinh tế; Thất nghiệp có ảnh hưởng đến nền kinh tế không và các nguyên nhân của thất nghiệp; Vì sao chính phủ phải giám sát chặt chẽ cung tiền và lạm phát có ảnh hưởng đến phát triển kinh tế không; Chính phủ sử dụng công cụ nào để kiềm chế lạm phát; Mô hình nền kinh tế mở và các chính sách điều tiết nền kinh tế của chính phủ; Giải thích những vấn đề của nền kinh tế thông qua mô hình IS-LM; AD-AS.

3. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	- Hiểu rõ các vấn đề chung trong kinh tế vĩ mô và khái niệm cơ bản trong kinh tế vĩ mô.	3.0
CLO2	- Hiểu rõ các phương pháp đo lường sản lượng quốc gia, thực hành tốt các phương pháp đo lường sản lượng quốc gia	3.5
CLO3	- Hiểu rõ các phương pháp phân phối sản lượng quốc gia, thực hành tốt các phương pháp phân phối sản lượng quốc gia	3.5
CLO4	- Hiểu rõ các thành phần của tổng cầu và các nhân tố ảnh hưởng, phân tích được các thành phần của tổng cầu và các nhân tố ảnh hưởng.	4.0
CLO5	- Phân tích chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương... và sử dụng các công cụ trong sử	4.0

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra (<i>đánh giá theo thang Bloom</i>)	Trình độ năng lực
	dụng chính sách phù hợp điều tiết vĩ mô nền kinh tế, hiểu rõ các nguyên tắc thực hiện chính sách, công cụ và định lượng từng công cụ.	
CLO6	- Hiểu rõ Mô hình IS-LM và mô hình AD-AS, giải thích mô hình IS-LM và mô hình AD-AS.	4.0
CLO7	- Hiểu rõ cán cân thanh toán và các nhân tố ảnh hưởng, phân tích cán cân thanh toán và các nhân tố ảnh hưởng.	4.0
CLO8	- Hiểu rõ Phối hợp các chính sách trong điều tiết vĩ mô nền kinh tế, phối hợp tốt các chính sách trong điều tiết vĩ mô nền kinh tế.	3.5
CLO9	- Vẽ đồ thị, giải thích các chính sách điều tiết nền kinh tế bằng đồ thị, vẽ đồ thị, và giải thích được các chính sách điều tiết nền kinh tế bằng đồ thị.	4.0
CLO10	- Giải tất cả các dạng bài tập bằng phương pháp nhanh và đúng nhất.	3.5
Chuẩn về kỹ năng		
CLO11	- Phát huy Kỹ năng đọc tài liệu tham khảo và giáo trình, chọn tài liệu tham khảo, giáo trình, bài báo.. tập hợp nội dung chính và sử dụng cơ sở lý thuyết để giải thích tình huống.	4.0
CLO12	- Phát huy Kỹ năng phân tích, phân tích các chính sách, xác định mục đích và kết quả.	4.0
CLO13	- Kỹ năng vẽ đồ thị và giải thích bằng đồ thị, trình bày cách hình thành đường IS, LM, AD, AS... điểm cân bằng, giải thích các nhân tố tác động và kết quả bằng đồ thị. Giải thích điều hành chính sách bằng đồ thị.	4.0
CLO14	- Biết cách giải các dạng bài tập, giải bằng phương pháp nhanh và hiệu quả nhất.	3.5
CLO15	- Kỹ năng tổng hợp kiến thức bằng bản đồ tư duy, kiến thức tổng hợp trên bản đồ tư duy phải ngắn gọn, khoa học và logic.	4.5
Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm		
CLO16	- Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập.	3.0
CLO17	- Đảm bảo tính trung thực, làm việc khoa học, ứng dụng dụng lý thuyết vào thực tế một cách khoa học và kịp lúc để từ đó thúc đẩy quá trình nhận thức của người học.	3.5

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs \ CDR	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	x	x	x		x				x									x
2		x	x		x				x	x				x			x	x
3		x	x		x				x	x				x			x	x
4		x	x		x				x	x		x					x	x
5		x	x		x				x	x	x	x		x		x	x	x
6		x	x		x				x	x				x				x
7	x	x	x		x				x	x	x	x		x			x	x
8	x	x	x		x				x	x	x	x				x	x	x
9	x	x	x		x					x		x					x	x
10		x	x		x													
11			x		x				x	x		x						x
12			x		x				x	x	x	x						x
13			x		x				x	x	x	x						x
14			x		x				x	x	x	x		x				x
15			x						x	x		x				x		
16																	x	x
17																	x	x

4. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CDR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá quá trình	- Chuyên cần; phát biểu, xây dựng bài; thực hiện yêu cầu của giảng viên.	Thường xuyên	CLO1 đến CLO17	10%
	- Làm đủ bài tập cá nhân, bài tập nhóm (thuyết trình, thảo luận,	Thường xuyên	CLO1 đến CLO17	5%

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
	làm việc nhóm) đúng hạn và đạt yêu cầu.			
	- Bài kiểm tra giữa kỳ theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm.	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1 đến CLO17	25%
2. Đánh giá kết thúc	Kết thúc học phần: bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan	Thi cuối kỳ	CLO1 đến CLO17	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

- Tài liệu bắt buộc:

[1] N. Gregory Mankiw (2019), *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh.

[2] Phạm Văn Thanh, Nguyễn Thu Thủy (2019), *Kinh tế vĩ mô*, Lưu hành nội bộ

- Tài liệu tham khảo:

[1] Dương Tấn Diệp (2007), *Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Thống kê.

[2] David Begg (2010), *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Thống kê.

[3] Nguyễn Văn Ngọc (2011), *Bài giảng kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.

[4] Olivier Blanchard (2000), *Kinh tế vĩ mô*, chương trình giảng dạy Fulbright.

[5] Phạm Chung, Trần Văn Hùng (2011), *Kinh tế vĩ mô phân tích*, Nhà xuất bản Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Nguyễn Thái Thảo Vy (2011), *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản tài chính.

[7] GS. TS Nguyễn Văn Tiến (2011), *Giáo trình Tài chính tiền tệ*, Nhà xuất bản thống kê.

[8] GS. TS Nguyễn Văn Tiến (2012), *Giáo trình Tài chính quốc tế*, Nhà xuất bản thống kê.

[9] PGS. TS Nguyễn Minh Kiều (2009), *Thị trường Tài chính*, Nhà xuất bản thống kê.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	Giới thiệu môn học - Giới thiệu về học phần Kinh tế vĩ mô. - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập	- Trình chiếu slide bài giảng “Giới thiệu môn học” để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học.	- Ghi chép, đặt các câu hỏi về môn học để được hướng dẫn cụ thể.		
	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ VĨ MÔ 1.1 Khái niệm 1.2 Đường giới hạn khả năng sản xuất 1.3 Vai trò của chính phủ 1.4 Các công cụ phân tích chính sách 1.5 Tổng cung và tổng cầu	- Giải thích rõ mục tiêu kinh tế vĩ mô; so sánh vi mô và vĩ mô. - Phân tích rõ ý nghĩa đường GHKNSX.- Cho bài tập ví dụ về đường GHKNSX - Nêu rõ vai trò của chính phủ	- Nghe giảng - Chép bài - Trả lời câu hỏi của giảng viên - Tham gia thảo luận về các số liệu trong các bảng biểu, về vai trò của chính phủ	Không đánh giá	CLO1 CLO11 CLO16
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	CHƯƠNG 2: ĐO LƯỜNG SẢN LƯỢNG QUỐC GIA 2.1 Đo lường mức sản xuất một quốc gia 2.2 Chỉ tiêu GDP và GNP 2.3 Tính GDP danh nghĩa theo giá thị trường 2.4 Tính GNP danh nghĩa theo giá thị trường 2.5 Các chỉ tiêu khác	- Phân tích mục tiêu đo lường sản lượng quốc gia - Trình chiếu và giải thích số liệu sản lượng quốc gia trong những năm gần nhất. - Hướng dẫn sinh viên đọc, phân tích, đánh giá số liệu từ các bảng biểu.	- Nghe giảng - Chép bài - Trả lời câu hỏi của giảng viên - Tham gia thảo luận về các số liệu trong các bảng biểu.	Không đánh giá	CLO2 CLO3 CLO13 CLO15 CLO16 CLO17
	ÔN TẬP CHƯƠNG 1 VÀ SỬA BÀI TẬP	- Hướng dẫn sv làm bài tập.	- Tự giải bài tập	Bài tập	CLO2 CLO3

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
4 giờ					CLO13 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	CHƯƠNG 3: PHÂN PHỐI THU NHẬP QUỐC DÂN 3.1 Cung về hàng hóa và dịch vụ 3.2 Cầu về hàng hóa và dịch vụ 3.3 Xác định sản lượng cân bằng 3.4 Mô hình số nhân	- Giải thích về các khái niệm cung, cầu, sản lượng thực tế, sản lượng tiềm năng... - Phân tích các nhân tố ảnh hưởng cung và cầu hàng hoá, thu nhập khả dụng... - Nêu rõ ý nghĩa số nhân K - Giải thích bằng ví dụ về số nhân	- Nghe giảng - Chép bài - Trả lời câu hỏi của giảng viên - Tham gia thảo luận phân phối thu nhập	Không đánh giá	CLO4 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	BÀI TẬP 1. Dạng bài đo lường sản lượng quốc gia 2. Dạng bài phân phối thu nhập	- Hướng dẫn sv làm bài tập.	- Tự giải bài tập	Bài tập	CLO5 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	CHƯƠNG 4: CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ TRONG NỀN KINH TẾ ĐÓNG 4.1 Chính sách tài khóa 4.2 Chính sách tiền tệ	- Giải thích và phân tích các chính sách của chính phủ - Hướng dẫn sv sử dụng các công cụ trong điều tiết nền kinh tế - Cho bài tập minh hoạ.	- Nghe giảng - Chép bài - Trả lời câu hỏi của giảng viên - Tham gia thảo luận về các chính sách của chính phủ	Không đánh giá	CLO6 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	I. BÀI TẬP 1. Dạng bài xác định sản lượng cân bằng 2. Dạng bài phân tích	- Hướng dẫn sv làm bài tập.	- Tự giải bài tập	Bài kiểm tra TX1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)	(4)	(4)	(5)
	chính sách II. BÀI KIỂM TRA SỐ 1				CLO5 CLO6 CLO15 CLO16
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	CHƯƠNG 5: MÔ HÌNH IS-LM 5.1 Thị trường hàng hóa và đường IS 5.2 Thị trường tiền tệ và đường LM 5.3 Chính sách tài khóa – tiền tệ trong điều kiện cân bằng chung	- Nêu rõ mục tiêu xây dựng đường IS, LM - Hướng dẫn sv vẽ đường IS, LM - Cho ví dụ hướng dẫn sv viết phương trình đường IS, LM	- Nghe giảng - Chép bài - Trả lời câu hỏi của giảng viên - Tham gia thảo luận về phối hợp các chính sách của chính phủ	Không đánh giá	CLO7 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	BÀI TẬP 1. Dạng bài xác định phương trình is, lm 2. Dạng bài xác định điểm cân bằng chung 3. Dạng bài phân tích chính sách	- Hướng dẫn sv làm bài tập.	- Tự giải bài tập	Bài tập	CLO7 CLO8 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	CHƯƠNG 6: MÔ HÌNH AS – AD 6.1 Biến số thực và biến số danh nghĩa 6.2 Đường tổng cầu AD 6.3 Đường tổng cung AS 6.4 Sự cân bằng AD - AS	- Giải thích rõ về biến số thực và biến số danh nghĩa, cho ví dụ. Nêu rõ mục tiêu xây dựng đường AD, AS - Hướng dẫn sv vẽ đường AD, AS - Cho ví dụ hướng dẫn Sv viết phương trình đường AD, AS	- Nghe giảng - Chép bài - Trả lời câu hỏi của giảng viên	Không đánh giá	CLO9 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 11 Buổi 11 4 giờ	BÀI TẬP HƯỚNG DẪN SV LÀM BẢN ĐỒ TƯ DUY (MINDMAP)	- Hướng dẫn sv làm bài tập.	- Tự giải bài tập.	Bài tập - sơ đồ tư duy	CLO10 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ	CHƯƠNG 7: PHÂN TÍCH KINH TẾ VĨ MÔ TRONG NỀN KINH TẾ MỞ 7.1 Cân bằng sản lượng khi có ngoại thương 7.2 Thị trường ngoại hối và cán cân thanh toán 7.3 Đường BP 7.4 Đường IS – LM trong nền kinh tế mở 7.5 Chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở	- Phân tích tác động của các nhân tố từ thế giới bên ngoài đến nền kinh tế trong nước khi có ngoại thương. - Giải thích thị trường ngoại hối và các cân thanh toán - Cho ví dụ minh hoạ - Hướng dẫn sv vẽ đường BP - Phân tích mô hình IS-LM trong nền kinh tế mở - Phân tích tác động của chính sách	- Nghe giảng - Chép bài - Trả lời câu hỏi của giảng viên - Thảo luận các tình huống của GV đề ra.	Không đánh giá	CLO11 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16
Tuần 13 Buổi 13 4 giờ	CHƯƠNG 8: LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP 8.1 Lạm phát 8.2 Thất nghiệp 8.3 Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp	- Giải thích rõ các khái niệm - Hướng dẫn sv tra cứu số liệu - Hướng dẫn sv hiểu và phân tích số liệu về lạm phát và thất nghiệp từ các bài đọc, số liệu thống kê của chính phủ	- Đọc trước bài ở nhà - Tra cứu số liệu thống kê theo hướng dẫn - Thảo luận	Không đánh giá	CLO12 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16
Tuần 14 Buổi 14 4 giờ	THẢO LUẬN: TÌNH HÌNH KINH TẾ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC	- Nêu các tình huống gợi ý	- SV dựa vào kiến thức đã học phân tích tình huống	Bài tập nhóm	Từ CLO7 Đến

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
					CLO15
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	ÔN TẬP - Lý thuyết - Bài tập - Thông báo điểm thành phần	- Hướng dẫn nội dung ôn tập - Chính sửa mindmap của sv làm mẫu - Góp ý cách thức trình bày bài thi - Công bố điểm thành phần 40%	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Hoàn thành bài được giao. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Không đánh giá	Từ CLO1 Đến CLO17

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

- Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 8.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

- Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

- Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

- Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

- Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

- Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi

chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

- Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh

- Địa chỉ/email liên hệ: nguyenthuthuyhdn@gmail.com

Đồng Nai, ngày 05 tháng 04 năm 2022

TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thu Thủy

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ HỌC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: QUẢN TRỊ HỌC
- Tên học phần Tiếng Anh: MANAGEMENT
- Mã học phần: 2112105
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 03

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	30giờ	0	0	90 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 2
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - + Học phần trước: Kinh tế vĩ mô
 - + Học phần song hành (nếu có): không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần:

- Sau khi hoàn thành học phần, người học đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp và quản trị các tổ chức khác. Vận dụng tốt những kiến thức cơ bản của học phần trong học tập các học phần quản trị khác của chương trình đào tạo chuyên ngành và trong thực tiễn công việc sau khi tốt nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object-Viết tắt là CO):

- **Về kiến thức:**

CO1: Hiểu biết tổng quan môn học quản trị, hoạt động quản trị, nhà quản trị với các kỹ năng cần có và những vai trò, chức năng nhiệm vụ phải làm;

CO2: Nhận thức rõ nguồn gốc các biện pháp tăng năng suất lao động;

CO3: Biết được những yếu tố tác động ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp để sẵn sàng thích ứng;

CO4: Nhận thức được vai trò của thông tin và quyết định quản trị, nắm vững quy trình ra quyết định quản trị;

CO5: Nắm vững nội dung các chức năng quản trị và quy trình tổ chức thực hiện từng chức năng quản trị.

- **Về kỹ năng:**

CO6: Có khả năng làm việc với các thành viên khác trong và ngoài tổ chức;

CO7: Khả năng nhận thức các vấn đề và ra quyết định;

CO8: Khả năng giao tiếp, thuyết phục người khác;

CO9: Mô tả các công việc: hoạch định, tổ chức công việc, tổ chức bộ máy, lãnh đạo, kiểm tra, giám sát công việc;

CO10: Kỹ năng nghiên cứu, phân tích và đánh giá các ảnh hưởng của yếu tố môi trường tác động đến hoạt động quản trị của một doanh nghiệp.

- **Về mức độ tự chủ trách nhiệm:**

CO11: Có tinh thần làm việc hợp tác, có thái độ làm việc tích cực, chủ động sáng tạo, có kỷ luật và tác phong công nghiệp;

CO12: Có nhận thức đúng đắn về khoa học quản lý nói chung và lĩnh vực kinh doanh nói riêng đang phát triển mạnh mẽ trong thực tiễn, người học phải biết phối hợp lý luận và thực tiễn phát sinh để làm tác nhân thúc đẩy quá trình quản trị hiệu quả trong tổ chức.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Quản trị học là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh và đây là học phần tiên quyết của các học phần khác về quản trị như: Quản trị chiến lược, Quản trị nhân sự, Quản trị marketing,.....

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị trong thời kỳ bất ổn; quản trị sự thay đổi; quản trị xung đột của tổ chức; các nội dung về vai trò, kỹ năng cần thiết của nhà quản trị; thông tin và ra quyết định quản trị; phân tích sâu các chức năng quản trị (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát).

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CĐR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	- Nhận thức đúng về bản chất của quản trị, các chức năng, vai trò và tầm quan trọng của hoạt động quản trị trong tổ chức.	3,0

CLO2	- Hiểu được nhà quản trị; vai trò, kỹ năng và các cấp của nhà quản trị.	2,5
CLO3	- Phân tích được các phương pháp quản trị trong các tư tưởng quản trị, các lý thuyết và triết lý quản trị đã có những đóng góp để tạo nên đặc trưng của nơi làm việc ngày nay.	4,0
CLO4	- Nhận diện và phân tích được các yếu tố môi trường và cách thức chúng tác động đến hoạt động của tổ chức.	3,0
CLO5	- Khám phá các mô hình ra quyết định cũng như các bước mà một nhà quản trị cấp cao phải thực hiện khi đưa ra những quyết định quan trọng.	3,0
CLO6	- Phân tích quy trình hoạch định và cách thức mà các nhà quản trị xây dựng các kế hoạch có hiệu quả.	3,5
CLO7	- Phân tích được các bước của tiến trình thiết lập mục tiêu và xây dựng biện pháp thực hiện mục tiêu.	3,5
CLO8	- Mô tả quy trình quản trị chiến lược, thiết lập và triển khai chiến lược.	3,0
CLO9	- Khái quát được các phương thức tổ chức bộ máy tổ chức.	2,0
CLO10	- Mô tả được các kiểu cơ cấu quản trị và cơ chế áp dụng của từng kiểu.	3,0
CLO11	- Mô tả cách thức thiết kế các tổ chức thích ứng với môi trường thông qua sự thay đổi và phát triển nội bộ.	3,0
CLO12	- Nắm vững các lý thuyết, một số cách tiếp cận về lãnh đạo trong các tổ chức đương đại và cách thức nhà lãnh đạo sử dụng quyền lực để tác động vào việc thực hiện công việc.	3,0
CLO13	- Phân tích được các lý thuyết cũng như những cách tiếp cận động viên.	3,5
CLO14	- Mô tả được cơ chế kiểm soát và quy trình kiểm soát trong tổ chức.	3,0
Chuẩn về kỹ năng		
CLO15	Phân tích các cơ hội và nguy cơ ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.	4,0
CLO16	Xây dựng được mô hình ra quyết định.	4,5
CLO17	Xây dựng được một bảng kế hoạch cho một hoạt động cụ thể.	5,0
CLO18	Thiết kế được bộ máy tổ chức.	4,5
CLO19	Nhận diện được kiểu cơ cấu quản trị và phương thức tổ chức bộ máy của một tổ chức.	4,0

CLO20	Đề xuất cách động viên phù hợp.	4,0
CLO21	Mô phỏng hoạt động kiểm tra cho một hoạt động cụ thể.	4,0
CLO22	Giải quyết các xung đột trong nhóm	3,5
Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm		
CLO23	- Tuân thủ các chính sách của giảng viên.	3,5
CLO24	- Cảm thụ được mối quan hệ tương hỗ giữa giá trị bản thân và học tập chủ động.	4,0
CLO25	- Thể hiện năng lực học tập.	4,0

❖ **Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):**

PLOs \ CLOs																			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
1					X	X	X												
2					X	X	X												
3			X		X	X	X												
4			X		X	X	X			X	X								
5					X	X	X	X			X	X	X	X	X				
6					X	X	X				X	X	X	X	X				
7					X	X	X					X							
8					X	X	X			X	X	X					X		
9					X	X	X										X		
10					X	X	X										X		
11					X	X	X	X			X	X					X		
12					X	X	X				X	X			X				
13					X	X				X									
14					X	X				X	X	X	X						
15					X	X		X		X	X		X						
16						X		X				X	X						
17								X			X			X		X			
18						X		X			X								
19						X					X								
20								X			X				X				
21						X		X			X								
22						X		X	X						X				
23									X									X	
24																		X	X
25									X									X	X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá sự chuyên cần	Chuyên cần, thái độ học tập, ...	Đánh giá thường xuyên theo thang điểm ABCDF.	CLO23, CLO24, CLO25	10%
2. Đánh giá quá trình	- Bài tập trắc nghiệm TN1, TN2, TN3, ... - Thảo luận, làm việc nhóm TL1, TL2, TL3, TL4, TL5, TL6, TL7, TL8 ...	- Trắc nghiệm và thuyết trình theo nhóm. - Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO25	5%
	Bài kiểm tra giữa kì lần 1 và lần 2.	- Kiểm tra làm bài tự luận hoặc trắc nghiệm. - Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO25	25%
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	- Thi cuối kỳ hình thức thi tự luận hoặc trắc nghiệm. - Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO25	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

– Tài liệu bắt buộc:

[1] Nhóm biên soạn Khoa Quản trị – Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (2020), *Quản trị học*, NXB Tài chính.

[2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai (2021), *Quản trị học*, Lưu hành nội bộ.

– Tài liệu tham khảo:

[1]. Phạm Thế Tri (Chủ biên) (2019), Giáo trình *Quản trị học*, NXB ĐH Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

[2]. Nguyễn Hùng Phong (Chủ biên) (2016), *Quản trị học*, Xuất bản lần 2, NXB Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.

[3]. Richard L. Daft (2014), *Kỹ nguyên mới của quản trị*, NXB Hồng Đức, Nguyễn Hùng Phong dịch.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	<p>- Giới thiệu môn học: nội dung chính môn học; vai trò môn học; phương pháp tiếp cận môn học; cách thức tổ chức dạy và học từng nội dung môn học; chuẩn đầu ra của môn học.</p> <p>- Nêu phương thức đánh giá hoạt động sinh viên trong và ngoài giờ học.</p> <p>- Nêu phương thức đánh giá kết thúc học phần.</p> <p>- Giới thiệu sách và tài liệu tham khảo.</p> <p>CHƯƠNG 1: QUẢN TRỊ TRONG THỜI KỲ BẤT ỔN</p> <p>1.1 Tầm quan trọng của sự đổi mới</p> <p>1.2 Quản trị</p> <p>1.2.1 Khái niệm quản trị</p> <p>1.2.2 Các chức năng của quản trị</p> <p>1.2.3 Thực hiện hoạt động của tổ chức</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu</p> <p>Powerpoint giới thiệu môn học;</p> <p>- Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học.</p> <p>- Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học.</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép; đặt các câu hỏi về môn học để được hướng dẫn cụ thể.</p>	Không đánh giá	CLO1, CLO23, CLO24, CLO25
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	<p>CHƯƠNG 1: QUẢN TRỊ TRONG THỜI KỲ BẤT ỔN (t.t)</p> <p>1.4 Nhà quản trị</p> <p>1.4.1 Khái niệm</p> <p>1.4.2 Phân loại nhà quản trị</p> <p>1.4.3 Các kỹ năng nhà quản trị</p> <p>1.4.4. Vai trò nhà quản trị</p> <p>1.5 Khoa học và nghệ thuật quản trị</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu</p> <p>Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Cho bài tập</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận</p>	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.	CLO1, CLO2, CLO23, CLO24, CLO25

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	1.5.1 Tính khoa học của quản trị 1.5.2 Tính nghệ thuật của quản trị 1.6 Quản trị doanh nghiệp nhỏ và tổ chức phi lợi nhuận 1.6.1 Quản trị doanh nghiệp nhỏ 1.6.2 Quản trị tổ chức phi lợi nhuận Thảo luận xử lý tình huống / bài tập trắc nghiệm.	trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.	tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.		
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	CHƯƠNG 2: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC TƯ TƯỞNG QUẢN TRỊ 2.1 Quan điểm cổ điển 2.1.1 Học thuyết quản lý theo khoa học 2.1.2 Lý thuyết quản lý hành chính 2.2 Quan điểm về con người 2.3 Lý thuyết định lượng về quản trị 2.4 Các khuynh hướng lịch sử gần đây 2.4.1 Tư duy hệ thống 2.4.2 Quan điểm tình huống 2.4.3 Thuyết Z 2.4.4 Quản trị chất lượng toàn diện Thảo luận xử lý tình huống.	- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint; - Đặt câu hỏi/gợi ý; - Trả lời câu hỏi của sinh viên; - Cho bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.	- Lắng nghe, ghi chép; - Hỏi – đáp; - Học tập theo câu hỏi/gợi ý; - Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.	CLO3, CLO23, CLO24, CLO25
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	CHƯƠNG 3: VĂN HÓA CÔNG TY VÀ MÔI TRƯỜNG 3.1 Văn hóa tổ chức 3.1.1 Khái niệm 3.1.2 Các loại hình văn hóa 3.2 Môi trường 3.2.1 Khái niệm 3.2.2 Phân loại môi trường 3.3. Ảnh hưởng của môi trường đối với tổ chức	- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint; - Đặt câu hỏi/gợi ý; - Trả lời câu hỏi của sinh viên; - Cho bài tập	- Lắng nghe, ghi chép; - Hỏi – đáp; - Học tập theo câu hỏi/gợi ý; - Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.	CLO4, CLO23, CLO24, CLO25

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	3.3.1 Môi trường vĩ mô 3.3.2 Môi trường vi mô bên ngoài tổ chức (Môi trường ngành) Bài tập trắc nghiệm.	trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.	tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.		
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	CHƯƠNG 3: VĂN HÓA CÔNG TY VÀ MÔI TRƯỜNG (t.t) 3.3. Ảnh hưởng của môi trường đối với tổ chức 3.3.3 Môi trường vi mô bên trong tổ chức (Môi trường nội bộ) 3.4 Quản trị trong môi trường toàn cầu 3.4.1 Các công ty đa quốc gia 3.4.2 Khởi sự hoạt động kinh doanh quốc tế 3.4.3 Môi trường kinh doanh quốc tế Thảo luận xử lý tình huống.	- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint; - Đặt câu hỏi/gợi ý; - Trả lời câu hỏi của sinh viên; - Cho bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.	- Lắng nghe, ghi chép; - Hỏi – đáp; - Học tập theo câu hỏi/gợi ý; - Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.	CLO4, CLO23, CLO24, CLO25
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	CHƯƠNG 4: THÔNG TIN VÀ RA QUYẾT ĐỊNH 4.1 Thông tin 4.1.1 Khái niệm thông tin 4.1.2 Phân loại thông tin 4.1.3 Phương pháp thu thập, xử lý và phổ biến thông tin 4.2 Quyết định quản trị 4.2.1 Khái niệm 4.2.2 Các loại quyết định 4.2.3 Chức năng và yêu cầu của quyết định 4.2.4 Tiến trình ra quyết định 4.2.5 Mô hình ra quyết định 4.2.6 Nâng cao hiệu quả của quyết định quản trị	- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint; - Đặt câu hỏi/gợi ý; - Trả lời câu hỏi của sinh viên; - Cho bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.	- Lắng nghe, ghi chép; - Hỏi – đáp; - Học tập theo câu hỏi/gợi ý; - Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.	CLO5, CLO23, CLO24, CLO25

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	Thảo luận xử lý tình huống / bài tập trắc nghiệm.		vấn đề.		
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	CHƯƠNG 5: HOẠCH ĐỊNH, XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC 5.1 Tổng quan về việc thiết lập mục tiêu 5.1.1 Khái niệm 5.1.2 Các cấp độ của kế hoạch và mục tiêu 5.1.3 Thiết lập mục tiêu trong các tổ chức 5.2 Hoạch định 5.2.1 Khái niệm 5.2.2 Phân loại hoạch định 5.2.3 Quy trình hoạch định của tổ chức KIỂM TRA GIỮA KỲ LẦN 1	- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint; - Đặt câu hỏi/gợi ý; - Trả lời câu hỏi của sinh viên; - Cho bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống. - Giao bài kiểm tra giữa kỳ lần 1.	- Lắng nghe, ghi chép; - Hỏi – đáp; - Học tập theo câu hỏi/gợi ý; - Làm bài kiểm tra giữa kỳ lần 1.	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình, bài kiểm tra giữa kỳ lần 1.	CLO6, CLO7, CLO8, CLO23, CLO24, CLO25
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	CHƯƠNG 5: HOẠCH ĐỊNH, XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC (t.t) 5.3 Xây dựng và triển khai chiến lược 5.3.1 Quản trị chiến lược 5.3.2 Quy trình quản trị chiến lược 5.3.3 Thiết lập và triển khai chiến lược Thảo luận xử lý tình huống / bài tập trắc nghiệm.	- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint; - Đặt câu hỏi/gợi ý; - Trả lời câu hỏi của sinh viên; - Cho bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.	- Lắng nghe, ghi chép; - Hỏi – đáp; - Học tập theo câu hỏi/gợi ý; - Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.	CLO6, CLO7, CLO8, CLO23, CLO24, CLO25
Tuần 9 Buổi 9	CHƯƠNG 6: THIẾT KẾ TỔ CHỨC THÍCH NGHI	- Thuyết giảng chủ động dựa	- Lắng nghe, ghi	Trắc nghiệm/	CLO9, CLO10,

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
4 giờ	<p>6.1. Tổ chức</p> <p>6.1.1 Khái niệm</p> <p>6.1.2 Vai trò</p> <p>6.2 Những vấn đề khoa học trong công tác tổ chức</p> <p>6.2.1 Tầm quản trị của tổ chức</p> <p>6.2.2 Quyền hạn trong cơ cấu tổ chức</p> <p>Bài tập trắc nghiệm.</p>	<p>trên file trình chiếu</p> <p>Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Cho bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.</p>	<p>chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.</p>	Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.	CLO11, CLO23, CLO24, CLO25
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	<p>CHƯƠNG 6: THIẾT KẾ TỔ CHỨC THÍCH NGHI (t.t)</p> <p>6.3. Xây dựng cấu trúc tổ chức</p> <p>6.3.1 Khái niệm</p> <p>6.3.2 Các nguyên tắc và yêu cầu cơ bản khi thiết kế cơ cấu tổ chức</p> <p>6.3.3 Phân chia bộ phận cơ bản trong tổ chức</p> <p>Thảo luận xử lý tình huống / bài tập trắc nghiệm.</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu</p> <p>Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Cho bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.</p>	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.	CLO9, CLO10, CLO11, CLO23, CLO24, CLO25
Tuần 11 Buổi 11 4 giờ	<p>CHƯƠNG 7: QUẢN TRỊ XUNG ĐỘT VÀ SỰ THAY ĐỔI</p> <p>7.1 Quản trị xung đột</p> <p>7.1.1 Xung đột</p> <p>7.1.2 Các dạng xung đột</p> <p>7.1.3 Nguyên nhân gây ra xung đột</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu</p> <p>Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài</p>	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá	CLO11, CLO23, CLO24, CLO25

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	7.1.4 Các phong cách xử lý xung đột 7.1.5 Đàm phán 7.2 Thay đổi và đổi mới 7.2.1 Đổi mới và thay đổi tại nơi làm việc 7.2.2 Những điều đang thay đổi 7.2.3 Thực hiện sự thay đổi Thảo luận xử lý tình huống / bài tập trắc nghiệm.	hỏi của sinh viên; - Cho bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.	tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.	quá trình.	
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ	CHƯƠNG 8: ĐIỀU KHIỂN 8.1. Lãnh đạo 8.1.1 Khái niệm 8.1.2 Các phong cách lãnh đạo 8.2. Động viên 8.2.1 Khái niệm 8.2.2 Cách tiếp cận theo nội dung trong động viên Bài tập trắc nghiệm.	- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint; - Đặt câu hỏi/gợi ý; - Trả lời câu hỏi của sinh viên; - Cho bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.	- Lắng nghe, ghi chép; - Hỏi – đáp; - Học tập theo câu hỏi/gợi ý; - Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.	CLO12, CLO13, CLO23, CLO24, CLO25
Tuần 13 Buổi 13 4 giờ	CHƯƠNG 8: ĐIỀU KHIỂN (t.t) 8.2. Động viên 8.2.3 Cách tiếp cận theo quá trình trong động viên 8.2.4 Thiết kế công việc để động viên 8.3 Quản trị bản thân 8.3.1 Khái niệm 8.3.2 Những nguyên tắc tự quản trị cơ bản 8.3.3 Quy trình quản trị thời gian	- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint; - Đặt câu hỏi/gợi ý; - Trả lời câu hỏi của sinh viên; - Cho bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử	- Lắng nghe, ghi chép; - Hỏi – đáp; - Học tập theo câu hỏi/gợi ý; - Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.	CLO12, CLO13, CLO23, CLO24, CLO25

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	Thảo luận xử lý tình huống / bài tập trắc nghiệm.	lý tình huống.	quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.		
Tuần 14 Buổi 14 4 giờ	CHƯƠNG 9: KIỂM SOÁT 9.1 Kiểm soát 9.1.1 Khái niệm 9.1.2 Các nguyên tắc xây dựng cơ chế kiểm soát 9.2 Các loại hình kiểm soát 9.2.1 Kiểm soát lường trước 9.2.2 Kiểm soát trong khi thực hiện 9.2.3 Kiểm soát sau khi thực hiện 9.3 Các công cụ kiểm soát 9.3.1 Kiểm soát ngân sách 9.3.2. Kiểm soát tài chính 9.3.3. Các báo cáo và phân tích chuyên môn 9.3.4. Kỹ thuật phân tích thống kê 9.3.5 Kiểm soát hành vi KIỂM TRA GIỮA KỲ LẦN 2	- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint; - Đặt câu hỏi/gợi ý; - Trả lời câu hỏi của sinh viên; - Giao bài kiểm tra giữa kỳ lần 2.	- Lắng nghe, ghi chép; - Hỏi – đáp; - Học tập theo câu hỏi/gợi ý; - Làm bài kiểm tra giữa kỳ lần 2.	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình, bài kiểm tra giữa kỳ lần 2.	CLO14, CLO23, CLO24, CLO25
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	- Hệ thống nội dung ôn tập - Hướng dẫn ôn tập - Tổng kết đánh giá quá trình	- Trả lời câu hỏi thắc mắc của sinh viên; - Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm.	- Chuẩn bị những nội dung cần trao đổi, thảo luận trên lớp; - Hệ thống lại nội dung môn học bằng bản đồ tư duy.	Không đánh giá.	CLO1- CLO22

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

- Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên

cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 9.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

- Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

- Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

- Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

- Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

- Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh Tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh

- Địa chỉ/email liên hệ: nguyenthiphuongthao24783@gmail.com

Đồng Nai, ngày 05 tháng 04 năm 2022

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

ThS. Đinh Thị Hóa

ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN MARKETING CĂN BẢN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: **MARKETING CĂN BẢN**
- Tên học phần Tiếng Anh: **BASIC MARKETING**
- Mã học phần: **2112106**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**
- Số tín chỉ: 3

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30	15		15	90

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 2
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: Không có
 - + Học phần trước: Không có
 - + Học phần song hành (nếu có): Không có

2. Mục tiêu của học phần: sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Học phần Marketing căn bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng Marketing căn bản trong hoạt động kinh doanh. Marketing căn bản làm rõ các nội dung chính bao gồm: bản chất của Marketing, môi trường Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường, các công cụ Marketing hỗn hợp (7P) và vấn đề Marketing quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- **Về kiến thức:**

CO1: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất trong khoa học Marketing để làm nền tảng cho các học phần chuyên sâu có liên quan trong chương trình. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể:

CO2: Nhận thức và phân biệt được vai trò của Marketing với các hoạt động khác trong doanh nghiệp.

CO3: Phân tích được môi trường Marketing đối với lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp.

CO4: Nhận thức được tầm quan trọng và các nội dung của hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing.

CO5: Nắm được các hoạt động căn bản trong các công cụ Marketing hỗn hợp (7P).

CO6: Nhận thức được các vấn đề Marketing trong bối cảnh kinh doanh quốc tế.

- Về Kỹ năng:

CO7: Sau khi học xong, sinh viên có thể có được những kỹ năng cơ bản của người làm Marketing đối với một sản phẩm kinh doanh.

CO8: Xác định được nhu cầu và cầu thị trường đối với một sản phẩm kinh doanh thông qua nghiên cứu dữ liệu thứ cấp và tiếp cận điều tra thị trường

CO9: Xây dựng được nội dung cơ bản và tổ chức triển khai các công cụ Marketing Mix.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

PO10: Sinh viên sẽ hình thành được nhận thức và sự yêu thích đối với Marketing nói chung và các học phần có liên quan. Từ đó, phát triển ý thức thực hành và ứng dụng thường xuyên các kiến thức và kỹ năng Marketing được học trong hoạt động kinh doanh.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Marketing căn bản là môn học cung cấp những kiến thức căn bản nhất về marketing, tầm quan trọng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng của tiếp thị trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing. Nắm được kiến thức môn học sinh viên có thể phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm, phân tích hành vi của khách hàng. Môn học còn giúp cho người học nắm bắt được bốn phối thức quan trọng trong việc phân tích và xây dựng chiến lược marketing hỗn hợp (marketing mix): chiến lược sản phẩm (product), chiến lược định giá sản phẩm (price), chiến lược phân phối (place), chiến lược chiêu thị (promotion). Trong quá trình học, sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống.

4. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần (Course learning outcomes-Viết tắt là CLOs):

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo <i>thang Bloom</i>)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CL01	Kiến thức về hoạt động marketing, phân tích và nắm bắt được nhu cầu, hành vi của khách hàng trên cơ sở thực hiện được việc phân khúc thị trường.	4,0
CL02	Xác định thị trường mục tiêu, khách hàng, mục tiêu và định vị sản phẩm của doanh nghiệp trên thị trường, kết hợp thiết kế chiến lược marketing hỗn hợp bao gồm: sản phẩm, giá cả, kênh phân phối và các hoạt động chiêu thị cho doanh nghiệp.	4.0
CL03	Khả năng vận dụng những kiến thức marketing căn bản để xây dựng và đề ra chiến lược marketing hỗn hợp cho một sản phẩm hoặc doanh nghiệp.	4.0
CL04	Kỹ năng thu thập, tổng hợp thông tin, so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá một chiến lược marketing hỗn hợp, kỹ năng lập luận, tổ chức và làm việc nhóm thuyết trình trước công chúng.	4.0
CL05	Ý thức và trách nhiệm đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá một chiến lược marketing của doanh nghiệp, chủ động, tích cực trong việc học tập, nghiên cứu môn học.	4.0
CL06	Tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế hiện đại phù hợp với xu thế phát triển hiện nay. Khái quát những kiến thức, nguyên lý cơ bản của marketing.	3.0
CL07	Tổ chức thực hiện được việc phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu, khách hàng mục tiêu và định vị sản phẩm của doanh nghiệp trên thị trường	4.0
CL08	Xây dựng chiến lược marketing hỗn hợp bao gồm: sản phẩm, giá cả, phân phối và chiêu thị cho doanh nghiệp.	3,5
CL09	Thực hiện một đề án nghiên cứu, thu nhập thông tin trình bày các kết quả đạt được nhằm hoàn thiện các hoạt động marketing trong doanh nghiệp.	3,5
CL010	Xây dựng được chiến lược marketing hỗn hợp cho một sản phẩm hoặc doanh nghiệp.	3,0
CL011	Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, tổng hợp, phân tích, đánh giá một chiến lược marketing hỗn hợp của	3,0

	doanh nghiệp.	
CL012	Phát triển kỹ năng sáng tạo, phân tích dự đoán nhu cầu thị trường và khách hàng.	3,0
CL013	Thể hiện ý thức và trách nhiệm đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá một chiến lược Marketing của một doanh nghiệp	3,5
Chuẩn về kỹ năng		
CL014	Chủ động tích cực trong việc học tập, nghiên cứu môn học, tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế hiện đại phù hợp với xu thế phát triển hiện nay.	3.5
CL015	Sáng tạo trong làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân với người khác và với xã hội.	3,0
CL016	Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức, lý thuyết sâu, rộng về marketing để có thể đánh giá về môi trường, thị trường, người tiêu dùng và đối thủ cạnh tranh.	3.5
CL017	Vững vàng và sâu sắc về kiến thức và thực tiễn, sáng tạo trong lập chiến lược, kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình thực thi hoạt động marketing.	3.0
CL018	Thành thạo về kỹ năng đánh giá chất lượng công việc marketing sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	3.5
CL019	Sáng tạo trong lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động quản trị marketing.	3.0
CL020	Thành thực trong hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ marketing quản trị marketing xác định nhóm trên tinh thần trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp.	3.5
Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm		
CL021	Hình thành tác phong làm việc chuyên nghiệp, có khả năng thích ứng nhanh.	3.5
CL022	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn quản trị marketing và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân, phát triển khả năng học tập suốt đời.	4.0

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
-------------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------

CLOs																			
1	x				x	x	x												
2		x			x	x	x												
3			x		x	x													
4			x		x	x	x												
5			x		x	x	x												
6			x		x	x	x												
7			x		x	x	x												
8					x	x	x												
9					x	x	x												
10			x		x	x	x												
11			x		x	x	x												
12			x		x	x	x												
13			x		x	x	x												
14									x	x	x			x			x	x	
15										x	x	x					x	x	
16										x	x						x	x	
17										x	x				x		x	x	
18										x	x				x		x	x	
19										x	x						x	x	
20										x	x						x	x	
21			x		x	x	x			x	x						x	x	x
22			x		x	x	x			x	x						x	x	x

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CDR học phần	Trọng số
--------------------------	--------------	--------------------	--------------	----------

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CDR học phần	Trọng số
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
1. Đánh giá quá trình	- Dự học trên lớp - Thảo luận tại lớp. - Đánh giá quan điểm cá nhân. - Sử lý tình huống cụ thể - Bài tập về nhà - Bài tập nhóm	Đánh giá thường xuyên theo xếp loại ABCDF		10%
2. Đánh giá giữa kỳ	- Bài kiểm tra tự luận hoặc trắc nghiệm: TX1, TX2.	Đánh giá thường xuyên theo tiêu chí đánh giá và mức độ đạt chuẩn theo xếp loại ABCDF	CL01 đến CL022	5%
	Thuyết trình nhóm	Kiểm tra giữa kỳ	CL01 đến CL022	25%
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	Thi cuối kỳ Sử dụng thang điểm 10 để đánh giá theo đáp án đã được thiết kế.	CL01 đến CL022	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

[1] Giáo trình *Marketing căn bản* – PGS.TS Vũ Trí Dũng (2020), NXB Phương Đông.

[2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai, *Marketing căn bản*, Lưu hành nội bộ năm 2021.

Tài liệu tham khảo:

- [1] GS.TS. Trần Minh Đạo (Chủ biên), 2021, Giáo trình Marketing căn bản, NXB Lao động.
- [2] TS. Nguyễn Thượng Thái, 2019, Giáo trình Marketing căn bản, NXB Thống kê.
- [3] GS. TS. Quách Thị Bửu Châu, 2020, Giáo trình chiến lược Marketing, NXB Lao Động
- [4] PGS.TS Vũ Trí Dũng (Chủ biên), (2021), *Giáo trình Marketing quốc tế*, NXB Phương Đông.

6.3 Các văn bản luật cần tham khảo:

- Các quy tắc ứng xử trong hoạt động PR.
- Nghị định 66/2010/NĐ-CP về hoạt động truyền thông.
- Luật các công cụ chuyển nhượng, Quảng cáo có hiệu lực từ ngày 01/07/2016.
- Tài liệu khác: Văn bản chế độ của ngành và những văn bản pháp luật liên quan, thời báo Marketing, tạp chí kinh doanh quốc tế, thời báo tài chính.

6.4 Các tài liệu điện tử/ website:

www.worldbank.org

www.Conference marketing.vn

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	<u>Giới thiệu môn học</u> - Giới thiệu về học phần <u>Nguyên lý thống kê kinh tế</u> - Giới thiệu về các <u>phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá</u> - Giới thiệu tài liệu <u>học tập</u> - Chia nhóm sinh viên	- Trình chiếu slide bài giảng “ Giới thiệu môn học” để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học.	- Ghi nhớ mục tiêu, nội dung môn học - Ghi nhớ cách tìm tài liệu, nghiên cứu - Ghi nhớ cách thức đánh giá học phần - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Không đánh giá	

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ MARKETING</p> <p>1.1 Sự ra đời và các giai đoạn phát triển của Marketing.</p> <p>1.2 Khái niệm, bản chất và một số thuật ngữ trong Marketing</p> <p>1.3 Mục tiêu vai trò và chức năng của Marketing trong doanh nghiệp.</p> <p>1.4 Marketing mix</p> <p>1.5 Phân loại Marketing</p>	<p>-Trình chiếu slide bài giảng để hướng dẫn từng nội dung của môn học.</p> <p>- Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học.</p> <p>- Giới thiệu, diễn giải và phân tích nội dung chương.</p> <p>- Phân tích và đặt câu hỏi liên quan Marketing và quan điểm bán hàng.</p> <p>- Giao bài tập tình huống thảo luận nhóm chương 1.</p> <p>- Giao bài tập chương 1 về nhà.</p> <p>- Giao đề tài thuyết trình cho các nhóm: <i>“Hãy thiết kế một sản phẩm (hoặc sản phẩm Dịch Vụ) với các giá trị khác biệt T'1, T'2,T'3 sao cho những giá trị này đạt được mức cao nhất và có thể tham gia thi trường.”</i></p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Tham gia thảo luận nhóm, thuyết trình</p> <p>- Ghi chép các bài tập được giao về nhà.</p> <p>- Nhận đề tài thuyết trình, lựa chọn chủ đề thuyết trình.</p>	Thảo luận bài tập tình huống.	CL01 CLO2 CL013 CL014 CLO15 CLO17 CLO18 CL021 CL022
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	<p>CHƯƠNG 2: MÔI TRƯỜNG MARKETING</p> <p>2.1 Khái niệm môi trường marketing</p> <p>2.2 Phân loại môi trường marketing</p>	<p>- Sửa bài tập giao về nhà chương 1</p> <p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2;</p> <p>- Phân tích và đặt câu hỏi liên quan đến môi</p>	<p>- Sửa bài tập chương 1</p> <p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt</p>	Ví dụ Bài tập. Thảo luận các tình	CL03 CL04 CL013 CL014 CL016 CL017

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	2.3 Môi trường vĩ mô 2.4 Môi trường vĩ mô Bài tập áp dụng chương 2	trương kinh doanh. - Phân tích các tình huống về môi trường vĩ mô và các đối thủ cạnh tranh. -Giao bài tập và hướng dẫn thảo luận nhóm chương 2 - Giao các bài tập áp dụng chương 2 - Hướng dẫn nội dung thuyết trình của các nhóm nội dung phân tích môi trường marketing.	động do giảng viên đưa ra; - Tham gia thảo luận nhóm, thuyết trình - Ghi chép các bài tập được giao về nhà. - Trao đổi để hiểu thêm về cách thức thực hiện bài thuyết trình nhóm nội dung về phân tích môi trường marketing của sản phẩm	huống cụ thể	CL018 CLO21 CLO22
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	CHƯƠNG 3: THỊ TRƯỜNG TIÊU DÙNG; HÀNH VI MUA CỦA THỊ TRƯỜNG NGƯỜI TIÊU DÙNG 3.1 Định nghĩa về thị trường NTD. 3.2 Khái niệm về hành vi NTD 3.3 Mô hình hành vi mua hàng của người tiêu dùng 3.4 Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi NTD 3.5 Quá trình thông qua quyết định mua hàng - Bài tập áp dụng	- Sửa bài tập giao về nhà chương 2 - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2; - Phân tích và đặt câu hỏi liên quan đến hành vi người tiêu dùng và thị trường tiêu dùng. - Phân tích các tình huống về hành vi người tiêu dùng. -Giao bài tập và hướng dẫn thảo luận nhóm chương 3 - Giao các bài tập áp dụng chương 3 - Hướng dẫn nội dung thuyết trình của các nhóm nội dung phân	- Sửa bài tập chương 2 - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tham gia thảo luận nhóm, thuyết trình - Ghi chép các bài tập được giao về nhà. - Trao đổi để hiểu thêm về cách thức thực hiện bài thuyết trình nhóm nội dung về phân tích về hành vi người tiêu dùng của sản phẩm	Ví dụ Bài tập. Thảo luận các tình huống cụ thể	CLO3 CLO4 CLO13 CLO14 CLO16 CLO21 CLO22

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	chương 3	tích về hành vi người tiêu dùng của sản phẩm			
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	CHƯƠNG 4: THỊ TRƯỜNG TỔ CHỨC VÀ HÀNH VI MUA CỦA KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC 4.1 Thị trường tổ chức 4.2 Hành vi mua của doanh nghiệp sản xuất (Manufacturer Market) 4.3 Hành vi mua của khách hàng là tổ chức mua đi bán lại (Reseller Market). 4.4 Thị trường các cơ quan nhà nước Bài tập ứng dụng chương 4 - Bài tập áp dụng chương 4	- Sửa bài tập giao về nhà chương 3 - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 4; - Phân tích và đặt câu hỏi liên quan đến hành vi khách hàng tổ chức. - Phân tích các tình huống về hành vi khách hàng tổ chức. -Giao bài tập và hướng dẫn thảo luận nhóm chương 4 - Giao các bài tập áp dụng chương 4 - Hướng dẫn nội dung thuyết trình của các nhóm nội dung phân tích về hành vi khách hàng tổ chức	- Sửa bài tập chương 3 - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tham gia thảo luận nhóm, thuyết trình - Ghi chép các bài tập được giao về nhà. - Trao đổi để hiểu thêm về cách thức thực hiện bài thuyết trình nhóm nội dung về phân tích về hành vi mua hàng của khách hàng tổ chức	Thảo luận -Bài tập tình huống. - Bài tập.	CLO3 CLO4 CLO13 CLO14 CLO16 CLO17 CLO18 CLO21 CLO22
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	Hướng dẫn bài tập chương 4 CHƯƠNG 5: LỰA CHỌN THỊ TRƯỜNG MỤC TIÊU	- Sửa bài tập giao về nhà chương 4 - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 5; - Phân tích và đặt câu	- Sửa bài tập chương 4 - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;	-Thảo luận -Bài tập tình huống.	CLO5 CLO6 CLO13 CLO14 CLO16

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	5.1 Phân khúc thị trường 5.2 Chọn thị trường mục tiêu 5.3 Định vị sản phẩm - Bài tập áp dụng chương 5	hỏi liên quan đến lựa chọn phân khúc thị trường. - Phân tích và đặt câu hỏi liên quan đến các bước lựa chọn phân khúc thị trường. - Phân tích các tình huống về định vị sản phẩm. -Giao bài tập và hướng dẫn thảo luận nhóm chương 5 - Giao các bài tập áp dụng chương 5 - Hướng dẫn nội dung thuyết trình của các nhóm nội dung phân tích về phân khúc sản phẩm, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm.	- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tham gia thảo luận nhóm, thuyết trình - Ghi chép các bài tập được giao về nhà. - Trao đổi để hiểu thêm về cách thức thực hiện bài thuyết trình nhóm nội dung về phân tích về phân khúc sản phẩm, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm.	- Bài tập.	CLO17 CLO18 CLO17 CLO21 CLO22
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	CHƯƠNG 6: CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM 6.1 Sản phẩm theo quan điểm Marketing 6.2 Nhãn hiệu của sản phẩm 6.3 Bao bì và sự đóng gói sản phẩm 6.4 Dịch vụ khách hàng 6.5 Hoạch định và phát triển sản phẩm	- Sửa bài tập giao về nhà chương 5 - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 6; - Phân tích và đặt câu hỏi liên quan đến chiến lược sản phẩm. - Phân tích và đặt câu hỏi liên quan đến chu kỳ sống của sản phẩm. - Phân tích các tình huống liên quan	- Sửa bài tập chương 5 - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tham gia thảo luận nhóm, thuyết trình - Ghi chép các bài tập được giao về nhà. - Trao đổi để hiểu	Ví dụ Thảo luận -Bài tập tình huống. - Bài tập.	CLO5 CLO6 CLO13 CLO14 CLO16 CLO17 CLO18 CLO21 CLO22

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	mới - Bài tập áp dụng chương 6	-Giao bài tập và hướng dẫn thảo luận nhóm chương 6 - Giao các bài tập áp dụng chương 6 - Hướng dẫn nội dung thuyết trình của các nhóm nội dung phân tích về chiến lược sản phẩm.	thêm về cách thức thực hiện bài thuyết trình nhóm nội dung phân tích về chiến lược sản phẩm.		
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	CHƯƠNG 7: CHIẾN LƯỢC GIÁ 7.1 Giá cả và các yếu tố quyết định giá cả 7.2 Các phương pháp định giá 7.3 Chiến lược định giá điển hình của xí nghiệp	- Sửa bài tập giao về nhà chương 6 - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 7; - Phân tích và đặt câu hỏi liên quan đến chiến lược Giá. - Phân tích và đặt câu hỏi liên quan đến những nhân tố ảnh hưởng đến chiến lược giá. - Phân tích các tình huống liên quan -Giao bài tập và hướng dẫn thảo luận nhóm chương 7 - Giao các bài tập áp dụng chương 7 - Hướng dẫn nội dung thuyết trình của các nhóm nội dung phân tích về chiến lược sản phẩm.	- Sửa bài tập chương 6 - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tham gia thảo luận nhóm, thuyết trình - Ghi chép các bài tập được giao về nhà. - Trao đổi để hiểu thêm về cách thức thực hiện bài thuyết trình nhóm nội dung phân tích về chiến lược sản phẩm.		CLO7 CLO13 CLO14 CLO18 CLO21 CLO22
Tuần 8	CHƯƠNG 7:	- Thuyết giảng kết	- Sinh viên lắng	Ví dụ,	CLO1

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Buổi 8 4 giờ	<p>CHIẾN LƯỢC GIÁ (tt)</p> <p>7.4 Quy trình định giá cho một sản phẩm mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập áp dụng chương 7 - Kiểm tra thường xuyên 1 (từ chương 1-4) 	<p>hợp trình chiếu slides nội dung chương 7;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích và đặt câu hỏi liên quan đến chiến lược Giá. - Phân tích và đặt câu hỏi liên quan đến quy trình định giá cho sản phẩm mới - Phân tích các tình huống liên quan - Giao các bài tập áp dụng chương 7 - Hướng dẫn nội dung thuyết trình của các nhóm nội dung phân tích về chiến lược giá sản phẩm. - Giao bài tập kiểm tra thường xuyên TX1. 	<p>nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tham gia thảo luận nhóm. - Ghi chép các bài tập được giao về nhà. - Trao đổi để hiểu thêm về cách thức thực hiện bài thuyết trình nhóm nội dung phân tích về chiến lược giá của sản phẩm. - Thực hiện bài kiểm tra được giao. 	<p>Bài tập áp dụng,</p> <p>Bài kiểm tra thường xuyên TX1</p>	<p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO7</p> <p>CLO13</p> <p>CLO14</p> <p>CLO18</p> <p>CLO21</p> <p>CLO22</p>
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	<p>CHƯƠNG 8: CHIẾN LƯỢC PHÂN PHỐI</p> <p>8.1 Bản chất và tầm quan trọng của kênh phân phối</p> <p>8.2 Quyết định về lựa chọn và quản trị kênh phân phối</p> <p>8.3 Tổ chức và hoạt động của kênh phân phối</p> <p>8.4 Quản trị hệ thống bán lẻ và bán</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa bài tập giao về nhà chương 7 - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 8; - Phân tích và đặt câu hỏi liên quan đến chiến lược phân phối. - Phân tích và đặt câu hỏi liên quan đến những nhân tố ảnh hưởng đến chiến lược phân phối và tổ chức hoạt động phân phối. - Phân tích các tình 	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa bài tập chương 7 - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tham gia thảo luận nhóm, thuyết trình - Ghi chép các bài tập được giao về nhà. - Trao đổi để hiểu thêm về cách thức 	<p>Thảo luận</p> <p>- Bài tập tình huống.</p> <p>- Bài tập.</p>	<p>CLO8</p> <p>CLO13</p> <p>CLO14</p> <p>CLO18</p> <p>CLO21</p> <p>CLO22</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	buôn - Bài tập ứng dụng chương 8	huống liên quan -Giao bài tập và hướng dẫn thảo luận nhóm chương 8 - Giao các bài tập áp dụng chương 8 - Hướng dẫn nội dung thuyết trình của các nhóm nội dung phân tích về chiến lược phân phối của sản phẩm.	thực hiện bài thuyết trình nhóm nội dung phân tích về chiến lược phân phối của sản phẩm.		
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	CHƯƠNG 9: CHIẾN LƯỢC XÚC TIẾN HỖN HỢP 9.1 Khái niệm và tầm quan trọng của xúc tiến hỗn hợp 9.2 Thiết lập ngân sách xúc tiến hỗn hợp 9.3 Các bước tiến hành quá trình truyền thông - Bài tập áp dụng chương 9	- Sửa bài tập giao về nhà chương 8 - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 9; - Phân tích và đặt câu hỏi liên quan đến những nhân tố ảnh hưởng đến chiến lược xúc tiến hỗn hợp. - Phân tích các tình huống liên quan -Giao bài tập và hướng dẫn thảo luận nhóm chương 9 - Giao các bài tập áp dụng chương 9 - Hướng dẫn nội dung thuyết trình của các nhóm nội dung phân tích về chiến lược xúc tiến của sản phẩm.	- Sửa bài tập chương 8 - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tham gia thảo luận nhóm, thuyết trình - Ghi chép các bài tập được giao về nhà. - Trao đổi để hiểu thêm về cách thức thực hiện bài thuyết trình nhóm nội dung phân tích về chiến lược xúc tiến của sản phẩm.	Ví dụ Thảo luận -Bài tập tình huống. - Bài tập.	CLO9 CLO13 CLO14 CLO18 CLO17 CLO21 CLO22
Tuần 11	CHƯƠNG 9: CHIẾN LƯỢC	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các	Ví dụ Thảo	CLO5 CLO6

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Buổi 11 4 giờ	XÚC TIẾN HỖN HỢP (tt) 9.4 Các thành phần trong xúc tiến hỗn hợp - Bài tập áp dụng chương 9 - Kiểm tra thường xuyên 2 (từ chương 5-9)	nội dung chương 9; - Phân tích và đặt câu hỏi liên quan đến các công cụ xúc tiến. - Phân tích các tình huống liên quan -Giao bài tập và hướng dẫn thảo luận nhóm chương 9 - Giao các bài tập áp dụng chương 9 - Hướng dẫn nội dung thuyết trình của các nhóm nội dung phân tích về chiến lược xúc tiến của sản phẩm. - Giao bài kiểm tra thường xuyên 2: TX2.	điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tham gia thảo luận nhóm, thuyết trình - Ghi chép các bài tập được giao về nhà. - Trao đổi để hiểu thêm về cách thức thực hiện bài thuyết trình nhóm nội dung phân tích về chiến lược xúc tiến của sản phẩm. - Làm bài kiểm tra được giao	luận -Bài tập tình huống. - Bài tập. - Bài kiểm tra thường xuyên TX2	CLO7 CLO8 CLO9 CLO13 CLO14 CLO18 CLO17 CLO21 CLO22
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ	Thực hiện thuyết trình nhóm. Chủ đề: <i>“Hãy thiết kế một sản phẩm (hoặc sản phẩm Dịch Vụ) với các giá trị khác biệt T'1, T'2, T'3 sao cho những giá trị này đạt được mức cao nhất và có thể tham gia thi trường.”</i>	- Theo dõi bài thuyết trình của các nhóm. - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét, đặt câu hỏi cho các bài thuyết trình. - Nhận xét bài thuyết trình. - Đặt các câu hỏi để các nhóm làm rõ vấn đề. - Chấm điểm thuyết trình cho các nhóm.	- Các nhóm 1, 2, 3 thuyết trình - Theo dõi bài thuyết trình của các nhóm khác. - Đưa ra các nhận xét và các câu hỏi cho các bài thuyết trình để làm rõ những vấn đề còn khúc mắc.	Đánh giá giữa kỳ	Từ CLO1 - CLO22
Tuần 13 Buổi 13	Thực hiện thuyết trình nhóm. Chủ đề: <i>“Hãy thiết kế một sản phẩm (hoặc sản</i>	- Theo dõi bài thuyết trình của các nhóm. - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét, đặt	- Các nhóm 1, 2, 3 thuyết trình - Theo dõi bài thuyết trình của các nhóm	Đánh giá giữa kỳ	Từ CLO1 - CLO22

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
4 giờ	<i>phẩm Dịch Vụ) với các giá trị khác biệt T'1, T'2, T'3 sao cho những giá trị này đạt được mức cao nhất và có thể tham gia thi trường."</i>	<ul style="list-style-type: none"> - câu hỏi cho các bài thuyết trình. - Nhận xét bài thuyết trình. - Đặt các câu hỏi để các nhóm làm rõ vấn đề. - Chấm điểm thuyết trình cho các nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> khác. - Đưa ra các nhận xét và các câu hỏi cho các bài thuyết trình để làm rõ những vấn đề còn khúc mắc. 		
Tuần 14 Buổi 14 4 giờ	Thực hiện thuyết trình nhóm. Chủ đề: <i>"Hãy thiết kế một sản phẩm (hoặc sản phẩm Dịch Vụ) với các giá trị khác biệt T'1, T'2, T'3 sao cho những giá trị này đạt được mức cao nhất và có thể tham gia thi trường."</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi bài thuyết trình của các nhóm. - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét, đặt câu hỏi cho các bài thuyết trình. - Nhận xét bài thuyết trình. - Đặt các câu hỏi để các nhóm làm rõ vấn đề. - Chấm điểm thuyết trình cho các nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm 1, 2, 3 thuyết trình - Theo dõi bài thuyết trình của các nhóm khác. - Đưa ra các nhận xét và các câu hỏi cho các bài thuyết trình để làm rõ những vấn đề còn khúc mắc. 	Đánh giá giữa kỳ	Từ CLO1 - CLO22
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập và củng cố lại lý thuyết, nội dung chính của toàn môn học - Ôn tập 1 số dạng tình huống cụ thể - Công bố điểm thành phần. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Công bố điểm thành phần 40% 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trong tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. 	Không đánh giá	CLO1 - CLO22

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

- Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi lên lớp.

- Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.
- Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.
- Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 9.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

- Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài tự luận/ thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.
- Hình thức: Thi tự luận/ trắc nghiệm, thời gian 60 phút.
- Không được tham khảo tài liệu khi dự thi
- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.
- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

- Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.
- Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.
- Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.
- Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.
- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn QTKD
- Địa chỉ/email liên hệ: dien73@gmail.com

Đồng Nai, ngày 10 tháng 04 năm 2022

TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Bùi Xuân Diễn

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai))*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: **NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ**
- Tên học phần Tiếng Anh: **PRINCIPLES OF ECONOMIC STATISTICS.**
- Mã học phần: **2112107**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 03

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	30 giờ	0	00	90 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 2
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - + Học phần trước: Lý thuyết xác suất và thống kê toán
 - + Học phần song hành (nếu có): không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Sau khi học xong môn học này sinh viên biết thu thập, tổng hợp và phân tích số liệu cũng như dự đoán được xu hướng phát triển của hiện tượng trong tương lai.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object-Viết tắt là CO):

- Về kiến thức:

CO1: Giúp cho sinh viên nắm được quá trình nghiên cứu thống kê, tổng hợp tài liệu thống kê thông qua phương pháp phân tổ thống kê; phân tích đặc điểm và xu thế vận động của hiện tượng qua thời gian; sử dụng hệ thống chỉ số phân tích biến động của hiện tượng;

trang bị bước đầu cho sinh viên một số công cụ thống kê phục vụ cho các môn học Thống kê chuyên ngành và nghiên cứu khoa học; sinh viên hiểu và sử dụng được các phương pháp thu thập tài liệu, thiết kế bảng hỏi.

- Về kỹ năng:

CO2: Thực hành tốt các kỹ năng tổng hợp tài liệu thống kê bằng phương pháp phân tổ thống kê, trình bày dữ liệu thống kê bằng bảng và đồ thị thống kê; thành thạo kỹ năng tính toán các mức độ của các hiện tượng KTXH, và phân tích hiện tượng trên cơ sở các mức độ đó; có khả năng chủ động vận dụng các phương pháp phân tích thống kê trong học tập, nghiên cứu khoa học.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO3: Rèn luyện thái độ nghiêm túc, trung thực trong thu thập, xử lý tổng hợp, phân tích dữ liệu và trong cung cấp thông tin; tạo tác phong nghiêm túc và khoa học trong học tập, nghiên cứu và lao động.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Nguyên lý thống kê kinh tế là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành.

Học phần này trang bị cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: những vấn đề chung về thống kê học; quá trình nghiên cứu thống kê; nghiên cứu thống kê các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội; phương pháp phân tích dãy số thời gian; chỉ số.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CLOs	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	- Sinh viên nhớ được các khái niệm về thống kê, các quá trình nghiên cứu thống kê, tổng hợp thống kê.	2,0
CLO2	- Nắm được khái niệm cơ bản và vai trò của thống kê, các mức độ của hiện tượng kinh tế xã hội, các phương pháp phân tích thống kê như: phân tích đặc điểm và xu thế vận động của hiện tượng qua thời gian; sử dụng hệ thống chỉ số phân tích biến động của hiện tượng.	3.0
CLO3	- Sinh viên vận dụng những nội dung đã học, phương pháp phân tích thống kê phục vụ cho các môn học thống kê chuyên ngành và nghiên cứu khoa học.	3,5
CLO4	- Sinh viên hiểu và sử dụng được các phương pháp thu thập tài liệu, thiết kế bảng hỏi dựa trên những gợi ý và hướng dẫn của giảng viên.	3,5

CLO5	- Có kỹ năng tổng hợp tài liệu thống kê bằng phương pháp phân tổ thống kê, trình bày dữ liệu thống kê bằng bảng và đồ thị thống kê. - Thành thạo kỹ năng tính toán các mức độ của các hiện tượng KTXH, và phân tích hiện tượng dựa trên các phương pháp được giảng viên hướng dẫn.	4,0
CLO6	- Có khả năng chủ động vận dụng các phương pháp phân tích thống kê trong học tập, nghiên cứu khoa học và lao động.	3,5

Chuẩn về kỹ năng

CLO7	- Kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề: nhìn vào bảng thống kê phải đọc được nội dung phản ánh; dựa vào đồ thị đưa ra nhận xét, phân tích, đánh giá về hiện tượng kinh tế, xã hội.	3,5
CLO8	- Có khả năng quan sát các hiện tượng kinh tế, xã hội để vận dụng lý thuyết, tính toán các chỉ tiêu có liên quan bằng các công thức toán học mà nguyên lý thống kê cung cấp.	4,0

Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm

CLO9	- Người học làm quen, tiếp cận các nội dung liên quan về lý thuyết thống kê một cách hứng thú và chú tâm vào môn học.	3,0
CLO10	- Người học quan tâm và tiếp nhận kiến thức môn học, có thái độ nghiêm túc, trung thực trong thu thập, xử lý tổng hợp, phân tích dữ liệu và trong cung cấp thông tin.	3,5
CLO11	- Người học sẵn sàng chia sẻ và trao đổi với giảng viên và các bạn về những kiến thức, kỹ năng của môn học trong các lĩnh vực: học tập, nghiên cứu và lao động.	4,0

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
1			x	x														x	
2			x	x	x			x	x				x					x	x
3			x	x	x				x				x						x
4			x	x	x				x	x		x							x

5			X	X	X	X		X	X			X						
6				X	X	X	X					X	X		X			
7					X	X		X	X			X	X	X			X	
8					X	X	X					X	X					
9			X	X				X									X	
10			X	X													X	
11					X				X						X	X		X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CDR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá sự chuyên cần	- Tham dự lớp học - Tham gia các hoạt động học tập	Đánh giá thường xuyên theo thang điểm ABCDF		10%
2. Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra thường xuyên: làm bài tập từng phần theo từng nội dung trong từng chương. Một đến hai bài đánh giá cho mỗi sinh viên.	Mỗi buổi học đánh giá từ 5 đến 10 sinh viên trong lớp bằng cách làm bài tập trong tài liệu có sự hướng dẫn của GV. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO8;	5%
	Bài kiểm tra giữa kì: Tự luận. 1 bài kiểm tra.	Kiểm tra làm bài tự luận do giảng viên ra đề. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO8;	25%
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	Thi cuối kỳ hình thức thi trắc	CLO2 đến CLO11	60%

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
		nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.		
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

- [1] PGS.TS Trần Thị Kim Thu (2020), Lý thuyết Thống kê, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân 2020
- [2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai (2021), *Nguyên lý thống kê kinh tế*, Lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. PGS.TS Nguyễn Thị Kim Thuý (2009), *Nguyên lý thống kê*, NXB Thống kê.
- [2] Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2007), *Thống kê ứng dụng trong kinh tế xã hội*, NXB Thống kê.
- [3] Tổng Cục Thống kê,(2004), *Một số thuật ngữ thống kê thông dụng*, NXB Thống kê.
- [4] Viện khoa học Thống kê (2005), *Một số vấn đề phương pháp luận thống kê*, NXB Thống kê.
- [5] Trường Trung cấp Thống kê II,(2009), *Nguyên lý thống kê*, NXB Thống kê.
- [6] Tạp chí Con số thống kê
- [7] Tỉnh Đồng Nai (2013), *Niên giám thống kê*.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	<p>Giới thiệu môn học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về học phần Nguyên lý thống kê kinh tế - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập - Chia nhóm sinh viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình chiếu slide bài giảng “Giới thiệu môn học” để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi chép, đặt các câu hỏi về môn học để được hướng dẫn cụ thể. 	Không đánh giá	
	<p>Chương 1: Đối tượng nghiên cứu của Thống kê</p> <p>1.1. Đối tượng nghiên cứu của thống kê học</p> <p style="padding-left: 20px;">1.1.1. Sơ lược sự ra đời của thống kê học</p> <p style="padding-left: 20px;">1.1.2. Đối tượng nghiên cứu</p> <p>1.2. Các khái niệm thường dùng trong thống kê.</p> <p style="padding-left: 20px;">1.2.1. Tổng thể thống kê và đơn vị tổng thể.</p> <p style="padding-left: 20px;">1.2.2. Tiêu thức thống kê.</p> <p style="padding-left: 20px;">1.2.3 Chi tiêu thống kê và hệ thống chỉ tiêu thống kê.</p> <p>1.3. Tính giai cấp của Thống kê học.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 1; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; 	Cho điểm thường nếu XP trả lời đúng	CLO1 CLO9 CLO11

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	<p>Chương 2: Quá trình nghiên cứu thống kê</p> <p>GD 1: ĐIỀU TRA THỐNG KÊ</p> <p>2.1. Khái niệm, ý nghĩa, đặc điểm và yêu cầu của điều tra thống kê.</p> <p>2.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của điều tra thống kê.</p> <p>2.1.2. Đặc điểm và yêu cầu của điều tra thống kê.</p> <p>2.2. Các hình thức điều tra.</p> <p>2.2.1. Báo cáo thống kê định kỳ.</p> <p>2.2.2. Điều tra chuyên môn.</p> <p>2.3. Các loại điều tra thống kê.</p> <p>2.3.1. Điều tra thường xuyên và điều tra không thường xuyên.</p> <p>2.3.2. Điều tra toàn bộ và điều tra không toàn bộ.</p> <p>2.4. Các phương pháp thu thập tài liệu ban đầu trong điều tra thống kê.</p> <p>2.4.1. Phương pháp điều tra gián tiếp.</p> <p>2.4.2. Phương pháp điều tra trực tiếp.</p> <p>2.5. Sai số trong điều tra thống kê và biện pháp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Liên hệ thực tiễn để đưa ra các ví dụ trong GD này. 	Cho điểm thường nếu XP trả lời đúng	CLO1 CLO4 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	khắc phục.				
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	<p>Chương 2: Quá trình nghiên cứu thống kê (tiếp)</p> <p>GD 2: TỔNG HỢP THỐNG KÊ</p> <p>2.1. Khái niệm, ý nghĩa nhiệm vụ của tổng hợp thống kê.</p> <p>2.1.1. Khái niệm;</p> <p>2.1.2. Ý nghĩa:</p> <p>2.1.3. Nhiệm vụ:</p> <p>2.2. Trình bày kết quả thống kê</p> <p>2.2.1. Bảng thống kê.</p> <p>2.2.1.1. Khái niệm, ý nghĩa và cấu tạo của bảng thống kê.</p> <p>2.2.1.2. Các loại bảng thống kê.</p> <p>2.2.1.3. Quy tắc chung của việc xây dựng bảng thống kê.</p> <p>2.2.2. Đồ thị thống kê.</p> <p>2.2.2.1. Khái niệm, ý nghĩa của đồ thị thống kê.</p> <p>2.2.2.2. Quy tắc xây dựng đồ thị thống kê.</p> <p>2.2.2.3. Các loại đồ thị thống kê thường sử dụng.</p> <p>GD3: PHÂN TÍCH THỐNG KÊ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Hướng dẫn SV giải bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. - Sửa lại bài tập theo sự hướng dẫn của GV. 	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên	CLO1 CLO4 CLO5 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>2.1. Khái niệm, ý nghĩa nhiệm vụ của tổng hợp thống kê.</p> <p>2.1.1. Khái niệm;</p> <p>2.1.2. Ý nghĩa</p> <p>2.1.3. Nhiệm vụ</p> <p>2.2. Kỹ thuật phân tích thống kê</p>				
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	<p>Chương 3: Các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội</p> <p>3.1. Số tuyệt đối.</p> <p>3.1.1. Khái niệm, ý nghĩa của số tuyệt đối.</p> <p>3.1.2. Đặc điểm của số tuyệt đối trong thống kê</p> <p>3.1.3. Các loại số tuyệt đối</p> <p>3.2. Số tương đối.</p> <p>3.2.1. Khái niệm, ý nghĩa và đặc điểm của số tương đối.</p> <p>3.2.2. Các loại số tương đối.</p> <p>3.2.2.1.Số tương đối động thái.</p> <p>3.2.2.2.Số tương đối kế hoạch</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập.</p> <p>- Giao bài tập cho sinh viên áp dụng.</p> <p>- Hướng dẫn SV giải bài tập</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao.</p> <p>- Sửa lại bài tập theo sự hướng dẫn của GV.</p>	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên	CLO2 CLO5 CLO8 CLO10 CLO11
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	<p>Chương 3: Các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội (tiếp)</p> <p>3.2.2.3.Số tương đối so sánh.</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các</p>	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra	CLO2 CLO5 CLO8 CLO10

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>3.2.2.4.Số tương đối kết cấu.</p> <p>3.2.2.5.Số tương đối cường độ.</p> <p>3.2.3.Một số điểm cần chú ý khi tính toán và sử dụng số tương đối.</p>	<p>cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Hướng dẫn SV giải bài tập 	<p>hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. - Sửa lại bài tập theo sự hướng dẫn của GV. 	tra thường xuyên	CLO11
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	<p>Chương 3: Các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội (tiếp)</p> <p>3.3.Số bình quân.</p> <p>3.3.1. Khái niệm, ý nghĩa và đặc điểm của số bình quân.</p> <p>3.3.2. Các loại số bình quân.</p> <p>3.3.2.1. Số bình quân số học.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Hướng dẫn SV giải bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. - Sửa lại bài tập theo sự hướng dẫn của GV. 	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên	CLO2 CLO5 CLO8 CLO10 CLO11

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	<p>Chương 3: Các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội (tiếp)</p> <p>3.3.2. Các loại số bình quân.</p> <p>3.3.2.2. Số bình quân điều hoà.</p> <p>3.3.2.3. Số bình quân nhân.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Hướng dẫn SV giải bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. - Sửa lại bài tập theo sự hướng dẫn của GV. 	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên	CLO2 CLO5 CLO8 CLO10 CLO11
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	<p>Chương 4: Dây số biến động theo thời gian</p> <p>4.1. Khái niệm, ý nghĩa của dây số biến động theo thời gian.</p> <p>4.1.1. Khái niệm.</p> <p>4.1.2. Ý nghĩa.</p> <p>4.2. Quy tắc lập dây số thời gian và các loại dây số thời gian.</p> <p>4.2.1. Quy tắc lập dây số thời gian.</p> <p>4.2.2. Các loại dây số thời gian.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. - Sửa lại bài tập theo sự hướng dẫn của GV. 	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên	CLO2 CLO5 CLO6 CLO8 CLO10 CLO11

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Hướng dẫn SV giải bài tập			
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	Chương 4: Dãy số biến động theo thời gian (Tiếp) 4.3.Các chỉ tiêu phân tích sự biến động của dãy số thời gian. Mức độ bình quân theo thời gian. 4.3.1. Mức độ bình quân theo thời gian (tiếp)	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Hướng dẫn SV giải bài tập	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. - Sửa lại bài tập theo sự hướng dẫn của GV.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên	CLO2 CLO5 CLO6 CLO8 CLO10 CLO11
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	Chương 4: Dãy số biến động theo thời gian (Tiếp) 4.3.2. Lượng tăng (giảm) tuyệt đối. 4.3.3. Tốc độ phát triển. 4.3.4. Tốc độ tăng (giảm) 4.3.5. Giá trị tuyệt đối	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành	Đánh giá quá trình: Bài kiểm tra thường xuyên.	CLO2 CLO5 CLO6 CLO8 CLO10 CLO11

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	của 1% tăng (giảm)	<p>của sinh viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Hướng dẫn SV giải bài tập 	<p>các bài tập được giao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa lại bài tập theo sự hướng dẫn của GV. 		
Tuần 11 Buổi 11 4 giờ	<p>Chương 4: Dãy số biến động theo thời gian (Tiếp)</p> <p>4.4. Một số phương pháp dự đoán thống kê ngắn hạn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Hướng dẫn SV giải bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. - Sửa lại bài tập theo sự hướng dẫn của GV. 	<p>Đánh giá quá trình: Bài kiểm tra thường xuyên.</p>	<p>CLO2 CLO5 CLO6 CLO8 CLO10 CLO11</p>
Tuần 12 Buổi 12	<p>Chương 5: Chỉ số thống kê</p> <p>5.1. Khái niệm, ý nghĩa chỉ số thống kê.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 5; - Đặt câu hỏi cho 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để 	<p>Đánh giá quá trình, bài</p>	<p>CLO2 CLO5 CLO6</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
4 giờ	<p>5.1.1. Khái niệm chỉ số thống kê</p> <p>5.1.2. Ý nghĩa của chỉ số thống kê.</p> <p>5.1.3. Các loại chỉ số thống kê.</p> <p>5.2. Phương pháp tính.</p> <p>5.2.1. Chỉ số cá thể</p>	<p>sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập</p> <p>- Giao bài tập cho sinh viên áp dụng.</p> <p>- Hướng dẫn SV giải bài tập</p>	<p>làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao.</p> <p>- Sửa lại bài tập theo sự hướng dẫn của GV.</p>	kiểm tra thường xuyên	CLO8 CLO10 CLO11
Tuần 13 Buổi 13 4 giờ	<p>Chương 5: Chỉ số tổng kê</p> <p>5.2.2. Chỉ số tổng hợp</p> <p>5.2.2.1. Chỉ số tổng hợp về giá</p> <p>5.2.2.2. Chỉ số tổng hợp về lượng</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 5;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên viết tiếp công thức tính chỉ số tổng hợp của một số chỉ tiêu khác;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập</p> <p>- Giao bài tập cho</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao.</p> <p>- Sửa lại bài tập theo sự hướng dẫn của GV</p>		CLO2 CLO5 CLO6 CLO8 CLO10 CLO11

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		sinh viên áp dụng. - Hướng dẫn SV giải bài tập			
Tuần 14 Buổi 14 4 giờ	Chương 5: Chỉ số thống kê 5.2.2. Chỉ số tổng hợp 5.3. Hệ thống chỉ số thống kê. 5.3.1 Khái niệm 5.3.2. Các loại hệ thống chỉ số	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 5; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Hướng dẫn SV giải bài tập - Giao bài kiểm tra giữa kì	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. - Sửa lại bài tập theo sự hướng dẫn của GV - Làm bài kt giữa kì		CLO2 CLO5 CLO6 CLO8 CLO10 CLO11
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	Hệ thống và ôn tập lại kiến thức của học phần	- Hệ thống lại kiến thức theo từng chương - Giải bài kiểm tra giữa kì. - Công bố điểm thành phần (Thường xuyên, CC, Giữa kì) - Giải quyết những	- SV lắng nghe, ghi chép lại. - Đặt câu hỏi để rõ hơn - Kiểm tra điểm thành phần	Không đánh giá	CLO1 đến CLO11

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		thắc mắc về kiến thức, điểm thành phần			

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 5.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

– Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

– Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

– Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

– Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

– Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

– Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

– Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

– Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ/email liên hệ: nguyenthanhchien@dnp.edu.vn

Đồng Nai, ngày 04 tháng 04 năm 202

**KT.TRƯỞNG
KHOA**



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thanh Hiền

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: **NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN**
- Tên học phần Tiếng Anh: **PRINCIPLES ACCOUNTING**
- Mã học phần: **2112108**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150giờ	30 giờ	30giờ	0	0	90 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 2
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: Không yêu cầu
 - + Học phần trước: Kinh tế vĩ mô
 - + Học phần song hành: Không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần: sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung: Môn học cung cấp cho sinh viên các ngành kinh tế như kế toán, quản trị kinh doanh những khái niệm, vấn đề cơ bản về kế toán, trang bị nền tảng kiến thức kế toán để học tập nghiên cứu những môn chuyên ngành về sau.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- **Về kiến thức:**

CO 1: Trình bày được những lý thuyết cơ bản của lĩnh vực kế toán Doanh nghiệp: Khái niệm, đặc điểm, nhiệm vụ, yêu cầu, đối tượng của kế toán.

CO 2: Giải thích được các phương pháp hạch toán kế toán

- **Về Kỹ năng:**

CO 3: Tiếp nhận, lập, và xử lý được các chứng từ kế toán

CO 4: Hạch toán được các nghiệp vụ kế toán cơ bản

- **Về mức độ tự chủ trách nhiệm:**

CO 5: Cẩn thận, kiên trì, nghiêm túc và tự chủ trong quá trình học tập

CO 6: Có ý thức chấp hành đúng các quy định của Nhà nước, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Giới thiệu một số khái niệm, phân loại, phương pháp, nguyên tắc và yêu cầu cơ bản của kế toán; Nội dung, phương pháp lập, ý nghĩa và tầm quan trọng của các báo cáo kế toán; Các phương pháp kế toán như Tài khoản – Ghi sổ kép, Chứng từ kế toán, Kiểm kê, Tính giá đối tượng kế toán. Hướng dẫn các phương pháp tính giá một số đối tượng cụ thể. Hướng dẫn hạch toán một số quá trình sản xuất kinh doanh: kế toán nguyên vật liệu, kế toán công cụ dụng cụ, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương, kế toán các khoản trích theo lương, kế toán tính giá thành sản xuất, kế toán tiêu thụ và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (Course learning outcomes-Viết tắt là CLOs):

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
Chuẩn về kiến thức		
CLO 1	Giải thích được các nguyên tắc kế toán	2,0
CLO 2	Hiểu rõ nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán	3,0
CLO 3	Hiểu rõ được các yếu tố của báo cáo tài chính	3,0
CLO 4	Hiểu rõ nội dung, phương pháp lập báo cáo tài chính	3,0
CLO 5	Nắm được hệ thống tài khoản doanh nghiệp Việt Nam	3,0
CLO 6	Hiểu rõ kết cấu và áp dụng nguyên tắc phản ánh vào tài khoản kế toán	4,5
CLO 7	Nắm vững và áp dụng được nguyên tắc ghi sổ kép	4,0
CLO 8	Hiểu rõ nội dung, áp dụng nguyên tắc, phương pháp tính giá các đối tượng kế toán	3,5
CLO 9	Nắm được chế độ chứng từ kế toán	2,5
CLO 10	Hiểu rõ kế toán một số quá trình chủ yếu	3,0
CLO 11	Nắm được kết cấu sổ kế toán, nguyên tắc ghi sổ; đặc điểm các hình thức kế toán; các mô hình tổ chức bộ máy kế toán	3,0

Chuẩn về kỹ năng		
CLO 12	Nhận diện các đối tượng kế toán	3,5
CLO 13	Giải thích ảnh hưởng của các nghiệp vụ kinh tế đến các yếu tố của báo cáo tài chính	3,0
CLO 14	Lập Báo cáo báo cáo tài chính	2,5
CLO 15	Biết vận dụng để phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào tài khoản kế toán	4,5
CLO 16	Hiểu rõ và áp dụng để định khoản một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh	4,0
CLO 17	Hiểu rõ cách tính giá nhập kho, xuất kho các đối tượng kế toán	3,5
CLO 18	Biết phản ánh các nghiệp vụ vào các chứng từ kế toán	3,0
CLO 19	Biết phản ánh các nghiệp vụ vào một số loại sổ kế toán	2,0
CLO 20	Truyền đạt thông tin: kỹ năng làm việc nhóm, có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình...	3,5

Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm		
CLO 21	Tham gia thảo luận tích cực để hoàn thiện kiến thức của mình	3,5
CLO 22	Nhận thức đúng đắn về đạo đức vai trò nghề nghiệp kế toán trong hoạt động kinh tế; sự cần thiết của tính trung thực, khách quan của số liệu kế toán	3,5
CLO 23	Thái độ trung thực, cẩn thận và tuân thủ chế độ, nguyên tắc, chuẩn mực kế toán trong quá trình thực hiện công tác kế toán.	3,5

❖ **Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLO_s) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO_s):**

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	x	x		x														
2	x	x		x														
3				x														
4				x		x												
5				x		x												

6				X		X													
7				X		X													
8				X															
9				X		X													
10				X		X													
11				X		X													
12									X										X
13											X	X							X
14									X			X							X
15									X							X	X		
16									X							X	X		
17									X							X	X		
18									X							X	X		
19									X							X	X		
20								X											X
21																			X X
22																			X X
23																			X X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá quá	- Chuyên cần; phát biểu, xây dựng bài; thực hiện yêu cầu của giảng viên.	Thường xuyên	CLO1 đến CLO23	10%
	- Làm đủ bài tập cá nhân, bài tập nhóm (thuyết trình, thảo	Thường	CLO1 đến	5%

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
trình	luận, làm việc nhóm) đúng hạn và đạt yêu cầu.	xuyên	CLO23	
	- Bài kiểm tra giữa kỳ theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm.	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1 đến CLO23	25%
2. Đánh giá kết thúc	Kết thúc học phần: bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan	Thi cuối kỳ	CLO1 đến CLO23	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

[1] TS. Nguyễn Thế Khang, Phan Thị Kim Anh (2019), *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, Nhà xuất bản Đại học Huế

[2] Khoa Kinh Tế Trường Đại học Đồng Nai (2022), *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, Lưu hành nội bộ năm.

Tài liệu tham khảo:

[1] Luật kế toán, Hệ thống chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư hướng dẫn các chuẩn mực.

[2] Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

[3] Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ tài chính và các văn bản của ngành khác về những quy định có liên quan đến công tác kế toán.

[4] Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2021), *Nguyên lý kế toán*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân

[5] PGS.TS Võ Văn Nhị (2021) *Hệ thống bài tập và câu hỏi trắc nghiệm Nguyên lý kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	<p>Giới thiệu học phần</p> <p>Giới thiệu về học phần Nguyên lý kế toán</p> <p>Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá</p> <p>Giới thiệu tài liệu học tập</p> <p>Nêu mục tiêu môn học</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trình chiếu slide bài giảng để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhớ lại các kiến thức ở học phần nguyên lý kế toán - Ghi nhớ mục tiêu, nội dung môn học - Ghi nhớ cách tìm tài liệu, nghiên cứu - Ghi nhớ cách thức đánh giá học phần 	Không đánh giá	
	<p>CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN</p> <p>1.1. Lịch sử ra đời và phát triển của kế toán</p> <p>1.2. Định nghĩa và phân loại kế toán</p> <p>1.2.1. Định nghĩa kế toán</p> <p>1.2.2. Phân loại</p> <p>1.3. Đối tượng và phương pháp kế toán</p> <p>1.3.1. Đối tượng kế toán</p> <p>1.3.2. Phương pháp kế toán</p> <p>1.4. Các khái niệm, nguyên tắc kế toán cơ bản</p> <p>1.4.1. Các khái niệm kế toán</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đặt 1 số vấn đề. - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides - Gọi ý, phân tích, hướng dẫn SV thảo luận nhóm - Nhận xét và kết luận - Giao bài tập về nhà 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra - Làm các bài tập được giao về nhà 	Ví dụ Bài tập	CLO 1 CLO 2 CLO 12 CLO 20 CLO 21 CLO 22 CLO 23

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>1.4.2. Nguyên tắc kế toán</p> <p>1.5. Yêu cầu cơ bản đối với kế toán</p> <p>1.5.1. Nhiệm vụ của kế toán</p> <p>1.5.2. Yêu cầu đối với kế toán</p>				
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	<p>CHƯƠNG 2: BÁO CÁO KẾ TOÁN</p> <p>2.1. Báo cáo kế toán</p> <p>2.1.1. Khái niệm và phân loại báo cáo kế toán</p> <p>2.1.2. Vai trò của báo cáo kế toán.</p> <p>2.2. Bảng cân đối kế toán</p> <p>2.2.1. Khái niệm</p> <p>2.2.2. Kết cấu và nội dung</p> <p>2.2.3. Ảnh hưởng của nghiệp vụ kinh tế đến các đối tượng trong bảng CĐKT</p> <p>2.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</p>	<p>– Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides;</p> <p>– Trình chiếu mẫu bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giải thích các khoản mục.</p> <p>– Cho một vài VD , hướng dẫn cách lập bảng CĐKT và gọi SV lên trình bày</p>	<p>– Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>– Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>– Làm ví dụ</p>	Ví dụ Bài tập	CLO 3 CLO 4 CLO 13 CLO 14 CLO 20 CLO 21 CLO 22 CLO 23
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	<p>CHƯƠNG 2: BÁO CÁO KẾ TOÁN</p> <p>2.4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</p> <p>2.5. Thuyết minh báo cáo tài chính</p>	<p>– Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides;</p> <p>– Cho một vài VD , hướng dẫn cách lập bảng CĐKT và gọi SV lên trình bày</p>	<p>– Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>– Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>– Làm các bài</p>	Ví dụ Bài tập	CLO 3 CLO 4 CLO 13 CLO 14, CLO 20, CLO

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		<ul style="list-style-type: none"> – Hướng dẫn 1 số bài tập – Nhận xét và kết luận – Giao bài tập về nhà 	<ul style="list-style-type: none"> tập được giao về nhà 		21, CLO 22, CLO 23
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	<p>CHƯƠNG 3: TÀI KHOẢN VÀ GHI SỔ KÉP</p> <p>3.1. Tài khoản kế toán</p> <p>3.1.1. Kết cấu của tài khoản</p> <p>3.1.2. Phân loại tài khoản kế toán</p> <p>3.1.3. Nguyên tắc phản ánh trên các tài khoản</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides giới thiệu tài khoản kế toán – Hướng dẫn cách định khoản, ghi chép vào chữ T – Cho ví dụ và gọi SV làm bài – Nhận xét và kết luận – Giao bài tập về nhà 	<ul style="list-style-type: none"> – Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; – Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; – Làm ví dụ – Làm các bài tập được giao về nhà 	Ví dụ Bài tập	CLO 5 CLO 6 CLO 15, CLO 16, CLO 20 CLO 21 CLO 22, CLO 23
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	<p>CHƯƠNG 3: TÀI KHOẢN VÀ GHI SỔ KÉP</p> <p>3.2. Hệ thống tài khoản doanh nghiệp Việt Nam</p> <p>3.3. Ghi sổ kép.</p> <p>3.3.1. Khái niệm ghi sổ kép và định khoản</p> <p>3.3.2. Các loại định khoản</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides Hướng dẫn ghi sổ kép và định khoản – Cho ví dụ và gọi SV làm bài – Nhận xét và kết luận – Giao bài tập về nhà 	<ul style="list-style-type: none"> – Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; – Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; – Làm ví dụ – Làm các bài tập được giao về nhà 	Ví dụ Bài tập	CLO 5 CLO 6, CLO 7, CLO 15, CLO 16, CLO 20 CLO 21, CLO 22, CLO 23
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	<p>CHƯƠNG 3: TÀI KHOẢN VÀ GHI SỔ KÉP</p> <p>3.4. Kế toán tổng hợp</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Nhắc lại một số kiến thức về cách thức định khoản – Cho ví dụ và 	<ul style="list-style-type: none"> – Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; 	Ví dụ Bài tập Bài	CLO 5 CLO 6, CLO 7, CLO 15,

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>và kế toán chi tiết</p> <p>3.4.1. Kế toán tổng hợp</p> <p>3.4.2. Kế toán chi tiết</p> <p>3.5. Mối quan hệ giữa tài khoản kế toán và báo cáo kế toán</p> <p>3.6. Đối chiếu số liệu ghi chép trên các sổ kế toán</p> <p>3.7. Quy tắc phản ánh một số tài khoản đặc biệt</p> <p>* Kiểm tra</p>	<p>gọi SV làm bài</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận xét và kết luận – Giao bài tập về nhà – Giao bài kiểm tra 	<ul style="list-style-type: none"> – Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; – Làm ví dụ – Làm các bài tập được giao về nhà – Làm bài kiểm tra 	kiểm tra	CLO 16, CLO 20 CLO 21, CLO 22, CLO 23
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	<p>CHƯƠNG 4: TÍNH GIÁ CÁC ĐỐI TƯỢNG KẾ TOÁN</p> <p>4.1. Khái niệm và tầm quan trọng tính giá đối tượng</p> <p>4.2. Các nguyên tắc và nhân tố ảnh hưởng đến tính giá đối tượng</p> <p>4.2.1. Các nguyên tắc kế toán</p> <p>4.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng</p> <p>4.3. Tính giá các đối tượng kế toán chủ yếu</p> <p>4.3.1. Tài sản cố định</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; – Đặt câu hỏi cho sinh viên; – Trả lời thắc mắc của sinh viên. – Chia lớp thành 2 nhóm trình bày nguyên tắc và nhân tố ảnh hưởng tới việc tính giá – Cho nhận xét và kết luận – Hướng dẫn cách tính giá một số đối tượng khác 	<ul style="list-style-type: none"> – Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; – Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; – Lắng nghe, quan sát và làm bài tập 	Ví dụ Bài tập	CLO8, CLO 17, CLO 20 CLO 21, CLO 22, CLO 23
Tuần 8	CHƯƠNG 4: TÍNH	– Nhận báo cáo	– Tham gia các	Bài	CLO8,

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Buổi 8 4 giờ	GIÁ CÁC ĐỐI TƯỢNG KẾ TOÁN 4.3.2.Hàng tồn kho Bài tập	của tổ trưởng về mức độ hoàn thành bài tập, sửa bài tập – Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides – Cho ví dụ và gọi SV làm bài – Nhận xét và kết luận – Giao bài tập về nhà – Trả lời thắc mắc của sinh viên.	hoạt động do giảng viên đưa ra; – Làm ví dụ	tập	CLO 17, CLO 20 CLO 21, CLO 22, CLO 23
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	Ôn tập, củng cố lại lý thuyết và sửa các bài tập * Kiểm tra	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Sửa bài tập và trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài kiểm tra	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Làm bài kiểm tra	Bài tập Bài kiểm tra	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5, CLO 6, CLO 7, CLO 8, CLO 17, CLO 20 CLO 21, CLO 22, CLO 23
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	CHƯƠNG 5: CHỨNG TỪ VÀ KIỂM KÊ 5.1. Chứng từ kế toán 5.1.1.Lịch sử hình thành 5.1.2.Khái	– Đặt vấn đề. – Trình chiếu một số mẫu chứng từ và thuyết trình giảng giải Hướng dẫn SV lập chứng từ	– Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ – Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;	Ví dụ Bài tập	CLO 9, CLO18, CLO 20 CLO 21, CLO 22,

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	niệm và ý nghĩa kinh tế pháp lý của chứng từ kế toán 5.1.3. Phân loại 5.1.4. Nội dung, lập và xử lý chứng từ kế toán 5.2. Kiểm kê 5.2.1. Khái niệm 5.2.2. Phân loại 5.2.3. Phương pháp tiến hành kiểm kê 5.2.4. Vai trò kế toán trong kiểm kê	<ul style="list-style-type: none"> - Cho ví dụ và gọi SV làm bài - Nhận xét và kết luận - Giao bài tập về nhà 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm ví dụ - Làm các bài tập được giao về nhà 		CLO 23
Tuần 11 Buổi 11 4 giờ	CHƯƠNG 6: KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP 6.1. Kế toán các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất 6.1.1. Kế toán nguyên vật liệu 6.1.2. Kế toán công cụ, dụng cụ 6.1.3. Kế toán tài sản cố định 6.1.4. Kế toán khấu hao TSCĐ 6.1.5. Kế toán khoản phải trả người lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides - Vẽ sơ đồ chữ T 1 số chu trình - Thuyết trình các NVKT PS - Cho ví dụ và gọi SV làm bài - Nhận xét và kết luận - Giao bài tập về nhà 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm ví dụ - Làm các bài tập được giao về nhà 	Ví dụ Bài tập	CLO 5, CLO 6, CLO 7, CLO 10, CLO 15, CLO 16, CLO 17, CLO 20, CLO 21, CLO 22, CLO 23

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ	<p>CHƯƠNG 6: KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP</p> <p>6.2. Kế toán quá trình sản xuất</p> <p>6.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp</p> <p>6.2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp</p> <p>6.2.3. Kế toán chi phí sản xuất chung</p> <p>6.2.4. Kế toán tính giá thành sản xuất</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides - Vẽ sơ đồ chữ T 1 số chu trình - Thuyết trình các NVKT PS - Cho ví dụ và gọi SV làm bài - Nhận xét và kết luận - Giao bài tập về nhà 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm ví dụ - Làm các bài tập được giao về nhà 	Ví dụ Bài tập	CLO 5, CLO 6, CLO 7, CLO 10, CLO 15, CLO 16, CLO 17, CLO 20, CLO 21, CLO 22, CLO 23
Tuần 13 Buổi 13 4 giờ	<p>CHƯƠNG 6: KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP</p> <p>6.3. Kế toán quá trình tiêu thụ và xác định kết quả hoạt động kinh doanh</p> <p>6.3.1. Kế toán tiêu thụ thành phẩm</p> <p>6.3.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</p> <p>6.3.3. Kế toán chi phí thuế thu nhập</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides - Vẽ sơ đồ chữ T 1 số chu trình - Thuyết trình các NVKT PS - Cho ví dụ và gọi SV làm bài - Nhận xét và kết luận - Giao bài tập về nhà - Giao bài kiểm tra 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm ví dụ - Làm các bài tập được giao về nhà - Làm bài kiểm tra 	Bài tập Bài kiểm tra	CLO 5, CLO 6, CLO 7, CLO 10, CLO 15, CLO 16, CLO 17, CLO 20, CLO 21, CLO 22, CLO 23

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	doanh nghiệp 6.3.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh 6.4. Kế toán hoạt động mua bán hàng hóa và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp thương mại 6.4.1. Kế toán hàng hóa 6.4.2. Xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp thương mại * Kiểm tra				
Tuần 14 Buổi 14 4 giờ	CHƯƠNG 7: SỐ KẾ TOÁN VÀ HÌNH THỨC KẾ TOÁN 7.1. Số kế toán 7.1.1. Khái niệm, ý nghĩa và tác dụng 7.1.2. Phân loại 7.2. Các hình thức sổ kế toán 7.2.1. Hình thức Nhật ký chung 7.2.2. Hình thức Nhật ký-Sổ cái 7.2.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ 7.2.4. Hình thức Nhật ký chứng từ 7.2.5. Hình thức kế toán trên máy tính	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận báo cáo của tổ trưởng về mức độ hoàn thành bài tập, sửa bài tập - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp vở bài tập cho tổ trưởng kiểm tra --Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra 	Ví dụ Bài Tập	CLO 11, CLO 19 CLO 20, CLO 21, CLO 22, CLO 23

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	7.3. Hướng dẫn ghi số và lập các BCTC				
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập và củng cố lại lý thuyết, nội dung chính của toàn môn học - Ôn tập 1 số dạng bài tập - Công bố điểm thành phần 	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Công bố điểm thành phần 40% 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. 	Không đánh giá	CLO 1- CLO 23

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá quá trình

- Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 7.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

- Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

- Đi học đầy đủ, đúng thời gian qui định của nhà trường;

- Yêu cầu trong giờ học tại lớp: không được nói chuyện và làm việc riêng, không sử dụng điện thoại cá nhân và các thiết bị điện tử trừ khi giảng viên cho phép tra cứu tư liệu, thông tin để phục vụ cho học tập, nghiên cứu;

- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo qui định của giảng viên khi đến lớp;

– Trước khi đến lớp, yêu cầu sinh viên tự đọc, nghiên cứu các bài tập, tài liệu tại nhà theo sự hướng dẫn giảng viên nhằm trao đổi, phản biện, góp ý, hợp tác, thảo luận các nội dung theo yêu cầu của giảng viên;

– Tinh thần, thái độ tôn trọng, nghiêm túc, trách nhiệm, tính kỷ luật, cầu thị trong học tập, làm việc với giảng viên và các bạn trong ngoài lớp;

– Kiểm soát tốt cảm xúc cá nhân khi tranh luận, phản biện, bác bỏ, chia sẻ, góp ý, thảo luận, trao đổi các vấn đề tại lớp, trong nhóm;

– Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

– Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh

– Địa chỉ/email liên hệ: phanthichaunga@gmail.com

Đồng Nai, ngày 05 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

ThS. Đinh Thị Hóa

ThS. Phan Thị Châu Nga

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THUẾ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: THUẾ
- Tên học phần Tiếng Anh: TAXATION
- Mã học phần: 2112109
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: Kế toán
- Số tín chỉ: 03

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	30 giờ			90 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 02
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - + Học phần trước: Kinh tế vĩ mô
 - + Học phần song hành (nếu có): không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần: sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Học phần này gồm những vấn đề cơ bản về thuế và những chính sách thuế của nhà nước liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nội dung cơ bản của học phần nhằm nghiên cứu các sắc thuế hiện hành, làm rõ đặc điểm của từng loại thuế, phương pháp tính toán và các thủ tục cần thiết kê khai nộp thuế đối với nhà nước.

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững những kiến thức cơ bản về thuế và kỹ năng tính toán số tiền thuế phải nộp ngân sách của từng sắc thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp theo chế độ hiện hành.

Làm cơ sở để học tập các học phần nghiệp vụ của ngành và vận dụng chúng vào thực tế công tác chuyên môn.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức:

CO1: Học phần đề cập đến những vấn đề cơ bản về thuế; các nguyên lý và phương pháp đánh thuế cơ bản; các loại thuế chủ yếu như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân. Liên quan đến các loại thuế chủ yếu được học, người nộp thuế được trang bị các kiến thức về phạm vi đánh thuế, căn cứ và phương pháp tính thuế, các thủ tục cơ bản về thuế ở Việt Nam. Qua đó giúp người học hiểu và biết cách vận dụng vào thực tiễn làm việc và nghiên cứu.

CO2: Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Hiểu và nắm rõ các lý luận cơ bản về thuế, hệ thống thuế và từng loại thuế cụ thể.
- Phân tích các tác động kinh tế của thuế
- Phân tích và ứng dụng được các phương pháp xác định Thuế xuất nhập khẩu, Thuế tiêu thụ đặc biệt, Thuế giá trị gia tăng, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế thu nhập cá nhân.
- Hiểu và vận dụng qui trình, thủ tục đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán, hoàn thuế đối với các loại thuế thuộc chương trình nghiên cứu.

- Về Kỹ năng:

CO3: Hiểu được thuế là gì, các yếu tố cấu thành một sắc thuế, hệ thống thuế, các tiêu chí ban hành.

CO4: Xây dựng và phân tích được các mô hình phân tích, đánh giá tác động kinh tế của từng loại thuế.

CO5: Nắm được vị trí của thuế trong nền kinh tế, từ đó hiểu được lý do ra đời của thuế.

CO6: Nắm được phạm vi áp dụng, cơ sở tính Thuế xuất nhập khẩu, Thuế tiêu thụ đặc biệt, Thuế giá trị gia tăng, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế thu nhập cá nhân.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO7: Sinh viên sẽ hình thành được nhận thức và sự yêu thích đối với thuế nói chung và các học phần có liên quan. Từ đó, phát triển ý thức nghĩa vụ kê khai, nộp thuế, hoàn thuế và quyết toán thuế đối từng sắc thuế của các doanh nghiệp và cá nhân.

3. Mô tả vấn đề nội dung của học phần:

Học phần này gồm những vấn đề cơ bản về thuế và những chính sách thuế của nhà nước liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nội dung cơ bản của học phần nhằm nghiên cứu các sắc thuế hiện hành, làm rõ đặc điểm của từng loại thuế, phương pháp tính toán và các thủ tục cần thiết kê khai nộp thuế đối với nhà nước.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course Learning Outcomes – viết tắt là CLOs):

Mã số CLOs	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	- Phân tích và xác định được các lý luận cơ bản về thuế, hệ thống thuế và từng loại thuế cụ thể và tác động kinh tế của thuế.	4,0
CLO2	- Phân tích và đánh giá trách nhiệm và nghĩa vụ nộp thuế. Các yếu tố cấu thành một sắc thuế, hệ thống thuế, các tiêu chí ban hành.	4.0
CLO3	- Phân tích và ứng dụng được các phương pháp xác định Thuế xuất nhập khẩu, Thuế tiêu thụ đặc biệt; Thuế giá trị gia tăng; Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thuế thu nhập cá nhân.	4.0
CLO 4	- Phân tích, dự đoán được tình hình Nợ thuế và các tình huống vi phạm phát luật về thuế có khả năng xảy ra.	4.0
CLO 5	- Xây dựng và phân tích được các mô hình phân tích, đánh giá tác động kinh tế của từng loại thuế.	4.0
CLO 6	- Xác định được phạm vi áp dụng, cơ sở tính Thuế xuất nhập khẩu, Thuế tiêu thụ đặc biệt, Thuế giá trị gia tăng, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế thu nhập cá nhân.	3.5
CLO 7	- Xác định được vị trí của thuế trong nền kinh tế, từ đó hiểu được lý do ra đời của thuế.	3.0
CLO 8	Hiểu và áp dụng phương pháp tính các loại thuế cụ thể trong từng tình huống, nghiệp vụ thực tế.	3,5
CLO 9	- Hiểu và áp dụng Luật thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.	3.0
CLO 10	- Hiểu và áp dụng Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.	3,0
CLO 11	- Thể hiện ý thức và trách nhiệm đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước của tổ chức và cá nhân.	3,5
Chuẩn về kỹ năng		
CLO 14	Chủ động tích cực trong việc học tập, nghiên cứu môn học, tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế hiện đại phù hợp với xu thế phát triển hiện nay.	4.0
CLO 15	Sáng tạo trong làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân với	4.0

	người khác và với xã hội.	
CLO 16	Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức, lý thuyết sâu, rộng về luật thuế để có thể vận dụng đúng theo phát luật về thuế. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn Thuế và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân, phát triển khả năng học tập suốt đời.	3.5
CLO 17	Vững vàng và sâu sắc về kiến thức và thực tiễn, sáng tạo trong luật quản lý thuế. Hình thành tác phong làm việc chuyên nghiệp, có khả năng thích ứng nhanh.	3.0
CLO 18	Tính đúng và đủ số thuế phải nộp cho từng sắc thuế: Thuế xuất nhập khẩu, Thuế tiêu thụ đặc biệt, Thuế giá trị gia tăng, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế thu nhập cá nhân.	4.0
CLO 19	Phân tích và ứng dụng được các phương pháp xác định thuế: Thuế xuất nhập khẩu, Thuế tiêu thụ đặc biệt, Thuế giá trị gia tăng.	3.0
CLO 20	Phân tích và ứng dụng được các phương pháp xác định thuế Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế thu nhập cá nhân. Thành thực trong hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ trên tinh thần trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp.	3.5
Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm		
CLO 21	Hình thành tác phong làm việc chuyên nghiệp, có khả năng thích ứng nhanh.	3.5
CLO 22	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn Thuế và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân, phát triển khả năng học tập suốt đời.	4.0

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	x				x	x	x										
2		x			x	x	x										
3			x		x	x											
4			x		x	x	x										

5			x		x	x	x										
6			x		x	x	x										
7			x		x	x	x										
8					x	x	x										
9					x	x	x										
10			x		x	x	x										
11			x		x	x	x										
12			x		x	x	x										
13			x		x	x	x										
14									x	x	x		x			x	x
15										x	x	x				x	x
16										x	x					x	x
17										x	x				x	x	x
18										x	x		x			x	x
19										x	x					x	x
20										x	x					x	x
21			x		x	x	x			x	x					x	x
22			x		x	x	x			x	x					x	x

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá quá trình	- Dự học trên lớp - Thảo luận tại lớp. - Đánh giá quan điểm cá nhân.	Đánh giá thường xuyên theo xếp loại ABCDF		10%
	- Sử lý tình huống	Đánh giá thường xuyên theo tiêu chí	CLO 1 đến	5 %

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CDR học phần	Trọng số
2. Đánh giá giữa kỳ	cụ thể - Bài tập về nhà - Bài tập nhóm	đánh giá và mức độ đạt chuẩn theo xếp loại ABCDF	CLO 17	
	- Bài kiểm tra tự luận hoặc trắc nghiệm.	Kiểm tra giữa kỳ	CLO 1 đến CLO 18	25 %
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần: Bài kiểm tra tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan.	Thi cuối kỳ Sử dụng thang điểm 10 để đánh giá theo đáp án đã được thiết kế.	CLO 1 đến CLO 18	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

- [1] GS. TS. Sử Đình Thành (Chủ biên) (2019), *Giáo trình thuế*, NXB Kinh tế, HCM.
- [2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai, (2021), *Thuế*, Lưu hành nội bộ năm.

Tài liệu tham khảo:

- [1] GS.TS. Sử Đình Thành (Chủ biên) (2017), *Thuế*, NXB Kinh tế, ĐH Kinh tế.
- [2] GS. TS. Lê Hữu Phước (Chủ biên) (2019), *Thuế ứng dụng*, NXB Thống kê, HCM.
- [3] GS. TS. Lê Thị Diệu Hiền (2017), *Giáo trình lý thuyết thuế*, NXB Lao Động.
- [4] TS. Huỳnh Tấn Dũng (Chủ biên) (2018), *Bài tập thuế*, NXB Phương Đông.

Các văn bản luật cần tham khảo:

- Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành thuế Xuất khẩu, nhập khẩu.
- Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành thuế Tiêu thụ đặc biệt.
- Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành thuế Giá trị gia tăng.
- Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành thuế Thu nhập cá nhân.

Các Luật thuế và văn bản hướng dẫn dưới luật (chủ yếu là Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ Tài chính)

Các tài liệu điện tử/ website:

www.gdt.gov.vn

www.mog.gov.vn

www.nghiepvuthue.gov.vn

www.tapchithue.vn

www.ACCA.gov.vn

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	<p>Giới thiệu học phần</p> <p>- Giới thiệu về học phần Thuế</p> <p>Nêu mục tiêu môn học</p> <p>Chương 1. Những Vấn Đề Chung Về Thuế</p> <p>1.1. Khái niệm và các đặc trưng của thuế</p> <p>1.1.1. Khái niệm</p> <p>1.1.2. Các đặc trưng cơ bản của thuế</p> <p>1.2. Bản chất và vai trò của thuế trong nền kinh tế thị trường</p> <p>1.2.1. Bản chất của thuế</p> <p>1.2.2. Vai trò của thuế trong nền kinh tế thị trường</p> <p>1.3. Phân loại thuế</p> <p>1.3.1. Căn cứ vào phương thức đánh thuế</p> <p>1.3.2. Căn cứ vào đối</p>	<p>- Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá</p> <p>- Giới thiệu tài liệu học tập</p> <p>- Chia nhóm sinh viên, tạo lập nhóm thảo luận thuyết trình.</p> <p>- Trình chiếu slide bài giảng để hướng dẫn từng nội dung của môn học.</p> <p>- Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học.</p> <p>- Giới thiệu, diễn giải và phân tích nội dung chương.</p> <p>- Giúp sinh viên hiểu rõ về khái niệm, vai trò và các yếu tố cấu thành nên một</p>	<p>- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài vào các giờ tự học</p> <p>- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.</p> <p>- Tham gia thảo luận tích cực tại lớp.</p> <p>- Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao.</p> <p>- Ghi nhớ mục tiêu, nội dung môn học</p> <p>- Ghi nhớ cách tìm tài liệu, nghiên cứu</p> <p>- Ghi nhớ cách thức đánh giá học phần</p> <p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi .</p> <p>-Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Làm các bài tập</p>	<p>-Thảo luận.</p> <p>-Bài tập tình huống.</p> <p>- Bài tập</p>	<p>CLO 11</p> <p>CLO 13</p> <p>CLO 14</p> <p>CLO 17</p> <p>CLO 18</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>trọng đánh thuế</p> <p>1.3.3. Căn cứ theo chế độ phân cấp và điều hành ngân sách</p> <p>1.3.4. Căn cứ theo phương thức sử dụng</p> <p>1.4. Các yếu tố cơ bản hợp thành luật thuế</p> <p>1.4.1. Tên gọi của luật thuế</p> <p>1.4.2. Đối tượng chịu thuế</p> <p>1.4.3. Người nộp thuế</p> <p>1.4.4. Căn cứ tính thuế</p> <p>1.4.4. Thuế suất</p> <p>1.4.5. Miễn giảm thuế</p> <p>1.5. Tác động của chính sách thuế đến các hoạt động kinh tế</p> <p>1.5.1. Tác động lên giá cả hàng hóa, dịch vụ</p> <p>1.5.2. Tác động vào tiền lương</p> <p>1.5.3. Tác động vào thu nhập cá nhân</p> <p>1.5.4. Tác động vào thương mại quốc tế</p> <p>1.5.5. Tác động đến hoạt động kinh tế</p> <p>Câu hỏi ôn tập chương 1.</p> <p>Bài tập ứng dụng chương 1.</p> <p>Đề tài cho nhóm thảo</p>	<p>sắc thuế, tác động của chính sách thuế đến các hoạt động kinh tế.</p> <p>- Phân tích và đặt câu hỏi liên quan tác động của chính sách thuế.</p> <p>- Giao bài tập về nhà</p> <p>- Bài tập nhóm thảo luận.</p>	<p>được giao về nhà.</p> <p>+ Tại nhà: Đọc chương 1 của giáo trình.</p> <p>+ Tại Lớp: Nghe giảng, thảo luận, làm các bài tập, câu hỏi ôn tập và bài tập thảo luận nhóm.</p> <p>- Tổ chức thuyết trình và thảo luận theo nhóm đề tài: Sự ra đời và phát triển của thuế trên thế giới và ở Việt Nam.</p> <p>- Tổ chức thuyết trình và thảo luận theo nhóm đề tài: Tác động của chính sách thuế tới hoạt động kinh tế trong điều kiện Việt Nam đẩy mạnh hội nhập kinh tế thế giới</p>		

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	luận và thuyết trình.				
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	<p>Giải đáp bài tập chương 1</p> <p>Chương 2. Thuế Xuất Nhập Khẩu</p> <p>2.1. Tổng quan về thuế xuất nhập khẩu.</p> <p>2.1.1. Khái niệm</p> <p>2.1.2. Đặc điểm của thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.</p> <p>2.1.3. Vai trò của thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.</p> <p>2.2. Đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế.</p> <p>2.2.1. Đối tượng chịu thuế</p> <p>2.2.2. Đối tượng nộp thuế</p> <p>2.3. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế</p> <p>2.3.1. Đối với hàng hóa áp dụng thuế suất theo tỉ lệ phần trăm</p> <p>2.3.2. Đối với hàng hóa áp dụng thuế tuyệt đối</p> <p>2.4. Kê khai thuế, thời điểm tính thuế, thời hạn nộp thuế</p> <p>2.5. Miễn thuế, xét miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế xuất nhập</p>	<p>- Hướng dẫn các bài tập chương 1.</p> <p>- Hướng dẫn nội dung thảo luận, thuyết trình của các nhóm.</p> <p>-Diễn giải và phân tích nội dung chương 2.</p> <p>- Giúp sinh viên hiểu rõ về khái niệm và đối tượng chịu thuế xuất nhập khẩu.</p> <p>Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế XNK. Các chính sách miễn thuế, giảm thuế, và hoàn thuế XNK.</p> <p>- Phân tích và đặt câu hỏi liên quan đến Những vấn đề chung về thuế xuất khẩu, nhập khẩu.</p> <p>-Thuyết giảng nội dung cơ bản của luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu hiện hành ở Việt Nam.</p> <p>- Thuyết giảng</p>	<p>- Làm các bài tập tình huống theo nhóm đã được giao.</p> <p>- Ôn tập chương 1</p> <p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>-Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>-Làm các bài tập được giao về nhà.</p> <p>+ Tại nhà: Đọc chương 2 của giáo trình.</p> <p>+ Tại Lớp: Nghe giảng, thảo luận, làm các bài tập, câu hỏi ôn tập và bài tập thảo luận nhóm.</p> <p>- Thảo luận nhóm và thuyết trình đề tài</p> <p>- Làm bài tập áp dụng thuế xuất khẩu, nhập khẩu.</p> <p>- Áp dụng nội dung luật đã học để giải</p>	<p>Thảo luận</p> <p>-Bài tập tình huống.</p> <p>- Bài tập.</p>	<p>CLO 2</p> <p>CLO 13</p> <p>CLO 14</p> <p>CLO 15</p> <p>CLO 18</p> <p>CLO 17</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	khâu 2.5.1. Miễn thuế 2.5.2. Xét miễn thuế 2.5.3. Xét giảm thuế 2.5.4. Hoàn thuế 2.6 Hồ sơ thuế 2.7. Căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế Câu hỏi ôn tập chương 2. Bài tập ứng dụng chương 2. Đề tài cho nhóm thảo luận và thuyết trình.	kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập về nhà cho sinh viên. - Bài tập nhóm thảo luận.	quyết các tình huống thực tế.		
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	Giải đáp bài tập chương 2 Chương 3. Thuế Tiêu Thụ Đặc Biệt 3.1. Tổng quan về thuế tiêu thụ đặc biệt 3.1.1. Khái niệm. 3.1.2. Vai trò. 3.1.3. Đặc điểm. 3.2. Đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế 3.2.1. Đối tượng chịu thuế.	- Hướng dẫn các bài tập chương 2. - Hướng dẫn nội dung thảo luận, thuyết trình của các nhóm. -Diễn giải và phân tích nội dung chương 3. Diễn giải, phân tích khái niệm và đối tượng chịu thuế TTĐB.	- Tại nhà: Đọc chương 3 của giáo trình. - Tại Lớp: Nghe giảng, thảo luận, làm các bài tập, câu hỏi ôn tập và bài tập thảo luận nhóm. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm các bài tập được giao về nhà.	Ví dụ Bài tập. Thảo luận các tình huống cụ thể	CLO 3 CLO 4 CLO 13 CLO 14
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	Chương 3. Thuế Tiêu Thụ Đặc Biệt (tiếp theo) 3.2.2. Đối tượng không chịu thuế	- Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế TTĐB. - Phân tích các	- Làm các bài tập tình huống theo nhóm đã được giao. - Ôn tập chương 2 Tham gia các hoạt	Ví dụ Bài tập. Thảo luận	CLO 16 CLO 17

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>3.2.3. Đối tượng nộp thuế</p> <p>3.3. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế</p> <p>3.3.1. Giá tính thuế</p> <p>3.3.2. Thuế suất</p> <p>3.4 Bài tập ứng dụng.</p> <p>- Câu hỏi ôn tập chương 3.</p> <p>- Bài tập ứng dụng chương 3.</p> <p>- Đề tài cho nhóm thảo luận và thuyết trình.</p>	<p>nội dung cơ bản của luật thuế TTĐB hiện hành ở Việt Nam</p> <p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Giao bài tập về nhà cho sinh viên.</p> <p>- Bài tập nhóm thảo luận.</p>	<p>động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Áp dụng nội dung luật đã học để giải quyết các tình huống thực tế.</p> <p>Làm bài tập áp dụng thuế TTĐB.</p>	<p>các tình huống cụ thể.</p>	<p>CLO 18</p>
<p>Tuần 5 Buổi 5 4 giờ</p>	<p>Hướng dẫn bài tập chương 3</p> <p>Chương 4. Thuế Giá Trị Gia Tăng</p> <p>4.1. Tổng quan về thuế giá trị gia tăng</p> <p>4.1.1. Khái niệm</p> <p>4.1.2. Vai trò</p> <p>4.1.3. Đặc điểm</p> <p>4.2. Đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế</p> <p>4.2.1. Đối tượng chịu thuế</p> <p>4.2.2. Đối tượng không chịu thuế</p> <p>4.2.3. Đối tượng nộp thuế</p> <p>4.3. Căn cứ tính thuế</p>	<p>Hướng dẫn các bài tập chương 3.</p> <p>- Hướng dẫn nội dung thảo luận, thuyết trình của các nhóm.</p> <p>-Diễn giải và phân tích nội dung chương 4.</p> <p>Diễn giải và phân tích nội dung về khái niệm, mục đích và đối tượng chịu thuế GTGT.</p> <p>Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế GTGT.</p> <p>Đăng ký thuế, kê</p>	<p>- Tại nhà: Đọc chương 4 của giáo trình.</p> <p>- Làm các bài tập được giao về nhà.</p> <p>- Ôn tập chương 3</p> <p>- Tại lớp:</p> <p>Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Thảo luận nhóm và thuyết trình đề tài</p> <p>- Làm các bài tập tình huống theo nhóm đã được giao.</p> <p>- Sinh viên lắng nghe,</p>	<p>Thảo luận</p> <p>-Bài tập tình huống.</p> <p>- Bài tập.</p>	<p>CLO 3</p> <p>CLO 4</p> <p>CLO 13</p> <p>CLO 14</p> <p>CLO 16</p> <p>CLO 17</p> <p>CLO 18</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>và phương pháp tính thuế</p> <p>4.3.1. Căn cứ tính thuế</p> <p>4.3.2. Phương pháp tính thuế</p> <p>Câu hỏi ôn tập chương 4.</p> <p>Bài tập ứng dụng chương 4.</p> <p>Đề tài cho nhóm thảo luận và thuyết trình.</p>	<p>khai, nộp thuế quyết toán thuế, và hoàn thuế GTGT.</p> <p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên;</p>	<p>ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p>		
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	<p>Hướng dẫn bài tập chương 4</p> <p>Chương 4. Thuế Giá Trị Gia Tăng (tiếp theo).</p> <p>4.4. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế</p> <p>4.4.1. Đăng ký thuế</p> <p>4.4.2. Kê khai thuế</p> <p>4.4.3. Nộp thuế</p> <p>4.4.4. Quyết toán thuế</p> <p>4.5. Hoàn thuế</p> <p>4.5.1. Đối tượng và trường hợp được hoàn thuế</p> <p>4.5.2. Hồ sơ hoàn thuế</p> <p>4.5.3. Thẩm quyền và trình tự giải quyết hoàn thuế</p> <p>- Câu hỏi ôn tập</p>	<p>Hướng dẫn các bài tập chương 4.</p> <p>- Hướng dẫn nội dung thảo luận, thuyết trình của các nhóm.</p> <p>- Phân tích và đặt câu hỏi liên quan đến cách tính thuế giá trị gia tăng.</p> <p>Phân tích nội dung cơ bản của luật thuế GTGT hiện hành ở Việt Nam</p> <p>- Giao bài tập về nhà cho sinh viên.</p> <p>- Đề tài cho nhóm thảo luận và thuyết trình</p>	<p>- Đọc chương 5 của giáo trình.</p> <p>+ Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Làm các bài tập được giao về nhà.</p> <p>- Thảo luận nhóm và thuyết trình đề tài</p> <p>- Ôn tập chương 4</p> <p>- Làm các bài tập tình huống theo nhóm đã được giao.</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Áp dụng nội dung luật đã học để giải quyết các tình huống thực tế</p>	<p>-Thảo luận</p> <p>-Bài tập tình huống.</p> <p>- Bài tập.</p>	<p>CLO 5</p> <p>CLO 6</p> <p>CLO 13</p> <p>CLO 14</p> <p>CLO 16</p> <p>CLO 17</p> <p>CLO 18</p> <p>CLO 17</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>chương 4.</p> <p>- Bài tập ứng dụng chương 4.</p> <p>- Đề tài cho nhóm thảo luận và thuyết trình.</p>				
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	<p>Hướng dẫn bài tập chương 4</p> <p style="text-align: center;">CHƯƠNG 5</p> <p style="text-align: center;">THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP</p> <p>5.1. Tổng quan về thuế thu nhập doanh nghiệp.</p> <p>5.1.1. Khái niệm</p> <p>5.1.2. Vai trò</p> <p>5.1.3. Đặc điểm</p> <p>5.2. Đối tượng nộp thuế</p> <p>5.3. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế</p> <p>5.3.1. Thu nhập chịu thuế trong kỳ</p> <p>5.3.2. Thuế suất</p> <p>5.4. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế</p> <p>5.4.1. Đăng ký thuế</p> <p>5.4.2. Kê khai thuế</p> <p>5.4.3. Nộp thuế</p> <p>5.4.4. Quyết toán thuế</p> <p>5.5. Miễn, giảm thuế</p> <p>5.5.1. Điều kiện ưu đãi thuế</p>	<p>- Hướng dẫn các bài tập chương 4.</p> <p>- Hướng dẫn nội dung thảo luận, thuyết trình của các nhóm.</p> <p>-Diễn giải và phân tích nội dung chương 6.</p> <p>-Diễn giải và phân tích cho sinh hiểu rõ về khái niệm, mục đích và đối tượng nộp thuế TNDN.</p> <p>- Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế TNDN.</p> <p>- Xác định các loại thu nhập chịu thuế.</p> <p>- Đăng ký thuế, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế,</p> <p>- Xác định được điều kiện ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN.</p>	<p>- Tại nhà: Đọc chương 5 của giáo trình.</p> <p>+ Tại Lớp: Nghe giảng, thảo luận, làm các bài tập về chiến lược sản phẩm</p> <p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Làm các bài tập được giao về nhà.</p> <p>- Thảo luận nhóm và thuyết trình đề tài</p> <p>- Ôn tập chương 5</p> <p>- Làm các bài tập tình huống theo nhóm đã được giao</p>	<p>Ví dụ</p> <p>Thảo luận</p> <p>-Bài tập tình huống.</p> <p>- Bài tập.</p>	<p>CLO 5</p> <p>CLO 6</p> <p>CLO 13</p> <p>CLO 14</p> <p>CLO 16</p> <p>CLO 17</p> <p>CLO 18</p> <p>CLO 18</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	5.5.2. Thuế suất ưu đãi và thời hạn áp dụng thuế suất ưu đãi 5.5.3. Mức và thời gian miễn thuế, giảm thuế.				
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	<p>CHƯƠNG 5</p> <p>THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TT)</p> <p>5.6. Thuế suất</p> <p>5.7. Nơi nộp thuế</p> <p>5.7.1. Nguyên tắc xác định số thuế phải nộp.</p> <p>5.7.2. Xác định thủ tục kê khai, nộp thuế</p> <p>5.7.3. Thủ tục luân chuyển chứng</p> <p>5.7.4. Quyết toán thuế</p> <p>5.8. Xác định thu nhập tính thuế</p> <p>5.8.1. Thu nhập thuộc diện nộp thuế</p> <p>5.8.2. Căn cứ tính thuế</p> <p>5.8.3. Kê khai, nộp thuế</p> <p>- Câu hỏi ôn tập chương 5.</p> <p>- Bài tập ứng dụng chương 5.</p> <p>- Đề tài cho nhóm thảo luận và thuyết trình.</p>	<p>- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm.</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Phân tích và đặt câu hỏi liên quan đến tình huống tránh thuế TNDN.</p> <p>- Phân tích và đặt câu hỏi liên quan đến thất thu thuế TNDN.</p> <p>- Phân tích các tình huống liên quan</p> <p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Giao bài tập về nhà cho sinh viên.</p>	<p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Làm các bài tập được giao về nhà.</p> <p>- Thảo luận nhóm và thuyết trình đề tài</p> <p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trong tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu.</p> <p>- Áp dụng nội dung luật đã học để giải quyết các tình huống thực tế</p> <p>- Ôn bài chuẩn bị kiểm tra giữa kỳ.</p>	<p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>- Bài tập tình huống.</p> <p>- Bài tập.</p>	<p>CLO 1 đến CLO6</p> <p>CLO 13</p> <p>CLO 14</p> <p>CLO 16</p> <p>CLO 17</p> <p>CLO 18</p> <p>CLO 18</p>
Tuần 9	Hướng dẫn bài tập	- Hướng dẫn các	- Tại nhà: Đọc chương 6 của giáo	Bài	CLO 7

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Buổi 9 4 giờ	<p>chương 5</p> <p>chương 6</p> <p>THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN</p> <p>6.1. khái niệm, đặc điểm, vai trò</p> <p>6.2. Đối tượng nộp thuế.</p> <p>6.3. Thu nhập chịu thuế</p> <p>6.4. Thu nhập được miễn thuế TNCN</p> <p>6.5. Giảm thuế TNCN</p> <p>6.6. Kỳ tính thuế</p> <p>6.7. kê khai, khấu trừ, nộp thuế, quyết toán, hoàn thuế</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ</p>	<p>bài tập chương 6.</p> <p>- Hướng dẫn nội dung thảo luận, thuyết trình của các nhóm.</p> <p>-Diễn giải và phân tích nội dung chương 6.</p> <p>Diễn giải và phân tích giúp sinh viên hiểu rõ về khái niệm, mục đích và đối tượng chịu thuế TNCN.</p> <p>- Căn cứ tính thuế TNCN.</p> <p>- Phương pháp tính thuế TNCN.</p> <p>- Đề tài cho nhóm thảo luận và thuyết trình.</p> <p>- Kiểm tra giữa kỳ</p>	<p>trình.</p> <p>- Làm các bài tập được giao về nhà.</p> <p>- Thảo luận nhóm và thuyết trình đề tài</p> <p>- Ôn tập chương 5</p> <p>- Làm các bài tập thuế TNDN.</p> <p>+ Tại Lớp: Nghe giảng, thảo luận, làm các bài tập thuế TNDN.</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Làm các bài tập tình huống theo nhóm đã được giao.</p> <p>Làm bài thi giữa kỳ.</p>	<p>tập</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ</p>	<p>CLO 8</p> <p>CLO 13</p> <p>CLO 14</p> <p>CLO 18</p> <p>CLO 18</p> <p>CLO 17</p>
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	<p>CHƯƠNG 6</p> <p>THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (Tiếp theo)</p> <p>6.8. Căn cứ tính thuế đối với cá nhân cư trú</p> <p>6.8.1. Xác định thu nhập chịu thuế</p> <p>6.8.2. Thu nhập tính thuế</p> <p>6.8.3. Giảm trừ gia</p>	<p>Hướng dẫn thủ tục đăng ký thuế, kê khai, nộp thuế quyết toán thuế, và hoàn thuế TNCN.</p> <p>Phân tích và làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thu nộp thuế và chế độ miễn giảm</p>	<p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Làm các bài tập được giao về nhà.</p> <p>- Thảo luận nhóm và thuyết trình đề tài</p> <p>- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trong tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu.</p> <p>- Ôn bài</p>	<p>Ví dụ</p> <p>Thảo luận</p> <p>-Bài tập tình huống.</p> <p>- Bài tập.</p>	<p>CLO 7</p> <p>CLO 8</p> <p>CLO 13</p> <p>CLO 14</p> <p>CLO 18</p> <p>CLO 18</p> <p>CLO</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>cảnh</p> <p>6.8.4 Biểu thuế</p> <p>6.9. Trách nhiệm của người chi trả thu nhập và trách nhiệm của người có thu nhập chịu thuế</p> <p>- Câu hỏi ôn tập chương 6.</p> <p>- Bài tập ứng dụng chương 6.</p> <p>- Đề tài cho nhóm thảo luận và thuyết trình.</p>	<p>thuế TNCN.</p> <p>Phân tích và đặt câu hỏi liên quan đến những tình huống thực tế thường xảy ra đối với thuế TNCN</p> <p>- Đề tài cho nhóm thảo luận và thuyết trình</p> <p>- Bài tập ứng dụng chương 6.</p>	<p>- Áp dụng nội dung luật đã học để giải quyết các tình huống thực tế.</p>		17
<p>Tuần 11</p> <p>Buổi 11</p> <p>4 giờ</p>	<p>Hướng dẫn bài tập chương 6</p> <p>Chương 7. Các Loại Thuế Khác</p> <p>7.1. Thuế tài nguyên</p> <p>7.1.1. Đối tượng chịu thuế</p> <p>7.1.2. Người nộp thuế</p> <p>7.1.3. Căn cứ tính thuế</p> <p>7.1.4. Kế khai thuế, nộp thuế</p> <p>7.2. Thuế bảo vệ môi trường</p> <p>7.2.1. Đối tượng nộp thuế bảo vệ môi trường</p> <p>7.2.2. Đối tượng chịu thuế</p> <p>7.2.3. Đối tượng không chịu thuế</p> <p>7.2.4. Căn cứ tính</p>	<p>- Hướng dẫn các bài tập chương 6.</p> <p>- Hướng dẫn nội dung thảo luận, thuyết trình của các nhóm.</p> <p>- Diễn giải và phân tích nội dung chương 7.</p> <p>- Diễn giải và phân tích nội dung giúp sinh viên hiểu rõ về khái niệm, mục đích và đối tượng chịu thuế nhà thầu.</p> <p>- Thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường, thuế môn bài. Căn cứ tính thuế</p>	<p>- Tại nhà: Đọc chương 7 của giáo trình.</p> <p>+ Tại Lớp: Nghe giảng, thảo luận, làm các bài tập chương 7</p> <p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Làm các bài tập được giao về nhà.</p> <p>- Thảo luận nhóm và thuyết trình đề tài</p> <p>- Ôn tập chương 7.</p>	<p>Ví dụ</p> <p>Thảo luận</p> <p>- Bài tập tình huống.</p> <p>- Bài tập.</p>	<p>CLO 9</p> <p>CLO 13</p> <p>CLO 14</p> <p>CLO 17</p> <p>CLO 17</p> <p>CLO 18</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	thuế 7.2.5. Kê khai thuế bảo vệ môi trường 7.3. Thuế môn bài 7.4.1. Đối tượng nộp thuế môn bài 7.4.2. Bậc và mức thuế môn bài 7.4.3. Kê khai và nộp thuế môn bài Câu hỏi ôn tập chương 7.	và phương pháp tính thuế. - Đăng ký thuế, kê khai, nộp thuế quyết toán thuế, và hoàn thuế. - Thực hiện được việc kê khai nộp thuế: thuế môn bài, thuế nhà thầu, thuế tài nguyên, và thuế bảo vệ môi trường. - Phân tích và đặt câu hỏi liên quan.			
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ	- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết, nội dung chính của toàn môn học - Ôn tập 1 số dạng bài tập cụ thể - Công bố điểm thành phần.	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Công bố điểm thành phần 40%.	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trong tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. Hoàn thành kỳ thi kết thúc học phần.	Không đánh giá	

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

- Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 7.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

- Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài tự luận/thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

- Hình thức: Thi tự luận/ trắc nghiệm, thời gian 60 phút.
- Không được tham khảo tài liệu khi dự thi
- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.
- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

- Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

- Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

- Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

- Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ/email liên hệ: nguyenthily@dnpu.edu.vn

Đồng Nai, ngày 22 tháng 03 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

ThS. Đinh Thị Hóa

ThS. Nguyễn Thị Lý

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần

- Tên học phần Tiếng Việt: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH.
- Tên học phần Tiếng Anh: ENGLISH FOR BUSINESS ADMINISTRATION.
- Mã học phần: 2112110
- Thuộc khối kiến thức/ kỹ năng nhóm:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 03 (cần chi tiết số giờ lý thuyết, thảo luận/bài tập, thực hành, hoạt động nhóm, tự học)

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	30 giờ	0	0	90 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 3
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - o Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - o Học phần trước: Ngoại ngữ không chuyên 3
 - o Học phần song hành (nếu có): không yêu cầu

2. Mục tiêu của môn học:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức từ vựng về tiếng anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh (QTKD) và kỹ năng Nghe - Nói – Đọc – Viết về các bài viết chuyên ngành Kinh tế trong lĩnh vực chuyên môn: Quản trị Kinh doanh.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức:

CO1: Trang bị cho sinh viên thuật ngữ và kiến thức Tiếng Anh chuyên về QTKD.

CO2: Giúp sinh viên hiểu được một số cấu trúc và hoạt động kinh doanh, văn hoá, sơ đồ tổ chức của công ty.

CO3: Sinh viên có thể tiếp cận kiến thức tiếng anh chuyên ngành cùng phương pháp tư duy hệ thống qua hình thức: đọc – hiểu – thuyết trình – viết – nghe.

CO4: Sinh viên có thể ứng dụng kiến thức trong chương trình môn học vào trong tình huống thực tế, cụ thể.

- Về kỹ năng:

CO5: Rèn luyện kỹ năng nói theo cặp đôi (in pair), thảo luận nhóm về các chủ đề hoạt động của công ty, ứng xử với khách hàng, điện đàm.

CO6: Sinh viên làm quen với viết email, fax, nghe điện thoại, ghi biên bản cuộc họp và văn thư nội bộ, viết thư xin việc và sơ yếu lý lịch.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO7: Có ý thức học tập tích cực, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu, học từ vựng một cách tự giác và trao đổi học tập nhóm khi cần thiết.

CO8: Có nhận thức đúng đắn, nghiêm túc và khách quan trong việc nhìn nhận được vai trò quan trọng của Tiếng Anh chuyên ngành QTKD đối với những lợi ích trong giao tiếp và phục vụ công việc của cá nhân tại các tổ chức kinh tế trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học bao gồm 3 phần. Phần thứ nhất là phần khởi động với các nội dung ôn luyện Listening – Speaking và Writing các chữ cái và số (dùng trong địa chỉ email, đơn hàng, mã số tín dụng ..v...v) cũng như các bài giao tiếp chào hỏi, giới thiệu bản thân trong kinh doanh. Phần thứ 2 tập trung chuyên sâu 11 chuyên đề dành cho ngành QTKD.

Tất cả những chủ đề đều dành cho những tình huống thường gặp trong đời sống kinh doanh như vai trò lãnh đạo, văn hoá các quốc gia và văn hoá công sở, cơ cấu tổ chức của công ty, lĩnh vực Marketing, và nhân sự.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CĐR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO 1	- Nhớ nhiều từ vựng tổng quát và từ vựng chuyên ngành.	3
CLO 2	- Nắm vững các cấu trúc văn phạm và cấu trúc ngữ pháp.	3
CLO 3	- Soạn thảo các loại văn bản hành chính và thương mại thông dụng bằng tiếng Anh.	3.5
CLO 4	- Vận dụng mẫu câu, cấu trúc tiếng Anh thành thạo trong các tình huống trao đổi qua điện thoại, đàm phán, thương lượng trực tiếp.	3.5

CLO 5	- Vận dụng tiếng Anh để trình bày về mô hình cấu trúc công ty và quá trình hoạt động và sản xuất của doanh nghiệp.	3.5
CLO 6	- Hiểu và vận dụng kiến thức của đa văn hoá doanh nghiệp vào các tình huống giao tiếp khách nước ngoài.	3.5
CLO 7	- Đề xuất được các phương án tiếp thị bằng tiếng Anh.	5
CLO 8	- Sáng tạo các mẫu quảng cáo, Khuyến mãi bằng tiếng Anh.	5
CLO 9	- Phân tích cấu trúc công ty, thị trường, môi trường cạnh tranh và Kinh doanh doanh quốc tế bằng tiếng Anh.	4
CLO 10	- Viết CV và Cover letter bằng tiếng Anh.	5
Chuẩn về kỹ năng		
CLO 11	- Vận dụng chính xác ngôn ngữ và cấu trúc tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp xã hội để tổng hợp thông tin trong kinh doanh và trình bày quan điểm cá nhân.	3
CLO 12	- Phát triển khả năng giao tiếp trực tiếp trong công sở, điện đàm, thuyết trình, đóng kịch và viết thư tín.	3.5
Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm		
CLO 13	- Xây dựng tác phong chuyên nghiệp trong học tập	4
CLO 14	- Hình thành thói quen học tập rèn luyện năng nổ các kỹ năng ngay trên lớp và ở nhà.	4

❖ **Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):**

PLOs CLOs																		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1			x	x	x		x	x								x		
2								x								x		
3			x	x	x			x							x	x	x	
4			x	x		x		x		x				x	x	x	x	
5			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x		

6			X	X		X	X	X	X			X	X		X	X		X
7			X			X		X	X	X	X	X	X		X	X		X
8			X			X		X	X	X	X	X	X		X	X		X
9			X		X		X	X		X	X	X	X		X	X		
10								X									X	
11								X		X	X			X	X	X		
12								X		X				X	X	X		
13																	X	X
14																	X	X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá sự chuyên cần	- Tham dự lớp học - Tham gia các hoạt động học tập	Đánh giá thường xuyên theo thang điểm ABCDF		10%
2. Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra thường xuyên: TN1; TN2; TN3; TN4; TN5; TN6; TN7; TN8, TN9, TN10, TN 11, TN12, TN 13	Trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO 1 đến CLO 12	5 %
	Bài kiểm tra giữa kì: TL1; TL2	Kiểm tra làm bài tự luận. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO 1 đến CLO 12	25 %

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CDR học phần	Trọng số
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	Thi cuối kỳ hình thức thi Trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO 1 đến CLO 12	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

[1] John Rogers (2010), *Market Leader*, 3rd edition Intermediate, FT Publishing Finance Times, Pearson Education, Mỹ.

[2] Karen Richardson and partner (2015), *The Business – Pre Intermediate*, MacMillan, Oxford, Thái Lan.

[3] Li Ya Bin (2018), *Basic IELTS*, NXB Tổng Hợp, Cty Nhân Trí Việt, Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

[1] Bill Mascull (2019), *Business vocabulary in use – Intermediate*, 2nd Edition, Cambridge, Anh.

[2] Nhóm tác giả ThS. Nguyễn Bích Quyên, Ths. Hoàng Thị Ngọc Diệp, và ThS Nguyễn Thị Diệu Hiền,(2021), “Tài liệu lưu hành nội bộ “ *Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế*” (2021), Khoa Kinh tế Đại học Đồng Nai.

[3] Rawdon Wyatt (2007), *Check Your English Vocabulary for Business and Administration*, 4th edition, A&C Publishers, London, England.

7. Kế hoạch giảng dạy

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng Viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tuần 1 Buổi 1	GIỚI THIỆU VỀ MÔN HỌC (1 TIẾT)	- Trình chiếu slide bài giảng “Giới	- Ghi chép, đặt các câu hỏi về môn học	Không đánh giá	

4 giờ	UNIT STARTERS (3 TIẾT) Part 1: The Letter of the Alphabet Part 2: Numbers	<p>thiệu môn học” để hướng dẫn từng nội dung của môn học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học. - Thuyết giảng bằng tiếng Anh kết hợp trình chiếu slides về Starters Unit; - Luyện nghe và đọc các con số và chữ cái tiếng Anh và những tình huống sử dụng trong môi trường kinh doanh. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài luyện tập đọc, viết dãy số dài, email, tên riêng. 	<p>để được hướng dẫn cụ thể.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, luyện tập cùng giảng viên. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tham gia bài đánh giá TN1. 	-Đánh giá quá trình, TN 1	CLO 1 CLO 2 CLO11 CLO13 CLO14
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	UNIT STARTERS (3 TIẾT) Part 3: Introductions	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng bằng tiếng Anh kết hợp trình chiếu slides về Starters Unit; - Luyện nghe và nói những tình huống giới thiệu bản thân, gia đình, công ty sử dụng trong môi trường kinh doanh. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài luyện tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, luyện tập cùng giảng viên. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tham gia bài đánh giá TN2. 	-Đánh giá quá trình, TN2	CLO1 CLO2 CLO4 CLO11 CLO13 CLO14
Tuần 3 Buổi 3	UNIT 1: Part 1: Company structure	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng bằng tiếng Anh kết hợp trình chiếu slides nội 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên cần đọc tài liệu học tập, tra từ vựng và nghiên cứu 	- Đánh giá quá trình,	CLO1 CLO2

4 giờ		<p>dung Unit 1 – Part 1.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trau dồi từ vựng về tổ chức công ty và thực hành Kỹ năng Speaking và Reading về cấu trúc công ty. - Hỗ trợ và trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng viết về Org chart. 	<p>ý nghĩa của các cụm từ, bài đọc trong tài liệu liên quan đến phần bài sẽ học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép, thực tập nói và viết, đặt câu hỏi để làm rõ vấn đề về nếu có. - Tham gia các hoạt động khác do giảng viên đưa ra. - Ôn tập đánh giá TN3. 	<p>bài kiểm tra thường xuyên TN3</p>	<p>CLO3 CLO5 CLO9 CLO13 CLO14</p>
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	UNIT 1: Part 2: Operation	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng bằng tiếng Anh kết hợp trình chiếu slides nội dung Unit 1 – Part 2 - Trau dồi từ vựng về tổ chức công ty và thực hành Kỹ năng Writing và Reading về điều hành công ty. - Hỗ trợ và trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng viết về kế hoạch điều hành công ty và thuyết trình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên cần đọc tài liệu học tập, tra từ vựng và nghiên cứu ý nghĩa của các cụm từ, bài đọc trong tài liệu liên quan đến phần bài sẽ học. - Sinh viên lắng nghe, ghi chép, thực tập nói và viết, đặt câu hỏi để làm rõ vấn đề về nếu có. - Tham gia các hoạt động khác do giảng viên đưa ra. - Ôn tập đánh giá TN4. 	<p>- Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN4</p>	<p>CLO 1 CLO 2 CLO4 CLO5 CLO6 CLO11 CLO12 CLO13 CLO14</p>
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	UNIT 1: Part 3: Production	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng bằng tiếng Anh kết hợp trình chiếu slides nội dung Unit 1 – Part 3. - Trau dồi từ vựng về sản xuất (Production) và thực hành Kỹ năng Speaking và Reading, và thảo luận về ra Quyết 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên cần đọc tài liệu học tập, tra từ vựng và nghiên cứu ý nghĩa của các cụm từ, bài đọc trong tài liệu liên quan đến phần bài sẽ học. - Sinh viên lắng nghe, ghi chép, thực tập nói và viết, đặt câu hỏi để làm rõ vấn 	<p>- Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 5</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO12 CLO13 CLO14</p>

		<p>định trong sản xuất, phát triển sản phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đóng kịch theo nhóm để trình bày sản phẩm nhóm đã chuẩn bị. - Hỗ trợ và trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập cho sinh viên kỹ năng Viết báo cáo về sản xuất. 	<p>đề về nếu có.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia các hoạt động khác do giảng viên đưa ra. - Ôn tập đánh giá TN5. 		
<p>Tuần 6 Buổi 6 4 giờ</p>	<p>UNIT 1: Part 4: Management and Cultural Diversity</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng bằng tiếng Anh kết hợp trình chiếu slides nội dung Unit 1 – Part 4. - Trau dồi từ vựng về Văn hoá công ty (Cultures) và thực hành Kỹ năng Speaking, Writing và Reading về Quản lý các vấn đề đa văn hoá trong doanh nghiệp. - Hỗ trợ và trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập cho sinh viên kỹ năng viết báo cáo về văn hoá doanh nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên cần đọc tài liệu học tập, tra từ vựng và nghiên cứu ý nghĩa của các cụm từ, bài đọc trong tài liệu liên quan đến phần bài sẽ học. - Sinh viên lắng nghe, ghi chép, thực tập nói và viết, đặt câu hỏi để làm rõ vấn đề về nếu có. - Tham gia các hoạt động khác do giảng viên đưa ra. - Ôn tập đánh giá TN 6. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 6 	<p>CLO1 CLO2 CLO3 CLO6 CLO11 CLO13 CLO14</p>
<p>Tuần 7 Buổi 7 4 giờ</p>	<p>UNIT 1: Part 5: Marketing</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng bằng tiếng Anh kết hợp trình chiếu slides nội dung Unit 1 – Part 5. - Trau dồi từ vựng về Tiếp thị (Marketing) và thực hành Kỹ năng Speaking, Listening và Reading; thảo 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên cần đọc tài liệu học tập, tra từ vựng và nghiên cứu ý nghĩa của các cụm từ, bài đọc trong tài liệu liên quan đến phần bài sẽ học. - Sinh viên lắng nghe, ghi chép, thực tập nói và viết, đặt 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 7 	<p>CLO1 CLO2 CLO7 CLO11 CLO13 CLO14</p>

		<p>luận về các chủ đề Nghiên cứu thị trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ và trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng luyện tập kỹ năng về Marketing. 	<p>câu hỏi để làm rõ vấn đề về nếu có.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia các hoạt động khác do giảng viên đưa ra. - Ôn tập đánh giá TN7. 		
<p>Tuần 8 Buổi 8 4 giờ</p>	<p>UNIT 1: Part 6: Advertising</p> <p>MID-TERM TEST NUMBER 1</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng bằng tiếng Anh kết hợp trình chiếu slides nội dung Unit 1 – Part 6. - Trau dồi từ vựng về Quảng cáo (Advertising) và thực hành Kỹ năng Speaking và Reading về Adverts. - Hỗ trợ và trả lời thắc mắc của sinh viên. -Giao bài tập cho sinh viên làm mẫu Adverts. - Giao bài kiểm tra giữa kì lần 1 (TL1). 	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực tự hệ thống, ôn lại kiến thức trong tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Làm các bài tập được giao và tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra để đánh giá TN 8. - Làm bài kiểm tra giữa kì lần 1 (TL1). 	<p>Đánh giá quá trình TN 8 và bài kiểm tra giữa kì lần 1 (TL 1)</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO4 CLO8 CLO11 CLO13 CLO14</p>
<p>Tuần 9 Buổi 9 4 giờ</p>	<p>UNIT 1: Part 7: Promotion</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng bằng tiếng Anh kết hợp trình chiếu slides nội dung Unit 1 – Part 7. - Trau dồi từ vựng về Khuyến mãi (Promotion) và thực hành Kỹ năng Speaking, Writing và Reading, thảo luận về chiến dịch khuyến mại cho một sản phẩm - Hỗ trợ và trả lời 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên cần đọc tài liệu học tập, tra từ vựng và nghiên cứu ý nghĩa của các cụm từ, bài đọc trong tài liệu liên quan đến phần bài sẽ học. - Sinh viên lắng nghe, ghi chép, thực tập nói và viết, đặt câu hỏi để làm rõ vấn đề về nếu có. - Tham gia các hoạt động khác do giảng 	<p>- Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 9</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO7 CLO8 CLO11 CLO13 CLO14</p>

		<p>thắc mắc của sinh viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao bài hùng biện cho sinh viên áp dụng luyện tập các kỹ năng speaking trong sales sản phẩm mới và thương thuyết bán hàng kèm khuyến mãi. 	<p>viên đưa ra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập đánh giá TN 9. 		
<p>Tuần 10 Buổi 10 4 giờ</p>	<p>UNIT 1: Part 8: Market structure and competition</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng bằng tiếng Anh kết hợp trình chiếu slides nội dung Unit 1 – Part 8. - Trau dồi từ vựng về Cấu trúc thị trường (Market structures) và thực hành Kỹ năng Speaking và Reading về vấn đề Thị trường và cạnh tranh trong doanh nghiệp. - Hỗ trợ và trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài hùng biện cho sinh viên áp dụng luyện tập các kỹ năng speaking và thương thuyết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên cần đọc tài liệu học tập, tra từ vựng và nghiên cứu ý nghĩa của các cụm từ, bài đọc trong tài liệu liên quan đến phần bài sẽ học. - Sinh viên lắng nghe, ghi chép, thực tập nói và viết, đặt câu hỏi để làm rõ vấn đề về nếu có. - Tham gia các hoạt động khác do giảng viên đưa ra. - Ôn tập đánh giá TN 10. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 10 	<p>CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO9 CLO12 CLO13 CLO14</p>
<p>Tuần 11 Buổi 11 4 giờ</p>	<p>UNIT 1: Part 9: International Trade</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng bằng tiếng Anh kết hợp trình chiếu slides nội dung Unit 1 – Part 9. - Trau dồi từ vựng về Thương mại quốc tế (International Trade) và thực hành, thảo luận về Thương mại tự do và nạn thất nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên cần đọc tài liệu học tập, tra từ vựng và nghiên cứu ý nghĩa của các cụm từ, bài đọc trong tài liệu liên quan đến phần bài sẽ học. - Sinh viên lắng nghe, ghi chép, thực tập nói và viết, đặt câu hỏi để làm rõ vấn 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN11 	<p>CLO1 CLO2 CLO4 CLO6 CLO9 CLO13</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ và trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng luyện tập thảo luận về bài đọc các vấn đề thương mại. 	<ul style="list-style-type: none"> đề về nếu có. - Tham gia các hoạt động khác do giảng viên đưa ra. - Ôn tập đánh giá TN 11. 		CLO14
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ	Unit 1 Part 10:Recruitment	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng bằng tiếng Anh kết hợp trình chiếu slides nội dung Unit 1 – Part 10. - Trau dồi từ vựng về Phòng vấn tuyển dụng (Recruitment) và thực hành viết thư xin việc, sơ yếu lý lịch bằng tiếng Anh. - Hỗ trợ và trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng luyện tập các kỹ năng viết CV và trả lời phỏng vấn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên cần đọc tài liệu học tập, tra từ vựng và nghiên cứu ý nghĩa của các cụm từ, bài đọc trong tài liệu liên quan đến phần bài sẽ học. - Sinh viên lắng nghe, ghi chép, thực tập nói và viết, đặt câu hỏi để làm rõ vấn đề về nếu có. - Tham gia các hoạt động khác do giảng viên đưa ra. - Ôn tập đánh giá TN12. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 12. 	CLO1 CLO2 CLO4 CLO10 CLO12 CLO13 CLO14
Tuần 13 Buổi 13 4 giờ	Unit 1 Part 10:Recruitment (tiếp theo)	<ul style="list-style-type: none"> - Chia nhóm đóng kịch Phòng vấn tuyển dụng (Recruitment) bằng tiếng Anh. - Hỗ trợ và trả lời thắc mắc của sinh viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia các hoạt động khác do giảng viên đưa ra. - Không đánh giá. 		CLO1 CLO2 CLO4 CLO10 CLO12 CLO13 CLO14

<p>Tuần 14</p> <p>Buổi 14</p> <p>4 giờ</p>	<p>UNIT 1: Part 11: Telephone</p> <p>MID-TERM TEST NUMBER 2</p>	<p>- Thuyết giảng bằng tiếng Anh kết hợp trình chiếu slides nội dung Unit 1 – Part 11.</p> <p>- Trau dồi từ vựng về thực hiện một cuộc gọi, nhận cuộc gọi và lấy tin nhắn trong môi trường công sở. Thực hành Kỹ năng Speaking, Writing và Reading tin nhắn, notes.</p> <p>- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm các phần trước.</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>-Thực hành đóng kịch nghe gọi điện thoại.</p> <p>- Giao bài kiểm tra giữa kì lần 2 (TL1).</p>	<p>- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu.</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra để đánh giá TN 13.</p> <p>- Làm bài kiểm tra giữa kì lần 2 (TL1).</p>	<p>Đánh giá quá trình TN 13, và bài kiểm tra giữa kì lần 2 (TL 2)</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO4 CLO12 CLO13 CLO14</p>
<p>Tuần 15</p> <p>Buổi 15</p> <p>4 giờ</p>	<p>ÔN TẬP TỔNG QUÁT HỌC PHẦN</p>	<p>- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh.</p> <p>- Trả lời các thắc mắc của sinh viên.</p>	<p>- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu.</p>	<p>Không đánh giá</p>	<p>TỰ ĐỀN CLO1 CLO12</p>

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm).

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

– Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

– Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

– Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

– Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

– Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

– Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

– Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

– Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

– Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh Tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh

– Địa chỉ/email liên hệ: nguyenbichquyen.1912@gmail.com

Đồng Nai, ngày 04 tháng 04 năm 2022

KT. TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích



ThS. Đinh Thị Hóa



ThS. Nguyễn Bích Quyên

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
- Tên học phần Tiếng Anh:
- Mã học phần: 2112111
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 02

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
100 giờ	20 giờ	20 giờ			60 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 3
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: Không yêu cầu
 - + Học phần trước: Nguyên lý thống kê
 - + Học phần song hành (nếu có): Không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần: sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Phương pháp nghiên cứu khoa học là môn học quan trọng, là môn học bắt buộc cho chương trình các khối ngành kinh tế tại các trường Cao đẳng, Đại học trên cả nước. Phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp một nền tảng kiến thức về phương pháp nghiên cứu, giúp sinh viên có kiến thức và phương pháp luận phục vụ cho chương trình thực tập của sinh viên tại các doanh nghiệp nói riêng và phương pháp luận trong hoạt động nghiên cứu nói chung.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object-Viết tắt là CO):

- Về kiến thức:

CO1: Giúp sinh viên hiểu cách thức, kỹ năng viết một nghiên cứu khoa học

CO2: Giúp sinh viên ứng dụng môn học vào viết báo cáo tốt nghiệp cuối khoá, hình thành đam mê nghiên cứu.

- Về kỹ năng:

CO3: Giúp sinh viên phát triển kỹ năng tư duy, kỹ năng phân tích, kỹ năng nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO4: Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập nhóm.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Nội dung học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học giúp người học có kiến thức về những vấn đề cơ bản trong nghiên cứu khoa học như: Kiến thức tổng quan về nghiên cứu khoa học, giả thuyết nghiên cứu, các trường phái nghiên cứu, các tiêu chuẩn đánh giá một lý thuyết khoa học... Cơ sở lý thuyết đóng vai trò quan trọng trong quá trình nghiên cứu nên việc khai thác, xây dựng và sử dụng cơ sở lý thuyết trong nghiên cứu được giới thiệu cụ thể trong chương 2.

Phương pháp nghiên cứu giúp định hướng cho quá trình nghiên cứu từ đó có kế hoạch lấy số liệu minh chứng. Qui trình nghiên cứu phải được đảm bảo từng bước đảm bảo đề tài nghiên cứu đạt giá trị. Xây dựng đề cương nghiên cứu giúp nhà nghiên cứu hoạch định kế hoạch nghiên cứu cụ thể tránh tình trạng lạc đề, lạc hướng và không đúng tiến độ nghiên cứu. Ngoài ra nội dung chương 5 giới thiệu thêm phần hướng dẫn sử dụng phần mềm SPSS trong chạy số liệu để minh chứng cho phần nghiên cứu thêm tính thuyết phục.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	- Hiểu rõ khái niệm cơ bản trong nghiên cứu khoa học; Tổng quan về nghiên cứu khoa học	3.0
CLO 2	- Nêu được ví dụ giả thuyết lý thuyết; Đóng góp của lý thuyết về mặt lý luận và thực tiễn, hiểu rõ lý thuyết khoa học; nghiên cứu, xây dựng và kiểm định lý thuyết khoa học.	3.0
CLO 3	- Xây dựng tổng quan tài liệu và cơ sở lý thuyết, thực hành tốt việc xây dựng tổng quan tài liệu và cơ sở lý thuyết.	3.5
CLO 4	- Xác định phương pháp nghiên cứu và phương pháp lấy dữ liệu phù hợp cho đề tài nghiên cứu, thực hành tốt việc	3.5

	chọn phương pháp nghiên cứu và phương pháp lấy dữ liệu phù hợp cho đề tài nghiên cứu.	
CLO5	- Xác định các bước trong qui trình nghiên cứu khoa học., hiểu rõ vai trò của từng bước trong qui trình nghiên cứu khoa học.	3.0
CLO 6	- Xây dựng đề cương nghiên cứu, thực hành viết đề cương nghiên cứu khoa học.	4.0
CLO 7	- Xây dựng bảng câu hỏi điều tra lấy số liệu, thực hành viết bảng câu hỏi điều tra lấy số liệu.	4.0
CLO 8	- Xác định đề tài nghiên cứu phù hợp, thực hành chọn và phân tích đề tài nghiên cứu.	4.5
CLO 9	- Xây dựng tên đề tài nghiên cứu dựa trên lĩnh vực phù hợp và cơ sở lý thuyết, thực tiễn liên quan, thực hành viết tên đề tài nghiên cứu.	5.0
CLO 10	- Thuyết trình nội dung đề tài nghiên cứu, phân tích từng mục trong đề cương nghiên cứu.	5.0

Chuẩn về kỹ năng

CLO 11	- Kỹ năng đọc tài liệu tham khảo và giáo trình: chọn tài liệu tham khảo, giáo trình, bài báo.. tập hợp nội dung chính và sử dụng cơ sở lý thuyết để giải thích tình huống.	3.0
CLO 12	- Kỹ năng phân tích: phân tích thực trạng các vấn đề để phát hiện vấn đề nghiên cứu.	4.0
CLO 13	- Kỹ năng thu thập số liệu, đọc và xử lý số liệu: Sử dụng các phương pháp thu thập số liệu, phân tích và sử lý số liệu bằng các phần mềm liên quan.	3.0
CLO 14	- Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm: Thuyết trình lưu loát, sử dụng phần mềm trình chiếu và làm việc nhóm hiệu quả.	3.0
CLO 15	- Kỹ năng tổng hợp kiến thức bằng bản đồ tư duy: Kiến thức tổng hợp trên bản đồ tư duy phải ngắn gọn, khoa học và logic	3.5

Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm

CLO 16	- Hiểu rõ mục tiêu môn học nhằm ứng dụng vào thực tế đạt hiệu quả và hoàn thành đúng các yêu cầu của giảng viên.	3.0
CLO 17	- Có tinh thần nghiên cứu và cập nhật kiến thức mới, kiến thức kinh tế rộng và ứng dụng tùy thuộc tình hình thực tế	4.0

	đòi hỏi người học phải thường xuyên cập nhật và vận dụng sáng tạo.	
CLO 18	- Đảm bảo tính trung thực, làm việc khoa học: số liệu trong kinh tế rất nhiều đòi hỏi người học phải trung thực khi sử dụng nguồn.	3.5
CLO 19	- Hiểu rõ cơ sở lý thuyết; Đánh giá, phân tích tình hình kinh tế đưa ra những quyết định lựa chọn đề tài nghiên cứu; Ứng dụng lý thuyết vào thực tế phải biết cách phối hợp khoa học và kịp lúc.	3.0
CLO 20	- Phát huy năng lực học tập và nghiên cứu, đòi hỏi ý thức và trách nhiệm cá nhân.	3.5

❖ **Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):**

PLOs CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1		x	x	x														
2		x	x	x														
3		x	x	x														
4		x	x	x														
5		x	x	x														
6		x	x	x														
7		x	x	x														
8		x	x	x														
9		x	x	x														
10		x	x	x														
11								x	x									
12								x	x									
13								x	x									
14								x	x									
15								x	x									
16										x		x	x	x			x	x
17										x		x	x	x			x	x
18										x		x	x	x			x	x

19									X		X	X	X			X	X
20							X	X	X		X	X	X			X	X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá chuyên cần	- Số buổi tham gia lớp học - Thái độ học tập	Thường xuyên	CLO 1 đến CLO 15	10%
2. Đánh giá quá trình	Bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn,	Thường xuyên		5%
	Bài thuyết trình nhóm Nhật ký làm việc nhóm	- 01 bài thuyết trình nhóm - Đánh giá dựa trên kết quả công việc được phân công	CLO 11 đến CLO 15	10% 15%
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	Thi cuối kỳ theo hình thức thi trắc nghiệm Đánh giá theo thang điểm 10	CLO 1 đến CLO15	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

- Tài liệu bắt buộc:

[1] TS Trần Tiên Khai (2009), *Phương pháp nghiên cứu kinh tế, tài liệu giảng dạy – Khoa kinh tế phát triển* – Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.

[2] Tài liệu học tập môn Phương pháp nghiên cứu kinh tế (2020), nhóm tác giả trường đại học Đồng Nai. Lưu hành nội bộ

- Tài liệu tham khảo:

[1] PGS.TS Đinh Phi Hồ (2012), *Phương pháp nghiên cứu định lượng*, Nhà xuất bản Phương Đông.

[2] TS Nguyễn Trọng Hoài (2008), *Phương pháp nghiên cứu định lượng cho lĩnh vực kinh tế trong điều kiện Việt Nam*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường – Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.

[3] PGS-TS Đồng Thị Thanh Phương (2012), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*. Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	<p>Chương 1: TỔNG QUAN VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</p> <p>1.1 Nghiên cứu khoa học.</p> <p>1.2 Các trường phái nghiên cứu khoa học.</p> <p>1.3 Lý thuyết khoa học</p> <p>1.4 Nghiên cứu, xây dựng và kiểm định lý thuyết khoa học.</p>	<p>- Giải thích rõ các khái niệm.</p> <p>- Hướng dẫn sv nêu rõ sự khác biệt các trường phái nghiên cứu khoa học</p> <p>- Phân tích rõ giả thuyết lý thuyết</p> <p>- Cho ví dụ cụ thể</p>	<p>- Nghe giảng</p> <p>- Chép bài</p> <p>- Trả lời câu hỏi của giảng viên</p> <p>- Tham gia thảo luận</p>	<p>- Hiểu rõ các khái niệm cơ bản</p> <p>-Áp dụng kiến thức vào viết giả thuyết nghiên cứu của đề tài nghiên cứu.</p>	CLO1, 11, 12, 14, 15, 16, 17

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	<p>Chương 2: VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</p> <p>2.1 Tổng quan tài liệu và cơ sở lý thuyết.</p> <p>2.2 Cách trích dẫn và ghi tài liệu tham khảo.</p> <p>2.3 Phương pháp nghiên cứu.</p> <p>2.4 Thực hành xác định tổng quan tài liệu và cơ sở lý thuyết</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích - Trình chiếu và giải thích một số tổng quan tài liệu và cơ sở lý thuyết từ nghiên cứu mẫu. - Hướng dẫn sinh viên đọc, phân tích, đánh giá. - Hướng dẫn sinh viên xác định lý thuyết liên quan đến đề tài NC 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Chép bài - Trả lời câu hỏi của giảng viên - Tham gia thảo luận về các số liệu trong các bảng biểu. - Sinh viên thực hành xác định lý thuyết liên quan đến đề tài NC 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ lý thuyết, ứng dụng giải thích ví dụ. -Xác định được lý thuyết liên quan đến đề tài NC 	CLO2, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	<p>Chương 3: QUY TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</p> <p>3.1 Quy trình nghiên cứu khoa học là gì?</p> <p>3.2 Các bước mô tả khái quát trong quy trình nghiên cứu.</p> <p>BÀI TẬP</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thực hiện các bước của qui trình nghiên cứu. -Từ một đề tài cụ thể yêu cầu sinh viên thiết kế bảng câu hỏi 	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích về qui trình nghiên cứu, xác định rõ các bước thực hiện trong qui trình. - Hướng dẫn sinh viên làm bài tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Chép bài - Trả lời câu hỏi của giảng viên - Tham gia thảo luận - Tự phân tích tên một đề tài nghiên cứu 	<ul style="list-style-type: none"> -Xác định được lý thuyết liên quan đến đề tài NC -Kỹ năng áp dụng lý thuyết để phân tích tên một đề tài nghiên cứu 	CLO3, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	<p>Chương 4: XÂY DỰNG ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU</p> <p>4.1 Đề cương nghiên cứu:</p> <p>4.2 Vai trò của đề cương nghiên cứu</p> <p>4.3 Nội dung và cấu trúc của đề cương</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Giải thích, hướng dẫn sinh viên xác định mục đích nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu. -Giúp sinh viên phân biệt roc mục đích nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Chép bài - Trả lời câu hỏi của giảng viên - Tham gia thảo luận về các nội dung được yêu cầu. -Từng nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> -Thực hành viết tên đề tài nghiên cứu nhóm - Nộp bài đề cương nghiên cứu 	CLO4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	nghiên cứu BÀI TẬP -Các nhóm tham gia trình bày cách thực hiện đề tài nghiên cứu . -Phản biện cách thức thực hiện đề tài của sinh viên	cứu. -Hướng dẫn sinh viên viết tên đề tài nghiên cứu của nhóm. - Hướng dẫn sv làm theo qui trình đã học.	tham gia thuyết trình theo nội dung đã đăng ký	nhóm -Kỹ năng sử dụng lý thuyết đã học vào thực hành làm nghiên cứu khoa học	
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	Chương 5: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHẦN MỀM SPSS ĐỂ NHẬP DỮ LIỆU 5.1 Phân loại dữ liệu 5.2 Nguyên tắc mã hoá và nhập liệu 5.3 Cửa sổ làm việc của SPSS 5.4 Nội dung chủ yếu của các Menu 5.5 Khai báo biến trong SPSS for windows 5.6 Tóm tắt và trình bày dữ liệu	- Nêu rõ mục tiêu của bài - Hướng dẫn sv nhập số liệu - Cho ví dụ hướng dẫn Sv	- Nghe giảng - Chép bài - Trả lời câu hỏi của giảng viên - Tham gia thảo luận và thực hành	Hiểu và ứng dụng được phần mềm	CLO4, 6,9,10
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	Bài tập ứng dụng - Xác định chủ đề nghiên cứu - Nêu mục đích, mục tiêu và PP nghiên cứu - Chọn lọc lý thuyết liên quan - Xây dựng khung phân tích	- Hướng dẫn sv hiểu rõ các đề tài cho trước. - Hướng dẫn sv phân tích nội dung của đề tài - Hướng dẫn sv chọn các lý thuyết áp dụng vào thực tế.	- Tự giải bài tập	-Kỹ năng sử dụng lý thuyết	CLO12, 13,14

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	Cho sinh viên thuyết trình nhóm: Đề tài: ‘Vấn nạn về ùn tắc giao thông tại tp. hồ chí minh’	<i>Giảng viên:</i> - Hướng dẫn, chỉnh sửa nội dung bài thuyết trình của sv: - Thuyết trình, nêu rõ nội dung đề tài đã chọn, phân tích rõ các bước trong đề tài nghiên cứu	Thuyết trình 1 - Nhóm 1&2 - Phản biện	Đánh giá quá trình	CLO1 - CLO15
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	Đề tài: ‘Tìm hiểu chính sách nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại tp HCM và các ảnh hưởng đến thị trường bất động sản.’	<i>Giảng viên:</i> - Hướng dẫn, chỉnh sửa nội dung bài thuyết trình của sv - yêu cầu svThuyết trình, nêu rõ nội dung đề tài đã chọn, phân tích rõ các bước trong đề tài nghiên cứu	Thuyết trình 2 - Nhóm 3&4 - Phản biện	Đánh giá quá trình	CLO1 - CLO15
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	Đề tài: ‘Tìm hiểu nhu cầu và sự lựa chọn của khách hàng đối với sản phẩm sữa.’	<i>Giảng viên:</i> - Hướng dẫn, chỉnh sửa nội dung bài thuyết trình của sv: - Yêu cầu sv thuyết trình, nêu rõ nội dung đề tài đã chọn, phân tích rõ các bước trong đề tài nghiên cứu	Thuyết trình 3 - Các nhóm 5&6 - Phản biện	Đánh giá quá trình	CLO1- CLO15
Tuần 10	Đề tài: ‘Tìm hiểu những khó khăn về	<i>Giảng viên:</i> - Hướng dẫn,	Thuyết trình 4 - Các nhóm còn	Đánh giá quá trình	CLO1- CLO 15

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Buổi 10 4 giờ	hoạt động xuất nhập khẩu lương thực – thực phẩm của Việt Nam khi gia nhập WTO.’	chỉnh sửa nội dung bài thuyết trình của sv - Yêu cầu sv thuyết trình, nêu rõ nội dung đề tài đã chọn, phân tích rõ các bước trong đề tài nghiên cứu	lại - Hướng dẫn ôn tập		

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

- Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 5.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

- Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

- Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

- Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

- Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

- Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ/email liên hệ: nguyenthuthuydhn@gmail.com

Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

ThS. Đinh Thị Hóa

ThS. Nguyễn Thu Thủy

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: **TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**
- Tên học phần Tiếng Anh: **CORPORATE FINANCE**
- Mã học phần: **2112112**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Số tín chỉ: 03

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	20 giờ	0	10 giờ	90 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 3
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: Tài chính căn bản
 - + Học phần trước: Nguyên lý kế toán
 - + Học phần song hành (nếu có): Không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần: sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Giúp sinh viên có được kiến thức nền tảng và chuyên sâu về lĩnh vực tài chính để có thể phân tích về cấu trúc vốn, lợi nhuận & rủi ro hay tìm nguồn tài trợ,... để giúp doanh nghiệp có được những quyết định đúng đắn, phù hợp và hiệu quả

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object-Viết tắt là CO):

- Về kiến thức:

CO1: Giải thích được các khái niệm: TCDN, cấu trúc vốn, cấu trúc vốn mục tiêu và cấu trúc vốn tối ưu, các lý thuyết cấu trúc vốn, trái phiếu, cổ phiếu, cổ tức, nguồn tài trợ,...

CO2: Hiểu được bản chất của tài chính doanh nghiệp; lý thuyết cơ cấu vốn tối ưu, lý thuyết lợi nhuận hoạt động ròng và lý thuyết M&M; danh mục đầu tư; các giả định của mô hình CAPM và lý thuyết thị trường vốn; nguồn tài trợ của DN,...

CO3: Phân tích lựa chọn chính sách nguồn tài trợ; xây dựng dòng tiền; mối quan hệ giữa lợi nhuận và rủi ro để quyết định đầu tư,....

- Về kỹ năng:

CO4: Làm các bài tập liên quan những kiến thức nền tảng tài chính

CO5: Xử lý các tình huống liên quan đến tài chính trong thực tế

CO6: Ra các quyết định tài chính quan trọng cho doanh nghiệp

- Về Mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO7: Tuân thủ nội quy học tập của Nhà trường

CO8: Có ý thức học tập, rèn luyện

CO9: Nghiêm chỉnh chấp hành chính sách tài chính của Nhà nước

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Tài chính doanh nghiệp là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh và đây là kiến thức cơ sở ngành của ngành quản trị kinh doanh.

Học phần Tài chính doanh nghiệp có một vai trò quan trọng trong khối ngành kinh tế vì mỗi doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải có nguồn tài chính. Ngoài ra học phần này cũng là một học phần bắt buộc trong kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo khoa Kinh tế trường Đại học Đồng Nai. Học phần tài chính DN trình bày các kiến thức lý luận nền tảng như cơ cấu vốn, nguồn tài trợ và chính sách cổ tức của doanh nghiệp cũng như cách thức ứng dụng thực tế liên quan đến các quyết định chủ yếu của doanh nghiệp như định giá tài sản cho đến quyết định đầu tư tài sản để giúp người học hiểu rõ để giải quyết được những vấn đề tài chính quan trọng ở doanh nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course learning outcomes-Viết tắt là CLOs):

Mã số CĐR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	Hiểu bản chất của tài chính doanh nghiệp, các quyết định của nhà tài chính và nguyên tắc tổ chức tài chính DN	4.0
CLO2	Hiểu: cấu trúc vốn; cấu trúc vốn mục tiêu & cấu trúc vốn tối ưu	3.0
CLO3	Thảo luận các lý thuyết cơ cấu vốn tối ưu, lý thuyết lợi nhuận hoạt động ròng và lý thuyết M&M	4.5
CLO4	Giải thích các cặp khái niệm về giá trị: giá trị thanh lý; giá trị hoạt động; giá trị sổ sách; giá trị thị trường; giá trị lý thuyết	3.0

CLO5	Hiểu các giả định của mô hình CAPM và lý thuyết thị trường vốn; mối quan hệ giữa rủi ro và tỷ suất sinh lời kỳ vọng trong hoạt động đầu tư chứng khoán; các phương pháp định giá chứng khoán	3.5
CLO6	Phân tích và đánh giá nên mua hay bán chứng khoán	4.5
CLO7	Giải thích về các dự án và cách tính các tiêu chuẩn để thẩm định dự án đầu tư	3.0
CLO8	Đánh giá về các dự án thông qua các chỉ tiêu đã phân tích	4.5
CLO9	Phân loại nguồn tài trợ của DN và những nguyên tắc cơ bản để lựa chọn nguồn tài trợ.	3.5
CLO10	Phân tích những thuận lợi và bất lợi của việc huy động nguồn vốn	4.0
CLO11	Mô tả về chính sách chi trả cổ tức	3.0
CLO12	Đánh giá các doanh nghiệp phân chia cổ tức	4.5

Chuẩn về kỹ năng

CLO13	Tính toán được các chỉ số: lãi suất của nợ vay; tỷ suất sinh lợi của vốn cổ phần; chi phí sử dụng vốn bình quân	3.5
CLO14	Giải quyết tình huống về cấu trúc vốn trong một DN	4.5
CLO15	Tính toán được các tỷ suất sinh lợi của từng chứng khoán và danh mục đầu tư, đồng thời đo lường được mức độ rủi ro của các chứng khoán	3.5
CLO16	Tính toán các chỉ số NPV; IRR; PI ;...	3.0
CLO17	Đánh giá dự án cụ thể	4.5
CLO18	Tính toán các chi phí huy động nguồn tài trợ	4.0

Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm

CLO19	Nghiêm túc lắng nghe và thảo luận những vấn đề GV đặt ra	3.0
CLO20	Nghiêm chỉnh chấp hành chính sách tài chính của Nhà nước	3.0

❖ **Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):**

PLO_s	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X				X	X

2	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X				X	X
3	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X				X	X
4	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X				X	X
5	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X				X	X
6	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X				X	X
7	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X				X	X
8	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X				X	X
9	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X				X	X
10	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X				X	X
11	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X				X	X
12	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X				X	X
13	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X				X	X
14	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X				X	X
15	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X				X	X
16	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X				X	X
17	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X				X	X
18	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X				X	X
19	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X				X	X
20	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X				X	X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CDR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	- Chuyên cần; phát biểu, xây dựng bài; thực hiện yêu cầu	Thường xuyên	CLO1 đến CLO20	10%

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
1. Đánh giá quá trình	của giảng viên.			
	- Làm đủ bài tập cá nhân, bài tập nhóm (thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm) đúng hạn và đạt yêu cầu.	Thường xuyên	CLO1 đến CLO20	5%
	- Bài kiểm tra giữa kỳ theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm.	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1 đến CLO20	25%
2. Đánh giá kết thúc	Kết thúc học phần: bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan	Thi cuối kỳ	CLO1 đến CLO20	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

[1] TS. Bùi Hữu Phước (2014), *Tài chính doanh nghiệp*, Trường Đại học Kinh tế TP HCM, Nhà xuất bản Kinh Tế Tp. Hồ Chí Minh.

[2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế (2022), *Tài chính doanh nghiệp*, Đại học Đồng Nai, Lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo:

[1] TS. Bùi Hữu Phước (2014), *Tài chính doanh nghiệp*, Trường Đại học Kinh tế TP HCM, Nhà xuất bản Kinh Tế Tp. Hồ Chí Minh.

[2] Tập thể tác giả Phan Thị Cúc, Nguyễn Trung Trực, Đoàn Văn Huy, Đặng Thị Trường Giang, Nguyễn Thị Mỹ Phượng (2010), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Tài chính.

[3] GS.Trần Ngọc Thơ (2013), *Tài chính doanh nghiệp hiện đại*, Trường Đại học Kinh tế TP HCM, Nhà xuất bản Thống Kê.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	<p>1. Nhắc lại một số lưu ý về học phần tiên quyết.</p> <p>2. Giới thiệu học phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về học phần Tài chính doanh nghiệp - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập <p>3. Nêu mục tiêu môn học</p> <p>4. Chia nhóm sinh viên</p>	<p>Dùng phương pháp trực quan (trình chiếu Slide) và dùng phương pháp thuyết giảng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về học phần Tài chính căn bản - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập - Trả lời câu hỏi của sinh viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhớ và đặt câu hỏi về môn học 	Không đánh giá	
	<p>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP</p> <p>1.1. Bản chất, chức năng tài chính DN</p> <p>1.2. Các quyết định chủ yếu của TCDN</p> <p>1.3. Những nhân tố ảnh hưởng tới tài chính DN</p> <p>1.4. Nguyên tắc tổ chức tài chính DN</p> <p>1.5. Nội dung công tác TCDN</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng phương pháp thuyết giảng kết hợp phương pháp trực quan -Đặt câu hỏi cho các nhóm - Thảo luận với sinh viên từng nội dung 	<ul style="list-style-type: none"> -Sv nghe và ghi chú -Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. -Thảo luận với các nhóm và giảng viên 	Các câu hỏi tranh luận & trả lời theo nhóm	CLO1 CLO19 CLO20
Tuần 2 Buổi 2	<p>CHƯƠNG 2: CÁC LÝ THUYẾT VỀ CƠ CẤU VỐN CỦA DOANH NGHIỆP</p> <p>2.1. Những vấn đề chung</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng phương 	<ul style="list-style-type: none"> -Sv nghe và ghi 	Các câu	CLO2

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
4 giờ	<p>về cơ cấu vốn của DN</p> <p>2.1.1. Các khái niệm</p> <p>2.1.2. Các chỉ số</p> <p>2.2. Lý thuyết cơ cấu vốn tối ưu</p> <p>2.2.1. Cơ cấu nguồn vốn tối ưu</p> <p>2.2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định cơ cấu nguồn vốn</p> <p>2.3. Lý thuyết lợi nhuận hoạt động ròng</p> <p>2.4. Lý thuyết M&M về cơ cấu vốn DN</p> <p>2.4.1. Các giả định và mệnh đề của lý thuyết M&M</p> <p>2.4.2. Lý thuyết M&M về cơ cấu vốn công ty trong trường hợp không có thuế</p> <p>2.4.3. Lý thuyết M&M về cơ cấu vốn công ty trong trường hợp có thuế</p> <p>2.4.4. Tác động của thuế và chi phí kiệt quệ tài chính đến lý thuyết M&M</p>	<p>pháp thuyết giảng kết hợp phương pháp trực quan</p> <p>-Đưa ví dụ minh họa và hướng dẫn</p> <p>-Đặt câu hỏi cho các nhóm</p> <p>- Thảo luận với sinh viên từng nội dung</p> <p>-Yêu cầu đọc tiếp nội dung chương 2</p> <p>- Giao bài tập về nhà chương 2</p>	<p>chú</p> <p>-Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.</p> <p>- Áp dụng công thức hoàn thành các ví dụ được giao.</p> <p>-Thảo luận với giảng viên để hiểu rõ từng nội dung</p> <p>- Tìm hiểu và làm bài .</p>	<p>hỏi tranh luyện & trả lời theo nhóm</p>	<p>CLO3</p> <p>CLO19</p> <p>CLO20</p>
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	<p>CHƯƠNG 2: TIẾP THEO</p> <p>2.5. Các nguyên tắc cơ bản khi hoạch định cấu trúc nguồn vốn</p> <p>2.5.1. Tính tương thích</p> <p>2.5.2. Rủi ro và tỷ suất</p>	<p>- Dùng phương pháp thuyết giảng kết hợp phương pháp trực quan</p> <p>-Đưa ví dụ minh họa và hướng dẫn</p>	<p>-Sv nghe và ghi chú</p> <p>-Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.</p>	<p>Các câu hỏi tranh luyện & trả lời theo</p>	<p>CLO2</p> <p>CLO19</p> <p>CLO20</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	sinh lợi 2.5.3. Quyền kiểm soát 2.5.4. Khả năng vốn linh hoạt 2.5.5. Xác định thời điểm Liên hệ trong các DN Sửa bài tập chương 2	-Đặt câu hỏi cho các nhóm - Thảo luận với sinh viên từng nội dung - Hướng dẫn bài tập và sửa lại - yêu cầu sinh viên về nhà đọc nội dung chương 3	-Thảo luận với các nhóm và giảng viên để hiểu rõ từng nội dung - làm bài tập - trình bày và ghi chú	nhóm Bài tập	CLO3 CLO13 CLO14
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	CHƯƠNG 3: MÔ HÌNH ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN VỐN (CAPM) 3.1. Lợi nhuận và rủi ro 3.1.1. Lợi nhuận 3.1.2. Rủi ro 3.1.3. Đo lường rủi ro 3.1.4. Mối quan hệ giữa lợi nhuận và rủi ro 3.2. Lý thuyết thị trường vốn 3.2.1. Tổng quan về lý thuyết thị trường vốn 3.2.2. Nội dung của lý thuyết thị trường vốn	- Dùng phương pháp thuyết giảng kết hợp phương pháp trực quan -Đưa ví dụ minh họa và hướng dẫn -Đặt câu hỏi cho các nhóm - Thảo luận với sinh viên từng nội dung - yêu cầu sinh viên về nhà đọc tiếp nội dung chương 3 - Giao bài tập về nhà chương 3	-Sv nghe và ghi chú -Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. -Thảo luận với các nhóm và giảng viên để hiểu rõ từng nội dung -tìm hiểu và làm bài tập	Các câu hỏi tranh luận & trả lời theo nhóm	CLO5 CLO6
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	CHƯƠNG 3: TIẾP THEO 3.3. Mô hình định giá tài sản vốn 3.3.1. Tổng quan mô hình CAPM 3.3.2. Giả định của mô hình	- Dùng phương pháp thuyết giảng kết hợp phương pháp trực quan -Đưa ví dụ minh họa và hướng dẫn -Đặt câu hỏi cho các	-Sv nghe và ghi chú -Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. -Thảo luận với	Các câu hỏi tranh luận & trả lời theo nhóm	CLO5 CLO6

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>3.3.3. Nội dung của mô hình CAPM</p> <p>3.3.3.1. Rủi ro khi nhà đầu tư nắm giữ danh mục thị trường</p> <p>3.3.3.2. Quan hệ giữa rủi ro và TSSL</p> <p>3.3.3.3. Ưu điểm và nhược điểm của mô hình CAPM</p> <p>Sửa bài tập chương 3</p> <p>Ôn tập chương 1,2,3</p>	<p>nhóm</p> <p>- Thảo luận với sinh viên từng nội dung</p> <p>- Hướng dẫn bài tập và sửa lại</p> <p>-nhắc lại kiến thức chương 1,2,3</p>	<p>các nhóm và giảng viên để hiểu rõ từng nội dung</p> <p>-tìm hiểu và làm bài tập</p> <p>-trình bày và ghi chú</p>	Bài tập	CLO19 CLO20
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	<p>Kiểm tra chương 1,2 và 3 (bài kiểm tra 1)</p> <p>CHƯƠNG 4: ĐỊNH GIÁ CHỨNG KHOÁN</p> <p>4.1. Các cặp khái niệm về giá trị</p> <p>4.1.1. Giá trị thanh lý và giá trị hoạt động</p> <p>4.1.2. Giá trị sổ sách và giá trị thị trường</p> <p>4.1.3. Giá trị thị trường và giá trị lý thuyết</p> <p>4.2. Định giá trái phiếu</p> <p>4.2.1. Những vấn đề chung về trái phiếu</p> <p>4.2.2. Định giá trái</p>	<p>-Giao bài kiểm tra</p> <p>- Dùng phương pháp thuyết giảng kết hợp phương pháp trực quan</p> <p>-Đưa ví dụ minh họa và hướng dẫn</p> <p>-Đặt câu hỏi cho các nhóm</p> <p>- Thảo luận với sinh viên từng nội dung</p> <p>- yêu cầu sinh viên về nhà đọc tiếp nội dung chương 4</p> <p>- Giao bài tập về nhà chương 4</p>	<p>-Làm bài kiểm tra</p> <p>-Sv nghe và ghi chú</p> <p>-Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.</p> <p>-Thảo luận với các nhóm và giảng viên để hiểu rõ từng nội dung</p> <p>-tìm hiểu và làm bài tập</p>	Bài kiểm tra 1 Các câu hỏi tranh luận & trả lời theo nhóm	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5 CLO6 CLO4 CLO5 CLO19 CLO20

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)	(3)	(4)	(5)
	<p>phiếu</p> <p>4.2.2.1. Định giá trái phiếu theo mô hình giá trị hiện tại</p> <p>4.2.2.2. Định giá trái phiếu theo mô hình tỷ suất lợi tức của TP</p>				
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	<p>CHƯƠNG 4: TIẾP THEO</p> <p>4.3. Định giá cổ phiếu ưu đãi</p> <p>4.3.1. Những vấn đề chung về CPUĐ</p> <p>4.3.2. Định giá cổ phiếu ưu đãi</p> <p>4.3.2.1. Định giá CPUĐ theo mô hình giá trị hiện tại</p> <p>4.3.2.2. Định giá CPUĐ theo mô hình tỷ suất sinh lời của cổ phiếu ưu đãi</p> <p>4.4. Định giá cổ phiếu thường</p> <p>4.4.1. Những vấn đề chung về cổ phiếu thường</p> <p>4.4.2. Định giá cổ phiếu thường</p> <p>4.4.2.1. Định giá cổ phiếu thường theo mô hình chiết khấu dòng tiền (DCF)</p> <p>4.4.2.2. Định giá cổ phiếu thường</p>	<p>- Dùng phương pháp thuyết giảng kết hợp phương pháp trực quan</p> <p>-Đưa ví dụ minh họa và hướng dẫn</p> <p>-Đặt câu hỏi cho các nhóm</p> <p>- Thảo luận với sinh viên từng nội dung</p> <p>- Giao bài tập về nhà chương 4</p>	<p>-Sv nghe và ghi chú</p> <p>-Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.</p> <p>-Thảo luận với các nhóm và giảng viên để hiểu rõ từng nội dung</p> <p>-tìm hiểu và làm bài tập</p>	<p>Các câu hỏi tranh luận & trả lời theo nhóm</p>	<p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO19</p> <p>CLO20</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		<i>Giảng viên</i>	<i>Sinh viên</i>		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	theo mô hình định giá so sánh Bài tập chương 4				
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	Sửa bài tập chương 4 Trả bài kiểm tra 1	- Hướng dẫn và sửa lại	-trình bày và ghi chú	Bài tập	CLO15 CLO19 CLO20
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	CHƯƠNG 5: ĐẦU TƯ TÀI SẢN DH 5.1. Những vấn đề chung về đầu tư DH 5.1.1. Khái niệm đầu tư 5.1.2. Phân loại 5.1.3. Các yếu tố tác động đến quyết định đầu tư dài hạn của DN 5.1.4. Các loại dự án đầu tư 5.2. Quy trình phân tích và quyết định ĐT 5.2.1. Đánh giá dự án 5.2.2. Phân tích dòng tiền 5.2.3. Thực hiện quyết định	- Dùng phương pháp thuyết giảng kết hợp phương pháp trực quan -Đưa ví dụ minh họa và hướng dẫn -Đặt câu hỏi cho các nhóm - Thảo luận với sinh viên từng nội dung - yêu cầu sinh viên về nhà đọc tiếp nội dung chương 5 - Giao bài tập về nhà chương 5	-Sv nghe và ghi chú -Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. -Thảo luận với các nhóm và giảng viên để hiểu rõ từng nội dung -tìm hiểu và làm bài tập	Các câu hỏi tranh luận & trả lời theo nhóm	CLO13 CLO14 CLO15 CLO7
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	CHƯƠNG 5: TIẾP THEO 5.3. Các tiêu chuẩn đánh giá dự án 5.3.1. Tiêu chuẩn hiện giá thuần 5.3.2. Tiêu chuẩn tỷ suất thu nhập nội bộ	- Dùng phương pháp thuyết giảng kết hợp phương pháp trực quan -Đưa ví dụ minh họa và hướng dẫn -Đặt câu hỏi cho các	-Sv nghe và ghi chú -Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. -Thảo luận với các nhóm và	Các câu hỏi tranh luận & trả lời theo nhóm	CLO7,8 CLO16

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		<i>Giảng viên</i>	<i>Sinh viên</i>		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	5.3.3. Tiêu chuẩn chỉ số sinh lợi 5.3.4. Tiêu chuẩn thời gian hoàn vốn 5.4. Lựa chọn dự án trong điều kiện giới hạn ngân sách 5.4.1. Giới hạn cứng 5.4.2. Giới hạn mềm Sửa bài tập chương 5	nhóm - Thảo luận với sinh viên từng nội dung - yêu cầu sinh viên làm bài tập -hướng dẫn và sửa bài	giảng viên để hiểu rõ từng nội dung -tìm hiểu và làm bài tập -trình bày và ghi chú	Bài tập	CLO16 CLO17 CLO19 CLO20
Tuần Buổi Số giờ	CHƯƠNG 6: NGUỒN TÀI TRỢ CỦA DN 6.1. Tổng quan về nguồn tài trợ của DN 6.1.1. Sự cần thiết lựa chọn nguồn vốn tài trợ cho DN 6.1.2. KN về nguồn tài trợ của DN 6.1.3. Phân loại nguồn tài trợ của DN 6.2. Nguyên tắc cơ bản để lựa chọn nguồn tài trợ 6.3. Phương pháp phân tích lựa chọn chính sách nguồn tài trợ 6.4. Nội dung các nguồn tài trợ của DN 6.4.1. Nguồn vốn ngắn hạn của DN 6.4.2. Nguồn vốn dài hạn của DN	- Dùng phương pháp thuyết giảng kết hợp phương pháp trực quan -Đưa ví dụ minh họa và hướng dẫn -Đặt câu hỏi cho các nhóm - Thảo luận với sinh viên từng nội dung - yêu cầu sinh viên về nhà đọc tiếp nội dung chương 6 - Giao bài tập về nhà chương 6	-Sv nghe và ghi chú -Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. -Thảo luận với các nhóm và giảng viên để hiểu rõ từng nội dung -tìm hiểu và làm bài tập	Các câu hỏi tranh luận & trả lời theo nhóm	CLO9 CLO10 CLO19 CLO20

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)	(4)	(4)	(5)
(1)	<p>CHƯƠNG 6: TIẾP THEO</p> <p>6.5. Quyết định lựa chọn nguồn vốn dài hạn của DN</p> <p>6.5.1. Căn cứ vào chi phí sử dụng vốn</p> <p>6.5.2. Căn cứ vào ưu điểm của nguồn vốn</p> <p>Liên hệ trong các DN</p> <p>Sửa bài tập chương 6</p> <p>Ôn tập chương 4,5,6</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng phương pháp thuyết giảng kết hợp phương pháp trực quan -Đưa ví dụ minh họa và hướng dẫn -Đặt câu hỏi cho các nhóm - Thảo luận với sinh viên từng nội dung - yêu cầu sinh viên làm bài tập -hướng dẫn và sửa bài -nhắc lại kiến thức - yêu cầu sinh viên về nhà đọc chương 7 	<ul style="list-style-type: none"> -Sv nghe và ghi chú -Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. -Thảo luận với các nhóm và giảng viên để hiểu rõ từng nội dung -tìm hiểu và làm bài tập -trình bày và ghi chú 	<p>Các câu hỏi tranh luận & trả lời theo nhóm</p> <p>Bài tập</p>	<p>CLO10</p> <p>CLO18</p> <p>CLO19</p> <p>CLO20</p>
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	<p>Kiểm tra chương 4,5,6 (Bài kiểm tra 2)</p> <p>CHƯƠNG 7: CHÍNH SÁCH PHÂN CHIA CỔ TỨC CỦA DN</p> <p>7.1. Những vấn đề chung về cổ tức</p> <p>7.1.1. Khái niệm về cổ tức</p> <p>7.1.2. Phân loại cổ tức</p> <p>7.2. Trình tự phân chia cổ tức</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giao đề kiểm tra - Dùng phương pháp thuyết giảng kết hợp phương pháp trực quan -Đưa ví dụ minh họa và hướng dẫn -Đặt câu hỏi cho các nhóm - Thảo luận với sinh viên từng nội dung 	<ul style="list-style-type: none"> -làm bài kiểm tra -Sv nghe và ghi chú -Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. -Thảo luận với các nhóm và giảng viên để hiểu rõ từng nội 	<p>Bài kiểm tra 2</p> <p>Các câu hỏi tranh luận & trả lời theo nhóm</p>	<p>CLO4 đến CLO9</p> <p>CLO11</p> <p>CLO12</p> <p>CLO19</p> <p>CLO20</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		- yêu cầu sinh viên làm bài tập chương 7 - yêu cầu sinh viên về nhà đọc tiếp chương 7	dung -tìm hiểu và làm bài tập -trình bày và ghi chú	Bài tập	
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	CHƯƠNG 7: TIẾP THEO 7.3. Chính sách cổ tức 7.3.1. Các quan điểm về chính sách cổ tức 7.3.2. Các chính sách cổ tức 7.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định chính sách cổ tức Liên hệ các DN Sửa bài tập chương 7	- Dùng phương pháp thuyết giảng kết hợp phương pháp trực quan -Đưa ví dụ minh họa và hướng dẫn -Đặt câu hỏi cho các nhóm - Thảo luận với sinh viên từng nội dung - yêu cầu sinh viên làm bài tập chương 7 - hướng dẫn và sửa bài tập chương 7	-Sv nghe và ghi chú -Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. -Thảo luận với các nhóm và giảng viên để hiểu rõ từng nội dung -tìm hiểu và làm bài tập -trình bày và ghi chú	Các câu hỏi tranh luận & trả lời theo nhóm Bài tập	CLO11 CLO12 CLO19 CLO20
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	Sửa bài kiểm tra 2 Ôn lại kiến thức chương 1,2,3,4,5,6,7 Công bố điểm thành phần	- Hướng dẫn và sửa lại	-trình bày và ghi chú	Không đánh giá	CLO1 Đến CLO20

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

- Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 7.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

- Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

- Đi học đầy đủ, đúng thời gian qui định của nhà trường;

- Yêu cầu trong giờ học tại lớp: không được nói chuyện và làm việc riêng, không sử dụng điện thoại cá nhân và các thiết bị điện tử trừ khi giảng viên cho phép tra cứu tư liệu, thông tin để phục vụ cho học tập, nghiên cứu;

- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo qui định của giảng viên khi đến lớp;

- Trước khi đến lớp, yêu cầu sinh viên tự đọc, nghiên cứu các bài tập, tài liệu tại nhà theo sự hướng dẫn giảng viên nhằm trao đổi, phản biện, góp ý, hợp tác, thảo luận các nội dung theo yêu cầu của giảng viên;

- Tinh thần, thái độ tôn trọng, nghiêm túc, trách nhiệm, tính kỷ luật, cầu thị trong học tập, làm việc với giảng viên và các bạn trong ngoài lớp;

- Kiểm soát tốt cảm xúc cá nhân khi tranh luận, phản biện, bác bỏ, chia sẻ, góp ý, thảo luận, trao đổi các vấn đề tại lớp, trong nhóm;

- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế//Bộ môn Quản trị kinh doanh

- Địa chỉ/email liên hệ: nguyenthanhhoa@dnp.edu.vn

Đồng Nai, ngày 05 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

ThS. Đinh Thị Hóa

ThS. Nguyễn Thanh Hòa

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
VĂN HÓA KINH DOANH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: **VĂN HÓA KINH DOANH**
- Tên học phần Tiếng Anh: **BUSINESS CULTURE**
- Mã học phần: **2112113**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 03

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	30 giờ	0	00	90 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 3
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - + Học phần trước:
 - + Học phần song hành (nếu có): không có

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung

Học phần Văn hóa kinh doanh Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các yếu tố cấu thành văn hóa kinh doanh, tổng quan về văn hóa kinh doanh Việt Nam và một số nước trên thế giới, những nội dung xây dựng và phát triển văn hóa kinh doanh.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- **Về kiến thức:**

CO1: Giúp người học có kiến thức khái quát về khái niệm văn hóa kinh doanh và các yếu tố cấu thành nên văn hóa kinh doanh

CO2: Giúp người học khái quát được cách xây dựng và phát triển văn hóa kinh doanh.

- Về kĩ năng:

CO3: Giúp người học có khả năng xây dựng, ứng dụng và phát triển những kiến thức về văn hóa và văn hóa kinh doanh trong hoạt động của một doanh nghiệp thực tế.

CO4: Đào tạo năng lực làm việc độc lập và theo nhóm

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO5: Hình thành thói quen chủ động, tích cực tham gia và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, các thông lệ, tập quán văn hóa tại mỗi vùng miền lãnh thổ có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

CO5: Giúp người học xây dựng ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

CO6: Có năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

- Văn hóa kinh doanh là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh và đây là kiến thức chuyên ngành của ngành quản trị kinh doanh.

- Học phần này bao gồm những nội dung cơ bản sau: tổng quan về văn hóa kinh doanh và các yếu tố cấu thành; đề cập đến một số đặc trưng cần quan tâm của văn hóa kinh doanh Việt Nam và một số nước trên thế giới.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CDR (1)	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom) (2)	Trình độ năng lực (3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	- Hiểu được khái niệm, chức năng, vai trò, của văn hóa và văn hóa kinh doanh	3.0
CLO2	- Trình bày được những kiến thức khái quát nhất về các biểu hiện cơ bản của văn hóa kinh doanh	4.0
CLO3	- Hiểu được khái niệm và nội dung cơ bản của triết lý kinh doanh	3.0
CLO4	- Hiểu được khái niệm và nội dung cơ bản của đạo đức kinh doanh	3.0
CLO5	- Hiểu được khái niệm và vai trò của văn hóa doanh nhân	3.0
CLO6	- Hiểu được khái niệm và các yếu tố cấu thành nên văn hóa doanh nghiệp	3.0
CLO7	- Hiểu được khái niệm và nội dung cơ bản của văn hóa ứng xử trong kinh doanh	3.0

CLO8	- Nắm được văn hóa kinh doanh Việt Nam qua các thời kì	3.0
CLO9	- Nắm được những vấn đề cần giải quyết và những lưu ý về văn hóa kinh doanh ở Việt Nam	4.5
CLO10	- Hiểu và trình bày được khác biệt và giao lưu văn hóa - Hiểu về hiện tượng sốc văn hóa	4.0
CLO11	- Hiểu về khái niệm Marketing đa văn hóa	3.0
CLO12	- Nắm được một số lưu ý khi thực hiện giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và một số quốc gia tiêu biểu.	4.0

Chuẩn về kỹ năng

CLO13	- Kỹ năng nhận diện vấn đề: cách thức, phương pháp tạo dựng triết lý kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp,...	5.0
CLO14	- Kỹ năng làm việc nhóm: thành lập, tổ chức, phân công thực hiện công việc cho các thành viên trong nhóm	5.0
CLO15	- Kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề: Dựa tình huống đưa ra nhận xét, phân tích, đánh giá về những vấn đề liên quan đến nội dung học phần.	5.0
CLO16	- Kỹ năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn: Áp dụng lý thuyết vào thực tế để giải quyết các tình huống văn hóa kinh doanh	4.5

Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm

CLO17	Nhận thức được tầm quan trọng của nhà quản trị trong việc xây dựng văn hóa kinh doanh	4.0
CLO18	Có thái độ khiêm nhường, ham học hỏi để tôi luyện bản thân trở thành một người có văn hóa kinh doanh.	4.0

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	x		x		x			x	x	x			x		x	x	x	x
2		x	x															
3		x	x															
4	x	x	x					x		x			x		x	x	x	x
5		x	x					x		x			x		x	x	x	x

6		X	X					X		X			X		X	X	X	X
7	X	X	X		X			X	X									
8	X	X																
9	X	X			X		X			X			X		X	X	X	X
10		X			X		X			X			X		X	X	X	X
11					X		X			X			X		X	X	X	X
12							X			X			X		X	X	X	X
13										X			X		X	X	X	X
14									X						X			
15										X			X		X	X		
16										X					X	X		
17																	X	X
18																	X	X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CDR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá sự chuyên cần	- Tham dự lớp học - Tham gia bài tập nhóm	Đánh giá thường xuyên theo thang điểm ABCDF	CLO1 đến CLO18	10%
2. Đánh giá quá trình	Bài tập nhóm	Bài tập tình huống. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO12	5%
	Bài kiểm tra giữa kì	Trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO12	25%
3. Đánh giá cuối	Kết thúc học	Thi cuối kỳ hình	CLO1 đến	60%

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
kỳ	phần	thức thi trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO12	
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

- [1] Dương Thị Liễu (2013), *Văn hóa kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
- [2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai (2022), *Văn hóa kinh doanh*, Lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo:

- [1] Dương Thị Liễu (2011), *Văn hóa kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
- [2] Trần Nhoãn & Trần Dũng Hải (2009), *Văn hóa doanh nghiệp và doanh nhân*, NXB Thanh niên
- [3] Edgar H. Schein (2004), *Organizational Culture and Leadership* - 3th Edition, NXB Jossey-Bass Business & Management

PGS.TS. Hoàng Văn Hải (2022), *Giáo trình Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	Giới thiệu môn học - Giới thiệu về học phần Văn hóa kinh doanh - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá	- Trình chiếu slide bài giảng “Giới thiệu môn học” để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học	- Ghi chép, đặt các câu hỏi về môn học để được hướng dẫn cụ thể.	Không đánh giá	

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tài liệu học tập - Chia nhóm sinh viên 	<ul style="list-style-type: none"> tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học. 			
	<p>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ VĂN HÓA KINH DOANH</p> <p>1.1. Khái quát chung về văn hóa</p> <p>1.1.1. Khái niệm văn hóa</p> <p>1.1.2. Các yếu tố cấu thành văn hóa</p> <p>1.1.3. Chức năng và vai trò của văn hóa</p> <p>1.2. Khái quát chung về văn hóa kinh doanh</p> <p>1.2.1. Khái niệm văn hóa kinh doanh</p> <p>1.2.2. Các đặc trưng của văn hóa kinh doanh</p> <p>1.2.3. Các nhân tố tác động đến văn hóa kinh doanh</p> <p>1.2.4. Vai trò của văn hóa kinh doanh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 1; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. 	Đánh giá chuyên cần	CLO1 CLO2 CLO13 CLO15 CLO16 CLO17 CLO18

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	<p>CHƯƠNG 2: CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH VĂN HÓA KINH DOANH</p> <p>2.1. Triết lý kinh doanh</p> <p>2.1.1. Khái niệm triết lý kinh doanh</p> <p>2.1.2. Nội dung của triết lý kinh doanh của doanh nghiệp</p> <p>2.1.3. Cách thức xây dựng triết lý kinh doanh của doanh nghiệp</p> <p>2.1.4. Các hình thức thể hiện triết lý kinh doanh của doanh nghiệp</p> <p>2.1.5. Vai trò của triết lý kinh doanh trong quản lý và phát triển doanh nghiệp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. 	Đánh giá chuyên cần	CLO3 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17 CLO18
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	<p>CHƯƠNG 2: CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH VĂN HÓA KINH DOANH (tt)</p> <p>2.2. Đạo đức kinh doanh</p> <p>2.2.1. Khái niệm đạo đức kinh doanh</p> <p>2.2.2. Đạo đức kinh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. 	Đánh giá chuyên cần	CLO4 CLO13 CLO15 CLO16 CLO17 CLO18

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp 2.2.3. Vai trò của đạo đức kinh doanh trong quản trị doanh nghiệp 2.2.4. Các khía cạnh thể hiện của đạo đức kinh doanh 2.2.5. Đạo đức kinh doanh trong nền kinh tế toàn cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa. 			
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	CHƯƠNG 2: CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH VĂN HÓA KINH DOANH (tt) 2.3. Văn hóa doanh nhân 2.3.1. Khái niệm doanh nhân 2.3.2. Khái niệm văn hóa doanh nhân 2.3.3. Ảnh hưởng của văn hóa doanh nhân tới văn hóa kinh doanh 2.3.4. Các nhân tố tác động đến văn hóa doanh nhân 2.3.5. Các bộ phận cấu thành văn hóa doanh nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. 	Đánh giá chuyên cần	CLO5 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17 CLO18

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	2.3.6. Hệ thống tiêu chuẩn đánh giá văn hóa doanh nhân				
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	<p>CHƯƠNG 2: CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH VĂN HÓA KINH DOANH (tt)</p> <p>2.4. Văn hóa doanh nghiệp</p> <p>2.4.1. Khái niệm văn hóa doanh nghiệp</p> <p>2.4.2. Các cấp độ văn hóa doanh nghiệp</p> <p>2.4.3. Tác động của văn hóa doanh nghiệp tới hoạt động của doanh nghiệp</p> <p>2.4.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến văn hóa doanh nghiệp</p> <p>2.4.5. Các giai đoạn hình thành và cơ cấu thay đổi văn hóa doanh nghiệp</p> <p>2.4.6. Các dạng văn hóa doanh nghiệp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. 	Đánh giá chuyên cần	CLO6 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17 CLO18
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	<p>CHƯƠNG 2: CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH VĂN HÓA KINH DOANH (tt)</p> <p>2.5. Văn hóa ứng xử</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các 	Đánh giá chuyên cần	CLO7 CLO13 CLO15 CLO16 CLO17

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>trong kinh doanh</p> <p>2.5.1. Vai trò của văn hóa ứng xử với doanh nghiệp</p> <p>2.5.2. Văn hóa ứng xử trong các mối quan hệ nội bộ doanh nghiệp</p> <p>2.5.3. Văn hóa ứng xử trong mối quan hệ với khách hàng</p> <p>2.5.4. Văn hóa ứng xử trong đàm phán và thương lượng</p>	<p>dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra ví dụ minh họa.</p>	<p>hoạt động do giảng viên đưa ra.</p>		CLO18
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	<p>CHƯƠNG 2: CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH VĂN HÓA KINH DOANH (tt)</p> <p>Thảo luận các tình huống</p>	<p>- Đưa ra các tình huống chương 2;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung tình huống</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia thảo luận tình huống</p> <p>- Thực hiện bài kiểm tra giữa kì</p>	Đánh giá bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17 CLO18
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	<p>CHƯƠNG 2: CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH VĂN HÓA KINH DOANH (tt)</p> <p>Thảo luận các tình huống</p> <p>BÀI KIỂM TRA</p>	<p>- Đưa ra các tình huống chương 2;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung tình huống</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia thảo luận tình huống</p> <p>- Thực hiện bài</p>	Đánh giá bài kiểm tra giữa kì	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO13 CLO14

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	GIỮA KÌ	- Giao bài kiểm tra giữa kì	kiểm tra giữa kì		CLO15 CLO16 CLO17 CLO18
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	CHƯƠNG 3: VĂN HÓA KINH DOANH VIỆT NAM 3.1. Nhận diện văn hóa kinh doanh Việt Nam thời kỳ trước đổi mới 3.1.1. Văn hóa kinh doanh Việt Nam thời kì phong kiến 3.1.2. Văn hóa kinh doanh thời kỳ Pháp thuộc (1959 – 1945) và thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) 3.1.3. Văn hóa kinh doanh giai đoạn 1954 – 1975 3.1.4. Văn hóa kinh doanh giai đoạn 1975 – 1986	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Đánh giá chuyên cần	CLO8 CLO13 CLO15 CLO16 CLO17 CLO18
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	CHƯƠNG 3: VĂN HÓA KINH DOANH VIỆT NAM (tt) 3.2. Nhận diện văn hóa kinh doanh Việt Nam trong quá trình	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do	Đánh giá chuyên cần	CLO8 CLO13 CLO15 CLO16 CLO17 CLO18

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>đổi mới</p> <p>3.2.1. Một số biểu hiện văn hóa kinh doanh trong doanh nghiệp Nhà nước</p> <p>3.2.2. Một số biểu hiện của văn hóa kinh doanh trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</p> <p>3.2.3. Một số biểu hiện của văn hóa kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân</p> <p>3.2.4. Một số biểu hiện của văn hóa kinh doanh của các hộ kinh doanh cá thể.</p>	<p>câu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra ví dụ minh họa.</p>	<p>giảng viên đưa ra.</p>		
Tuần 11 Buổi 11 4 giờ	<p>CHƯƠNG 3: VĂN HÓA KINH DOANH VIỆT NAM (tt)</p> <p>3.3. Một số vấn đề đặt ra cần giải quyết trong văn hóa kinh doanh ở Việt Nam</p> <p>3.4. Một số lưu ý về văn hóa kinh doanh ở Việt Nam</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra ví dụ minh họa.</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.</p>	Đánh giá chuyên cần	CLO9 CLO13 CLO15 CLO16 CLO17 CLO18

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ	CHƯƠNG 4: VĂN HÓA KINH DOANH QUỐC TẾ 4.1 Khác biệt văn hóa trong kinh doanh quốc tế 4.1.1. Khác biệt và giao lưu văn hóa 4.1.2. Hiện tượng sốc văn hóa và vượt qua được sốc văn hóa 4.2. Những biểu hiện cơ bản của văn hóa kinh doanh quốc tế 4.2.1. Giao tiếp trong môi trường kinh doanh đa văn hóa 4.2.2. Giao tiếp bằng văn bản	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Đánh giá chuyên cần	CLO10 CLO11 CLO13 CLO15 CLO16 CLO17 CLO18
Tuần 13 Buổi 13 4 giờ	CHƯƠNG 4: VĂN HÓA KINH DOANH QUỐC TẾ(tt) 4.3. Đàm phán đa văn hóa 4.3.1. Những khác biệt văn hóa trong đàm phán 4.3.2. Hợp đồng và các biến số văn hóa 4.3.3. Mẹo đàm phán giữa các nền văn hóa	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Đánh giá chuyên cần	CLO10 CLO11 CLO13 CLO15 CLO16 CLO17 CLO18

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 14 Buổi 14 4 giờ	CHƯƠNG 4: VĂN HÓA KINH DOANH QUỐC TẾ (tt) 4.4. Marketing đa văn hóa 4.4.1. Truyền thông và giao tiếp với khách hàng 4.4.2. Hành vi người tiêu dùng toàn cầu 4.4.3. Marketing bằng website quốc tế 4.5. Các lưu ý văn hóa kinh doanh với một số quốc gia	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Đánh giá chuyên cần	CLO12 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17 CLO18
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	- Hệ thống kiến thức - Thông báo điểm 40%	- Cùng cố kiến thức - Hướng dẫn sinh viên ôn tập - Trả lời thắc mắc của sinh viên	- Sinh viên ghi chép và đặt câu hỏi	Đánh giá chuyên cần	CLO15 CLO16 CLO17 CLO18

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 4.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

– Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

– Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

– Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

– Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

– Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

– Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

– Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

– Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

– Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/ Bộ môn Quản trị kinh doanh

– Địa chỉ/email liên hệ: hoaiannguyendnu@gmail.com

Đồng Nai, ngày 05 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

ThS. Đinh Thị Hóa

ThS. Nguyễn Thị Hoài Ân

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KỸ NĂNG GIAO TIẾP, ĐÀM PHÁN TRONG KINH DOANH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: **KỸ NĂNG GIAO TIẾP, ĐÀM PHÁN TRONG KINH DOANH**
- Tên học phần Tiếng Anh: **COMMUNICATION, NEGOTIATION SKILLS IN BUSINESS**
- Mã học phần: **2112114**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: *(đánh dấu X vào ô chọn)*
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 02

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
100 giờ	20 giờ		20 giờ	0	60 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 2
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - + Học phần trước: không yêu cầu
 - + Học phần song hành (nếu có): không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần:

- Sau khi hoàn thành học phần, người học đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về giao tiếp, ứng xử, thuyết trình, đàm phán ..., đồng thời giúp người học có thể tự rèn luyện kỹ năng, vận dụng những kiến thức về giao tiếp, thuyết trình và đàm phán vào các tình huống giao tiếp hàng ngày cũng như hoạt động nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức:

CO1: Hiểu biết tổng quan về môn học, trình bày được các khái niệm và các nội dung cơ bản của kỹ năng giao tiếp cơ bản, kỹ năng thuyết trình, đàm phán, kỹ năng giao tiếp thông thường trong học tập, trong cuộc sống và trong kinh doanh.

- Về kỹ năng:

CO2: Biết cách lắng nghe hiệu quả, phản hồi tích cực và thuyết phục, đàm phán hiệu quả;

CO3: Biết cách đặt câu hỏi thu thập được nhiều thông tin; gây thiện cảm với đối tượng giao tiếp;

CO4: Có khả năng trình bày rõ ràng, mạch lạc, có hệ thống, logic một đề tài/ chủ đề;

CO5: Nghe và gọi điện thoại lịch sự và hiệu quả;

CO6: Có kỹ năng chuẩn bị và tham dự phỏng vấn.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO7: Hình thành ở người học sự tự tin, chủ động trong giao tiếp, biết cách tôn trọng đối tượng giao tiếp và hợp tác trong quá trình làm việc.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Kỹ năng giao tiếp, đàm phán trong kinh doanh là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh, là một trong những môn học nhằm cung cấp kiến thức giao tiếp cơ bản cho hầu hết sinh viên các khối ngành trong toàn trường, từ hệ Cao đẳng tới Đại học.

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về giao tiếp như: Khái quát chung về giao tiếp (Khái niệm, các chức năng của giao tiếp, quá trình giao tiếp, phân loại giao tiếp,...), các phương tiện giao tiếp (giao tiếp phi ngôn ngữ và giao tiếp ngôn ngữ), các kỹ năng giao tiếp cơ bản (Kỹ năng lắng nghe, kỹ năng nói và đặt câu hỏi, kỹ năng khen – phê bình...), thuyết trình và đàm phán. Đây là môn học giúp người học hoàn thiện hơn về kỹ năng giao tiếp. Đồng thời cũng là một trong những bước đệm quan trọng đưa người học đến gần hơn với thành công.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CLO (1)	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom) (2)	Trình độ năng lực (3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	- Nhận thức đúng về bản chất của giao tiếp, các chức năng, vai trò của giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày và trong kinh doanh	3,0

CLO2	- Hiểu rõ được tầm quan trọng, các mức độ cũng như các yếu tố cản trở việc lắng nghe để nâng cao khả năng giao tiếp của bản thân	3,0
CLO3	- Nhận thức được vai trò và các nguyên tắc khi đặt câu hỏi cũng như nắm được các dạng câu hỏi thường gặp	3,0
CLO4	- Nắm được cấu trúc của thư tín, các nguyên tắc viết thư và hiểu rõ các loại thư thương mại thường gặp	2,0
CLO5	- Hiểu đặc điểm, yêu cầu và vai trò của giao tiếp qua điện thoại	3,0
CLO6	- Nhận thức được các giai đoạn phát triển nhóm, nguyên tắc cơ bản khi làm việc nhóm và giải quyết xung đột trong nhóm	3,0
CLO7	- Hiểu được các nội dung cơ bản, cách thức và tiến trình phỏng vấn tuyển dụng phổ biến hiện nay	3,0
CLO8	- Nắm được văn hóa chào hỏi, bắt tay, giới thiệu, tự giới thiệu và sử dụng danh thiếp	2,0
CLO9	- Nhận thức được những điều nên và không nên khi phê bình góp ý	3,0
CLO10	- Hiểu được các bước cần thiết khi thuyết trình và các lỗi cơ bản khi thuyết trình	3,0
CLO11	- Nắm chắc được các kiểu và nguyên tắc đàm phán	2,0

Chuẩn về kỹ năng

CLO12	- Kỹ năng giao tiếp cơ bản cần thiết nhất trong hoạt động kinh doanh như kỹ năng lắng nghe, đặt câu hỏi, sử dụng điện thoại hay viết thư tín	3,5
CLO13	- Kỹ năng thuyết trình để truyền đạt thông điệp, ý tưởng của bản thân đến người nghe được thuyết phục và hiệu quả hơn	3,5
CLO14	- Phát triển và hoàn thiện kỹ năng đàm phán kinh doanh	3,5
CLO15	- Phát triển và hoàn thiện các kỹ năng khi giao tiếp trong và ngoài đơn vị	3,5
CLO16	- Phát triển và hoàn thiện kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng trong thực tiễn	3,5
CLO17	- Kỹ năng giải quyết các xung đột trong nhóm	3,5

Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm

CLO18	- Tuân thủ các chính sách của giảng viên	3,5
CLO19	- Cảm thụ được mối quan hệ tương hỗ giữa giá trị bản thân và học tập chủ động	4,0
CLO20	- Thể hiện năng lực học tập	4,0

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

CLOs \ PLOs	PLOs																	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1					X	X									X			
2					X	X									X			
3					X	X									X			
4					X	X								X	X			
5					X	X								X	X			
6					X	X			X						X			
7					X	X									X			
8					X	X									X			
9					X	X									X			
10					X	X								X	X			
11					X	X									X			
12								X	X					X	X	X		
13								X	X					X	X	X		
14								X	X				X		X	X		
15								X	X						X	X		
16								X	X		X				X	X		
17								X	X						X	X		
18																	X	
19																	X	X
20																	X	X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá sự chuyên cần	Chuyên cần, thái độ học tập, ...	Đánh giá thường xuyên theo thang điểm ABCDF.	CLO18, CLO19, CLO20	10%
2. Đánh giá quá trình	- Bài tập trắc nghiệm TN1, TN2, TN3 ... - Thực hành TH1, TH2, TH3, TH4, TH5, TH6, TH7, TH8 - Thảo luận, làm việc nhóm TL1, TL2, TL3...	- Bài tập cá nhân và thuyết trình theo nhóm. - Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 - CLO20	5%
	Bài kiểm tra giữa kì lần 1 và lần 2	- Kiểm tra làm bài trắc nghiệm hoặc vấn đáp. - Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 - CLO20	25%
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	- Thi cuối kỳ hình thức thi trắc nghiệm hoặc thi vấn đáp. - Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 - CLO20	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

- Tài liệu bắt buộc:

[1] Phạm Thùy Giang (Chủ biên) (2021), *Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình trong kinh doanh*, NXB Dân Trí.

[2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai (2021), *Kỹ năng giao tiếp, đàm phán trong kinh doanh*, Lưu hành nội bộ.

- Tài liệu tham khảo:

[1] Nhóm tác giả Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội (2019), *Giáo trình Kỹ năng giao tiếp đàm phán trong kinh doanh*, Lưu hành nội bộ.

[2] Khoa Du lịch & Ẩm Thực, Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM (2019), *Bài giảng Kỹ năng giao tiếp*, Lưu hành nội bộ.

[3] Trác Nhã (chủ biên) (2017), *Người dịch Phương Thảo, Khéo ăn nói sẽ có được thiên hạ*, NXB Văn học, Hà Nội.

[4] Đinh Văn Đáng (2014), *Giáo trình kỹ năng giao tiếp*, NXB Lao động xã hội.

[5] Lại Thế Luyện (2015), *Rèn luyện kỹ năng sống - Kỹ năng giao tiếp*, NXB Tổng hợp TP.HCM.

[6] Dale Carnegie (2015), *Đắc nhân tâm*, NXB Tổng hợp TP.HCM.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu môn học: nội dung chính môn học; vai trò môn học; phương pháp tiếp cận môn học; cách thức tổ chức dạy và học từng nội dung môn học; chuẩn đầu ra của môn học. - Nêu phương thức đánh giá hoạt động sinh viên trong và ngoài giờ học. - Nêu phương thức đánh giá kết thúc học phần. - Giới thiệu sách và tài liệu tham khảo. <p>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ GIAO TIẾP</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint giới thiệu môn học; - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học. - Đặt câu 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, ghi chép; - Hỏi – đáp; - Học tập theo câu hỏi/gợi ý; - Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề; 	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.	CLO1, CLO18, CLO19, CLO20

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>1.1 Khái niệm giao tiếp</p> <p>1.1.1 Định nghĩa giao tiếp</p> <p>1.1.2 Vai trò của giao tiếp</p> <p>1.1.3 Các nguyên tắc của giao tiếp</p> <p>1.1.4 Chức năng của giao tiếp</p> <p>1.1.5 Phân loại giao tiếp</p> <p>1.2 Cấu trúc của hoạt động giao tiếp</p> <p>1.2.1 Quá trình truyền thông trong giao tiếp</p> <p>1.2.2 Các phương tiện giao tiếp</p> <p>1.2.3 Nhận thức trong giao tiếp</p> <p>1.2.4 Một số hiện tượng tâm lý trong giao tiếp</p> <p>1.2.5 Các yếu tố tâm lý, văn hóa, xã hội trong giao tiếp</p> <p>Trò chơi đoán ý / Thảo luận xử lý tình huống.</p>	<p>hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Tổ chức trò chơi đoán ý / Thảo luận xử lý tình huống.</p>	<p>- Tham gia trò chơi đoán ý.</p>		
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	<p>CHƯƠNG 2: KỸ NĂNG LẮNG NGHE</p> <p>2.1 Khái niệm lắng nghe</p> <p>2.2 Những yếu tố cản trở việc lắng nghe hiệu quả</p> <p>2.2.1 Tốc độ tư duy</p> <p>2.2.2 Sự phức tạp của vấn đề</p> <p>2.2.3 Sự thiếu luyện tập</p> <p>2.2.4 Sự thiếu kiên nhẫn</p> <p>2.2.5 Sự thiếu quan sát bằng</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu</p> <p>Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Tổ chức các hoạt động cho sinh viên rèn</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Tham gia các hoạt động cho sinh viên rèn kỹ năng lắng nghe.</p> <p>Rút ra ý</p>	<p>Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.</p>	<p>CLO2, CLO18, CLO19, CLO20</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>mắt</p> <p>2.2.6 Những thành kiến, định kiến tiêu cực</p> <p>2.2.7 Những thói quen xấu khi lắng nghe</p> <p>2.3 Các mức độ lắng nghe</p> <p>2.4 Kỹ năng lắng nghe hiệu quả</p> <p>2.5 Một số lưu ý khi lắng nghe</p> <p>Sinh viên xem video rèn kỹ năng lắng nghe.</p>	<p>kỹ năng lắng nghe (xem video).</p>	<p>nghĩa của việc lắng nghe.</p>		
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	<p>CHƯƠNG 3: KỸ NĂNG ĐẶT CÂU HỎI</p> <p>3.1 Tổng quan đặt câu hỏi</p> <p>3.1.1 Khái niệm</p> <p>3.1.2 Mục đích của việc đặt câu hỏi</p> <p>3.1.3 Vai trò của việc đặt câu hỏi</p> <p>3.2 Nguyên tắc đặt câu hỏi</p> <p>3.3. Phân loại câu hỏi</p> <p>3.3.1 Câu hỏi đóng</p> <p>3.3.2 Câu hỏi mở</p> <p>3.4 Các dạng câu hỏi thường gặp</p> <p>3.5 Những sai lầm khi đặt câu hỏi</p> <p>3.6 Kỹ năng đặt câu hỏi</p> <p>Sinh viên thực hành đặt câu hỏi và rút kinh nghiệm.</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành đặt câu hỏi và rút kinh nghiệm.</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Tham gia các hoạt động dành cho sinh viên thực hành đặt câu hỏi và rút kinh nghiệm.</p>	<p>Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.</p>	<p>CLO3, CLO18, CLO19, CLO20</p>
Tuần 4	<p>CHƯƠNG 4: KỸ NĂNG VIẾT THU TÍN</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p>	<p>Trắc nghiệm/</p>	<p>CLO4, CLO18,</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Buổi 4 4 giờ	4.1 Khái niệm thư tín 4.2 Cấu trúc của thư tín 4.3 Nguyên tắc viết thư tín 4.3.1 Nguyên tắc viết thư tín 4.3.2 Cách viết thư tín 4.4 Phân loại thư tín 4.4.1 Thư thông thường 4.4.2 Thư thương mại 4.5 Thư điện tử (E-mail) Bài tập trắc nghiệm. KIỂM TRA GIỮA KỲ LẦN 1	trên file trình chiếu Powerpoint; - Đặt câu hỏi/gợi ý; - Trả lời câu hỏi của sinh viên; - Tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành viết thư tín. - Giao bài kiểm tra giữa kỳ lần 1.	- Hỏi – đáp; - Học tập theo câu hỏi/gợi ý; - Tham gia các hoạt động dành cho sinh viên thực hành viết thư tín. - Tiến hành làm bài kiểm tra theo quy định.	Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình, bài kiểm tra giữa kỳ lần 1.	CLO19, CLO20
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	CHƯƠNG 5: KỸ NĂNG GIAO TIẾP QUA ĐIỆN THOẠI 5.1 Tổng quan giao tiếp qua điện thoại 5.1.1 Khái niệm 5.1.2 Đặc điểm 5.1.3 Vai trò của giao tiếp qua điện thoại 5.2 Kỹ năng nghe điện thoại 5.2.1 Trước khi nghe điện thoại 5.2.2 Khi nhận điện thoại 5.2.3 Trong khi nghe điện thoại 5.2.4 Kết thúc cuộc đàm thoại 5.2.5 Chú ý để nhận cuộc gọi hiệu quả	- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint; - Đặt câu hỏi/gợi ý; - Trả lời câu hỏi của sinh viên; - Tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành các tình huống giao tiếp qua điện thoại.	- Lắng nghe, ghi chép; - Hỏi – đáp; - Học tập theo câu hỏi/gợi ý; - Tham gia các hoạt động dành cho sinh viên thực hành các tình huống giao tiếp qua điện thoại.	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.	CLO5, CLO18, CLO19, CLO20

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>5.3 Kỹ năng gọi điện thoại</p> <p>5.3.1 Chuẩn bị trước khi gọi</p> <p>5.3.2 Trong khi gọi</p> <p>5.3.3 Kết thúc cuộc gọi</p> <p>5.3.4 Chú ý để cuộc gọi đạt hiệu quả</p> <p>5.4 Kỹ năng sử dụng tin nhắn qua điện thoại</p> <p>5.5 Một số sai lầm khi dùng điện thoại di động</p> <p>Sinh viên thực hành các tình huống giao tiếp qua điện thoại.</p>				
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	<p>CHƯƠNG 6: KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM</p> <p>6.1. Tổng quan làm việc nhóm</p> <p>6.1.1 Khái niệm nhóm</p> <p>6.1.2 Phân loại nhóm</p> <p>6.1.3 Các giai đoạn phát triển của nhóm</p> <p>6.1.4 Các nguyên tắc cơ bản khi làm việc nhóm</p> <p>6.1.5 Tầm quan trọng của làm việc nhóm</p> <p>6.1.6 Nhóm làm việc hiệu quả</p> <p>6.2 Kỹ năng làm việc nhóm</p> <p>6.2.1 Phân công nhiệm vụ</p> <p>6.2.2 Giao tiếp trong nhóm</p> <p>6.2.3 Điều hành nhóm</p> <p>6.2.4 Thảo luận và ra quyết định trong nhóm</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Cho bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.</p>	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.	CLO6, CLO18, CLO19, CLO20

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>6.2.5 Giải quyết các xung đột</p> <p>6.2.6 Đánh giá kết quả</p> <p>6.2.7 Cải thiện bản thân trong nhóm làm việc</p> <p>Thảo luận xử lý tình huống.</p>				
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	<p>CHƯƠNG 7: KỸ NĂNG PHÒNG VẤN TUYỂN DỤNG</p> <p>7.1 Khái niệm, vai trò của phỏng vấn tuyển dụng</p> <p>7.1.1 Khái niệm</p> <p>7.1.2 Vai trò của phỏng vấn tuyển dụng</p> <p>7.2 Các dạng phỏng vấn</p> <p>7.2.1 Phỏng vấn sàng lọc</p> <p>7.2.2 Phỏng vấn chọn lựa</p> <p>7.2.3 Phỏng vấn xác nhận</p> <p>7.2.4 Phỏng vấn qua điện thoại</p> <p>7.2.5 Phỏng vấn gây căng thẳng</p> <p>7.2.6 Phỏng vấn nhóm</p> <p>7.2.7 Phỏng vấn trong bữa ăn</p> <p>7.3 Các chủ thể tham gia phỏng vấn tuyển dụng</p> <p>7.3.1 Người phỏng vấn</p> <p>7.3.2 Ứng viên</p> <p>7.4 Tiến trình phỏng vấn tuyển dụng</p> <p>7.4.1 Trước khi phỏng vấn</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p>	<p>Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.</p>	<p>CLO7, CLO18, CLO19, CLO20</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	7.4.2 Trong khi phỏng vấn 7.4.3 Sau khi phỏng vấn 7.5 Một số lưu ý khi phỏng Bài tập trắc nghiệm.				
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	CHƯƠNG 8: CÁC KỸ NĂNG GIAO TIẾP KHÁC 8.1. Văn hóa chào hỏi 8.1.1 Cách thức chào hỏi 8.1.2 Những chú ý khi chào hỏi 8.2. Bắt tay 8.2.1 Cách thức bắt tay 8.2.2 Những chú ý khi bắt tay 8.3 Giới thiệu và tự giới thiệu 8.3.1 Giới thiệu 8.3.2 Tự giới thiệu 8.3.3 Khi được giới thiệu 8.4 Sử dụng danh thiếp 8.4.1 Vai trò của danh thiếp 8.4.2 Những chú ý khi sử dụng danh thiếp 8.5 Phê bình và góp ý 8.6 Giao tiếp nội bộ đơn vị 8.6.1 Giao tiếp với cấp dưới 8.6.2 Giao tiếp với cấp trên 8.6.3 Giao tiếp với các đồng nghiệp 8.7 Giao tiếp với bên ngoài đơn vị 8.7.1 Giao tiếp với khách	- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint; - Đặt câu hỏi/gợi ý; - Trả lời câu hỏi của sinh viên; - Cho bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.	- Lắng nghe, ghi chép; - Hỏi – đáp; - Học tập theo câu hỏi/gợi ý; - Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.	CLO8, CLO9, CLO18, CLO19, CLO20

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	hàng 8.7.2 Giao tiếp với nhà cung cấp 8.7.3 Giao tiếp với cơ quan chính quyền 8.7.4 Giao tiếp với báo chí Thảo luận xử lý tình huống.				
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	CHƯƠNG 9: KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH 9.1 Tổng quan về thuyết trình 9.1.1 Khái niệm 9.1.2 Vai trò của thuyết trình 9.2 Các bước thuyết trình 9.2.1 Chuẩn bị thuyết trình 9.2.2 Tiến hành thuyết trình 9.2.3 Kết thúc thuyết trình 9.3 Công cụ thuyết trình 9.3.1 Ngôn ngữ nói 9.3.2 Ngôn ngữ cơ thể 9.4 Những lỗi cơ bản khi thuyết trình 9.4.1 Lỗi ngôn ngữ nói 9.4.2. Lỗi phi ngôn ngữ 9.4.3. Các lỗi khác 9.5 Kỹ năng báo cáo miệng và phát biểu 9.5.1 Kỹ năng báo cáo miệng 9.5.2 Kỹ năng phát biểu Sinh viên thực hành xây dựng một đề cương thuyết	- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint; - Đặt câu hỏi/gợi ý; - Trả lời câu hỏi của sinh viên; - Tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành xây dựng một đề cương thuyết trình.	- Lắng nghe, ghi chép; - Hỏi – đáp; - Học tập theo câu hỏi/gợi ý; - Chuẩn bị thuyết trình theo chủ đề đã chọn.	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.	CLO10, CLO18, CLO19, CLO20

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	trình.				
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	<p>CHƯƠNG 10: KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN</p> <p>10.1 Tổng quan về đàm phán</p> <p>10.1.1 Vì sao phải đàm phán?</p> <p>10.1.2 Khái niệm đàm phán</p> <p>10.1.3 Đặc điểm của đàm phán</p> <p>10.1.4 Những nguyên tắc cơ bản trong đàm phán</p> <p>10.1.5 Những sai lầm thường gặp trong đàm phán</p> <p>10.1.6 Các kiểu đàm phán trong kinh doanh</p> <p>10.1.7 Hình thức đàm phán</p> <p>10.2 Tiến trình đàm phán</p> <p>10.2.1 Giai đoạn chuẩn bị</p> <p>10.2.2 Giai đoạn đàm phán</p> <p>10.2.3 Kết thúc đàm phán</p> <p>10.2 Tiến trình đàm phán</p> <p>10.2.1 Giai đoạn chuẩn bị</p> <p>10.2.2 Giai đoạn đàm phán</p> <p>10.2.3 Kết thúc đàm phán</p> <p>Sinh viên thực hành đàm phán giữa các bên liên quan.</p> <p>Bài tập trắc nghiệm.</p> <p>KIỂM TRA GIỮA KỲ LẦN 2</p> <p>- ÔN TẬP:</p> <p>- Hệ thống nội dung ôn tập</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Cho bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống;</p> <p>- Giao bài kiểm tra giữa kỳ lần 2.</p> <p>- Trả lời câu hỏi thắc mắc của sinh viên;</p> <p>- Giúp sinh viên ôn tập lại</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.</p> <p>- Làm bài kiểm tra giữa kỳ lần 2.</p> <p>- Chuẩn bị những nội dung cần trao đổi, thảo luận trên lớp;</p> <p>- Hệ thống lại nội dung môn học</p>	<p>Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận</p> <p>đánh giá quá trình.</p> <p>Đánh giá quá trình, bài kiểm tra giữa kỳ lần 2</p>	CLO11, CLO18, CLO19, CLO20

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	- Hướng dẫn ôn tập - Tổng kết đánh giá quá trình	kiến thức trọng tâm.	bảng bản đồ tư duy.		

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

- Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 8.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

- Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

- Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

- Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

- Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

- Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ

sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh

- Địa chỉ/email liên hệ: nguyenthiphuongthao24783@gmail.com

Đồng Nai, ngày 2 tháng 04 năm 2022

TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
HÀNH VI TỔ CHỨC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: **HÀNH VI TỔ CHỨC**
- Tên học phần Tiếng Anh: **ORGANIZATIONAL BEHAVIOR**
- Mã học phần: 2112201
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: *(đánh dấu X vào ô chọn)*
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 02

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
100 giờ	20 giờ	20 giờ	0	00	60 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 2
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: Không yêu cầu
 - + Học phần trước: Quản trị học
 - + Học phần song hành (nếu có): Không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Trang bị cho sinh viên ngành quản trị kinh doanh những kiến thức cơ sở ngành chủ yếu như hành vi tổ chức ở cấp độ cá nhân, nhóm, tổ chức; cách thức động viên người lao động; nhằm giúp cho sinh viên hiểu, giải thích và tìm được phương thức điều chỉnh hành vi của người lao động trong tổ chức nhằm mục đích tối đa hóa sự phù hợp giữa các nhân và tổ chức.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object – Viết tắt là CO):

- Về kiến thức:

CO1: Giúp sinh viên hiểu và hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về hành vi tổ chức.

CO2: Phân tích và giải thích được các cơ sở của hành vi người lao động ở cấp độ cá nhân, nhóm và tổ chức với hiệu quả cao nhất.

- Về kỹ năng:

CO3: Giúp người học nâng cao và hoàn thiện kỹ năng phân tích, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng tổ chức và kỹ năng làm việc nhóm liên quan đến hành vi tổ chức.

CO4: Kết hợp các kỹ năng để phân tích, giải quyết, đề xuất các vấn đề liên quan trong các mô hình hành vi tổ chức.

- Về mức độ tự chịu trách nhiệm:

CO5: Người học có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập nhóm.

CO6: Giúp người học nhận thức về khoa học quản lý nói chung và kiến thức về hành vi tổ chức nói riêng từ đó phối hợp lý luận và thực tế phát sinh để làm tác nhân thúc đẩy quá trình phát triển của tổ chức.

3. Mô tả vấn đề nội dung của học phần:

- Hành vi tổ chức là học phần tự chọn đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh và đây là kiến thức cơ sở ngành của ngành quản trị kinh doanh.

- Học phần này đề cập các kiến thức tổng quan về hành vi của người lao động trong tổ chức ở ba cấp độ: cá nhân, nhóm và tổ chức; cách thức động viên. Với hiểu biết đầy đủ về hành vi tổ chức, các nhà quản lý sẽ khai thác hiệu quả nguồn nhân lực và phát huy tính sáng tạo của con người trong một tổ chức.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	- Hiểu rõ về bản chất, các chức năng cơ bản, vai trò của hành vi tổ chức và mối liên hệ giữa hành vi tổ chức với các môn khoa học khác; hiểu rõ trách nhiệm của nhà quản lý trong tổ chức, chức năng, vai trò và các kỹ năng cơ bản của quản lý.	3,0
CLO2	- Hiểu rõ và giải thích được hành vi người lao động ở cấp độ cá nhân dựa vào các yếu tố: tính cách, giá trị, thái độ, sự hài lòng trong công việc, nhận thức, quá trình ra quyết	3,0

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
	định cá nhân, học tập và định hình hành vi trong tổ chức.	
CLO3	- Vận dụng kiến thức liên quan để phân tích được hành vi cá nhân vào trong hoạt động quản lý của doanh nghiệp.	4,0
CLO4	- Hiểu rõ, giải thích được hành vi người lao động từ đó nhân diện và tìm ra cách thức động viên phù hợp với những người lao động có năng suất và trung thành với doanh nghiệp.	3,5
CLO5	- Hiểu rõ và giải thích được hành vi người lao động ở cấp độ nhóm về các yếu tố ảnh hưởng, mô hình hành vi nhóm và giao tiếp trong nhóm.	3,5
CLO6	- Vận dụng kiến thức liên quan nhận diện được biểu hiện và cơ sở của nhóm làm việc hiệu quả.	4,0
CLO7	- Hiểu rõ và giải thích được hành vi người lao động ở cấp độ tổ chức về các yếu tố then chốt khi thiết kế cơ cấu tổ chức, mô hình hành vi tổ chức và văn hóa tổ chức.	3,0
CLO8	- Hiểu rõ và chỉ ra được hành vi người lao động ở cấp độ tổ chức về các yếu tố then chốt khi nghiên cứu về sự thay đổi và phát triển tổ chức.	3,5
CLO9	- Vận dụng kiến thức liên quan nhận thức được hành vi của người lao động từ đó đưa ra cách thức thể hiện hành vi đạo đức và giao tiếp hiệu quả.	4,5
Chuẩn về kỹ năng		
CLO10	- Kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề và ra quyết định: Dựa vào kiến thức liên quan đến học phần để phân tích, đánh giá, ra quyết định một cách hợp lý nhất đối với từng vấn đề liên quan.	3,5
CLO11	- Kỹ năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn: Áp dụng lý thuyết vào các tình huống thực tế để giải quyết các vấn đề có liên quan đến hành vi người lao động ở cấp độ cá nhân, nhóm và tổ chức hoạt động của doanh nghiệp.	4,0
CLO12	- Kỹ năng làm việc nhóm: thành lập, tổ chức, phân công thực hiện công việc cho các thành viên trong nhóm	4,5
Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm		
CLO13	Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức	3,5

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
	nghiên cứu tài liệu và học tập.	
CLO14	Có nhận thức về khoa học quản lý nói chung và hành vi tổ chức nói riêng đang phát triển mạnh mẽ trong thực tiễn, biết phối hợp lý luận và thực tế phát sinh để làm tác nhân thúc đẩy quá trình phát triển của tổ chức.	4,0

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
1			x						x		x	x							
2			x		x	x						x	x			x			
3						x		x	x		x	x	x		x	x		x	
4			x		x	x						x	x			x			
5			x		x	x	x				x		x			x			
6					x	x	x	x	x		x	x			x	x		x	
7			x		x	x	x				x		x			x			
8					x	x	x	x	x			x	x		x				
9					x	x	x	x			x	x	x		x			x	
10			x		x	x	x	x	x				x		x	x			
11					x	x	x		x		x		x	x	x				
12						x	x	x	x		x	x	x	x	x	x			
13																		x	x
14																		x	x

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CDR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
1. Đánh giá quá trình	- Chuyên cần; phát biểu, xây dựng bài; thực hiện yêu cầu của giảng viên.	Thường xuyên	CLO1 đến CLO14	10%
	- Làm đủ bài tập cá nhân, bài tập nhóm (thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm) đúng hạn và đạt yêu cầu.	Thường xuyên	CLO1 đến CLO14	5%
	- Bài kiểm tra giữa kỳ theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm.	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1 đến CLO14	25%
2. Đánh giá kết thúc	Kết thúc học phần: bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan	Thi cuối kỳ	CLO1 đến CLO14	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá kết thúc).

6. Học liệu:

- Tài liệu bắt buộc:

[1] Nguyễn Quang Vinh (2020), *Hành vi tổ chức*, Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM

[2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai, *Hành vi tổ chức*, Lưu hành nội bộ, 2022.

- Tài liệu tham khảo:

[1] PGS.TS. Phạm Thúy Hương, TS. Phạm Thị Bích Ngọc (2016), *Hành vi tổ chức*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc Dân.

[2] PGS.TS. Bùi Anh Tuấn, PGS.TS. Phạm Thúy Hương (2013), *Hành vi tổ chức*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc Dân.

[3] Nguyễn Hữu Lam (2011), *Hành vi tổ chức*, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.

[4] Stephen P.Robin (2012), *Hành vi tổ chức (bản dịch)*, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.

[5] Stephen P. Robin (2017), *Organizational Behavior*, Pearson Education.

[6] MBA. Nguyễn Văn Dung, TS. Phan Đình Quyền, THS. Lê Việt Hưng. *Văn hóa tổ chức và lãnh đạo*, Nhà xuất bản Giao thông vận tải.

[7] Paul Hersey (2005), *Management Of Organizational Behavior (bản dịch)*, Nhà xuất bản Thống kê.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1/ Buổi 1/ (4 tiết)	<p>Giới thiệu môn học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về học phần Hành vi tổ chức - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập - Chia nhóm sinh viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình chiếu slide bài giảng “Giới thiệu môn học” để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi chép, đặt các câu hỏi về môn học để được hướng dẫn cụ thể. 	Không đánh giá	
	<p>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ HÀNH VI TỔ CHỨC</p> <p>1.1. Khái niệm, chức năng và vai trò của hành vi tổ chức</p> <p>1.2. Hành vi tổ chức với chức năng, vai trò và các kỹ năng cơ bản của quản lý</p> <p>1.3. Mối liên hệ giữa hành vi tổ chức với các môn khoa học khác</p> <p>1.4. Các cơ hội và thách thức đối với hành vi tổ chức</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 1; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập thực hành, thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Sinh viên lắng nghe, ghi chép - Trao đổi và thảo luận nhóm 	Không đánh giá	CLO1 CLO10 CLO12
Tuần 2/ Buổi 2/ (4 tiết)	<p>CHƯƠNG 2: CƠ SỞ HÀNH VI TỔ CHỨC Ở CẤP ĐỘ CÁ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2; 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để 	Đánh giá quá trình, bài	CLO2 CLO10

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	NHÂN 2.1. Tính cách và giá trị 2.2. Thái độ và sự hài lòng trong công việc	- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN1 cho sinh viên.	làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN1 được giao.	kiểm tra thường xuyên TN1	CLO11 CLO12 CLO13 CLO14
Tuần 3/ Buổi 3/ (4 tiết)	CHƯƠNG 2: CƠ SỞ HÀNH VI TỔ CHỨC Ở CẤP ĐỘ CÁ NHÂN (tiếp theo) 2.3. Nhận thức và ra quyết định cá nhân 2.4. Học tập và định hình hành vi trong tổ chức	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN2 cho sinh viên.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN2 được giao.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN2	CLO2 CLO3 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13 CLO14
Tuần 4/ Buổi 4/ (4 tiết)	CHƯƠNG 3: ĐỘNG VIÊN NGƯỜI LAO ĐỘNG 3.1. Khái niệm động viên 3.2. Các lý thuyết về động viên người lao động	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các câu hỏi liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập thực hành, thảo luận nhóm	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tìm hiểu, tổ chức và thảo luận nhóm.	Không đánh giá	CLO4 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13
Tuần 5/ Buổi 5/	- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết từ chương 1	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức	Đánh giá quá	CLO1

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
(4 tiết)	đến chương 3. - Làm bài kiểm tra tự luận	tâm. - Giao bài kiểm tra giữa kì lần 1 (TL1).	trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Làm bài kiểm tra giữa kì lần 1 (TL1).	trình, bài kiểm tra giữa kì lần 1 TL1	CLO2 CLO3 CLO4 CLO10 CLO11 CLO12
Tuần 6/ Buổi 6/ (4 tiết)	CHƯƠNG 4: CƠ SỞ HÀNH VI TỔ CHỨC Ở CẤP ĐỘ NHÓM 4.1. Khái niệm và phân loại nhóm 4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi cá nhân trong nhóm	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN3 liên quan lý thuyết đã học cho sinh viên áp dụng.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN3 được giao.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN3	CLO5 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13
Tuần 7/ Buổi 7/ (4 tiết)	CHƯƠNG 4: CƠ SỞ HÀNH VI TỔ CHỨC Ở CẤP ĐỘ NHÓM (tiếp theo) 4.3. Mô hình hành vi nhóm 4.4. Giao tiếp trong nhóm	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN4 liên quan lý thuyết đã học cho sinh viên áp dụng.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN4 được giao.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN4	CLO6 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13 CLO14

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 8/ Buổi 8/ (4 tiết)	CHƯƠNG 5: CƠ SỞ HÀNH VI TỔ CHỨC Ở CẤP ĐỘ TỔ CHỨC 5.1. Cơ cấu tổ chức 5.2. Văn hóa tổ chức	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 5; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN5 liên quan lý thuyết đã học cho sinh viên áp dụng.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN5 được giao.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN5	CLO7 CLO8 CLO10 CLO11 CLO12 CLO14
Tuần 9/ Buổi 9/ (4 tiết)	CHƯƠNG 5: CƠ SỞ HÀNH VI TỔ CHỨC Ở CẤP ĐỘ TỔ CHỨC (tiếp theo) 5.3. Thay đổi và phát triển tổ chức Làm bài kiểm tra giữa kì TL2 lần 2	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 5; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên thực hành các kỹ năng quản trị (kỹ năng làm việc với con người, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng học hỏi và phát triển bản thân) - Giao bài kiểm tra giữa kì TL2 lần 2 cho sinh viên.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Trao đổi và thảo luận nhóm. - Làm bài kiểm tra giữa kì TL2 lần 2.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra giữa kì lần 2 TL2	CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13
Tuần	- Ôn tập và củng cố lại	- Giúp sinh viên ôn	- Tự hệ thống,	Không	CLO1-

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
10/ Buổi 10/ (4 tiết)	Lý thuyết từ chương 1 đến chương 5. - Công bố điểm thành phần	tập lại kiến thức trọng tâm. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Công bố điểm thành phần 40%	ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	đánh giá	CLO14

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 5.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

– Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

– Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

– Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

– Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

– Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

– Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

– Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

– Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ/email liên hệ: tranghothithuy@dnp.edu.vn

Đồng Nai, ngày 05 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Hồ Thị Thùy Trang

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
HÀNH VI KHÁCH HÀNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: **HÀNH VI KHÁCH HÀNG**
- Tên học phần Tiếng Anh: **CONSUMER BEHAVIOUR**
- Mã học phần: 2112202
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: *(đánh dấu X vào ô chọn)*
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 02

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
100 giờ	20 giờ	20 giờ	0	00	60 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 2
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không có
 - + Học phần trước: Marketing căn bản
 - + Học phần song hành (nếu có): không có

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Học phần tập trung vào cung cấp kiến thức về hành vi người khách hàng, cụ thể phân tích các quyết định của người tiêu dùng, giải thích các nhân tố và cơ chế dẫn đến các quyết định này, từ đó vận dụng để ra các quyết định Marketing hữu hiệu; đồng thời nhấn mạnh đến đánh giá vấn đề đạo đức trong nghiên cứu hành vi khách hàng.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức

CO1: Có kiến thức cơ bản về hành vi khách hàng nhằm giúp nhà quản trị đưa ra những quyết định Marketing hiệu quả.

CO2: Am hiểu mức độ ảnh hưởng của những yếu tố văn hóa, xã hội, gia đình, cá nhân,... đến hành vi khách hàng.

CO3: Hiểu rõ quy trình ra quyết định mua của người tiêu dùng và phản ứng đáp lại của khách hàng sau khi mua và sử dụng sản phẩm/dịch vụ.

- Về kỹ năng

CO4: Đánh giá đúng những ảnh hưởng của hành vi khách hàng đối với chiến lược Marketing để xây dựng các chiến lược Marketing thích ứng.

CO5: Nâng cao kỹ năng phán đoán tình huống, kỹ năng nhận biết và giải quyết các vấn đề liên quan đến khách hàng.

CO6: Nhạy bén với sự thay đổi và thích ứng với những cơ hội thị trường.

CO7: Phát triển kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm

CO8: Phát triển kỹ năng phân tích và phản biện

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm

CO9: Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập nhóm;

CO10: Nhận thức và hiểu được tầm quan trọng của việc nghiên cứu hành vi khách hàng

CO11: Có tầm nhìn dài hạn đối với hoạt động nghiên cứu hành vi khách hàng.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Quản trị sản xuất là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh và đây là kiến thức chuyên ngành của ngành quản trị kinh doanh.

Hành vi khách hàng chú trọng đến việc nghiên cứu tâm lý cá nhân, nghiên cứu những yếu tố văn hóa, xã hội, gia đình, cá nhân,... ảnh hưởng đến hành vi con người và những ảnh hưởng lẫn nhau giữa các cá nhân trong quá trình mua sắm tiêu dùng. Sự hiểu biết về hành vi khách hàng cung cấp nền tảng cho những chiến lược Marketing như việc định vị sản phẩm, phân khúc thị trường, phát triển sản phẩm mới, áp dụng ở những thị trường mới, marketing toàn cầu, những quyết định Marketing mix.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CLOs	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	Có kiến thức cơ bản về hành vi khách hàng nhằm giúp nhà quản trị đưa ra những quyết định Marketing hiệu quả.	3

CLO2	Am hiểu mức độ ảnh hưởng của những yếu tố văn hóa, xã hội, gia đình, cá nhân,... đến hành vi khách hàng.	3
CLO3	Hiểu rõ quy trình ra quyết định mua của người tiêu dùng và phản ứng đáp lại của khách hàng sau khi mua và sử dụng sản phẩm/dịch vụ.	3

Chuẩn về kỹ năng

CLO4	Đánh giá đúng những ảnh hưởng của hành vi khách hàng đối với chiến lược Marketing để xây dựng các chiến lược Marketing thích ứng.	3
CLO5	Nâng cao kỹ năng phán đoán tình huống, kỹ năng nhận biết và giải quyết các vấn đề liên quan đến khách hàng, nhạy bén với sự thay đổi và thích ứng với những cơ hội thị trường.	3,5
CLO6	Phát triển kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm	4,5
CLO7	Phát triển kỹ năng phân tích và phân biện	

Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm

CLO8	Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập nhóm;	4,0
CLO9	Nhận thức được đạo đức trong nghiên cứu hành vi khách hàng.	4,0
CLO10	Nhận thức và hiểu được tầm quan trọng của việc nghiên cứu hành vi khách hàng, có tầm nhìn dài hạn đối với hoạt động nghiên cứu hành vi khách hàng	4,0

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1					x	x	x	x	x									
2					x	x	x	x	x									
3					x	x	x	x	x									
4									x	x	x	x	x					
5												x	x		x	x		
6								x	x						x			x
7								x	x			x	x		x			

8																		X	X
9																		X	X
10																		X	X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá sự chuyên cần	- Tham dự lớp học - Tham gia các hoạt động học tập, làm việc nhóm	Đánh giá thường xuyên theo thang điểm ABCDF	CLO8	10%
2. Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra thường xuyên: TN1; TN2; TN3; TN4; TN5; TN6;	Trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1, CLO2, CLO3,	5%
	Thuyết trình nhóm	Chấm điểm thuyết trình nhóm. Đánh giá theo thang điểm 10.	Từ CLO1 đến CLO10	25%
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	Thi cuối kỳ hình thức thi trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO7	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

- Tài liệu bắt buộc:

[1] PGS.TS. Vũ Huy Thông (2014). *Hành vi người tiêu dùng*. Nhà xuất bản Đại học Kinh Tế Quốc Dân.

[2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai (2022), *Hành vi khách hàng*, Lưu hành nội bộ.

- Tài liệu tham khảo:

[1] Micheal R. Solomon (2007), *Customer behavior: Buying having and being, 7th edition*, by Pearson Education Inc.

[2] TS. Bùi Văn Quang (2015), *Hành vi người tiêu dùng - Thấu hiểu và vận dụng*. Nhà xuất bản Lao động- Xã hội.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	<p>Giới thiệu môn học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về học phần Hành vi khách hàng. - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập - Chia nhóm sinh viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình chiếu slide bài giảng “ Giới thiệu môn học” để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học. - Phân nhóm mỗi nhóm có từ 5 sinh viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi chép, đặt các câu hỏi về môn học để được hướng dẫn cụ thể. - Thực hiện chọn nhóm 	Không đánh giá	
	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ HÀNH VI KHÁCH HÀNG	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 1; - Đặt các câu hỏi 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; 	Đánh giá quá trình TN1	CLO1 CLO8

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>1.1 Khái quát về hành vi khách hàng</p> <p>1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hành vi khách hàng</p> <p>1.3. Nghiên cứu hành vi khách hàng</p>	<p>cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Giao đề tài thuyết trình cho các nhóm</p> <p>- Giao bài trắc nghiệm TN1.</p>	<p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Các nhóm nhận đề tài thuyết trình, thảo luận, trao đổi ý kiến để làm rõ yêu cầu của bài thuyết trình.</p> <p>- Làm bài trắc nghiệm TN1.</p>		
<p>Tuần 2 Buổi 2 4 giờ</p>	<p>CHƯƠNG 2: ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HÓA ĐẾN HÀNH VI KHÁCH HÀNG</p> <p>2.1 Các khái niệm, đặc điểm, thành phần của văn hóa</p> <p>2.2 Các học thuyết văn hóa ứng dụng trong marketing</p> <p>2.3 Nhánh văn hóa</p> <p>2.4 Ứng dụng của việc nghiên cứu văn hóa vào hoạt động marketing</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Yêu cầu sinh viên thực hiện thảo luận nhóm giải quyết bài tập tình huống giảng viên đưa ra.</p> <p>- Giao bài trắc nghiệm TN2.</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên.</p> <p>- Làm bài trắc nghiệm TN2.</p>	<p>Đánh giá quá trình TN2</p>	<p>CLO2</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p> <p>CLO8</p>
<p>Tuần 3 Buổi 3 4 giờ</p>	<p>CHƯƠNG 3: ẢNH HƯỞNG CỦA GIAI CẤP XÃ HỘI ĐẾN HÀNH VI KHÁCH HÀNG</p> <p>3.1 Khái niệm giai cấp</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 3;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng</p>	<p>Đánh giá quá trình TN3</p>	<p>CLO2</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>xã hội</p> <p>3.2 Bản chất của giai cấp xã hội</p> <p>3.3 Đặc trưng của giai cấp xã hội</p> <p>3.4 Xác định và phân loại giai cấp xã hội</p> <p>3.5 Ứng dụng của việc nghiên cứu giai cấp xã hội vào hoạt động marketing</p>	<p>cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Yêu cầu sinh viên thực hiện thảo luận nhóm giải quyết bài tập tình huống giảng viên đưa ra.</p> <p>- Giao bài trắc nghiệm TN3.</p>	<p>viên đưa ra;</p> <p>- Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên.</p> <p>- Làm bài trắc nghiệm TN3.</p>		CLO8
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	<p>CHƯƠNG 4: ẢNH HƯỞNG CỦA NHÓM THAM KHẢO ĐẾN HÀNH VI KHÁCH HÀNG</p> <p>4.1 Tổng quan về nhóm tham khảo</p> <p>4.2 Các loại nhóm tham khảo ảnh hưởng tới hành vi người tiêu dùng</p> <p>4.3 Nguyên nhân chấp nhận ảnh hưởng của nhóm tham khảo</p> <p>4.4 Ứng dụng của việc nghiên cứu nhóm tham khảo vào hoạt động marketing</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Yêu cầu sinh viên thực hiện thảo luận nhóm giải quyết bài tập tình huống giảng viên đưa ra.</p> <p>- Giao bài trắc nghiệm TN4.</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên.</p> <p>- Làm bài trắc nghiệm TN4.</p>	Đánh giá quá trình TN4	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	<p>CHƯƠNG 5: ẢNH HƯỞNG CỦA GIA ĐÌNH ĐẾN HÀNH VI KHÁCH HÀNG</p> <p>5.1 Gia đình với vai trò là một đơn vị mua</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng</p>	Đánh giá quá trình TN5	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>và tiêu dùng hàng hóa</p> <p>5.2 Chu kì đời sống gia đình và hành vi mua trong từng giai đoạn</p> <p>5.3 Các khuynh hướng biến đổi của mô hình gia đình trong cuộc sống hiện đại</p> <p>5.4 Ứng dụng của việc nghiên cứu yếu tố gia đình vào hoạt động marketing</p>	<p>dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Yêu cầu sinh viên thực hiện thảo luận nhóm giải quyết bài tập tình huống giảng viên đưa ra.</p> <p>- Giao bài trắc nghiệm TN5.</p>	<p>viên đưa ra;</p> <p>- Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên.</p> <p>- Làm bài trắc nghiệm TN5.</p>		<p>CLO7</p> <p>CLO8</p>
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	<p>CHƯƠNG 6: NHỮNG YẾU TỐ CÁ NHÂN ẢNH HƯỞNG ĐẾN HÀNH VI KHÁCH HÀNG</p> <p>6.1 Tuổi tác và các giai đoạn của chu kì sống</p> <p>6.2 Nghề nghiệp</p> <p>6.3 Trình độ học vấn</p> <p>6.4 Tình trạng kinh tế</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Yêu cầu sinh viên thực hiện thảo luận nhóm giải quyết bài tập tình huống giảng viên đưa ra.</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên.</p>	Không đánh giá	
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	<p>CHƯƠNG 6: NHỮNG YẾU TỐ CÁ NHÂN ẢNH HƯỞNG ĐẾN HÀNH VI KHÁCH HÀNG (tt)</p> <p>6.5 Phong cách sống</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p>	Đánh giá quá trình TN5	<p>CLO2</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	6.6 Cá tính 6.7 Ứng dụng của việc nghiên cứu những yếu tố cá nhân vào hoạt động marketing	cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Yêu cầu sinh viên thực hiện thảo luận nhóm giải quyết bài tập tình huống giảng viên đưa ra. - Giao bài trắc nghiệm TN6.	- Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên. - Làm bài trắc nghiệm TN6.		CLO8
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	CHƯƠNG 7: NHỮNG YẾU TỐ TÂM LÝ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HÀNH VI KHÁCH HÀNG 7.1 Động cơ 7.2 Nhận thức 7.3 Sự tiếp thu 7.4 Niềm tin và thái độ 7.5 Ứng dụng của việc nghiên cứu yếu tố tâm lý vào hoạt động marketing	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Yêu cầu sinh viên thực hiện thảo luận nhóm giải quyết bài tập tình huống giảng viên đưa ra. - Giao bài trắc nghiệm TN7.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên. - Làm bài trắc nghiệm TN7.	Đánh giá quá trình TN6	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	CHƯƠNG 8: MUA SẴM VÀ HỆ QUẢ CỦA MUA SẴM 8.1 Nhận ra nhu cầu 8.2 Các yếu tố kích	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng	Đánh giá giữa kỳ	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>thích nhu cầu</p> <p>8.3 Quá trình tìm kiếm thông tin</p> <p>8.4 Thực hiện việc mua sắm và những hệ quả của nó</p>	<p>dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Yêu cầu sinh viên thực hiện thảo luận nhóm giải quyết bài tập tình huống giảng viên đưa ra. - Giao bài trắc nghiệm TN8. 	<p>viên đưa ra;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên. - Làm bài trắc nghiệm TN8. 		<p>CLO7</p> <p>CLO8</p>
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	Thuyết trình nhóm Ôn tập cuối kì	<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi bài thuyết trình của các nhóm. - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét, đặt câu hỏi cho các bài thuyết trình. - Nhận xét bài thuyết trình. - Đặt các câu hỏi để các nhóm làm rõ vấn đề. - Chấm điểm thuyết trình cho các nhóm. - Ôn tập lại các phần lý thuyết quan trọng. - Dặn dò ôn tập cho bài thi kết thúc học phần 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm thuyết trình - Theo dõi bài thuyết trình của các nhóm khác. - Đưa ra các nhận xét và các câu hỏi cho các bài thuyết trình để làm rõ những vấn đề còn khúc mắc. - Tự hệ thống lại kiến thức của môn học theo hình thức sơ đồ tư duy. - Ghi chép lại đề cương ôn tập 	Đánh giá giữa kỳ	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p> <p>CLO8</p> <p>CLO9</p> <p>CLO10</p>

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

- Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.
- Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.
- Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 8.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

- Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.
- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.
- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

- Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.
- Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.
- Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.
 - Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.
 - Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ/email liên hệ: vuongnga1112@gmail.com

Đồng Nai, ngày 05 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Vương Thúy Nga

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
VĂN BẢN VÀ KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: **VĂN BẢN VÀ KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN**
- Tên học phần Tiếng Anh: **DOCUMENT AND DOCUMENT EDITING TECHNIQUES**
- Mã học phần: **2112203**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**
- Số tín chỉ: 02

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
100 giờ	20 giờ	20 giờ			60 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 01
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: Không
 - + Học phần trước: Không
 - + Học phần song hành (nếu có): Không

2. Mục tiêu của học phần: sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Học phần Văn bản và kỹ thuật soạn thảo văn bản là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống văn bản hình thành trong hoạt động của các doanh nghiệp, thẩm quyền ban hành, loại hình văn bản và giá trị pháp lý của từng loại văn bản. Sau khi nghiên cứu học phần này, sinh viên ngành Quản trị kinh doanh sẽ nắm vững kiến thức cơ bản, có kỹ năng soạn thảo, trình bày các loại văn bản phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó, sinh

viên có đủ kiến thức và kỹ năng để tham mưu cho lãnh đạo các doanh nghiệp trong việc ban hành các loại văn bản phục vụ sản xuất, kinh doanh.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object-Viết tắt là CO):

– Về kiến thức:

CO1: Giúp sinh viên có khả năng khái quát và hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về văn phong, cách trình bày, thể thức và kỹ thuật xây dựng của các loại văn bản hình thành trong hoạt động quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

CO2: Có kiến thức cơ bản về thẩm quyền ban hành các loại văn bản của từng cá nhân lãnh đạo, tập thể lãnh đạo trong từng loại hình doanh nghiệp cụ thể. Nắm vững kiến thức chuyên sâu về các loại văn bản hình thành trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

– Về kỹ năng:

CO3: Giúp người học phát triển kỹ năng xây dựng, soạn thảo, tham mưu lãnh đạo ban hành các loại văn bản phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

CO4: Đào tạo năng lực làm việc độc lập và theo nhóm để xây dựng, ban hành và tham mưu cho lãnh đạo, chủ các doanh nghiệp về ban hành các loại văn bản.

– Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO5: Giúp người học xây dựng ý thức trách nhiệm, kỷ luật cao khi làm việc trong môi trường văn phòng doanh nghiệp.

CO6: Có năng lực hợp tác, làm việc nhóm trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3. Mô tả văn tắt nội dung của học phần:

Văn bản và kỹ thuật soạn thảo văn bản là một học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quá trình hình thành các loại văn bản phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp như: Điều lệ thành lập, các loại quyết định, nghị quyết của Hội đồng thành viên, nghị quyết của hội đồng thành viên, thư thương mại,...Trên cơ sở nghiên cứu học phần này sẽ giúp sinh viên nắm bắt cơ bản về cơ cấu tổ chức của các loại hình doanh nghiệp và thẩm quyền ban hành văn bản của các cá nhân, tập thể lãnh đạo trong các doanh nghiệp theo các quy định hiện hành của pháp luật. Đồng thời, nghiên cứu học phần này sẽ giúp cho sinh viên có kỹ năng xây dựng, tham mưu và ban hành các loại văn bản phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

Trên cơ sở những kiến thức chuyên sâu của học phần Văn bản và kỹ thuật soạn thảo văn bản, sinh viên có thể hoạch định, quản lý, điều hành có hiệu quả hoạt động của một văn phòng trong cơ quan, doanh nghiệp. Sinh viên có thể tham gia xây dựng tốt các loại văn bản đặc thù trong hoạt động của doanh nghiệp như: Hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động, đề án, dự án,...

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course learning outcomes-Viết tắt là CLOs):

Mã số CĐR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	Hiểu được khái niệm, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của văn bản.	3.0
CLO2	Hiểu được khái niệm, vai trò và thẩm quyền ban hành của các loại văn trong các doanh nghiệp	3.0
CLO3	Nắm vững các loại hình văn bản và chứng thực văn bản điện tử trong hoạt động sản xuất, kinh doanh	2.0
CLO4	Nắm vững các quy trình xây dựng, tham mưu, ban hành các loại văn bản trong hoạt động của doanh nghiệp	4.0
CLO5	Nắm vững các quy trình nghiệp vụ liên quan quản lý văn bản điện tử	3.0
CLO6	Phân định được sự khác biệt giữa các loại văn bản khác nhau trong doanh nghiệp	3.0
CLO7	Nắm vững quy trình nghiệp vụ xây dựng từng loại văn bản cụ thể của doanh nghiệp	3.5
CLO8	Áp dụng hệ thống quy chuẩn hiện đại trong việc xây dựng và ban hành văn bản	3.5
CLO9	Đề xuất lựa chọn loại hình văn bản, xây dựng, tham mưu quy trình ban hành văn bản phù hợp với các tiêu chuẩn quản lý chất lượng của doanh nghiệp	4.5
CLO10	Thiết kế được các quy trình xây dựng, ban hành văn bản phù hợp với doanh nghiệp và hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.	5.0
CLO11	Thiết kế quy trình quản trị hệ thống văn bản của doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong sản xuất, kinh doanh	4.5

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
CLO12	Quản lý chặt chẽ hệ thống lưu trữ văn bản giấy, văn bản điện tử nhằm phục vụ tra cứu của doanh nghiệp	3.0

Chuẩn về kỹ năng

CLO13	Kỹ năng phân biệt các loại hình văn bản khác nhau và thẩm quyền ban hành các loại văn bản hình thành trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp	3.5
CLO14	Kỹ năng tổ chức làm việc nhóm hiệu quả trong xây dựng, tham mưu và ban hành các loại văn bản	4.5
CLO15	Kỹ năng thu thập thông tin, xử lý và đề xuất nội dung phù hợp để ban hành các loại văn bản một cách có hiệu quả phục vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp	4.0
CLO16	Kỹ năng đánh giá và đề xuất các giải pháp trong nội dung văn bản phù hợp thực tiễn của doanh nghiệp	4.0
CLO17	Có khả năng vận dụng các kiến thức để quản trị nguồn lực thông tin của cơ quan, doanh nghiệp để tham mưu cho lãnh đạo doanh nghiệp ban hành các loại văn bản trong sản xuất, kinh doanh.	3.5
CLO18	Có khả năng vận dụng lập báo cáo và cung cấp các loại văn bản cần thiết cho quá trình kiểm tra, thanh tra trong doanh nghiệp	3.5

Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm

CLO19	Liên hệ đến ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình ban hành văn bản	4.0
CLO20	Vận dụng năng lực hợp tác, phong cách làm việc chuyên nghiệp, kiến thức và năng lực tư duy sáng tạo trong tham mưu, ban hành các loại văn bản trong doanh nghiệp	3.5

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1						X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
2									X	X	X	X	X	X	X	X	X	
3											X	X	X	X				
4												X	X	X	X	X	X	X
5						X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
6									X	X	X	X	X	X	X	X	X	
7						X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
8						X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
9												X	X	X	X	X	X	
10								X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
11						X	X	X	X	X	X	X	X	X				
12						X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
13							X	X	X	X	X	X	X					
14										X	X	X	X	X				
15							X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
16										X	X	X	X	X	X		X	X
17										X	X	X	X	X				X
18							X	X		X	X	X	X	X	X	X		
19											X	X	X	X	X	X	X	X
20							X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá quá trình	- Chuyên cần; phát biểu, xây dựng bài; thực hiện yêu cầu của giảng viên.	Thường xuyên	CLO1 đến CLO20	10%
	Bài Trắc nghiệm 1	Thường xuyên	CLO1 đến CLO20	5%
	Bài trắc nghiệm 2	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1 đến CLO20	25%
2. Đánh giá kết thúc	Kết thúc học phần: bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan	Thi cuối kỳ	CLO1 đến CLO20	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá kết thúc).

6. Học liệu

- Tài liệu bắt buộc:

[1] Nguyễn Đăng Dung, Nguyễn Hoàng Anh, Võ Trí Hào (2014), *Giáo trình kỹ thuật soạn thảo văn bản*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội;

[2] Nguyễn Thắng, Trung Vĩnh (2014), *Kỹ năng viết thư và soạn thảo hợp đồng kinh doanh thương mại*, NXB Hồng Đức;

[3] Nhóm tác giả Ths. Phạm Thị Mận, Ths. Trần Vũ Thành -Trường Đại học Đồng Nai (2022), *Văn bản và kỹ thuật*, Lưu hành nội bộ.

- Tài liệu tham khảo

[1] Vương Đình Quyền (2006), *Hướng dẫn soạn thảo và quản lý văn bản*, NXB Tài chính;

[2] TS. Lê Văn In, TS Nghiêm Kỳ Hồng, Ths. Đỗ Văn Học (2012), *Giáo trình văn bản quản lý nhà nước và kỹ thuật soạn thảo văn bản*, NXB Đại học Quốc gia TP HCM;

[3] Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 5/03/2020 của Chính phủ về Công tác văn thư.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)	(3)	(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	<p>2. Giới thiệu học phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về học phần Văn bản và kỹ thuật soạn thảo văn bản - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập <p>3. Nêu mục tiêu môn học</p> <p>4. Chia nhóm sinh viên</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn tổng quát nội dung của từng chương. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập cho học phần. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhớ mục tiêu, nội dung môn học. - Ghi nhớ cách tìm tài liệu, nghiên cứu. - Ghi nhớ cách thức đánh giá học phần 	Không đánh giá	
	<p>Chương 1 : Tổng Quan về văn bản trong doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Khái niệm văn bản 1.2. Phân loại văn bản 1.3. Các loại hình văn bản hình thành trong hoạt động doanh nghiệp 1.4. Chức năng của văn bản 1.5. Vai trò, giá trị của văn bản trong doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides. - Đặt câu hỏi cho sinh viên. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập thực hiện trên lớp - Sửa bài tập chương 1. - Giao bài kiểm tra thường xuyên 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ. Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Làm bài tập trắc nghiệm chương 1. - Làm bài kiểm tra 	Bài tập, đánh giá thường xuyên TN1	CLO 1 CLO19 CLO 20

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	Bài tập chương 1	TN1	thường xuyên TN1.		
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	Chương 2: Thể thức và Kỹ thuật soạn thảo văn bản 2.1. Thẩm quyền ban hành văn bản trong doanh nghiệp. 2.2. Thể thức văn bản của doanh nghiệp 2.3. Kỹ thuật trình bày văn bản 2.4. Yêu cầu về nội dung văn bản 2.5. Văn phong của văn bản trong doanh nghiệp	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides. - Đặt câu hỏi cho sinh viên. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập về nhà chương 2	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ. - Làm bài tập về nhà chương 2.	Ví dụ Bài tập thực hành	CLO 2 CLO 7 CLO 10 CLO 13 CLO 18 CLO 19 CLO 20
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	Chương 2: Các nghiệp vụ văn phòng hiện đại (tiếp theo) Ôn tập, củng cố lại lý thuyết và sửa các bài tập chương 2. Kiểm tra chương 2	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides. - Đặt câu hỏi cho sinh viên. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn sinh viên áp dụng lý thuyết giải quyết các ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà chương 2.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Làm bài tập về nhà chương 2.	Ví dụ Bài tập	CLO 2 CLO 7 CLO 10 CLO 13 CLO 18 CLO 19 CLO 20
Tuần 4	Chương 3: Kỹ thuật soạn thảo các loại văn	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép		CLO 3

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Buổi 4 4 giờ	bản trong doanh nghiệp 3.1. Kỹ thuật soạn thảo Điều lệ 3.2. Kỹ thuật soạn thảo Nghị quyết Bài tập chương 3	slides. - Đặt câu hỏi cho sinh viên. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn sinh viên áp dụng lý thuyết giải quyết các ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà chương 3	các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Áp dụng lý thuyết giải quyết hoàn thành các ví dụ được giao. - Làm bài tập về nhà chương 3.	Ví dụ Bài tập	CLO 4 CLO 8 CLO 9 CLO 14 CLO 15 CLO 19 CLO 20
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	Chương 3: Kỹ thuật soạn thảo các loại văn bản trong doanh nghiệp (tiếp theo) 3.3. Kỹ thuật soạn thảo quyết định 3.4. Kỹ thuật soạn thảo công văn/thư thương mại Bài tập chương 3	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides. - Đặt câu hỏi cho sinh viên. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn sinh viên áp dụng lý thuyết giải quyết các ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà chương 3 - Giao bài kiểm tra TN 2	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Áp dụng lý thuyết giải quyết hoàn thành các ví dụ được giao. - Làm bài tập về nhà chương 3. - Làm bài kiểm tra TN 2	Ví dụ Bài tập	CLO 3 CLO 4 CLO 8 CLO 9 CLO 14 CLO 15 CLO 19 CLO 20
Tuần 6 Buổi 6	Chương 3: Kỹ thuật soạn thảo các loại văn bản trong doanh	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính,		CLO 3 CLO 4

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
4 giờ	nghiệp (tiếp theo) 3.5. Kỹ thuật soạn thảo thông báo 3.6. Kỹ thuật soạn thảo báo cáo Bài tập chương 3	- Đặt câu hỏi cho sinh viên. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn sinh viên áp dụng lý thuyết giải quyết các ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà chương 3 - Giao bài kiểm tra TN3	đặt câu hỏi để làm rõ. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Áp dụng lý thuyết giải quyết hoàn thành các ví dụ được giao. - Làm bài tập về nhà chương 3. - Làm bài kiểm tra TN 3	Ví dụ Bài tập	CLO 8 CLO 9 CLO 14 CLO 15 CLO 19 CLO 20
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	Chương 3: Kỹ thuật soạn thảo các loại văn bản trong doanh nghiệp (tiếp theo) 3.5. Kỹ thuật soạn thảo đề án/dự án 3.6. Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản khác Bài tập chương 3	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides. - Đặt câu hỏi cho sinh viên. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn sinh viên áp dụng lý thuyết giải quyết các ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà chương 3	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Áp dụng lý thuyết giải quyết hoàn thành các ví dụ được giao. - Làm bài tập về nhà chương 3.	Ví dụ Bài tập	CLO 3 CLO 4 CLO 8 CLO 9 CLO 14 CLO 15 CLO 19 CLO 20
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	Chương 4: Kỹ thuật soạn thảo một số loại hình văn bản đặc thù trong doanh nghiệp	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides. - Đặt câu hỏi cho	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để	Ví dụ	CLO 5 CLO 11 CLO 17

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	4.1. Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng kinh tế - Bài tập về soạn thảo hợp đồng kinh tế	sinh viên. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn sinh viên áp dụng lý thuyết giải quyết các ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà chương 4.	làm rõ. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Áp dụng lý thuyết giải quyết hoàn thành các ví dụ được giao. - Làm bài tập về nhà chương 4.	Bài tập	CLO 19 CLO 20
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	Chương 4: Kỹ thuật soạn thảo một số loại hình văn bản đặc thù trong doanh nghiệp (tiếp theo) 4.2. Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng lao động - Bài tập về soạn thảo hợp đồng lao động	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides. - Đặt câu hỏi cho sinh viên. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn sinh viên áp dụng lý thuyết giải quyết các ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà chương 4. - Giao bài kiểm tra TN 4.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Áp dụng lý thuyết giải quyết hoàn thành các ví dụ được giao. - Làm bài tập về nhà chương 4. - Làm bài kiểm tra TN 4	Ví dụ Bài tập	CLO 5 CLO 11 CLO 17 CLO 19 CLO 20
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	Chương 4: Kỹ thuật soạn thảo một số loại hình văn bản đặc thù trong doanh nghiệp 4.3. Kỹ thuật soạn thảo	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides. - Đặt câu hỏi cho	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ.	Ví dụ Bài tập	CLO 5 CLO 11 CLO 17

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	thư ngữ/văn bản giới thiệu doanh nghiệp - Bài tập về soạn thảo thư ngữ/ văn bản giới thiệu doanh nghiệp Ôn tập, sửa bài tập chương 4. Sửa bài kiểm tra thường xuyên 2,3; sửa bài kiểm tra giữa kỳ 1, Kiểm tra giữa kỳ 2.	sinh viên. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn sinh viên áp dụng lý thuyết giải quyết các ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà chương 4. - Giao bài kiểm tra TN 5.	- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Áp dụng lý thuyết giải quyết hoàn thành các ví dụ được giao. - Làm bài tập về nhà chương 4. - Làm bài kiểm tra TN 5		CLO 19 CLO 20

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 5.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

– Hình thức: Thi tự luận hoặc trắc nghiệm, thời gian 60 phút, được tham khảo tài liệu khi dự thi.

– Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

– Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

– Đi học đầy đủ, đúng thời gian qui định của nhà trường;

- Yêu cầu trong giờ học tại lớp: Không được nói chuyện và làm việc riêng, không sử dụng điện thoại cá nhân và các thiết bị điện tử trừ khi giảng viên cho phép tra cứu tư liệu, thông tin để phục vụ cho học tập, nghiên cứu;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo qui định của giảng viên khi đến lớp;
- Trước khi đến lớp, yêu cầu sinh viên tự đọc, nghiên cứu các bài tập, tài liệu tại nhà theo sự hướng dẫn giảng viên nhằm trao đổi, phản biện, góp ý, hợp tác, thảo luận các nội dung theo yêu cầu của giảng viên;
- Tinh thần, thái độ tôn trọng, nghiêm túc, trách nhiệm, tính kỷ luật, cầu thị trong học tập, làm việc với giảng viên và các bạn trong ngoài lớp;
- Kiểm soát tốt cảm xúc cá nhân khi tranh luận, phản biện, bác bỏ, chia sẻ, góp ý, thảo luận, trao đổi các vấn đề tại lớp, trong nhóm;
- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ/email liên hệ: hongman1984.unv.dn@gmail.com

Đồng Nai, ngày 12 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN





ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

ThS. Đinh Thị Hóa

ThS. Phạm Thị Mận

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ NHÓM LÀM VIỆC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: QUẢN TRỊ NHÓM LÀM VIỆC
- Tên học phần Tiếng Anh: TEAMWORK MANAGEMENT
- Mã học phần: 2112204
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 02

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
100 giờ	20 giờ	20 giờ	0	00	60 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 3
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: Quản trị học
 - + Học phần trước:
 - + Học phần song hành (nếu có): không có

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung

Học phần Quản trị nhóm làm việc cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng quản trị nhóm làm việc hiệu quả

2.2. Mục tiêu cụ thể

- **Về kiến thức:**

CO1: Giúp người học có khả năng khái quát các vấn đề cơ bản của một nhóm làm việc

CO2: Cung cấp cho người học các kiến thức về bản chất của nhóm làm việc, xây dựng nhóm làm việc, lãnh đạo và động viên nhóm làm việc, giao tiếp nhóm làm việc và quản trị xung đột trong nhóm làm việc.

- **Về kỹ năng:**

CO3: Giúp người học có các kỹ năng xây dựng nhóm, lãnh đạo và tạo động lực cho các thành viên nhóm

CO4: Giúp người học có kỹ năng giao tiếp và giải quyết các xung đột trong nhóm

- **Về mức độ tự chủ trách nhiệm:**

CO5: Hình thành thói quen thích nghi với môi trường làm việc tập thể, tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.

CO6: Giúp người học xây dựng ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp

CO7: Giúp người học có năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

- Quản trị nhóm làm việc là học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo quản trị kinh doanh.

- Học phần bao gồm các nội dung : khái quát về nhóm làm việc và quản trị nhóm làm việc; vai trò trách nhiệm và phẩm chất của nhà quản trị nhóm làm việc ; quy trình và kỹ năng xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; các hình thức và kỹ năng giao tiếp nhóm; lãnh đạo và động viên nhóm làm việc, các dạng xung đột nhóm và cách thức giải quyết xung đột nhóm.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CLOs (1)	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom) (2)	Trình độ năng lực (3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	- Hiểu được khái niệm, đặc điểm của nhóm làm việc	2.5
CLO2	- Hiểu được khái niệm và vai trò của quản trị nhóm làm việc	2.5
CLO3	- Hiểu được nội dung cơ bản của nhóm làm việc, vai trò và trách nhiệm của nhà quản trị nhóm làm việc	3.0
CLO4	- Nắm được khái niệm và tầm quan trọng của xây dựng nhóm làm việc	3.0
CLO5	- Hiểu được tầm quan trọng cả việc lựa chọn thành viên nhóm làm việc	3.0

CLO6	- Xác định được mục tiêu, xây dựng các nét đặc trưng của nhóm làm việc	4.5
CLO7	- Hiểu và vận dụng được cách phân công và thiết lập cơ chế hoạt động của nhóm làm việc	4.0
CLO8	- Hiểu được khái niệm và tầm quan trọng của giao tiếp trong nhóm làm việc	3.0
CLO9	- Biết được các hình thức và các yếu tố cấu thành giao tiếp trong nhóm làm việc	3.0
CLO10	- Biết được các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp trong nhóm làm việc	3.0
CLO11	- Biết được các nguyên tắc và kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong nhóm làm việc	3.0
CLO12	- Hiểu được khái niệm và vai trò của lãnh đạo nhóm làm việc	3.0
CLO13	- Hiểu được khái niệm và quy trình huấn luyện nhóm làm việc	3.0
CLO14	- Biết được các cách tạo động lực cho nhóm làm việc	3.0
CLO15	- Hiểu được khái niệm và các loại xung đột trong nhóm làm việc	3.0
CLO16	- Hiểu được khái niệm và mục tiêu của đánh giá nhóm làm việc	3.0
CLO17	- Nắm được nội dung cơ bản của đánh giá nhóm làm việc	3.0
CLO18	- Hiểu và áp dụng được kiến thức quản trị nhóm làm việc để giải quyết các tình huống giả định và thực tế.	5.0
Chuẩn về kỹ năng		
CLO19	- Kỹ năng giao tiếp bằng văn bản và giao tiếp đa phương tiện	5.0
CLO20	- Kỹ năng làm việc nhóm: thành lập, tổ chức, phân công thực hiện công việc cho các thành viên trong nhóm	5.0
CLO21	- Kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề: Dự tình huống đưa ra nhận xét, phân tích, đánh giá về những vấn đề liên quan	5.0

	đến nội dung học phần.	
CLO22	- Kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lắng nghe với tư duy phản biện	4.0
Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm		
CLO23	Có thái độ hợp tác, giúp đỡ các thành viên trong nhóm nhằm củng cố kiến thức và trải nghiệm thực tế để khám phá những điều mới mà lý thuyết chưa truyền tải hết.	4.5
CLO24	Có thái độ cầu thị, nhận thức được các vấn đề mang tính thời sự.	4.5

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1		x	x		x		x	x	x	x	x	x			x	x	x	x
2		x	x		x		x											
3		x	x		x		x			x	x	x	x		x	x	x	x
4		x	x		x		x											
5		x	x		x		x											
6		x	x		x		x											
7		x	x		x		x											
8		x	x		x		x			x	x	x	x		x	x	x	x
9		x	x		x		x											
10		x	x		x		x											
11		x	x		x		x											
12		x	x		x		x											
13		x	x		x		x											
14		x	x		x		x			x	x	x	x		x	x	x	x
15		x	x		x		x			x	x	x	x		x	x	x	x
16		x	x		x	x	x											
17		x	x		x		x											
18		x	x		x		x											
19		x	x		x		x	x		x	x	x	x		x	x	x	x

20		X	X		X		X		X	X	X	X		X	X	X	X
21		X	X		X		X		X	X	X	X		X	X	X	X
22		X	X		X		X		X	X	X	X		X	X	X	X
23		X	X		X		X		X	X	X	X		X	X	X	X
24		X	X		X		X		X	X	X	X		X	X	X	X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá sự chuyên cần	- Tham dự lớp học - Tham gia bài tập nhóm	Đánh giá thường xuyên theo thang điểm ABCDF	CLO1 đến CLO24	10%
2. Đánh giá quá trình	Bài tập nhóm	Bài tập tình huống. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO 1 đến CLO 18	5%
	Bài kiểm tra giữa kì	Tự luận. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO 1 đến CLO 17	25%
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	Thi cuối kỳ hình thức trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO 1 đến CLO 18	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

[1] Trần Kiều Trang (2017), *Giáo trình Quản trị nhóm làm việc*, NXB Thống kê.

Tài liệu tham khảo:

[1] Quyên Đình Hà, Đỗ Thị Nhài, Nguyễn Thị Phương (2021), *Giáo trình kỹ năng quản lý và làm việc nhóm*, NXB Học viện nông nghiệp.

[2] Tạ Quang Tuấn, Đoàn Văn Tình, Phạm Thị Mai Anh, Văn Thị Hoàn (2019), *Giáo trình kỹ năng làm việc nhóm*, NXB Lao động.

[3] Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu (2011), *Giáo trình kỹ năng làm việc nhóm*, NXB Trẻ.

[4] Lawrence Holpp (2010), *Quản lý nhóm*, NXB Lao động xã hội.

[5] Robert B Maddux (2008), *Xây dựng nhóm làm việc*, NXB Tổng hợp Tp.HCM.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	<p>Giới thiệu môn học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về học phần Quản trị nhóm làm việc - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập - Chia nhóm sinh viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình chiếu slide bài giảng “ Giới thiệu môn học” để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi chép, đặt các câu hỏi về môn học để được hướng dẫn cụ thể. 	Không đánh giá	
	<p>CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ NHÓM LÀM VIỆC VÀ QUẢN TRỊ NHÓM LÀM VIỆC</p> <p>1. 1. Khái luận về nhóm làm việc</p> <p>1.1.1 Khái niệm về nhóm làm việc và làm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 1; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; 	Đánh giá chuyên cần	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO18

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	việc theo nhóm 1.1.2 Đặc trưng của nhóm làm việc 1.1.3 Cấu trúc nhóm làm việc 1.1.4 Các giai đoạn hình thành và phát triển nhóm làm việc 1.2. Khái luận về quản trị nhóm làm việc 1.2.1. Khái niệm quản trị nhóm làm việc 1.2.2. Vai trò của quản trị nhóm làm việc 1.2.3. Các nội dung của quản trị nhóm làm việc	- Trả lời thắc mắc của sinh viên.			
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	CHƯƠNG 1: (tt) 1.3. Nhà quản trị nhóm làm việc 1.3.1. Vai trò và trách nhiệm của nhà quản trị nhóm làm việc 1.3.2. Các phẩm chất cần thiết của nhà quản trị nhóm làm việc CHƯƠNG 2: XÂY DỰNG NHÓM LÀM VIỆC 2.1. Lựa chọn thành viên tham gia nhóm làm việc 2.1.1. Tầm quan trọng của việc lựa chọn thành viên nhóm làm	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 1, 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;	Đánh giá chuyên cần	CLO5 CLO6 CLO18

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	việc 2.1.2. Các tiêu chí lựa chọn thành viên nhóm				
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	CHƯƠNG 2: XÂY DỰNG NHÓM LÀM VIỆC (tt) 2.2. Xác định mục tiêu và các nét đặc trưng nhóm 2.2.1 Xác định mục tiêu của nhóm làm việc 2.2.2 Xây dựng các nét đặc trưng của nhóm làm việc 2.3. Phân công nhiệm vụ và xây dựng quy chế hoạt động của nhóm làm việc 2.3.1. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên nhóm 2.3.2. Xây dựng quy chế hoạt động của nhóm	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 2, - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập tình huống chương 2	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;	Đánh giá quá trình: bài tập tình huống	CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO18
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	CHƯƠNG 3: GIAO TIẾP NHÓM LÀM VIỆC 3.1. Khái quát về giao tiếp nhóm làm việc 3.1.1. Khái niệm giao tiếp nhóm làm việc	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3 - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do	Đánh giá chuyên cần	CLO10 CLO11 CLO12 CLO18

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>3.1.2. Các hình thức giao tiếp nhóm làm việc</p> <p>3.1.3. Kỹ năng giao tiếp nhóm làm việc</p> <p>3.2. Mô hình giao tiếp trong nhóm làm việc</p> <p>3.2.1. Đối tượng giao tiếp</p> <p>3.2.2. Thông tin và kênh truyền đạt thông tin</p> <p>3.2.6. Phản hồi thông tin</p>	<p>thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p>	<p>giảng viên đưa ra;</p>		
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	<p>CHƯƠNG 3: (tt)</p> <p>3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp trong nhóm làm việc</p> <p>3.3.1. Môi trường giao tiếp nhóm</p> <p>3.3.2. Kênh truyền đạt thông tin giao tiếp nhóm</p> <p>3.3.3. Yếu tố tâm lý cá nhân trong giao tiếp nhóm</p> <p>3.3.4. Các mối quan hệ và văn hóa nhóm</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p>	Đánh giá chuyên cần	CLO10 CLO11 CLO12 CLO18
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	<p>CHƯƠNG 4: LÃNH ĐẠO NHÓM LÀM VIỆC</p> <p>4.1. Khái luận về lãnh đạo nhóm làm việc</p> <p>4.1.1. Khái niệm về lãnh đạo nhóm làm</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3, 4;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do</p>	Đánh giá chuyên cần	CLO10 CLO11 CLO13 CLO18

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	việc 4.1.2. Các lý thuyết lãnh đạo nhóm làm việc	thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên.	giảng viên đưa ra;		
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	CHƯƠNG 4: (tt) 4.2 Tạo động lực cho các thành viên nhóm làm việc 4.2.1. Xác định nhu cầu các thành viên nhóm làm việc 4.2.2. Đánh giá nhóm và thành viên nhóm làm việc 4.2.3 Các cách thức tạo động lực cho thành viên nhóm làm việc	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập tình huống chương 4	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;	Đánh giá quá trình: bài tập tình huống	CLO13 CLO14 CLO18
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	CHƯƠNG 5: QUẢN TRỊ XUNG ĐỘT NHÓM LÀM VIỆC 5.1 Khái luận về xung đột nhóm làm việc 5.1.1 Khái niệm xung đột nhóm làm việc 5.1.2 Các dạng xung đột trong nhóm làm việc 5.1.3 Các nguyên nhân xung đột trong nhóm làm việc 5.2 Các phương pháp giải quyết xung đột nhóm 5.2.1 Né tránh, phớt lờ	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 5; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài kiểm tra giữa kì: Bài tập trắc nghiệm	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện bài kiểm tra giữa kì	Đánh giá giữa kì: bài kiểm tra giữa kì	CLO15 CLO16 CLO18

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	5.2.2 Nhượng bộ, thỏa hiệp 5.2.3 Đàm phán, đôi bên cùng thắng 5.2.4 Áp đặt phương án và buộc tuân thủ				
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	CHƯƠNG 5 (tt) 5.3 Các bước giải quyết xung đột nhóm 5.3.1. Xác định xung đột và nguyên nhân 5.3.2. Tìm kiếm và thực thi giải pháp 5.3.3. Theo dõi và đánh giá kết quả giải quyết xung đột	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 5; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập tình huống chương 5	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;	Đánh giá quá trình: bài tập tình huống	CLO15 CLO16 CLO17 CLO18 CLO17
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	Hệ thống kiến thức và kết thúc môn	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung Hệ thống kiến thức; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Thông báo điểm 40% cho sinh viên	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;	Đánh giá chuyên cần	CLO18

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần;

tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 5.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

– Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

– Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

– Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

– Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

– Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

– Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

– Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

– Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

– Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/ Bộ môn Quản trị kinh doanh

– Địa chỉ/email liên hệ: hoaiannnguyendnu@gmail.com

Đồng Nai, ngày 04 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

ThS. Đinh Thị Hóa

ThS. Nguyễn Thị Hoài Ân

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ THAY ĐỔI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: QUẢN TRỊ THAY ĐỔI
- Tên học phần Tiếng Anh: CHANGE MANAGEMENT
- Mã học phần: 2112301
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 02

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
100 giờ	20 giờ	20 giờ	0	00	60 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 4
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: Quản trị học
 - + Học phần trước: không yêu cầu
 - + Học phần song hành (nếu có): không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Học phần tập trung vào cung cấp kiến thức về thay đổi và quản trị sự thay đổi trong tổ chức, cụ thể tìm hiểu các rào cản, khó khăn, các công việc chuẩn bị, hoạch định, tổ chức thực hiện, thích nghi và tạo sự thay đổi liên tục để phát triển trong tổ chức. Từ những kiến thức được trang bị sinh viên có thể hiểu được sự quan trọng của việc thay đổi, từ đó có thể tự lên cho mình kế hoạch để thay đổi bản thân, thực hiện thay đổi bản thân và thích nghi với sự thay đổi của tổ chức, có thể tham gia vào thực hiện và quản trị sự thay đổi của tổ chức để phát triển.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object-Viết tắt là CO):

- Về kiến thức

CO1: Có kiến thức cơ bản về thay đổi, quản trị thay đổi, nguyên nhân của sự thay đổi, các hình thức thay đổi, phương pháp tiếp cận và nội dung của sự thay đổi.

CO2: Hiểu rõ những rào cản đối với sự thay đổi trong tổ chức.

CO3: Có được sự am hiểu thật kỹ trong việc chuẩn bị để thay đổi để có thể chủ động hơn trong việc thay đổi.

CO4: Am hiểu quá trình hoạch định thay đổi để có sự chuẩn bị kỹ càng cho việc thay đổi.

CO5: Nắm rõ các bước thực hiện trong việc tổ chức thực hiện việc thay đổi, nội dung của hoạt động quản trị sự thay đổi và tiến hành truyền thông cho thay đổi.

CO7: Hiểu rõ các giai đoạn diễn biến của cá nhân trong quá trình thay đổi để có thể hỗ trợ các nhân viên trong quá trình thích nghi với sự thay đổi và những phương án xử lý đối với những cá nhân chống đối sự thay đổi.

CO8: Hiểu được tầm quan trọng của việc thay đổi trong sự phát triển của tổ chức để từ đó có thể kiểm soát, điều chỉnh sự thay đổi gia tăng liên tục để phát triển, tạo ra cơ cấu tổ chức nhạy cảm với sự thay đổi, thực hiện thay đổi liên tục, và nắm bắt được những bí quyết để thực hiện việc thay đổi gia tăng liên tục trong tổ chức.

- Về kỹ năng

CO9: Phân tích thực trạng của doanh nghiệp, nhận biết được tình huống cần thiết phải thay đổi, và hoạch định cho sự thay đổi của tổ chức.

CO10: Có khả năng thực hiện, kiểm soát sự thay đổi phát triển của bản thân và tổ chức.

CO11: Vận dụng và giải quyết vấn đề đối với những tình huống thay đổi của tổ chức.

CO12: Phát triển kỹ năng phân tích và phản biện, và làm việc nhóm.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm

CO13: Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập nhóm;

CO14: Nhận thức và hiểu được tầm quan trọng của việc thay đổi và quản trị thay đổi

CO15: Có ý thức trách nhiệm đối với sự thay đổi và phát triển của tổ chức.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Quản trị thay đổi là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh và đây là kiến thức chuyên ngành của ngành quản trị kinh doanh.

Nội dung học phần này cung cấp và trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thay đổi và phát triển trong tổ chức. Các nội dung chính của học phần bao gồm: Tổng

quan về thay đổi và quản trị sự thay đổi trong tổ chức, những rào cản đối với thay đổi của tổ chức, chuẩn bị để thay đổi, hoạch định thay đổi trong tổ chức, tổ chức thực hiện và quản trị sự thay đổi, thích nghi với thay đổi, tạo ra sự liên tục để thay đổi phát triển. Học phần sẽ giúp sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản về sự thay đổi và phát triển trong tổ chức, hiểu được những rào cản trong hoạt động thay đổi của tổ chức và quá trình thực hiện thay đổi như: chuẩn bị, hoạch định, tổ chức thực hiện, thích nghi với thay đổi và tạo ra sự liên tục để thay đổi. Từ những kiến thức được trang bị sinh viên sẽ có thể chủ động thích nghi với sự thay đổi và lên được kế hoạch thay đổi cho bản thân và thích nghi với sự thay đổi trong tổ chức.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CDR (1)	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom) (2)	Trình độ năng lực (3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	Có kiến thức cơ bản về thay đổi, quản trị thay đổi, nguyên nhân của sự thay đổi, các hình thức thay đổi, phương pháp tiếp cận và nội dung của sự thay đổi.	3
CLO2	Hiểu rõ những rào cản đối với sự thay đổi trong tổ chức.	
CLO3	Có được sự am hiểu thật kỹ trong việc chuẩn bị để thay đổi để có thể chủ động hơn trong việc thay đổi.	3
CLO4	Am hiểu quá trình hoạch định thay đổi để có sự chuẩn bị kỹ càng cho việc thay đổi.	
CLO5	Nắm rõ các bước thực hiện trong việc tổ chức thực hiện việc thay đổi, nội dung của hoạt động quản trị sự thay đổi và tiến hành truyền thông cho thay đổi.	3
CLO6	Hiểu rõ các giai đoạn diễn biến của cá nhân trong quá trình thay đổi để có thể hỗ trợ các nhân viên trong quá trình thích nghi với sự thay đổi và những phương án xử lý đối với những cá nhân chống đối sự thay đổi.	3
CLO7	Hiểu được tầm quan trọng của việc thay đổi trong sự phát triển của tổ chức để từ đó có thể kiểm soát, điều chỉnh sự thay đổi gia tăng liên tục để phát triển, tạo ra cơ cấu tổ chức nhạy cảm với sự thay đổi, thực hiện thay đổi liên tục, và nắm bắt được những bí quyết để thực hiện việc thay đổi gia tăng liên tục trong tổ chức.	3

Chuẩn về kỹ năng		
CLO8	Phân tích thực trạng của doanh nghiệp, nhận biết được tình huống cần thiết phải thay đổi, và hoạch định cho sự thay đổi của tổ chức.	3,5
CLO9	Có khả năng thực hiện, kiểm soát sự thay đổi phát triển của bản thân và tổ chức.	3,5
CLO10	Vận dụng và giải quyết vấn đề đối với những tình huống thay đổi của tổ chức.	3,5
CLO11	Phát triển kỹ năng phân tích và phản biện, và làm việc nhóm.	3,5

Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm		
CLO12	Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập nhóm;	4,0
CLO13	Nhận thức và hiểu được tầm quan trọng của việc thay đổi và quản trị thay đổi	4,0
CLO14	Có ý thức trách nhiệm đối với sự thay đổi và phát triển của tổ chức	4,0

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs \ CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1			X		X	X	X	X										
2			X		X	X	X	X										
3			X		X	X	X	X										
4			X		X	X	X	X										
5			X		X	X	X	X										
6			X		X	X	X	X										
7			X		X	X	X	X										
8										X	X	X	X	X	X	X		
9											X	X					X	
10												X	X	X	X			
11								X	X	X		X	X		X			
12																	X	X

13										X								X	X
14										X								X	X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CDR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá sự chuyên cần	- Tham dự lớp học - Tham gia các hoạt động học tập, phát biểu xây dựng bài	Đánh giá thường xuyên theo thang điểm ABCDF	CLO12	10%
2. Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra thường xuyên: TN1; TN2; TN3; TN4; TN5; TN6; TN7	Trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	Từ CLO1 đến CLO7	5%
	Thảo luận nhóm giải quyết các bài tập tình huống	Chấm điểm thảo luận nhóm. Đánh giá theo thang điểm 10.	Từ CLO8 đến CLO14	25%
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	Thi cuối kỳ hình thức thi trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO14	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

[1]. Vũ Hoàng, Quỳnh Trâm (2021), Dịch: *Quản lý sự thay đổi*, Nhà xuất bản Đại học Kinh Tế Quốc Dân.

[2]. Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai (2022), *Quản trị thay đổi*, Lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Phạm Vũ Khiêm, Hứa Thùy Trang (2018), *Quản trị sự thay đổi trong các tổ chức*, Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội.

[2]. Robert Heller, *Quản lý sự thay đổi*, Nhà xuất bản Tổng Hợp Tp.Hồ Chí Minh.

[3]. Cẩm Nang Kinh Doanh Harvard, *Quản lý sự thay đổi và chuyển tiếp*, Nhà xuất bản Tổng Hợp Tp.Hồ Chí Minh.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLOs học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	Giới thiệu môn học - Giới thiệu về học phần Quản trị thay đổi - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập - Chia nhóm sinh viên	- Trình chiếu slide bài giảng “ Giới thiệu môn học” để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học. - Phân nhóm mỗi nhóm có từ 5 sinh viên	- Ghi chép, đặt các câu hỏi về môn học để được hướng dẫn cụ thể. - Thực hiện chọn nhóm	Không đánh giá	

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLOs học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>Chương 1: Tổng quan về thay đổi và quản trị sự thay đổi tổ chức</p> <p>1.1. Khái quát về thay đổi và quản trị thay đổi</p> <p>1.2. Nguyên nhân của sự thay đổi</p> <p>1.3. Các hình thức thay đổi và phương pháp tiếp cận</p> <p>1.4. Nội dung thay đổi trong tổ chức</p> <p>Bài tập trắc nghiệm chương 1.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 1; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN1. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài trắc nghiệm TN1. 	<p>Thảo luận nhóm</p> <p>Đánh giá quá trình TN1</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO8</p> <p>CLO11</p> <p>CLO12</p> <p>CLO13</p> <p>CLO14</p>
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	<p>Chương 2: Những rào cản đối với thay đổi tổ chức</p> <p>2.1. Mục tiêu không rõ ràng</p> <p>2.2. Cấu trúc không phù hợp</p> <p>2.3. Truyền thông yếu kém</p> <p>2.4. Rào cản để con người thay đổi</p> <p>2.5. Văn hóa thay đổi của tổ chức</p> <p>Bài tập trắc nghiệm chương 2.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Yêu cầu sinh viên thực hiện thảo luận nhóm giải quyết bài tập tình huống giảng viên đưa ra. - Giao bài trắc nghiệm TN2. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên. - Làm bài trắc nghiệm TN2. 	<p>Thảo luận nhóm</p> <p>Đánh giá quá trình TN2</p>	<p>CLO2</p> <p>CLO8</p> <p>CLO11</p> <p>CLO12</p> <p>CLO13</p> <p>CLO14</p>
Tuần 3 Buổi 3	<p>Chương 3: Chuẩn bị để thay đổi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các 	<p>Thảo luận</p>	<p>CLO3</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLOs học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
4 giờ	3.1. Vai trò của nhà lãnh đạo trong 3.2. Động lực thúc đẩy để thay đổi 3.3. Xây dựng môi trường văn hóa thay đổi 3.4. Sẵn sàng thay đổi Bài tập trắc nghiệm chương 3	slides nội dung chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Yêu cầu sinh viên thực hiện thảo luận nhóm giải quyết bài tập tình huống giảng viên đưa ra. - Giao bài trắc nghiệm TN3.	điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên. - Làm bài trắc nghiệm TN3.	nhóm Đánh giá quá trình TN3	CLO8 CLO11 CLO12 CLO13 CLO14
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	Chương 4: Hoạch định thay đổi trong tổ chức 4.1. Phân tích thực trạng Dn 4.2. Xác định mục tiêu 4.3. Xác định đối tượng thay đổi 4.4. Xác định phương thức tiến hành thay đổi 4.5. XD người điều hành, người thực hiện và người liên quan sự thay đổi	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 4; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;		CLO4 CLO7 CLO8 CLO12 CLO13 CLO14
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	Chương 4: Hoạch định thay đổi trong tổ chức (tt) 4.6. XD thời điểm tiến hành thay đổi	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 4; - Đặt câu hỏi cho	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các	Thảo luận nhóm Đánh giá quá	CLO4 CLO7 CLO8 CLO11

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLOs học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>4.7. XD tính công khai của sự thay đổi</p> <p>4.8. Xác định tiến độ thay đổi</p> <p>4.9. Xác định các giải pháp cần thiết</p> <p>Bài tập trắc nghiệm chương 4</p>	<p>sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Yêu cầu sinh viên thực hiện thảo luận nhóm giải quyết bài tập tình huống giảng viên đưa ra.</p> <p>- Giao bài trắc nghiệm TN4.</p>	<p>hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên.</p> <p>- Làm bài trắc nghiệm TN4.</p>	trình TN4	CLO12 CLO13 CLO14
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	<p>Chương 5: Tổ chức thực hiện và quản trị sự thay đổi</p> <p>5.1. Các bước tiến hành thay đổi</p> <p>5.2. Quản trị sự thay đổi để chủ động phát triển</p> <p>5.3. Truyền thông cho sự thay đổi</p> <p>Bài tập trắc nghiệm chương 5</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 5;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Yêu cầu sinh viên thực hiện thảo luận nhóm giải quyết bài tập tình huống giảng viên đưa ra.</p> <p>- Giao bài trắc nghiệm TN5.</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên.</p> <p>- Làm bài trắc nghiệm TN5.</p>	Thảo luận nhóm Đánh giá quá trình TN5	CLO5 CLO7 CLO8 CLO9 CLO11 CLO12 CLO13 CLO14
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	<p>Chương 6: Thích nghi với sự thay đổi</p> <p>6.1. Bốn giai đoạn của con người phản ứng với</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2;</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p>	Thảo luận nhóm	CLO6 CLO8 CLO9

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLOs học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	thay đổi 6.2. Sự thích nghi của các cá nhân trước thay đổi 6.3. Sự hỗ trợ của nhà quản lý giúp nhân viên thích nghi với sự thay đổi 6.4. Các phương án khác nhau cho nhà quản lý đối với những người chống đối thay đổi Bài tập trắc nghiệm chương 6	<ul style="list-style-type: none"> - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Yêu cầu sinh viên thực hiện thảo luận nhóm giải quyết bài tập tình huống giảng viên đưa ra. - Giao bài trắc nghiệm TN6. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên. - Làm bài trắc nghiệm TN6. 		CLO10 CLO11 CLO12 CLO13 CLO14
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	Chương 7: Tạo ra sự liên tục để thay đổi phát triển 7.1. Sự thay đổi gia tăng liên tục và những lợi ích của nó 7.2. Cách xác định con người có thể kiểm soát được sự thay đổi gia tăng liên tục hay không 7.3. Tạo cơ cấu tổ chức nhạy cảm với sự thay đổi	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Yêu cầu sinh viên thực hiện thảo luận nhóm giải quyết bài tập tình huống giảng viên đưa ra. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên. 	Thảo luận nhóm Đánh giá quá trình	CLO7 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13 CLO14
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; 	Đánh giá quá trình TN7	CLO7 CLO10 CLO11	

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLOs học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. Bài tập trắc nghiệm chương 7	- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài trắc nghiệm TN7.		CLO12 CLO13 CLO14	
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	Ôn tập cuối kì	- Ôn tập lại các phần lý thuyết quan trọng. - Dẫn dò ôn tập cho bài thi kết thúc học phần - Thông báo điểm quá trình và điểm thảo luận nhóm đánh giá giữa kì	- Tự hệ thống, tóm tắt lại kiến thức của môn học theo hình thức sơ đồ tư duy. - Ghi chép lại đề cương ôn tập - Lắng nghe và trình bày ý kiến nếu có.	Không đánh giá	Từ CLO1 đến CLO14

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 7.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

- Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.
- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.
- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

- Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.
- Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.
- Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.
- Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.
- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/ Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ/email liên hệ: dinhhoa2490@gmail.com

Đồng Nai, ngày 04 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Đinh Thị Hóa

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC
- Tên học phần Tiếng Anh: HUMAN RESOURCE MANAGEMENT
- Mã học phần: 2112302
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: **QTKD**
- Số tín chỉ: 03

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	30 giờ	0	00	90 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 3
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: Không yêu cầu
 - + Học phần trước: Quản trị học
 - + Học phần song hành (nếu có): Không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Học phần Quản trị nguồn nhân lực trang bị những kiến thức chuyên môn chủ yếu như phân tích công việc, hoạch định nguồn nhân lực, tuyển dụng, đào tạo và phát triển, đánh giá thành tích công tác, lương bổng và phúc lợi và quan hệ lao động trong hoạt động sản xuất của doanh nghiệp nhằm giúp cho sinh viên có khả năng dự đoán và quản lý con người trong doanh nghiệp sau này.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object – Viết tắt là CO):

- Về kiến thức:

CO1: Giúp sinh viên mô tả được các hoạt động liên quan đến quản lý con người

CO2: Phân tích và giải thích được các vấn đề liên quan trong quản lý con người với hiệu quả cao nhất.

- Về kỹ năng:

CO3: Giúp người học nâng cao và hoàn thiện kỹ năng phân tích, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng tổ chức và kỹ năng làm việc nhóm liên quan đến quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức.

CO4: Kết hợp các kỹ năng để phân tích, giải quyết, đề xuất các vấn đề liên quan trong quản trị nguồn nhân lực.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO5: Người học có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập nhóm.

CO6: Giúp người học nhận thức về khoa học quản lý nói chung và kiến thức quản trị nguồn nhân lực nói riêng từ đó phối hợp lý luận và thực tế phát sinh để làm tác nhân thúc đẩy quá trình phát triển của tổ chức.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Quản trị nguồn nhân lực là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh và đây là kiến thức chuyên ngành của ngành quản trị kinh doanh.

Học phần này đề cập các kiến thức tổng quan và các phương pháp cần thiết về quản lý con người trong một tổ chức, bao gồm: hoạch định nguồn nhân lực, thu hút và tuyển chọn, đào tạo và phát triển, đánh giá thành tích và cách thức duy trì người lao động. Với hiểu biết đầy đủ về quản trị nguồn nhân lực, các nhà quản lý sẽ khai thác hiệu quả tất cả các nguồn lực còn lại trong một tổ chức.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CLOs	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	- Hiểu rõ về bản chất, các chức năng cơ bản, mô hình quản trị của quản trị nguồn nhân lực. - Hiểu rõ trách nhiệm của quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức, chức năng, vai trò và trách nhiệm của bộ phận chức năng nguồn nhân lực và sự phân chia trách nhiệm	3,0

Mã số CLOs	Nội dung của chuẩn đầu ra <i>(đánh giá theo thang Bloom)</i>	Trình độ năng lực
	quản lý nguồn nhân lực.	
CLO2	- Hiểu rõ về công việc, phân tích công việc và ứng dụng các phương pháp để thu thập thông tin trong phân tích công việc.	3,5
CLO3	- Vận dụng kiến thức liên quan để xây dựng bản mô tả công việc và bản tiêu chuẩn thực hiện công việc.	4,0
CLO4	- Hiểu rõ về vai trò của con người để nghiên cứu, hoạch định nguồn nhân lực và đưa ra các giải pháp cân đối nhân lực một cách hợp lý.	3,5
CLO5	- Hiểu rõ về tuyển mộ, tuyển chọn và phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến công tác tuyển mộ, tuyển chọn của doanh nghiệp.	4,0
CLO6	- Vận dụng kiến thức liên quan đề xuất được quy trình tuyển dụng phù hợp với vị trí cần tuyển.	4,5
CLO7	- Hiểu rõ về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực từ đó phân tích được ưu nhược điểm của từng phương pháp đào tạo (tại nơi làm việc và ngoài nơi làm việc), điều kiện áp dụng các hình thức đào tạo.	4,0
CLO8	- Vận dụng kiến thức liên quan xây dựng được một chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp.	4,5
CLO9	- Hiểu và chỉ ra được bản chất, nội dung, ưu điểm, nhược điểm của các phương pháp đánh giá và một số lưu ý trong đánh giá thành tích công tác.	3,5
CLO10	- Vận dụng kiến thức liên quan đề xuất được quy trình đánh giá thành tích công tác phù hợp với doanh nghiệp.	4,0
CLO11	- Hiểu rõ về lương bổng, các yếu tố ảnh hưởng đến tiền lương, so sánh sự khác nhau giữa các phương pháp trả lương, ưu điểm, nhược điểm và điều kiện áp dụng để từ đó áp dụng tính lương cho các trường hợp cụ thể.	3,5
CLO12	- Hiểu rõ các vấn đề liên quan trong quan hệ lao động từ đó giúp giải quyết được các vấn đề phát sinh giữa người lao động với người sử dụng lao động nhằm tạo dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa hai bên.	3,5
Chuẩn về kỹ năng		

Mã số CLOs	Nội dung của chuẩn đầu ra <i>(đánh giá theo thang Bloom)</i>	Trình độ năng lực
CLO13	- Kỹ năng thu thập, phân tích, ra quyết định: Dựa vào kiến thức liên quan đến học phần để phân tích, đánh giá, ra quyết định một cách hợp lý nhất đối với từng vấn đề liên quan.	3,5
CLO14	- Kỹ năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn: Áp dụng lý thuyết vào các tình huống thực tế để giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động hoạt động quản lý con người.	4,0
CLO15	- Kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm: thành lập, tổ chức, phân công thực hiện công việc cho các thành viên trong nhóm	4,5
Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm		
CLO16	Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập.	3,5
CLO17	Có nhận thức về khoa học quản lý nói chung và lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực nói riêng đang phát triển mạnh mẽ trong thực tiễn, biết phối hợp lý luận và thực tế phát sinh để làm tác nhân thúc đẩy quá trình phát triển của tổ chức.	4,0

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	x	x									x	x						
2												x	x	x		x		
3					x			x	x		x	x			x	x		
4					x		x				x		x			x		
5					x		x				x	x	x					
6					x		x	x	x		x	x			x	x		
7					x		x				x	x	x					
8					x		x	x	x		x	x			x	x		

9					X		X				X	X	X					
10					X		X	X	X		X	X			X	X		
11	X	X			X		X				X	X		X				
12		X			X		X	X	X		X	X			X		X	
13										X		X	X		X	X		
14											X			X				
15					X		X	X	X		X	X	X		X	X		
16																	X	X
17																	X	X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá quá trình	- Chuyên cần; phát biểu, xây dựng bài; thực hiện yêu cầu của giảng viên.	Thường xuyên	CLO1 đến CLO17	10%
	- Làm đủ bài tập cá nhân, bài tập nhóm (thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm) đúng hạn và đạt yêu cầu.	Thường xuyên	CLO1 đến CLO17	5%
	- Bài kiểm tra giữa kỳ theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm.	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1 đến CLO17	25%
2. Đánh giá kết thúc	Kết thúc học phần: bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan	Thi cuối kỳ	CLO1 đến CLO17	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

- Tài liệu bắt buộc:

[1] PGS.TS Trần Kim Dung (2018), *Quản trị nguồn nhân lực*, Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM.

[2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai (2022), *Quản trị nguồn nhân lực*, Lưu hành nội bộ.

- Tài liệu tham khảo:

[1] Tạ Thị Hồng Hạnh và Vũ Việt Hằng (2016), *Quản trị nhân lực*, Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM.

[2] PGS. TS Nguyễn Ngọc Quân và ThS Nguyễn Văn Điềm (2013), *Quản trị nhân lực*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc Dân.

[3] TS. Nguyễn Hữu Thân (2012), *Quản trị nhân sự*, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội TP.HCM.

[4] R. Wayne Mondy et al (2014), *Human Resource Management, 13th Pearson Prentice Hall*

[5] Dessler G (2017), *Human Resource Management, 15th Edition, Pearson Education, USA [50564]*

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	Giới thiệu môn học - Giới thiệu về học phần Quản trị nguồn nhân lực - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập - Chia nhóm sinh viên	- Trình chiếu slide bài giảng “Giới thiệu môn học” để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học.	- Ghi chép, đặt các câu hỏi về môn học để được hướng dẫn cụ thể.	Không đánh giá	
	CHƯƠNG 1: TỔNG	- Thuyết giảng kết	- Sinh viên lắng	Không	CLO1

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	QUAN VỀ QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC 1.1. Khái niệm, mục tiêu của quản trị nguồn nhân lực 1.2. Chức năng cơ bản của quản trị nguồn nhân lực 1.3. Mô hình quản trị nguồn nhân lực 1.4. Bộ phận nhân lực trong tổ chức	hợp trình chiếu slides chương 1; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn bài tập nhóm, thảo luận nhóm	nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Sinh viên lắng nghe, ghi chép - Trao đổi và thảo luận nhóm	đánh giá	CLO13 CLO5
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	CHƯƠNG 2: THIẾT KẾ VÀ PHÂN TÍCH CÔNG VIỆC 2.1. Khái niệm công việc 2.2. Thiết kế công việc 2.3. Phân tích công việc	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN1 cho sinh viên.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN1 được giao.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN1	CLO2 CLO3 CLO13 CLO15 CLO16 CLO17
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	CHƯƠNG 2: THIẾT KẾ VÀ PHÂN TÍCH CÔNG VIỆC (tiếp theo) 2.4. Xây dựng bản mô tả công việc và bản tiêu chuẩn thực hiện công việc	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng lý	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng lý thuyết để thực hành viết bản mô tả công việc và bản tiêu chuẩn thực hiện	Không đánh giá	CLO2 CLO3 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		thuyết để viết bản mô tả công việc và bản tiêu chuẩn thực hiện công việc - Giao bài tập thực hành, thảo luận nhóm	công việc. - Tìm hiểu, tổ chức và thảo luận nhóm.		
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	CHƯƠNG 3: HOẠCH ĐỊNH NGUỒN NHÂN LỰC 3.1. Khái niệm, vai trò của hoạch định nguồn nhân lực 3.2. Phương pháp dự báo trong hoạch định nguồn nhân lực 3.3. Quy trình hoạch định nguồn nhân lực	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các câu hỏi liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN2 cho sinh viên.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN2 được giao.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN2	CLO4 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	CHƯƠNG 4: TUYỂN DỤNG NGUỒN NHÂN LỰC 4.1. Tuyển mộ nhân lực 4.2. Nguồn ứng viên 4.3. Tuyển chọn nhân lực	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập tình huống cho sinh viên áp dụng.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tìm hiểu và thực hành bài tập tình huống theo nhóm.	Không đánh giá	CLO5 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17
Tuần 6 Buổi 6	CHƯƠNG 4: TUYỂN DỤNG NGUỒN NHÂN LỰC (tiếp theo)	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4;	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính,	Đánh giá quá trình,	CLO6 CLO13

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
4 giờ	4.4. Tuyển dụng nhân lực	<ul style="list-style-type: none"> - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN3 liên quan lý thuyết đã học cho sinh viên áp dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN3 được giao. 	<ul style="list-style-type: none"> bài kiểm tra thường xuyên TN3 	<ul style="list-style-type: none"> CLO14 CLO15 CLO16 CLO17
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập và củng cố lại lý thuyết từ chương 1 đến chương 4. - Làm bài kiểm tra tự luận 	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Giao bài kiểm tra giữa kì lần 1 (TL1). 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Làm bài kiểm tra giữa kì lần 1 (TL1). 	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá quá trình, bài kiểm tra giữa kì lần 1 TL1 	<ul style="list-style-type: none"> CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO15 CLO16
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	<p>CHƯƠNG 5: ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC</p> <p>5.1. Đào tạo và phát triển</p> <p>5.2. Phương pháp đào tạo và phát triển nguồn nhân lực</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 5; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN4 liên quan lý thuyết đã học cho sinh viên áp dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN4 được giao. 	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN4 	<ul style="list-style-type: none"> CLO7 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16
Tuần 9	CHƯƠNG 5: ĐÀO	- Thuyết giảng kết	- Sinh viên lắng	Đánh	CLO7

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Buổi 9 4 giờ	TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC (tiếp theo) 5.3. Quy trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực	hợp trình chiếu slides nội dung chương 5; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN5 liên quan lý thuyết đã học cho sinh viên áp dụng.	nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN5 được giao.	giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN5	CLO8 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	CHƯƠNG 6: ĐÁNH GIÁ THÀNH TÍCH CÔNG TÁC 6.1. Khái niệm, mục tiêu của đánh giá thành tích công tác 6.2. Phương pháp đánh giá thành tích công tác	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 6; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng lý thuyết để áp dụng các phương pháp đánh giá thành tích công tác	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Trao đổi và thảo luận nhóm.	Không đánh giá	CLO9 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16
Tuần 11 Buổi 11 4 giờ	CHƯƠNG 6: ĐÁNH GIÁ THÀNH TÍCH CÔNG TÁC (tiếp theo) 6.3. Quy trình đánh giá thành tích công tác 6.4. Một số lưu ý trong đánh giá thành tích công tác	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 6; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN6 được giao.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN6	CLO10 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		- Giao bài trắc nghiệm TN6 liên quan lý thuyết đã học cho sinh viên áp dụng.			
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ	CHƯƠNG 7: LƯƠNG BỔNG VÀ ĐÃI NGỘ 7.1. Khái niệm, mục tiêu của tiền lương 7.2. Các yếu tố quyết định ảnh hưởng đến tiền lương 7.3. Cơ cấu lương bổng và đãi ngộ 7.4. Hình thức trả lương cho người lao động	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 7; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài trắc nghiệm TN7 liên quan lý thuyết đã học cho sinh viên áp dụng.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN7 được giao.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN7	CLO11 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16
Tuần 13 Buổi 13 4 giờ	CHƯƠNG 8: QUAN HỆ LAO ĐỘNG 8.1. Quan hệ lao động 8.2. Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động 8.3. Hợp đồng lao động 8.4. Đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể và thỏa ước lao động tập thể	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 8; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao tình huống và thảo luận nhóm.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tìm hiểu và thảo luận nhóm.	Không đánh giá	CLO12 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16
Tuần 14 Buổi 14 4 giờ	CHƯƠNG 8: QUAN HỆ LAO ĐỘNG (tiếp theo) 8.5. Quy chế dân chủ 8.6. Kỷ luật lao động và nội quy lao động	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 8; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra giữa	CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	8.7. Khiếu nại và tố cáo - Làm bài kiểm tra giữa kì TL2 lần 2	dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài kiểm tra giữa kì TL2 lần 2 cho sinh viên.	hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài kiểm tra giữa kì TL2 lần 2.	kì lần 2 TL2	CLO13 CLO14 CLO15
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết từ chương 1 đến chương 8. - Công bố điểm thành phần	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN8 liên quan lý thuyết đã học cho sinh viên áp dụng. - Công bố điểm thành phần 40%	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN8 được giao. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN8	CLO1 - CLO17

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

- Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.
- Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.
- Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 8.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

- Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.
- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

– Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

– Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

– Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

– Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ/email liên hệ: tranghothithuy@dnpu.edu.vn

Đồng Nai, ngày 04 tháng 04 năm 2022

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

ThS. Đinh Thị Hóa

ThS. Hồ Thị Thùy Trang

KT.TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN





ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

ThS. Đinh Thị Hóa

ThS. Hồ Thị Thùy Trang

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ RỦI RO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: QUẢN TRỊ RỦI RO
- Tên học phần Tiếng Anh: RISK MANAGEMENT
- Mã học phần: 2112303
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: **QTKD**
- Số tín chỉ: 03

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	30 giờ	0	00	90 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 3
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - + Học phần trước: Quản trị học
 - + Học phần song hành (nếu có): không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung

Học phần Quản trị rủi ro trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chức năng quản trị rủi ro kinh doanh trong tổ chức, doanh nghiệp như khái quát về rủi ro, hoạt động quản trị rủi ro, nhận dạng, phân tích, đo lường, kiểm soát – phòng ngừa rủi ro, tài trợ rủi ro đào tạo phát triển. Bên cạnh những chức năng, kiến thức cơ bản, những kỹ năng quản trị rủi ro kinh doanh cũng giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm đạt đến hai mục tiêu cơ bản: nhận dạng rủi ro và kiểm soát tốt các rủi ro có thể xảy ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức:

CO1: Giúp người học có cái nhìn tổng quan về rủi ro và quản trị rủi ro trong doanh nghiệp

CO2: Giúp người học có phương pháp luận khoa học để giải quyết các vấn đề thường xuất hiện trong doanh nghiệp hay trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Về kỹ năng:

CO3: Giúp người học có khả năng nhận dạng, đánh giá, phân tích, tổng hợp và đưa ra giải pháp để giải quyết các vấn đề nảy sinh và hình thành trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

CO4: Đào tạo năng lực làm việc độc lập và theo nhóm; biết cách tổ chức, lãnh đạo và điều hành các hoạt động liên quan đến quản trị rủi ro trong doanh nghiệp

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO5: Giúp người học nhận thức được vai trò và trách nhiệm quan trọng của nhà quản trị trong xã hội

CO6: Rèn luyện ý thức tự nghiên cứu qua các phương pháp, công cụ đã được giảng viên hướng dẫn

CO7: Có năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao

3. Mô tả vấn đề nội dung của học phần:

- Quản trị rủi ro là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh và đây là kiến thức chuyên ngành của ngành quản trị kinh doanh.
- Học phần này đề cập các kiến thức tổng quan về rủi ro, quy trình quản trị rủi ro, cách nhận dạng, đo lường và kiểm soát rủi ro trong một doanh nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CLO (1)	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom) (2)	Trình độ năng lực (3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	- Hiểu được khái niệm về rủi ro, phân loại rủi ro theo các tiêu chí, nhận biết được các mức độ của bất định.	3.0
CLO2	- Phân tích được mối quan hệ giữa rủi ro và bất định	4.0
CLO3	- Hiểu được khái niệm về quản trị rủi ro, nhận ra được sự khác nhau giữa quan điểm truyền thống và quan điểm hiện đại về quản trị rủi ro.	3.5
CLO4	- Hiểu được các vấn đề về đánh giá rủi ro, các phương pháp nhận dạng rủi ro	3.5

CLO5	- Hiểu được các khái niệm cơ bản về chi phí và các yếu tố rủi ro. Hiểu và vận dụng các phương pháp khác nhau để đo lường rủi ro	3.5
CLO6	- Hiểu được các vấn đề về kiểm soát rủi ro	3.0
CLO7	- Phân tích các công cụ và kỹ thuật kiểm soát rủi ro	4.0
CLO8	- Biết sử dụng các biện pháp và chương trình hoạt động để ngăn ngừa, né tránh rủi ro	4.5
CLO9	- Hiểu được những nỗ lực kiểm soát rủi ro của chính phủ và xã hội	4.0
CLO10	- Hiểu và trình bày được các khái niệm về tài trợ rủi ro - Phân loại được các phương pháp tài trợ rủi ro, phân tích được phương pháp lưu giữ tổn thất khi nguồn bù đắp rủi ro là nguồn tự có của tổ chức	4.5
CLO11	- Giải thích được kỹ thuật chuyển giao tài trợ bằng bảo hiểm và phi bảo hiểm - Biết sử dụng thông tin để ra quyết định lựa chọn giữa lưu giữ tổn thất và chuyển giao tổn thất	4.5
CLO12	- Hiểu rõ về các loại nguy cơ rủi ro đối với tài sản	3.0
CLO13	- Phân tích các phương pháp đánh giá tổn thất tiềm năng của tài sản	3.5
CLO14	- Giải thích các số liệu về tần số và mức tổn thất tài sản - Phân tích các yếu tố thời gian của tổn thất	5.0
CLO15	- Trình bày và hiểu được tầm quan trọng của quản trị rủi ro nguồn nhân lực	4.5
CLO16	- Đánh giá tổn thất của người lao động qua tần số tổn thất và mức độ tổn thất	4.5
CLO17	- Đánh giá được tổn thất của tổ chức khi có rủi ro nguồn nhân lực và giải thích được các biện pháp kiểm soát rủi ro nguồn nhân lực	5.0

CLO18	- Hiểu và áp dụng được kiến thức nhận dạng, phân tích rủi ro, đo lường và kiểm soát rủi ro vào các tình huống giả định	5.0
--------------	--	-----

Chuẩn về kỹ năng

CLO19	- Kỹ năng nhận dạng và phát hiện vấn đề trong quản lý, sản xuất kinh doanh	5.0
CLO20	- Kỹ năng làm việc nhóm: thành lập, tổ chức, phân công thực hiện công việc cho các thành viên trong nhóm	4.5
CLO21	- Kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề: Dựa tình huống đưa ra nhận xét, phân tích, đánh giá về những vấn đề liên quan đến nội dung học phần.	5.0
CLO22	- Kỹ năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn: Áp dụng lý thuyết vào thực tế để giải quyết các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh.	4.5

Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm

CLO23	Thái độ hành xử công việc chuyên nghiệp và giải quyết vấn đề phát sinh	4.0
CLO24	Có nhận thức về khoa học quản lý nói chung và lĩnh vực quản trị rủi ro nói riêng ; nhận thức được các vấn đề mang tính thời sự.	4.5

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1		x	x	x	x					x						x		
2		x	x	x	x	x				x		x				x		
3		x	x	x	x	x	x			x		x				x		
4		x	x	x	x	x				x		x				x		
5		x	x	x	x	x				x		x				x		
6		x	x	x	x	x				x						x		
7		x	x	x	x	x				x						x		
8				x	x	x				x		x				x		
9		x		x	x	x				x		x				x	x	
10				x	x	x				x		x				x		

11		x				x				x		x				x		
12	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
13	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
14				x	x	x										x		
15				x	x	x										x		
16				x	x	x										x		x
17				x	x	x										x		x
18				x		x	x									x		
19								x	x	x	x	x	x	x	x			
20								x	x					x	x			
21												x		x	x			
22														x	x			
23														x		x	x	x
24														x		x	x	x

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CDR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá sự chuyên cần	- Tham dự lớp học - Tham gia bài tập nhóm	Đánh giá thường xuyên theo thang điểm ABCDF	CLO1 đến CLO24	10%
2. Đánh giá quá trình	Thuyết trình nhóm	Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO18	5%
	Bài kiểm tra giữa kì	Trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO18	25%

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	Thi cuối kỳ hình thức thi trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO18	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

[1] Trần Hùng (2017), *Giáo trình Quản trị rủi ro*, NXB Hà Nội

[2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai (2022), *Quản trị rủi ro*, Lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo:

[1] Phan Thị Thu Hà, Lê Thanh Tâm, Hoàng Đức Mạnh (2016), *Bài giảng Quản trị rủi ro*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

[2] Nguyễn Quang Thu (2011), *Quản trị rủi ro và bảo hiểm trong doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Thống kê, TP Hồ Chí Minh.

[3] Đoàn Thị Hồng Vân, Kim Ngọc Đạt, Hà Đức Sơn (2009), *Quản trị rủi ro và khủng hoảng*, Nhà xuất bản Lao động.

[4] Trần Quang Trung (2008), *Quản trị rủi ro trong kinh doanh*, NXB Lao Động - Xã hội.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	Giới thiệu môn học - Giới thiệu về học phần Quản trị rủi ro - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu	- Trình chiếu slide bài giảng “ Giới thiệu môn học” để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập	- Ghi chép, đặt các câu hỏi về môn học để được hướng dẫn cụ thể.	Không đánh giá	

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>học tập</p> <p>- Chia nhóm sinh viên</p>	<p>môn học.</p> <p>- Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học.</p>			
	<p>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ RỦI RO</p> <p>1.1. Khái niệm về rủi ro</p> <p>1.1.1. Theo quan điểm truyền thống</p> <p>1.1.2. Theo quan điểm hiện đại</p> <p>1.2. Phân loại rủi ro</p> <p>1.2.1. Dựa vào tính chất của kết quả</p> <p>1.2.2. Phân loại theo phương pháp quản trị rủi ro truyền thống</p> <p>1.2.3. Phân loại theo nguồn gốc rủi ro</p> <p>1.2.4. Phân loại theo rủi ro có thể đa dạng và không thể đa dạng</p> <p>1.2.5. Phân loại theo rủi ro đặc trưng và rủi ro thị trường</p> <p>1.3. Sự bất định</p> <p>1.3.1. Khái niệm</p> <p>1.3.2. Các mức độ bất định</p> <p>1.3.3. Phản ứng đối với sự bất định</p> <p>1.3.4. Sự bất định,</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 1;</p> <p>- Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p>	<p>Đánh giá chuyên cần</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO18</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>thông tin và truyền thông</p> <p>1.3.5. Rủi ro, bất định và tính đạo đức</p> <p>1.3.6. Chi phí của rủi ro và sự bất định</p>				
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	<p>CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO</p> <p>2.1. Lịch sử phát triển các chức năng quản trị rủi ro</p> <p>2.1.1. Thời kì ngay sau chiến tranh thế giới lần thứ hai</p> <p>2.1.2. Giai đoạn sau 1960</p> <p>2.2. Quan điểm về quản trị rủi ro</p> <p>2.2.1. Quan điểm truyền thống</p> <p>2.2.2. Quan điểm rủi ro toàn diện</p> <p>2.2.3. Quan điểm rủi ro tài chính hiện đại</p> <p>2.2.4. Quản trị rủi ro tổ chức (ORM)</p> <p>2.2.5. Quản trị rủi ro ngày nay</p> <p>2.3. Khái niệm quản trị rủi ro</p> <p>2.4. Bằng chứng về những thực hành quản trị rủi ro</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.</p>	Đánh giá chuyên cần	CLO3 CLO18

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>2.5. Bản chất của những hoạt động quản trị rủi ro</p> <p>2.6. Bản chất của các chức năng quản trị rủi ro</p> <p>2.7. Mô hình Quản trị chiến lược, quản trị hoạt động và quản trị rủi ro</p> <p>2.8. Chương trình quản trị rủi ro</p>				
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	<p>CHƯƠNG 3: NHẬN DẠNG RỦI RO</p> <p>3.1. Một số khái niệm</p> <p>3.2. Nguồn rủi ro</p> <p>3.3. Phương pháp nhận dạng rủi ro</p> <p>3.3.1. Thiết lập bảng kê</p> <p>3.3.2. Phân tích các báo cáo tài chính</p> <p>3.3.3. Phương pháp lưu đồ</p> <p>3.3.4. Thanh tra hiện trường</p> <p>3.3.5. Làm việc với các bộ phận khác trong tổ chức</p> <p>3.3.6. Phương pháp thông qua tư vấn</p> <p>3.3.7. Phương pháp phân tích hợp đồng</p> <p>3.3.8. Nghiên cứu các số liệu tổn thất trong</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra ví dụ minh họa</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p>	Đánh giá chuyên cần	CLO4 CLO18

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>quá khứ</p> <p>3.4. Phân tích hiểm họa và tổn thất</p> <p>3.4.1. Nguyên nhân của tai nạn</p> <p>3.4.2. Phân tích tổn thất</p> <p>3.4.3. Phân tích hiểm họa</p>				
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	<p>CHƯƠNG 4: ĐO LƯỜNG RỦI RO</p> <p>4.1 Giới thiệu chung về đo lường rủi ro</p> <p>4.2. Các khái niệm cơ bản</p> <p>4.2.1. Chi phí trực tiếp và gián tiếp</p> <p>4.2.2. Chi phí ẩn của tai nạn</p> <p>4.2.3. Các yếu tố của rủi ro</p> <p>4.3. Các phương pháp định lượng</p> <p>4.3.1. Tầm quan trọng của các ước lượng</p> <p>4.3.2. Ước lượng các khiếm nại bồi thường</p> <p>4.3.2.1. Phương pháp khai triển tổn thất dựa vào số liệu trong quá khứ</p> <p>4.3.2.2. Phương pháp khai triển tổn thất dựa trên đối tượng rủi ro</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập.</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao.</p>	Đánh giá chuyên cần	CLO5 CLO18

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	<p>CHƯƠNG 4: ĐO LƯỜNG RỦI RO (tt)</p> <p>4.4. Ước lượng độ chính xác</p> <p>4.4.1. Ước lượng tổn thất lớn nhất có thể có (MPC)</p> <p>4.4.2. Các khái niệm xác suất cơ bản</p> <p>4.4.3. Phân phối xác suất và đo lường rủi ro</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. 	Đánh giá chuyên cần	CLO5 CLO18
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	<p>CHƯƠNG 5 : KIỂM SOÁT RỦI RO</p> <p>5.1. Giới thiệu chung</p> <p>5.2. Một số vấn đề cơ bản về kiểm soát rủi ro</p> <p>5.2.1. Khái niệm</p> <p>5.2.2. Các trường hợp kiểm soát rủi ro được sử dụng</p> <p>5.2.3. Mối quan hệ của kiểm soát rủi ro đối với các vấn đề khác trong quản trị rủi ro.</p> <p>5.3. Các phương pháp về kiểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 5; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra 	Đánh giá chuyên cần	CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO18

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	soát rủi ro 5.3.1. Né tránh rủi ro 5.3.2. Ngăn ngừa tổn thất 5.3.3. Giảm thiểu tổn thất 5.3.4. Quản trị thông tin 5.3.5. Chuyển giao rủi ro 5.3.6. Đa dạng hoá rủi ro 5.4. Những nỗ lực kiểm soát rủi ro của chính phủ và xã hội 5.4.1. Nỗ lực của các tổ chức riêng lẻ và phi lợi nhuận 5.4.2. Những nỗ lực của chính phủ				
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	CHƯƠNG 6 : KỸ THUẬT TÀI TRỢ RỦI RO 6.1. Khái quát chung 6.2. Một số phương pháp tài trợ rủi ro 6.2.1. Lưu giữ tổn thất 6.2.2. Chuyển giao bảo hiểm 6.2.3. Chuyển giao tài trợ rủi ro phi bảo hiểm 6.2.4 Trung hòa rủi ro 6.3. Những vấn đề cần	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 6; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;	Đánh giá chuyên cần	CLO7 CLO10 CLO11 CLO12 CLO18

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>xem xét khi lựa chọn giữa lưu giữ và chuyển giao tồn thất</p> <p>6.3.1. Chất lượng của dịch vụ</p> <p>6.3.2. Chi phí cơ hội</p> <p>6.3.3. Vấn đề thuế</p> <p>6.3.4. Hạn chế của luật pháp, kinh tế và chính sách công cộng</p> <p>6.3.5. Mức độ kiểm soát rủi ro</p> <p>6.3.6. Lệ phí chịu bảo hiểm</p> <p>6.3.7. Lưu giữ tồn thất có thể là phương pháp duy nhất</p>				
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	<p>CHƯƠNG 7: RỦI RO ĐỐI VỚI TÀI SẢN</p> <p>7.1. Giới thiệu chung</p> <p>7.2. Các loại nguy cơ rủi ro đối với tài sản</p> <p>7.2.1. Phân loại tài sản</p> <p>7.2.2. Nguyên nhân rủi ro</p> <p>7.2.3. Các rủi ro trực tiếp, gián tiếp và rủi ro về mặt thời gian</p> <p>7.2.4. Lợi ích trong tài sản</p> <p>7.3. Đánh giá tồn thất tiềm năng của tài</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 7;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Giao bài kiểm tra giữa kì</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Tham gia làm bài kiểm tra giữa kì</p>	Đánh giá bài kiểm tra giữa kì	CLO13 CLO14 CLO18

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>sản</p> <p>7.3.1. Phương pháp đánh giá nguy cơ rủi ro là tài sản của chủ sở hữu</p> <p>7.3.2. Phương pháp đánh giá trong trường hợp không có sửa chữa hay thay mới tài sản.</p> <p>7.4. Tổn thất về mặt thời gian</p> <p>7.5. Các số liệu về tần số và mức tổn thất tài sản</p> <p>BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ</p>				
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	<p>CHƯƠNG 8: RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC</p> <p>8.1. Giới thiệu chung</p> <p>8.2. Tầm quan trọng của rủi ro nguồn nhân lực</p> <p>8.2.1. Tính hiệu quả của chi phí</p> <p>8.2.2. Ý thức trách nhiệm của chủ doanh nghiệp</p> <p>8.2.3. Các mối quan hệ công chúng</p> <p>8.2.4. Thực hiện theo quy định của chính phủ</p> <p>8.2.5. Các chương trình bảo trợ của chủ</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 8;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.</p>	Đánh giá chuyên cần	CLO15 CLO16 CLO17 CLO18

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	doanh nghiệp có thể thay thế các khoản phúc lợi hay bảo hiểm xã hội. 8.2.6. Một số rủi ro về nguồn nhân lực là rủi ro suy đoán				
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	CHƯƠNG 8: RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC (tt) 8.3. Tàn số tồn thất 8.4. Đánh giá mức độ tồn thất đối với người lao động 8.4.1. Những tồn thất thu nhập tiềm ẩn 8.4.2. Thăm dò nhu cầu 8.4.3. Các chi phí tăng thêm 8.5. Đánh giá rủi ro trực tiếp của tổ chức 8.5.1. Tồn thất do mất đi người chủ chốt 8.5.2. Tồn thất do mất đi những khoản tín dụng 8.5.3. Tồn thất do hoạt động sản xuất kinh doanh bị đình trệ	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 8; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Đánh giá chuyên cần	CLO15 CLO16 CLO17 CLO18
Tuần 11 Buổi 11 4 giờ	Thuyết trình bài tập nhóm	- Theo dõi đánh giá phần thuyết trình của sinh viên	- Sinh viên thuyết trình, trả lời các câu hỏi của giảng viên và các thành viên trong lớp	Đánh giá bài tập nhóm	CLO10 CLO11 CLO14 CLO15

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
					CLO16 CLO17 CLO18
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ	Thuyết trình bài tập nhóm	- Theo dõi đánh giá phần thuyết trình của sinh viên	- Sinh viên thuyết trình, trả lời các câu hỏi của giảng viên và các thành viên trong lớp	Đánh giá bài tập nhóm	CLO10 CLO11 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17 CLO18
Tuần 13 Buổi 13 4 giờ	CHƯƠNG 9: MỘT SỐ LOẠI RỦI RO CƠ BẢN KHÁC 9.1. Rủi ro khi ký kết và thực hiện hợp đồng kinh doanh 9.1.1. Khái niệm 9.1.2. Các dạng rủi ro hợp đồng 9.1.3. Phương pháp và các kỹ thuật chủ yếu quản trị rủi ro hợp đồng 9.1.4. Tình huống rủi ro khi ký kết và thực hiện hợp đồng kinh doanh 9.2. Rủi ro thiệt hại kinh doanh 9.2.1. Khái niệm 9.2.2. Nguyên nhân gây ra rủi ro 9.2.3. Thiệt hại, tổn	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 9; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Đánh giá chuyên cần	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13 CLO15 CLO16 CLO17 CLO18

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	thất do gián đoạn hoạt động kinh doanh 9.2.4. Tình huống rủi ro về thiệt hại kinh doanh				
Tuần 14 Buổi 14 4 giờ	CHƯƠNG 9: MỘT SỐ LOẠI RỦI RO CƠ BẢN KHÁC (tt) 9.3. Rủi ro tỷ giá 9.3.1. Khái niệm 9.3.2. Các phương pháp quản trị rủi ro tỷ giá: 9.3.3. Tình huống rủi ro tỷ giá 9.4. Rủi ro tín dụng 9.4.1. Khái niệm 9.4.2. Nguồn gốc phát sinh 9.4.3. Nhận dạng và đánh giá rủi ro 9.4.4. Kiểm soát rủi ro tín dụng 9.4.5. Tài trợ rủi ro tín dụng 9.5. Các tình huống rủi ro nguồn nhân lực 9.5.1. Tình huống 1 9.5.2. Tình huống 2	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 9; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Đánh giá chuyên cần	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13 CLO15 CLO16 CLO17 CLO18
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	Hệ thống kiến thức, kết thúc môn học	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Trả lời thắc mắc của sinh viên.	-Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trong tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu.	Đánh giá chuyên cần	CLO1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 CLO8

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		- Thông báo điểm 40%			CLO9 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13 CLO15 CLO16 CLO17

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 9.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

– Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

– Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

– Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

– Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

– Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

– Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

– Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

– Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

– Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh

– Địa chỉ/email liên hệ: hoaiannguyendnu@gmail.com

Đồng Nai, ngày 04 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

ThS. Đinh Thị Hóa

ThS. Nguyễn Thị Hoài Ân

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần

- Tên học phần Tiếng Việt: QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC
- Tên học phần Tiếng Anh: STRATEGIC MANAGEMENT
- Mã học phần: 2112304
- Thuộc khối kiến thức/ kỹ năng nhóm:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 03

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	30 giờ	0	0	90 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 3
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - o Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - o Học phần trước: Quản trị học
 - o Học phần song hành (nếu có): không yêu cầu

2. Mục tiêu của môn học:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng về quản trị chiến lược kinh doanh hiện đại áp dụng với tất cả các loại hình DN, từ đó tạo lập cho người học tư duy chiến lược trong mối quan hệ tương thích với môi trường kinh doanh thường xuyên thay đổi.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức:

- CO1: Hiểu được những nội dung cơ bản một cách có hệ thống về quản trị chiến lược.
- CO2: Sinh viên sau khi hoàn thành chương trình sẽ có khả năng phân tích được những biến động của môi trường kinh doanh.
- CO3: Lập chiến lược cho công ty.

- Về kỹ năng:

CO4: Hiểu được cách thức hoạch định, thực thi đến đánh giá và điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

CO5: Sử dụng hiệu quả các công cụ trong xây dựng mô hình chiến lược,

CO6: Ứng dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống trong quản lý sản xuất, kinh doanh dịch vụ của các doanh nghiệp.

CO7: Có tư duy chiến lược lãnh đạo

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO8: Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập nhóm;

CO9: Có nhận thức về khoa học đúng đắn, nghiêm túc và khách quan trong việc nhìn nhận được vai trò quan trọng của quản trị chiến lược đối với hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Quản trị chiến lược là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh và đây là kiến thức chuyên ngành của ngành quản trị kinh doanh.

Môn học hỗ trợ chức năng quản trị bằng cách hoạch định, thực hiện và kiểm tra, đánh giá các kết quả thực hiện một chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sinh viên có thể phân tích, đánh giá và đưa ra những giải pháp cho những vấn đề kinh doanh của doanh nghiệp dù trong môi trường hoạt động nội địa hoặc quốc tế. Môn học giúp sinh viên định dạng được những giá trị, năng lực cốt lõi, phát huy được những điểm mạnh và khắc phục những hạn chế trong nội bộ doanh nghiệp. Do đó, những đổi mới trong quản trị chiến lược có tầm ảnh hưởng sâu rộng đến sự thành bại của doanh nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (On- scales from 0 to 6 - Based on Bloom's Taxonomy)

MÃ SỐ CLOs	MÔ TẢ CHI TIẾT NỘI DUNG CỦA TIÊU CHUẨN	TRÌNH ĐỘ NĂNG LỰC
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	- Định nghĩa được Chiến lược và quản trị chiến lược, Tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu cũng như các cấp chiến lược và các loại chiến lược.	1
CLO2	- Liệt kê được quá trình quản trị chiến lược.	1
CLO3	- Giải thích được ý nghĩa và mục đích của việc thực hiện quản trị chiến lược.	2
CLO4	- Nhận định và dự báo được các yếu tố của môi trường vi mô tác động lên doanh nghiệp.	3.5
CLO5	- Nhận định và dự báo được các yếu tố của môi trường vĩ mô tác động lên doanh nghiệp.	3.5

CLO6	- Hiểu và áp dụng kiến thức để xây dựng được tất cả các loại ma trận.	4.5
CLO7	- Phân tích tổng thể các loại ma trận và thực hiện lựa chọn chiến lược phù hợp lên mô hình kinh doanh của doanh nghiệp.	4
CLO8	- Phân tích được những cơ hội và nguy cơ làm ảnh hưởng đến quá trình thực hiện chiến lược.	3.5
CLO9	- Đánh giá và cho ý kiến về việc phân bổ các nguồn lực và xây dựng được chương trình hành động trong giai đoạn thực hiện chiến lược	3
CLO10	- Trình bày được mô hình Quản trị chiến lược toàn diện	1
CLO11	- Đánh giá và cho ý kiến điều chỉnh chiến lược phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp	4.5
CLO12	- Đề xuất được ý kiến đóng góp hoặc đề xuất các chiến lược cạnh tranh cho tình hình cạnh tranh trong và ngoài nước	3.5
CLO13	- Đề xuất được ý kiến hoặc các chiến lược cho tình hình cạnh tranh toàn cầu.	5
Chuẩn về kỹ năng		
CLO14	- Kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề: Dựa vào những thông tin thu thập được từ môi trường bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, những dữ liệu đưa ra nhận xét, phân tích, lập chiến lược và đánh giá về những vấn đề liên quan đến chiến lược.	3.5
CLO15	- Kỹ năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn: Áp dụng lý thuyết vào thực tế để giải quyết các vấn đề có liên quan đến lập chiến lược các cấp khác nhau.	4
Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm		
CLO16	- Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập.	4
CLO17	- Có nhận thức về khoa học quản lý nói chung và đam mê thực hiện chiến lược nói riêng.	4
CLO18	- Tích cực, khách quan học hỏi từ chiến lược của các công ty, doanh nghiệp trong thực tiễn và những mong muốn nghiên cứu chiến lược ở các cấp học cao hơn.	4.5

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1			x			x	x		x								x	
2		x	x	x			x		x								x	x
3	x	x	x	x	x	x			x									
4	x	x	x		x		x		x	x	x	x	x				x	x
5	x	x	x		x		x		x	x	x	x	x				x	x
6	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x		x	x
7			x		x	x	x	x		x	x	x	x		x	x	x	
8		x	x	x	x					x		x	x					
9								x			x		x		x	x		
10						x					x							
11			x		x	x	x					x	x					
12			x	x	x				x	x			x				x	
13			x		x				x		x	x	x				x	
14										x		x	x		x	x		
15											x			x		x		
16									x								x	x
17									x								x	x
18									x								x	x

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá sự chuyên cần	- Tham dự lớp học	Đánh giá thường xuyên		10%

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
	- Tham gia các hoạt động học tập	theo thang điểm ABCDF		
2. Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra thường xuyên: TN1; TN2; TN3; TN4; TN5; TN6; TN7; TN8, TN9	Trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO13	5%
	Bài kiểm tra giữa kì: TL1; TL2	Kiểm tra làm bài tự luận. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO15	25%
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	Thi cuối kỳ hình thức thi trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO15	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

Giáo trình chính:

[1] Ngô Kim Thanh (2018), Giáo trình quản trị chiến lược, NXB Đại học kinh tế Quốc dân.

[2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai, *Quản trị chiến lược*, Lưu hành nội bộ, 2022.

Tài liệu tham khảo:

[1] Fred R. David (2015), Khái luận về Quản Trị Chiến Lược, NXB Thống kê, HN

[2] G. Johnson, K. Scholes (2008), Exploring Corporate Strategy, NXB Pearson Education, USA.

[3] Hill, Charles W. L., and Gareth Jones (2012), Strategic Management: An integrated approach, NXB Boston Houghton Mifflin, USA.

[4] J. David Hunger & Thomas L. Wheelen (2011), Strategic Management and

Business policy, 8th edition, NXB Prentice Hall, London.

[5] M. E Porter (2016), Chiến lược cạnh tranh, NXB Thống Kê, HN.

[6] M. E Porter (2016), Lợi thế cạnh tranh, NXB Thống Kê, HN.

[7] Nhóm tác giả ThS. Nguyễn Bích Quyên, Ths. Đinh Thị Hoá, “Tài liệu lưu hành nội bộ “ Quản trị chiến lược” (2021), Khoa Kinh tế Đại học Đồng Nai.

[8] Richard Lynch (2006). Corporate Strategy, NXB Prentice Hall, USA.

7. Kế hoạch giảng dạy

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	<p>GIỚI THIỆU MÔN HỌC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về học phần Quản trị sản xuất - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập - Chia nhóm sinh viên <p>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CHIẾN LƯỢC VÀ QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC</p> <p>1.1 Bàn về khái niệm chiến lược</p> <p>1.2 Các khái niệm có liên quan</p> <p>1.3 Các cấp chiến lược và các loại chiến lược</p> <p>1.4 Quản trị chiến lược</p> <p>1.5 Quá trình quản trị chiến lược</p> <p>1.6 Ý nghĩa của quản trị chiến lược</p> <p>1.7 Quá trình hình thành và phát triển của</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trình chiếu slide bài giảng “Giới thiệu môn học” để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học. - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 1; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao câu hỏi ôn tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi chép, đặt các câu hỏi về môn học để được hướng dẫn cụ thể. - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Ôn tập đánh giá TN1. 	<p>Không đánh giá</p> <p>-Đánh giá quá trình, TN 1</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO16</p>

	lý thuyết quản trị chiến lược 1.8 Ôn tập chương 1				
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	CHƯƠNG 2: NGHIÊN CỨU MÔI TRƯỜNG BÊN NGOÀI 2.1 Môi trường bên ngoài và các khái niệm có liên quan 2.2 Ý nghĩa và mục đích của việc nghiên cứu môi trường bên ngoài 2.3 Nội dung nghiên cứu môi trường bên ngoài	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên.	- Sinh viên cần đọc tài liệu học tập và nghiên cứu ý nghĩa, mục đích của việc nghiên cứu môi trường bên ngoài cùng với các nội dung liên quan đến môi trường bên ngoài của doanh nghiệp - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	- Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN2	CLO2 CLO4 CLO8 CLO10 CLO16 CLO17
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	CHƯƠNG 2: NGHIÊN CỨU MÔI TRƯỜNG BÊN NGOÀI (tiếp theo) 2.4. Các công cụ, phương pháp để nghiên cứu môi trường bên ngoài 2.5 Ôn tập chương 2	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2 phần tiếp theo. - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập	- Sinh viên cần đọc tài liệu học tập và nghiên cứu về Ma trận EFE. - Ôn tập đánh giá TN2.	Ví dụ, bài tập	CLO3 CLO4 CLO8 CLO10 CLO16 CLO17

		- Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. (Ma trận EFE)			
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	<p>CHƯƠNG 3: NGHIÊN CỨU MÔI TRƯỜNG BÊN TRONG</p> <p>3.1 Môi trường bên trong và những vấn đề có liên quan</p> <p>3.2 Ý nghĩa và mục đích của việc nghiên cứu môi trường bên trong</p> <p>3.3 Nội dung nghiên cứu môi trường bên trong</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra ví dụ minh họa.</p>	<p>- Sinh viên cần đọc tài liệu học tập và nghiên cứu ý nghĩa, mục đích của việc nghiên cứu môi trường bên trong của doanh nghiệp.</p> <p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.</p>	- Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 3	CLO4 CLO5 CLO8 CLO16 CLO17
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	<p>CHƯƠNG 3: NGHIÊN CỨU MÔI TRƯỜNG BÊN TRONG (TIẾP THEO)</p> <p>3.3.1 Nghiên cứu môi trường bên trong theo quan điểm của Fred R.David</p> <p>3.3.2 Nghiên cứu môi trường bên trong theo chuỗi giá trị của Michael Porter.</p> <p>3.4 Phương pháp và công cụ để nghiên cứu môi trường bên trong</p> <p>3.4.1 Thực hiện những so sánh để xác định điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp</p> <p>3.4.2 Ma trận đánh giá các yếu tố bên trong (IFE Matrix – Internal Factor Evaluation</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3 tiếp theo.</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; Tìm hiểu về chuỗi giá trị của Michael Porter.</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra ví dụ minh họa và giải bài tập.</p>	<p>- Sinh viên cần nghiêm túc lắng nghe bài giảng về ma trận IFE và thực hành giải bài tập nghiêm túc trên lớp</p> <p>- Ôn tập đánh giá TN3</p>	Ví dụ, bài tập	CLO5 CLO5 CLO8 CLO16 CLO17

	Matrix) 3.5 Ôn tập chương 3				
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	<p>CHƯƠNG 4: HOẠCH ĐỊNH CHIẾN LƯỢC CÔNG TY</p> <p>4.1 Chiến lược công ty</p> <p>4.2 Quy trình hoạch định chiến lược QSPM</p> <p>4.2.1 Giai đoạn nhập vào</p> <p>4.2.2 Giai đoạn kết hợp</p> <p>4.2.2.1 Ma trận SWOT (điểm mạnh - điểm yếu – cơ hội – nguy cơ)</p> <p>4.2.2.2 Đánh giá phương pháp phân tích SWOT</p> <p>4.2.3 Giai đoạn quyết định</p> <p>4.2.3.1 Ma trận QSPM</p> <p>4.2.3.2 Đánh giá ma trận QSPM.</p> <p>- Ôn tập 1 phần chương 4</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên phương pháp lập ma trận.</p> <p>- Giao bài tập cho sinh viên áp dụng.</p> <p>- Giao bài tập.</p>	<p>- Sinh viên cần đọc tài liệu học tập và nghiên cứu về ý nghĩa, mục đích và phương thức triển khai từng loại ma trận, cũng như ưu và nhược điểm từng loại.</p> <p>- Ôn tập đánh giá TN 4.</p>	<p>- Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên</p> <p>TN 4</p>	<p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p> <p>CLO8</p> <p>CLO10</p> <p>CLO11</p> <p>CLO14</p> <p>CLO15</p> <p>CLO16</p> <p>CLO17</p>
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	<p>CHƯƠNG 4: HOẠCH ĐỊNH CHIẾN LƯỢC CÔNG TY</p> <p>4.3 Một số phương pháp và công cụ phục vụ cho hoạch định chiến lược công ty</p> <p>4.3.1 Ma trận SPACE (Strategic Position Action Evaluation Matrix – Ma trận vị trí chiến lược và đánh giá hoạt động)</p> <p>4.3.2 Ma trận BCG (Boston Consulting Group)</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên phương pháp lập ma trận.</p>	<p>- Sinh viên cần nghiêm túc lắng nghe bài giảng về các loại ma trận (ý nghĩa, mục đích và nguyên tắc sử dụng của từng loại ma trận) và thực hành giải bài tập nghiêm túc trên lớp.</p> <p>- Ôn tập đánh giá TN 5.</p>	<p>Ví dụ, bài tập</p>	<p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p> <p>CLO8</p> <p>CLO10</p> <p>CLO11</p> <p>CLO14</p> <p>CLO15</p> <p>CLO16</p>

	<p>4.3.3 Ma trận GE (General Electric)</p> <p>4.3.4 Ma trận các yếu tố bên trong, bên ngoài (Ma trận IE – Internal – External Matrix)</p> <p>4.4 Ôn tập chương 4</p>	<p>- Giao bài tập ma trận cho sinh viên áp dụng.</p>			CLO17
<p>Tuần 8 Buổi 8 4 giờ</p>	<p>- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết và sửa các bài tập ma trận từ chương 1 đến chương 4.</p> <p>KIỂM TRA GIỮA KỲ LẦN 1</p> <p>- Làm bài kiểm tra tự luận lần 1.</p>	<p>- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm.</p> <p>- Sửa bài tập, trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Giao bài kiểm tra giữa kỳ lần 1 (TL1).</p>	<p>- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trong tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu.</p> <p>- Làm các bài tập được giao và tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.</p> <p>- Làm bài kiểm tra giữa kỳ lần 1 (TL1).</p>	<p>Đánh giá quá trình, bài kiểm tra giữa kỳ lần 1</p> <p>TL 1</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO14</p> <p>CLO15</p>
<p>Tuần 9 Buổi 9 4 giờ</p>	<p>CHƯƠNG 5: THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC</p> <p>5.1 Thực hiện chiến lược - Sự cần thiết phải thực hiện chiến lược</p> <p>5.2 Nội dung và những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thực hiện chiến lược</p> <p>5.3 Thiết lập các mục tiêu hàng năm</p> <p>5.4 Xây dựng các chính sách và kế hoạch hành động.</p> <p>5.5 Phân bổ các nguồn lực để thực hiện chiến lược</p> <p>5.6 Ôn tập chương 5</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 5;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra ví dụ minh họa</p> <p>- Giao bài tập tình huống cho sinh viên áp dụng.</p>	<p>- Sinh viên cần nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp về những vấn đề và yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thực hiện chiến lược.</p> <p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.</p> <p>- Ôn tập đánh</p>	<p>- Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 6</p>	<p>CLO7</p> <p>CLO8</p> <p>CLO9</p> <p>CLO14</p> <p>CLO15</p> <p>CLO16</p> <p>CLO17</p>

			giá TN 6		
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	<p>CHƯƠNG 6: KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC</p> <p>6.1 Bản chất của việc kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện chiến lược</p> <p>6.2 Quá trình kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện chiến lược</p> <p>6.3. Ôn tập chương 6</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 6; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa bài giảng - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên cần nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp về ý nghĩa và mục đích cũng như những tiêu chí đánh giá chiến lược. - Ôn tập đánh giá TN 7. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 7 	<ul style="list-style-type: none"> CLO8 CLO9 CLO11 CLO14
Tuần 11 Buổi 11 4 giờ	<p>CHƯƠNG 7: CHIẾN LƯỢC CẠNH TRANH</p> <p>7.1 Cạnh tranh và một số vấn đề có liên quan</p> <p>7.2 Nền tảng của chiến lược cạnh tranh</p> <p>7.3 Các chiến lược cạnh tranh tổng quát</p> <p>7.4 Ôn tập chương 7.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 7; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu chiến lược. - Giao bài thảo luận cho sinh viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên cần nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp về năng lực cạnh tranh của công ty và các chiến lược cạnh tranh tổng quát - Ôn tập đánh giá TN 8. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 8 	<ul style="list-style-type: none"> CLO12 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17 CLO18
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ	<p>CHƯƠNG 8: CHIẾN LƯỢC KINH DOANH TOÀN CẦU</p> <p>8.1 Toàn cầu hóa và những vấn đề cần quan tâm trong quản trị chiến</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 8; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên cần nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp về điều kiện để thực 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 9. 	<ul style="list-style-type: none"> CLO12 CLO14 CLO15 CLO16

	<p>lược</p> <p>8.2 Lựa chọn chiến lược kinh doanh toàn cầu</p> <p>8.3 Các phương thức thâm nhập thị trường nước ngoài</p>	<p>câu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu chiến lược. - Giao bài thảo luận cho sinh viên. 	<p>hiện được chiến lược cạnh tranh toàn cầu, đồng thời tìm hiểu báo chí về những vấn đề thời sự đang xảy ra trên thế giới có tính ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam và các doanh nghiệp.</p>		<p>CLO17</p> <p>CLO18</p>
<p>Tuần 13</p> <p>Buổi 13</p> <p>4 giờ</p>	<p>CHƯƠNG 8: CHIẾN LƯỢC KINH DOANH TOÀN CẦU</p> <p>8.4 Tám công việc cần làm để xây dựng chiến lược kinh doanh toàn cầu</p> <p>8.5 Các liên minh chiến lược toàn cầu</p> <p>8.6 Ôn tập chương 8</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 8 tiếp theo - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế về liên minh toàn cầu. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu chiến lược. - Giao bài thảo luận cho sinh viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập đánh giá TN 9. 	<p>Ví dụ, bài tập</p>	<p>CLO12</p> <p>CLO14</p> <p>CLO15</p> <p>CLO16</p> <p>CLO17</p> <p>CLO18</p>
<p>Tuần 14</p> <p>Buổi 14</p> <p>4 giờ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập và củng cố lại lý thuyết và sửa các bài tập, câu hỏi ôn tập từ chương 4 đến chương 8. <p>KIỂM TRA GIỮA KỲ LẦN 2.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài kiểm tra tự luận lần 2 	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài kiểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trong tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa 	<p>Đánh giá quá trình, bài kiểm tra giữa kì lần 1 (TL 2)</p>	<p>CLO7</p> <p>CLO8</p> <p>CLO9</p> <p>CLO10</p> <p>CLO11</p> <p>CLO12</p> <p>CLO13</p>

		tra giữa kì lần 2 (TL1).	ra. - Làm bài kiểm tra giữa kì lần 2 (TL1).		CLO18
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	ÔN TẬP TỔNG QUÁT CHƯƠNG 1 ĐẾN CHƯƠNG 8	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Trả lời thắc mắc của sinh viên.	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trong tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu.	Không đánh giá	TỪ CLO 1 đến CLO 15

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

- Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 8.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

- Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

- Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

- Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

- Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

- Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách

báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh

- Địa chỉ/email liên hệ: nguyenbichquyen.1912@gmail.com

Đồng Nai, ngày 03 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Bích Quyên

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ SẢN XUẤT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: QUẢN TRỊ SẢN XUẤT
- Tên học phần Tiếng Anh: OPERATIONS MANAGEMENT
- Mã học phần: 2112305
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 03

Tổng số giờ	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	30 giờ	0	00	90 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 3
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - + Học phần trước: Quản trị học
 - + Học phần song hành (nếu có): không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Học phần Quản trị sản xuất trang bị những kiến thức chuyên môn chủ yếu về công tác quản lý trong hoạt động sản xuất của doanh nghiệp nhằm giúp cho sinh viên có khả năng điều hành hoạt động sản xuất trong doanh nghiệp sau này.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object-Viết tắt là CO):

- Về kiến thức:

CO1: Giúp người học nắm vững và mô tả các hoạt động liên quan đến quá trình sản xuất và dịch vụ;

CO2: Người học có thể phân tích và giải thích việc phối hợp các yếu tố đầu vào nhằm chuyển hóa thành các kết quả ở đầu ra với hiệu quả cao nhất.

- Về kỹ năng:

CO3: Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề: Dựa vào đồ thị, số liệu đưa ra nhận xét, phân tích, đánh giá về những vấn đề liên quan đến học phần.

CO4: Đào tạo kỹ năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn: Áp dụng lý thuyết vào thực tế để giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động sản xuất.

CO5: Rèn luyện kỹ năng quản lý, lãnh đạo, giao tiếp và việc sử dụng các phần mềm ứng dụng trong công việc.

CO6: Giúp cho sinh viên có kỹ năng việc làm việc nhóm để giải quyết vấn đề.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO7: Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập nhóm;

CO8: Có nhận thức về khoa học quản lý nói chung và lĩnh vực quản trị sản xuất nói riêng đang phát triển mạnh mẽ trong thực tiễn, người học phải biết phối hợp lý luận và thực tế phát sinh để làm tác nhân thúc đẩy quá trình phát triển của tổ chức.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Quản trị sản xuất là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh và đây là kiến thức chuyên ngành của ngành quản trị kinh doanh.

Học phần này đề cập các kiến thức tổng quan về quản trị sản xuất, trình bày về các cách dự báo nhu cầu, các quyết định về các yếu tố sản xuất, phương pháp xác định địa điểm sản xuất, phương pháp hoạch định sản xuất tổng hợp, các công cụ và phương pháp lập lịch trình sản xuất, cách thức đo lường và đánh giá được hiệu quả tồn kho, kế hoạch nhu cầu vật tư và các chiến lược bố trí mặt bằng. Sau khi học xong học phần này sinh viên có thể có được những kiến thức cơ bản về hoạt động sản xuất cũng như quản trị sản xuất, giúp sinh viên có thêm được những kỹ năng quản lý, hoạch định sản xuất, điều phối hoạt động, điều phối nguyên liệu sao cho hiệu quả nhất.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		

CLO1	Hiểu rõ về bản chất của quản trị sản xuất, hoạt động tổ chức quá trình sản xuất, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, nội dung của quản trị sản xuất và dịch vụ, phân tích mối quan hệ giữa quản trị sản xuất và các bộ phận khác trong doanh nghiệp.	3,0
CLO2	Nắm vững các khái niệm cơ bản về dự báo và các phương pháp dự báo.	3,0
CLO3	Hiểu rõ các khái niệm cơ bản về ra quyết định và quy trình ra quyết định.	3,5
CLO4	Hiểu rõ và minh họa được quyết định về thiết kế sản phẩm, dịch vụ, cách thức lựa chọn quy trình công nghệ.	3,5
CLO5	Nắm vững các khái niệm cơ bản về công suất và quy trình thực hiện lập kế hoạch công suất.	3,5
CLO6	Hiểu và vận dụng các phương pháp để giải bài tập xác định vị trí doanh nghiệp.	3,5
CLO7	Nắm rõ được các chiến lược hoạch định sản xuất và vận dụng lên kế hoạch sản xuất	4,0
CLO8	Hiểu và áp dụng các mô hình tồn kho thực hiện lập kế hoạch mua hàng và giải các bài tập liên quan đến hàng tồn kho.	4,0
CLO9	Hiểu rõ về hoạt động hoạch định nhu cầu vật tư và áp dụng công thức để xác định kích thước lô hàng vật tư.	3,5
CLO10	Hiểu rõ hoạt động điều độ sản xuất trong phân xưởng sản xuất và áp dụng được các công thức để giải các bài tập	3,5
CLO11	Hiểu rõ cách thức xếp thứ tự gia công và áp dụng được các công thức để giải các bài tập.	3,5
CLO12	Hiểu rõ phương pháp phân công công việc cho các máy và áp dụng được các công thức để giải các bài tập.	3,5
CLO13	Hiểu và áp dụng được phương pháp sơ đồ Gantt và Pert để quản trị thời khóa biểu sản xuất.	4,0
Chuẩn về kỹ năng		
CLO14	Kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề: Dựa vào đồ thị, số liệu đưa ra nhận xét, phân tích, đánh giá về những vấn	4,5

	đề liên quan đến học phần.	
CLO15	Kỹ năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn: Áp dụng lý thuyết vào thực tế để giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động sản xuất.	4,0
CLO16	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo, giao tiếp, thuyết trình, sử dụng các phần mềm ứng dụng.	4,5
CLO17	Có kỹ năng hợp tác làm việc nhóm để giải quyết vấn đề	4,5

Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm

CLO18	Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập;	4,5
CLO19	Có nhận thức về khoa học quản lý nói chung và lĩnh vực quản trị sản xuất nói riêng đang phát triển mạnh mẽ trong thực tiễn, biết phối hợp lý luận và thực tế phát sinh để làm tác nhân thúc đẩy quá trình phát triển của tổ chức.	4,0

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1										x	x	x						
2													x	x				
3				x	x	x	x		x			x	x		x			
4						x			x		x	x	x					
5						x					x	x	x					
6							x					x	x					
7					x	x	x		x	x		x	x					
8				x		x	x		x		x	x	x	x				
9				x		x	x		x		x	x	x	x				
10						x	x	x			x	x	x					
11						x	x	x			x	x	x					
12						x	x	x			x	x	x					
13					x	x	x	x				x		x		x		
14										x		x	x		x	x		

15										X				X					
16								X	X					X	X				
17								X	X					X	X				
18															X	X	X	X	
19															X	X	X	X	

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá sự chuyên cần	- Tham dự lớp học - Tham gia các hoạt động học tập	Đánh giá thường xuyên theo thang điểm ABCDF	CLO16	10%
2. Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra thường xuyên: TX1; TX2; TX3; TX4; TX5; TX6; TX7; TX8	Trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO13	5%
	Bài kiểm tra giữa kì: GK1; GK2	Kiểm tra làm bài tự luận. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO2 đến CLO17	25%
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	Thi cuối kỳ hình thức thi trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO2 đến CLO17	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

[1] PGS.TS Nguyễn Thành Hiếu (2018), *Quản trị tác nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc Dân.

[2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế (2022), *Quản trị sản xuất*, Đại học Đồng Nai, Lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo:

[1] TS. Đặng Minh Trang (2005), *Quản trị sản xuất và tác nghiệp*, Nhà xuất bản Thống Kê.

[2] GS.TS. Đồng Thị Thanh Phương (2011), *Quản trị sản xuất & dịch vụ*, Nhà xuất bản Lao Động - Xã Hội.

[3] TS. Nguyễn Văn Nghiên (2008), *Quản trị sản xuất và tác nghiệp*, Nhà xuất bản Giáo dục.

[4] Nigel Slack (2019), *Operations Management, 9th Edition*, Warwick Business School, Warwick University. Prof Alistair Brandon-Jones, University of Bath.

[5] Jay Heizer, Barry Render (2020), *Operations Management, 10th Edition*, Texas Lutheran College.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	Giới thiệu môn học - Giới thiệu về học phần Quản trị sản xuất - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập - Chia nhóm sinh viên	- Trình chiếu slide bài giảng “Giới thiệu môn học” để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học.	- Ghi chép, đặt các câu hỏi về môn học để được hướng dẫn cụ thể.	Không đánh giá	

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		- Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học.			
	<p>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ</p> <p>1.1. Bản chất của quản trị sản xuất và dịch vụ</p> <p>1.2. Lịch sử phát triển của quản trị sản xuất và dịch vụ</p> <p>1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sản xuất</p> <p>1.4. Tổ chức quá trình sản xuất và dịch vụ</p> <p>1.5. Nội dung của quản trị sản xuất và dịch vụ</p> <p>1.6. Quản trị sản xuất và các hoạt động khác trong doanh nghiệp</p> <p>CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 1</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 1;</p> <p>- Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Giao bài trắc nghiệm TX1.</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Làm bài trắc nghiệm TX1.</p>	Ví dụ, bài kiểm tra TX 1	CLO1
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	<p>CHƯƠNG 2: DỰ BÁO NHU CẦU</p> <p>2.1 .Khái niệm về dự báo nhu cầu</p> <p>2.1.1 Khái niệm và phân loại dự báo</p> <p>2.1.2 Vai trò của dự báo</p> <p>2.1.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến dự báo</p> <p>2.1.4 Quy trình dự báo</p> <p>2.2. Các phương pháp dự báo</p> <p>2.2.1 Phương pháp định</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Tham gia thảo luận nhóm.</p> <p>- Áp dụng</p>	Ví dụ, bài tập, thảo luận nhóm, bài kiểm tra TX2	CLO2 CLO15 CLO16 CLO17

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>tính</p> <p>2.2.2. Phương pháp định lượng</p> <p>2.3. Giám sát và kiểm soát dự báo</p> <p>BÀI TẬP CHƯƠNG 2</p>	<p>viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập. - Giao bài tập thảo luận nhóm. - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Giao bài trắc nghiệm TX2. 	<p>công thức hoàn thành các bài tập được giao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài trắc nghiệm TX2. 		
<p>Tuần 3 Buổi 3 4 giờ</p>	<p>CHƯƠNG 3: QUYẾT ĐỊNH SẢN PHẨM VÀ CÔNG SUẤT</p> <p>3.1. Qui trình ra quyết định</p> <p>3.1.1. Ý nghĩa của việc ra quyết định</p> <p>3.1.2. Qui trình ra quyết định</p> <p>3.1.3. Các mô hình và phương pháp ra quyết định</p> <p>3.1.4. Phương pháp cây quyết định</p> <p>3.2. Quyết định về thiết kế sản phẩm, dịch vụ</p> <p>3.2.1. Khái niệm về thiết kế sản phẩm và dịch vụ</p> <p>3.2.2. Các loại hình thiết kế sản phẩm</p> <p>3.2.3. Đánh giá chất lượng thiết kế sản phẩm</p> <p>3.2.4. Thiết kế và lựa chọn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. 	<p>Ví dụ, bài tập</p>	<p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO15</p> <p>CLO16</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	phương thức cung ứng dịch vụ BÀI TẬP CHƯƠNG 3				
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	<p>CHƯƠNG 3 (tiếp theo)</p> <p>3.3. Lựa chọn qui trình công nghệ</p> <p>3.3.1. Các loại qui trình công nghệ</p> <p>3.3.2. Phương pháp lựa chọn công nghệ</p> <p>3.4. Quyết định về công suất</p> <p>3.4.1. Khái niệm và phân loại công suất</p> <p>3.4.2. Phương pháp hoạch định công suất</p> <p>BÀI TẬP CHƯƠNG 3</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Giao bài trắc nghiệm TX3. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. - Làm bài trắc nghiệm TX3. 	Ví dụ, bài tập, bài kiểm tra TX3	CLO3 CLO4 CLO5 CLO15 CLO16

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	<p>CHƯƠNG 4: XÁC ĐỊNH ĐỊA ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP</p> <p>4.1 Tổng quan xác định địa điểm doanh nghiệp</p> <p>4.1.1 Khái niệm về xác định địa điểm doanh nghiệp</p> <p>4.1.2. Tầm quan trọng của việc lựa chọn địa điểm</p> <p>4.1.3. Các bước tiến hành chọn địa điểm doanh nghiệp</p> <p>4.1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc xác định địa điểm doanh nghiệp</p> <p>4.2. Các phương pháp để giải quyết việc xác định vị trí</p> <p>4.2.1 Xác định vị trí bằng phương pháp định tính</p> <p>4.2.2. Xác định vị trí bằng phương pháp định lượng</p> <p>BÀI TẬP CHƯƠNG 4</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập. - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Giao bài trắc nghiệm TX4. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. - Làm bài trắc nghiệm TX4. 	Ví dụ, bài tập, bài kiểm tra TX4	CLO6 CLO14 CLO15 CLO16
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập và củng cố lại lý thuyết và sửa các bài tập từ chương 1 đến chương 4. - Làm bài kiểm tra tự luận 	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Sửa bài tập, trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài kiểm tra giữa kì lần 1 (TL1). 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trong tâm bằng phương pháp lập sơ đồ tư duy, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Làm các bài tập được giao và tham gia các hoạt động 	Bài tập, bài kiểm tra GK1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
			do giảng viên đưa ra. - Làm bài kiểm tra giữa kì lần 1 (GK1).		CLO18 CLO19
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	<p>CHƯƠNG 5: HOẠCH ĐỊNH TỔNG HỢP</p> <p>5.1. Khái niệm.</p> <p>5.2. Các chiến lược hoạch định tổng hợp</p> <p>5.2.1. Các chiến lược thuần túy</p> <p>5.2.2 Các chiến lược hỗn hợp</p> <p>5.2.3. Chiến lược lịch trình ổn định</p> <p>5.3. Các phương pháp hoạch định tổng hợp</p> <p>5.3.1 Phương pháp định tính</p> <p>5.3.2 Phương pháp định lượng</p> <p>BÀI TẬP CHƯƠNG 5</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 5; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Giao bài tập tình huống để sinh viên thực hiện thảo luận nhóm - Giao bài trắc nghiệm TK5. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên. - Làm bài trắc nghiệm TX5. 	Ví dụ, bài tập, thảo luận nhóm, bài kiểm tra TX5	CLO7 CLO7 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17
Tuần 8	CHƯƠNG 6: QUẢN TRỊ HÀNG TỒN KHO	- Thuyết giảng kết hợp trình	Sinh viên lắng nghe, ghi chép	Ví dụ, bài tập	CLO8

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Buổi 8 4 giờ	<p>6.1. Những vấn đề cơ bản về quản trị hàng tồn kho</p> <p>6.1.1 Khái niệm về quản trị tồn kho</p> <p>6.1.2. Chức năng quản trị tồn kho</p> <p>6.1.3 Quản lý và kiểm soát hàng tồn kho</p> <p>6.1.4. Các loại chi phí tồn kho.</p> <p>6.2 Những mô hình tồn kho</p> <p>6.2.1 Mô hình sản lượng đơn hàng kinh tế cơ bản</p> <p>BÀI TẬP CHƯƠNG 6</p>	<p>chiếu slides nội dung chương 6;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. 	<p>các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. 		<p>CLO14</p> <p>CLO15</p> <p>CLO16</p> <p>CLO17</p>
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	<p>CHƯƠNG 6: QUẢN TRỊ HÀNG TỒN KHO</p> <p>6.2 Những mô hình tồn kho (tt)</p> <p>6.2.2 Mô hình sản lượng đơn hàng sản xuất (POQ: Productiori Order Quantity model).</p> <p>6.2.3 Mô hình khấu trừ theo khối lượng (Quantity Discount model)</p> <p>6.3. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản trị tồn kho</p> <p>BÀI TẬP CHƯƠNG 6</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 6; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. - Làm bài trắc nghiệm TX6. 	Ví dụ, bài tập, bài kiểm tra TX6	<p>CLO8</p> <p>CLO14</p> <p>CLO15</p> <p>CLO16</p> <p>CLO17</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Giao bài trắc nghiệm TX6.			
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	CHƯƠNG 7. HOẠCH ĐỊNH NHU CẦU VẬT TƯ 7.1. Khái quát chung về hoạch định nhu cầu vật tư 7.2. Các yêu cầu của mô hình kho hàng phụ thuộc 7.2.1. Lịch trình sản xuất tổng thể (MPS) 7.2.2 Lập các hóa đơn vật tư (Bills of material - BOM) 7.2.3. Kiểm kê chính xác hàng tồn kho 7.2.4. Nắm rõ các đơn mua hàng còn tồn đọng 7.2.5. Thời gian phân phối cho các bộ phận BÀI TẬP CHƯƠNG 7	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 7; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Giao bài tập tình huống.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. - Sinh viên tham gia thảo luận để giải quyết bài tập tình huống.	Ví dụ, bài tập	CLO9 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17
Tuần 11 Buổi 11 4 giờ	CHƯƠNG 7. (tt) 7.3. Trình tự tiến hành hoạch định nhu cầu vật tư (mrp)	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 7;	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu	Ví dụ, bài tập, bài	CLO9 CLO14 CLO15

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>7.3.1 Phân tích kết cấu sản phẩm</p> <p>7.3.2 Xác định tổng nhu cầu</p> <p>7.3.3 Xác định nhu cầu thực tế</p> <p>7.3.3 Xác định thời gian đặt hàng</p> <p>7.3.5 Lập bảng kế hoạch</p> <p>7.4. Kỹ thuật xác định kích thước lô hàng</p> <p>7.4.1. Mô hình cấp theo lô</p> <p>7.4.2. Mô hình EOQ</p> <p>7.4.3. Mô hình cân đối theo từng bộ phận</p> <p>BÀI TẬP CHƯƠNG 7</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Giao bài trắc nghiệm TX7. 	<ul style="list-style-type: none"> hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. - Làm bài trắc nghiệm TX7. 	kiểm tra TX7	CLO16 CLO17
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ	<p>CHƯƠNG 8: ĐIỀU ĐỘ SẢN XUẤT</p> <p>8.1. Điều độ sản xuất trong phân xưởng sản xuất</p> <p>8.2. Xếp thứ tự gia công</p> <p>8.2.1 Xếp thứ tự công việc trên 1 máy</p> <p>8.2.2 Xếp thứ tự công việc trên 2 máy</p> <p>8.2.3 Lập trình N công việc cho 3 máy</p> <p>8.2.4 Trường hợp tổng quát. Sắp xếp lịch trình cho N công việc trên M máy</p> <p>BÀI TẬP CHƯƠNG 8</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 8; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. 	Ví dụ, bài tập	CLO10 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng.			
Tuần 13 Buổi 13 4 giờ	CHƯƠNG 8 (tiếp theo) 8.3. Phương pháp phân công công việc cho các máy 8.4 Quản lý lịch trình sản xuất 8.4.1 Phương pháp sơ đồ gantt 8.4.2 Phương pháp sơ đồ pert BÀI TẬP CHƯƠNG 8	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 8 phần tiếp theo; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Giao bài trắc nghiệm TX8.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. - Làm bài trắc nghiệm TX8.	Ví dụ, bài tập, bài kiểm tra TX8	CLO12 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17
Tuần 14	- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết và sửa các bài tập từ	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức	Bài tập,	CLO7 -

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Buổi 14 4 giờ	chương 5 đến chương 8. - Làm bài kiểm tra giữa kì lần 2	thức trọng tâm. - Sửa bài tập, trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài kiểm tra giữa kì lần 2 cho sinh viên.	trong tâm bằng phương pháp lập sơ đồ tư duy, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Làm các bài tập được giao và tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Làm bài kiểm tra giữa kì lần 2.	bài kiểm tra GK 2	CLO19
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết, nội dung chính của toàn môn học - Sửa bài kiểm tra giữa kỳ lần 2 - Ôn tập 1 số dạng bài tập - Công bố điểm thành phần	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Công bố điểm thành phần 40%	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Bài tập	CLO1 - CLO19

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

- Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 8.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

- Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

- Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

- Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

- Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

- Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh

- Địa chỉ/email liên hệ: dinhhoa2490@gmail.com

Đồng Nai, ngày 04 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích



ThS. Đinh Thị Hóa



ThS. Đinh Thị Hóa

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH
- Tên học phần Tiếng Anh: Financial Management
- Mã học phần: 2112306
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**
- Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	30 giờ		15 giờ	75 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 4
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - + Học phần trước: Tài chính doanh nghiệp

2. Mục tiêu của học phần: sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung: Mục tiêu của môn học này giới thiệu người học những kiến thức cơ bản về các hoạt động tài chính của doanh nghiệp, lý thuyết xác định quan hệ rủi ro và lợi nhuận; các nguyên lý và các kỹ thuật, công cụ phân tích để ra các quyết định quản trị tài chính, đặc biệt là quyết định đầu tư và quản trị vốn lưu động nhằm đạt được mục tiêu tối đa hóa giá trị doanh nghiệp.

Sau khi kết thúc môn học, học viên có thể phân tích, đánh giá tình hình tài chính và quản trị hoạt động tài chính để đạt được mục tiêu của doanh nghiệp

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức:

CO1: Giúp sinh viên có khả năng khái quát và hệ thống những vấn đề cơ bản về hoạt động quản trị tài chính của doanh nghiệp.

CO2: Giúp người học có kiến thức cơ bản nội dung, phương pháp chính liên quan về công tác quản trị tài chính trong doanh nghiệp, các kiến thức nền tảng liên quan đến cơ sở đưa ra quyết định tài chính trong doanh nghiệp thông qua các nội dung như: giá trị thời gian của tiền tệ, các chỉ số đánh giá hiệu quả tài chính, công tác quản trị tài sản lưu động, thuê tài sản, đòn bẩy, thu tóm, sáp nhập ...

- Về kỹ năng:

CO3: Giúp người học phát triển kỹ năng nhận thức, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết thuộc lĩnh vực quản trị tài chính để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp

CO4: Đào tạo năng lực làm việc độc lập và theo nhóm; biết cách tổ chức, lãnh đạo và điều hành các hoạt động liên quan đến quản trị tài chính.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO5: Giúp người học xây dựng ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

CO6: Có năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Quản trị tài chính là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh và đây là kiến thức chuyên ngành của ngành quản trị kinh doanh.

Quản trị tài chính xem xét hoạt động tài chính của một tổ chức, thông qua các kiến thức về giá trị thời gian của tiền tệ, các chỉ số đánh giá hiệu quả tài chính, công tác quản trị vốn lưu động và vốn dài hạn, quản trị nguồn tài trợ, ... từ đó giúp sinh viên có thể hiểu, liên hệ và vận dụng trong việc đánh giá hiệu quả tài chính của một doanh nghiệp, phân tích và hoạch định tài chính, ra các quyết định tài chính quan trọng để tối đa hóa giá trị và quản trị dòng tiền đạt mục tiêu hoạt động hiệu quả của doanh nghiệp. Môn học đặt trọng tâm vào việc đảm bảo cho sinh viên vừa hiểu một cách trực quan, vừa nắm bắt một cách chặt chẽ những lý thuyết nền tảng về quản trị tài chính và cách thức ứng dụng các nội dung đó vào trong thực tiễn.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (Course learning outcomes-Viết tắt là CLOs):

Mã số CDR (1)	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom) (2)	Trình độ năng lực (3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	- Có kiến thức Toán, Khoa học tự nhiên, pháp luật liên quan để ứng dụng nghiên cứu, giải quyết vấn đề trong tổ chức các hoạt động kinh doanh, quản trị tài chính	3,0
CLO2	- Có kiến thức tài chính và quản trị để giải quyết các vấn đề kinh tế và quản lý.	3,0

CLO3	- Vận dụng kiến thức cơ bản liên quan đến quản trị tài chính cơ sở đưa ra quyết định tài chính phù hợp trong quản trị doanh nghiệp thông qua các nội dung cụ thể như: giá trị thời gian của tiền tệ, các chỉ số đánh giá hiệu quả tài chính, công tác quản trị tài sản lưu động, thuê tài sản, đòn bẩy, thu tóm, sáp nhập ...	3.0
CLO4	- Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị tài chính của doanh nghiệp	3.0
CLO5	- Hiểu và phân tích các chỉ số tài chính, lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp	3.5
Chuẩn về kỹ năng		
CLO6	- Kỹ năng tính toán, đánh giá, phân tích, tổng hợp số liệu để đưa ra các quyết định quản trị tài chính phù hợp với mục tiêu của doanh nghiệp	4.0
CLO7	- Kỹ năng lên ý tưởng, lập kế hoạch quản trị tài chính trong doanh nghiệp	3,5
CLO8	- Kỹ năng quản lý các nguồn lực và thời gian	4.0
CLO9	- Kỹ năng đánh giá các phương án, dự án, chính sách về tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp	3.5
CLO10	- Kỹ năng quản trị những rủi ro và sự thay đổi trong kinh doanh, khả năng chủ động chấp nhận những rủi ro có thể gặp phải trong kinh doanh	3.5
CLO11	- Kỹ năng thuyết trình, giải quyết tình huống, làm việc độc lập, làm việc nhóm, khả năng tự nghiên cứu và giao tiếp hiệu quả	3.5
CLO12	- Kỹ năng tìm kiếm thông tin, cập nhật thông tin số liệu, dữ liệu, báo cáo của doanh nghiệp, số liệu của ngành, số liệu thị trường và số liệu nền kinh tế trong nước và thế giới để phục vụ công tác phân tích trong quản trị tài chính; kỹ năng sử dụng công nghệ và máy tính phục vụ tìm kiếm thông tin, dữ liệu	4.0
Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm		
CLO13	- Chủ động tích cực trong quá trình học; khả năng tự học hỏi và cập nhật kiến thức mới vào kinh doanh	4.0
CLO14	- Liên hệ đến ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp cho người làm công tác quản trị tài chính mang lại lợi ích cho doanh nghiệp, xã hội	4,0

CLO15	- Tính trung thực, khách quan, cẩn trọng và tuân thủ quy trình, nguyên tắc, hệ thống pháp luật của doanh nghiệp và nhà nước trong quá trình thực hiện công việc liên quan quản trị tài chính của doanh nghiệp	4,5
--------------	---	-----

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CDR_{hp}) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
2		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x		x		x	x
3		x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x		x		x	x
4		x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x		x		x	x
5		x		x	x		x		x	x			x		x		x	x
6		x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x				x	x
7		x			x	x	x	x	x	x	x		x		x		x	x
8					x	x	x	x	x	x	x		x		x		x	x
9		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x		x	x
10		x	x			x	x	x	x	x					x	x	x	x
11								x	x				x		x	x	x	x
12		x		x				x	x		x		x		x		x	x
13		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
14	x							x	x							x	x	x
15	x							x								x	x	x

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CDR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	- Chuyên cần; phát			

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CDR học phần	Trọng số
1. Đánh giá quá trình	biểu, xây dựng bài; thực hiện yêu cầu của giảng viên.	Thường xuyên	CLO1 đến CLO16	10%
	- Làm đủ bài tập cá nhân, bài tập nhóm (thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm) đúng hạn và đạt yêu cầu.	Thường xuyên	CLO1 đến CLO16	5%
	- Bài kiểm tra giữa kỳ theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm.	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1 đến CLO16	25%
2. Đánh giá kết thúc	Kết thúc học phần: bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan	Thi cuối kỳ	CLO1 đến CLO16	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

- Tài liệu bắt buộc:

[1] TS. Nguyễn Thanh Liêm (2014), *Giáo trình Quản trị tài chính*, NXB Tài chính.

[2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai (2022), *Quản trị tài chính*, Lưu hành nội bộ.

- Tài liệu tham khảo:

[1] TS. Đặng Thị Việt Đức và Ths. Đinh Xuân Dũng (2020), *Quản trị tài chính doanh nghiệp*, NXB Thông Tin Và Truyền Thông 2020

[2] PGS. TS Vũ Duy Hào và Đàm Văn Huệ (2009), *Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp*, NXB GTVT.

[3] PGS. TS Trâm Ngọc Thơ và các tác giả (2000), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp hiện đại*, NXB Thống kê.

[4] GS. TS Nguyễn Văn Công (2017), *Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

[5] Brealey, Myers, Allen (2006), *Corporate Finance*, McGraw - Hill.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	<p>1. Nhắc lại một số lưu ý về học phần tiên quyết.</p> <p>2. Giới thiệu học phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về học phần Quản trị tài chính - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập <p>3. Nêu mục tiêu môn học</p> <p>4. Chia nhóm sinh viên</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dặn dò các điểm cần lưu ý ở học phần tiên quyết. - Hướng dẫn tổng quát nội dung của từng chương. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập cho học phần. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhớ mục tiêu, nội dung môn học - Ghi nhớ cách tìm tài liệu, nghiên cứu - Ghi nhớ cách thức đánh giá học phần 	Không đánh giá	
	<p>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH</p> <p>1. Khái quát về quản trị tài chính</p> <p>1.2 Đối tượng và mục tiêu của quản trị tài chính</p> <p>1.3. Nhiệm vụ quản trị tài chính</p> <p>1.4. Môi trường kinh doanh của doanh nghiệp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Ví dụ minh họa - Giao bài tập về nhà 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm các bài tập được giao về nhà 	Ví dụ Bài tập	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO14 CLO15 CLO16

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	CHƯƠNG 2: THỜI GIÁ TIỀN TỆ VÀ MÔ HÌNH CHIẾT KHẤU DÒNG TIỀN 2.1. Khái niệm thời giá tiền tệ 2.2. Lãi đơn và lãi kép 2.3. Thời giá tiền tệ của một số tiền 2.4. Thời giá tiền tệ của một dòng tiền Bài tập ứng dụng	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Ví dụ minh họa - Giao bài tập về nhà	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm các bài tập được giao về nhà	Ví dụ Bài tập	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6 CLO8 CLO9 CLO14 CLO15
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	CHƯƠNG 2: TIẾP THEO 2.5. Lãi suất danh nghĩa, lãi suất hiệu dụng và lãi suất thực 2.6. Mô hình chiết khấu dòng tiền Bài tập ứng dụng Bài tập ôn chương 2	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Ví dụ minh họa - Giao bài tập về nhà	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm các bài tập được giao về nhà	Ví dụ Bài tập	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6 CLO8 CLO9 CLO14 CLO15
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 3.1. Nội dung và phương pháp đọc, kiểm tra các báo cáo tài chính 3.2. Những công cụ chủ yếu trong phân tích tài chính Bài tập ứng dụng	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập về nhà	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm các bài tập được giao về nhà		CLO2 CLO3 CLO5 CLO6 CLO13 CLO14 CLO16
Tuần 5	CHƯƠNG 3: TIẾP THEO	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các	Ví dụ Bài	CLO2

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Buổi 5 4 giờ	3.3. Các nguồn thông tin đối với việc phân tích tài chính 3.4. Một số vấn đề lưu ý trong phân tích tài chính Bài tập ứng dụng	slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập về nhà	điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm các bài tập được giao về nhà	tập	CLO3 CLO5 CLO6 CLO13 CLO14 CLO16
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	Ôn tập, củng cố lại lý thuyết và sửa các bài tập chương 2 và chương 3 Kiểm tra chương 2 & 3	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Sửa bài tập chương 2, chương 3 và trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài kiểm tra thường xuyên 1.	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Làm bài kiểm tra thường xuyên 1.	Bài tập Bài kiểm tra TX1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5 CLO6 CLO8 CLO9 CLO13 CLO14 CLO15
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	CHƯƠNG 4: HOẠCH ĐỊNH TÀI CHÍNH 4.1. Vai trò, mục tiêu và yêu cầu của hoạch định tài chính 4.2. Lập kế hoạch tài chính Bài tập ứng dụng	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Ví dụ minh họa - Giao bài tập trên lớp về nhà	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm các bài tập trên lớp và bài tập được giao về nhà	Ví dụ Bài tập	CLO2 CLO3 CLO6 CLO7 CLO14
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	CHƯƠNG 5: PHÂN TÍCH VÀ QUYẾT ĐỊNH THUÊ TÀI SẢN 5.1. Khái niệm về thuê	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các	Ví dụ Bài tập	CLO3 CLO6 CLO8 CLO9

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	tài sản 5.2. Thuế và vấn đề thuê tài sản Bài tập ứng dụng	sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Ví dụ minh hoạ - Giao bài tập về nhà	hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm các bài tập trên lớp và bài tập được giao về nhà		CLO14 CLO16
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	CHƯƠNG 5: Tiếp theo 5.3. Quyết định thuê hay mua tài sản 5.4. Phân tích và quyết định tiền thuê Bài tập ứng dụng	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Ví dụ minh hoạ - Giao bài tập về nhà	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm các bài tập trên lớp và bài tập được giao về nhà	Ví dụ Bài tập	CLO3 CLO6 CLO8 CLO9 CLO14 CLO16
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	CHƯƠNG 6: PHÂN TÍCH VÀ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ TÀI SẢN LƯU ĐỘNG 6.1. Phân tích và quyết định lượng tiền mặt 6.2. Phân tích và quyết định khoản phải thu Bài tập ứng dụng	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Ví dụ minh hoạ - Giao bài tập về nhà	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm các bài tập được giao về nhà	Ví dụ Bài tập	CLO3 CLO6 CLO8 CLO9 CLO10 CLO14 CLO16
Tuần 11 Buổi 11 4 giờ	CHƯƠNG 6: TIẾP THEO 6.3. Phân tích và quyết định tồn kho Bài tập ứng dụng Đặt nội dung để trao đổi thảo luận thuyết trình	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Ví dụ minh hoạ	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm các bài tập trên lớp và bài tập	Ví dụ Bài tập	CLO3 CLO6 CLO8 CLO9 CLO10 CLO12 CLO14

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	Bài tập chương 5 và chương 6	- Giao bài tập về nhà	được giao về nhà		CLO16
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ	KIỂM TRA GIỮA KỲ Ôn tập, củng cố lại lý thuyết và sửa các bài tập chương 5 và chương 6 Kiểm tra chương 5 & 6	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Sửa bài tập chương 5, chương 6 và trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài kiểm tra thường xuyên 2	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Làm bài kiểm tra thường xuyên 2	Ví dụ Bài tập	CLO3 CLO6 CLO8 CLO9 CLO10 CLO12 CLO14 CLO16
Tuần 13 Buổi 13 4 giờ	CHƯƠNG 7: TÁC ĐỘNG ĐÒN BẨY LÊN RỦI RO VÀ TỶ SUẤT SINH LỜI 7.1. Rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính 7.2. Phân tích hòa vốn 7.3. Đòn bẩy hoạt động 7.4. Đòn bẩy tài chính 7.5. Đòn bẩy tổng hợp Bài tập ứng dụng	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao ví dụ minh họa - Giao bài tập về nhà	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài tập về nhà	Ví dụ Bài tập	CLO3 CLO4 CLO6 CLO10 CLO11 CLO16
Tuần 14 Buổi 14 4 giờ	CHƯƠNG 8: SÁP NHẬP VÀ THÂU TÓM CÔNG TY 8.1. Những hình thức cơ bản về thấu tóm công ty 8.2. Sự cần thiết sáp nhập và thấu tóm công ty 8.3. Xác định giá trị gia tăng khi thấu tóm công ty	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao ví dụ và bài tập - Giao bài tập về nhà	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài tập về nhà	Ví dụ Bài Tập	CLO3 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO14 CLO15

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	8.4. Xác định giá trị công ty sau khi thu tóm công ty khác 8.5. Phương thức thanh toán trong giao dịch sáp nhập và thu tóm công ty 8.6. Tình hình sáp nhập và thu tóm công ty tại Việt Nam				
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	ÔN TẬP TOÀN BỘ CÁC CHƯƠNG - Ôn tập và củng cố lại lý thuyết, nội dung chính của toàn môn học - Ôn tập, sửa bài tập các chương - Đặt nội dung để trao đổi thuyết trình - Công bố điểm thành phần	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Hướng dẫn sinh viên giải bài tập các chương - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Công bố điểm thành phần 40%	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trong tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Làm các bài tập trên lớp và bài tập được giao về nhà - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Bài tập	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO14

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 5.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

- Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.
- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.
- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

- Đi học đầy đủ, đúng thời gian qui định của nhà trường;
- Yêu cầu trong giờ học tại lớp: không được nói chuyện và làm việc riêng, không sử dụng điện thoại cá nhân và các thiết bị điện tử trừ khi giảng viên cho phép tra cứu tư liệu, thông tin để phục vụ cho học tập, nghiên cứu;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo qui định của giảng viên khi đến lớp;
- Trước khi đến lớp, yêu cầu sinh viên tự đọc, nghiên cứu các bài tập, tài liệu tại nhà theo sự hướng dẫn giảng viên nhằm trao đổi, phản biện, góp ý, hợp tác, thảo luận các nội dung theo yêu cầu của giảng viên;
- Tinh thần, thái độ tôn trọng, nghiêm túc, trách nhiệm, tính kỷ luật, cầu thị trong học tập, làm việc với giảng viên và các bạn trong ngoài lớp;
- Kiểm soát tốt cảm xúc cá nhân khi tranh luận, phản biện, bác bỏ, chia sẻ, góp ý, thảo luận, trao đổi các vấn đề tại lớp, trong nhóm;
- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Kế toán
- Địa chỉ/email liên hệ: hung.dnu@gmail.com

Đồng Nai, ngày 03 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Như Hùng

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ MARKETING

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: QUẢN TRỊ MARKETING
- Tên học phần Tiếng Anh: MARKETING MANAGEMENT
- Mã học phần: 2112307
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 03

Tổng số giờ	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	30 giờ	0	0	90 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 4
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - + Học phần trước: Quản trị học
 - + Học phần song hành (nếu có): không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần:

- Sau khi hoàn thành học phần, người học đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

- Học phần Quản trị Marketing được thiết kế với các nội dung giúp người học hình dung được những công việc cơ bản mà một người quản lý hoạt động marketing tại doanh nghiệp; nắm vững nội dung các công việc thuộc chức năng marketing của doanh nghiệp; xây dựng được một bản kế hoạch marketing phù hợp với doanh nghiệp; cuối cùng lập kế hoạch tiến độ và nguồn lực để tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát kế hoạch marketing đó.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức:

CO1: Nắm bắt kiến thức cơ bản về Quản trị marketing: quá trình quản trị marketing trong doanh nghiệp, lập kế hoạch và chiến lược marketing, quản trị hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing, thực hiện các phân tích về môi trường và nguồn lực marketing, quản trị các công cụ marketing hỗn hợp, đánh giá kiểm soát và điều chỉnh hoạt động marketing trong doanh nghiệp;

CO2: Giúp người học tích hợp các kiến thức về quản trị marketing trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thông qua việc giải quyết các tình huống quản trị marketing.

CO3: Hướng dẫn sinh viên thực hành xây dựng một phần báo cáo/ bản kế hoạch marketing cho doanh nghiệp tại Việt Nam trên cơ sở những thông tin thị trường mà sinh viên được yêu cầu thu thập.

- Về kỹ năng:

CO4: Phát triển kỹ năng lập luận, làm việc nhóm năng động và đa dạng;

CO5: Phát triển kỹ năng nghiên cứu, phân tích và đánh giá một kế hoạch marketing của một doanh nghiệp;

CO6: Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề trong quá trình quản trị hoạt động marketing.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO7: Có tinh thần làm việc hợp tác, có thái độ làm việc tích cực, chủ động sáng tạo, có kỷ luật và tác phong công nghiệp;

CO8: Có nhận thức đúng đắn về khoa học quản lý nói chung và lĩnh vực marketing nói riêng đang phát triển mạnh mẽ trong thực tiễn, người học phải biết phối hợp lý luận và thực tiễn phát sinh để làm tác nhân thúc đẩy quá trình phát triển của tổ chức.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Quản trị marketing là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh và đây là kiến thức chuyên ngành của ngành quản trị kinh doanh.

Học phần Quản trị Marketing cung cấp cho người học những kiến thức nâng cao về marketing, ngoài những khái niệm căn bản về marketing ở môn Marketing căn bản, người học có thể hiểu rõ hơn về quá trình quản trị marketing tại doanh nghiệp, biết cách lập kế hoạch chiến lược, chương trình marketing và triển khai tổ chức thực hiện cũng như đánh giá, kiểm soát các hoạt động marketing. Đồng thời, môn học này làm nền tảng để sinh viên có kiến thức học tiếp các môn chuyên ngành Marketing như Phát triển sản phẩm mới, Chính sách giá, Quảng cáo, Quan hệ khách hàng, Quan hệ công chúng, Quản trị kênh phân phối, ...

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần:

Mã số CĐR (1)	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom) (2)	Trình độ năng lực (3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	- Nhận thức đúng về bản chất, những khái niệm cơ bản và tầm quan trọng của marketing trong hoạt động sản xuất kinh doanh.	3,0
CLO2	- Mô tả được quá trình quản trị marketing trong doanh nghiệp.	3,0
CLO3	- Mô tả được quá trình lập kế hoạch và chiến lược marketing.	3,0
CLO4	- Nhận thức được sự vận hành của hệ thống quản trị hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing.	3,0
CLO5	- Giải thích được sự ảnh hưởng của môi trường và nguồn lực marketing tới hoạt động marketing của doanh nghiệp.	3,0
CLO6	- Nghiên cứu quá trình phân đoạn thị trường và cách thức nhà quản trị marketing đánh giá và lựa chọn thị trường mục tiêu.	3,0
CLO7	- Nghiên cứu các chiến lược và cách thức các nhà quản trị marketing lựa chọn các chiến lược marketing.	3,0
CLO8	- Hiểu các quyết định cơ bản về quy trình ra quyết định của nhà quản trị marketing liên quan tới sản phẩm và thương hiệu.	3,0
CLO9	- Hiểu các quyết định cơ bản về quy trình ra quyết định của nhà quản trị marketing liên quan tới giá, các chiến lược và công việc điều chỉnh giá.	3,0
CLO10	- Hiểu và có thể ra được các quyết định quản lý kênh phân phối, quản lý được hoạt động phân phối trên thị trường.	3,0
CLO11	- Giải thích được cách thức quản trị các công cụ marketing hỗn hợp.	3,0
CLO12	- Xây dựng được bộ máy quản trị marketing hiệu quả.	3,0

CLO13	- Nắm vững các vấn đề về tổ chức thực hiện kế hoạch và biện pháp marketing.	3,0
CLO14	- Mô tả được hoạt động đánh giá kiểm soát và điều chỉnh marketing trong doanh nghiệp.	3,5
CLO15	- Vận dụng phân tích sự ảnh hưởng của môi trường marketing và nguồn lực để đánh giá các quyết định về lựa chọn thị trường mục tiêu và các công cụ marketing hỗn hợp.	3,5

Chuẩn về kỹ năng

CLO16	- Kỹ năng giao tiếp cơ bản cần thiết nhất trong hoạt động kinh doanh như kỹ năng lắng nghe, đặt câu hỏi, sử dụng điện thoại hay viết thư tín.	4,0
CLO17	- Kỹ năng nghiên cứu, phân tích và đánh giá một kế hoạch marketing của một doanh nghiệp.	3,5
CLO18	- Phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể.	3,5
CLO19	- Kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề trong quá trình quản trị hoạt động marketing.	4,0
CLO20	- Xây dựng môi trường làm việc nhóm năng động, linh hoạt, thân thiện.	4,0
CLO21	- Giải quyết các xung đột trong nhóm.	4,0

Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm

CLO22	- Tuân thủ các chính sách của giảng viên.	3,5
CLO23	- Cảm thụ được mối quan hệ tương hỗ giữa giá trị bản thân và học tập chủ động.	4,0
CLO24	- Thể hiện năng lực học tập.	4,0

❖ **Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):**

PLOs \ CLOs																		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1					x	x												
2					x	x												
3					x	x					x							

4					X	X								X				
5					X	X				X			X				X	
6					X	X											X	
7					X	X	X			X	X		X				X	
8					X	X	X	X					X					
9					X	X	X	X					X					
10					X	X												
11					X	X							X				X	
12					X	X	X				X						X	
13					X	X	X				X	X						
14					X	X					X							
15						X	X			X	X		X				X	
16								X	X							X	X	
17									X	X	X	X	X					
18								X	X	X	X	X	X	X			X	
19									X	X	X	X	X					
20								X	X							X	X	
21								X	X							X	X	
22																		X
23																		X X
24																		X X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá sự chuyên cần	Chuyên cần, thái độ học tập, ...	Đánh giá thường xuyên theo thang điểm ABCDF.	CLO22, CLO23, CLO24	10%

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
2. Đánh giá quá trình	Trắc nghiệm / thảo luận 1-11.	- Bản kế hoạch marketing, thuyết trình nhóm. - Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 - CLO24	5%
	Bài kiểm tra giữa kì lần 1 và lần 2	- Kiểm tra làm bài tự luận hoặc trắc nghiệm. - Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 - CLO24	25%
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	- Thi cuối kỳ hình thức thi tự luận hoặc trắc nghiệm. - Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 - CLO24	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

- Tài liệu bắt buộc:

[1] Trương Đình Chiến (chủ biên) (2013), *Giáo trình Quản trị Marketing*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân.

[2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai (2022), *Quản trị Marketing*, Lưu hành nội bộ.

- Tài liệu tham khảo:

[1] Lưu Đan Thọ - Trần Thanh Toàn – Nguyễn Nam Hải (2016), *Quản trị Marketing hiện đại*, NXB Tài chính.

[2] Đỗ Xuân Khắc Diễm (2017), *Quản trị Marketing*, Khoa Quản trị kinh doanh – Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh.

[3] Philip Kotler, Gary Amstrong (2014), *Principles of Marketing*, 15th Edition. Pearson Education.

[4] Kotler, P. Keller, K. (2013), *Quản trị Marketing* (Tài liệu dịch), Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam. NXB Lao Động Xã Hội.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	<p>- Giới thiệu môn học: nội dung chính môn học; vai trò môn học; phương pháp tiếp cận môn học; cách thức tổ chức dạy và học từng nội dung môn học; chuẩn đầu ra của môn học.</p> <p>- Nêu phương thức đánh giá hoạt động sinh viên trong và ngoài giờ học.</p> <p>- Nêu phương thức đánh giá kết thúc học phần.</p> <p>- Giới thiệu sách và tài liệu tham khảo.</p> <p>CHƯƠNG 1: BẢN CHẤT CỦA QUẢN TRỊ MARKETING</p> <p>1.1 Bản chất của marketing</p> <p>1.1.1 Khái niệm</p> <p>1.1.2 Các khái niệm cơ bản trong khoa học marketing</p> <p>1.2 Các quan điểm định hướng quản trị marketing của doanh nghiệp</p> <p>1.2.1 Quan điểm định hướng sản xuất</p> <p>1.2.2 Quan điểm định hướng công nghệ hay hoàn thiện sản phẩm</p> <p>1.2.3 Quan điểm marketing hiện đại</p> <p>1.2.4 Quan điểm marketing coi trọng lợi ích xã hội</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint giới thiệu môn học;</p> <p>- Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học.</p> <p>- Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học.</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép; đặt các câu hỏi về môn học để được hướng dẫn cụ thể.</p>	Không đánh giá	CLO1, CLO2, CLO22, CLO23, CLO24
Tuần 2 Buổi 2	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ	- Thuyết giảng chủ động dựa	- Lắng nghe, ghi chép;	Trắc nghiệm/ Thảo	CLO1, CLO2, CLO22,

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
4 giờ	<p>MARKETING (t.t)</p> <p>1.3 Quản trị marketing</p> <p>1.3.1 Khái niệm</p> <p>1.3.2 Đặc điểm của quản trị marketing trong thế kỷ 21</p> <p>1.3.3 Quản trị marketing dựa trên nguồn lực</p> <p>1.3.4 Nhiệm vụ chủ yếu của quản trị marketing</p> <p>1.3.5 Quan hệ giữa chức năng quản trị marketing và các chức năng quản trị khác trong doanh nghiệp</p> <p>1.4 Quá trình cung ứng giá trị cho khách hàng và quản trị marketing</p> <p>1.3.1. Giá trị, chi phí và sự thỏa mãn của khách hàng</p> <p>1.3.2 Quá trình cung ứng giá trị cho khách hàng và chuỗi giá trị theo quan điểm marketing hiện đại</p> <p>1.3.3 Marketing quan hệ và quản trị quan hệ khách hàng</p> <p>Bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.</p>	<p>trên file trình chiếu Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Cho bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.</p>	<p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.</p>	<p>luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.</p>	<p>CLO23, CLO24</p>
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	<p>CHƯƠNG 2: PHÁT TRIỂN KẾ HOẠCH VÀ CHIẾN LƯỢC MARKETING</p> <p>2.1 Bản chất của việc lập kế hoạch và các cấp lập kế hoạch</p> <p>2.2 Nội dung và quá trình lập kế hoạch chiến lược</p> <p>2.2.1 Sứ mệnh của tổ chức</p> <p>2.2.2 Các mục tiêu của doanh</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc nghiệm/</p>	<p>Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.</p>	<p>CLO3, CLO22, CLO23, CLO24</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	nghiệp 2.2.3 Các định hướng chiến lược kinh doanh 2.2.4 Kế hoạch danh mục đầu tư 2.2.5 Kế hoạch chiến lược hoàn chỉnh 2.3 Lập kế hoạch marketing 2.3.1 Khái niệm và vai trò của kế hoạch marketing 2.3.2 Các bước trong quy trình lập kế hoạch marketing 2.3.3 Nội dung kế hoạch marketing 2.3.4 Tổ chức thực hiện, kiểm tra và điều khiển kế hoạch 2.4 Quan hệ giữa kế hoạch chiến lược và kế hoạch marketing Bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.	hỏi của sinh viên; - Cho bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.	thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.		
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG VÀ NGUỒN LỰC MARKETING 3.1 Hệ thống thông tin marketing và nghiên cứu marketing 3.1.1 Hệ thống thông tin marketing 3.1.2 Nghiên cứu marketing 3.2 Phân tích môi trường marketing 3.2.1 Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của việc phân tích môi	- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint; - Đặt câu hỏi/gợi ý; - Trả lời câu hỏi của sinh viên; - Cho bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử	- Lắng nghe, ghi chép; - Hỏi – đáp; - Học tập theo câu hỏi/gợi ý; - Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.	CLO4, CLO5, CLO15, CLO22, CLO23, CLO24

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>trường marketing</p> <p>3.2.2 Phân tích môi trường marketing vĩ mô</p> <p>3.2.3 Phân tích môi trường ngành hay môi trường cạnh tranh</p> <p>3.2.4 Phân tích môi trường nội bộ và nguồn lực marketing của doanh nghiệp</p> <p>Bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.</p>	lý tình huống.	nhóm giải quyết vấn đề.		
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	<p>CHƯƠNG 4: PHÂN ĐOẠN THỊ TRƯỜNG VÀ LỰA CHỌN THỊ TRƯỜNG MỤC TIÊU</p> <p>4.1 Xác định vị thế hiện tại của doanh nghiệp trên thị trường</p> <p>4.2 Xác định đối tượng khách hàng hay thị trường cần phân đoạn</p> <p>4.3 Phân chia thị trường theo các tiêu thức phù hợp</p> <p>4.3.1 Phân đoạn theo truyền thống và phân đoạn sáng tạo sau khi nghiên cứu thị trường</p> <p>4.3.2 Xác định cơ sở phân đoạn phù hợp</p> <p>4.4 Đánh giá tiềm năng của các đoạn thị trường và phân tích lựa chọn thị trường mục tiêu</p> <p>4.5 Lựa chọn phương thức marketing nhằm khai thác thị trường mục tiêu</p> <p>4.6 Hoạch định chiến lược marketing và marketing – mix</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Giao bài kiểm tra giữa kỳ lần 1.</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài kiểm tra giữa kỳ lần 1.</p>	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.	CLO6, CLO22, CLO23, CLO24

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	KIỂM TRA GIỮA KỲ LẦN 1				
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	<p>CHƯƠNG 5: CÁC CHIẾN LƯỢC MARKETING ĐIỂN HÌNH</p> <p>5.1 Chiến lược khác biệt hóa</p> <p>5.2 Chiến lược định vị</p> <p>5.2.1 Bản chất của định vị và chiến lược định vị</p> <p>5.2.2 Quá trình xác lập và thực hiện chiến lược định vị</p> <p>5.3 Chiến lược marketing theo vị thế cạnh tranh</p> <p>5.3.1 Phân loại doanh nghiệp theo vị thế cạnh tranh trên thị trường</p> <p>5.3.2 Các chiến lược marketing theo từng vị thế cạnh tranh của doanh nghiệp</p> <p>5.3.3 Kết hợp kỹ năng quản lý với các nhiệm vụ chiến lược</p> <p>5.4 Chiến lược marketing theo chu kỳ sống sản phẩm</p> <p>5.4.1 Chiến lược cho giai đoạn giới thiệu sản phẩm</p> <p>5.4.2 Chiến lược cho giai đoạn tăng trưởng</p> <p>5.4.3 Chiến lược cho giai đoạn bão hòa</p> <p>5.4.4 Chiến lược cho giai đoạn suy thoái</p> <p>5.5 Chiến lược marketing theo chuỗi giá trị</p> <p>5.5.1 Chiến lược bên trong chuỗi giá trị</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Cho bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.</p>	<p>Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá giữa kỳ.</p>	<p>CLO7, CLO22, CLO23, CLO24</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>5.5.2 Chiến lược bên ngoài chuỗi giá trị</p> <p>5.6 Chiến lược phát triển sản phẩm mới</p> <p>5.6.1 Giới thiệu về sản phẩm mới</p> <p>5.6.2 Các chiến lược phát triển sản phẩm mới</p> <p>Bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.</p>				
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	<p>CHƯƠNG 6: QUẢN TRỊ SẢN PHẨM VÀ THƯƠNG HIỆU</p> <p>6.1 Các vấn đề cơ bản trong quản trị sản phẩm</p> <p>6.1.1 Quản trị sản phẩm theo quan điểm marketing</p> <p>6.1.2 Phân loại sản phẩm</p> <p>6.1.3 Quyết định danh mục và dòng sản phẩm</p> <p>6.1.4 Quyết định về đặc tính sản phẩm</p> <p>6.1.5 Các quyết định về bao gói và dịch vụ đi kèm</p> <p>6.2 Quản trị thương hiệu</p> <p>6.2.1 Một số vấn đề cơ bản về thương hiệu</p> <p>6.2.2 Các quyết định chủ yếu trong quản trị thương hiệu</p> <p>6.3 Kiểm tra sản phẩm</p> <p>6.3.1 Loại bỏ sản phẩm</p> <p>6.3.2 Cải tiến sản phẩm</p> <p>6.4 Tổ chức quản trị sản phẩm và thương hiệu</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Cho bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.</p>	<p>Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.</p>	<p>CLO8, CLO22, CLO23, CLO24</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	Bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.				
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	<p>CHƯƠNG 7: QUẢN TRỊ GIÁ</p> <p>7.1 Định giá bán sản phẩm</p> <p>7.1.1 Xác định mục tiêu định giá</p> <p>7.1.2 Cầu thị trường ảnh hưởng tới giá</p> <p>7.1.3 Các yếu tố nội bộ doanh nghiệp ảnh hưởng tới giá bán</p> <p>7.1.4 Cạnh tranh và ảnh hưởng của cạnh tranh đến giá bán</p> <p>7.1.5 Mô hình tổng quát quyết định mức giá bán</p> <p>7.2 Chiến lược giá và phân biệt giá</p> <p>7.2.1 Các chiến lược giá cho sản phẩm mới</p> <p>7.2.2 Các chiến lược phân biệt giá</p> <p>7.3 Các quyết định về thay đổi hay điều chỉnh giá</p> <p>Bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Cho bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.</p>	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.	CLO9, CLO22, CLO23, CLO24
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	<p>CHƯƠNG 8: QUẢN TRỊ KÊNH PHÂN PHỐI</p> <p>8.1 Bản chất và chức năng của hệ thống kênh phân phối</p> <p>8.1.1 Khái niệm kênh phân phối</p> <p>8.1.2 Phân loại trung gian thương mại</p> <p>8.1.3 Các chức năng của kênh</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận</p>	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.	CLO10, CLO22, CLO23, CLO24

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>phân phối</p> <p>8.2 Cấu trúc, hoạt động và hình thức tổ chức của kênh phân phối</p> <p>8.2.1 Cấu trúc kênh phân phối</p> <p>8.2.2 Hoạt động của kênh phân phối</p> <p>8.2.3 Các hành vi trong kênh phân phối</p> <p>8.2.4 Các hình thức tổ chức kênh phân phối</p> <p>8.3 Tổ chức/ thiết kế kênh phân phối</p> <p>8.3.1 Phân tích các căn cứ để tổ chức kênh phân phối</p> <p>8.3.2 Phát triển các cấu trúc và hình thức tổ chức kênh</p> <p>8.3.3 Đánh giá và lựa chọn kênh phân phối tối ưu</p> <p>8.3.4 Tuyển chọn thành viên kênh</p> <p>Bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.</p>	<p>viên;</p> <p>- Cho bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.</p>	<p>tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.</p>		
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	<p>CHƯƠNG 8: QUẢN TRỊ KÊNH PHÂN PHỐI (t.t)</p> <p>8.4 Quản lý kênh phân phối</p> <p>8.4.1 Phát triển các chính sách khuyến khích thành viên kênh</p> <p>8.4.2 Đánh giá hoạt động của các thành viên kênh</p> <p>8.5 Quyết định phân phối hàng hóa vật chất</p> <p>8.5.1 Mục tiêu của phân phối vật chất</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Cho bài tập trắc nghiệm /</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm</p>	<p>Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.</p>	<p>CLO10, CLO22, CLO23, CLO24</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>8.5.2 Các quyết định phân phối vật chất</p> <p>8.6 Các trung gian bán buôn và bán lẻ trong kênh phân phối</p> <p>8.6.1 Bán buôn</p> <p>8.6.2 Bán lẻ</p> <p>Bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.</p>	Thảo luận xử lý tình huống.	cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.		
Tuần 11 Buổi 11 4 giờ	<p>CHƯƠNG 9: QUẢN TRỊ TRUYỀN THÔNG MARKETING TÍCH HỢP</p> <p>9.1 Khái quát về truyền thông marketing tích hợp</p> <p>9.1.1 Bản chất của truyền thông marketing tích hợp</p> <p>9.1.2 Các công cụ truyền thông marketing tích hợp</p> <p>9.1.3 Các căn cứ để xác định hỗn hợp truyền thông tích hợp</p> <p>9.1.4 Quy trình lập kế hoạch IMC</p> <p>9.2 Lập kế hoạch và thực hiện các chương trình quảng cáo</p> <p>9.2.1 Mục tiêu quảng cáo</p> <p>9.2.2 Các công việc quảng cáo cụ thể</p> <p>9.2.3 Các quyết định ngân sách quảng cáo</p> <p>9.2.4 Chiến lược thông điệp</p> <p>9.2.5 Hỗn hợp phương tiện truyền tin</p> <p>Bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Cho bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.</p>	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.	CLO11, CLO22, CLO23, CLO24
Tuần 12	CHƯƠNG 9: QUẢN TRỊ	- Thuyết	- Lắng nghe,	Trắc	CLO11,

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Buổi 12 4 giờ	<p>TRUYỀN THÔNG MARKETING TÍCH HỢP (t.t)</p> <p>9.3 Lập kế hoạch và thực hiện các chương trình xúc tiến bán hàng</p> <p>9.3.1 Xác tiến bán nhằm vào thung gian thương mại</p> <p>9.3.2 Xác tiến bán nhằm vào người tiêu dùng cuối cùng</p> <p>9.4 Lập kế hoạch và thực hiện hoạt động quan hệ công chúng (PR)</p> <p>9.5 Quản trị bán hàng cá nhân</p> <p>9.6 Marketing trực tiếp và trực tuyến</p> <p>Bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.</p>	<p>giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Cho bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.</p>	<p>ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.</p>	<p>nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.</p>	CLO22, CLO23, CLO24
Tuần 13 Buổi 13 4 giờ	<p>CHƯƠNG 10: TỔ CHỨC, THỰC HIỆN VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG MARKETING</p> <p>10.1 Hệ thống tổ chức quản trị marketing</p> <p>10.1.1 Tổ chức bộ phận quản trị marketing theo chức năng</p> <p>10.1.2 Tổ chức bộ máy quản trị marketing theo nguyên tắc địa lý</p> <p>10.1.3 Tổ chức quản trị marketing theo sản phẩm và thương hiệu</p> <p>10.1.4 Tổ chức quản trị marketing theo đoạn thị trường</p> <p>10.1.5 Tổ chức quản trị</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Cho bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.</p>	<p>Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.</p>	CLO12, CLO13, CLO14, CLO22, CLO23, CLO24

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>marketing theo nguyên tắc kết hợp sản phẩm – thị trường</p> <p>10.2 Thực hiện kế hoạch và biện pháp marketing</p> <p>10.2.1 Thách thức trong thực hiện chiến lược và kế hoạch marketing</p> <p>10.2.2 Phân công công việc thực hiện</p> <p>10.2.3 Vận dụng marketing nội bộ trong thực hiện hoạt động marketing</p> <p>Bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.</p>				
Tuần 14 Buổi 14 4 giờ	<p>CHƯƠNG 10: TỔ CHỨC, THỰC HIỆN VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG MARKETING (t.t)</p> <p>10.3 Vai trò và đặc điểm của hoạt động kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh marketing</p> <p>10.3.1 Vai trò</p> <p>10.3.2 Phạm vi</p> <p>10.3.3 Đặc điểm</p> <p>10.4 Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hoạt động marketing</p> <p>10.4.1 Các chỉ tiêu đánh giá dựa trên kết quả tài chính</p> <p>10.4.2 Các chỉ tiêu đo lường thị trường và hành vi khách hàng</p> <p>10.4.3 Các chỉ tiêu đánh giá tài sản và năng lực marketing</p> <p>10.4.4 Các chỉ tiêu đánh giá hiệu suất</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Cho bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.</p>	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.	CLO12, CLO13, CLO14, CLO22, CLO23, CLO24

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>10.4.5 Các chỉ tiêu đánh giá mức độ phù hợp của chiến lược marketing</p> <p>10.5 Thực hiện kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh hoạt động marketing</p> <p>Bài tập trắc nghiệm / Thảo luận xử lý tình huống.</p>				
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	<p>- Hệ thống nội dung ôn tập</p> <p>- Hướng dẫn ôn tập</p> <p>- Tổng kết đánh giá quá trình</p> <p>KIỂM TRA GIỮA KỲ LẦN 2</p>	<p>- Trả lời câu hỏi thắc mắc của sinh viên;</p> <p>- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm.</p> <p>- Giao bài kiểm tra giữa kỳ lần 2.</p>	<p>- Chuẩn bị những nội dung cần trao đổi, thảo luận trên lớp;</p> <p>- Hệ thống lại nội dung môn học bằng bản đồ tư duy.</p> <p>- Làm bài kiểm tra giữa kỳ lần 2.</p>	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra giữa kỳ lần 2.	CLO21, CLO22, CLO23

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 10.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

– Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

– Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

– Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

– Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

– Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

– Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

– Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh

- Địa chỉ/email liên hệ: nguyenthiphuongthao24783@gmail.com

Đồng Nai, ngày 03 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

ThS. Đinh Thị Hóa

ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: QUẢN TRỊ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG
- Tên học phần Tiếng Anh: CUSTOMER RELATIONSHIP MANAGEMENT
- Mã học phần: 2112308
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 03

Tổng số giờ	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	30 giờ	0	0	90 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 4
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - + Học phần trước: Quản trị học
 - + Học phần song hành (nếu có): không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần:

- Sau khi hoàn thành học phần, người học đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

- Môn học quản trị quan hệ khách hàng cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về quản trị quan hệ khách hàng. Đồng thời, phát triển các kiến thức cơ bản về việc tổ chức và điều hành các hoạt động quản trị thông tin khách hàng và mối quan hệ giữa tổ chức với khách hàng.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức:

CO1: Hiểu rõ tầm quan trọng của việc chăm sóc khách hàng và hoạt động quản trị quan hệ khách hàng;

CO2: Nhận thức và phân biệt được các chiến lược quản trị quan hệ khách hàng;

CO3: Hiểu và vận dụng tốt quy trình quản trị quan hệ khách hàng;

CO4: Nắm được các nội dung về quản lý xung đột, về kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản trị quan hệ khách hàng.

- Về kỹ năng:

CO5: Rèn luyện các kỹ năng phân tích, đánh giá và xây dựng mô hình tổ chức dữ liệu khách hàng;

CO6: Kỹ năng xây dựng chiến lược quan hệ khách hàng, đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản trị quan hệ khách hàng;

CO7: Xây dựng và phát triển được kỹ năng chăm sóc khách hàng;

CO8: Biết cách duy trì quan hệ lâu dài với khách hàng và thực hiện được các chiến lược quản trị marketing;

CO9: Nhận định và kịp thời giải quyết xung đột phát sinh trong quan hệ với khách hàng.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO10: Người học có thái độ, quan điểm đúng đắn với việc kinh doanh lấy khách hàng làm trọng tâm;

CO11: Có thái độ nghiêm túc, sáng tạo, sẵn sàng cập nhật các kiến thức, xu thế quản trị mới khi học tập, tìm hiểu về hoạt động quản trị quan hệ khách hàng.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Quản trị quan hệ khách hàng là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh, và đây là học phần mà người học sẽ được học sau khi đã học xong các học phần khác về quản trị như Quản trị học, Marketing căn bản, Quản trị marketing,.....

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: các kiến thức tổng quan về quản trị quan hệ khách hàng, quản trị cơ sở dữ liệu khách hàng, chiến lược quan hệ khách hàng, dịch vụ khách hàng, chăm sóc khách hàng, quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng. Môn học cũng cung cấp kiến thức về mối quan hệ giữa Quản trị quan hệ khách hàng với Bán hàng và Marketing. Ngoài ra, môn học còn cung cấp kiến thức về tổ chức thực hiện hoạt động quản trị quan hệ khách hàng; trong doanh nghiệp, thực hiện kiểm tra đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản trị quan hệ khách hàng. Thông qua môn học sinh viên sẽ được cải thiện và nâng cao kỹ năng tư duy, kỹ năng làm việc nhóm và một số kỹ năng khác để dễ hòa nhập sau khi ra trường.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần:

Mã số CĐR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	- Hiểu được các nội dung cơ bản của quản trị quan hệ khách hàng.	3,0
CLO2	- Phân tích chiến lược công ty, chiến lược kinh doanh và phân tích ngành để xây dựng chiến lược quản trị quan hệ khách hàng.	4,0
CLO3	- Xây dựng, quản lý và khai thác được cơ sở dữ liệu khách hàng.	4,5
CLO4	- Hiểu được vai trò của công nghệ thông tin đối với quản trị quan hệ khách hàng.	3,0
CLO5	- Chủ động tiếp cận và phân tích được các hoạt động quản trị quan hệ khách hàng đang diễn ra trong thực tiễn tại các doanh nghiệp.	3,5
CLO6	- Hiểu được các phương thức chăm sóc khách hàng, tổ chức bộ phận chăm sóc khách hàng trong doanh nghiệp.	3,0
CLO7	- Biết cách giải quyết xung đột và khôi phục lòng trung thành của khách hàng, phát hiện sớm và chuẩn bị ứng phó các xung đột tiềm ẩn với khách hàng.	3,0
CLO8	- Hiểu được mối quan hệ giữa bán hàng và marketing.	3,0
CLO9	- Tổ chức được hệ thống CRM trong doanh nghiệp.	4,5
CLO10	- Có khả năng kiểm tra đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản trị quan hệ khách hàng.	3,5
Chuẩn về kỹ năng		
CLO11	- Thuần thục kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, rèn luyện được tinh thần làm việc đội nhóm.	4,0
CLO12	- Có kỹ năng làm việc chuyên nghiệp trong ứng dụng các kiến thức quản trị quan hệ khách hàng vào các hoạt	4,5

	động cụ thể.	
CLO13	- Có khả năng xây dựng hệ thống quy trình và công cụ quản trị quan hệ khách hàng một cách độc lập.	5,0
CLO14	- Có khả năng điều hành các công việc quản trị quan hệ khách hàng và các quyết định xử lý tình huống cụ thể.	4,5
CLO15	- Tổ chức triển khai và kiểm tra kiểm soát các hoạt động quản trị quan hệ khách hàng.	4,0
CLO16	- Tổ chức chăm sóc khách hàng và xử lý xung đột với khách hàng.	3,5
Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm		
CLO17	- Tuân thủ các chính sách của giảng viên.	3,5
CLO18	- Cảm thụ được mối quan hệ tương hỗ giữa giá trị bản thân và học tập chủ động.	4,0
CLO19	- Có năng lực định hướng phát triển nghề nghiệp, phát triển bản thân.	4,0

✧ **Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):**

PLOs CLOs	CLOs																	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1					x	x												
2					x	x				x	x		x			x		
3					x	x	x	x					x	x			x	
4					x	x		x					x	x			x	
5					x	x				x			x				x	
6					x	x		x								x	x	
7					x	x		x	x							x	x	
8					x	x		x										
9					x	x		x							x			
10					x	x		x				x	x					
11								x	x								x	x
12								x	x								x	x

13								X	X		X			X		X		
14							X	X	X		X	X	X			X		
15						X		X	X		X	X				X		
16								X	X		X				X	X		
17																	X	
18																	X	X
19																	X	X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá sự chuyên cần	Chuyên cần, thái độ học tập, ...	Đánh giá thường xuyên theo thang điểm ABCDF.	CLO18, CLO19, CLO20	10%
2. Đánh giá quá trình	- Trắc nghiệm TN1 – TN10 ... - Thảo luận TL1, TL2, TL3 ...	- Bài tập cá nhân và thuyết trình theo nhóm. - Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 - CLO20	5%
	Bài kiểm tra giữa kì lần 1 và lần 2	- Kiểm tra làm bài tự luận hoặc trắc nghiệm. - Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 - CLO20	25%
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	- Thi cuối kỳ hình thức thi tự luận hoặc thi trắc nghiệm. - Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 - CLO20	60%

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

- Tài liệu bắt buộc:

- [1] Lưu Đan Thọ, Lương Văn Quốc (2016), *Quản trị quan hệ khách hàng*, NXB Tài chính.
- [2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai (2021), *Quản trị quan hệ khách hàng*, Lưu hành nội bộ.

- Tài liệu tham khảo:

- [1] Nguyễn Văn Dung (2008), *Quản lý quan hệ khách hàng*, NXB Giao thông vận tải, Tp. HCM.
- [2] Trương Đình Chiến (2009), *Quản trị quan hệ khách hàng*, NXB Phụ Nữ.
- [3] Don Peppers & Martha Rogers (2017), *Managing Customer Experience and Relationships*, John Wiley&Sons Inc.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu môn học: nội dung chính môn học; vai trò môn học; phương pháp tiếp cận môn học; cách thức tổ chức dạy và học từng nội dung môn học; chuẩn đầu ra của môn học. - Nêu phương thức đánh giá hoạt động sinh viên trong và ngoài giờ học. - Nêu phương thức đánh giá kết thúc học phần. - Giới thiệu sách và tài liệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint giới thiệu môn học; - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, ghi chép; - Hỏi – đáp; - Học tập theo câu hỏi/gợi ý; - Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân 	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.	CLO1, CLO18, CLO19, CLO20

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>tham khảo.</p> <p>CHƯƠNG 1: BẢN CHẤT CỦA QUẢN TRỊ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG</p> <p>1.1 Tổng quan về quản trị quan hệ khách hàng (CRM)</p> <p>1.1.1 Khái niệm CRM</p> <p>1.1.2 Vai trò của CRM</p> <p>1.1.3 Nội dung của CRM</p> <p>1.1.4 Các bước xây dựng và thực hiện hoạt động CRM</p> <p>1.2 Đặc điểm và phạm vi của quản trị quan hệ khách hàng</p> <p>1.2.1 Đặc điểm của CRM</p> <p>1.2.2 Phạm vi các hoạt động của CRM</p> <p>Câu hỏi thảo luận / Trắc nghiệm.</p>	<p>kiểm tra đánh giá môn học.</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Đưa câu hỏi thảo luận/ phân công chủ đề thảo luận cụ thể và cách thức trình bày.</p>	<p>hoặc nhóm giải quyết vấn đề;</p>		
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	<p>CHƯƠNG 1: BẢN CHẤT CỦA QUẢN TRỊ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG (t.t)</p> <p>1.3 Các yếu tố chi phối quản trị quan hệ khách hàng</p> <p>1.3.1 Mối quan hệ lâu bền với khách hàng</p> <p>1.3.2 Quy trình sản phẩm</p> <p>1.3.3 Trách nhiệm của doanh nghiệp</p> <p>1.4 Mối quan hệ giữa quản trị quan hệ khách hàng với các hoạt động quản trị khác trong doanh nghiệp</p> <p>1.4.1 CMR với marketing</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Đưa câu hỏi thảo luận/ phân công chủ đề thảo luận cụ thể và cách thức trình bày.</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.</p>	<p>Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.</p>	<p>CLO1, CLO18, CLO19, CLO20</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	1.4.2 Bán hàng với CMR 1.4.3 Truyền thông với CMR 1.4.4 Dịch vụ khách hàng với CMR 1.4.5 Con người với CMR Câu hỏi thảo luận / Trắc nghiệm.				
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	CHƯƠNG 2: DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG TRONG QUẢN TRỊ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG 2.1 Bản chất và vai trò của dịch vụ khách hàng 2.1.1 Bản chất của dịch vụ khách hàng 2.2.2 Vai trò của dịch vụ khách hàng 2.2 Cấp độ của dịch vụ khách hàng 2.2.1 Khách hàng mua hàng lần đầu 2.2.2 Khách hàng mua hàng lặp lại 2.2.3 Khách hàng trung thành Câu hỏi thảo luận / Trắc nghiệm.	- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint; - Đặt câu hỏi/gợi ý; - Trả lời câu hỏi của sinh viên; - Đưa câu hỏi thảo luận/ phân công chủ đề thảo luận cụ thể và cách thức trình bày.	- Lắng nghe, ghi chép; - Hỏi – đáp; - Học tập theo câu hỏi/gợi ý; - Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.	CLO5, CLO18, CLO19, CLO20
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	CHƯƠNG 2: DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG TRONG QUẢN TRỊ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG (t.t) 2.3 Lựa chọn hình thức dịch vụ khách hàng/ bán hàng 2.4 Phạm bẫy của hồ sơ dịch	- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint; - Đặt câu hỏi/gợi ý;	- Lắng nghe, ghi chép; - Hỏi – đáp; - Học tập theo câu hỏi/gợi ý;	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận	CLO5, CLO18, CLO19, CLO20

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	vụ khách hàng 2.4.1 Tập trung vào phần đỉnh 2.4.2 Tập trung vào cửa trước Câu hỏi thảo luận / Trắc nghiệm.	- Trả lời câu hỏi của sinh viên; - Đưa câu hỏi thảo luận/ phân công chủ đề thảo luận cụ thể và cách thức trình bày.	- Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.	đánh giá quá trình.	
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	CHƯƠNG 3: CHIẾN LƯỢC QUẢN TRỊ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG 3.1 Cơ sở xây dựng chiến lược quản trị quan hệ khách hàng 3.1.1 Phân tích chiến lược kinh doanh 3.1.2 Phân tích chiến lược khách hàng 3.1.3 Phân tích ngành và môi trường cạnh tranh 3.2 Phát triển chiến lược quản trị quan hệ khách hàng 3.2.1 Chiến lược bán hàng lấy sản phẩm làm trọng tâm 3.2.2 Chiến lược quản lý dịch vụ và hỗ trợ 3.2.3 Chiến lược lấy khách hàng làm trọng tâm 3.2.4 CRM cá nhân hóa Câu hỏi thảo luận / Trắc nghiệm.	- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint; - Đặt câu hỏi/gợi ý; - Trả lời câu hỏi của sinh viên; - Đưa câu hỏi thảo luận/ phân công chủ đề thảo luận cụ thể và cách thức trình bày.	- Lắng nghe, ghi chép; - Hỏi – đáp; - Học tập theo câu hỏi/gợi ý; - Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình, bài kiểm tra giữa kỳ lần 1.	CLO2, CLO18, CLO19, CLO20
Tuần 6	CHƯƠNG 3: CHIẾN LƯỢC QUẢN TRỊ QUAN HỆ	- Thuyết giảng chủ động dựa	- Lắng nghe, ghi chép;	Trắc nghiệm/	CLO2, CLO18,

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Buổi 6 4 giờ	<p>KHÁCH HÀNG (t.t)</p> <p>3.3. Xây dựng chiến lược CRM</p> <p>3.3.1 Lựa chọn người tham gia</p> <p>3.3.2 Chuẩn bị cho cuộc họp đầu tiên</p> <p>3.3.3 Họp xây dựng chiến lược CRM</p> <p>3.3.4 Xác định các chiến lược tiềm năng</p> <p>3.3.5 Lựa chọn chiến lược CRM</p> <p>Câu hỏi thảo luận / Trắc nghiệm.</p>	<p>trên file trình chiếu Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Đưa câu hỏi thảo luận/ phân công chủ đề thảo luận cụ thể và cách thức trình bày.</p>	<p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.</p>	<p>Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.</p>	<p>CLO19, CLO20</p>
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	<p>CHƯƠNG 4: QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU KHÁCH HÀNG</p> <p>4.1 Dữ liệu và thông tin</p> <p>4.1.1 Tầm quan trọng của dữ liệu thông tin trong CRM</p> <p>4.1.2 Các loại dữ liệu thông tin cần thu thập</p> <p>4.1.3 Giải mã thông tin</p> <p>4.2 Quản trị cơ sở dữ liệu khách hàng</p> <p>4.2.1 Sự hợp tác của nhân viên</p> <p>4.2.2 Chia sẻ cơ sở dữ liệu</p> <p>4.2.3 Chi tiết cơ sở dữ liệu</p> <p>4.2.4 Khai thác dữ liệu</p> <p>Câu hỏi thảo luận / Trắc nghiệm.</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Đưa câu hỏi thảo luận/ phân công chủ đề thảo luận cụ thể và cách thức trình bày.</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.</p>	<p>Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.</p>	<p>CLO3, CLO4, CLO18, CLO19, CLO20</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	<p>CHƯƠNG 4: QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU KHÁCH HÀNG (t.t)</p> <p>4.3 Vấn đề pháp lý và đạo đức trong sử dụng dữ liệu, thông tin</p> <p>4.3.1 Vấn đề pháp lý</p> <p>4.3.2 Các quy tắc đạo đức</p> <p>4.4 Công cụ thu thập thông tin khách hàng</p> <p>4.4.1 Nguồn thông tin và dữ liệu</p> <p>4.4.2 Các công cụ thu thập thông tin hữu hiệu</p> <p>4.4.3 Độ tin cậy của thông tin</p> <p>KIỂM TRA GIỮA KỲ LẦN 1</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu</p> <p>Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Đưa câu hỏi thảo luận/ phân công chủ đề thảo luận cụ thể và cách thức trình bày.</p> <p>- Giao bài kiểm tra giữa kỳ lần 1.</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.</p> <p>- Làm bài kiểm tra giữa kỳ lần 1.</p>	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình, bài kiểm tra giữa kỳ lần 1.	CLO3, CLO4, CLO18, CLO19, CLO20
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	<p>CHƯƠNG 5: QUẢN TRỊ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG VỚI TRUYỀN THÔNG MARKETING, BÁN HÀNG VÀ MARKETING TRỰC TIẾP, TRỰC TUYẾN</p> <p>5.1 Quản trị quan hệ khách hàng với truyền thông marketing, bán hàng</p> <p>5.1.1 Khái quát về truyền thông marketing</p> <p>5.1.2 Quảng cáo</p> <p>5.1.3 Quan hệ công chúng (PR)</p> <p>5.1.4 Bán hàng cá nhân</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu</p> <p>Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Đưa câu hỏi thảo luận/ phân công chủ đề thảo luận cụ thể và cách thức trình bày.</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết</p>	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.	CLO8, CLO18, CLO19, CLO20

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>5.1.5 Khuyến mại</p> <p>5.2 Marketing trực tiếp và marketing trực tuyến</p> <p>5.2.1 Marketing trực tiếp</p> <p>5.2.2 Marketing trực tuyến (Internet Marketing)</p> <p>Thảo luận xử lý tình huống.</p>		vấn đề.		
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	<p>CHƯƠNG 6: DUY TRÌ SỰ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG VÀ QUẢN TRỊ XUNG ĐỘT</p> <p>6.1. Tổ chức hoạt động chăm sóc khách hàng</p> <p>6.1.1 Khái niệm chăm sóc khách hàng</p> <p>6.1.2 Vai trò của công tác chăm sóc khách hàng</p> <p>6.1.3 Các nguyên tắc thiết kế chương trình chăm sóc khách hàng</p> <p>6.1.4 Các phương thức chăm sóc khách hàng</p> <p>6.1.5 Tổ chức bộ phận chăm sóc khách hàng trong doanh nghiệp</p> <p>Câu hỏi thảo luận / Trắc nghiệm.</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Đưa câu hỏi thảo luận/ phân công chủ đề thảo luận cụ thể và cách thức trình bày.</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.</p>	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.	CLO6, CLO 7, CLO18, CLO19, CLO20
Tuần 11 Buổi 11 4 giờ	<p>CHƯƠNG 6: DUY TRÌ SỰ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG VÀ QUẢN TRỊ XUNG ĐỘT (t.t)</p> <p>6.2 Quản lý các xung đột với khách hàng</p> <p>6.2.1 Khái niệm và đặc trưng của xung đột</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc</p>	Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá	CLO6, CLO7, CLO18, CLO19, CLO20

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>6.2.2 Quản trị xung đột</p> <p>6.2.3 Các phương pháp giải quyết xung đột</p> <p>6.3 Xây dựng văn hóa dịch vụ khách hàng trong doanh nghiệp</p> <p>6.3.1 Đào tạo nhân viên về CRM</p> <p>6.3.2 Cung cấp dịch vụ khách hàng hiệu quả</p> <p>6.3.3 Luôn nghĩ đến khách hàng</p> <p>Thảo luận xử lý tình huống.</p>	<p>hỏi của sinh viên;</p> <p>- Đưa câu hỏi thảo luận/ phân công chủ đề thảo luận cụ thể và cách thức trình bày.</p>	<p>nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.</p>	<p>quá trình.</p>	
<p>Tuần 12 Buổi 12 4 giờ</p>	<p>CHƯƠNG 7: TỔ CHỨC HỆ THỐNG CRM TRONG DOANH NGHIỆP</p> <p>7.1 Quy trình tổ chức thực hiện CRM trong doanh nghiệp</p> <p>7.2 Các bước vận hành một hệ thống CRM</p> <p>7.3 Điều kiện, thách thức và giải pháp phát triển ứng dụng CRM ở Việt Nam</p> <p>Câu hỏi thảo luận / Trắc nghiệm.</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Đưa câu hỏi thảo luận/ phân công chủ đề thảo luận cụ thể và cách thức trình bày.</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.</p>	<p>Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.</p>	<p>CLO9, CLO18, CLO19, CLO20</p>
<p>Tuần 13 Buổi 13 4 giờ</p>	<p>CHƯƠNG 8: KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐIỀU CHỈNH HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ KHÁCH HÀNG</p> <p>8.1. Vị trí và nội dung việc kiểm tra, đánh giá và điều</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu</p>	<p>Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi</p>	<p>CLO10, CLO18, CLO19, CLO20</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>chính hoạt động CRM</p> <p>8.1.1 Tầm quan trọng của các hoạt động kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh hoạt động CRM</p> <p>8.2. Các giai đoạn đánh giá hoạt động CRM</p> <p>8.2.1 Nghiên cứu đánh giá các ảnh hưởng bên ngoài</p> <p>8.2.2 Nghiên cứu đánh giá các ảnh hưởng bên trong</p> <p>Câu hỏi thảo luận / Trắc nghiệm.</p>	<p>hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Đưa câu hỏi thảo luận/ phân công chủ đề thảo luận cụ thể và cách thức trình bày.</p>	<p>hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.</p>	<p>nhận đánh giá quá trình.</p>	
<p>Tuần 14 Buổi 14 4 giờ</p>	<p>CHƯƠNG 8: KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐIỀU CHỈNH HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ KHÁCH HÀNG (t.t)</p> <p>8.3 Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động CRM</p> <p>8.3.1 Đánh giá hiệu quả của hệ thống CRM</p> <p>8.3.2 Đánh giá CRM về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp</p> <p>8.3.3 Đánh giá hệ thống CRM về mặt công nghệ</p> <p>8.3.4 Đánh giá CRM với marketing và bán hàng</p> <p>8.3.5 Dự báo về thị trường và khách hàng</p> <p>8.4 Điều chỉnh chiến lược và hoạt động CRM</p> <p>8.4.1 Cân nhắc việc thay đổi chiến lược</p>	<p>- Thuyết giảng chủ động dựa trên file trình chiếu Powerpoint;</p> <p>- Đặt câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Trả lời câu hỏi của sinh viên;</p> <p>- Đưa câu hỏi thảo luận/ phân công chủ đề thảo luận cụ thể và cách thức trình bày.</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép;</p> <p>- Hỏi – đáp;</p> <p>- Học tập theo câu hỏi/gợi ý;</p> <p>- Làm bài tập trắc nghiệm/ thảo luận tình huống và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm giải quyết vấn đề.</p>	<p>Trắc nghiệm/ Thảo luận/ Phát biểu/ Ghi nhận đánh giá quá trình.</p>	<p>CLO10, CLO18, CLO19, CLO20</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	8.4.2 Các bước đưa ra quyết định điều chỉnh chiến lược 8.4.3 Nội dung các công việc cần làm 8.4.4 Những điều cần ghi nhớ Thảo luận xử lý tình huống.				
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	- Hệ thống nội dung ôn tập - Hướng dẫn ôn tập - Tổng kết đánh giá quá trình. KIỂM TRA GIỮA KỲ LẦN 2	- Trả lời câu hỏi thắc mắc của sinh viên; - Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Giao bài kiểm tra giữa kỳ lần 2.	- Chuẩn bị những nội dung cần trao đổi, thảo luận trên lớp; - Hệ thống lại nội dung môn học bằng bản đồ tư duy. - Làm bài kiểm tra giữa kỳ lần 2.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra giữa kỳ lần 2.	CLO1-CLO20

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 8.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

- Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.
- Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.
- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.
- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

- Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.
- Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.
- Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.
- Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.
- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ/email liên hệ: nguyenthiphuongthao24783@gmail.com

Đồng Nai, ngày 04 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN





ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

ThS. Đinh Thị Hóa

ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

3. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG
- Tên học phần Tiếng Anh: QUALITY MANAGEMENT
- Mã học phần: 2112309
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: **QTKD**
- Số tín chỉ: 03

Tổng số giờ	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	30 giờ	0	0	90 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 4
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - + Học phần trước: Quản trị học
 - + Học phần song hành (nếu có): không yêu cầu

4. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng làm việc với những kiến thức cơ bản nhất của quản trị chất lượng. Nội dung môn học, đáp ứng được những yêu cầu của nhà doanh nghiệp về việc tạo ra một sản phẩm chất lượng cho người tiêu dùng. Đồng thời cung cấp cho sinh viên những kiến thức, lý luận liên quan đến hoạt động quản trị chất lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của một đơn vị. Giúp sinh viên nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của chất lượng trong doanh nghiệp, từ đó có thể áp dụng lý thuyết vào hoạt động thực tiễn kinh doanh.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object-Viết tắt là CO):

- Về kiến thức:

CO1: Giúp sinh viên nắm rõ những khái niệm, vai trò, các nguyên tắc, lịch sử quản trị chất lượng, mối quan hệ giữa chất lượng và các bộ phận chức năng trong doanh nghiệp, các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng.

CO2: Người học có thể nắm rõ các loại chi phí chất lượng, lập một báo cáo chi phí chất lượng, ảnh hưởng của chất lượng đến năng suất

CO3: Có kiến thức cơ bản về các công cụ đảm bảo chất lượng và hệ thống quản lý chất lượng toàn diện

CO4: Nắm được khái niệm cũng liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng và tiêu chuẩn ISO. Nắm vững quy trình xây dựng và duy trì hệ thống quản trị chất lượng trong doanh nghiệp.

CO5: Hiểu, biết các phương pháp đánh giá chất lượng, các công cụ thống kê, kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

CO6: Hiểu được các khái niệm cơ bản, các đặc điểm, các bước công việc của kiểm tra chất lượng và các chỉ tiêu chất lượng.

CO7: Nhận biết được bản chất của dịch vụ và chất lượng của dịch vụ, hiểu được các đặc điểm cơ bản về chất lượng dịch vụ, các tiêu chí, các thang đo để đánh giá chất lượng dịch vụ.

- Về kỹ năng:

CO8: Nhận biết được các vấn đề của quản trị chất lượng tồn tại trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

CO9: Có thể thiết kế hệ thống quản trị chất lượng, thiết lập các tiêu chuẩn đo lường, các phương pháp đánh giá hệ thống chất lượng, các phương pháp đảm bảo chất lượng

CO10: Vận dụng các kiến thức đã học có thể giải quyết vấn đề liên quan đến chất lượng trong các doanh nghiệp.

CO11: Rèn luyện kỹ năng quản lý, lãnh đạo, giao tiếp và việc sử dụng các phần mềm ứng dụng trong công việc.

CO12: Giúp cho sinh viên có kỹ năng việc làm việc nhóm để giải quyết vấn đề.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO13: Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập nhóm;

CO14: Nhận thức được tầm quan trọng và yêu cầu cấp bách của quản trị chất lượng trong nền kinh tế hội nhập, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển phải xem công cụ chất lượng là một trong những công cụ quan trọng giúp nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Quản trị chất lượng là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh và đây là kiến thức chuyên ngành của ngành quản trị kinh doanh.

Học phần này đề cập các kiến thức tổng quan về vấn đề chất lượng trong doanh nghiệp: các khái niệm cơ bản về chất lượng, chi phí chất lượng, quản lý chất lượng toàn

diện, hệ thống quản lý chất lượng, các công cụ cải tiến chất lượng, kiểm tra chất lượng sản phẩm, chất lượng trong dịch vụ.

6. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CĐR (1)	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom) (2)	Trình độ năng lực (3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	- Hiểu được các kiến thức cơ bản của chất lượng và Quản trị chất lượng trong doanh nghiệp.	3
CLO2	- Nhận biết được các loại chi phí chất lượng và hiểu về báo cáo chi phí chất lượng.	3
CLO3	- Hiểu rõ được mối quan hệ giữa chi phí, chất lượng và năng suất.	3
CLO4	- Hiểu được các khái niệm cơ bản, các nguyên tắc và các cơ cấu hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất lượng toàn diện.	3
CLO5	- Nắm vững được các khái niệm cơ bản và các đặc điểm của các hệ thống quản lý chất lượng đang được áp dụng tại các doanh nghiệp và các giải thưởng chất lượng.	3
CLO6	- Nắm vững quy trình xây dựng và duy trì hệ thống quản trị chất lượng trong doanh nghiệp.	3
CLO7	- Hiểu được các công cụ cải tiến, kiểm soát chất lượng: bảy công cụ thống kê, bảy công cụ mới, công cụ phi thống kê, Six sigma	3,5
CLO8	- Hiểu được các khái niệm cơ bản và các đặc điểm của việc kiểm tra chất lượng và quy trình, nội dung về công tác tổ chức kiểm tra chất lượng	3
CLO9	- Hiểu rõ, biết các cách xây dựng phương án kiểm tra chọn mẫu chấp nhận.	3,5
CLO10	- Nắm vững đặc điểm của các chỉ tiêu chất lượng	3
CLO11	- Nhận biết được bản chất của dịch vụ và chất lượng của dịch vụ, hiểu được các đặc điểm cơ bản về chất lượng dịch vụ, các tiêu chí, các thang đo để đánh giá chất	3

lượng dịch vụ.		
Chuẩn về kỹ năng		
CLO12	- Nhận biết được các vấn đề của quản trị chất lượng tồn tại trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	3,5
CLO13	- Kỹ năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn: Áp dụng lý thuyết vào thực tế để giải quyết các vấn đề có liên quan đến vấn đề chất lượng trong doanh nghiệp.	4,5
CLO14	- Kỹ năng phân tích, đánh giá được các vấn đề của quản trị chất lượng tồn tại trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	4.5
CLO15	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo, giao tiếp, thuyết trình, sử dụng các phần mềm ứng dụng.	4
CLO16	Có kỹ năng hợp tác làm việc nhóm để giải quyết vấn đề	4,5
Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm		
CLO17	Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập nhóm;	4,0
CLO18	Nhận thức được tầm quan trọng và yêu cầu cấp bách của quản trị chất lượng trong nền kinh tế hội nhập, hình thành tác phong làm việc chuyên nghiệp, có khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của xã hội và yêu cầu đổi mới trong hoạt động kinh doanh.	4,0

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs \ CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1										X	X	X						
2													X	X				
3				X	X	X	X		X			X	X		X			
4						X			X		X	X	X					
5						X					X	X	X					
6							X					X	X					
7					X	X	X		X	X		X	X					

8				X		X	X		X		X	X	X	X				
9				X		X	X		X		X	X	X	X				
10						X	X	X			X	X	X					
11						X	X	X			X	X	X					
12						X	X	X			X	X	X					
13					X	X	X	X				X		X		X		
14							X	X	X						X	X		X
15								X	X					X	X	X		
16								X	X						X	X		
17																	X	X
18																	X	X

7. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá sự chuyên cần	- Tham dự lớp học - Tham gia các hoạt động học tập, làm việc nhóm	Đánh giá thường xuyên theo thang điểm ABCDF	CLO15	10%
2. Đánh giá quá trình	Thuyết trình nhóm, Bài kiểm tra TX1, TX2	Chấm điểm thuyết trình nhóm. Kiểm tra trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4 CLO5, CLO6 CLO12, CLO13 CLO14, CLO15 CLO16, CLO17, CLO18	5%

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
	Bài kiểm tra giữa kì: GK1, GK2	Kiểm tra làm bài tự luận. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO7 - CLO18	25%
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	Thi cuối kỳ hình thức thi trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	Từ CLO1 đến CLO18	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

8. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

[1] GS. TS Nguyễn Đình Phan, TS Đặng Ngọc Sur (2017), *Giáo trình Quản trị chất lượng*, NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân.

[2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai (2022), *Quản trị chất lượng*, Lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo:

[1] TS. Ngô Phúc Hạnh (2012), *Giáo trình Quản lý chất lượng*, NXB Khoa Học và Kỹ Thuật.

[2] TS Đỗ Thị Đông (2013), *Bài tập Quản trị chất lượng*, NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân.

[3] TS Nguyễn Kim Định (2010), *Giáo trình Quản trị chất lượng*, NXB Tài Chính.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1	Giới thiệu môn học - Giới thiệu về học phần Quản trị chất	- Trình chiếu slide bài giảng “ Giới thiệu môn học” để hướng dẫn từng nội	- Ghi chép, đặt các câu hỏi về môn học để được hướng dẫn cụ thể.	Không đánh giá	

4 giờ	<p>lượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập - Chia nhóm sinh viên 	<p>dung của môn học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học. - Phân nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chọn nhóm 		
	<p>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ CHẤT LƯỢNG</p> <p>1.1 Khái niệm về chất lượng 1.2 Lịch sử chất lượng 1.3 Quản lý chất lượng 1.4 Chất lượng và các bộ phận chức năng 1.5 Các nhân tố tác động đến chất lượng sản phẩm</p> <p>Câu hỏi ôn tập chương 1</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 1; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; 	Không đánh giá	CLO1 CLO12
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	<p>CHƯƠNG 2: CHI PHÍ CHẤT LƯỢNG</p> <p>2.1 Chi phí chất lượng 2.2 Thu thập và báo cáo chi phí chất lượng 2.3 Ảnh hưởng của chất lượng đến năng suất</p> <p>Bài tập chương 2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. 	Ví dụ, Bài tập	CLO2 CLO3 CLO12 CLO13 CLO14

Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	Ôn tập, củng cố lại lý thuyết và sửa các bài tập chương 1, 2. Kiểm tra chương 1, 2	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Sửa bài tập chương 2 và trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài kiểm tra thường xuyên 1. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Làm bài kiểm tra thường xuyên 1. 	Bài tập Bài kiểm tra TX1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO12 CLO13 CLO14
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	<p>CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TOÀN DIỆN</p> <p>3.1 Khái quát chung về quản lý chất lượng toàn diện</p> <p>3.2 Các nguyên tắc của quản lý chất lượng toàn diện</p> <p>3.3 Cơ cấu hỗ trợ cho quản lý chất lượng toàn diện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa - Giao bài tập tình huống cho sinh viên thực hiện. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. - Làm việc nhóm để giải quyết tình huống do giảng viên đưa ra. 	Bài tập tình huống	CLO4 CLO12 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	<p>CHƯƠNG 4: HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG</p> <p>4.1 Khái quát về hệ thống quản lý chất lượng</p> <p>4.2 Các hệ thống quản lý chất lượng phổ biến</p> <p>4.3 Một số hệ thống quản lý chất lượng khác</p> <p>4.4 Hệ thống quản trị chất lượng dựa trên việc đáp ứng tiêu chí của giải thưởng chất</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Các nhóm nhận đề tài thuyết trình, thảo luận, trao đổi ý kiến để làm rõ yêu cầu của bài thuyết trình. - Thực hiện bài kiểm tra thường xuyên 2 	Ví dụ, bài kiểm tra TX2	CLO5 CLO6 CLO12 CLO15 CLO16

	lượng 4.5 Xây dựng hệ thống quản trị chất lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Giao bài thuyết trình nhóm và các yêu cầu của bài thuyết trình. - Giao bài kiểm tra thường xuyên lần 2 			
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	Thuyết trình nhóm. Đề tài: <i>Tìm hiểu về một hệ thống chất lượng và việc áp dụng nó trong thực tế.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi bài thuyết trình của các nhóm. - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét, đặt câu hỏi cho các bài thuyết trình. - Nhận xét bài thuyết trình. - Đặt các câu hỏi để các nhóm làm rõ vấn đề. - Chấm điểm thuyết trình cho các nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm thuyết trình - Theo dõi bài thuyết trình của các nhóm khác. - Đưa ra các nhận xét và các câu hỏi cho các bài thuyết trình để làm rõ những vấn đề còn khúc mắc. 	Đánh giá điểm thường xuyên	CLO5 CLO6 CLO12 CLO13 CLO15 CLO16 CLO17 CLO18
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	Thuyết trình nhóm. Đề tài: <i>Tìm hiểu về một hệ thống chất lượng và việc áp dụng nó trong thực tế.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi bài thuyết trình của các nhóm. - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét, đặt câu hỏi cho các bài thuyết trình. - Nhận xét bài thuyết trình. - Đặt các câu hỏi để các nhóm làm rõ vấn đề. - Chấm điểm thuyết trình cho các nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm thuyết trình - Theo dõi bài thuyết trình của các nhóm khác. - Đưa ra các nhận xét và các câu hỏi cho các bài thuyết trình để làm rõ những vấn đề còn khúc mắc. 	Đánh giá điểm thường xuyên	CLO5 CLO6 CLO12 CLO13 CLO15 CLO16 CLO17 CLO18
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	CHƯƠNG 5: CÁC CÔNG CỤ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG 5.1 Bảy công cụ thống	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 5; - Đặt câu hỏi cho 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các 	Ví dụ, bài tập, thảo luận	CLO7 CLO12 CLO13 CLO15

	<p>kê</p> <p>5.1.1 Phiếu kiểm tra (Check sheet)</p> <p>5.1.2 Biểu đồ Pareto (Pareto diagram)</p> <p>5.1.3 Biểu đồ nhân quả (C&E - Cause and Effect diagram)</p> <p>5.1.4 Biểu đồ kiểm soát (Control Chart)</p> <p>5.1.5 Biểu phân bố mật độ (Histogram chart)</p> <p>5.1.6 Biểu đồ phân tán (Scatter Diagram)</p> <p>5.1.7 Lưu đồ (Flow chart)</p> <p>Bài tập chương 5</p>	<p>sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập</p> <p>- Giao bài tập cho sinh viên áp dụng.</p> <p>- Giao bài tập thảo luận nhóm</p>	<p>hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao.</p> <p>- Áp dụng thực hiện thảo luận để làm bài tập nhóm theo yêu cầu của giảng viên.</p>	<p>nhóm</p>	<p>CLO16</p>
<p>Tuần 9</p> <p>Buổi 9</p> <p>4 giờ</p>	<p>CHƯƠNG 5: CÁC CÔNG CỤ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (tt)</p> <p>5.2 Bày công cụ mới</p> <p>5.2.1 Biểu đồ tương đồng (Affinity Diagram)</p> <p>5.2.2 Biểu đồ quan hệ: (Relation Diagram)</p> <p>5.2.3 Biểu đồ cây: (Tree Diagram)</p> <p>5.2.4 Biểu đồ ma trận: (Matrix Diagram)</p> <p>5.2.5 Phân tích dữ liệu ma trận (Matrix Data Analysis)</p> <p>5.2.6 Chương trình quyết định quá trình (Process Decision</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 6;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập.</p> <p>- Giao bài tập thảo luận nhóm</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Áp dụng thực hiện thảo luận để làm bài tập nhóm theo yêu cầu của giảng viên.</p>	<p>Ví dụ, bài tập, thảo luận nhóm</p>	<p>CLO7</p> <p>CLO12</p> <p>CLO13</p> <p>CLO15</p> <p>CLO16</p>

	<p>Program Chart – PDPC)</p> <p>5.2.7 Biểu đồ mũi tên (Arrow Diagram)</p> <p>5.3 Các công cụ phi thống kê</p> <p>5.3.1 Nhóm chất lượng (QC - Quality Circle)</p> <p>5.3.2 Brainstorming</p> <p>5.3.3 Benchmarking</p> <p>5.3.4 Câu chuyện cải tiến chất lượng (Quality Improvement Story)</p> <p>5.4 Six sigma</p> <p>Bài tập chương 5 (tt)</p>				
<p>Tuần 10</p> <p>Buổi 10</p> <p>4 giờ</p>	<p>Ôn tập, củng cố lại lý thuyết và sửa các bài tập chương 3, 4, 5.</p> <p>Kiểm tra chương 3, 4, 5</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Sửa bài tập chương 5 và trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài kiểm tra GK 1. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Làm bài kiểm tra GK 1. 	<p>Bài tập</p> <p>Bài kiểm tra GK1</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO12</p> <p>CLO13</p> <p>CLO14</p> <p>CLO15</p> <p>CLO16</p>
<p>Tuần 11</p> <p>Buổi 11</p> <p>4 giờ</p>	<p>CHƯƠNG 6: KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM</p> <p>6.1 Kiểm tra chất lượng và vai trò của kiểm tra chất lượng</p> <p>6.1.1 Khái niệm kiểm tra chất lượng</p> <p>6.1.2 Mục đích, ý nghĩa của kiểm tra chất lượng</p> <p>6.1.3 Căn cứ và</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 7; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. 	<p>Ví dụ, bài tập</p>	<p>CLO8</p> <p>CLO12</p> <p>CLO13</p> <p>CLO14</p> <p>CLO15</p>

	<p>nhiệm vụ của kiểm tra chất lượng</p> <p>6.2 Phương pháp và các hình thức kiểm tra chất lượng sản phẩm</p> <p>6.2.1 Phương pháp kiểm tra chất lượng</p> <p>6.2.2 Hình thức kiểm tra chất lượng sản phẩm</p> <p>6.3 Tổ chức kiểm tra chất lượng</p> <p>6.3.1 Trình tự các bước kiểm tra chất lượng</p> <p>6.3.2. Nội dung của tổ chức kiểm tra chất lượng</p> <p>Bài tập chương 6</p>	<p>họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập</p> <p>- Giao bài tập cho sinh viên áp dụng.</p>			
<p>Tuần 12</p> <p>Buổi 12</p> <p>4 giờ</p>	<p>CHƯƠNG 6: KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM</p> <p>6.4 Kiểm tra chọn mẫu chấp nhận</p> <p>6.4.1 Thực chất và sự cần thiết của kiểm tra chọn mẫu chấp nhận</p> <p>6.4.2 Một số thuật ngữ cơ bản sử dụng trong kiểm tra chọn mẫu chấp nh</p> <p>6.4.3 Các yêu cầu cần đảm bảo trong kiểm tra chọn mẫu</p> <p>6.4.4 Các phương thức lấy mẫu</p> <p>6.4.5 Xây dựng phương án lấy mẫu đơn theo thuộc tính</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 7;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập</p> <p>- Giao bài tập cho sinh viên áp dụng.</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao.</p>	<p>Ví dụ, bài tập</p>	<p>CLO9</p> <p>CLO10</p> <p>CLO12</p> <p>CLO13</p> <p>CLO14</p> <p>CLO15</p>

	<p>chất lượng</p> <p>6.5 Lượng hóa một số chỉ tiêu chất lượng</p> <p>6.5.1 Hệ số chất lượng (Ka)</p> <p>6.5.2 Xác định mức chất lượng (MQ)</p> <p>6.5.3 Trình độ chất lượng (Tc)</p> <p>6.5.4 Chất lượng toàn phần của sản phẩm (QT)</p> <p>6.5.5 Hiệu suất sử dụng sản phẩm (Hsd)</p> <p>6.5.6 Hệ số hữu dụng tương đối</p> <p>6.5.7 Hệ số phân hạng sản phẩm (Kph)</p> <p>Bài tập chương 6</p>				
<p>Tuần 13</p> <p>Buổi 13</p> <p>4 giờ</p>	<p>CHƯƠNG 7: CHẤT LƯỢNG TRONG DỊCH VỤ</p> <p>7.1 Bản chất về dịch vụ và chất lượng dịch vụ</p> <p>7.2 Mô hình cung ứng dịch vụ chất lượng</p> <p>7.3 Tiêu chí đánh giá và đo lường chất lượng dịch vụ</p> <p>7.4 Thang đo chất lượng dịch vụ</p> <p>Câu hỏi ôn tập chương 7</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 8 phần tiếp theo;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra ví dụ minh họa.</p> <p>- Giao bài tập thảo luận nhóm.</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Áp dụng thực hiện thảo luận để làm bài tập nhóm theo yêu cầu của giảng viên.</p>	<p>Ví dụ, thảo luận nhóm</p>	<p>CLO11</p> <p>CLO12</p> <p>CLO13</p> <p>CLO15</p> <p>CLO16</p>
<p>Tuần 14</p> <p>Buổi 14</p> <p>4 giờ</p>	<p>Ôn tập, củng cố lại lý thuyết và sửa các bài tập chương 6, 7.</p>	<p>- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm.</p> <p>- Sửa bài tập</p>	<p>- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ</p>		<p>CLO8</p> <p>CLO9</p> <p>CLO10</p>

	Kiểm tra chương 6, 7	chương 5 và trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài kiểm tra GK 2.	phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Làm bài kiểm tra GK 2.	Bài tập Bài kiểm tra GK2	CLO11 CLO12 CLO13 CLO14 CLO15
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết, nội dung chính của toàn môn học - Sửa bài kiểm tra giữa kỳ 2 - Ôn tập 1 số dạng bài tập - Công bố điểm thành phần	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Công bố điểm thành phần 40%	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trong tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Không đánh giá	CLO1- CLO18

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 7.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

– Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

– Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

– Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

– Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

- Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.
- Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.
- Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.
- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/ Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ/email liên hệ: dinhhoa2490@gmail.com

Đồng Nai, ngày 04 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Đinh Thị Hóa

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ DỰ ÁN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: QUẢN TRỊ DỰ ÁN
- Tên học phần Tiếng Anh: PROJECT GOVERNANCE
- Mã học phần: 2112310
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 03

Tổng số giờ	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	30 giờ	0	0	90 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 4
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - + Học phần trước: Quản trị học
 - + Học phần song hành (nếu có): không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Học phần Quản trị dự án trang bị những kiến thức, kỹ năng, công cụ, kỹ thuật vào trong quá trình đề xuất dự án, lập kế hoạch dự án, thực hiện dự án, theo dõi giám sát dự án và kết thúc dự án để đạt được các yêu cầu của dự án.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức:

CO1: Tổng hợp những hoạt động quản trị liên quan đến việc lập, triển khai dự án nhằm đáp ứng một mục tiêu chuyên biệt; Phân tích và giải thích việc phối hợp các chức năng của quản trị như hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát.

- Về kỹ năng:

CO2: Giúp người học nâng cao và hoàn thiện kỹ năng tính toán; kỹ năng ra quyết định, kỹ năng tổ chức, phối kết hợp các chức năng quản trị.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO3: Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập nhóm; Có nhận thức về khoa học quản lý nói chung và lĩnh vực quản trị dự án nói riêng đang phát triển mạnh mẽ trong thực tiễn, người học phải biết phối hợp lý luận và thực tế phát sinh để làm tác nhân thúc đẩy quá trình phát triển của tổ chức.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

- Quản trị dự án là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh và đây là kiến thức chuyên ngành của ngành quản trị kinh doanh.

- Học phần này đề cập các kiến thức tổng quan về quản trị dự án, xác định và đáp ứng các nhu cầu, các mối quan tâm, và mong đợi của các chủ thể dự án trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện dự án. Cân đối hài hoà giữa các yêu cầu, ràng buộc khác nhau của dự án bao gồm phạm vi dự án, chất lượng, tiến độ, kinh phí, nguồn lực và các loại rủi ro.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CĐR (1)	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom) (2)	Trình độ năng lực (3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	- Hiểu rõ về bản chất của quản trị dự án, đặc trưng của dự án, nắm được chu kỳ của dự án, các đối tượng sẽ tham gia vào dự án. Trình bày các mục tiêu, quá trình và nội dung quản trị dự án. Hiểu được việc quản trị dự án theo các giai đoạn và các lĩnh vực khác nhau.	3,0
CLO2	-Hiểu và biết cách áp dụng các phương pháp định lượng và định tính trong lựa chọn dự án.	3,0
CLO3	-Hiểu rõ các mô hình tổ chức dự án, biết cách lựa chọn, thiết kế cơ cấu tổ chức dự án.	3,5
CLO4	- Hiểu rõ các tố chất cần thiết của giám đốc dự án, nguyên tắc xây dựng đội ngũ dự án, phát triển và lãnh đạo đội ngũ	3,5

	dự án.	
CLO5	- Hiểu được cách lập kế hoạch dự án, xây dựng cơ cấu phân chia công việc, phương pháp từ trên xuống và từ dưới lên để lập ngân sách dự án .	3,5
CLO6	- Hiểu được các vấn đề lập tiến độ dự án, áp dụng lập biểu đồ Gantt và sơ đồ mạng thể hiện tiến độ dự án.	3,5
CLO7	- Hiểu và thiết lập sơ đồ mạng CPM và mạng Pert	3,5
CLO8	- Hiểu được mối quan hệ giữa thời gian và chi phí dự án, phân bổ nguồn lực trong điều kiện hữu hạn.	3,5
CLO9	- Hiểu rõ nguyên tắc, phương pháp và công cụ để kiểm soát dự án.	3,5
CLO10	- Hiểu rõ các nội dung và quá trình quản trị rủi ro dự án	3,5
CLO11	- Hiểu rõ vấn đề về hợp đồng, kí kết và thực hiện hợp đồng, huỷ bỏ và thay đổi hợp đồng.	3,5
CLO12	- Hiểu rõ các hình thức kết thúc dự án khác nhau, .	3,5
CLO13	- Hiểu cách thức để tổ chức việc kết thúc dự án, lựa chọn thời điểm kết thúc dự án.	3,5
Chuẩn về kỹ năng		
CLO14	- Kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề: Dựa vào đồ thị, số liệu đưa ra nhận xét, phân tích, đánh giá về những vấn đề liên quan đến học phần.	3,5
CLO15	- Kỹ năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn: Áp dụng lý thuyết vào thực tế để giải quyết các vấn đề có liên quan đến quản lý dự án .	4,0
Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm		
CLO16	Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập;	3,5
CLO17	Có nhận thức về khoa học quản lý nói chung và lĩnh vực quản trị dự án nói riêng đang phát triển mạnh mẽ trong thực tiễn, biết phối hợp lý luận và thực tế phát sinh để làm tác nhân thúc đẩy quá trình phát triển của tổ chức.	4,0

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1										X	X	X	X					
2						X	X				X	X	X	X				
3					X	X	X		X	X	X	X	X	X	X			
4						X			X		X	X	X					
5						X					X	X	X					
6							X				X	X	X					
7					X	X	X		X	X	X	X	X					
8				X		X	X		X		X	X	X	X				
9				X		X	X		X		X	X	X	X				
10						X	X	X			X	X	X	X				
11						X	X	X			X	X	X					
12						X	X	X			X	X	X					
13					X	X	X	X			X	X		X		X		
14										X	X	X	X		X	X		
15											X			X				
16																	X	X
17																	X	X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CDR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá sự chuyên cần	- Tham dự lớp học - Tham gia các hoạt động học	Đánh giá thường xuyên theo thang điểm ABCDF		10%

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
	tập			
2. Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra thường xuyên: TN1; TN2; TN3; TN4; TN5; TN6; TN7; TN8	Trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO13	5%
	Bài kiểm tra giữa kì: TL1; TL2	Kiểm tra làm bài tự luận. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO2 đến CLO17	25%
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	Thi cuối kỳ hình thức thi tự luận. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO2 đến CLO17	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

- Tài liệu bắt buộc:

[1] PGS.TS Từ Quang Phương, *Quản lý dự án*, Tái bản lần thứ tư, Nhà xuất bản Đại học Kinh Tế Quốc Dân.

[2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai (2022), *Quản trị dự án*, Lưu hành nội bộ.

- Tài liệu tham khảo:

[1] TS. Bùi Xuân Phong (2006), *Quản trị dự án đầu tư*, Nhà xuất Bưu Điện.

[2] TS. Trịnh Thuỳ Anh (2010), *Quản trị dự án*. Đại học Mở TP. HCM

[3] TS. Nguyễn Xuân Thuỷ(2010), *Quản trị dự án đầu tư*, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.

[4]. Erik W, Larson, Clifford F. Gray (2020), *Project Management, Mcgraw-hill*.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	<p>Giới thiệu môn học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về học phần Quản trị dự án - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập - Chia nhóm sinh viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình chiếu slide bài giảng “ Giới thiệu môn học” để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi chép, đặt các câu hỏi về môn học để được hướng dẫn cụ thể. 	Không đánh giá	
	<p>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ DỰ ÁN</p> <p>1.1. Tổng quan về dự án</p> <p>1.2. Tổng quan về quản trị dự án</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 1; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN1. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài trắc nghiệm TN1. 	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 1	CLO1 CLO16 CLO17
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	<p>CHƯƠNG 2: LỰA CHỌN DỰ ÁN</p> <p>2.1. Vấn đề cơ bản về lựa chọn dự án</p> <p>2.2. Lựa chọn dự án trong điều kiện bất trắc</p> <p>Bài tập chương 2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành 	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 2	CLO2 CLO16 CLO17 CLO15

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		<p>của sinh viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Giao bài trắc nghiệm TN2. 	<p>các bài tập được giao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài trắc nghiệm TN2. 		
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	<p>CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ TỔ CHỨC DỰ ÁN VÀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ DỰ ÁN</p> <p>3.1. Thiết kế cơ cấu tổ chức dự án</p> <p>3.2. Giám đốc dự án</p> <p>3.3. Xây dựng đội ngũ dự án</p> <p>Bài tập chương 3</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Giao bài trắc nghiệm TN3. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. - Làm bài trắc nghiệm TN3. 	<p>Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 3</p>	<p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO16</p> <p>CLO17</p>
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	<p>CHƯƠNG 4: LẬP KẾ HOẠCH VÀ NGÂN SÁCH DỰ ÁN</p> <p>4.1 Các vấn đề về lập</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4; - Đặt câu hỏi cho 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để 	<p>Đánh giá quá trình, bài kiểm</p>	<p>CLO5</p> <p>CLO16</p> <p>CLO17</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	kế hoạch dự án 4.2. Cơ cấu phân chia công việc, biểu đồ trách nhiệm. 4.3. Ngân sách dự án Bài tập chương 4	sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập. - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Giao bài trắc nghiệm TN4.	làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. - Làm bài trắc nghiệm TN4.	tra thường xuyên TN 4	
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết và sửa các bài tập từ chương 1 đến chương 4. - Làm bài kiểm tra tự luận	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Sửa bài tập, trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài kiểm tra giữa kì lần 1 (TL1).	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Làm các bài tập được giao và tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Làm bài kiểm tra giữa kì lần 1 (TL1).	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra giữa kì lần 1 TL 1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO14 CLO15 CLO16 CLO17
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	CHƯƠNG 5: LẬP TIẾN ĐỘ DỰ ÁN 5.1. Các vấn đề cơ bản về sơ đồ mạng 5.2. Sơ đồ mạng CPM 5.3. Sơ đồ mạng Pert	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 5; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường	CLO6 CLO7 CLO16 CLO17

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	Bài tập chương 5	<ul style="list-style-type: none"> cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Giao bài trắc nghiệm TN5. 	<ul style="list-style-type: none"> giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. - Làm bài trắc nghiệm TN5. 	xuyên TN 5	
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	<p>CHƯƠNG 5: LẬP TIẾN ĐỘ DỰ ÁN</p> <p>5.4. Lập tiến độ dự án bằng sơ đồ mạng</p> <p>Bài tập chương 5</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 5; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Giao bài trắc 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. - Làm bài trắc nghiệm TN5. 	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 5	<p>CLO6</p> <p>CLO7</p> <p>CLO16</p> <p>CLO17</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		nghiệm TN5			
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	<p>CHƯƠNG 6: PHÂN BỔ NGUỒN LỰC</p> <p>6.1. Một số vấn đề cơ bản về nguồn lực</p> <p>6.2 Điều hoà nguồn lực</p> <p>6.3. Phương pháp đường gãy</p> <p>Bài tập chương 6</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 6;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập</p> <p>- Giao bài tập cho sinh viên áp dụng.</p> <p>- Giao bài trắc nghiệm TN6.</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao.</p> <p>- Làm bài trắc nghiệm TN6.</p>	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 6	CLO8 CLO16 CLO17
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	<p>CHƯƠNG 6: PHÂN BỔ NGUỒN LỰC</p> <p>6.4. Phân bổ nguồn lực hạn chế</p> <p>6.5. Mối quan hệ giữa thời gian và chi phí</p> <p>Bài tập chương 6</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 6;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra ví dụ minh họa và</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao.</p> <p>- Làm bài trắc</p>	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 6	CLO8 CLO16 CLO17

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		<p>hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Giao bài trắc nghiệm TN6. 	<p>nhịệm TN6.</p>		
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	<p>CHƯƠNG 7. KIỂM SOÁT DỰ ÁN</p> <p>7.1. Vấn đề cơ bản về kiểm soát dự án</p> <p>7.2. Quá trình kiểm soát dự án</p> <p>7.3. Nội dung kiểm soát dự án</p> <p>Bài tập chương 7</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 7; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Giao bài trắc nghiệm TN7. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. - Làm bài trắc nghiệm TN7. 	<p>Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 7</p>	<p>CLO9</p> <p>CLO16</p> <p>CLO17</p>
Tuần 11 Buổi 11 4 giờ	<p>CHƯƠNG 8: QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ HỢP ĐỒNG DỰ ÁN</p> <p>8.1. Rủi ro và quản trị rủi ro dự án</p> <p>8.2. Hợp đồng và quản</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 8; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do 	<p>Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường</p>	<p>CLO10</p> <p>CLO11</p> <p>CLO16</p> <p>CLO17</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	trị hợp đồng dự án Bài tập chương 8	<ul style="list-style-type: none"> cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. - Làm bài trắc nghiệm TN8 	xuyên TN 8	
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ	<p>CHƯƠNG 9: KẾT THÚC DỰ ÁN</p> <p>9.1. Các hình thức kết thúc dự án</p> <p>9.2. Khi nào cần kết thúc dự án</p> <p>Bài tập chương 9</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 8 phần tiếp theo; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Giao bài trắc 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. 	Không đánh giá	CLO12 CLO13 CLO16 CLO17

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		nghiệm TN9.			
Tuần 13 Buổi 13 4 giờ	CHƯƠNG 9: KẾT THÚC DỰ ÁN 9.3. Tổ chức kết thúc dự án 9.4. Báo cáo tổng kết Bài tập chương 9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 8 phần tiếp theo; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Giao bài trắc nghiệm TN9. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. - Làm bài trắc nghiệm TN9 	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 9	CLO12 CLO13 CLO16 CLO17
Tuần 14 Buổi 14 4 giờ	- Làm bài kiểm tra giữa kì lần 2	- Giao bài kiểm tra giữa kì lần 2 cho sinh viên.	- Làm bài kiểm tra giữa kì lần 2.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra giữa kì lần 2 TL 2	Từ CLO7 Đến CLO17

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết và sửa các bài tập từ chương 5 đến chương 9.	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Sửa bài tập, trả lời thắc mắc của sinh viên.	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trong tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Làm các bài tập được giao và tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Không đánh giá	CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13 CLO16 CLO17

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

- Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.
- Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.
- Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 9.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

- Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.
- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.
- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

- Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.
- Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

– Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

– Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

– Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ/email liên hệ: vuongnga1112@gmail.com

Đồng Nai, ngày 03 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA

**TRƯỞNG BỘ
MÔN**

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



**ThS. Nguyễn Thị Ngọc
Bích**

ThS. Đinh Thị Hóa

ThS. Vương Thúy Nga

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: Hệ thống thông tin quản lý
- Tên học phần Tiếng Anh: Management information systems
- Mã học phần: 2112311
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Số tín chỉ: 03

Tổng số giờ	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	15 giờ	15 giờ	15 giờ	75 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 4
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - + Học phần trước: Quản trị học
 - + Học phần song hành (nếu có): không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần: sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung: Mục tiêu tổng thể của học phần Hệ thống thông tin quản lý là trang bị cho sinh viên kiến thức toàn diện và chuyên nghiệp về các hệ thống thông tin ứng dụng trong quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức:

CO1: Có kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin và nhận thức rõ vai trò chiến lược của các hệ thống thông tin đối với các tổ chức trong nền kinh tế mới;

CO2: Có hiểu biết cơ bản về các hệ thống thông tin điển hình ứng dụng trong môi trường doanh nghiệp, nhằm nâng cao năng lực hoạt động và khả năng cạnh tranh trong môi trường toàn cầu hoá;

CO3: Có hiểu biết cơ bản về các phương pháp phát triển hệ thống thông tin;

CO4: Có kiến thức tổng quan về quản trị các nguồn lực hệ thống thông tin trong tổ chức doanh nghiệp;

CO5: Có khả năng giải quyết các vấn đề nghiệp vụ đơn giản bằng bộ phần mềm văn phòng Microsoft Office (đặc biệt là Excel)

- Về kỹ năng:

CO6: Sinh viên nhận biết được các kỹ năng cơ bản về ứng dụng hệ thống thông tin trong quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh; Kỹ năng triển khai các hệ thống thông tin quản lý; Hiểu được kỹ năng tìm kiếm tài liệu nghiên cứu; Phát triển kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc nhóm và phát triển kỹ năng thuyết trình nhằm chuyển tải kiến thức thông qua viết, thảo luận

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO8: Người học rèn được tính cẩn thận, tính trung thực, bảo mật thông tin; trách nhiệm với công việc.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần Hệ thống thông tin quản lý thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của ngành Quản trị kinh doanh.

Đây cũng là một học phần hữu ích và cần thiết cho khối kiến thức cơ sở ngành của các ngành kinh tế và quản trị kinh doanh. Học phần Hệ thống thông tin quản lý cung cấp các kiến thức cơ bản và toàn diện về các hệ thống thông tin quản lý dựa trên công nghệ thông tin trong các tổ chức kinh tế và xã hội với các nội dung chính:

- (1) các khái niệm cơ sở về dữ liệu và thông tin quản lý trong tổ chức,
- (2) các khái niệm cơ sở về hệ thống thông tin quản lý và thành phần của hệ thống,
- (3) giới thiệu về hệ cơ sở dữ liệu,
- (4) trình bày về hệ thống thông tin quản lý,
- (5) trình bày về hệ thống thông tin xử lý giao dịch,
- (6) trình bày về hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định

(7) trình bày về các hệ thống thông tin ứng dụng trong kinh doanh như: HTTT tài chính, HTTT Marketing, HTTT sản xuất kinh doanh, HTTT nguồn nhân lực, HTTT thương mại điện tử, HTTT tự động hóa văn phòng

(8) trình bày về các HTTT tích hợp trong kinh doanh

(9) giới thiệu một số thao tác thực hành trên excel cho sinh viên

Tiếp cận ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại dưới góc độ quản lý, học phần Hệ thống thông tin quản lý sẽ trang bị những kiến thức thực sự cần thiết và hữu ích cho các nhà quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh tương lai.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần:

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	Nắm bắt được các đặc trưng về dữ liệu, thông tin của các	2.5

	cấp quản lý trong tổ chức	
CLO2	Hiểu được các yếu tố cấu thành hệ thống thông tin	3.0
CLO3	Nắm bắt được các hiểu biết cơ bản về hệ cơ sở dữ liệu	3.0
CLO4	Nắm bắt được cách xây dựng mô hình chức năng hệ thống thông tin quản lý	3.5
CLO5	Xác định được các hoạt động cơ bản của hệ thống xử lý giao dịch và một số ứng dụng của hệ thống trong thực tế	3.0
CLO6	Nắm bắt được các kiến thức cơ bản về hệ thống hỗ trợ ra quyết định; Phân biệt được sự khác nhau giữa hệ thống hỗ trợ ra quyết định và các hệ thống thông tin quản lý khác	3.5
CLO7	Trình bày được các vấn đề cơ bản về hệ thống thông tin tài chính và giới thiệu được một số phần mềm ứng dụng của hệ thống trong thực tế	3.5
CLO8	Trình bày được các vấn đề cơ bản về hệ thống thông tin Marketing và giới thiệu được một số phần mềm ứng dụng của hệ thống trong thực tế	3.5
CLO9	Trình bày được các vấn đề cơ bản về hệ thống thông tin sản xuất kinh doanh và giới thiệu được một số phần mềm ứng dụng của hệ thống trong thực tế	3.5
CLO10	Trình bày được các vấn đề cơ bản về hệ thống thông tin nguồn nhân lực và giới thiệu được một số phần mềm ứng dụng của hệ thống trong thực tế	3.5
CLO11	Trình bày được các vấn đề cơ bản về hệ thống thông tin thương mại điện tử và giới thiệu được một số ứng dụng của hệ thống trong thực tế	3.5
CLO12	Trình bày được các vấn đề cơ bản về hệ thống thông tin tự động hóa văn phòng và giới thiệu được một số phần mềm ứng dụng của hệ thống trong thực tế	3.5
CLO13	Trình bày được các vấn đề cơ bản về hệ thống thông tin quản trị khách hàng và giới thiệu được một số phần mềm ứng dụng của hệ thống trong thực tế	3.5
CLO14	Trình bày được các vấn đề cơ bản về hệ thống thông tin quản trị tích hợp doanh nghiệp và giới thiệu được một số phần mềm ứng dụng của hệ thống trong thực tế	3.5
CLO15	Trình bày được các vấn đề cơ bản về hệ thống thông tin quản trị chuỗi cung cấp và giới thiệu được một số phần mềm ứng dụng của hệ thống trong thực tế	3.5

CLO16	Nắm bắt được cách vận dụng phần mềm Excel trong việc giải quyết một số vấn đề liên quan đến lĩnh vực kinh tế, tài chính trong hệ thống thông tin	3.5
--------------	--	-----

Chuẩn về kỹ năng

CLO17	Tìm hiểu và khám phá tri thức	3.0
CLO18	Làm việc nhóm, thuyết trình	3.0
CLO19	Nhận thức được bối cảnh văn hóa doanh nghiệp	3.0
CLO20	Thao tác được trên một số phần mềm ứng dụng của các hệ thống	3.0

Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm

CLO21	Giao tiếp hiệu quả dưới dạng văn bản và thuyết trình	3.0
CLO22	Thực hiện ghi chép, chú thích, phản hồi tích cực trong quá trình nghe giảng.	3.5

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs \ CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1				x	x	x	x											
2		x				x	x	x										
3							x	x										
4						x		x	x									
5					x	x	x	x					x	x	x			x
6					x	x	x	x					x	x	x			x
7					x	x	x	x	x				x	x	x			x
8					x	x	x	x	x				x	x	x			x
9					x	x	x	x	x				x	x	x			x
10					x	x	x	x	x				x	x	x			x
11					x	x	x	x	x				x	x	x			x
12					x	x	x	x	x				x	x	x			x
13					x	x	x	x	x				x	x	x			x
14					x	x	x	x	x				x	x	x			x
15				x		x	x	x					x	x	x	x		

16							X	X										
17			X		X	X	X						X			X		
18							X	X	X		X		X	X	X			
19									X	X	X	X	X	X	X			
20			X		X		X								X			X
21							X	X						X				X
22				X			X	X					X				X	X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá quá trình	- Dự học trên lớp - Đóng góp tại lớp	Đánh giá thường xuyên		10%
	- Bài tập nhóm - 5 bài kiểm tra tự luận hoặc trắc nghiệm	Đánh giá thường xuyên	CLO 1 đến CLO 22	5%
	- Thuyết trình	Kiểm tra giữa kỳ	CLO 7 đến CLO 15, CLO 17 đến CLO 22	25%
2. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	Thi cuối kỳ	CLO 1 đến CLO 22	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

- Tài liệu bắt buộc:

[1] TS. Trần Thị Song Minh, 2019. *Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý*. Hà Nội: NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân.

[2] ThS. Lê Thị Kim Tuyên & ThS. Đinh Thị Hóa, 2021. *Tài liệu học tập học phần Hệ thống Thông tin quản lý*. Đồng Nai: Trường Đại học Đồng Nai

- Tài liệu tham khảo:

[1] TS. Lê Văn Phùng, 2014. *Hệ thống thông tin quản lý*. Hà Nội: NXB thông tin và truyền thông.

[2] TS. Phạm Thị Thanh Hồng, ThS. Phạm Minh Tuấn, 2006. *Hệ thống thông tin quản lý*. Hà Nội: NXB Khoa học và kỹ thuật Hà Nội.

[3] Phạm Minh Tuấn, 2005. *Giáo trình phân tích thiết kế Hệ thống thông tin quản lý*. Hà Nội: NXB Hà Nội.

[4] TS. Trần Thị Song Minh, 2018. *Giáo trình Tin học ứng dụng*. Hà Nội: NXB Đại học kinh tế quốc dân.

[5] Đặng Cảnh Thạc, Trần Thanh Thái, Trần Thanh Phong, 2004. *EXCEL ứng dụng trong kinh tế*. Hồ Chí Minh.

[6] PGS.TS. Đoàn Văn Tân, 2004. *Các hệ thống thông tin quản lý*. Hà Nội: Trường Đại học văn hóa Hà Nội.

[7] James A. O'Brien, George M. Marakas, 2011. *Management Information Systems*. 10 ed. McGraw-Hill Education.

[8] Power, D. J., 2002. *Decision Support Systems: Concepts and Resources for Managers*. United States : Quorum Books.

[9] Gregory (Grzegorz) E. Kersten, Zbigniew Mikolajuk, Anthony Gar-On Yeh, 2000. *Decision Support Systems For Sustainable Development*. USA: International Development Research Centre & Kluwer Academic Publishers.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	Kiểm tra lại kiến thức về học phần tiên quyết. Giới thiệu học phần - Giới thiệu về học phần Hệ thống thông tin quản lý - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá		- Ghi nhớ mục tiêu, nội dung môn học - Ghi nhớ cách tìm tài liệu, nghiên cứu - Ghi nhớ cách thức		CLO17, CLO22

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	- Giới thiệu tài liệu học tập Nêu mục tiêu môn học		đánh giá học phần		
	<p>CHƯƠNG 1: THÔNG TIN QUẢN LÝ TRONG TỔ CHỨC</p> <p>1.1. Thông tin dưới góc độ quản lý</p> <p>1.1.1. Khái niệm về dữ liệu và thông tin</p> <p>1.1.2. Các đặc trưng của thông tin có giá trị</p> <p>1.2. Tổ chức dưới góc độ quản lý</p> <p>1.2.1. Khái niệm hệ thống</p> <p>1.2.2. Khái niệm tổ chức</p> <p>1.2.3. Các mô hình cấu trúc tổ chức</p> <p>1.3. Quản lý một tổ chức</p> <p>1.3.1. Sơ đồ quản lý tổ chức</p> <p>1.3.2. Các mức ra quyết định</p> <p>1.3.3. Tính chất của thông tin theo mức ra quyết định</p> <p>1.3.4. Các đầu mối thông tin đối với một tổ chức doanh nghiệp</p>	<p>-Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Cho sinh viên làm bài kiểm tra trắc nghiệm để tổng hợp kiến thức</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p>	Kiểm tra trắc nghiệm 1	CLO1, CLO19, CLO22
Tuần 2 Buổi 2	CHƯƠNG 2: HỆ THỐNG THÔNG TIN	-Thuyết giảng kết hợp trình	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các	Kiểm tra trắc	CLO2, CLO17,

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
4 giờ	<p>TRONG TỔ CHỨC</p> <p>2.1. Hệ thống thông tin</p> <p>2.2. Vai trò của hệ thống thông tin trong tổ chức</p> <p>2.2.1.Vai trò gia tăng giá trị của hệ thống thông tin</p> <p>2.2.2.Vai trò chiến lược của hệ thống thông tin trong môi trường cạnh tranh</p> <p>2.3. Những yếu tố cấu thành hệ thống thông tin</p> <p>2.2.1.Phần cứng máy tính điện tử</p> <p>2.2.2.Phần mềm máy tính điện tử</p>	<p>chiếu slides;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Cho sinh viên làm bài kiểm tra trắc nghiệm để tổng hợp kiến thức</p>	<p>điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p>	<p>nhịệm 2</p>	<p>CLO22</p>
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	<p>CHƯƠNG 2: HỆ THỐNG THÔNG TIN TRONG TỔ CHỨC (Tiếp)</p> <p>2.2.3.Cơ sở dữ liệu</p> <p>2.2.4.Viễn thông và mạng máy tính</p> <p>2.2.5.Con người</p> <p>2.4. Các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng hệ thống thông tin</p> <p>2.5. Các mô hình biểu diễn hệ thống thông tin</p> <p>2.6. Phân loại hệ thống thông tin dựa trên</p>	<p>-Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Cho sinh viên làm bài kiểm tra trắc nghiệm</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p>	<p>Kiểm tra trắc nghiệm 3</p>	<p>CLO2, CLO17, CLO22</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>máy tính</p> <p>2.6.1.Phân loại theo mục đích phục vụ của thông tin đầu ra</p> <p>2.6.2.Phân loại hệ thống thông tin theo lĩnh vực chức năng</p> <p>2.7. Đánh giá hiệu quả kinh tế của hệ thống thông tin</p>	<p>để tổng hợp kiến thức</p>			
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	<p>CHƯƠNG 3: HỆ CƠ SỞ DỮ LIỆU</p> <p>3.1. Một số khái niệm cơ bản của cơ sở dữ liệu</p> <p>3.2. Mô hình cơ sở dữ liệu</p> <p>3.2.1.Mô hình khái niệm</p> <p>3.2.2.Mô hình thực hiện</p> <p>3.3. Quy trình phát triển hệ thống quản trị dữ liệu</p> <p>3.4. Kỹ thuật thiết kế cơ sở dữ liệu</p> <p>a. Kỹ thuật Client / Server trong quản trị cơ sở dữ liệu</p> <p>b. Kho dữ liệu (Data Warehouses)</p> <p>c. Kho dữ liệu chuyên biệt (Data Marts)</p> <p>d. Kỹ thuật khai phá và phân tích dữ liệu (Data Mining).</p>	<p>-Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Cho sinh viên làm bài kiểm tra trắc nghiệm để tổng hợp kiến thức</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p>	Kiểm tra trắc nghiệm 4	CLO3, CLO17, CLO22
Tuần 5	CHƯƠNG 4: HỆ	-Thuyết	- Sinh viên		CLO1,

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Buổi 5 4 giờ	<p>THÔNG THÔNG TIN QUẢN LÝ</p> <p>4.1. Tổng quan về hệ thống thông tin quản lý MIS (Management Information System)</p> <p>4.1.1.Đầu vào của hệ thống thông tin quản lý</p> <p>4.1.2.Đầu ra của hệ thống thông tin quản lý</p> <p>4.2. Các chức năng cơ bản của hệ thống thông tin quản lý</p> <p>4.3. Mô hình chức năng của hệ thống</p> <p>4.3.1.Mô hình phân rã chức năng</p> <p>4.3.2.Mô hình luồng dữ liệu</p> <p>4.4. Phương pháp luận để phát triển hệ thống thông tin quản lý</p> <p>4.5. Xu hướng phát triển của hệ thống thông tin quản lý</p>	<p>giảng kết hợp trình chiếu slides;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Giao bài tập cho sinh viên vẽ các sơ đồ chức năng của các mô hình</p>	<p>lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Thực hành giải bài tập vẽ sơ đồ chức năng của các mô hình hệ thống thông tin quản lý</p>		CLO4, CLO17, CLO18, CLO21, CLO22
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	<p>CHƯƠNG 4: Tiếp</p> <p>4.3.1.Mô hình phân rã chức năng</p> <p>4.3.2.Mô hình luồng dữ liệu</p> <p>4.4. Phương pháp luận để phát triển hệ thống thông tin quản lý</p> <p>4.5. Xu hướng phát</p>	<p>-Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên;</p> <p>- Trả lời thắc mắc</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>Tham gia các hoạt động do giảng viên</p>		CLO1, CLO4, CLO17, CLO18, CLO21, CLO22

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	triển của hệ thống thông tin quản lý	của sinh viên. - Giao bài tập cho sinh viên vẽ các sơ đồ chức năng của các mô hình	đưa ra; - Thực hành giải bài tập vẽ sơ đồ chức năng của các mô hình hệ thống thông tin quản lý		
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	<p>CHƯƠNG 5: HỆ THỐNG XỬ LÝ GIAO DỊCH</p> <p>5.1. Tổng quan về hệ thống xử lý giao dịch</p> <p>5.1.1. Các đặc trưng của hệ thống xử lý giao dịch</p> <p>5.1.2. Quy trình xử lý giao dịch</p> <p>5.1.3. Mục tiêu của các hệ thống xử lý giao dịch</p> <p>5.2. Các ứng dụng xử lý giao dịch</p> <p>5.2.1. Hệ thống xử lý đơn hàng</p> <p>5.2.2. Hệ thống xử lý giao dịch mua hàng</p> <p>5.2.3. Hệ thống quản lý tiền lương</p> <p>5.3. Vấn đề kiểm soát và quản lý hệ thống xử lý giao dịch</p>	<p>-Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên;</p> <p>-Chiếu video để minh họa cho lý thuyết</p> <p>- Cho sinh viên làm bài kiểm tra trắc nghiệm để tổng hợp kiến thức</p>	Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, theo dõi và phản hồi các câu hỏi do giảng viên đưa ra;	Kiểm tra tự luận 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO17, CLO20, CLO22
Tuần 8 Buổi 8	<p>CHƯƠNG 6: HỆ THỐNG HỖ TRỢ RA QUYẾT ĐỊNH 6.1.</p>	-Thuyết giảng kết hợp trình	Sinh viên lắng nghe, ghi chép các	Bài tập	CLO1, CLO2, CLO4,

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
4 giờ	<p>Một số vấn đề cơ bản về ra quyết định trong tổ chức</p> <p>6.2. Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định</p> <p>6.2.1. Khái niệm hệ thống thông tin hỗ trợ quyết định</p> <p>6.2.2. Các đặc trưng của hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định</p> <p>6.2.3. So sánh hệ thống thông tin quản lý và hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định</p> <p>6.2.4. Các thành phần cơ bản của hệ thống</p> <p>6.2.5. Phân loại hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định</p> <p>6.2.6. Các hệ thống con trong hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định</p> <p>6.2.7. Một số ví dụ về hệ thống hỗ trợ ra quyết định</p> <p>6.2.8. Các dạng mô hình trong hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định</p>	<p>chiếu slides;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên;</p> <p>- Giao bài tập về nhà</p>	<p>điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Làm các bài tập được giao về nhà</p>		CLO6, CLO17, CLO21, CLO22
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	<p>Ôn tập, củng cố lại lý thuyết và sửa các bài tập còn lại chương 6</p>	<p>- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm.</p> <p>- Sửa bài tập chương</p>	<p>- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa</p>	Bài kiểm tra trắc nghiệm 5	CLO1, CLO2, CLO4, CLO6, CLO17, CLO21, CLO22

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		6 và trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài kiểm tra thường xuyên	hiều. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Làm bài kiểm tra thường xuyên		
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	<p>CHƯƠNG 7: CÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN ỨNG DỤNG TRONG KINH DOANH</p> <p>7.1. Hệ thống thông tin tài chính</p> <p>7.1.1. Khái quát về hệ thống thông tin tài chính</p> <p>7.1.2. Hệ thống thông tin tài chính theo mức quản lý</p> <p>7.1.3. Phần mềm quản lý tài chính</p> <p>7.2. Hệ Thống Thông Tin Marketing</p> <p>7.2.1. Khái quát về hệ thống thông tin marketing</p> <p>7.2.2. Phân loại hệ thống thông tin theo mức quản lý</p> <p>7.2.3. Phần mềm quản lý marketing</p> <p>7.2.4. Cơ sở dữ liệu Marketing trực tuyến</p> <p>7.3. Hệ thống thông tin sản xuất kinh doanh</p>	<p>GV giao đề tài để SV thực hiện thuyết trình</p> <p>GV đánh giá về bài thuyết trình của SV</p>	Sinh viên chia nhóm và thực hiện thuyết trình	Bài thuyết trình	CLO1, CLO2, CLO4, CLO7, CLO8, CLO9, CLO16, CLO17, CLO18, CLO19, CLO20, CLO21

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>7.3.1. Khái quát về hệ thống thông tin sản xuất kinh doanh</p> <p>7.3.2. Phân loại hệ thống thông tin sản xuất kinh doanh theo mức quản lý</p> <p>7.3.3. Phần mềm quản lý sản xuất kinh doanh</p>				
Tuần 11 Buổi 11 4 giờ	<p>CHƯƠNG 7: Tiếp</p> <p>7.4. Hệ thống thông tin nguồn nhân lực</p> <p>7.4.1. Khái quát về hệ thống thông tin nguồn nhân lực</p> <p>7.4.2. Phân loại hệ thống thông tin nguồn nhân lực theo mức quản lý</p> <p>7.4.3. Phần mềm quản lý nguồn nhân lực</p> <p>7.5. Hệ thống thương mại điện tử trong kinh doanh</p> <p>7.5.1. Khái niệm thương mại điện tử</p> <p>7.5.2. Hạ tầng kỹ thuật hệ thống thương mại điện tử</p> <p>7.5.3. Các mô hình giao dịch thương mại điện tử</p> <p>7.5.4. Lợi ích của thương mại điện tử</p> <p>7.5.5. Các yếu tố đảm</p>	<p>GV giao đề tài để SV thực hiện thuyết trình</p> <p>GV đánh giá về bài thuyết trình của SV</p>	Sinh viên chia nhóm và thực hiện thuyết trình	Bài thuyết trình	CLO1, CLO2, CLO4, CLO10, CLO11, CLO12, CLO16, CLO17, CLO18, CLO19, CLO20, CLO21

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>bảo thành công của thương mại điện tử</p> <p>7.5.1. Một số vấn đề cần quan tâm khi sử dụng Internet trong kinh doanh và thương mại điện tử</p> <p>7.6. Hệ thống thông tin tự động hóa văn phòng</p> <p>7.6.1. Giới thiệu chung về hệ thống thông tin văn phòng</p> <p>7.6.2. Các chức năng cơ bản của HTTT tự động hóa văn phòng</p> <p>7.6.3. Các công nghệ văn phòng</p>				
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ	<p>CHƯƠNG 8: CÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN TÍCH HỢP TRONG KINH DOANH</p> <p>8.1. Khái quát về hệ thống thông tin tích hợp trong kinh doanh</p> <p>8.2. Hệ thống quản trị quan hệ khách hàng</p> <p>8.2.1. Khái niệm quản trị quan hệ khách hàng</p> <p>8.2.2. Hệ thống quản trị quan hệ khách hàng</p> <p>8.2.3. Các loại hình hệ thống quản trị quan hệ khách hàng</p> <p>8.3. Hệ thống thông tin quản trị tích hợp doanh nghiệp</p>	<p>GV giao đề tài để SV thực hiện thuyết trình</p> <p>GV đánh giá về bài thuyết trình của SV</p>	Sinh viên chia nhóm và thực hiện thuyết trình	Bài thuyết trình	CLO1, CLO2, CLO4, CLO13, CLO14, CLO15, CLO17, CLO18, CLO19, CLO20, CLO21

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>8.3.1. Khái niệm hệ thống thông tin quản trị tích hợp doanh nghiệp</p> <p>8.3.2. Lợi ích và thử thách khi triển khai hệ thống quản trị tích hợp doanh nghiệp</p> <p>8.4. Hệ thống quản trị chuỗi cung cấp</p> <p>8.4.1. Khái niệm hệ thống quản trị chuỗi cung cấp</p> <p>8.4.2. Lợi ích thử thách của quản trị chuỗi cung cấp</p>				
Tuần 13 Buổi 13 4 giờ	<p>CHƯƠNG 9 : MỘT SỐ ỨNG DỤNG CƠ BẢN TRÊN EXCEL</p> <p>9.1. Một số hàm tài chính</p> <p>9.2. Sử dụng công cụ phân tích độ nhạy What-If</p> <p>a.Data Table</p> <p>b.Goal Seek</p> <p>c.Scenarios</p> <p>d.Solver</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides</p> <p>- Giao bài tập cho sinh viên thực hành trên excel</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép, theo dõi các thao tác thực hành trên excel;</p> <p>- Thực hiện làm các bài tập gv giao trên excel</p>	Bài tập thực hiện trên excel;	CLO1, CLO2, CLO6, CLO7, CLO9, CLO16, CLO17, CLO20, CLO22
Tuần 14 Buổi 14 4 giờ	<p>CHƯƠNG 9 : Tiếp</p> <p>Ôn tập lại kiến thức tuần trước</p> <p>9.3. Bảng Pivot Table</p> <p>a. Tạo bảng Pivot Table</p> <p>b. Sử dụng Slicer để lọc dữ liệu với Pivot</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides</p> <p>- Giao bài tập cho sinh viên thực hành</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép, theo dõi các thao tác thực hành trên excel;</p> <p>- Thực hiện làm các bài</p>	Bài tập thực hiện trên excel;	CLO1, CLO2, CLO6, CLO7, CLO9, CLO16, CLO17, CLO20, CLO22

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	Table c.Thay đổi phương thức thống kê	trên excel	tập gv giao trên excel		
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	Ôn tập và củng cố lại lý thuyết, nội dung chính của toàn môn học Công bố điểm thành phần	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Công bố điểm thành phần 30%	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trong tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Không đánh giá	Từ CLO1 đến CLO22

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình:

- Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi lên lớp.
- Có sự tương tác lớp học: phát biểu, thảo luận, làm bài tập được giao trên lớp
- Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.
- Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.
- Trọng số 25% điểm kiểm tra giữa kỳ được đánh giá thông qua hình thức thuyết trình. Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 4.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ:

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

- Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.
- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.4. Quy định nội quy lớp học

- Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.
- Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.
- Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.
- Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; nghiên cứu và tìm tòi thêm các kiến thức có liên quan; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.
- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ/email liên hệ: kimtuyen10102010@gmail.com

Đồng Nai, ngày 05 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA



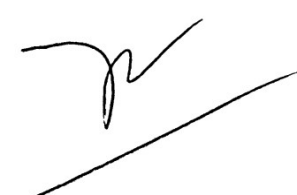
ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Lê Thị Kim Tuyền

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGHIỆP VỤ NGOẠI THƯƠNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số..... ngày ... tháng ... năm
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai))*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: **NGHIỆP VỤ NGOẠI THƯƠNG**
- Tên học phần Tiếng Anh: **FOREIGN TRADE OPERATION**
- Mã học phần: 2112312
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: Quản Trị Kinh Doanh
- Số tín chỉ: 03

Tổng số giờ	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	30 giờ	0	00	90 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 2
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - + Học phần trước: Kinh tế vĩ mô
 - + Học phần song hành (nếu có): không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1 Mục tiêu chung:

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng gắn liền với thực tế về nghiệp vụ ngoại thương. Hiểu rõ và vận dụng hiệu quả các hình thức giao dịch quốc tế, thanh toán và tín dụng quốc tế, Incoterms, nắm vững phương thức đàm phán và soạn thảo

các điều khoản chính yếu trong hợp đồng ngoại thương.

Hướng dẫn sinh viên kết hợp và vận dụng những kiến thức cơ bản với các vấn đề thực tế để giải quyết các tình huống cụ thể (thông qua thảo luận tình huống theo nhóm, trình bày và bảo vệ quan điểm trước lớp, các bài tập).

Sau khóa học sinh viên có thể thực hiện được những nghiệp vụ ngoại thương khi làm việc ở những cơ quan, đơn vị có hoạt động xuất - nhập khẩu, kinh doanh quốc tế, chuyển giao công nghệ. Đồng thời chọn lựa các điều kiện Incoterm phù hợp cho từng thương vụ để tham gia mậu dịch quốc tế hiệu quả cũng như giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp.

2.2 Mục tiêu cụ thể (Course Object – Viết tắt là CO):

- Về kiến thức:

CO1: Liệt kê và mô tả tổng quan về nghiệp vụ ngoại thương; các hình thức giao dịch quốc tế; phương thức thanh toán và tín dụng quốc tế.

CO2: Hiểu rõ và có thể vận dụng hiệu quả các điều kiện Incoterm. Nắm vững phương thức đàm phán và soạn thảo các điều khoản chính yếu trong hợp đồng ngoại thương.

- Về kỹ năng:

CO3: Giúp người học nâng cao và hoàn thiện kỹ năng phân tích; kỹ năng tổ chức; kỹ năng ra quyết định, phối kết hợp các mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO 4: Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên và thảo luận nhóm trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có thái độ nghiêm túc, cẩn thận và chính xác trong luyện tập, có ý thức tự học và tự nghiên cứu tài liệu.

CO 5: Có nhận thức khoa học về hoạt động kinh doanh thương mại quốc tế, người học phải biết phối hợp lý luận và thực tế phát sinh để đem lại hiệu quả kinh doanh cao nhất và giảm thiểu rủi ro cho tổ chức.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Nghiệp vụ ngoại thương là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh và đây là kiến thức chuyên ngành của ngành quản trị kinh doanh.

Môn Nghiệp vụ ngoại thương trước hết trang bị cho sinh viên các kiến thức về lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu: phương thức thương mại quốc tế, thanh toán và tín dụng quốc tế, những điều kiện thương mại thế giới, chuyển giao công nghệ và gia công quốc tế. Tiếp theo, môn học còn giúp sinh viên nắm vững các kỹ năng về giao dịch, đàm phán, soạn thảo, ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu ở các doanh nghiệp có hoạt động thương mại với nước ngoài.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>

Chuẩn về kiến thức		
CLO 1	Trình bày và giải thích được những nội dung cơ bản: khái niệm, vị trí và vai trò cũng như bản chất, chức năng và nhiệm vụ của ngoại thương của nghiệp vụ ngoại thương.	3.5
CLO 2	Phân tích và đánh giá được hiệu quả của hoạt động thương mại quốc tế định hình chính sách ngoại thương của doanh nghiệp và phát triển công tác kinh doanh xuất nhập khẩu của quốc gia	4.0
CLO 3	Hiểu rõ và nhớ được những khái niệm, đặc điểm của các hình thức giao dịch quốc tế: buôn bán đối lưu, tái xuất khẩu, xuất nhập khẩu tại chỗ, giao dịch trung gian, giao dịch trực tiếp hay còn gọi là xuất nhập khẩu trực tiếp	3.0
CLO 4	Phân tích được các đặc điểm của hình thức giao dịch quốc tế, khắc phục được khó khăn cũng như phát huy thuận lợi để tiến hành kinh doanh phù hợp với các phương thức kinh doanh trong ngoại thương.	3.5
CLO 5	Hiểu rõ và nắm vững được các phương thức thanh toán trong thanh toán quốc tế: trả tiền mặt, ghi sổ, thanh toán đối lưu, giao chứng từ trả tiền, chuyển tiền, nhờ thu, tín dụng chứng từ, ủy thác mua hàng, tradecard.	3.5
CLO 6	Phân tích và đánh giá các phương thức thanh toán trong mua bán hàng hóa xuất nhập khẩu đáp ứng nhu cầu và đem lại hiệu quả cho đơn vị.	4.0
CLO 7	Hiểu rõ và phân biệt được các chứng từ thương mại quốc tế thường được sử dụng.	3.0
CLO 8	Phân tích và nhận định thực hành dựa trên chứng từ thương mại quốc tế giả định thực tế.	3.5
CLO 9	Định nghĩa và mô tả được khái niệm, mục đích, vai trò và lịch sử hình thành và phát triển của Incoterms. Nhận biết và nắm vững những nội dung cơ bản của Incoterms 2010, những lưu ý cần thiết khi sử dụng khi thực hiện đàm phán, kí kết hoạt động ngoại thương khi sử dụng Incoterms 2010.	3.0
CLO 10	Hiểu rõ và áp dụng khái niệm, đặc điểm và phân loại hợp đồng chuyển giao công nghệ và hợp đồng gia công quốc tế.	3.0
CLO 11	Phân tích và vận dụng hiệu quả trong việc xây dựng và soạn thảo nội dung hợp đồng chuyển giao công nghệ và hợp đồng gia công quốc tế	3.5
CLO 12	Hiểu rõ và nhớ được khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc trong đàm phán ký kết hợp đồng ngoại thương. Vận dụng sáng tạo thực nghiệm các qui trình thực nghiệm trong đàm phán ký kết hợp đồng ngoại thương.	4.0
CLO 13	Hiểu rõ và nắm vững về tổ chức hợp đồng ngoại thương. Phân tích và nhận định được nội dung chủ yếu khi tổ chức thực hiện trong hợp đồng xuất nhập khẩu. Vận dụng lý thuyết hiệu quả để giải quyết các vấn đề liên quan và thực hiện hợp đồng ngoại thương.	4.0
Chuẩn về kỹ năng		
CLO 14	Nhận biết và nắm vững các kiến thức về kinh doanh xuất nhập khẩu, thanh toán quốc tế, điều kiện thương mại thế	3.0

	giới Incoterms, đàm phán kí kết, soạn thảo hợp đồng cũng như tổ chức thực hiện hợp đồng ngoại thương.	
CLO 15	Kỹ năng nghiên cứu, thử nghiệm và khám phá các phương thức thanh toán quốc tế.	3.5
CLO 16	Kỹ năng tư duy và hệ thống vận dụng hiệu quả những nội dung cơ bản của Incoterms 2000 và 2010.	3.0
CLO 17	Kỹ năng lập luận và phân tích trong việc thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ và gia công quốc tế	3.5
CLO 18	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm hiệu quả trong đàm phán và kí kết hợp đồng ngoại thương	3.5
CLO 19	Kỹ năng nhận thức, đánh giá ra quyết định các vấn đề liên quan đến đàm phán, soạn thảo và kí kết hợp đồng ngoại thương.	3.5
CLO 20	Kỹ năng tổ chức thực hiện các điều khoản của hợp đồng ngoại thương. Nhận thức được tầm quan trọng của hợp đồng ngoại thương giúp doanh nghiệp hoạt động hiệu quả trong kinh doanh xuất nhập khẩu, đồng thời giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp.	4.0
Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm		
CLO 21	Thực hiện ghi chép, chú thích, phản hồi tích cực trong quá trình nghe giảng.	4.0
CLO 22	Hình thành tác phong làm việc chuyên nghiệp, có khả năng thích ứng nhanh với sự đổi mới của doanh nghiệp và xã hội.	4.0

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	x	x	x				x	x	x								x	x
2	x	x	x														x	x
3							x	x	x								x	x
4	x	x	x														x	x
5	x	x	x														x	x
6							x	x	x								x	x
7	x	x	x														x	x
8	x	x	x				x	x	x								x	x
9	x	x	x				x	x	x									
10	x	x	x															
11	x	x	x				x	x	x									
12	x	x	x															

13	x	x	x				x	x	x									
14		x	x							x	x	x					x	x
15							x			x	x	x					x	x
16							x			x	x	x					x	x
17							x			x	x	x					x	x
18							x			x	x	x					x	x
19							x			x	x	x		x	x		x	x
20							x			x	x	x		x	x		x	x
21		x	x				x			x	x	x					x	x
22		x	x				x			x	x	x					x	x

5. Đánh giá học phần:

5.1 Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2 Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá quá trình	- Chuyên cần, phát biểu, xây dựng bài, thực hiện yêu cầu của giảng viên.	Thường xuyên	CLO 1 đến CLO 22	10%
	- Làm đủ bài tập cá nhân, bài tập nhóm (thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm) đúng hạn và đạt yêu cầu.	Thường xuyên	CLO 1 đến CLO 22	5%
	- Bài kiểm tra giữa kỳ theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm.	Kiểm tra giữa kỳ	CLO 1 đến CLO 22	25%
2. Đánh giá kết thúc	Kết thúc học phần: bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan	Thi cuối kỳ	CLO 1 đến CLO 22	60%
Tổng cộng				100%

5.3 Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

[1] PGS.TS. Tạ Lợi (Chủ biên), Trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân (2018), *Giáo trình Nghiệp vụ ngoại thương*, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân

Tài liệu tham khảo:

[1] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai, *Nghiệp vụ ngoại thương*, Lưu hành nội bộ.

[2] TS Đỗ Quốc Dũng (Chủ biên), *Nghiệp vụ ngoại thương*, NXB Tài chính, Năm 2015

[3] PGS.TS. Nguyễn Thị Hường, PGS.TS. Tạ Lợi *Giáo trình: Nghiệp vụ ngoại thương: Lý thuyết và thực hành tập 1*, NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân, Năm 2015

[4] PGS.TS. Nguyễn Thị Hường, PGS.TS. Tạ Lợi *Giáo trình: Nghiệp vụ ngoại thương: Lý thuyết và thực hành tập 2*, NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân, Năm 2015

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	Kiểm tra lại kiến thức về học phần tiên quyết. Giới thiệu học phần - Giới thiệu về học phần Nghiệp vụ ngoại thương. - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập Nêu mục tiêu môn học Chia nhóm sinh viên	-Đưa ra các ví dụ để kiểm tra lại kiến thức về học phần mà sinh viên đã được học - Nhấn mạnh nội dung mà sinh viên cần nhớ và học lại ở học phần tiên quyết. - Trình chiếu slide bài giảng để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học.	- Nhớ lại các kiến thức ở học phần trước. - Ghi nhớ mục tiêu, nội dung môn học - Ghi nhớ cách tìm tài liệu, nghiên cứu - Ghi nhớ cách thức đánh giá học phần	Không đánh giá	

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ NGHIỆP VỤ NGOẠI THƯƠNG</p> <p>Khái niệm ngoại thương Vị trí và vai trò của ngoại thương Vị trí của ngoại thương Vai trò của ngoại thương Bản chất chức năng và nhiệm vụ của ngoại thương Bản chất của ngoại thương Chức năng của ngoại thương Nhiệm vụ của ngoại thương Tác dụng của ngoại thương Đối tượng và nội dung của ngoại thương Hiệu quả của ngoại thương Khái niệm hiệu quả của ngoại thương Mục đích xác định hiệu quả của ngoại thương Phân loại hiệu quả ngoại thương Tiêu chuẩn và hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả ngoại thương</p>	<p>Thuyết trình, giảng giải và kết hợp trình chiếu slides. Phát vấn, đặt câu hỏi cho sinh viên. Mời sinh viên trả lời câu hỏi Nhận xét câu trả lời của sinh viên, đưa ra kết luận Đưa ra câu hỏi ôn tập Hướng dẫn sinh viên tham khảo thêm tài liệu phục vụ môn học</p>	<p>Lắng nghe ghi chép vào tài liệu học tập Quan sát, suy nghĩ, trả lời câu hỏi. Đặt câu hỏi để làm rõ vấn đề. Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. Làm các nhiệm vụ được giao về nhà</p>	<p>Câu hỏi ví dụ</p>	<p>CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 7 CLO 8 CLO 9 CLO 14 CLO 15 CLO 17</p>
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	<p>CHƯƠNG 2: CÁC PHƯƠNG THỨC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ THÔNG DỤNG</p> <p>2.1. Mua bán đối lưu (Counter – Trade) 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Mục đích 2.1.3. Đặc điểm của phương thức mua bán đối lưu 2.1.4. Các hình thức mua bán đối lưu chủ yếu</p>	<p>Thuyết trình, giảng giải và kết hợp trình chiếu slides. Trực quan hình vẽ minh họa Phát vấn, đặt câu hỏi cho sinh viên. Mời sinh viên trả lời câu hỏi Nhận xét câu trả lời của sinh viên, đưa ra kết luận</p>	<p>Lắng nghe ghi chép vào tài liệu học tập Sinh viên quan sát, đặt câu hỏi giải đáp các vấn đề Quan sát, suy nghĩ, trả lời câu hỏi. Đặt câu hỏi để làm rõ vấn đề. Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa</p>	<p>Câu hỏi ví dụ Bài tập tình huống</p>	<p>CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 7 CLO 8 CLO 9 CLO 10 CLO 11 CLO 12 CLO 14 CLO 15 CLO 17</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>2.1.5. Nguyên tắc cân bằng trong mua bán đối lưu</p> <p>2.1.6. Hợp đồng trong mua bán đối lưu</p> <p>2.2. Tái xuất khẩu</p> <p>2.2.1. Khái niệm</p> <p>2.2.2. Mục đích</p> <p>2.2.3. Đặc điểm tái xuất khẩu</p> <p>2.2.4. Hình thức tái xuất khẩu</p> <p>2.3. Xuất khẩu tại chỗ</p> <p>2.3.1. Khái niệm</p> <p>2.3.2. Đặc điểm</p> <p>2.4. Giao dịch qua trung gian (Agent)</p> <p>2.4.1. Khái niệm</p> <p>2.4.2. Phân loại</p> <p>2.4.3. Việc sử dụng đại lý và môi giới</p> <p>2.4.4. Ưu nhược điểm của hình thức giao dịch trung gian</p> <p>2.5. Giao dịch trực tiếp hay còn gọi là xuất nhập khẩu trực tiếp</p> <p>2.5.1. Khái niệm</p> <p>2.5.2. Đặc điểm của phương thức xuất, nhập khẩu trực tiếp</p> <p>2.5.3. Phân loại</p> <p>2.5.4. Cách thức tiến hành</p>	<p>Đưa ra câu hỏi ôn tập.</p> <p>Bài tập tình huống thực tế.</p> <p>Hướng dẫn sinh viên tham khảo thêm tài liệu phục vụ môn học</p>	<p>ra.</p> <p>Làm các nhiệm vụ được giao về nhà</p> <p>Thực hiện giải bài tập tình huống theo nhóm.</p>		
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	<p>CHƯƠNG 3: CÁC PHƯƠNG PHÁP THANH TOÁN QUỐC TẾ</p> <p>Phương thức trả tiền mặt</p> <p>Phương thức ghi sổ (Open Account)</p> <p>3.2.1. Định nghĩa</p> <p>3.2.2. Đặc điểm</p> <p>3.2.3. Phân loại</p> <p>3.2.4. Quy trình thanh toán</p> <p>3.3. Phương thức thanh toán đối lưu</p>	<p>Nhận báo cáo của nhóm được phân công bài tập tình huống.</p> <p>Nhận xét, đánh giá bài báo cáo của sinh viên.</p> <p>Thuyết trình, giảng giải và kết hợp trình chiếu slides.</p> <p>Trực quan hình vẽ minh họa</p> <p>Phát vấn, đặt câu hỏi cho sinh</p>	<p>Sinh viên lắng nghe quan sát, đặt câu hỏi góp ý cho bài báo cáo.</p> <p>Giải quyết vấn đề và rút kinh nghiệm cho bài báo cáo.</p> <p>Lắng nghe ghi chép vào tài liệu học tập</p> <p>Sinh viên quan sát, đặt câu hỏi giải đáp các vấn</p>	<p>Câu hỏi ví dụ</p> <p>Bài tập tình huống</p>	<p>CLO 1</p> <p>CLO 2</p> <p>CLO 3</p> <p>CLO 7</p> <p>CLO 8</p> <p>CLO 9</p> <p>CLO 14</p> <p>CLO 15</p> <p>CLO 17</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	3.3.1. Định nghĩa 3.3.2. Đặc điểm của phương thức thanh toán đối lưu 3.3.3. Phân loại 3.4. Phương thức giao chứng từ trả tiền (CAD Cash against document, hay COD: Cash on delivery) 3.4.1. Khái niệm 3.4.2. Đặc điểm 3.4.3. Quy trình thanh toán 3.5. Phương thức chuyển tiền (Remittance) 3.5.1. Định nghĩa 3.5.2. Các hình thức chuyển tiền 3.5.3. Các yêu cầu khi chuyển tiền	viên. Mời sinh viên trả lời câu hỏi Nhận xét câu trả lời của sinh viên, đưa ra kết luận Đưa ra câu hỏi ôn tập. Hướng dẫn sinh viên tham khảo thêm tài liệu phục vụ môn học	đề Quan sát, suy nghĩ, trả lời câu hỏi. Đặt câu hỏi để làm rõ vấn đề. Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. Làm các nhiệm vụ được giao về nhà		
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	CHƯƠNG 3: (TT) 3.6. Phương thức nhờ thu (Collection of payment) 3.6.1. Định nghĩa 3.6.2. Phân loại 3.6.3. Một số vấn đề cần lưu ý trong phương thức nhờ thu 3.7. Phương thức tín dụng chứng từ (Documentary Credit) 3.7.1. Khái niệm 3.7.2. Ưu điểm của phương thức thanh toán tín dụng chứng từ (thanh toán bằng L/C) 3.8. Phương thức ủy thác mua hàng (Authority to purchase – A/P) 3.9. Phương thức Tradecard 3.9.1. Khái quát chung về Tradecard 3.9.2. Quy trình thanh toán Tradecard	Thuyết trình, giảng giải và kết hợp trình chiếu slides. Trực quan hình vẽ minh họa Phát vấn, đặt câu hỏi cho sinh viên. Mời sinh viên trả lời câu hỏi Nhận xét câu trả lời của sinh viên, đưa ra kết luận Đưa ra câu hỏi ôn tập. Bài tập tình huống thực tế. Hướng dẫn sinh viên tham khảo thêm tài liệu phục vụ môn học	Lắng nghe ghi chép vào tài liệu học tập Sinh viên quan sát, đặt câu hỏi giải đáp các vấn đề Quan sát, suy nghĩ, trả lời câu hỏi. Đặt câu hỏi để làm rõ vấn đề. Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. Làm các nhiệm vụ được giao về nhà. Thực hiện giải bài tập tình huống theo nhóm đã phân chia	Câu hỏi ví dụ Bài tập tình huống	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 7 CLO 8 CLO 9 CLO 10 CLO 11 CLO 12 CLO 14 CLO 15 CLO 17

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	3.9.3. Ưu điểm của phương thức tradecard so với phương thức tin dụng chứng từ				
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	CHƯƠNG 4: CÁC CHỨNG TỪ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ THƯỜNG SỬ DỤNG 4.1. Khái niệm 4.2. Đặc điểm, tính chất 4.3. Phân loại 4.3.1. Chứng từ hàng hóa và có tính chất xác nhận hàng hóa 4.3.2. Chứng từ vận tải 4.4.3. Chứng từ bảo hiểm 4.4.4. Các chứng từ xuất trình theo yêu cầu làm thủ tục xuất nhập khẩu của hải quan 4.4.5. Chứng từ thanh toán	Nhận báo cáo của nhóm được phân công bài tập tình huống. Nhận xét, đánh giá bài báo cáo của sinh viên. Thuyết trình, giảng giải và kết hợp trình chiếu slides. Trục quan hình vẽ minh họa Phát vấn, đặt câu hỏi cho sinh viên. Mời sinh viên trả lời câu hỏi Nhận xét câu trả lời của sinh viên, đưa ra kết luận Đưa ra câu hỏi ôn tập. Hướng dẫn sinh viên tham khảo thêm tài liệu phục vụ môn học	Sinh viên lắng nghe quan sát, đặt câu hỏi góp ý cho bài báo cáo. Giải quyết vấn đề và rút kinh nghiệm cho bài báo cáo. Lắng nghe ghi chép vào tài liệu học tập Sinh viên quan sát, đặt câu hỏi giải đáp các vấn đề Quan sát, suy nghĩ, trả lời câu hỏi. Đặt câu hỏi để làm rõ vấn đề. Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. Làm các nhiệm vụ được giao về nhà	Câu hỏi ví dụ Bài tập tình huống	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 7 CLO 8 CLO 9 CLO 10 CLO 11 CLO 12 CLO 14 CLO 15 CLO 17
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	Ôn tập, củng cố lại lý thuyết và sửa các bài tập chương 2, chương 3, chương 4. Kiểm tra chương 2, chương 3, chương 4	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Sửa bài tập chương 2, chương 3, chương 4 và trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài kiểm tra thường xuyên 1. - Thực hiện ra đề kiểm tra giữa kỳ, mời sinh viên thực hiện	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. Sinh viên thực hiện bài kiểm tra định kỳ ra giấy, hết thời gian qui định nộp bài cho giảng viên.	Bài tập tình huống Bài kiểm tra TX1	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 15 CLO 16

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		ra giấy.			
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	CHƯƠNG 5: INCOTERMS - NHỮNG ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI THỂ GIỚI 5.1. Những vấn đề chung về Incoterms 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Mục đích 5.1.3. Phạm vi áp dụng của Incoterms 5.1.4. Vai trò của Incoterms 5.1.5. Lịch sử hình thành và phát triển Incoterms 5.2. Định nghĩa tóm tắt các thuật ngữ của Incoterms 5.2.1. Đặc điểm chung của Incoterms 2000 5.2.2. Đặc điểm chung của Incoterms 2010 5.2.3. Điểm khác nhau giữa Incoterms 2000 và Incoterms 2010	Nhận báo cáo của nhóm được phân công bài tập tình huống. Nhận xét, đánh giá bài báo cáo của sinh viên. Thuyết trình, giảng giải và kết hợp trình chiếu slides. Trực quan hình vẽ minh họa Phát vấn, đặt câu hỏi cho sinh viên. Mời sinh viên trả lời câu hỏi Nhận xét câu trả lời của sinh viên, đưa ra kết luận Đưa ra câu hỏi ôn tập. Hướng dẫn sinh viên tham khảo thêm tài liệu phục vụ môn học	Sinh viên lắng nghe quan sát, đặt câu hỏi góp ý cho bài báo cáo. Giải quyết vấn đề và rút kinh nghiệm cho bài báo cáo. Lắng nghe ghi chép vào tài liệu học tập Sinh viên quan sát, đặt câu hỏi giải đáp các vấn đề Quan sát, suy nghĩ, trả lời câu hỏi. Đặt câu hỏi để làm rõ vấn đề. Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. Làm các nhiệm vụ được giao về nhà	Câu hỏi ví dụ Bài tập tình huống	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 7 CLO 8 CLO 9 CLO 10 CLO 11 CLO 12 CLO 14 CLO 15 CLO 17
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	CHƯƠNG 5: (TT) 5.3. Những biến dạng của Incoterms 5.4. Lựa chọn Incoterms 5.5. Một số lưu ý khi sử dụng Incoterms	Thuyết trình, giảng giải và kết hợp trình chiếu slides. Trực quan hình vẽ minh họa Phát vấn, đặt câu hỏi cho sinh viên. Mời sinh viên trả lời câu hỏi Nhận xét câu trả lời của sinh viên, đưa ra kết luận Đưa ra câu hỏi ôn tập. Bài tập tình huống thực tế.	Lắng nghe ghi chép vào tài liệu học tập Sinh viên quan sát, đặt câu hỏi giải đáp các vấn đề Quan sát, suy nghĩ, trả lời câu hỏi. Đặt câu hỏi để làm rõ vấn đề. Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. Làm các nhiệm vụ được giao về nhà	Câu hỏi ví dụ Bài tập tình huống	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 7 CLO 8 CLO 9 CLO 10 CLO 11 CLO 12 CLO 14 CLO 15 CLO 17

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		Hướng dẫn sinh viên tham khảo thêm tài liệu phục vụ môn học	Thực hiện giải bài tập tình huống theo nhóm đã phân chia		
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	<p>CHƯƠNG 6: HỢP ĐỒNG CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ HỢP ĐỒNG GIA CÔNG QUỐC TẾ</p> <p>6.1. Hợp đồng chuyên giao công nghệ</p> <p>6.1.1. Khái niệm về hợp đồng công nghệ,</p> <p>6.1.2. Đặc điểm</p> <p>6.1.3. Phân loại hợp đồng chuyên giao công nghệ</p> <p>6.1.4. Cơ sở pháp lý của hợp đồng chuyên giao công nghệ</p> <p>6.1.5. Đăng ký hợp đồng chuyên giao công nghệ</p> <p>6.1.6. Hình thức và nội dung hợp đồng chuyên giao công nghệ</p> <p>6.1.7. Một số lưu ý khi soạn thảo và kí kết hợp đồng chuyên giao công nghệ</p> <p>6.2. Hợp đồng gia công quốc tế</p> <p>6.2.1. Khái niệm</p> <p>6.2.2. Đặc điểm</p> <p>6.2.3. Lợi ích của gia công quốc tế</p> <p>6.2.4. Phân loại gia công quốc tế</p> <p>6.2.5. Cơ sở pháp lý của hợp đồng gia công quốc tế</p> <p>6.2.6. Hình thức và nội dung hợp đồng gia công quốc tế</p> <p>6.2.7. Thanh khoản, thanh lý hợp đồng gia công quốc tế</p> <p>6.2.8. Các vấn đề cần</p>	<p>Nhận báo cáo của nhóm được phân công bài tập tình huống. Nhận xét, đánh giá bài báo cáo của sinh viên.</p> <p>Thuyết trình, giảng giải và kết hợp trình chiếu slides.</p> <p>Trực quan hình vẽ minh họa</p> <p>Phát vấn, đặt câu hỏi cho sinh viên.</p> <p>Mời sinh viên trả lời câu hỏi</p> <p>Nhận xét câu trả lời của sinh viên, đưa ra kết luận</p> <p>Đưa ra câu hỏi ôn tập.</p> <p>Bài tập tình huống thực tế.</p> <p>Hướng dẫn sinh viên tham khảo thêm tài liệu phục vụ môn học</p>	<p>Sinh viên lắng nghe quan sát, đặt câu hỏi góp ý cho bài báo cáo.</p> <p>Giải quyết vấn đề và rút kinh nghiệm cho bài báo cáo.</p> <p>Lắng nghe ghi chép vào tài liệu học tập</p> <p>Sinh viên quan sát, đặt câu hỏi giải đáp các vấn đề</p> <p>Quan sát, suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</p> <p>Đặt câu hỏi để làm rõ vấn đề.</p> <p>Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.</p> <p>Làm các nhiệm vụ được giao về nhà</p> <p>Thực hiện giải bài tập tình huống theo nhóm đã phân chia</p>	<p>Câu hỏi ví dụ</p> <p>Bài tập tình huống</p>	<p>CLO 1</p> <p>CLO 2</p> <p>CLO 3</p> <p>CLO 7</p> <p>CLO 8</p> <p>CLO 9</p> <p>CLO 10</p> <p>CLO 11</p> <p>CLO 12</p> <p>CLO 14</p> <p>CLO 15</p> <p>CLO 17</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	lưu ý khi ký kết hợp đồng gia công quốc tế				
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	Ôn tập, củng cố lại lý thuyết và sửa các bài tập chương 5, chương 6	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Sửa bài tập chương 5, chương 6 và trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài kiểm tra thường xuyên 2. - Thực hiện ra đề kiểm tra giữa kỳ, mời sinh viên thực hiện ra giấy. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. Sinh viên thực hiện bài kiểm tra định kỳ ra giấy, hết thời gian qui định nộp bài cho giảng viên. 	Bài tập Bài kiểm tra TX2	CLO 5 CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 16
Tuần 11 Buổi 11 4 giờ	CHƯƠNG 7: ĐÀM PHÁN VÀ KÍ KẾT HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI 7.1. Những vấn đề chung về đàm phán hợp đồng ngoại thương 7.1.1. Khái niệm 7.1.2. Mục đích của đàm phán 7.1.3. Tính chất của đàm phán 7.1.4. Đặc điểm của đàm phán 7.4.5. Yêu cầu của đàm phán 7.1.6. Các nguyên tắc cơ bản trong đàm phán ngoại thương	<ul style="list-style-type: none"> Nhận báo cáo của nhóm được phân công bài tập tình huống. Nhận xét, đánh giá bài báo cáo của sinh viên. Thuyết trình, giảng giải và kết hợp trình chiếu slides. Trực quan hình vẽ minh họa Phát vấn, đặt câu hỏi cho sinh viên. Mời sinh viên trả lời câu hỏi Nhận xét câu trả lời của sinh viên, đưa ra kết luận Đưa ra câu hỏi ôn tập. Bài tập tình huống thực tế. Hướng dẫn sinh viên tham khảo thêm tài liệu phục vụ môn 	<ul style="list-style-type: none"> Sinh viên lắng nghe quan sát, đặt câu hỏi góp ý cho bài báo cáo. Giải quyết vấn đề và rút kinh nghiệm cho bài báo cáo. Lắng nghe ghi chép vào tài liệu học tập Sinh viên quan sát, đặt câu hỏi giải đáp các vấn đề Quan sát, suy nghĩ, trả lời câu hỏi. Đặt câu hỏi để làm rõ vấn đề. Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. Làm các nhiệm vụ được giao về nhà Thực hiện giải bài tập tình 	Câu hỏi ví dụ Bài tập tình huống	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 7 CLO 8 CLO 9 CLO 10 CLO 11 CLO 12 CLO 14 CLO 15 CLO 17

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		học	hướng theo nhóm đã phân chia		
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ	<p>CHƯƠNG 8: HỢP ĐỒNG NGOẠI THƯƠNG, TỔ CHỨC THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG NGOẠI THƯƠNG</p> <p>8.1. Những vấn đề cơ bản của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế</p> <p>8.1.1. Khái niệm</p> <p>8.1.2. Đặc điểm</p> <p>8.1.3. Yêu cầu</p> <p>8.1.4. Phân loại hợp đồng mua bán quốc tế</p> <p>8.1.5. Cơ sở pháp lý của hợp đồng mua bán quốc tế</p> <p>8.2. Hình thức và nội dung của hợp đồng mua bán quốc tế</p> <p>8.2.1. Hình thức của hợp đồng mua bán quốc tế</p> <p>8.2.2. Nội dung của hợp đồng mua bán quốc tế</p> <p>8.3. Một số lưu ý khi soạn thảo, ký kết hợp đồng mua bán quốc tế</p>	<p>Nhận báo cáo của nhóm được phân công bài tập tình huống. Nhận xét, đánh giá bài báo cáo của sinh viên.</p> <p>Thuyết trình, giảng giải và kết hợp trình chiếu slides.</p> <p>Trực quan hình vẽ minh họa</p> <p>Phát vấn, đặt câu hỏi cho sinh viên.</p> <p>Mời sinh viên trả lời câu hỏi</p> <p>Nhận xét câu trả lời của sinh viên, đưa ra kết luận</p> <p>Đưa ra câu hỏi ôn tập.</p> <p>Bài tập tình huống thực tế.</p> <p>Hướng dẫn sinh viên tham khảo thêm tài liệu phục vụ môn học</p>	<p>Sinh viên lắng nghe quan sát, đặt câu hỏi góp ý cho bài báo cáo.</p> <p>Giải quyết vấn đề và rút kinh nghiệm cho bài báo cáo.</p> <p>Lắng nghe ghi chép vào tài liệu học tập</p> <p>Sinh viên quan sát, đặt câu hỏi giải đáp các vấn đề</p> <p>Quan sát, suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</p> <p>Đặt câu hỏi để làm rõ vấn đề.</p> <p>Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.</p> <p>Làm các nhiệm vụ được giao về nhà</p> <p>Thực hiện giải bài tập tình huống theo nhóm đã phân chia</p>	<p>Câu hỏi ví dụ</p> <p>Bài tập tình huống</p>	<p>CLO 1</p> <p>CLO 2</p> <p>CLO 3</p> <p>CLO 7</p> <p>CLO 8</p> <p>CLO 9</p> <p>CLO 10</p> <p>CLO 11</p> <p>CLO 12</p> <p>CLO 14</p> <p>CLO 15</p> <p>CLO 17</p>
Tuần 13 Buổi 13 4 giờ	<p>CHƯƠNG 8: (TT)</p> <p>8.2. Tổ chức thực hiện hợp đồng xuất khẩu</p> <p>8.2.1. Làm thủ tục xin phép xuất khẩu theo quy định của nhà nước</p> <p>8.2.2. Chuẩn bị bước đầu thanh toán</p> <p>8.2.3. Chuẩn bị hàng hóa để xuất khẩu</p> <p>8.2.4. Kiểm tra hàng xuất khẩu</p> <p>8.2.5. Thuê phương tiện</p>	<p>Thuyết trình, giảng giải và kết hợp trình chiếu slides.</p> <p>Trực quan hình vẽ minh họa</p> <p>Phát vấn, đặt câu hỏi cho sinh viên.</p> <p>Mời sinh viên trả lời câu hỏi</p> <p>Nhận xét câu trả lời của sinh</p>	<p>Lắng nghe ghi chép vào tài liệu học tập</p> <p>Sinh viên quan sát, đặt câu hỏi giải đáp các vấn đề</p> <p>Quan sát, suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</p> <p>Đặt câu hỏi để làm rõ vấn đề.</p> <p>Tham gia các</p>	<p>Câu hỏi ví dụ</p> <p>Bài tập tình huống</p>	<p>CLO 1</p> <p>CLO 2</p> <p>CLO 3</p> <p>CLO 7</p> <p>CLO 8</p> <p>CLO 9</p> <p>CLO 10</p> <p>CLO 11</p> <p>CLO 12</p> <p>CLO 14</p> <p>CLO 15</p> <p>CLO 17</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	vận chuyên 8.2.6. Mua bảo hiểm 8.2.7. Làm thủ tục hải quan 8.2.8. Giao hàng xuất khẩu 8.2.9. Thanh toán 8.2.10. Khiếu nại 8.2.11. Thanh lý hợp đồng 8.3. Tổ chức thực hiện hợp đồng nhập khẩu 8.2.1. Làm thủ tục nhập khẩu theo quy định của nhà nước 8.2.2. Chuẩn bị bước đầu khâu thanh toán 8.2.3. Thuê phương tiện vận tải 8.2.4. Mua bảo hiểm 8.2.5. Làm thủ tục hải quan 8.2.6. Kiểm tra hàng hóa nhập khẩu 8.2.7. Nhận hàng nhập khẩu 8.2.8. Thanh toán 8.2.9. Khiếu nại 8.2.10. Thanh lý hợp đồng	viên, đưa ra kết luận Đưa ra câu hỏi ôn tập. Bài tập tình huống thực tế. Hướng dẫn sinh viên tham khảo thêm tài liệu phục vụ môn học	hoạt động do giảng viên đưa ra. Làm các nhiệm vụ được giao về nhà Thực hiện giải bài tập tình huống theo nhóm đã phân chia		
Tuần 14 Buổi 14 4 giờ	Ôn tập, củng cố lại lý thuyết và sửa các bài tập chương 7 và chương 8	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Sửa bài tập chương 7, chương 8 và trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài kiểm tra thường xuyên 3. - Thực hiện ra đề kiểm tra giữa kỳ, mời sinh viên thực hiện ra giấy. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. Sinh viên thực hiện bài kiểm tra định kỳ ra giấy, hết thời gian qui định nộp bài cho giảng viên. 	Bài tập Bài kiểm tra TX3	CLO 9 CLO 10 CLO 11 CLO 12 CLO 15 CLO 16
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết, nội dung trọng tâm của môn học.	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm	Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt	Không đánh giá	CLO 1 CLO 2 CLO 3

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	- Ôn tập câu hỏi ôn thi kết thúc môn. - Công bố điểm thành phần.	- Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Công bố điểm thành phần 30%	các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra		CLO 7 CLO 8 CLO 9 CLO 17

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá quá trình

- Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 8.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

- Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

- Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

- Đi học đầy đủ, đúng thời gian qui định của nhà trường; Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

- Yêu cầu trong giờ học tại lớp: không được nói chuyện và làm việc riêng, không sử dụng điện thoại cá nhân và các thiết bị điện tử trừ khi giảng viên cho phép tra cứu tư liệu, thông tin để phục vụ cho học tập, nghiên cứu; Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo qui định của giảng viên khi đến lớp;

- Trước khi đến lớp, yêu cầu sinh viên tự đọc, nghiên cứu các bài tập, tài liệu tại nhà theo sự hướng dẫn giảng viên nhằm trao đổi, phản biện, góp ý, hợp tác, thảo luận các nội

dung theo yêu cầu của giảng viên;

- Tinh thần, thái độ tôn trọng, nghiêm túc, trách nhiệm, tính kỷ luật, cầu thị trong học tập, làm việc với giảng viên và các bạn trong ngoài lớp;

- Kiểm soát tốt cảm xúc cá nhân khi tranh luận, phản biện, bác bỏ, chia sẻ, góp ý, thảo luận, trao đổi các vấn đề tại lớp, trong nhóm;

- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/ Bộ môn Quản trị kinh doanh

- Địa chỉ/email liên hệ: phamthithuytrang@dnpu.edu.vn

Đồng Nai, ngày 10 tháng 01 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

**TRƯỞNG BỘ
MÔN**



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Phạm Thị Thùy Trang

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ
- Tên học phần Tiếng Anh: MANAGEMENT ACCOUNTING 1
- Mã học phần: 2112313
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh (QTKD)**
- Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	30 giờ		15 giờ	75 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 3
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - + Học phần trước: Nguyên lý kế toán
 - + Học phần song hành: không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần: sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Trang bị cho sinh viên ngành QTKD những kiến thức cơ bản của kế toán quản trị. Trọng tâm của học phần này thể hiện ở khía cạnh sử dụng thông tin kế toán cho các quyết định quản trị. Sau khi nghiên cứu và học tập học phần này, sinh viên có khả năng thu thập, phân tích, và cung cấp thông tin kế toán để hỗ trợ cho quá trình quản lý hoạt động của tổ chức, bao gồm việc lập kế hoạch, điều hành, kiểm soát, và ra quyết định của các nhà quản trị nội bộ doanh nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object-Viết tắt là CO):

- Về kiến thức:

CO1: Giúp sinh viên có khả năng khái quát và hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về công tác kế toán quản trị trong doanh nghiệp.

CO2: Có kiến thức cơ bản thực hiện công tác của một kế toán viên kế toán quản trị, trong việc thu thập, phân tích và cung cấp những thông tin cả tài chính và phi tài chính nhằm giúp nhà quản trị thực hiện tốt các chức năng quản lý trong doanh nghiệp.

- Về kỹ năng:

CO3: Giúp người học phát triển kỹ năng nhận thức, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết thuộc lĩnh vực kế toán quản trị để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp.

CO4: Đào tạo năng lực làm việc độc lập và theo nhóm; biết cách tổ chức, lãnh đạo và điều hành các hoạt động liên quan đến kế toán quản trị trong doanh nghiệp.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO5: Giúp người học xây dựng ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

CO6: Có năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3. Mô tả vấn đề nội dung của học phần:

Kế toán quản trị là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức chuyên ngành QTKD, học phần này giúp cho người học hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản về kế toán quản trị trong doanh nghiệp gắn liền với các chức năng cơ bản của nhà quản trị. Qua học phần này sẽ giúp giải thích sự cần thiết của kế toán quản trị trong một doanh nghiệp; hướng dẫn các cách phân loại chi phí; phân tích được mối quan hệ giữa chi phí, khối lượng, lợi nhuận; mô tả quá trình lập dự toán ngân sách và sử dụng dự toán ngân sách để hoạch định và kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp; phân tích biến động chi phí;

Trên cơ sở đó, người học có thể nắm bắt các vấn đề về thực trạng, đặc biệt là thực trạng tài chính của doanh nghiệp; qua đó phục vụ công tác quản trị nội bộ và ra quyết định quản trị điều hành doanh nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course learning outcomes-Viết tắt là CLOs):

Mã số CĐR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	Hiểu được nguồn gốc hình thành và vai trò của kế toán quản trị trong doanh nghiệp.	3.0
CLO2	Hiểu được việc phân loại chi phí theo các tiêu thức khác nhau phù hợp với từng mục đích sử dụng.	3.0
CLO3	Nhớ được các khái niệm, các công thức tính toán liên quan đến chi phí, khối lượng và lợi nhuận.	2.0

CLO4	Phân tích được mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng và lợi nhuận nhằm giúp nhà quản trị doanh nghiệp xác định được tính hiệu quả của từng phương án sản xuất kinh doanh.	4.0
CLO5	Giải thích được các phương pháp lập dự toán ngân sách phục vụ cho quá trình ra quyết định của nhà quản trị liên quan đến các kế hoạch sản xuất kinh doanh.	3.0
CLO6	Hiểu được các khái niệm và các vấn đề liên quan đến định mức chi phí, tính toán các biến động liên quan đến định mức chi phí.	3.0
CLO7	Vận dụng phân loại được các khoản chi phí trong và ngoài sản xuất theo các tiêu thức khác nhau.	3.5
CLO8	Áp dụng trong việc xây dựng các mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng và lợi nhuận thông qua các tình huống cụ thể.	3.5
CLO9	Đề xuất lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh tối ưu thông qua việc đo lường hiệu quả của từng phương án được đặt ra.	4.5
CLO10	Thiết kế được báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo yêu cầu của nhà quản trị.	5.0
CLO11	Thiết kế kế hoạch về dự toán ngân sách phục vụ cho quá trình ra quyết định của nhà quản trị.	4.5
CLO12	Hiểu được các biến động liên quan đến định mức chi phí.	3.0
Chuẩn về kỹ năng		
CLO13	Kỹ năng phân biệt chi phí theo các tiêu thức khác nhau phù hợp với từng mục đích sử dụng.	3.5
CLO14	Kỹ năng tổ chức làm việc nhóm hiệu quả trong xây dựng mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng và lợi nhuận.	4.5
CLO15	Kỹ năng nhận định tình huống của từng phương án sản xuất kinh doanh.	4.0

CLO16	Kỹ năng đánh giá và đề xuất giải pháp về biến động liên quan đến định mức chi phí.	4.0
CLO17	Có khả năng vận dụng lập dự toán ngân sách phục vụ cho quá trình ra quyết định của nhà quản trị.	3.5
CLO18	Có khả năng vận dụng lập báo cáo Kết quả kinh doanh theo hai phương pháp toàn bộ và trực tiếp.	3.5
Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm		
CLO19	Liên hệ đến ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp cho người làm công tác kế toán quản trị.	4.0
CLO20	Vận dụng năng lực hợp tác, phong cách làm việc chuyên nghiệp trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.	3.5

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLO _s \ CLO _s	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	1			x	x	x												
2			x	x	x													
3			x	x	x													
4			x	x	x	x									x			
5			x	x	x	x									x			
6			x	x		x												
7			x	x		x												
8			x	x	x	x									x			
9			x	x	x	x									x			
10			x	x	x	x									x			
11			x	x	x	x									x			
12			x	x		x												

13											X						X	X	X
14									X		X						X	X	X
15											X						X	X	X
16											X						X	X	X
17											X						X	X	X
18											X						X	X	X
19			X			X	X				X						X	X	X
20			X			X	X				X						X	X	X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá quá trình	- Chuyên cần; phát biểu, xây dựng bài; thực hiện yêu cầu của giảng viên.	Thường xuyên	CLO1 đến CLO20	10%
	- Làm đủ bài tập cá nhân, bài tập nhóm (thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm) đúng hạn và đạt yêu cầu.	Thường xuyên	CLO1 đến CLO20	5%
	- Bài kiểm tra giữa kỳ theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm.	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1 đến CLO20	25%
2. Đánh giá kết thúc	Kết thúc học phần: bài kiểm tra trắc	Thi cuối kỳ	CLO1 đến CLO20	60%

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
	nghiệm khách quan			
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá kết thúc).

6. Học liệu:

- Tài liệu bắt buộc:

- [1] Ray H. Garrison, Eric W. Noreen, Peter C. Brewer (2012). *Managerial Accounting (14th Edition)*. The McGraw-Hill Companies, Inc.
- [2] PGS.TS.Nghiêm Văn Lợi và các tác giả (2020). *Kế toán quản trị (bản dịch Managerial Accounting)*. NXB Tài chính.
- [3] Tài liệu giảng dạy của giảng viên đứng lớp.

- Tài liệu tham khảo:

- [1] TS. Huỳnh Lợi, ThS.Đào Tất Thắng, TS.Lê Đình Trục – Trường Đại học Kinh tế TP. HCM (2020). *Kế toán quản trị*. NXB Tài chính.
- [2] PGS.TS Võ Văn Nhị và các thành viên (2019). *Kế toán quản trị áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam*. Nhà xuất bản Tài chính.
- [3] PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang – Trường Đại học kinh tế quốc dân (2014). *Giáo trình Kế toán quản trị*. NXB Đại học kinh tế quốc dân.
- [4] Tập thể tác giả Bộ môn Kế toán quản trị - Phân tích hoạt động kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh (2013). *Kế toán quản trị*. NXB. Kinh tế Tp.HCM.
- [5] Charles T. Horngren, Srikant M. Datar, George Foster (2006). *Cost Accounting: A Managerial Emphasis (Twelfth Edition)*; Prentice – Hall, Inc.
- [6] Belverd E. Needles, Henry R. Anderson, James C. Caldwell (1993); *Principles of Accounting (Fifth Edition)*; Houghton Mifflin Company.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	1. Nhắc lại một số lưu ý về học phần tiên quyết. 2. Giới thiệu học phần - Giới thiệu về học phần Kế toán quản trị	- Dẫn dò các điểm cần lưu ý ở học phần tiên quyết. - Hướng dẫn tổng quát nội	- Ghi nhớ mục tiêu, nội dung môn học. - Ghi nhớ cách tìm tài liệu, nghiên cứu.	Không đánh	

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập <p>3. Nêu mục tiêu môn học</p> <p>4. Chia nhóm sinh viên</p>	<ul style="list-style-type: none"> dung của từng chương. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập cho học phần. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhớ cách thức đánh giá học phần 	giá	
	<p>Chương 1 : Tổng Quan Về Kế Toán Quản Trị</p> <p>1.1. Khái niệm và bản chất của kế toán quản trị</p> <p>1.2. Mục tiêu kế toán quản trị</p> <p>1.3. Nội dung của kế toán quản trị doanh nghiệp</p> <p>1.4. Chức năng của nhà quản trị</p> <p>1.5. Vai trò của kế toán quản trị</p> <p>1.6. Phương pháp của kế toán quản trị</p> <p>1.7. Phân biệt kế toán quản trị với kế toán tài chính</p> <p>Bài tập chương 1</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides. - Đặt câu hỏi cho sinh viên. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập trắc nghiệm chương 1 thực hiện trên lớp. - Sửa bài tập chương 1. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ. <p>Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập trắc nghiệm chương 1. 	Bài tập	CLO1 CLO19 CLO20
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	<p>Chương 2: Phân Loại Chi Phí</p> <p>2.1. Khái niệm và đặc điểm chi phí</p> <p>2.1.1. Khái niệm</p> <p>2.1.2. Đặc điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides. - Đặt câu hỏi cho sinh viên. - Trả lời thắc mắc 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ. - Tham gia các hoạt động do 	Ví dụ Bài tập	CLO2 CLO7 CLO10 CLO13 CLO18

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>2.2. Phân loại chi phí</p> <p>2.2.1. Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động</p> <p>2.2.2. Phân loại chi phí theo kỳ kinh doanh</p> <p>2.2.3. Phân loại chi phí sử dụng trong kiểm tra và ra quyết định</p> <p>2.2.4. Phân loại chi phí theo cách ứng xử chi phí</p> <p>Bài tập chương 2</p>	<p>của sinh viên.</p> <p>- Hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các ví dụ minh họa.</p> <p>- Giao bài tập về nhà chương 2</p>	<p>giảng viên đưa ra.</p> <p>- Áp dụng công thức hoàn thành các ví dụ được giao.</p> <p>- Làm bài tập về nhà chương 2.</p>		<p>CLO19</p> <p>CLO20</p>
<p>Tuần 3 Buổi 3 4 giờ</p>	<p>Chương 2: Phân Loại Chi Phí (Tiếp)</p> <p>2.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</p> <p>2.3.1. Báo cáo KQHĐKD theo chức năng chi phí (lập theo phương pháp toàn bộ)</p> <p>2.3.2. Báo cáo KQHĐKD theo cách ứng xử của chi phí – số dư đảm phí (lập theo phương pháp trực tiếp)</p> <p>Bài tập chương 2</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides.</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên.</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các ví dụ minh họa.</p> <p>- Giao bài tập về nhà chương 2.</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ.</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Áp dụng công thức hoàn thành các ví dụ được giao.</p> <p>- Làm bài tập về nhà chương 2.</p>	<p>Ví dụ Bài tập</p>	<p>CLO2</p> <p>CLO7</p> <p>CLO10</p> <p>CLO13</p> <p>CLO18</p> <p>CLO19</p> <p>CLO20</p>
<p>Tuần 4 Buổi 4 4 giờ</p>	<p>Ôn tập, củng cố lại lý thuyết và sửa các bài tập chương 2.</p> <p>Kiểm tra chương 2</p>	<p>- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm.</p> <p>- Sửa bài tập chương 2 và trả lời thắc mắc của</p>	<p>- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu.</p> <p>- Tham gia các</p>	<p>Bài tập</p>	<p>CLO2</p> <p>CLO7</p> <p>CLO10</p> <p>CLO13</p> <p>CLO18</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		sinh viên. - Giao bài kiểm tra thường xuyên 1.	hoạt động do giảng viên đưa ra. - Làm bài kiểm tra thường xuyên 1.	Bài kiểm tra TX1	CLO19 CLO20
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	Chương 3: Phân Tích Mỗi Quan Hệ Chi Phí, Khối Lượng, Lợi Nhuận 3.1. Những khái niệm cơ bản 3.1.1. Số dư đảm phí 3.1.2. Tỷ lệ số dư đảm phí 3.1.3. Kết cấu chi phí 3.1.4. Đòn bẩy hoạt động 3.2. Một số ví dụ ứng dụng 3.2.1. Định phí và số lượng sản phẩm tiêu thụ thay đổi 3.2.2. Biến phí và số lượng sản phẩm tiêu thụ thay đổi 3.2.3. Định phí, giá bán và số lượng sản phẩm tiêu thụ thay đổi 3.2.4. Định phí, biến phí và số lượng sản phẩm tiêu thụ thay đổi 3.2.5. Định phí, biến phí, giá bán và số lượng sản phẩm tiêu thụ thay đổi 3.2.6. Xác định giá trong trường hợp đặc biệt Bài tập chương 3	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides. - Đặt câu hỏi cho sinh viên. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà chương 3	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Áp dụng công thức hoàn thành các ví dụ được giao. - Làm bài tập về nhà chương 3.	Ví dụ Bài tập	CLO3 CLO4 CLO8 CLO9 CLO14 CLO15 CLO19 CLO20

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	<p>Chương 3: Phân Tích Mỗi Quan Hệ Chi Phí, Khối Lượng, Lợi Nhuận (Tiếp)</p> <p>3.3. Phân tích điểm hoà vốn</p> <p>3.3.1. Điểm hòa vốn</p> <p>3.3.2. Cách tính điểm hoà vốn:</p> <p>3.3.3. Đồ thị hoà vốn</p> <p>3.3.4. Phân tích lợi nhuận mục tiêu</p> <p>3.3.5. Số dư an toàn</p> <p>3.4. Phân tích kết cấu hàng bán</p> <p>3.4.1. Khái niệm</p> <p>3.4.2. Kết cấu hàng bán và điểm hoà vốn</p> <p>3.5. Hạn chế của phân tích mối quan hệ C – V – P</p> <p>Bài tập chương 3</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides. - Đặt câu hỏi cho sinh viên. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà chương 3 - Giao bài kiểm tra thường xuyên 2 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Áp dụng công thức hoàn thành các ví dụ được giao. - Làm bài tập về nhà chương 3. - Làm bài kiểm tra thường xuyên 2 	Ví dụ Bài tập	CLO3 CLO4 CLO8 CLO9 CLO14 CLO15 CLO19 CLO20
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	<p>Ôn tập, củng cố lại lý thuyết</p> <p>Sửa bài kiểm tra chương 2, sửa bài tập chương 3.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Sửa bài kiểm tra chương 2, bài tập chương 3 và trả lời thắc mắc của sinh viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. 	Bài tập	CLO3 CLO4 CLO8 CLO9 CLO14 CLO15 CLO19 CLO20
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	<p>Kiểm tra giữa kỳ 1</p> <p>Chương 4: Dự Toán Ngân Sách</p> <p>4.1. Ý nghĩa của dự toán ngân</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giao bài kiểm tra giữa kỳ 1 - Thuyết giảng kết hợp trình 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài kiểm tra giữa kỳ 1 - Sinh viên lắng nghe, ghi 	Bài kiểm	CLO5 CLO11 CLO17

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	sách 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Các loại dự toán ngân sách 4.1.3. Mối quan hệ giữa các dự toán bộ phận 4.1.4. Mục đích của dự toán ngân sách 4.1.5. Lợi ích của dự toán ngân sách 4.2. Trách nhiệm và trình tự lập dự toán ngân sách 4.2.1. Trách nhiệm lập dự toán ngân sách 4.2.2. Trình tự lập dự toán ngân sách 4.3. Phương pháp lập dự toán ngân sách 4.3.1. Xây dựng định mức chi phí sản xuất 4.3.2. Dự toán tiêu thụ sản phẩm Bài tập chương 4	chiếu slides. - Đặt câu hỏi cho sinh viên. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức, thực hành bảng biểu dự toán giải các ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà chương 4	chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Áp dụng công thức, mẫu biểu dự toán để hoàn thành các ví dụ được giao. - Làm bài tập về nhà chương 4.	tra GK1 Ví dụ Bài tập	CLO19 CLO20
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	Chương 4: Dự Toán Ngân Sách 4.3. Phương pháp lập dự toán ngân sách: 4.3.3. Dự toán sản xuất 4.3.4. Dự toán chi phí NVL trực tiếp 4.3.5. Dự toán chi phí nhân công trực tiếp 4.3.6. Dự toán chi phí sản	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides. - Đặt câu hỏi cho sinh viên. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức, thực hành bảng biểu dự toán giải các	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Áp dụng công thức, mẫu biểu dự toán để	Ví dụ Bài tập	CLO5 CLO11 CLO17 CLO19 CLO20

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	xuất chung 4.3.7. Dự toán tồn kho thành phẩm cuối kỳ 4.3.8. Dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý DN 4.3.9. Dự toán tiền Bài tập chương 4	ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà chương 4. - Giao bài kiểm tra thường xuyên 3.	hoàn thành các ví dụ được giao. - Làm bài tập về nhà chương 4. - Làm bài kiểm tra thường xuyên 3.		
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	Chương 4: Dự Toán Ngân Sách 4.3. Phương pháp lập dự toán ngân sách: 4.3.10. Dự toán kết quả hoạt động kinh doanh 4.3.11. Dự toán bảng cân đối kế toán Bài tập chương 4	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides. - Đặt câu hỏi cho sinh viên. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức, thực hành bảng biểu dự toán giải các ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà chương 4	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Áp dụng công thức, mẫu biểu dự toán để hoàn thành các ví dụ được giao. - Làm bài tập về nhà chương 4.	Ví dụ Bài tập	CLO5 CLO11 CLO17 CLO19 CLO20
Tuần 11 Buổi 11 4 giờ	Ôn tập, sửa bài tập chương 4. Sửa bài kiểm tra thường xuyên 2,3; sửa bài kiểm tra giữa kỳ 1,	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Sửa bài kiểm tra thường xuyên,3; kiểm tra giữa kỳ và bài tập chương 4 và trả lời thắc mắc của sinh viên.	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Bài tập	CLO5 CLO11 CLO17 CLO19 CLO20

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		- Bốc thăm đề tài cho các nhóm và hướng dẫn thực hiện thuyết trình.	- Làm bài tập nhóm.		
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ	Thuyết trình các nhóm	- Lắng nghe sinh viên thuyết trình. Đặt câu hỏi cho sinh viên. - Giải đáp cho sinh viên và chấm điểm.	- Sinh viên thuyết trình kết hợp trình chiếu slides. - Trả lời câu hỏi của giảng viên, hỏi đáp nếu có.	Bài tập nhóm	CLO14 CLO19 CLO20
Tuần 13 Buổi 13 4 giờ	Chương 5: Phân Tích Biến Động Chi Phí 5.1. Chi phí định mức 5.2. Mô hình phân tích biến phí: 5.2.1. Mô hình chung 5.2.2. Phân tích các biến động của chi phí nguyên vật liệu trực tiếp 5.2.3. Phân tích các biến động của chi phí nguyên nhân công trực tiếp 5.3. Phân tích biến động của chi phí sản xuất chung 5.3.1. Dự toán linh hoạt 5.3.2. Phân tích biến động của biến phí sản xuất chung. 5.3.3. Phân tích biến động của định phí sản xuất chung. Bài tập chương 5	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides. - Đặt câu hỏi cho sinh viên. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức, thực hành bảng biểu dự toán giải các ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà chương 5	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Áp dụng công thức, mẫu biểu dự toán để hoàn thành các ví dụ được giao. - Làm bài tập về nhà chương 5.	Ví dụ Bài tập	CLO6 CLO12 CLO16 CLO19 CLO20
Tuần 14 Buổi		- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm.	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt		CLO6 CLO12

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
14 4 giờ	Ôn tập, sửa bài tập chương 5 Kiểm tra giữa kỳ 2	- Sửa bài tập chương 5 và trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài kiểm tra giữa kỳ 2	các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Làm bài kiểm tra giữa kỳ 2	Bài tập Bài kiểm tra GK2	CLO16 CLO19 CLO20
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết, nội dung chính của toàn môn học - Sửa bài kiểm tra giữa kỳ 2 - Ôn tập 1 số dạng bài tập - Công bố điểm thành phần	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Công bố điểm thành phần 40%	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trong tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Không đánh giá	CLO1- CLO20

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 5.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

– Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

– Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

- Đi học đầy đủ, đúng thời gian qui định của nhà trường;
- Yêu cầu trong giờ học tại lớp: không được nói chuyện và làm việc riêng, không sử dụng điện thoại cá nhân và các thiết bị điện tử trừ khi giảng viên cho phép tra cứu tư liệu, thông tin để phục vụ cho học tập, nghiên cứu;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo qui định của giảng viên khi đến lớp;
- Trước khi đến lớp, yêu cầu sinh viên tự đọc, nghiên cứu các bài tập, tài liệu tại nhà theo sự hướng dẫn giảng viên nhằm trao đổi, phản biện, góp ý, hợp tác, thảo luận các nội dung theo yêu cầu của giảng viên;
- Tinh thần, thái độ tôn trọng, nghiêm túc, trách nhiệm, tính kỷ luật, cầu thị trong học tập, làm việc với giảng viên và các bạn trong ngoài lớp;
- Kiểm soát tốt cảm xúc cá nhân khi tranh luận, phản biện, bác bỏ, chia sẻ, góp ý, thảo luận, trao đổi các vấn đề tại lớp, trong nhóm;
- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn QTKD
- Địa chỉ/email liên hệ: bichnguyenngoc@dnpu.edu.vn

Đồng Nai, ngày 05 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KHỞI NGHIỆP KINH DOANH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: KHỞI NGHIỆP KINH DOANH
- Tên học phần Tiếng Anh: START UP A BUSINESS
- Mã học phần: 2112314
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: **QTKD**
- Số tín chỉ: 02

Tổng số giờ	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
100 giờ	20 giờ	20 giờ	0	00	60 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 4
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không có
 - + Học phần trước: Quản trị nhân lực, Quản trị Marketing, Quản trị dự án, Quản trị tài chính.
 - + Học phần song hành (nếu có): không có

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Học phần Khởi sự kinh doanh được đặt trong mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với cả hệ thống các học phần trong khung chương trình đào tạo chuyên ngành quản trị kinh doanh tổng hợp. Học phần Khởi sự kinh doanh trang bị những kiến thức cần thiết, các kỹ năng rất cơ bản ở mảng công việc: sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh có kỹ năng cần thiết để sau khi ra trường có thể tự mình khởi sự kinh doanh ở một lĩnh vực cụ thể nào đó: tư duy khởi sự kinh doanh, phương thức, quy trình và chiến lược khởi sự kinh doanh, các điều kiện cần thiết để trở thành nghiệp chủ, hình thành đánh giá và lựa chọn ý tưởng kinh

doanh, lập kế hoạch kinh doanh, triển khai việc tạo lập doanh nghiệp, đảm bảo các nguồn lực cho doanh nghiệp mới, tài chính cho việc tạo lập doanh nghiệp mới, marketing ở doanh nghiệp mới, thiết lập các mối quan hệ trong kinh doanh, chiến lược phát triển doanh nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object-Viết tắt là CO):

Về kiến thức:

CO1: Kiến thức tổng quan về doanh nhân, khởi sự kinh doanh, các yếu tố ảnh hưởng đến khởi sự kinh doanh, phương thức, quy trình và các chiến lược khởi sự kinh doanh.

CO2: Nhận diện cơ hội và hình thành ý tưởng kinh doanh.

CO3: Nắm vững các phương pháp nghiên cứu thị trường, cụ thể hóa ý tưởng kinh doanh và đánh giá khả năng thực hiện.

CO4: Lập kế hoạch kinh doanh, triển khai việc thực hiện, các nguồn lực cần thiết cho doanh nghiệp mới và thực hiện hoạt động marketing cho doanh nghiệp mới.

CO5: Phát triển sự nghiệp kinh doanh: thiết lập các mối quan hệ kinh doanh, chiến lược phát triển doanh nghiệp và chiến lược thu hồi và rút lui.

CO6: Triết lý kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp.

Về kỹ năng:

CO7: Hình thành ý tưởng kinh doanh, đánh giá ý tưởng kinh doanh và lựa chọn ý tưởng khả thi, soạn thảo được một kế hoạch kinh doanh.

CO8: Vận dụng được các kiến thức liên quan để triển khai thực hiện trong bước đầu khởi nghiệp.

CO9: Phát triển kỹ năng đàm phán trong kinh doanh.

CO10: Giúp sinh viên phát triển được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình.

CO11: Phát triển kỹ năng phân tích và phản biện.

Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO12: Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập nhóm.

CO13: Giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của khởi nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

CO14: Tác động và thúc đẩy thái độ tích cực, tinh thần kinh doanh và lập nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần này nhằm giới thiệu các khái niệm về khởi nghiệp kinh doanh, hình thành ý tưởng kinh doanh, nghiên cứu thị trường, lập kế hoạch, triển khai thực hiện, phát triển kinh doanh, triết lý kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp. Vận dụng kiến thức của các môn

học Marketing, Quản trị dự án, Quản trị tài chính, Quản trị nguồn nhân lực, người học tiến hành xây dựng được một bản kế hoạch kinh doanh hoàn chỉnh.

Trên cơ sở của các lý thuyết về thị trường, phân tích phân khúc thị trường và thu thập thông tin thị trường, môn học cung cấp kiến thức lựa chọn mô hình tổ chức và quản trị doanh nghiệp phù hợp, cách thức thành lập một doanh nghiệp mới cũng như kết hợp các hoạt động về xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nghệ thuật lãnh đạo nhằm vận hành tất cả quá trình kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất. Ngoài ra môn học còn trình bày những cơ hội cũng như thách thức khi mở rộng quy mô kinh doanh cần phải đối phó với các tác động không những ở trong nước mà còn ở phạm vi toàn cầu. Những tình huống thực tiễn và việc vận dụng kiến thức quản trị doanh nghiệp để đưa ra giải pháp.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CDR (1)	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom) (2)	Trình độ năng lực (3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	Nắm rõ được kiến thức tổng quan về doanh nhân, khởi sự kinh doanh, các yếu tố ảnh hưởng đến khởi sự kinh doanh, phương thức, quy trình và các chiến lược khởi sự kinh doanh.	2
CLO2	Nhận biết được cơ hội kinh doanh và hình thành ý tưởng kinh doanh.	3,5
CLO3	Nắm rõ được các phương pháp nghiên cứu thị trường, cụ thể hóa ý tưởng kinh doanh và đánh giá khả năng thực hiện.	3,5
CLO4	Hiểu được phương thức lập kế hoạch kinh doanh, triển khai việc thực hiện, các nguồn lực cần thiết cho doanh nghiệp mới và thực hiện hoạt động marketing cho doanh nghiệp mới.	3,5
CLO5	Nắm rõ các hoạt động để phát triển sự nghiệp kinh doanh: thiết lập các mối quan hệ kinh doanh, chiến lược phát triển doanh nghiệp và chiến lược thu hồi và rút lui.	3,5
CLO6	Nắm rõ được các triết lý kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp và hoạt động đàm phán trong kinh doanh.	3,5
Chuẩn về kỹ năng		
CLO7	Hình thành ý tưởng, đánh giá ý tưởng, lựa chọn ý tưởng kinh doanh khả thi và soạn thảo được một kế hoạch kinh	4

	doanh.	
CLO8	Vận dụng được các kiến thức liên quan để triển khai thực hiện trong bước đầu khởi nghiệp.	4,5
CLO9	Phát triển kỹ năng đàm phán trong kinh doanh.	4.5
CLO10	Phát triển kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm	5
CLO11	Phát triển kỹ năng phân tích và phản biện	4,5

Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm

CLO12	Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập nhóm;	4,0
CLO13	Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của khởi nghiệp trong nền kinh tế thị trường, tác động và thúc đẩy thái độ tích cực, tinh thần kinh doanh và lập nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp.	4,5

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
1		x	x		x	x	x	x	x										
2		x	x		x	x	x	x	x	x									
3		x	x		x	x	x	x	x		x		x	x					
4		x	x		x	x	x	x	x			x		x					
5		x	x		x	x	x	x	x			x		x					
6		x	x		x	x	x	x	x						x	x			
7								x	x	x	x	x	x		x				
8								x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	
9								x				x	x		x	x			
10								x	x	x	x	x	x		x				
11										x		x	x						
12																		x	x
13		x	x		x	x	x											x	x

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá sự chuyên cần	- Tham dự lớp học - Tham gia các hoạt động học tập, làm việc nhóm	Đánh giá thường xuyên theo thang điểm ABCDF	CLO10 CLO12 CLO13	10%
2. Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra thường xuyên: TN1; TN2; TN3; TN4; TN5; TN6;	Trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6,	5%
	Thuyết trình nhóm	Chấm điểm thuyết trình nhóm. Đánh giá theo thang điểm 10.	Từ CLO1 đến CLO13	25%
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	Thi cuối kỳ hình thức thi trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO13	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

[1] PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền (2020), *Giáo trình Khởi sự Kinh doanh*, NXB ĐH KTQD.

[2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai, *Khởi sự kinh doanh*, Lưu hành nội bộ, 2021.

Tài liệu tham khảo:

[1] TS. Huỳnh Thanh Điền, *Quản trị công ty khởi nghiệp*, NXB Thế Giới.

[2] Donald F. Kuratko, *Khởi nghiệp kinh doanh – Lý thuyết, quá trình, thực tiễn*, NXB Hồng Đức

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	Giới thiệu môn học - Giới thiệu về học phần Khởi nghiệp kinh doanh. - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập - Chia nhóm sinh viên	- Trình chiếu slide bài giảng “ Giới thiệu môn học” để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học. - Phân nhóm mỗi nhóm có từ 5 sinh viên	- Ghi chép, đặt các câu hỏi về môn học để được hướng dẫn cụ thể. - Thực hiện chọn nhóm	Không đánh giá	
	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KHỞI NGHIỆP KINH DOANH 1.1 Khái niệm về khởi sự kinh doanh 1.2 Môi trường tác động đến yếu tố khởi sự kinh	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 1; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài trắc nghiệm TN1.	Thảo luận nhóm, Đánh giá quá trình TN1	CLO1 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	doanh 1.3 Phương thức, quy trình và chiến lược khởi sự kinh doanh 1.4 Doanh nhân	của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN1. - Giao đề tài thuyết trình cho các nhóm	- Các nhóm nhận đề tài thuyết trình, thảo luận, trao đổi ý kiến để làm rõ yêu cầu của bài thuyết trình.		
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	CHƯƠNG 2: NHẬN DIỆN CƠ HỘI VÀ SỰ HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG KINH DOANH 2.1 Nhận diện cơ hội kinh doanh và hình thành ý tưởng kinh doanh 2.2 Đánh giá và lựa chọn ý tưởng kinh doanh 2.3 Đánh giá bản thân và phát triển năng lực doanh nhân 2.4 Doanh nhân và trách nhiệm xã hội	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Yêu cầu sinh viên thực hiện thảo luận nhóm - Giao bài trắc nghiệm TN2.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Vận dụng liên hệ thực tiễn, hình thành ý tưởng cho bài thuyết trình nhóm. - Làm bài trắc nghiệm TN2.	Thảo luận nhóm, Đánh giá quá trình TN2	CLO2 CLO7 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	CHƯƠNG 3: NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG VÀ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG THỰC HIỆN 3.1 Các vấn đề cơ bản về nghiên cứu thị trường 3.2 Phân khúc và lựa chọn thị trường mục tiêu 3.3 Điều kiện và khả năng thực hiện hóa ý tưởng kinh doanh	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Yêu cầu sinh viên thực hiện thảo luận	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Vận dụng liên hệ thực tiễn, cụ thể hóa mục tiêu cho bài thuyết trình nhóm. - Làm bài trắc	Thảo luận nhóm, Đánh giá quá trình TN3	CLO3 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	3.4 Cụ thể hóa ý tưởng kinh doanh và thiết lập mục tiêu 3.5 Dự báo khả năng phát triển	nhóm - Giao bài trắc nghiệm TN3.	nhịệm TN3.		
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	CHƯƠNG 4: LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ TRIỂN KHAI VIỆC TẠO LẬP DOANH NGHIỆP 4.1 Lập kế hoạch kinh doanh 4.2 Triển khai việc tạo lập doanh nghiệp 4.3 Các nguồn lực cần thiết cho doanh nghiệp mới	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Yêu cầu sinh viên thực hiện thảo luận nhóm - Trả lời thắc mắc của sinh viên.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Vận dụng liên hệ thực tiễn, lập kế hoạch kinh doanh cho bài thuyết trình nhóm. - Vận dụng liên hệ thực tiễn.	Thảo luận nhóm	CLO4 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	CHƯƠNG 4: LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ TRIỂN KHAI VIỆC TẠO LẬP DOANH NGHIỆP (tt) 4.4 Tài chính cho việc tạo lập doanh nghiệp mới 4.5 Thực hiện hoạt động marketing cho doanh nghiệp mới	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Yêu cầu sinh viên thực hiện thảo luận nhóm - Giao bài trắc nghiệm TN4.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Vận dụng liên hệ thực tiễn cho bài thuyết trình nhóm. - Làm bài trắc nghiệm TN4.	Thảo luận nhóm Đánh giá quá trình TN4	CLO4 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13
Tuần 6	CHƯƠNG 5: PHÁT	- Thuyết giảng kết	- Sinh viên lắng	Thảo	CLO5

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Buổi 6 4 giờ	<p>TRIỂN SỰ NGHIỆP KINH DOANH</p> <p>5.1 Thiết lập các mối quan hệ trong quá trình kinh doanh</p> <p>5.2 Chiến lược phát triển doanh nghiệp</p>	<p>hợp trình chiếu slides nội dung chương 5;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Yêu cầu sinh viên thực hiện thảo luận nhóm - Trả lời thắc mắc của sinh viên. 	<p>nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Vận dụng liên hệ thực tiễn, lên ý tưởng cho bài thuyết trình nhóm. 	luận nhóm	CLO9 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	<p>CHƯƠNG 5: PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP KINH DOANH</p> <p>5.2 Chiến lược phát triển doanh nghiệp (tt)</p> <p>5.3 Chiến lược thu hồi và rút lui</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 6;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Yêu cầu sinh viên thực hiện thảo luận nhóm - Giao bài trắc nghiệm TN5. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Vận dụng liên hệ thực tiễn, hình thành ý tưởng cho bài thuyết trình nhóm. - Làm bài trắc nghiệm TN5. 	Thảo luận nhóm Đánh giá quá trình TN5	CLO5 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	<p>CHƯƠNG 6: TRIẾT LÝ KINH DOANH VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP</p> <p>6.1 Triết lý kinh doanh</p> <p>6.2 Văn hóa doanh nghiệp</p> <p>6.3 Kinh doanh và hội nhập kinh tế Quốc tế</p> <p>6.4 Đàm phán trong kinh doanh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 7; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Yêu cầu sinh viên thực hiện thảo luận nhóm - Giao bài trắc nghiệm TN6. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Vận dụng liên hệ thực tiễn, hình thành ý tưởng cho bài thuyết trình nhóm. - Làm bài trắc nghiệm TN6. 	<p>Thảo luận nhóm</p> <p>Đánh giá quá trình</p> <p>TN6</p>	<p>CLO6</p> <p>CLO9</p> <p>CLO10</p> <p>CLO11</p> <p>CLO12</p> <p>CLO13</p>
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	<p>Thuyết trình nhóm:</p> <p><i>Trình bày ý tưởng về một dự án khởi nghiệp của nhóm.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi bài thuyết trình của các nhóm. - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét, đặt câu hỏi cho các bài thuyết trình. - Nhận xét bài thuyết trình. - Đặt các câu hỏi để các nhóm làm rõ vấn đề. - Chấm điểm thuyết trình cho các nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm thuyết trình - Theo dõi bài thuyết trình của các nhóm khác. - Đưa ra các nhận xét và các câu hỏi cho các bài thuyết trình để làm rõ những vấn đề còn khúc mắc. 	<p>Đánh giá giữa kỳ</p>	<p>CLO7</p> <p>CLO8</p> <p>CLO9</p> <p>CLO10</p> <p>CLO11</p> <p>CLO12</p> <p>CLO13</p>
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	<p>Thuyết trình nhóm:</p> <p><i>Trình bày ý tưởng về một dự án khởi nghiệp của nhóm.</i></p> <p>Ôn tập cuối kì</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi bài thuyết trình của các nhóm. - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét, 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm thuyết trình - Theo dõi bài thuyết trình của các nhóm khác. 	<p>Đánh giá giữa kỳ</p>	<p>CLO7</p> <p>CLO8</p> <p>CLO9</p> <p>CLO10</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		đặt câu hỏi cho các bài thuyết trình. - Nhận xét bài thuyết trình. - Đặt các câu hỏi để các nhóm làm rõ vấn đề. - Chấm điểm thuyết trình cho các nhóm. - Ôn tập lại các phần lý thuyết quan trọng. - Dẫn dò ôn tập cho bài thi kết thúc học phần	- Đưa ra các nhận xét và các câu hỏi cho các bài thuyết trình để làm rõ những vấn đề còn khúc mắc. - Tự hệ thống lại kiến thức của môn học theo hình thức sơ đồ tư duy. - Ghi chép lại đề cương ôn tập		CLO11 CLO12 CLO13

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập thảo luận nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là điểm thuyết trình nhóm trình bày về một dự án khởi nghiệp. Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 6.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

– Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

– Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

– Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

– Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

– Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

– Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

– Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

– Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

– Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh.

– Địa chỉ/email liên hệ: dinhhoa2490@gmail.com

Đồng Nai, ngày 03 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Đinh Thị Hóa

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ
- Tên học phần Tiếng Anh: PROJECT APPRAISAL
- Mã học phần: 2112401
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Số tín chỉ: 03

Tổng số giờ	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	30 giờ	0	15 giờ	75 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 3
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: Không yêu cầu
 - + Học phần trước: Tài chính doanh nghiệp
 - + Học phần song hành (nếu có): Không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần: sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung: Học phần này cung cấp cho sinh viên các nguyên tắc lý thuyết cùng những ứng dụng thực tế của việc phân tích và thẩm định dự án đầu tư. Khi kết thúc học phần, sinh viên có kỹ năng cần thiết để thực hiện thẩm định và ra quyết định về tài chính, rủi ro, kinh tế và xã hội đối với các dự án đầu tư

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object-Viết tắt là CO):

- Về kiến thức:

CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thiết lập và thẩm định một dự án đầu tư

CO2: Trang bị cho sinh viên những kiến thức hiện đại về phân tích ngân lưu của một dự án, các quan điểm khác nhau trong thẩm định dự án đầu tư, đánh giá rủi ro của một dự án.

- Về Kỹ năng:

CO3: Có kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, biết cách tổ chức thu thập, xử lý thông tin và tính toán các tiêu chí để xét duyệt các dự án đầu tư.

CO4: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp để đánh giá tính khả thi về hiệu quả tài chính của một dự án đầu tư; có kỹ năng lập và tính các bảng tính trên Excel để xử lý tình huống của từng dự án.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO5: Giúp người học xây dựng đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; chấp hành các quy định của nhà nước.

CO6: Có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Vai trò: Học phần Thẩm định dự án đầu tư đóng một vai trò then chốt trong chương trình đào tạo các ngành kinh tế, trong đó có ngành quản trị kinh doanh. Học phần này cần thiết cho việc đưa ra các quyết định đầu tư nhằm lựa chọn dự án tối ưu. Vì vậy, học phần này không chỉ mang tính hàn lâm học thuật ở nhà trường mà còn mang tính ứng dụng thực tiễn trong cuộc sống.

Vị trí: Học phần này được giảng dạy cho sinh viên năm 4, sau khi đã hoàn thành một số học phần như Kinh tế vĩ mô, Nguyên lý kế toán, Tài chính doanh nghiệp.

Nội dung chính: Giới thiệu khái niệm, ý nghĩa, mục tiêu, yêu cầu của thẩm định dự án đầu tư. Hiểu rõ các bước soạn thảo dự án đầu tư, công việc tổ chức thẩm định dự án. Hướng dẫn cách phân tích vấn đề tài chính, cách tính dòng ngân lưu của dự án từ đó tính toán các tiêu chí định lượng cụ thể để đánh giá tính khả thi, hiệu quả của dự án và ra quyết định đầu tư. Giới thiệu các loại rủi ro mà dự án có thể mắc phải; cách nhận diện, đo lường và xử lý những rủi ro của dự án.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course learning outcomes-Viết tắt là CLOs):

Mã số CĐR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	- Nhớ được khái niệm đầu tư và cách thức phân loại đầu tư, khái niệm dự án đầu tư và vì sao cần phải có dự án trước khi quyết định đầu tư, khái niệm thẩm định dự án đầu tư và đối tượng thực hiện thẩm định.	2,0

CLO2	- Hiểu được phương pháp lập dự án đầu tư: chu kỳ của dự án, các bước soạn thảo dự án đầu tư, mục tiêu và yêu cầu của thẩm định dự án đầu tư cùng những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thẩm định dự án đầu tư.	3,0
CLO3	- Mô tả được công việc tổ chức thẩm định dự án: các bước trong quy trình thẩm định dự án đầu tư, các nguyên tắc và các quan điểm khi thẩm định dự án đầu tư, các phương pháp thường sử dụng khi thẩm định dự án đầu tư, nội dung và cơ sở pháp lý liên quan đến công tác thẩm định, hình thức tập hồ sơ thẩm định.	3,0
CLO4	- Hiểu được vai trò phân tích tài chính của dự án và vận dụng các căn cứ tính toán khi phân tích tài chính dự án đầu tư gồm thời điểm tính toán, lãi suất và nguyên tắc hiện giá	3,5
CLO5	- Hiểu rõ và áp dụng được công việc dự tính tổng mức đầu tư và nguồn vốn huy động của dự án, dự tính chi phí sản xuất và doanh thu hoạt động từ đó hạch toán kết quả lỗ lãi của dự án	3,5
CLO6	- Hiểu rõ các nguyên tắc và phương pháp xây dựng dòng ngân lưu của dự án. Vận dụng xây dựng dòng ngân lưu của dự án và so sánh dòng tiền theo quan điểm tổng đầu tư và quan điểm chủ đầu tư.	4,5
CLO7	- Hiểu rõ và áp dụng được công việc tính toán các chỉ tiêu cơ bản trong phân tích tài chính dự án như: thời gian hòa vốn, điểm hòa vốn, hiện giá thuần, tỷ suất doanh lợi nội bộ, tỷ suất lợi ích chi phí,...	3,5
CLO8	- Phân biệt được sự khác nhau giữa phân tích tài chính với phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội. Hiểu được mục tiêu, vai trò và các tiêu chuẩn đánh giá lợi ích kinh tế - xã hội của dự án. Nắm được phương pháp đánh giá lợi ích kinh tế - xã hội do dự án mang lại dưới góc độ chủ đầu tư và góc độ quản lý vĩ mô nhà nước.	4,0
CLO9	- Hiểu được các bước so sánh, lựa chọn phương án đầu tư theo khía cạnh tài chính và khía cạnh kinh tế - xã hội. Áp dụng để lựa chọn phương án đầu tư theo các chỉ tiêu như: NPV, chi phí...	3,0
CLO10	- Vận dụng kiến thức để thẩm định, đánh giá và đề xuất đầu tư đối với các dự án đầu tư cụ thể trong các bài tập ứng dụng.	5,0

Chuẩn về kỹ năng		
CLO11	- Kỹ năng triển khai được các nội dung cơ bản trong một dự án đầu tư, đối chiếu giữa kiến thức và việc áp dụng thông qua tiếp cận với những dự án thực tế từ đó rút ra những nhận định vận dụng riêng.	4,5
CLO12	- Kỹ năng thuyết trình, phản biện, tổng hợp, đánh giá các vấn đề	4,5
CLO13	- Kỹ năng xử lý thông số dự án, lập các bảng tính trung gian, tính toán xác định các tiêu chí đánh giá hiệu quả tài chính dự án để chọn lựa dự án	4,5
CLO14	-Kỹ năng phân tích độ nhạy dựa trên nhiều biến số và tình huống để đánh giá rủi ro dự án	4,0
CLO15	-Kỹ năng sử dụng Excel trong việc lập, thẩm định và phân tích tài chính dự án đầu tư	4,0

Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm		
CLO16	- Thực hiện ghi chép, chú thích, phản hồi tích cực trong quá trình nghe giảng.	3,5
CLO17	- Hình thành tác phong làm việc chuyên nghiệp, có khả năng thích ứng nhanh. Hiểu được trách nhiệm và công việc của mỗi cá nhân khi tham gia vào lập và thẩm định dự án đầu tư	3,5

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	x			x		x	x		x				x				x	x
2	x			x		x	x		x				x				x	x
3	x			x		x	x		x				x				x	x
4	x			x		x	x		x				x				x	x
5	x			x		x	x		x				x				x	x
6	x			x		x	x		x				x				x	x
7	x			x		x	x		x				x				x	x
8	x			x		x	x		x				x				x	x
9	x			x		x	x		x				x				x	x

10	x			x		x	x		x				x				x	x
11	x			x		x	x		x				x				x	x
12	x			x		x	x	x	x				x		x	x	x	x
13	x			x		x	x	x	x				x				x	x
14	x			x		x	x	x	x				x				x	x
15	x			x		x	x	x	x				x				x	x
16	x			x		x	x	x	x				x				x	x
17	x			x		x	x	x	x				x				x	x

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CDR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá quá trình	- Chuyên cần; phát biểu, xây dựng bài; thực hiện yêu cầu của giảng viên.	Thường xuyên	CLO1 đến CLO17	10%
	- Làm đủ bài tập cá nhân, bài tập nhóm (thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm) đúng hạn và đạt yêu cầu.	Thường xuyên	CLO1 đến CLO17	5%
	- Bài kiểm tra giữa kỳ theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm.	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1 đến CLO17	25%
2. Đánh giá kết thúc	Kết thúc học phần: bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan	Thi cuối kỳ	CLO1 đến CLO17	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá kết thúc).

6. Học liệu:

- Tài liệu bắt buộc:

- [1]. Tập thể tác giả trường Đại học Kinh Tế Tp. Hồ Chí Minh (2015), *Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư*, NXB Kinh tế TP. HCM
- [2]. Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai (2021), *Thẩm định dự án đầu tư*, Lưu hành nội bộ.

- Tài liệu tham khảo:

- [1]. Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội.
- [2]. Lưu Thị Hưng (2020), *Thẩm định tài chính dự án*, NXB Tài chính, Hà Nội.
- [3]. Đỗ Phú Trần Tình (2019), *Lập và thẩm định dự án đầu tư*, NXB Tài chính, Hà Nội.
- [4]. Đinh Thế Hiền (2015), *Lập và thẩm định dự án đầu tư*, NXB Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
- [5]. Vũ Công Tuấn (2014), *Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư*, NXB Thống kê.
- [6]. Nguyễn Kim Anh, Nguyễn Đức Trung (2012), *Thẩm định dự án đầu tư*, NXB Dân trí.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	<p>Kiểm tra lại kiến thức về học phần tiên quyết.</p> <p>Giới thiệu học phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về học phần Thẩm định dự án đầu tư - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập <p>Nêu mục tiêu môn học</p> <p>Chia nhóm sinh viên</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Đưa ra các ví dụ để kiểm tra lại kiến thức về học phần tài chính doanh nghiệp mà sinh viên đã được học - Nhấn mạnh nội dung mà sinh viên cần nhớ và học lại ở học phần tiên quyết. - Trình chiếu slide bài giảng để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhớ lại các kiến thức ở học phần tài chính doanh nghiệp - Ghi nhớ mục tiêu, nội dung môn học - Ghi nhớ cách tìm tài liệu, nghiên cứu - Ghi nhớ cách thức đánh giá học phần 	Không đánh giá	

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học.			
	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ 1.1. Dự án đầu tư 1.2. Thẩm định dự án đầu tư	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao chủ đề thuyết trình cho các nhóm	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Các nhóm nhận chủ đề thuyết trình được giao	- Các câu hỏi	CLO 1 CLO 2 CLO 11 CLO 12 CLO 16 CLO 17
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ 2.1. Quy trình thẩm định dự án đầu tư 2.2. Các nguyên tắc thẩm định dự án đầu tư 2.3 Khung phân tích dự án đầu tư 2.4. Phương pháp thẩm định dự án đầu tư	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;	- Các câu hỏi	CLO 3 CLO 11 CLO 12 CLO 16 CLO 17
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	Thuyết trình theo chủ đề	- Lắng nghe các nhóm thuyết trình. Đặt câu hỏi, nhận xét và kết luận.	- Các nhóm trình bày các chủ đề thuyết trình được giao. Các nhóm còn lại lắng nghe và đặt câu hỏi.	- Các câu hỏi - Bài thuyết trình	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 11 CLO 12 CLO 16

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
					CLO 17
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	Thuyết trình theo chủ đề	Lắng nghe các nhóm thuyết trình. Đặt câu hỏi, nhận xét và kết luận.	Các nhóm trình bày các chủ đề thuyết trình được giao và trả lời các câu hỏi. Các nhóm còn lại lắng nghe và đặt câu hỏi.	- Các câu hỏi - Bài thuyết trình	CLO 3 CLO 11 CLO 12 CLO 16 CLO 17
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ 3.1. Mục đích, vai trò và yêu cầu của phân tích tài chính dự án đầu tư 3.2. Các căn cứ tính toán 3.3. Nội dung phân tích tài chính dự án	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao ví dụ minh họa: VD 3.1 đến VD 3.10 - Giao bài tập về nhà	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm ví dụ 3.1 đến VD 3.10 - Làm các bài tập được giao về nhà	Ví dụ	CLO 4 CLO 5 CLO 11 CLO 12 CLO 16 CLO 17
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ Bài tập chương 3	- Sửa bài tập chương 3 và trả lời thắc mắc của sinh viên.	- Đặt các câu hỏi để làm rõ phần bài tập chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Bài tập	CLO 4 CLO 5 CLO 11 CLO 12 CLO 16 CLO 17
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ (tiếp) 3.3. Nội dung phân tích tài chính dự án (tiếp)	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc	-Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; Tham gia các hoạt động do	Ví dụ	CLO 6 CLO 7 CLO 11 CLO 12 CLO 16

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<i>theo)</i>	của sinh viên. - Giao ví dụ minh họa: VD 3.11 – 3.22 và VD tổng hợp - Giao bài tập về nhà	giảng viên đưa ra; - Làm ví dụ 3.11 đến VD 3.22 - Làm các bài tập được giao về nhà		CLO 17
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	Sửa bài tập KIỂM TRA GIỮA KỲ	- Giúp sinh viên ôn tập kiến thức trọng tâm. - Trả lời thắc mắc của sinh viên.	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Làm bài kiểm tra giữa kỳ	Bài tập Bài kiểm tra giữa kỳ	CLO 1-7 CLO 11 CLO 12 CLO 16 CLO 17
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	THỰC HÀNH TRÊN EXCEL NỘI DUNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ Dự án 1	- Hướng dẫn sinh viên sử dụng các kỹ thuật excel để phân tích tài chính dự án - Trả lời thắc mắc của sinh viên.	- Sinh viên lắng nghe và thực hành trên máy tính - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra	Bài thực hành	CLO 5 -7 CLO 10 -17
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	THỰC HÀNH TRÊN EXCEL NỘI DUNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ Dự án 2	- Hướng dẫn sinh viên sử dụng các kỹ thuật excel để phân tích tài chính dự án - Trả lời thắc mắc của sinh viên.	- Sinh viên lắng nghe và thực hành trên máy tính - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra	Bài thực hành	CLO 5 -7 CLO 10 -17
Tuần 11 Buổi 11	THỰC HÀNH TRÊN EXCEL NỘI DUNG	- Hướng dẫn sinh viên sử dụng các	- Sinh viên lắng nghe và thực	Bài thực	CLO 5 -7

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
4 giờ	PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ Dự án 2 (tiếp theo)	kỹ thuật excel để phân tích tài chính dự án - Trả lời thắc mắc của sinh viên.	hành trên máy tính - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra	hành	CLO 10 -17
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ	CHƯƠNG 4: PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI 4.1. Khái niệm và sự cần thiết phải nghiên cứu khía cạnh kinh tế - xã hội dự án đầu tư 4.2. Sự khác nhau giữa phân tích tài chính và phân tích kinh tế xã hội dự án đầu tư 4.3. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội dự án đầu tư 4.4. Ảnh hưởng của dự án đầu tư đối với môi trường	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao ví dụ minh họa	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm ví dụ	Ví dụ	CLO 8 CLO 11 CLO 12 CLO 16 CLO 17
Tuần 13 Buổi 13 4 giờ	CHƯƠNG 5: SO SÁNH LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ. 5.1. So sánh lựa chọn phương án đầu tư xét trên phương diện tài chính 5.2. So sánh lựa chọn phương án đầu tư theo khía cạnh kinh tế - xã hội	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao ví dụ minh họa	-Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm ví dụ	Ví dụ	CLO 9 CLO 11 CLO 12 CLO 16 CLO 17
Tuần 14 Buổi 14	Bài tập chương 4 và 5	- Sửa bài tập chương 4 và 5, trả	- Đặt các câu hỏi để làm rõ phần bài tập chưa	Bài tập	CLO 8 CLO 9

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
4 giờ		lời thắc mắc của sinh viên.	hiều. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.		CLO 11 CLO 12 CLO 16 CLO 17
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết, nội dung chính của toàn môn học - Sửa bài kiểm tra giữa kỳ - Công bố điểm thành phần	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Công bố điểm thành phần 40%	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trong tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Không đánh giá	CLO 10 CLO 11 CLO 12 CLO 16 CLO 17

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là điểm bài tập nhóm (tham gia thuyết trình, phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là bình quân bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm) và bài thực hành trên excel.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

– Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

– Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

– Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

– Đi học đầy đủ, đúng thời gian qui định của nhà trường;

- Yêu cầu trong giờ học tại lớp: không được nói chuyện và làm việc riêng, không sử dụng điện thoại cá nhân và các thiết bị điện tử trừ khi giảng viên cho phép tra cứu tư liệu, thông tin để phục vụ cho học tập, nghiên cứu;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo qui định của giảng viên khi đến lớp;
- Trước khi đến lớp, yêu cầu sinh viên tự đọc, nghiên cứu các bài tập, tài liệu tại nhà theo sự hướng dẫn giảng viên nhằm trao đổi, phản biện, góp ý, hợp tác, thảo luận các nội dung theo yêu cầu của giảng viên;
- Tinh thần, thái độ tôn trọng, nghiêm túc, trách nhiệm, tính kỷ luật, cầu thị trong học tập, làm việc với giảng viên và các bạn trong ngoài lớp;
- Kiểm soát tốt cảm xúc cá nhân khi tranh luận, phản biện, bác bỏ, chia sẻ, góp ý, thảo luận, trao đổi các vấn đề tại lớp, trong nhóm;
- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ/email liên hệ: hoangha066@gmail.com

Đồng Nai, ngày 05 tháng 05 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN





ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

ThS. Đinh Thị Hóa

ThS. Hoàng Thị Thu Hà

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KINH TẾ QUỐC TẾ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: Kinh tế quốc tế.
- Tên học phần Tiếng Anh: International Economics
- Mã học phần: 2112402
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Số tín chỉ: 3

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150	30			30	90

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 3
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - + Học phần trước: Thuế
 - + Học phần song hành (nếu có): không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần: sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Môn Kinh tế quốc tế trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kinh tế học quốc tế, bao gồm lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế, liên kết kinh tế quốc tế. Trên cơ sở đó sinh viên có thể vận dụng kiến thức của môn học này để tiếp tục học các môn học khác như: Nghiệp vụ ngoại thương, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị chiến lược, Thị trường chứng khoán,... Về mặt thực tiễn, sau khi tốt nghiệp sinh viên có cơ sở lý luận, khoa học để hiểu, phân tích thực chất của kinh doanh, thương mại giữa Việt Nam và các nước trên thế giới, nhận định xu hướng thương mại quốc tế ngày nay, lợi ích của liên kết kinh tế khu vực, toàn cầu.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức:

CO1: Giúp sinh viên hiểu được bản chất, giải quyết các vấn đề thương mại và đầu tư quốc tế trong phạm vi doanh nghiệp.

CO2: xây dựng rào cản bảo vệ mình cũng như vượt qua rào cản của đối tác nước ngoài.

CO3: đề ra chiến lược phát triển doanh nghiệp trong xu thế hội nhập quốc tế.

- Về kỹ năng:

CO4: tạo tiền đề cho khả năng nhận diện những tác động của xu thế kinh tế quốc tế

CO5: phương pháp luận nghiên cứu chính sách.

CO6: dự báo tác động ngắn hạn của chính sách kinh tế vĩ mô đến thương mại quốc tế nói chung và ngược lại.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO7: có thái độ thân thiện, văn minh, bản lĩnh, tự tin với đối tác nước ngoài.

CO8: nghiên cứu, tuân thủ pháp luật cũng như thông lệ về kinh doanh quốc tế.

CO9: chủ động đề xuất chính sách kinh tế đối ngoại.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Sinh viên được tiếp thu những kiến thức cơ bản về thương mại quốc tế, dịch chuyển nguồn lực giữa các quốc gia, quan hệ nợ nước ngoài và chuyển đổi tiền tệ, sự liên kết hình thành các tổ chức kinh tế quốc tế. Từ đó, trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần có của một nhà quản trị kinh doanh trong bối cảnh tất yếu hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CĐR (1)	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom) (2)	Trình độ năng lực (3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	<ul style="list-style-type: none">- Hiểu khái niệm kinh tế quốc tế, vì sao phải có kinh tế quốc tế, hình thức quan hệ kinh tế quốc tế các nước với nhau như thế nào.- Phân tích một số xu thế phát triển kinh tế quốc tế ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam.	4.0
CLO2	<ul style="list-style-type: none">- Hiểu một số lý thuyết giải thích nguồn gốc của thương mại quốc tế, qua đó, so sánh được lợi thế tuyệt đối, lợi thế tương đối khi giao thương quốc tế.- Hiểu tác động, điều kiện áp dụng của tự do hóa thương mại, bảo hộ mậu dịch trong việc vận dụng, lựa chọn chính sách.- Phân tích, đề xuất các công cụ để thực hiện chính sách thương mại quốc tế.	4.5

CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nguyên nhân và sự tác động của việc di chuyển quốc tế các nguồn lực. - Biết các hình thức đầu tư quốc tế, hiểu tác động của từng hình thức. Hiểu tác động của việc xuất và nhập lao động, xuất và nhập công nghệ đối với một quốc gia. - Từ đó, hình thành dần hệ thống các cơ sở để lựa chọn, vận dụng vào thực tế. 	3.5
CLO4	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu vì sao các quốc gia vay nợ nước ngoài, biết khảo sát các loại nợ nước ngoài áp dụng cho từng khoản vay cụ thể. - Biết đánh giá nợ nước ngoài thông qua các chỉ tiêu. - Biết một số biện pháp xử lý nợ. 	3.0
CLO5	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu tỷ giá và cơ sở hình thành tỷ giá. Biết cách tính chéo tỷ giá. - Biết các nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động của tỷ giá hối đoái và tác động của tỷ giá hối đoái đến quan hệ kinh tế quốc tế. - Biết thị trường ngoại hối và các vai trò vĩ mô của nó. Biết cách thức mua bán ngoại tệ như thế nào cho hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp nếu có, và một phần cho hoạt động kinh doanh ngoại hối. 	3.0
CLO6	<ul style="list-style-type: none"> Hiểu các hình thức, mức độ liên kết, tác động lợi hại của liên kết. Biết mô hình một số tổ chức kinh tế quốc tế, trong đó, hiểu các nguyên tắc cơ bản của WTO chi phối thương mại quốc tế. Liên hệ thời cơ, thách thức cụ thể khi hội nhập kinh tế quốc tế. 	4.5
Chuẩn về kỹ năng		
CLO7	Khởi tạo ý thức liên hệ kinh tế quốc tế với hoạt động của doanh nghiệp trong các quá trình hội nhập quốc tế của VN.	3.5
CLO8	Phân tích các lợi thế tuyệt đối và tương đối với đối tác trong đàm phán. Xây dựng, củng cố hệ thống công cụ phòng vệ thương mại; nghiên cứu, vượt qua hệ thống công cụ ở nước đối tác.	4.0
CLO9	Nhận định vấn đề của Việt Nam, của tỉnh Đồng Nai về ODA, FDI, về nhập công nghệ từ nước ngoài.	4.0
CLO10	Vận dụng tiêu chuẩn quốc tế về đánh giá mức độ tín nhiệm để khẳng định vị trí doanh nghiệp, tìm hiểu đối tác hoặc độ tin cậy từng thương vụ.	3.5
CLO11	Vận dụng ảnh hưởng từ biến động của tỷ giá hối đoái vào các quá trình quản trị doanh nghiệp.	3.0

CLO12	Xây dựng chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp gắn liền quá trình Việt Nam tham gia các tổ chức kinh tế đa phương, song phương. Áp dụng các nguyên tắc quan hệ theo tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế khi giao thương với thế giới.	4.5
--------------	---	------------

Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm

CLO13	Tự tin, bản lĩnh về những kiến thức, kỹ năng cơ sở, tiền đề được nhà trường trang bị khi tham gia vào thị trường lao động.	3.5
CLO14	Tuân thủ pháp luật VN, pháp luật quốc gia đối tác, điều lệ, nguyên tắc của các tổ chức kinh tế quốc tế mà VN tham gia.	4.0
CLO15	Doanh nghiệp không thụ động đối với chính sách kinh tế đối ngoại của Chính phủ, gắn lợi ích doanh nghiệp và quốc gia với nhau trong thương trường cạnh tranh khu vực và toàn cầu.	4.0

❖ **Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):**

CLO \ PLO	PLO																	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1		x	x		x	x	x											
2		x	x		x	x	x											
3		x	x		x	x	x											
4		x	x		x	x	x											
5		x	x		x	x	x											
6		x	x		x	x	x											
7									x	x	x	x	x					
8									x	x	x	x	x					
9									x	x	x	x	x					
10									x	x	x	x	x					
11									x	x	x	x	x					
12									x	x	x	x	x					
13																	x	x
14																	x	x
15																	x	x

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá quá trình về chuyên cần	- Dự học trên lớp - Đóng góp tại lớp	Sử dụng thang điểm 10	CLO13, 14	10%
2. Đánh giá quá trình thường xuyên	- Ví dụ minh họa trên lớp - Thảo luận nhóm, bài tập tình huống.	Sử dụng thang điểm 10	Từ CLO1 đến CLO15	5%
3. Đánh giá quá trình giữa kỳ	- 1 hoặc 2 bài kiểm tra	Sử dụng thang điểm 10		25%
4. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	Thi cuối kỳ Sử dụng thang điểm 10 để đánh giá theo đáp án đã được thiết kế.	Từ CLO1 đến CLO15	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

- [1] GS.TS Đỗ Đức Bình, TS. Nguyễn Thường Lạng - Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2019), “*Giáo trình Kinh tế quốc tế*”, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
- [2] Khoa Kinh tế, trường Đại học Đồng Nai, “*Kinh tế quốc tế*”, Lưu hành nội bộ năm 2021.

Tài liệu tham khảo:

- [1] GS.TS Hoàng Thị Chính, PGS.TS Nguyễn Phú Tụ, ThS. Nguyễn Hữu Lộc - Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (2010), “*Giáo trình Kinh tế quốc tế*”, NXB Thống kê.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLO học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	<p>NHẬP MÔN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vì sao học. - Học nội dung gì. - Học như thế nào. - Cách kiểm tra đánh giá. Nội quy lớp học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo động lực đầu tư nghiên cứu cho sinh viên về môn học. - Nêu những kiến thức và kỹ năng từ môn học cần nắm bắt. Những giới hạn của môn học. - Hướng dẫn sử dụng tài liệu, tham khảo internet. Cách phân bổ thời gian, đầu tư nghiên cứu. Khuyến khích phản biện trong đánh giá điểm. - Nêu yêu cầu theo quy chế đào tạo. 	Lắng nghe, ghi chép.		
	<p>CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KINH TẾ QUỐC TẾ</p> <p>I.1 Khái niệm I.2 Đặc điểm I.3 Vì sao phải có kinh tế quốc tế I.4 Các quan hệ kinh tế quốc tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dẫn nhập. - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slide. - Đặt câu hỏi, tình huống thảo luận về nguyên nhân KTQT. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Lắng nghe, tích cực ghi nhận các vấn đề buổi học đặt ra. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dự học trên lớp - Đóng góp tại lớp 	CLO 1, 2, 3, 7, 8, 9, 14
Tuần 2 Buổi 2	<p>Tiếp Chương I</p> <p>I.5 Xu hướng vận</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa 	<ul style="list-style-type: none"> - Dự học trên 	CLO 1, 2, 3, 7,

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLO học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
4 giờ	động trong tương lai gần của kinh tế quốc tế	slide. - Đặt câu hỏi, tình huống thảo luận về xu thế vận động KTQT. - Trả lời thắc mắc của sinh viên.	ra. - Lắng nghe, tích cực ghi nhận các vấn đề buổi học đặt ra.	lớp - Đóng góp tại lớp	8, 9, 14
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	CHƯƠNG II: CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ II.1 Một số lý thuyết về thương mại quốc tế	- Dẫn nhập. - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slide. - Đặt câu hỏi cho sinh viên. - Ra ví dụ, bài tập nhỏ phân tích lợi thế.	- Lắng nghe, tích cực ghi nhận các vấn đề buổi học đặt ra. - Đặt câu hỏi cho buổi học. - Làm ví dụ, bài tập nhỏ. - Tích cực trình bày quan điểm cá nhân khi có vấn đề thảo luận.	- Dự học trên lớp - Đóng góp tại lớp - Ví dụ (Đánh giá quá trình)	CLO1 , 2, 3, 6, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	Tiếp Chương II II.2 Khái niệm và chức năng II.3 Vai trò II.4 Những xu hướng chính sách cơ bản	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slide. - Đặt câu hỏi cho sinh viên. - Thảo luận phân tích chính sách.	- Lắng nghe, tích cực ghi nhận các vấn đề buổi học đặt ra. - Đặt câu hỏi cho buổi học. - Tích cực trình bày quan điểm cá nhân khi có vấn đề thảo luận.	Đóng góp tại lớp. (Đánh giá quá trình)	CLO1 , 2, 3, 6, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15
Tuần 5 Buổi 5	Tiếp Chương II II.5 Các công cụ	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu	- Lắng nghe, tích cực ghi nhận các vấn đề	Đóng góp tại	CLO1 , 2, 3, 6, 7,

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLO học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
4 giờ	của chính sách thương mại quốc tế	slide. - Thảo luận lựa chọn công cụ theo Nhóm học tập	buổi học đặt ra. - Tích cực thảo luận Nhóm.	lớp. (Đánh giá quá trình)	8, 9, 12, 13, 14, 15
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	Các Nhóm tự thảo luận. Kiểm tra lần 1.	- Hướng dẫn, giải đáp câu hỏi. - Tổ chức kiểm tra tại lớp 60 phút.	- Trình bày mức độ tiếp thu bài học, bổ sung cho nhau, tự giải quyết các nội dung còn thắc mắc theo khả năng. - Làm và nộp bài kiểm tra tại lớp.	Đóng góp tại lớp. (Đánh giá quá trình) Bài kiểm tra.	CLO1, 2, 3, 6, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15 CLO 1, 2, 3, 7, 8, 13
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	Kết quả kiểm tra. CHƯƠNG III: DI CHUYỂN QUỐC TẾ CÁC NGUỒN LỰC III.1 Khái niệm di chuyển quốc tế các nguồn lực III.2 Di chuyển quốc tế về vốn	- Nhận xét, đánh giá, công bố đáp án. - Dẫn nhập - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides. - Đặt câu hỏi, đặt vấn đề thảo luận về nguyên nhân đầu tư quốc tế cho sinh viên.	- Chữa, bổ sung vào bài làm của mình. - Lắng nghe, tích cực ghi nhận các vấn đề buổi học đặt ra. - Tích cực thảo luận. - Nêu câu hỏi.	Đóng góp tại lớp. (Đánh giá thường xuyên)	CLO1, 2, 3, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	Tiếp Chương III III.2 Di chuyển quốc tế về vốn III.3 Di chuyển quốc tế về sức lao	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides. - Đặt câu hỏi, đặt vấn đề thảo luận về	- Lắng nghe, tích cực ghi nhận các vấn đề buổi học đặt ra. - Tích cực thảo	Đóng góp tại lớp. (Đánh giá quá	CLO1, 2, 3, 7, 8, 9, 12, 13,

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLO học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	động III.4 Di chuyển quốc tế về công nghệ	nhập khẩu công nghệ của doanh nghiệp cho sinh viên.	luận. - Nêu câu hỏi.	trình)	14, 15
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	Các Nhóm tự thảo luận. CHƯƠNG IV: NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA CÁC NƯỚC IV.1 Khái niệm và nguyên nhân nợ nước ngoài IV.2 Phân loại nợ nước ngoài IV.3 Các chỉ tiêu nợ nước ngoài IV.4 Vai trò nợ nước ngoài VI.5 Một số biện pháp xử lý nợ của quốc gia nợ	- Hướng dẫn, giải đáp câu hỏi. - Dẫn nhập. - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slide. - Đặt câu hỏi cho sinh viên.	- Trình bày mức độ tiếp thu bài học, bổ sung cho nhau, tự giải quyết các nội dung còn thắc mắc theo khả năng. - Lắng nghe, tích cực ghi nhận các vấn đề buổi học đặt ra. - Nêu câu hỏi.	Đóng góp tại lớp. (Đánh giá quá trình)	CLO1 , 3, 4, 9, 10, 12, 13, 14, 15
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	Chương V: TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI VÀ THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI V.1 Tỷ giá hối đoái V.1.1 Khái niệm V.1.2 Phân loại tỷ	- Dẫn nhập. - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slide. - Đặt câu hỏi cho sinh viên. - Giao 4 ví dụ minh họa.	- Lắng nghe, tích cực ghi nhận các vấn đề buổi học đặt ra. - Nêu câu hỏi. - Làm ví dụ.	Đóng góp tại lớp. Ví dụ (Đánh giá quá trình)	CLO1 , 5, 7, 11, 12, 13, 14, 15

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLO học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	giá hối đoái V.1.3 Xác định tỷ giá theo phương pháp tính chéo V.1.4 Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sự biến động của tỷ giá hối đoái V.1.5 Tác động của tỷ giá hối đoái đến quan hệ kinh tế quốc tế				
Tuần 11 Buổi 11 4 giờ	Tiếp Chương V. V.2 Thị trường ngoại hối V.2.1 Lịch sử hình thành và phát triển thị trường ngoại hối V.2.2 Khái niệm V.2.3 Các thành phần tham gia V.2.4 Đặc điểm V.2.5 Vai trò của thị trường ngoại hối V.2.6 Một số nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường ngoại hối	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides. - Đặt câu hỏi cho sinh viên.	- Lắng nghe, tích cực ghi nhận các vấn đề buổi học đặt ra.	Đóng góp tại lớp.	CLO3 , 4, 5, 9, 10, 11, 13, 15
Tuần 12 Buổi 12	Kiểm tra lần 2.	- Tổ chức kiểm tra tại lớp.	- Làm và nộp bài kiểm tra tại	Kiểm tra	

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLO học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
4 giờ	<p>Chương VI: LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ</p> <p>VI.1 Khái niệm và đặc trưng liên kết kinh tế quốc tế</p> <p>VI.2 Các hình thức liên kết kinh tế quốc tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dẫn nhập. - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slide. - Đặt câu hỏi cho sinh viên. 	<ul style="list-style-type: none"> lớp. - Lắng nghe, tích cực ghi nhận các vấn đề buổi học đặt ra. - Nêu câu hỏi. 	<p>(Đánh giá giữa kỳ)</p> <p>Đóng góp tại lớp.</p> <p>(Đánh giá quá trình)</p>	CLO1, 2, 6, 12, 13, 14, 15
Tuần 13 Buổi 13 4 giờ	<p>Kết quả kiểm tra</p> <p>Tiếp Chương VI.</p> <p>VI.3 Các tác động mật dịch của liên minh thuế quan</p> <p>VI.4 Một số tổ chức liên kết kinh tế quốc tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, đánh giá, công bố đáp án. - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slide. - Đặt câu hỏi cho sinh viên. - Bài tập tình huống về liên minh thuế quan, hoặc thảo luận về một Liên kết mà VN tham gia (CPTPP,...) 	<ul style="list-style-type: none"> - Chữa, bổ sung vào bài làm của mình. - Lắng nghe, tích cực ghi nhận các vấn đề buổi học đặt ra. - Nêu câu hỏi. - Thảo luận, làm bài tập tình huống. 		CLO1, 2, 6, 12, 13, 14, 15
Tuần 14 Buổi 14 4 giờ	<p>Tiếp Chương VI.4</p> <p>Một số tổ chức liên kết kinh tế quốc tế</p> <p>Các Nhóm tự thảo luận.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn, giải đáp câu hỏi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, tích cực ghi nhận các vấn đề buổi học đặt ra. - Trình bày mức độ tiếp thu bài học, bổ sung cho nhau, tự giải quyết các nội dung còn thắc mắc theo khả 	<p>Đóng góp tại lớp</p> <p>(Đánh giá quá trình)</p>	CLO1, 2, 6, 12, 13, 14, 15 Từ CLO1 đến CLO15

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLO học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
			năng.		
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	Ôn tập Tổng kết	- Nêu câu hỏi ôn tập theo chuyên đề. - Giải đáp câu hỏi ôn tập và các thắc mắc nếu còn của quá trình học phần. - Nhận xét lớp về quá trình làm việc. Công bố kết quả điểm quá trình.	- Trình bày và thảo luận câu hỏi ôn tập. - Nêu câu hỏi. - Góp ý giảng viên.		

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 6.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ:

– Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

– Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

– Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

– Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học:

- Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

- Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

- Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm. Không được nói chuyện và làm việc riêng, không sử dụng điện thoại cá nhân và các thiết bị điện tử trừ khi giảng viên cho phép tra cứu tư liệu, thông tin để phục vụ cho học tập, nghiên cứu

- Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh

- Địa chỉ/email liên hệ: vqth45@gmail.com

Đồng Nai, ngày 05 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

ThS. Đinh Thị Hóa

ThS. Vương Quang Thịnh

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN
- Tên học phần Tiếng Anh: SECURITIES MARKET
- Mã học phần: 2112403
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**
- Số tín chỉ: 02

Tổng số giờ	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
100 giờ	20 giờ	20 giờ	0	0	60 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 2
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - + Học phần trước: Tài chính doanh nghiệp
 - + Học phần song hành (nếu có): không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần: sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung: Học phần Thị trường chứng khoán trang bị cho người học những kiến thức về thị trường tài chính, thị trường chứng khoán, chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán, định giá chứng khoán... Từ đó giúp người học có khả năng nhận biết các chỉ số tài chính công ty và áp dụng trong phân tích cơ bản, nhận biết được cơ chế giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán và có khả năng liên hệ với thực tế thị trường tài chính Việt Nam và thế giới.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức:

CO1: Giúp sinh viên có khả năng khái quát và hệ thống hóa những vấn đề cơ bản Thị trường chứng khoán.

CO2: Người học hiểu, biết, nắm vững những khái niệm và đặc điểm cũng như cơ chế hoạt động của: Thị trường tài chính; Thị trường chứng khoán; Công ty cổ phần; Chứng khoán; Sở giao dịch chứng khoán TP HCM; Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội; Các định chế tài chính có liên quan đến hoạt động của Sở giao dịch chứng khoán.

- Về kỹ năng:

CO3: Tính được giá và lượng cổ phiếu khớp lệnh. Xác định được số lượng cổ phiếu mà các nhà đầu tư được mua hoặc được bán. Xác định được thứ tự ưu tiên đối với các lệnh. Xác định được tính hiệu lực còn lại của các loại lệnh sau khi khớp lệnh. Định giá cổ phiếu và trái phiếu.

CO4: Đào tạo năng lực làm việc độc lập

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO5: Người học rèn được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, bao quát, trung thực, bảo mật trong công việc;

CO6: Có ý thức chấp hành đúng Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp, Luật tổ chức tín dụng khi thực hiện các công việc liên quan đến lĩnh vực chứng khoán.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần Thị Trường Chứng Khoán bao gồm các vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến hoạt động của thị trường vốn, chủ yếu là thị trường tài chính dài hạn. Nội dung cơ bản của Học phần này là nghiên cứu chủ yếu vào thị trường chứng khoán, các kỹ thuật phân tích và đầu tư chứng khoán. Thông qua đó, sinh viên sẽ có kiến thức nắm bắt được tình hình hoạt động của thị trường chứng khoán ở Việt Nam

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng áp dụng những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán và chủ yếu là thị trường vốn dài hạn

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (Course learning outcomes-Viết tắt là CLOs):

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO 1	- Hiểu rõ những nét tổng quan về Thị trường tài chính, Thị trường chứng khoán: khái niệm, vai trò, phân loại, các chủ thể tham gia, nguyên tắc hoạt động, những mặt hạn chế	3,0
CLO 2	- Hiểu rõ những đặc trưng của Công ty cổ phần như: định nghĩa, phân loại, cơ cấu tổ chức quản và điều hành, các hình thức huy động vốn, chính sách cổ tức, tách gộp cổ phần, giải thể công ty.	3,0

CLO 3	- Hiểu rõ đặc điểm của chứng khoán: khái niệm, phân loại, cơ chế hình thành giá, các yếu tố ảnh hưởng đến chứng khoán	3.0
CLO 4	- Hiểu rõ các hoạt động cần thiết để đưa từng loại chứng khoán ra thị trường	3.0
CLO 5	- Hiểu rõ cách thức tổ chức hoạt động của Sở giao dịch chứng khoán nói chung và SGDCK tại Việt Nam nói riêng. Hiểu rõ hoạt động lưu ký chứng khoán và thanh toán bù trừ, các tổ chức và định chế liên quan đến SGDCK	3.0
CLO 6	- Hiểu rõ sự cần thiết và phương pháp phân tích chứng khoán	3.0
Chuẩn về kỹ năng		
CLO 7	- Phân biệt thị trường tài chính và thị trường chứng khoán. Phân tích được những ưu điểm và hạn chế của thị trường chứng khoán	3.5
CLO 8	- Kỹ năng so sánh đặc điểm, ưu và nhược điểm của các loại chứng khoán với nhau	4.0
CLO 9	- Kỹ năng phân tích những lợi ích và bất lợi đối với doanh nghiệp trong việc phát hành ra một loại chứng khoán	3.5
CLO 10	- Kỹ năng phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc ra quyết định của nhà quản trị đối với chính sách phân chia cổ tức	3.5
CLO 11	- Kỹ năng nhận định những thuận lợi và bất lợi sẽ gặp phải khi công ty chào bán chứng khoán ra công chúng	4.5
CLO 12	- Kỹ năng tính toán và xác định: giá, lượng cổ phiếu khớp lệnh; trật tự ưu tiên và số lượng cổ phiếu phân phối cho mỗi nhà đầu tư; xác định tính hiệu lực của các lệnh sau phiên khớp lệnh.	3.5
CLO 13	- Kỹ năng tính các chỉ số trong phân tích cơ bản	3.5
CLO 14	- Kỹ năng tính toán các chỉ số trong phân tích tài chính công ty.	3.5
CLO 15	- Kỹ năng tính toán các chỉ số trong phân tích kỹ thuật	3.5
C CLO 16R	- Kỹ năng tính các loại chỉ số chứng khoán	3.5
CLO 17	- Kỹ năng tính và định giá cổ phiếu, trái phiếu	3.5

Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm

CLO 18	- Thực hiện ghi chép, chú thích, phản hồi tích cực trong quá trình nghe giảng.	3.5
CLO 19	- Hình thành tác phong làm việc chuyên nghiệp, có khả năng thích ứng nhanh	3.5

❖ **Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):**

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1			x	x													
2		x	x	x			x										
3			x	x	x		x										
4		x	x	x	x		x										
5		x	x	x	x		x										
6				x	x	x	x										
7								x	x	x		x	x			x	x
8								x	x	x		x	x			x	x
9								x	x	x		x	x			x	x
10								x	x	x		x	x			x	x
11								x	x	x		x	x			x	x
12								x	x				x			x	x
13								x	x			x	x			x	x
14								x	x			x	x			x	x
15								x	x			x	x			x	x
16								x	x				x			x	x
17								x	x				x			x	x
18		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x			x	x
19		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x			x	x

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CDR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá quá trình	- Dự học trên lớp - Đóng góp tại lớp	Đánh giá thường xuyên theo xếp loại ABCDF		5%
2. Đánh giá giữa kỳ	- Ví dụ minh họa trên lớp: - Bài tập về nhà - Bài tập nhóm	Đánh giá thường xuyên theo tiêu chí đánh giá và mức độ đạt chuẩn theo xếp loại ABCDF	CLO 1 đến CLO 19	10%
	- Bài kiểm tra tự luận hoặc trắc nghiệm 1; 2	Kiểm tra giữa kỳ	CLO 1 đến CLO 19	25%
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	Thi cuối kỳ Sử dụng thang điểm 10 để đánh giá theo đáp án đã được thiết kế.	CLO 1 đến CLO 19	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

- Tài liệu bắt buộc:

[1]. PGS.TS Bùi Kim Yên, Trường Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh (2019), *Thị trường chứng khoán*, NXB Giao thông vận tải.

[2]. Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai, *Thị trường chứng khoán*, Lưu hành nội bộ năm 2021.

- Tài liệu tham khảo:

[1]. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

[2]. Luật chứng khoán 54/2019/QH14

[3]. Luật Tổ chức tín dụng 47/2010/QH12.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	<p>Giới thiệu học phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về học phần Thị trường chứng khoán - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập <p>Nêu mục tiêu môn học</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu ý nghĩa thực tế của môn học đối với công việc tương lai của sinh viên. - Trình chiếu slide bài giảng để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhớ mục tiêu, nội dung môn học. - Ghi nhớ cách tìm tài liệu, nghiên cứu. - Ghi nhớ cách thức đánh giá học phần. 	Không đánh giá	
	<p>CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN</p> <p>1.3. Thị trường tài chính</p> <p>1.4. Thị trường chứng khoán</p> <p>1.4.1. Lịch sử hình thành</p> <p>1.5. Vai trò của TTCK</p> <p>1.6. Đặc điểm của TTCK</p> <p>1.7. Các điều kiện cần thiết cho sự hình thành thị trường chứng khoán</p> <p>1.8. Cơ chế hoạt động của TTCK</p> <p>1.9. Những mặt hạn chế của TTCK</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao câu hỏi tự ôn tập về nhà 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm các bài tập được giao về nhà 	Tình huống thực tế	CLO 1 CLO 7 CLO 18 CLO 19

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	Câu hỏi ôn tập				
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	<p>CHƯƠNG 2: CÔNG TY CỔ PHẦN</p> <p>2.1 Định nghĩa, đặc điểm của CTCP</p> <p>2.2 Các loại hình công ty cổ phần</p> <p>2.3 Cổ phần, cổ phiếu, cổ đông</p> <p>2.4 Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công ty cổ phần</p> <p>2.5 Các hình thức huy động vốn của CTCP</p> <p>2.6 Chính sách chia cổ tức</p> <p>2.7 Tách và gộp cổ phần</p> <p>2.8 Giải thể công ty</p> <p>Câu hỏi ôn tập</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao câu hỏi tự ôn tập về nhà 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm các bài tập được giao về nhà 	Ví dụ Câu hỏi tình huống	CLO 2 CLO 9 CLO 10 CLO 18 CLO 19
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	<p>CHƯƠNG 3: HÀNG HÓA CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN</p> <p>3.1. Khái niệm, phân loại chứng khoán</p> <p>3.2. Các loại chứng khoán cơ bản</p> <p>3.3. Cơ chế hình thành giá chứng khoán</p> <p>3.4. Các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến hàng hóa lưu hành trên thị trường chứng khoán</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập về nhà 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Nghiêm túc thực hiện các bài tập tương tự tại chỗ - Làm các bài tập được giao về nhà 	Ví dụ Bài tập	CLO 3 CLO 8 CLO 9 CLO 10 CLO 18 CLO 19

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	Câu hỏi ôn tập				
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	<p>CHƯƠNG 4: PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN</p> <p>4.1.Khái niệm về phát hành chứng khoán</p> <p>4.2.Phương thức phát hành chứng khoán</p> <p>4.3.Hiệu lực đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng</p> <p>4.4.Phân phối chứng khoán</p> <p>4.5.Định chỉ chào bán chứng khoán ra công chúng</p> <p>4.6.Niêm yết chứng khoán tại sở giao dịch chứng khoán</p> <p>4.7.Đăng ký giao dịch của công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom)</p> <p>BÀI KIỂM TRA SỐ 1 (Trắc nghiệm)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập về nhà 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm các bài tập được giao về nhà 	Ví dụ Bài tập	CLO 4 CLO 11 CLO 18 CLO 19
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	<p>CHƯƠNG 5: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VÀ CÁC ĐỊNH CHẾ</p> <p>5.1.Tổ chức SGDCK</p> <p>5.2.Người môi giới và công ty chứng khoán</p> <p>Hướng dẫn giải bài tập nhóm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn bài tập cho sinh viên - Giao bài tập tương tự cho sinh viên - Giao bài tập về nhà 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Lắng nghe và tương tác khi giảng viên hướng dẫn bài 	Ví dụ Bài tập	CLO 5 CLO 12 CLO 18 CLO 19

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
			tập. - Nghiêm túc thực hiện các bài tập tương tự tại chỗ - Làm các bài tập được giao về nhà		
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	CHƯƠNG 5: (TIẾP THEO) 5.3.Lưu ký chứng khoán và thanh toán bù trừ 5.4.Qũy đầu tư và Công ty quản lý quỹ 5.5.Công ty đại chúng – Công ty đầu tư chứng khoán BÀI KIỂM TRA SỐ 2 (Trắc nghiệm)	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn bài tập cho sinh viên - Giao bài tập tương tự cho sinh viên - Giao bài tập về nhà	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Lắng nghe và tương tác khi giảng viên hướng dẫn bài tập. - Nghiêm túc thực hiện các bài tập tương tự tại chỗ - Làm các bài tập được giao về nhà	Ví dụ Bài tập	CLO 5 CLO 12 CLO 18 CLO 19
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	CHƯƠNG 6: PHẦN TÍCH CHỨNG KHOÁN 6.1.Sự cần thiết của phân tích chứng khoán và phương pháp phân tích chứng khoán	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa	Ví dụ Bài tập	CLO 6 CLO 13 CLO 14 CLO 15 CLO 16 CLO 17

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	6.2.Nội dung phân tích chứng khoán 6.3.Định giá cổ phiếu 6.4.Định giá trái phiếu	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn bài tập cho sinh viên - Giao bài tập tương tự cho sinh viên - Giao bài tập về nhà 	<ul style="list-style-type: none"> ra; - Lắng nghe và tương tác khi giảng viên hướng dẫn bài tập. - Nghiêm túc thực hiện các bài tập tương tự tại chỗ - Làm các bài tập được giao về nhà 		CLO 18 CLO 19
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	CHƯƠNG 6: (TIẾP THEO) Hướng dẫn giải bài tập Định giá chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn bài tập cho sinh viên - Giao bài tập tương tự cho sinh viên - Giao bài tập về nhà 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Lắng nghe và tương tác khi giảng viên hướng dẫn bài tập. - Nghiêm túc thực hiện các bài tập tương tự tại chỗ - Làm các bài tập được giao về nhà 	Ví dụ Bài Tập	CLO 6 CLO 13 CLO 14 CLO 15 CLO 16 CLO 17 CLO 18 CLO 19
Tuần 9 Buổi 9	Ôn tập lý thuyết và luyện giải các dạng bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, 		CLO 13 CLO 14

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
4 giờ		<p>của sinh viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn bài tập cho sinh viên - Giao bài tập tương tự cho sinh viên - Giao bài tập về nhà 	<ul style="list-style-type: none"> đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Lắng nghe và tương tác khi giảng viên hướng dẫn bài tập. - Nghiêm túc thực hiện các bài tập tương tự tại chỗ - Làm các bài tập được giao về nhà 		<p>CLO 15</p> <p>CLO 16</p> <p>CLO 17</p> <p>CLO 18</p> <p>CLO 19</p>
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	Ôn tập lý thuyết và luyện giải các dạng bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn bài tập cho sinh viên - Giao bài tập tương tự cho sinh viên - Giao bài tập về nhà 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Lắng nghe và tương tác khi giảng viên hướng dẫn bài tập. - Nghiêm túc thực hiện các bài tập tương tự tại chỗ - Làm các bài 		<p>CLO 13</p> <p>CLO 14</p> <p>CLO 15</p> <p>CLO 16</p> <p>CLO 17</p> <p>CLO 18</p> <p>CLO 19</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
			tập được giao về nhà		

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là bình quân giữa 02 bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi các chương của học phần.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

– Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

– Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

– Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

– Đi học đầy đủ, đúng thời gian qui định của nhà trường;

– Yêu cầu trong giờ học tại lớp: không được nói chuyện và làm việc riêng, không sử dụng điện thoại cá nhân và các thiết bị điện tử trừ khi giảng viên cho phép tra cứu tư liệu, thông tin để phục vụ cho học tập, nghiên cứu;

– Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo qui định của giảng viên khi đến lớp;

– Trước khi đến lớp, yêu cầu sinh viên tự đọc, nghiên cứu các bài tập, tài liệu tại nhà theo sự hướng dẫn giảng viên nhằm trao đổi, phản biện, góp ý, hợp tác, thảo luận các nội dung theo yêu cầu của giảng viên;

– Tinh thần, thái độ tôn trọng, nghiêm túc, trách nhiệm, tính kỷ luật, cầu thị trong học tập, làm việc với giảng viên và các bạn trong ngoài lớp;

– Kiểm soát tốt cảm xúc cá nhân khi tranh luận, phản biện, bác bỏ, chia sẻ, góp ý, thảo luận, trao đổi các vấn đề tại lớp, trong nhóm;

– Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ/email liên hệ: tuhieu250585@gmail.com

Đồng Nai, ngày 06 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

**TRƯỞNG BỘ
MÔN**



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Võ Thị Từ Hiếu

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ BÁN HÀNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: QUẢN TRỊ BÁN HÀNG
- Tên học phần Tiếng Anh: SALES MANAGEMENT
- Mã học phần: 2112404
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 03

Tổng số giờ	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	30 giờ	0	00	90 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 4
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: Không yêu cầu
 - + Học phần trước: Quản trị học
 - + Học phần song hành (nếu có): Không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về bán hàng và quản trị bán hàng, giúp người học hiểu rõ về công việc quản trị bán hàng, những kỹ năng cần thiết đối với giám đốc bán hàng như lãnh đạo, phân tích, dự báo bán hàng, lập hạn ngạch, tổ chức đội ngũ bán hàng, quản lý và làm tăng năng suất của lực lượng bán hàng và quản trị lực lượng bán hàng. Cùng với việc trang bị cho người học các kỹ năng bán hàng cá nhân cần thiết, học phần này sẽ giúp người học có thể thực hành và ứng dụng trong việc tạo dựng, duy trì và phát triển mối quan hệ lâu dài giữa doanh nghiệp và khách hàng.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức:

CO1: Hiểu được các lý thuyết cơ bản về bán hàng và quản trị bán hàng; hiểu được những kỹ năng cần thiết đối với giám đốc bán hàng như lãnh đạo, phân tích, dự báo bán hàng, lập hạn ngạch, tổ chức đội ngũ bán hàng, quản lý và làm tăng năng suất của lực lượng bán hàng và quản trị lực lượng bán hàng; vận dụng được các kỹ năng bán hàng cá nhân.

- Về kỹ năng:

CO2: Nâng cao kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đàm phán, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản lý thời gian; kỹ năng thuyết trình.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO3: Hiểu rõ và tôn trọng những nguyên tắc, đạo đức nghề bán hàng; nhận thức được tầm quan trọng của bán hàng và quản trị bán hàng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; nhạy bén với sự thay đổi và thích ứng với cơ hội của thị trường.

Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

- Quản trị bán hàng là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành QTKD.
- Học phần nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản, tư duy trong việc thực hiện công việc quản trị bán hàng như giới thiệu về công việc bán hàng và quản trị bán hàng, những kỹ năng cần thiết đối với giám đốc bán hàng như lãnh đạo, phân tích, dự báo bán hàng, lập hạn ngạch, tổ chức đội ngũ bán hàng, quản lý và làm tăng năng suất của lực lượng bán hàng, quản trị đội ngũ bán hàng.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	- Hiểu về các công việc liên quan đến quản trị bán hàng, mục tiêu hướng vào con người, hướng vào lợi nhuận, các yếu tố nội bộ và bên ngoài ảnh hưởng đến hoạt động bán hàng. Mô hình tổ chức lực lượng bán hàng	2,0
CLO2	- Nắm được khái niệm cơ bản về nghề bán hàng, lịch sử của nghề bán hàng, chức năng, nhiệm vụ của đại diện bán hàng cũng như phẩm chất và kỹ năng của đại diện bán hàng. - Giám đốc bán hàng và những kỹ năng của giám đốc bán hàng	3.0
CLO3	- Các kỹ năng về phân tích, dự báo bán hàng để đề ra hạn ngạch, lập ngân sách chi tiêu	3,5

CLO4	- Sinh viên hiểu đc các bước xây dựng được đội ngũ bán hàng, các bước trong tuyển dụng nhân viên bán hàng để tìm được nhân sự tốt trong bán hàng - Các kĩ thuật bán hàng, các bước bán hàng	3,5
CLO5	- Có kỹ năng trong việc lập kế hoạch, phát triển kế hoạch về lương thưởng. Các quy trình, tiêu chuẩn đánh giá thực hiện. - Lập được các biểu mẫu, công cụ hỗ trợ công việc quản trị bán hàng.	4,0
CLO6	- Hình thành và trau dồi kỹ năng lựa chọn các phương án phù hợp và tối ưu cho các hoạt động bán hàng của doanh nghiệp	3,5

Chuẩn về kỹ năng

CLO7	- Kỹ năng lập kế hoạch để bán sản phẩm cho khách hàng; kỹ năng chuẩn bị nhân sự cho hoạt động bán hàng	3,5
CLO8	- Khả năng nhận định, tổng hợp và phân tích các vấn đề về môi trường bán hàng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp từ đó phân tích nguyên nhân dẫn đến các kết quả bán hàng	4,0
CLO9	- Khả năng thuyết trình và kỹ năng trình bày có hiệu quả trước khách hàng, trước lực lượng bán hàng trong doanh nghiệp	

Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm

CLO10	- Người học phối hợp với các thành viên khác để hoàn thành những tình huống mà giảng viên đưa ra	3,5
CLO11	- Người học quan tâm và tiếp nhận kiến thức môn học, có thái độ nghiêm túc trong việc học, sẵn sàng chia sẻ, trao đổi với giảng viên và các bạn về những kỹ năng mà thực tế mình đã trải qua.	4,0

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1					x	x	x											
2					x	x	x				x							
3										x	x		x					
4						x	x	x							x	x		

5									X	X	X							X
6												X		X		X		
7								X		X				X	X			
8					X	X	X			X								
9														X	X			X
10							X		X									X
11									X									X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CDR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá sự chuyên cần	- Tham dự lớp học - Tham gia các hoạt động học tập	Đánh giá thường xuyên theo thang điểm ABCDF		10%
2. Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra thường xuyên: làm bài tập tình huống theo từng nội dung trong từng chương	Làm bài tập tình huống trong tài liệu có sự hướng dẫn của GV. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO11;	5%
	Bài kiểm tra giữa kì: Tự luận	Kiểm tra làm bài tự luận. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO10;	25%
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	Thi cuối kỳ hình thức thi trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO3 đến CLO10	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

- [1] PGS.TS Vũ Minh Đức - PGS.TS Vũ Huy Thông (2018), *Quản trị bán hàng*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
 [2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai (2022), *Quản trị bán hàng*, Lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo:

- [1] Robert & J. Calvin (2004), *Nghệ thuật quản trị bán hàng*, NXB Thống kê.
 [2] Philip Kotler (2000), *Những nguyên lý tiếp thị*, NXB Thống kê.
 [3] James M. Comer (2008), *Quản trị bán hàng*, NXB Hồng Đức.
 [4] William L. Cron & Thomas E. Decarlo (2010), *Sales management – Concepts and Cases*, John Wiley & Sons, Asia.
 [5] David Jobber & Geoff Lancaster (2009), *Selling and Sales Management*, Prentice Hall.
 [6] Zig Ziglar (2008), *Nghệ thuật bán hàng bậc cao (Secrets of Closing the Sale)*, NXB Trẻ.
 [7]. Lưu Đan Thọ và Nguyễn Vũ Quân (2016), *Quản trị bán hàng hiện đại*, NXB Tài chính.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLO học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	Giới thiệu môn học - Giới thiệu về học phần Quản trị bán hàng - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập - Chia nhóm sinh viên	- Trình chiếu slide bài giảng “Giới thiệu môn học” để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học.	- Ghi chép, đặt các câu hỏi về môn học để được hướng dẫn cụ thể.	Không đánh giá	
	Chương 1: Tổng quan bán hàng và	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính,	Cho điểm thưởng	CLO1 CLO2

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLO học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>quản trị bán hàng</p> <p>1.1. Tổng quan về bán hàng và nghề bán hàng</p> <p>1.1.1. Bán hàng và quá trình phát triển của nghề bán hàng</p> <p>1.1.2. Bản chất và vai trò của nghề bán hàng</p> <p>1.1.3. Đặc điểm của bán hàng hiện đại</p> <p>1.1.4. Mối quan hệ giữa bán hàng và marketing</p> <p>1.1.5. Các hình thức người bán hàng chủ yếu</p> <p>1.2. Tổng quan về quản trị bán hàng</p> <p>1.2.1. Khái niệm quản trị bán hàng</p> <p>1.2.2. Vai trò của quản trị bán hàng</p> <p>1.2.3. Nội dung cơ bản của quản trị bán hàng</p>	<p>slides chương 1;</p> <p>- Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra những tình huống liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p>	<p>đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p>	<p>nếu XP trả lời đúng</p>	<p>CLO11</p>
<p>Tuần 2 Buổi 2 4 giờ</p>	<p>Chương 2: Lập kế hoạch bán hàng</p> <p>2.1. Bản chất và vai trò của lập kế hoạch bán hàng</p> <p>2.2. Quy trình lập kế hoạch bán hàng</p> <p>2.2.1. Xác định sứ</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Trình bày theo</p>	<p>Đánh giá quá trình bài kiểm tra thường xuyên</p>	<p>CLO4 CLO6 CLO7 CLO9 CLO10 CLO11</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLO học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	mệnh và mục tiêu của tổ chức 2.2.2. Phân tích môi trường 2.2.3. Thiết lập mục tiêu bán hàng 2.2.4. Đề xuất chiến lược bán hàng 2.2.5. Triển khai, giám sát chiến lược bán hàng	thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra tình huống và hướng dẫn sinh viên trình bày	nhóm tình huống GV đưa ra		
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	Chương 3: Dự báo doanh số, đề ra hạn ngạch và xây dựng ngân sách bán hàng 3.1. Dự báo doanh số 3.1.1. Mục đích và vai trò của việc dự báo doanh số 3.1.2. Các phương pháp dự báo 3.2. Đề ra hạn ngạch 3.2.1. Khái niệm hạn ngạch 3.2.2. Phân loại hạn ngạch 3.2.3. Mục đích của việc đề ra hạn ngạch 3.2.4. Cách thức tạo chương trình hạn ngạch tốt	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra tình huống và hướng dẫn sinh viên trình bày	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài tập tình huống theo hướng dẫn của GV theo nhóm	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên	CLO3 CLO10 CLO11
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	Chương 3 Dự báo doanh số, đề ra hạn ngạch và xây dựng ngân sách bán hàng	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3 - Đặt câu hỏi cho	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm	Đánh giá quá trình, bài	CLO3 CLO10 CLO11

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLO học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>(tiếp)</p> <p>3.3. Xây dựng ngân sách bán hàng</p> <p>3.3.1. Khái niệm và vai trò của ngân sách bán hàng</p> <p>3.3.2. Các phương pháp xây dựng ngân sách bán hàng</p> <p>3.3.3. Quy trình xây dựng ngân sách bán hàng</p>	<p>sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra tình huống và hướng dẫn sinh viên.</p>	<p>rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Làm bài tập tình huống theo hướng dẫn của GV theo nhóm</p>	<p>kiểm tra thường xuyên</p>	
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	<p>Chương 4: Tổ chức lực lượng bán hàng</p> <p>4.1. Thiết kế lực lượng bán hàng</p> <p>4.2. Một số dạng cơ cấu tổ chức lực lượng bán hàng cơ bản</p> <p>4.2.1. Tổ chức lực lượng bán hàng theo khu vực địa lý</p> <p>4.2.2. Tổ chức lực lượng bán hàng theo sản phẩm</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra tình huống và hướng dẫn sinh viên</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Làm bài tập tình huống theo hướng dẫn của GV theo nhóm</p>	<p>Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO10</p> <p>CLO11</p>
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	<p>Chương 4: Tổ chức lực lượng bán hàng (tiếp)</p> <p>4.2. Một số dạng cơ cấu tổ chức lực lượng bán hàng cơ bản (tiếp)</p> <p>4.2.3. Tổ chức lực lượng bán hàng theo khách hàng</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Làm bài tập tình huống theo hướng</p>	<p>Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO10</p> <p>CLO11</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLO học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	4.2.4. Tổ chức lực lượng bán hàng hỗn hợp 4.3. Căn cứ và yêu cầu khi chọn cơ cấu tổ chức lực lượng bán hàng	của sinh viên. - Đưa ra tình huống và hướng dẫn sinh viên	dẫn của GV theo nhóm		
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	Chương 5: Tuyển dụng, đào tạo và tạo động lực cho lực lượng bán hàng 5.1. Tuyển dụng và đào tạo lực lượng bán hàng của doanh nghiệp 5.1.1. Tuyển dụng lực lượng bán hàng 5.1.2. Đào tạo và phát triển lực lượng bán hàng	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 5; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra tình huống và hướng dẫn sinh viên trình bày	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài tập tình huống theo hướng dẫn của GV theo nhóm	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO10 CLO11
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	Chương 5: Tuyển dụng, đào tạo và tạo động lực cho lực lượng bán hàng (Tiếp) 5.2. Tạo động lực cho lực lượng bán hàng 5.2.1. Khái niệm và vai trò của việc tạo động lực cho lực lượng bán hàng 5.2.2. Quy trình tạo động lực cho lực lượng bán hàng 5.2.3. Phương pháp	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 5; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra tình huống và hướng dẫn sinh viên trình bày	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài tập tình huống theo hướng dẫn của GV theo nhóm	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO10 CLO11

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLO học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	tạo động lực cho lực lượng bán hàng				
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	Chương 6: Kiểm soát hoạt động bán hàng 6.1. Nội dung cơ bản của kiểm soát hoạt động bán hàng 6.1.1. Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn kiểm soát 6.1.2. Đo lường kết quả hoạt động	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 6; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra tình huống và hướng dẫn sinh viên trình bày	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài tập tình huống theo hướng dẫn của GV theo nhóm	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên	CLO4 CLO5 CLO10 CLO11
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	Chương 6: Kiểm soát hoạt động bán hàng (Tiếp) 6.1. Nội dung cơ bản của kiểm soát hoạt động bán hàng (tiếp) 6.1.3. Đánh giá kết quả hoạt động bán hàng và triển khai các hoạt động điều chỉnh 6.2. Đánh giá mức độ hoàn thành công việc của lực lượng bán hàng 6.2.1. Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 6; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra tình huống và hướng dẫn sinh viên trình bày	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài tập tình huống theo hướng dẫn của GV theo nhóm	Đánh giá quá trình: Bài kiểm tra thường xuyên.	CLO4 CLO5 CLO10 CLO11
Tuần 11 Buổi 11 4 giờ	Chương 6: Kiểm soát hoạt động bán hàng (Tiếp) 6.2. Đánh giá mức độ hoàn thành công việc	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 6; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;	Đánh giá quá trình: Bài kiểm	CLO4 CLO5 CLO10 CLO11

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLO học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>của lực lượng bán hàng (tiếp)</p> <p>6.2.2. Tổ chức đáng giá mức độ hoàn thành công việc của lực lượng bán hàng</p> <p>6.2.3. Một số sai lầm cần tránh khi đánh giá lực lượng bán hàng</p>	<p>dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra tình huống và hướng dẫn sinh viên trình bày</p>	<p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Làm bài tập tình huống theo hướng dẫn của GV theo nhóm</p>	tra thường xuyên.	
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ	<p>Chương 7: Kỹ năng bán hàng cá nhân</p> <p>7.1. Các kênh bán hàng chủ yếu</p> <p>7.1.1. Bán hàng tại quầy</p> <p>7.1.2. Bán hàng trực tuyến</p> <p>7.1.3. Bán hàng tại địa chỉ của khách hàng</p> <p>7.1.4. Bán hàng qua điện thoại</p> <p>7.1.5. Bán hàng tại chỗ</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 7;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra tình huống và hướng dẫn sinh viên trình bày</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Làm bài tập tình huống theo hướng dẫn của GV theo nhóm</p>	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên	CLO1 CLO2 CLO3 CLO8 CLO10 CLO11
Tuần 13 Buổi 13 4 giờ	<p>Chương 7 Kỹ năng bán hàng cá nhân (tiếp)</p> <p>7.2. Xu hướng bán hàng cá nhân</p> <p>7.3. Quy trình bán hàng cá nhân</p> <p>7.3.1. Thăm dò khách hàng</p> <p>7.3.2. Đánh giá</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 7;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Làm bài tập tình huống theo hướng dẫn của GV theo</p>		CLO2 CLO1 CLO2 CLO3 CLO8 CLO10 CLO11

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLO học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	khách hàng	- Đưa ra tình huống và hướng dẫn sinh viên trình bày	nhóm		
Tuần 14 Buổi 14 4 giờ	Chương 7: Kỹ năng bán hàng cá nhân (tiếp) 7.3. Quy trình bán hàng cá nhân 7.3.3. Tiếp cận 7.3.4. Thuyết trình bán hàng 7.3.5. Thuyết minh sản phẩm 7.3.6. Xử lý từ chối của khách hàng 7.3.7. Kết thúc 7.3.8. Chăm sóc sau bán hàng	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 7; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra tình huống và hướng dẫn sinh viên trình bày - Giao bài kiểm tra giữa kì	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài tập tình huống theo hướng dẫn của GV theo nhóm - Làm bài kt giữa kì		CLO2 CLO1 CLO2 CLO3 CLO8 CLO10 CLO11
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	Hệ thống và ôn tập lại kiến thức của học phần	- Hệ thống lại kiến thức theo từng chương - Đáp án bài kiểm tra giữa kì. - Công bố điểm thành phần (Thường xuyên, CC, Giữa kì) - Giải quyết những thắc mắc về kiến thức, điểm thành phần	- SV lắng nghe, ghi chép lại. - Đặt câu hỏi để rõ hơn - Kiểm tra điểm thành phần	Không đánh giá	CLO10 CLO11

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 7.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

– Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

– Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

– Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

– Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

– Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

– Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

– Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

– Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ/email liên hệ: nguyenthanhchien@dnp.edu.vn

Đông Nai, ngày 04 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thanh Hiền

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.
- Tên học phần Tiếng Anh: BUSINESS OPERATIONS ANALYSIS.
- Mã học phần: 2112405
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh.
- Số tín chỉ: 03 tín chỉ.

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	30 giờ			90 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 4.
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: Không yêu cầu.
 - + Học phần trước: Nguyên lý thống kê kinh tế, Kế toán chi phí, Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 3, Tài chính doanh nghiệp.
 - + Học phần song hành: Phân tích báo cáo tài chính.

2. Mục tiêu của học phần: sau khi hoàn thành học phần, người học đạt được những mục tiêu sau:

2.1 Mục tiêu chung: Học phần Phân tích hoạt động kinh doanh trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phân tích, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hoạt động quản lý chi phí và giá thành sản phẩm, hoạt động tiêu thụ, lợi nhuận tiêu thụ và tình hình tài chính của doanh nghiệp, thông qua phân tích các chỉ tiêu kinh tế, xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố từ đó đề ra biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object-Viết tắt là CO):

- Về kiến thức:

CO1: Trang bị cho người học các phương pháp, kỹ năng phân tích đánh giá sự biến động của các chỉ tiêu kinh tế biểu hiện kết quả hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý chi phí và giá thành sản phẩm, hoạt động tiêu thụ, lợi nhuận và tình hình tài chính của doanh nghiệp và xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến sự biến động đó.

CO2: Đề ra các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Về kỹ năng:

CO3: Giúp người học phát triển kỹ năng nhận thức, kỹ năng phân tích đánh giá tình huống kinh tế phát sinh đối với doanh nghiệp, kỹ năng thuyết trình và kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết thuộc lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp.

CO4: Người học có khả năng phân tích, tổng hợp và đánh giá để phát hiện và giải quyết vấn đề trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO5: Giúp người học xây dựng ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

CO6: Có năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Phân tích hoạt động kinh doanh. Giúp người học hiểu và phân tích, đánh giá đúng kết quả sản xuất về khối lượng, chất lượng sản phẩm. Đánh giá được tình hình sử dụng các nguồn lực đầu vào, kiểm soát chi phí thông qua phân tích biến động giá thành sản phẩm. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh và lợi nhuận để thấy được nguyên nhân làm lợi nhuận doanh nghiệp tăng, giảm theo xu hướng khách quan hoặc chủ quan. Phân tích báo tài chính của doanh nghiệp để thấy được ý nghĩa của các số liệu trên các báo cáo, mối quan hệ giữa các khoản mục trên bảng cân đối và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Đánh giá được tình hình biến động cũng như kết cấu vốn, nguồn vốn của doanh nghiệp. Khả năng sinh lời, tình hình lưu chuyển vốn, khả năng thanh toán của doanh nghiệp cũng sẽ được sáng tỏ khi phân tích báo cáo tài chính.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (Course learning outcomes-Viết tắt là CLOs):

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	Hiểu được nội dung, nhiệm vụ và các phương pháp kỹ thuật phân tích thường được sử dụng trong phân tích hoạt động	3,0

	kinh doanh.	
CLO2	Hiểu được nội dung các chỉ tiêu, các yếu tố cấu thành nên chỉ tiêu và phương pháp tính từng chỉ tiêu biểu hiện kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.	3,0
CLO3	Áp dụng được các phương pháp, kỹ thuật phân tích để phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thông qua việc phân tích các chỉ tiêu kinh biểu hiện kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.	4,0
CLO4	Đánh giá, nhận xét mức độ biến động của kết quả sản xuất kinh doanh qua các kỳ nghiên cứu, nguyên nhân ảnh hưởng và đề xuất giải pháp để nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.	5,0
CLO5	Hiểu được ý nghĩa và nội dung phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.	3,0
CLO6	Áp dụng các phương pháp, kỹ thuật phân tích để đánh giá khái quát tình hình thực hiện kế hoạch chi phí và giá thành sản xuất sản phẩm.	4,5
CLO7	Áp dụng các phương pháp, kỹ thuật phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản xuất đơn vị sản phẩm, các khoản mục chi phí trong giá thành để từ đó đánh giá tình hình quản lý giá thành sản xuất của toàn doanh nghiệp, đưa ra được các biện pháp hữu hiệu để giảm giá thành sản xuất đơn vị, góp phần nâng cao kết quả và hiệu quả kinh doanh.	5,0
CLO8	Áp dụng các phương pháp, kỹ thuật phân tích tình hình thực hiện kế hoạch hạ giá thành sản phẩm so sánh được để từ đó đánh giá được mức độ hoàn thành kế hoạch hạ giá thành sản phẩm của doanh nghiệp cũng như xác định được những yếu tố nào có ảnh hưởng đến kết quả hạ giá thành sản phẩm sản xuất của doanh nghiệp.	4,5
CLO9	Áp dụng các phương pháp, kỹ thuật phân tích tình hình thực hiện kế hoạch chi phí sản xuất trên 1.000 đồng giá trị sản phẩm hàng hóa để biết được nguyên nhân làm tăng, giảm chi phí sản xuất trên 1.000 đồng giá trị sản phẩm hàng hóa. Từ đó, đề ra các biện pháp phù hợp để giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận, nâng cao hiệu quả kinh doanh.	5,0
CLO10	Hiểu được nội dung các chỉ tiêu, các yếu tố cấu thành nên chỉ tiêu và phương pháp tính từng chỉ tiêu biểu hiện kết quả hoạt động tiêu thụ và lợi nhuận tiêu thụ.	3,0
CLO11	Áp dụng các phương pháp, kỹ thuật phân tích để đánh giá	4,5

	khái quát kết quả hoạt động tiêu thụ của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động tiêu thụ.	
CLO12	Áp dụng các phương pháp, kỹ thuật phân tích để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động tiêu thụ để nắm được xu hướng và mức độ tác động của từng nhân tố đến kết quả hoạt động tiêu thụ. Từ đó, chỉ rõ nguyên nhân ảnh hưởng và đề xuất các giải pháp hữu hiệu để nâng cao kết quả hoạt động tiêu thụ.	5,0
CLO13	Áp dụng các phương pháp, kỹ thuật phân tích để phân tích lợi nhuận hoạt động tiêu thụ thông qua phân tích chỉ tiêu lợi nhuận gộp về tiêu thụ và lợi nhuận thuần về tiêu thụ nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.	4,5
CLO14	Hiểu được nội dung các chỉ tiêu, các yếu tố cấu thành nên chỉ tiêu và phương pháp tính từng chỉ tiêu biểu hiện tình hình tài chính doanh nghiệp.	3,0
CLO15	Áp dụng các phương pháp, kỹ thuật phân tích để đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp. Từ đó, rút ra nhận xét khái quát về thực trạng và sức mạnh tài chính của doanh nghiệp	4,5

Chuẩn về kỹ năng

CLO16	Áp dụng các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá vấn đề và giải quyết vấn đề.	3,5
CLO17	Phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, đọc các báo cáo số liệu, dữ liệu của doanh nghiệp để phục vụ công tác phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh.	3,0
CLO18	Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm.	3,5

Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm

CLO19	Người học tạo lập ý thức trách nhiệm đối với công việc đáp ứng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp.	3,5
CLO20	Phát triển khả năng phân tích và đánh giá các tình huống kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp.	3,5

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
CLOs																		

1	X	X	X	X	X												X	X
2	X	X	X	X	X												X	X
3	X	X		X	X		X		X	X			X				X	X
4	X	X		X	X		X	X	X	X	X		X			X	X	X
5	X	X	X	X	X												X	X
6	X	X		X	X		X		X	X			X			X	X	X
7	X	X		X	X		X	X	X	X	X		X			X	X	X
8	X	X		X	X		X		X	X			X			X	X	X
9	X	X		X	X		X	X	X	X	X					X	X	X
10	X	X	X	X	X												X	X
11	X	X		X	X		X		X	X			X			X	X	X
12	X	X		X	X		X	X	X	X	X					X	X	X
13	X	X		X	X		X		X	X			X			X	X	X
14	X	X	X	X	X												X	X
15	X	X		X	X		X	X	X	X	X		X		X		X	X
16	X	X	X		X		X	X	X	X		X		X	X		X	X
17	X	X							X		X		X			X	X	X
18	X	X					X		X	X		X		X	X		X	X
19	X	X	X	X	X	X	X	X	X								X	X
20	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X			X	X	X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	- Chuyên cần; phát biểu, xây dựng bài; thực hiện yêu cầu	Thường xuyên	CLO1 đến CLO8	10%

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
1. Đánh giá quá trình	của giảng viên.			
	- Làm đủ bài tập cá nhân, bài tập nhóm (thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm) đúng hạn và đạt yêu cầu.	Thường xuyên	CLO1 đến CLO8	5%
	- Bài kiểm tra giữa kỳ theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm.	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1 đến CLO8	25%
2. Đánh giá kết thúc	Kết thúc học phần: bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan	Thi cuối kỳ	CLO1 đến CLO8	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

- Tài liệu bắt buộc:

[1] PGS.TS.Phạm Văn Dược; TS. Huỳnh Đức Lòng; ThS. Lê Thị Minh Tuyết (2018), *Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh*, Hồ Chí Minh: NXB Kinh tế TP HCM.

[2] GS.TS.Nguyễn Văn Công (2013), *Giáo trình phân tích kinh doanh*, Hà Nội: Đại học Kinh tế Quốc Dân.

- Tài liệu tham khảo:

[1] PGS.TS.Phạm Văn Dược; TS. Trần Phước (2010), *Phân tích hoạt động kinh doanh*, Hồ Chí Minh: NXB Đại học Công nghiệp TP HCM.

[2] PGS.TS.Phạm Văn Dược (2012), *Bài Tập - Bài Giải Phân Tích Hoạt Động Kinh Doanh*, Hồ Chí Minh: NXB Hồng Đức.

[3] Nguyễn Thị My; TS. Phan Đức Dũng (2008), *Phân tích hoạt động kinh doanh*, Hồ Chí Minh: NXB Thống Kê.

[4] PGS.TS.Nguyễn Năng Phúc; ThS.Nguyễn Thu Hằng (2010), *Tóm tắt lý thuyết, bài tập và lời giải Phân tích hoạt động kinh doanh & Chuẩn đoán doanh nghiệp*, Hà Nội: NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân.

[5] GS.TS.Nguyễn Văn Công (2010), *Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính*, NXB Giáo dục Việt Nam.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	<p>Kiểm tra lại kiến thức về học phần tiên quyết.</p> <p>Giới thiệu học phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về học phần Phân tích hoạt động kinh doanh - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập <p>Nêu mục tiêu môn học</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra các ví dụ để kiểm tra lại kiến thức về học phần kế toán tài chính mà sinh viên đã được học; - Nhấn mạnh nội dung mà sinh viên cần nhớ và học lại ở học phần tiên quyết; - Trình chiếu slide bài giảng để hướng dẫn từng nội dung của môn học; - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học; - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra, đánh giá môn học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhớ lại các kiến thức ở học phần kế toán tài chính; - Ghi nhớ mục tiêu, nội dung môn học; - Ghi nhớ cách tìm tài liệu, nghiên cứu; - Ghi nhớ cách thức đánh giá học phần. 	<i>Không đánh giá</i>	
	<p>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</p> <p>1.1 Nội dung phân tích hoạt động kinh doanh</p> <p>1.1.1 Khái niệm</p> <p>1.1.2 Ý nghĩa</p> <p>1.1.3 Đối tượng</p> <p>1.1.4 Vai trò</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. 	Các câu hỏi	CLO1 CLO16- CLO20

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	1.1.5 Mục tiêu và nhiệm vụ				
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	<p>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)</p> <p>1.2 Các phương pháp, kỹ thuật sử dụng trong phân tích</p> <p>1.3 Tổ chức thực hiện phân tích kinh doanh</p> <p>1.4 Các loại hình phân tích kinh doanh</p> <p>1.5 Trình tự tiến hành phân tích</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên; - Giao ví dụ minh họa: VD1.1 đến VD1.6; - Giao bài tập về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm ví dụ 1.1 đến 1.6; - Làm các bài tập được giao về nhà. 	Ví dụ Bài tập	CLO1 CLO16- CLO20
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	<p>CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT</p> <p>2.1 Phân tích kết quả sản xuất về mặt qui mô</p> <p>2.2 Phân tích kết quả sản xuất và sự thích ứng thị trường</p> <p>2.3 Phân tích kết quả theo đơn đặt hàng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên; - Giao ví dụ minh họa: VD 2.1 đến VD 2.3; - Giao bài tập về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm ví dụ 2.1 đến 2.3; - Làm các bài tập được giao về nhà. 	Ví dụ Bài tập	CLO1- CLO4 CLO16- CLO20
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	<p>CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT (Tiếp theo)</p> <p>2.4 Phân tích tính</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; 	Ví dụ Bài tập	CLO1- CLO4 CLO16- CLO20

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>chất đồng bộ trong sản xuất</p> <p>2.5 Phân tích kết quả sản xuất về mặt chất lượng</p> <p>Bài tập chương 2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời thắc mắc của sinh viên; - Giao ví dụ minh họa: VD 2.1 đến VD 2.3; - Giao bài tập về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> động do giảng viên đưa ra; - Làm ví dụ 2.1 đến 2.3; - Làm các bài tập được giao về nhà. 		
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	<p>Ôn tập, củng cố lại lý thuyết và sửa các bài tập chương 2</p> <p>- Bài kiểm tra TX số 1</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm; - Sửa bài tập chương 2 và trả lời thắc mắc của sinh viên; - Giao bài KTTX số 1 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài KTTX số 1 	Bài tập Bài KTTX1	CLO1- CLO4 CLO16- CLO20
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	<p>CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM</p> <p>3.1 Khái quát về chi phí và giá thành sản phẩm</p> <p>3.2 Ý nghĩa và nội dung phân tích</p> <p>3.3 Đánh giá khái quát tình hình thực hiện kế hoạch chi phí và giá thành sản phẩm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên; - Giao ví dụ minh họa: VD 3.1, VD 3.2; - Giao bài tập về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm ví dụ 3.1 đến 3.2; - Làm các bài tập được giao về nhà. 	Ví dụ Bài tập	CLO1 CLO5- CLO9 CLO16- CLO20
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	<p>CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM (Tiếp theo)</p> <p>3.4 Phân tích tình</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; Tham gia các hoạt 	Ví dụ Bài tập	CLO1 CLO5- CLO9 CLO16-

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>hình thực hiện kế hoạch giá thành đơn vị sản xuất sản phẩm</p> <p>3.5 Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch hạ giá thành sản phẩm so sánh được</p> <p>3.6 Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch chi phí sản xuất trên 1.000 đồng giá trị sản phẩm hàng hóa</p> <p>Bài tập chương 3</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời thắc mắc của sinh viên; - Giao ví dụ minh họa: VD 3.3 đến VD 3.8; - Giao bài tập về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> động do giảng viên đưa ra; - Làm ví dụ 3.3 đến 3.8; - Làm các bài tập được giao về nhà. 		CLO20
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập và củng cố lại lý thuyết và sửa các bài tập chương 3 - Kiểm tra giữa kỳ số 1 	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm; - Trả lời thắc mắc của sinh viên; - Giao bài kiểm tra giữa kỳ số 1. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trong tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài kiểm tra giữa kỳ số 1. 	Bài tập Bài KTGK số 1	CLO1 CLO5- CLO9 CLO16- CLO20
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	<p>CHƯƠNG 4: PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG TIÊU THỤ VÀ LỢI NHUẬN TIÊU THỤ</p> <p>4.1 Phân tích hoạt động tiêu thụ</p> <p>4.2 Phân tích tình hình lợi nhuận tiêu thụ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên; - Giao ví dụ minh họa: VD 4.1 đến VD 4.3; - Giao bài tập về 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm ví dụ 4.1 đến 4.3; - Làm các bài tập được giao về nhà. 	Ví dụ Bài tập	CLO1 CLO10- CLO13 CLO16- CLO20

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		nhà.			
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	CHƯƠNG 4: PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG TIÊU THỤ VÀ LỢI NHUẬN (Tiếp theo) 4.2 Phân tích tình hình lợi nhuận tiêu thụ (tiếp) 4.3 Phân tích điểm hòa vốn trong tiêu thụ Bài tập chương 4	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên; - Giao ví dụ minh họa: VD 4.4 đến VD 4.6; - Giao bài tập về nhà.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm ví dụ 4.4 đến 4.6; - Làm các bài tập được giao về nhà.	Ví dụ Bài tập	CLO1 CLO10- CLO13 CLO16- CLO20
Tuần 11 Buổi 11 4 giờ	- Ôn tập, củng cố lại lý thuyết và sửa các bài tập chương 4 - Bài kiểm tra TX số 2.	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm chương 4; - Sửa bài tập chương 4 và trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài KTTX số 2	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Làm bài KTTX số 2	Bài tập Bài KTTX 2	CLO1 CLO10- CLO13 CLO16- CLO20
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ	Kiểm tra giữa kỳ số 2 CHƯƠNG 5: PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 5.1 Mục tiêu phân tích báo cáo tài chính 5.2 Các tiêu chuẩn để phân tích báo cáo tài chính 5.3 Phân tích báo	- Giao bài kiểm tra giữa kỳ số 2. - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên; - Giao ví dụ minh họa: VD 5.1 đến VD 5.3;	- Làm bài kiểm tra giữa kỳ số 2. - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm ví dụ 5.1 đến 5.3; - Làm các bài tập	Bài KTGK2 Ví dụ Bài tập	CLO1 CLO14 CLO15 CLO16- CLO20

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	cáo tài chính	- Giao bài tập về nhà.	được giao về nhà.		
Tuần 13 Buổi 13 4 giờ	CHƯƠNG 5: PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) 5.3 Phân tích báo cáo tài chính (tiếp) Bài tập chương 5	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên; - Giao ví dụ minh họa: VD 5.4 đến VD 5.8; - Giao bài tập về nhà.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm ví dụ 5.4 đến 5.8; - Làm các bài tập được giao về nhà.	Ví dụ Bài tập	CLO1 CLO14 CLO15 CLO16- CLO20
Tuần 14 Buổi 14 4 giờ	- Ôn tập, sửa bài tập chương 5 - Sửa bài kiểm tra TX 1,2 và bài KTGK 1,2.	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm chương 5; - Sửa bài tập chương 5; - Sửa bài kiểm tra TX 1,2 và bài KTGK 1,2. - Trả lời thắc mắc của sinh viên.	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trong tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu chương 5; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Bài tập	CLO1 CLO14 CLO15 CLO16- CLO20
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết, nội dung chính của toàn học phần - Ôn tập 1 số dạng bài tập - Công bố điểm thành phần	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm; - Trả lời thắc mắc của sinh viên; - Công bố điểm thành phần 40%.	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trong tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Không đánh giá	CLO1- CLO20

8. Quy định đối với học phần

8.1. Quy định về đánh giá quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là bình quân giữa 02 bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi các chương của học phần.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

– Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

– Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

– Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

– Đi học đầy đủ, đúng thời gian qui định của nhà trường;

– Yêu cầu trong giờ học tại lớp: không được nói chuyện và làm việc riêng, không sử dụng điện thoại cá nhân và các thiết bị điện tử trừ khi giảng viên cho phép tra cứu tư liệu, thông tin để phục vụ cho học tập, nghiên cứu;

– Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo qui định của giảng viên khi đến lớp;

– Trước khi đến lớp, yêu cầu sinh viên tự đọc, nghiên cứu các bài tập, tài liệu tại nhà theo sự hướng dẫn giảng viên nhằm trao đổi, phản biện, góp ý, hợp tác, thảo luận các nội dung theo yêu cầu của giảng viên;

– Tinh thần, thái độ tôn trọng, nghiêm túc, trách nhiệm, tính kỷ luật, cầu thị trong học tập, làm việc với giảng viên và các bạn trong ngoài lớp;

– Kiểm soát tốt cảm xúc cá nhân khi tranh luận, phản biện, bác bỏ, chia sẻ, góp ý, thảo luận, trao đổi các vấn đề tại lớp, trong nhóm;

– Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/ Bộ môn Quản trị kinh doanh.
- Địa chỉ/email liên hệ: bichvan88ktdn@gmail.com.

Đồng Nai, ngày 03 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Th.s Trần Thị Bích Vân

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: Thương mại điện tử
- Tên học phần Tiếng Anh: E-commerce
- Mã học phần: 2112406
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
100 giờ	20 giờ	20 giờ			60 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 03
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: Không bắt buộc
 - + Học phần trước: Không bắt buộc
 - + Học phần song hành (nếu có): Không bắt buộc

2. Mục tiêu của học phần: sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Đây là môn học tự chọn đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản về công nghệ Internet, tình hình phát triển thương mại điện tử tại Việt Nam, các mô hình thương mại điện tử, hoạt động marketing, thanh toán trực tuyến, bảo an trong thương mại điện tử

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức:

CO1: Giải thích được những kiến thức cốt lõi trong thương mại điện tử

CO2: Vận dụng được thương mại điện tử trong kinh doanh

CO3: Phân biệt các mô hình kinh doanh trong thương mại điện tử

CO4: Nhận biết được những nguy cơ trong thương mại điện tử

CO5: Thực hiện được marketing 1 sản phẩm

- Về kỹ năng:

CO6: Ứng dụng các kỹ năng cứng: Kỹ năng sử dụng các công cụ trong thương mại điện tử & thực hiện được các phương thức thanh toán, đặt hàng, mua sắm trên Internet

CO7: Thực hành các kỹ năng mềm: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, xác lập mục tiêu, kế hoạch, quản lý thời gian trong hoạt động thương mại điện tử

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO8: Thông qua những qui định trong học tập kết hợp với phương pháp giảng dạy tích cực và học tập chủ động, môn học sẽ góp phần xây dựng thái độ trung thực, hợp tác, tôn trọng qui định, và sự yêu thích hoạt động thương mại điện tử

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Thương mại điện tử ngày nay trở thành một yếu tố kinh tế có ý nghĩa toàn cầu và mang một ý nghĩa quyết định trong các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong tất cả các ngành nghề kinh doanh khác nhau. Cơ sở hạ tầng của thương mại điện tử phát triển hoàn thiện và đủ đáp ứng cho các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và các dịch vụ công của chính phủ.

Học phần Nhập môn Thương mại điện tử được thiết kế để trang bị những kiến thức khái quát về các vấn đề cơ bản của lĩnh vực thương mại điện tử, bao gồm:

Chương 1: Tổng quan về thương mại điện tử

Chương 2: Cơ sở mạng của thương mại điện tử

Chương 3: Các mô hình kinh doanh của thương mại điện tử

Chương 4: An ninh trong kinh doanh thương mại điện tử

Chương 5: Hình thức thanh toán trong thương mại điện tử

Chương 6: Marketing điện tử

Từ những kiến thức cơ bản này, sinh viên có thể hiểu; trình bày và giải thích được những vấn đề cơ bản về thương mại điện tử hiện nay trước khi các em tham gia vào các hoạt động thương mại điện tử sau này.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần:

Mã số CĐR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)

Chuẩn về kiến thức

CLO1	Hiểu và nắm bắt được những nội dung lý thuyết cơ bản về vai trò, đặc điểm thương mại điện tử So sánh giữa thương mại truyền thống và thương mại điện tử	3,0
CLO2	Phân tích được lợi thế và hạn chế của thương mại điện tử Tìm hiểu xu hướng thương mại điện tử trên thế giới và Việt Nam	4,0
CLO3	Hiểu cơ sở mạng của thương mại điện tử: mạng máy tính, intranet, extranet, internet Tìm hiểu về lịch sử ra đời và phát triển của Internet Ứng dụng Internet trong thương mại điện tử	3,5
CLO4	Hiểu được các mô hình kinh doanh của Thương mại điện tử: B2B, B2C, C2C	3,5
CLO5	Nhận biết các rủi ro trong thương mại điện tử và cách thức phòng ngừa	3,0
CLO6	Nhận biết các hình thức thanh toán trong thương mại điện tử: thẻ thanh toán, ví điện tử, tiền điện tử Cho ví dụ và liên hệ thực tiễn về các hình thức thanh toán khi mua sắm bằng thương mại điện tử	4,5
CLO7	Marketing điện tử và ứng dụng marketing điện tử trong doanh nghiệp	3,5
CLO8	Thiết kế 1 sản phẩm và vận dụng các kiến thức được học trong học phần thương mại điện tử để bán sản phẩm đó	4,5

Chuẩn về kỹ năng

CLO9	Có kỹ năng tổng hợp, phân tích về các vấn đề liên quan đến thương mại điện tử trong bài học	3,5
CLO10	Có kỹ năng phân tích giải thích, trình bày khi áp dụng kiến thức lý thuyết trong bài học với tình huống thực tế	4,0
CLO11	Có kỹ năng cần thiết để làm việc nhóm, thảo luận đưa ra các giải pháp cho các vấn đề liên quan thương mại điện tử	4,5

Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm

CLO12	Thực hiện ghi chép, chú thích, phản hồi tích cực trong quá trình nghe giảng.	3,0
--------------	--	-----

CLO13	Có trách nhiệm đối với công việc được giao và tham gia tích cực vào các hoạt động nhóm	4,0
--------------	--	-----

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (PLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CLOs):

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1		x	x	x		x		x	x								x	x
2		x	x	x		x		x	x	x	x			x			x	x
3		x	x	x				x	x								x	x
4		x	x	x				x	x	x	x						x	x
5		x	x	x				x	x								x	x
6		x	x	x				x	x						x	x	x	x
7		x	x	x		x		x	x						x	x	x	x
8			x	x		x		x	x							x	x	x
9			x	x				x	x							x	x	x
10			x	x				x	x								x	x
11			x	x				x	x					x	x		x	x
12			x	x				x	x					x	x		x	x
13			x	x				x	x								x	x

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá quá trình	- Chuyên cần; phát biểu, xây dựng bài; thực hiện yêu cầu của giảng viên.	Chuyên cần	CLO1 đến CLO13	10%
	- Bài tập kiểm tra trắc nghiệm tổng quát kiến	Thường xuyên	CLO1 đến CLO13	5%

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CDR học phần	Trọng số
	thức - Thảo luận tình huống trên lớp, nêu ví dụ liên hệ và đưa ra các giải pháp	(2 bài)		
	- Bài kiểm tra giữa kỳ theo hình thức tự luận	Kiểm tra giữa kỳ		25%
2. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần Thi trắc nghiệm	Thi cuối kỳ Sử dụng thang điểm 10 để đánh giá theo đáp án đã được thiết kế.	CLO1 đến CLO13	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

- Tài liệu bắt buộc:

[1] Giáo trình Thương mại điện tử căn bản, TS Trần Văn Hòe, NXB ĐH kinh tế quốc dân, 2018

[2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai, *Thương mại điện tử*, Lưu hành nội bộ, 2022.

- Tài liệu tham khảo:

[1] Giáo trình Thương mại điện tử căn bản, PGS, TS Nguyễn Văn Hồng, TS Nguyễn Văn Thoan, Đại học Ngoại thương, 2012

[2] Hỏi và đáp về Thương mại điện tử - TS. Nguyễn Văn Sơn, TS. Nguyễn Đức Trí và TS. Ngô Thị Ngọc Huyền. NXB Lao động – Xã hội, 2007

[3] Kinh doanh điện tử và Thương mại điện tử (Bản dịch), Zorayda Ruth Andam, 2003

[4]: Electronic Commerce, G. P. Schneider (2011), 9th Edition, Course Technology, ISBN: 978-0-538.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		GV	SV		
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	<p>CHƯƠNG 1: Tổng quan về thương mại điện tử</p> <p>1.1. Thương mại điện tử là gì</p> <p>1.2. Đặc trưng của Thương mại điện tử</p> <p>1.3. So sánh thương mại điện tử và thương mại truyền thống</p> <p>1.4. Lợi ích và hạn chế của thương mại điện tử</p> <p>1.5. Đánh giá xu hướng phát triển TMĐT trên thế giới và Việt Nam</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Giới thiệu nội dung bao quát và mục tiêu môn học - Hướng dẫn cách tìm tài liệu tham khảo cho môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học. - GV Hướng dẫn lý thuyết qua slides bài giảng - GV hỏi SV liên hệ kiến thức thực tế liên quan đến bài học: SV đã từng mua sắm trên các trang mạng xã hội chưa? Nhận định về xu hướng phát triển TMĐT trên thế giới và Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhớ mục tiêu, nội dung môn học - Ghi nhớ cách tìm tài liệu, nghiên cứu - Ghi nhớ cách thức đánh giá học phần - Thảo luận về xu hướng phát triển TMĐT trên thế giới và Việt Nam 	Bài tập thảo luận nhóm	CLO1 CLO 2 CLO 9 CLO 10 CLO 12 CLO 13
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	<p>CHƯƠNG 2 : Cơ sở mạng của thương mại điện tử</p> <p>2.1. Intranet</p> <p>2.2. Extranet</p> <p>2.3. Internet</p> <p>2.2. Tình hình sử dụng internet của các quốc gia trên thế giới</p> <p>2.4. Thực hành thiết kế</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn lại bài học cũ - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Trả lời thắc mắc của sinh viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Liên hệ bản thân về thực trạng sử dụng internet. Từ đó tìm số liệu cho biết tình hình sử dụng 	Bài tập thảo luận nhóm	CLO 3 CLO 9 CLO 10 CLO 12 CLO 13

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		<i>GV</i>	<i>SV</i>		
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)
	1 website bán hàng		internet của các quốc gia trên thế giới hiện nay		
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	CHƯƠNG 2 : Cơ sở mạng của thương mại điện tử (tt)	- GV hướng dẫn SV thiết kế 1 website bán hàng trên ứng dụng Google site	- SV chia nhóm và lên ý tưởng tìm hình ảnh, video về 1 mặt hàng nào đó - SV thực hành thiết kế 1 website bán hàng trên ứng dụng Google site trên máy tính cá nhân	Thực hành trên máy tính Bài KT thường xuyên số 1	CLO 3 CLO 9 CLO 10 CLO 12 CLO 13
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	CHƯƠNG 3: Các mô hình của thương mại điện tử 3.1. B2B 3.2. B2C 3.3. C2C 3.4. Một số loại hình TMĐT khác	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Liên hệ bản thân sử dụng mô hình TMĐT nào?	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính - Hoàn thành bài tập do giảng viên đưa ra	Câu hỏi liên hệ phần 3.4	CLO 4 CLO 11, CLO 13
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	CHƯƠNG 4: An ninh trong thương mại điện tử 4.1. Vấn đề an ninh cho các hệ thống TMĐT 4.2 Các khía cạnh của an ninh TMĐT	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho SV về những rủi ro mà TMĐT hiện nay đang gặp phải - Trả lời thắc mắc của sinh viên	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính - Tìm thông tin và nêu ra 1 số ví dụ về nguy cơ trong TMĐT do GV yêu cầu	Câu hỏi liên hệ phần 4.1	CLO 5 CLO 9 CLO 11 CLO 13

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		<i>GV</i>	<i>SV</i>		
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)
	4.3 Xây dựng kế hoạch an ninh cho TMĐT	- Liên hệ thực tiễn 1 số nguy cơ trong TMĐT: virus, hacker, worm mà SV biết			
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	Ôn tập kiểm tra giữa kỳ	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Hướng dẫn cách làm các bài tập trắc nghiệm - Trả lời thắc mắc của sinh viên.	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trong tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Bài kiểm tra giữa kỳ	CLO 1 - CLO12
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	Chương 5: Thanh toán trong thương mại điện tử 5.1. Hệ thống thanh toán bằng thẻ 5.2. Ví điện tử 5.3. Thanh toán qua trung gian 5.4. Chuyển tiền điện tử	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Chia nhóm cho SV thảo luận về hình thức thanh toán TMĐT mà nhóm đang sử dụng, nêu ra những điểm thuận lợi của hình thức thanh toán đó	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính - Hoàn thành bài tập thảo luận do GV đưa ra	Bài tập thảo luận nhóm phần 5.1, 5.2	CLO 6 CLO 10 CLO 11 CLO 12 CLO 13
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	Chương 6: Marketing điện tử 6.1. Các khái niệm cơ bản về marketing điện tử 6.2 Các hình thức phát triển cơ bản của	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides; - Đặt câu hỏi cho sinh viên; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập nhóm	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính - Hoàn thành bài tập trắc nghiệm - Tự chia nhóm để nhận nhiệm vụ	Bài tập trắc nghiệm	CLO 7 CLO 10 CLO 11 CLO 12 CLO 13

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		GV	SV		
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)
	marketing điện tử 6.3 Ưu điểm của marketing điện tử so với marketing truyền thống 6.4 Tác động của TMĐT đến hoạt động marketing 6.5 Một số điều kiện cần để áp dụng marketing điện tử thành công	về nhà cho SV nghiên cứu trước: thiết kế 1 sản phẩm và áp dụng kiến thức để marketing cho sản phẩm đó	vụ do GV đưa ra		
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	Chương 6: Marketing điện tử (tt)	- Tổ chức lớp cho các nhóm thuyết trình về sản phẩm của mình	Trình bày trước lớp về kết quả nhóm mình nghiên cứu được	Bài tập nhóm – bài kiểm tra thường xuyên số 2	CLO 7 CLO 10 CLO 11 CLO 12 CLO 13
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	Ôn tập cuối kỳ	- Ôn tập kiến thức và giới hạn nội dung thi cuối kỳ	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính - Hệ thống kiến thức ôn tập cuối kỳ	Không đánh giá	CLO 6 - CLO 13

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 6.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

– Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

– Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

– Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

– Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

– Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

– Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

– Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh

- Địa chỉ/email liên hệ: Diepnhs@gmail.com

Đồng Nai, ngày 03 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA



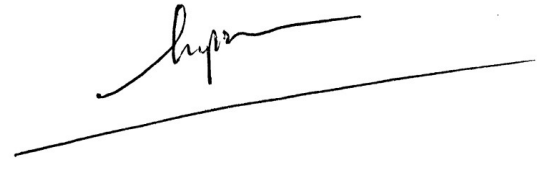
ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN LÝ TIỀN LƯƠNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: QUẢN LÝ TIỀN LƯƠNG
- Tên học phần Tiếng Anh: SALARY MANAGEMENT
- Mã học phần: 2112407
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 03

Tổng số giờ	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	30 giờ	0	00	90 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 4
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không có
 - + Học phần trước: Quản trị học
 - + Học phần song hành (nếu có): không có

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Học phần Quản lý tiền lương nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ cơ bản về tiền lương và thưởng nhằm động viên khuyến khích nhân viên làm việc có hiệu quả.

Kiến thức của học phần này là một kiến thức chuyên môn sâu lĩnh vực quản trị nhân sự, sinh viên sau khi nghiên cứu môn học này có thể thực hiện được nghiệp vụ tiền lương trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc các khu vực, lĩnh vực kinh tế - xã hội.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object-Viết tắt là CO):

Về kiến thức

CO1: Hiểu biết sâu sắc và khoa học những kiến thức cơ bản về tiền lương, tiền công nhằm giúp chuyên viên quản lý nhân sự thiết lập hệ thống thang bảng lương cho doanh nghiệp.

CO2: Phân biệt được các loại phụ cấp và biết cách tính trả cho từng loại phụ cấp, các hình thức trả lương cho người lao động cũng như biết cách tính lương, trả lương cho từng đối tượng.

CO3: Am hiểu các hình thức khuyến khích vật chất cho nhân viên và biết cách vận dụng vào từng trường hợp cụ thể.

CO4: Am hiểu và xây dựng được quy chế trả lương của doanh nghiệp, nguồn hình thành và phân bổ quỹ lương.

CO5: Hiểu biết sâu sắc về việc quản lý Nhà nước về tiền lương, quản lý tiền lương tại Doanh nghiệp để có thể đổi mới quản lý tiền lương trong môi trường hội nhập quốc tế.

Về kỹ năng:

CO7: Người học có khả năng phát hiện, đánh giá khả năng quản trị tiền lương của các doanh nghiệp trong hoạt động, tìm kiếm các phương án trả lương phù hợp thông qua việc thảo luận, nâng cao năng lực tư duy sáng tạo;

CO8: Hoàn thiện các kỹ năng mềm trong quản trị nhân sự thông qua hoạt động thảo luận nhóm, bài tập tình huống.

CO9: Bồi dưỡng kỹ năng quản lý, lãnh đạo, giao tiếp, thuyết trình, ngoại ngữ và ứng dụng được các phần mềm quản lý

CO10: Luyện tập kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO11: Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập nhóm;

CO12: Người học có nhận thức rõ hơn trong tiếp cận vào hệ thống quản trị của một tổ chức, ý thức được trách nhiệm, vai trò về quản lý tiền lương, tiền công trong doanh nghiệp.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Quản lý tiền lương là một nội dung quan trọng trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực. Kiến thức về tiền lương, tiền công giúp nhà quản trị hiểu biết rõ pháp luật về tiền lương tiền công, từ đó xây dựng được hệ thống thang bảng lương cho doanh nghiệp cũng như cách trả lương, thưởng cho người lao động, nhằm khuyến khích tạo động lực làm việc và mang đến hiệu quả tối ưu sử dụng lao động của doanh nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course learning outcomes-Viết tắt là CLOs):

Mã số CĐR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	- Hiểu biết sâu sắc và khoa học những kiến thức cơ bản về tiền lương, tiền công nhằm giúp chuyên viên quản lý nhân sự thiết lập hệ thống thang bảng lương cho doanh nghiệp.	3,5
CLO2	- Phân biệt được các loại phụ cấp và biết cách tính trả cho từng loại phụ cấp.	3,5
CLO3	- Phân biệt được các hình thức trả lương cho người lao động cũng như biết cách tính lương, trả lương cho từng đối tượng.	3,5
CLO4	- Am hiểu các hình thức khuyến khích vật chất cho nhân viên và biết cách vận dụng vào từng trường hợp cụ thể.	3,5
CLO5	- Am hiểu và xây dựng được quy chế trả lương của doanh nghiệp, nguồn hình thành và phân bổ quỹ lương.	3,5
CLO6	- Hiểu biết sâu sắc về việc quản lý Nhà nước về tiền lương, quản lý tiền lương tại Doanh nghiệp để có thể đổi mới quản lý tiền lương trong môi trường hội nhập quốc tế.	3,5
Chuẩn về kỹ năng		
CLO7	- Người học có khả năng phát hiện, đánh giá khả năng quản trị tiền lương của các doanh nghiệp trong hoạt động, tìm kiếm các phương án trả lương phù hợp thông qua việc thảo luận, nâng cao năng lực tư duy sáng tạo;	3
CLO8	- Hoàn thiện các kỹ năng mềm trong quản trị nhân sự thông qua hoạt động thảo luận nhóm, bài tập tình huống.	3,5
CLO9	- Kỹ năng quản lý, lãnh đạo, giao tiếp, thuyết trình, ngoại ngữ và ứng dụng được các phần mềm quản lý.	4,5
CLO10	Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm tốt.	4,0
Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm		
CLO11	- Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức	4,0

	nghiên cứu tài liệu và học tập nhóm;	
CLO12	- Người học có nhận thức rõ hơn trong tiếp cận vào hệ thống quản trị của một tổ chức, ý thức được trách nhiệm, vai trò về quản lý tiền lương, tiền công trong doanh nghiệp.	4,0

❖ **Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):**

PLOs \ CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	x	x		x	x	x	x		x				x	x				
2	x	x		x	x	x	x		x				x	x				
3	x	x		x	x	x	x		x				x	x				
4	x	x		x	x	x	x		x				x	x				
5	x	x		x	x	x	x		x				x	x				
6	x	x		x	x	x	x		x				x	x				
7								x	x	x	x	x	x		x	x		
8								x	x	x	x	x	x		x	x		
9								x	x	x				x	x	x		
10								x	x	x				x	x	x		
11																	x	x
12																	x	x

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá sự chuyên cần	- Tham dự lớp học - Tham gia các hoạt động học tập, làm việc nhóm	Đánh giá thường xuyên theo thang điểm ABCDF	CLO9	10%

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CDR học phần	Trọng số
2. Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra thường xuyên: TX1; TX2; TX3; TX4; TX5; TX6; TX7;	Trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO6	5%
	Bài kiểm tra giữa kì: GK1, GK2	Kiểm tra làm bài tự luận. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO10,	25%
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	Thi cuối kỳ hình thức thi trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO10,	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

[1]. PGS-TS Nguyễn Tiệp, TS Lê Thanh Hà (2011), Giáo trình *Tiền lương - tiền công*, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.

[2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai (2022), *Quản lý tiền lương*, Lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo:

[1] Các văn bản quy định về chế độ tiền lương

[2] Bộ luật lao động của nước cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học	Bài	CDR
------	------------------	----------------------	-----	-----

Buổi Số giờ		Giảng viên	Sinh Viên	đánh giá	học phần
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	Giới thiệu môn học - Giới thiệu về học phần Quản lý tiền lương - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập	- Trình chiếu slide bài giảng “ Giới thiệu môn học” để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học.	- Ghi chép, đặt các câu hỏi về môn học để được hướng dẫn cụ thể.	Không đánh giá	
	Chương 1: Tổng quan về tổ chức tiền lương doanh nghiệp 1.1 Các khái niệm và chức năng của tiền lương 1.2 Tiền lương danh nghĩa, tiền lương thực tế 1.3 Tiền lương tối thiểu	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 1; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;	Ví dụ, bài tập	CLO1 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	Chương 1: Tổng quan về tổ chức tiền lương doanh nghiệp (tt) 1.4 Mục tiêu và các nguyên tắc xây dựng hệ thống tiền lương 1.5 Các yếu tố ảnh hưởng đến tiền lương nhân viên 1.6 Quy trình quản trị tiền lương trong doanh nghiệp Bài tập chương 1	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng,	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thảo luận nhóm, hoàn thành các bài tập được giao. - Làm bài trắc nghiệm TX1.	Ví dụ, bài tập, bài kiểm tra TX1	CLO1 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		thảo luận nhóm. - Giao bài trắc nghiệm TX1.			
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	Chương 2: Xây dựng hệ thống tiền lương cho doanh nghiệp 2.1. Các chế độ tiền lương 2.2. Trình tự xây dựng hệ thống thang bảng lương Bài tập chương 2	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng, thảo luận nhóm.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thảo luận nhóm, hoàn thành các bài tập được giao.	Ví dụ, bài tập, thảo luận nhóm	CLO1 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	Chương 2: Xây dựng hệ thống tiền lương cho doanh nghiệp (tt) 2.3. Xác định hệ số tiền lương 2.4. Xác định ngạch lương và các mức lương Bài tập chương 2 (tt)	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa - Giao bài trắc nghiệm TX2.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài trắc nghiệm TX2.	Ví dụ, bài tập, bài kiểm tra TX2	CLO1 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10
Tuần 5	Chương 3: Phụ cấp lương	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các	Ví dụ, thảo	CLO2

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Buổi 5 4 giờ	<p>3.1. Bản chất và vai trò của phụ cấp lương</p> <p>3.2. Phân biệt lương cơ bản và phụ cấp lương</p> <p>3.3. Các chế độ phụ cấp lương</p> <p>3.4. Xây dựng chế độ phụ cấp lương</p> <p>Bài tập chương 3</p>	<p>slides chương 3;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra ví dụ minh họa</p> <p>- Giao bài tập cho sinh viên áp dụng, thảo luận nhóm.</p> <p>- Giao bài trắc nghiệm TX3.</p>	<p>điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Thảo luận nhóm, hoàn thành các bài tập được giao.</p> <p>- Làm bài trắc nghiệm TX3.</p>	luận nhóm, bài tập, bài kiểm tra TX3	CLO7 CLO8 CLO9 CLO10
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	<p>Ôn tập, sửa bài tập chương 1, 2, 3</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ 1</p>	<p>- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm.</p> <p>- Sửa bài tập chương 5 và trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Giao bài kiểm tra giữa kỳ 1</p>	<p>- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu.</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.</p> <p>- Làm bài kiểm tra giữa kỳ 1</p>	Bài tập Bài kiểm tra GK1	CLO1 CLO2 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	<p>Chương 4: Các hình thức trả lương</p> <p>4.1. Trả lương theo sản phẩm</p> <p>4.2. Trả lương theo thời gian</p> <p>4.3. Trả lương theo kết quả công việc</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Hoàn thành các bài tập được giao.</p>	Ví dụ, bài tập	CLO3 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	Bài tập chương 4	- Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng.			
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	Chương 4: Các hình thức trả lương 4.4. Hệ thống 3P 4.5. Quy định của Bộ luật Lao động khi áp dụng các hình thức trả lương Bài tập chương 4 (tt)	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng, thảo luận nhóm. - Giao bài trắc nghiệm TX4.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thảo luận nhóm, hoàn thành các bài tập được giao. - Làm bài trắc nghiệm TX4.	Ví dụ, thảo luận nhóm, bài kiểm tra TX4	CLO3 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	Chương 5: Tiền thưởng và phúc lợi 5.1. Các khái niệm cơ bản về tiền thưởng 5.2. Một số hình thức tiền thưởng đang áp dụng trong nền kinh tế thị trường nước ta 5.3. Các nội dung của một chế độ tiền thưởng	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Hoàn thành các bài tập được giao.	Ví dụ, bài tập	CLO4 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		họa - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng.			
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	Chương 5: Tiên thưởng và phúc lợi (tt) 5.4. Quy trình xây dựng quy chế trả thưởng trong doanh nghiệp, cơ quan 5.5. Các hình thức phúc lợi khác Bài tập chương 5	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Giao bài trắc nghiệm TX5.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Hoàn thành các bài tập được giao. - Làm bài trắc nghiệm TX5.	Ví dụ, bài tập, bài kiểm tra TX5	CLO4 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10
Tuần 11 Buổi 11 4 giờ	Chương 6: Quy chế trả lương của doanh nghiệp 6.1. Khái niệm và nội dung của quy chế trả lương 6.2. Xây dựng quy chế trả lương 6.3. Nguồn hình thành và phân bổ quỹ lương Bài tập chương 6	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Giao bài trắc	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Hoàn thành các bài tập được giao. - Làm bài trắc nghiệm TX6.	Ví dụ, bài tập, bài kiểm tra TX6	CLO5 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		nghiệm TX6.			
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ	Chương 7: Quản lý tiền lương 7.1. Quản lý Nhà Nước về tiền lương 7.2. Quản lý tiền lương tại doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng, thảo luận nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thảo luận nhóm, hoàn thành các bài tập được giao. 	Ví dụ, thảo luận nhóm	CLO6 CLO7 CLO8
Tuần 13 Buổi 13 4 giờ	Chương 7: Quản lý tiền lương (tt) 7.3. Đổi mới quản lý tiền lương trong môi trường hội nhập quốc tế Bài tập chương 7	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng - Giao bài trắc nghiệm TX7. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Hoàn thành các bài tập được giao. - Làm bài trắc nghiệm TX7. 	Ví dụ, bài tập, bài kiểm tra TX7	CLO6 CLO7 CLO8
Tuần 14		- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng		CLO3

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Buổi 14 4 giờ	Ôn tập, sửa bài tập chương 4, 5, 6, 7 Kiểm tra giữa kỳ 2	trọng tâm. - Sửa bài tập chương 5 và trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài kiểm tra giữa kỳ 2	tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Làm bài kiểm tra giữa kỳ 2	Bài tập Bài kiểm tra GK2	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết, nội dung chính của toàn môn học - Sửa bài kiểm tra giữa kỳ 2 - Ôn tập 1 số dạng bài tập - Công bố điểm thành phần	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Công bố điểm thành phần 40%	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trong tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Không đánh giá	CLO1- CLO12

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 7.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

– Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

– Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

– Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

– Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

– Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

– Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

– Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

– Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

– Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh

– Địa chỉ/email liên hệ: dinhhoa2490@gmail.com

Đồng Nai, ngày 04 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Đinh Thị Hóa

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TUYỂN DỤNG VÀ ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: TUYỂN DỤNG VÀ ĐÀO TẠO
- Tên học phần Tiếng Anh: RECRUITMENT AND TRAINING
- Mã học phần: 2112408
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: *(đánh dấu X vào ô chọn)*
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 03

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150	30	30	0	00	90

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 3
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: Quản trị học, Hành vi tổ chức
 - + Học phần trước: Quản trị nguồn nhân lực
 - + Học phần song hành (nếu có): Không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Học phần Tuyển dụng và đào tạo trang bị những kiến thức chuyên sâu của Quản trị nguồn nhân lực trong đào tạo chuyên ngành Quản trị kinh doanh, cụ thể là công tác lên kế hoạch tuyển dụng từ tuyển mộ, tuyển chọn cho đến tuyển dụng; xây dựng các bài kiểm tra, phỏng vấn trong tuyển dụng; xác định nhu cầu đào tạo, phát triển của tổ chức; triển khai

hoạt động đào tạo nhân lực trong tổ chức nhằm giúp cho sinh viên có khả năng dự đoán và quản lý con người lên quan đến tuyển dụng và đào tạo tại doanh nghiệp sau này.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object – Viết tắt là CO):

- Về kiến thức:

CO1: Giúp sinh viên mô tả được các hoạt động liên quan đến tuyển dụng và đào tạo.

CO2: Phân tích và giải thích được các vấn đề liên quan trong quản lý con người với hiệu quả cao nhất.

- Về kỹ năng:

CO3: Giúp người học nâng cao và hoàn thiện kỹ năng phân tích, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng tổ chức và kỹ năng làm việc nhóm liên quan đến tuyển dụng và đào tạo trong tổ chức.

CO4: Kết hợp các kỹ năng để phân tích, giải quyết, đề xuất các vấn đề liên quan đến tuyển dụng và đào tạo trong quản trị nguồn nhân lực.

- Về thái độ:

CO5: Người học có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập nhóm.

CO6: Giúp người học nhận thức về khoa học quản lý nói chung và kiến thức về tuyển dụng và đào tạo nhân lực nói riêng từ đó phối hợp lý luận và thực tế phát sinh để làm tác nhân thúc đẩy quá trình phát triển của tổ chức.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

- Tuyển dụng và đào tạo là học phần tự chọn đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh và thuộc kiến thức chuyên ngành của ngành quản trị kinh doanh.
- Học phần này đề cập các kiến thức tổng quan và các phương pháp cần thiết về quản lý con người trong một tổ chức, bao gồm: công tác lên kế hoạch tuyển dụng từ tuyển mộ, tuyển chọn cho đến tuyển dụng; xây dựng các bài kiểm tra, phỏng vấn trong tuyển dụng; xác định nhu cầu đào tạo, phát triển của tổ chức; triển khai hoạt động đào tạo cho nhân lực của tổ chức. Với hiểu biết đầy đủ về tuyển dụng và đào tạo, các nhà quản lý sẽ khai thác hiệu quả tất cả các nguồn lực còn lại trong một tổ chức.

4. Chuẩn đầu ra (CLO) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra <i>(đánh giá theo thang Bloom)</i>	Trình độ năng lực
CLO1	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ về bản chất, tầm quan trọng của tuyển mộ nhân lực trong quản trị. - Hiểu rõ về các nguồn lực, phương pháp để lựa chọn nhằm thực hiện tuyển mộ. 	3,0
CLO2	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra được các nhân tố ảnh hưởng đến tuyển mộ từ đó thảo luận để tìm ra những cách khắc phục nhằm giảm bớt những ảnh hưởng tiêu cực (nếu có) đến việc tuyển mộ. - Vận dụng khéo léo các kiến thức vào quy trình tuyển mộ nhân lực cho tổ chức. 	3,5
CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ về bản chất, tầm quan trọng của tuyển chọn nhân lực trong quản trị. Từ đó so sánh được khác biệt giữa tuyển mộ và tuyển chọn nhân lực 	4,0
CLO4	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ các phương pháp và quy trình tuyển chọn để nghiên cứu và vận dụng linh hoạt các bước trong quy trình tuyển chọn. - Vận dụng kiến thức liên quan đề xuất được quy trình tuyển dụng phù hợp với vị trí cần tuyển. 	4,5
CLO5	<ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ các kiến thức liên quan về tuyển chọn để tìm ra những vấn đề khó khăn thường gặp trong tuyển chọn và đưa ra những hướng khắc phục khó khăn đó. 	4,5
CLO6	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ về các loại hình kiểm tra, trắc nghiệm và phỏng vấn được áp dụng trong tuyển chọn nhân lực. Từ đó xem xét và lựa chọn hình thức phù hợp nhất với những tình huống tuyển chọn cụ thể. 	3,5
CLO7	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ về đào tạo từ đó giải thích được mục tiêu, vai trò của đào tạo nhân lực đối với tổ chức và để phân biệt được sự khác nhau giữa đào tạo với phát triển nhân lực. 	3,5
CLO8	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ các hình thức và phương pháp đào tạo, từ đó mô tả được đặc trưng của các phương pháp được áp dụng trong đào tạo. 	3,5
CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được ưu nhược điểm của từng phương pháp đào tạo (tại nơi làm việc và ngoài nơi làm việc), điều kiện áp dụng các hình thức đào tạo. 	4,0
CLO10	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và giải thích được các bước trong tiến trình đào tạo, từ đó xem xét các tình huống thực tế để đưa ra các 	4,5

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
	góp ý hoàn thiện tiến trình đào tạo.	
CLO11	- Hiểu rõ các vấn đề liên quan trong định hướng và phát triển nghề nghiệp để từ đó xây dựng và thiết lập được sự phù hợp giữa phát triển nghề nghiệp cá nhân với phát triển nghề nghiệp theo nhóm và tổ chức	4,0
Chuẩn về kỹ năng		
CLO12	- Kỹ năng thu thập, phân tích, ra quyết định: Dựa vào kiến thức liên quan đến học phần để phân tích, đánh giá, ra quyết định một cách hợp lý nhất đối với từng vấn đề liên quan.	3,5
CLO13	- Kỹ năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn: Áp dụng lý thuyết vào các tình huống thực tế để giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động tuyển dụng và đào tạo.	4,5
CLO14	- Kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm: thành lập, tổ chức, phân công thực hiện công việc cho các thành viên trong nhóm	4,5
Chuẩn về thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp		
CLO15	Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập.	3,5
CLO16	Có nhận thức về khoa học quản lý nói chung và lĩnh vực tuyển dụng và đào tạo nói riêng đang phát triển mạnh mẽ trong thực tiễn, biết phối hợp lý luận và thực tế phát sinh để làm tác nhân thúc đẩy quá trình phát triển của tổ chức.	4,0

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1				x	x			x			x	x						
2				x			x	x	x	x		x	x	x		x		
3					x			x	x		x	x	x		x	x		
4					x		x	x			x	x	x			x		
5					x		x	x			x	x	x			x		

6					X		X	X	X		X	X			X	X		
7					X		X	X			X	X	X			X		
8					X		X	X			X	X	X			X		
9					X		X		X	X	X	X	X			X		
10					X		X	X	X		X	X			X	X		
11					X		X	X			X	X				X		
12								X	X	X		X	X		X	X		
13								X	X		X				X	X		
14							X	X	X		X	X	X		X	X		
15																	X	X
16																	X	X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá quá trình	- Chuyên cần; phát biểu, xây dựng bài; thực hiện yêu cầu của giảng viên.	Thường xuyên	CLO1 đến CLO16	10%
	- Làm đủ bài tập cá nhân, bài tập nhóm (thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm) đúng hạn và đạt yêu cầu.	Thường xuyên	CLO1 đến CLO16	5%
	- Bài kiểm tra giữa kỳ theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm.	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1 đến CLO16	25%
2. Đánh giá kết thúc	Kết thúc học phần: bài kiểm tra trắc	Thi cuối kỳ	CLO1 đến CLO16	60%

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
	nhịệm khách quan			
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

- Tài liệu bắt buộc:

[1] PGS.TS Trần Kim Dung (2018). *Quản trị nguồn nhân lực*. Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM

- Tài liệu tham khảo:

[1]. TS. Vũ Việt Hằng và ThS. Tạ Thị Hồng Hạnh (2019). *Quản trị nhân lực*. Nhà xuất bản Lao động.

[2]. PGS. TS Nguyễn Ngọc Quân và ThS Nguyễn Văn Điềm (2013). *Quản trị nhân lực*. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc Dân.

[3]. Brian Tracy, Trương Hồng Dũng dịch (2021). *Bí quyết tuyển dụng và đãi ngộ người tài*. Nhà xuất bản Dân Trí.

[4]. Reymond E.Noel (2016). *Employee Training and Development*. 13th Mc Graw Hill Educatio, USA [50566].

[5]. Dessler G (2017). *Human Resource Management*. 15th Edition. Pearson Education, USA [50564].

[6]. Carrie A. Picardi (2019). *Recruitment and Selection: Strategies for Workforce Planning & Assessment*. 1st Edition. Sage Publication Inc.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1/ Buổi 1/ (4 tiết)	Giới thiệu môn học - Giới thiệu về học phần Tuyển dụng và đào tạo. - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học	- Trình chiếu slide bài giảng “Giới thiệu môn học” để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học.	- Ghi chép, đặt các câu hỏi về môn học để được hướng dẫn cụ thể.	Không đánh giá	

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	tập - Chia nhóm sinh viên	- Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học.			
	CHƯƠNG 1: TUYỂN MỘ NHÂN LỰC 1.1. Khái niệm, tầm quan trọng của tuyển 1.2. Các nguồn lực và phương pháp tuyển mộ nhân lực	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 1; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn bài tập nhóm, thảo luận nhóm	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Sinh viên lắng nghe, ghi chép - Trao đổi và thảo luận nhóm	Không đánh giá	CLO1 CLO12 CLO14 CLO15
Tuần 2/ Buổi 2/ (4 tiết)	CHƯƠNG 1: TUYỂN MỘ NHÂN LỰC (tt) 1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến tuyển mộ 1.4. Quy trình tuyển mộ	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 1; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn bài tập nhóm, thảo luận nhóm - Giao bài trắc nghiệm TN1 cho sinh viên.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Trao đổi và thảo luận nhóm - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN1 được giao.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN1	CLO2 CLO12 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16
Tuần 3/ Buổi 3/	CHƯƠNG 2: TUYỂN CHỌN NHÂN LỰC	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép	Không đánh	CLO3 CLO4

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
(4 tiết)	2.1. Khái niệm, tầm quan trọng của tuyển chọn nhân lực 2.2. Quy trình tuyển chọn	slides nội dung chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập thực hành, thảo luận nhóm	các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tìm hiểu, tổ chức và thảo luận nhóm.	giá	CLO12 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16
Tuần 4/ Buổi 4/ (4 tiết)	CHƯƠNG 2: TUYỂN CHỌN NHÂN LỰC (tt) 2.3. Phương pháp tuyển chọn 2.4. Một số vấn đề cần quan tâm khi thực hiện công tác tuyển chọn trong tổ chức	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các câu hỏi liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn bài tập nhóm, thảo luận nhóm - Giao bài trắc nghiệm TN2 cho sinh viên.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Trao đổi và thảo luận nhóm - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN2 được giao.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN2	CLO4 CLO5 CLO12 CLO14 CLO15 CLO16
Tuần 5/ Buổi 5/ (4 tiết)	CHƯƠNG 3: KIỂM TRA, TRẮC NGHIỆM VÀ PHÒNG VẤN 3.1. Kiểm tra, trắc nghiệm 3.2. Phòng vấn	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập tình huống cho sinh viên áp dụng.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tìm hiểu và thực hành bài tập tình huống theo nhóm.	Không đánh giá	CLO6 CLO12 CLO13 CLO14 CLO15

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 6/ Buổi 6/ (4 tiết)	Thực hành tình huống liên quan đến tuyển dụng: - Ứng tuyển - Làm bài trắc nghiệm - Phỏng vấn	- Giao bài tập tình huống liên quan cho từng nhóm sinh viên. - Hướng dẫn sinh viên tổ chức và thực tập các tình huống.	- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính để hoàn thành bài tập tình huống.	Đánh giá quá trình bài thực hành của sinh viên	CLO1- CLO6 CLO12 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16
Tuần 7/ Buổi 7/ (4 tiết)	- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết từ chương 1 đến chương 3 - Làm bài kiểm tra tự luận	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Giao bài kiểm tra giữa kì lần 1 (TL1).	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Làm bài kiểm tra giữa kì lần 1 (TL1).	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra giữa kì lần 1 TL1	CLO1- CLO6 CLO12 CLO13 CLO15 CLO16
Tuần 8/ Buổi 8/ (4 tiết)	CHƯƠNG 4: ĐÀO TẠO NHÂN LỰC 4.1. Khái quát về đào tạo nhân lực 4.2. Mục tiêu và vai trò của đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 4.3. Nguyên tắc của đào tạo và phát triển nguồn nhân lực	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 4; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN3 liên quan lý thuyết đã học cho sinh viên áp dụng.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN3 được giao.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN3	CLO7 CLO14 CLO15
Tuần 9/ Buổi 9/ (4 tiết)	CHƯƠNG 5: HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÀO TẠO 5.1. Các hình thức đào tạo 5.2. Các phương pháp đào tạo	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 5; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường	CLO8 CLO9 CLO12 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		câu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN4 liên quan lý thuyết đã học cho sinh viên áp dụng.	giảng viên đưa ra; - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN4 được giao.	xuyên TN4	
Tuần 10/ Buổi 10/ (4 tiết)	CHƯƠNG 6: TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO 6.1. Xác định nhu cầu đào tạo, phát triển 6.2. Xác định mục tiêu đào tạo, phát triển 6.3. Kiểm tra trước khi thực hiện chương trình	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 6; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa, bài tập thảo luận và hướng dẫn sinh viên áp dụng lý thuyết.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Trao đổi và thảo luận nhóm.	Không đánh giá	CLO10 CLO12 CLO14 CLO15
Tuần 11/ Buổi 11/ (4 tiết)	CHƯƠNG 6: TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO (tt) 6.4. Thực hiện đào tạo, phát triển 6.5. Đánh giá hiệu quả chương trình	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 6; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN5 được giao.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN5	CLO10 CLO12 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		nghiệm TN5 liên quan lý thuyết đã học cho sinh viên áp dụng.			
Tuần 12/ Buổi 12/ (4 tiết)	CHƯƠNG 7: ĐỊNH HƯỚNG VÀ PHÁT TRIỂN NGHIỆP NGHIỆP 7.1. Khái niệm, mục đích của định hướng và phát triển nghề nghiệp 7.2. Các giai đoạn phát triển nghề nghiệp	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 7; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài trắc nghiệm TN6 liên quan lý thuyết đã học cho sinh viên áp dụng.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN6 được giao.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN6	CLO11 CLO12 CLO14 CLO15
Tuần 13/ Buổi 13/ (4 tiết)	CHƯƠNG 7: ĐỊNH HƯỚNG VÀ PHÁT TRIỂN NGHIỆP (tt) 7.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển nghề nghiệp 7.4. Thực hiện mục tiêu nghề nghiệp - Làm bài kiểm tra giữa kì TL2 lần 2	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 7; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tìm hiểu và thảo luận nhóm.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra giữa kì lần 2 TL2	CLO11 CLO12 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		- Giao tình huống và thảo luận nhóm.			
Tuần 14/ Buổi 14/ (4 tiết)	Thực hành tình huống liên quan đến đào tạo: - Phương pháp đào tạo nhân lực. - Chuẩn bị đào tạo. - Đánh giá đào tạo. - Phát triển nhân lực.	- Giao bài tập tình huống liên quan cho từng nhóm sinh viên. - Hướng dẫn sinh viên tổ chức và thực tập các tình huống.	- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính để hoàn thành bài tập tình huống.	Đánh giá quá trình bài thực hành của sinh viên	CLO7- CLO11 CLO12 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16
Tuần 15/ Buổi 15/ (4 tiết)	- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết từ chương 1 đến chương 7. - Công bố điểm thành phần	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Công bố điểm thành phần 40%	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Không đánh giá	CLO1 - CLO16

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 7.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

– Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.
- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

– Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

– Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

– Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

– Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

– Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế
- Địa chỉ/email liên hệ: tranghothithuy@dnpu.edu.vn

Đồng Nai, ngày 15 tháng 06 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN





ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

ThS. Đinh Thị Hóa

ThS. Hồ Thị Thùy Trang

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LUẬT LAO ĐỘNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: LUẬT LAO ĐỘNG
- Tên học phần Tiếng Anh: LABOUR LAW
- Mã học phần: 2112409
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 02

Tổng số giờ	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
100 giờ	20 giờ	20 giờ	0	00	60 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 3
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - + Học phần trước: Pháp luật đại cương
 - + Học phần song hành (nếu có): không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Học phần *Luật lao động* trang bị những kiến thức chủ yếu về luật lao động trong mối quan hệ giữa tổ chức, doanh nghiệp sử dụng lao động và lao động nhằm giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản liên quan đến quan hệ pháp luật về lao động, làm cơ sở cho việc tổ chức và điều hành hoạt động tại các đơn vị có thuê mướn, sử dụng lao động theo chế độ hợp đồng.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object-Viết tắt là CO):

- Về kiến thức:

CO1: nắm được các vấn đề cơ bản về hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, kỷ luật lao động, chế độ bảo hiểm xã hội và một số quy định khác của Luật lao động Việt Nam.

CO2: Áp dụng được kiến thức đã học liên quan đến quy định pháp luật lao động về việc làm, hợp đồng lao động, thời giờ làm việc, tiền lương ... trong các quan hệ pháp luật lao động phát sinh trong cuộc sống.

- Về kỹ năng:

CO3: Nhận biết được các chế độ, chính sách trái pháp luật áp dụng ở các đơn vị sử dụng lao động. Nhận biết được các chế độ, chính sách tiên bộ, có lợi hơn cho người lao động.

CO4: Tư vấn được những nội dung liên quan đến luật lao động như hợp đồng lao động, chính sách đối với người lao động, tư vấn về kỷ luật lao động... Xây dựng được hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, quy chế trả lương thưởng cho người lao động.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO5: Hiểu rõ và tôn trọng những nguyên tắc và có ý thức chấp hành pháp luật lao động, nội quy lao động.

CO6: Nhận thức được tầm quan trọng của luật lao động trong công tác quản trị nguồn nhân lực của doanh nghiệp, có ý thức trách nhiệm xây dựng quan hệ lao động ổn định, hài hòa tại doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động.

CO7: Có tinh thần hợp tác, tích cực và chủ động tham gia lớp học: nghe giảng, thảo luận nhóm, giải quyết tình huống, trình bày – phản biện.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Luật lao động là học phần tự chọn đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh và đây là kiến thức thuộc nhóm ngành quản trị nguồn nhân lực của ngành quản trị kinh doanh.

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong quan hệ lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động như về hợp đồng lao động, chế độ tiền lương, trợ cấp thôi việc, trợ cấp thất nghiệp, kỷ luật lao động, thỏa ước lao động tập thể, tranh chấp lao động, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; trên cơ sở đó, giúp sinh viên hiểu rõ và vận dụng được các quy định của pháp luật lao động trong các tình huống cụ thể, đặc biệt là tại các doanh nghiệp. Ngoài ra, môn học cũng trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến bảo hiểm xã hội như chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, chế độ ốm đau, thai sản, tử tuất, hưu trí...

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CDR (1)	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom) (2)	Trình độ năng lực (3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	Hiểu biết đúng đắn về luật lao động: đối tượng và phạm vi điều chỉnh; quan hệ pháp luật lao động, các nguyên tắc và cơ chế ba bên của luật lao động.	3,0
CLO2	Nắm được một số nội dung cơ bản của luật lao động như các loại hợp đồng lao động, thời gian làm việc, các chế độ nghỉ ngơi của người lao động, chế độ tiền lương, các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động, các hình thức kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất, an toàn lao động, vệ sinh lao động	3,0
CLO3	Hiểu về bản chất của đối thoại quan hệ lao động và thỏa ước lao động tập thể, nêu được ý nghĩa của công đoàn; ý nghĩa của các ngày nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ theo chế độ...	3,5
CLO4	Phân tích, đánh giá các tranh chấp lao động, đình công và đề xuất được hướng giải quyết các tranh chấp.	4,0
CLO5	Vận dụng được những quy định của luật lao động trong các tình huống cụ thể của quan hệ lao động	4,0
Chuẩn về kỹ năng		
CLO6	Nhận biết được các chế độ, chính sách trái pháp luật áp dụng ở các đơn vị sử dụng lao động.	4,0
CLO7	Nhận biết được các chế độ, chính sách tiên bộ, có lợi hơn cho người lao động.	4,0
CLO8	Tư vấn được những nội dung liên quan đến luật lao động như hợp đồng lao động, chính sách đối với người lao động, tư vấn về kỷ luật lao động...	4,0
CLO9	Xây dựng được hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, quy chế trả lương thưởng cho người lao động.	4,0
Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm		
CLO10	Hiểu rõ, tôn trọng những nguyên tắc và có ý thức chấp hành pháp luật lao động, nội quy lao động.	3,5

CLO11	Nhận thức được tầm quan trọng của luật lao động trong công tác quản trị nguồn nhân lực của doanh nghiệp, có ý thức trách nhiệm xây dựng quan hệ lao động ổn định, hài hòa tại doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động.	3,5
CLO12	Có tinh thần hợp tác, tích cực và chủ động tham gia lớp học: nghe giảng, thảo luận nhóm, giải quyết tình huống, trình bày – phản biện.	4,0

❖ **Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):**

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
1	x	x		x	x														
2	x	x		x	x														
3	x	x		x	x														
4	x	x		x	x					x									
5	x	x		x	x						x								
6	x	x			x			x	x						x	x			
7	x	x			x			x	x						x	x			
8	x	x			x			x	x			x			x	x			
9	x	x			x	x		x	x						x	x			
10																		x	x
11																		x	x
12																		x	x

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá sự chuyên cần	- Tham dự lớp học - Tham gia	Đánh giá thường xuyên theo thang điểm	CLO10, CLO11, CLO12	10%

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
	các hoạt động học tập	ABCDF		
2. Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra thường xuyên: TX1, TX2,	Trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO9	5%
	Bài kiểm tra giữa kì: điểm thuyết trình nhóm	Chấm điểm thuyết trình nhóm	CLO1 đến CLO9	25%
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	Thi cuối kỳ hình thức thi trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO9	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

[1] PGS. TS. Nguyễn Hữu Chí & PGS. TS. Trần Thị Thuý Lâm (2020), Giáo trình luật lao động Việt Nam, NXB Công an nhân dân.

[2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế (2022), *Luật lao động*, Đại học Đồng Nai, Lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo:

[1] Bộ luật lao động năm 2019

[2] Luật Bảo hiểm xã hội 2022

[3] Luật người lao động Việt nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

[4] Luật công đoàn năm 2012

[5] Luật an toàn vệ sinh lao động năm 2015

Và những văn bản QPPL liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	<p>Giới thiệu môn học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về học phần <p>Luật lao động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập - Chia nhóm sinh viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình chiếu slide bài giảng “ Giới thiệu môn học” để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi chép, đặt các câu hỏi về môn học để được hướng dẫn cụ thể. 	Không đánh giá	
	<p>Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LUẬT LAO ĐỘNG VIỆT NAM</p> <p>1.1 Khái quát chung về Luật Lao động</p> <p>1.1.1 Đối tượng điều chỉnh của Luật Lao động</p> <p>1.1.2 Phương pháp điều chỉnh của Luật Lao động</p> <p>1.2. Quan hệ pháp luật lao động.</p> <p>1.1.1. Quan hệ pháp luật lao động cá nhân</p> <p>1.1.2. Quan hệ pháp luật lao động tập thể</p> <p>1.1.3. Quan hệ pháp luật lao động khác liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động</p> <p>1.3. Các nguyên tắc cơ bản của luật lao động</p> <p>1.4. Cơ chế ba bên trong quan hệ lao động</p> <p>CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 1</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 1; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 1 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên 	Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO1 CLO10 CLO11 CLO12
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	<p>Chương 2. HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG</p> <p>2.1. Khái niệm, đặc điểm,</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước 	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước 	Ví dụ thực tế, Thảo	CLO2 CLO5 CLO6

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>ý nghĩa</p> <p>2.2. Đối tượng và phạm vi áp dụng HĐLĐ</p> <p>2.3. Phân loại HĐLĐ</p> <p>2.3.1. HĐLĐ không xác định thời hạn</p> <p>2.3.2. HĐLĐ xác định thời hạn</p> <p>2.3.3. HĐLĐ theo mùa vụ hoặc công việc nhất định</p> <p>2.3.4. Chuyển hóa giữa các loại HĐLĐ</p> <p>2.4. Hình thức của HĐLĐ</p> <p>2.5. Nội dung của HĐLĐ</p> <p>2.6. Hiệu lực của HĐLĐ</p> <p>2.6.1. Thời điểm có hiệu lực của HĐLĐ</p> <p>2.6.2. HĐLĐ vô hiệu</p> <p>2.6.3. Hậu quả pháp lý của HĐLĐ vô hiệu.</p> <p>2.7. Giao kết hợp đồng lao động.</p> <p>2.7.1. Nguyên tắc giao kết</p> <p>2.7.2. Chủ thể giao kết</p> <p>2.7.3. Quyền và nghĩa vụ của các bên khi giao kết</p> <p>2.7.4. Thủ việc</p> <p>2.8. Thực hiện, thay đổi, tạm hoãn hợp đồng lao động.</p> <p>2.9. Chấm dứt hợp đồng lao động</p> <p>2.9.1. Các trường hợp chấm dứt HĐLĐ</p> <p>2.9.2. Trợ cấp khi chấm dứt HĐLĐ</p> <p>2.10. Cho thuê lại lao động</p> <p>CÂU HỎI THẢO LUẬN</p> <p>CHƯƠNG 2</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 2;</p> <p>- Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 2</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên</p>	<p>luận nhóm</p>	<p>CLO7</p> <p>CLO8</p> <p>CLO9</p> <p>CLO10</p> <p>CLO11</p> <p>CLO12</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	<p>- Làm bài kiểm tra TX1</p> <p>Chương 3: ĐỐI THOẠI TRONG QUAN HỆ LAO ĐỘNG VÀ THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG TẬP THỂ</p> <p>3.1. Đối thoại trong quan hệ lao động</p> <p>3.1.1. Khái niệm đối thoại</p> <p>3.1.2. Ý nghĩa của việc đối thoại</p> <p>3.1.3. Hình thức, nội dung và thành phần tham gia đối thoại</p> <p>3.2. Thỏa ước lao động tập thể</p> <p>3.2.1. Khái niệm</p> <p>3.2.2. Đặc điểm</p> <p>3.2.3. Phân loại</p> <p>3.2.4. Thương lượng tập thể</p> <p>3.2.5. Ký kết thỏa ước lao động tập thể</p> <p>3.2.6. Hiệu lực của thỏa ước lao động tập thể</p> <p>3.2.7. Thỏa ước lao động tập thể vô hiệu</p> <p>3.2.8. Sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể.</p> <p>CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 3</p>	<p>- Giao bài kiểm tra TX1</p> <p>- Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước</p> <p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3;</p> <p>- Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 3</p>	<p>- Làm bài kiểm tra TX1</p> <p>- Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước</p> <p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên</p>	Làm bài kiểm tra thường xuyên, Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO3 CLO5 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	<p>Chương 4. THỜI GIỜ LÀM VIỆC, THỜI GIỜ NGHỈ NGƠI</p> <p>4.1. Khái niệm, ý nghĩa thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.</p> <p>4.2. Các loại thời giờ làm việc.</p> <p>4.2.1 Thời giờ làm việc bình thường.</p> <p>4.2.3 Thời giờ làm thêm.</p>	<p>- Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước</p> <p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4;</p> <p>- Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p>	<p>- Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước</p> <p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p>	Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO2 CLO3 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>4.2.4 Thời giờ làm việc ban đêm.</p> <p>4.2.5 Thời giờ làm việc đối với một số công việc có tính chất đặc biệt.</p> <p>4.3. Các loại thời giờ nghỉ ngơi.</p> <p>4.3.1 Nghỉ giữa ca, nghỉ chuyển ca.</p> <p>4.3.2 Nghỉ hàng tuần.</p> <p>4.3.3 Nghỉ lễ tết.</p> <p>4.3.4 Nghỉ hàng năm.</p> <p>4.3.5 Nghỉ về việc riêng.</p> <p>4.3.6 Nghỉ không hưởng lương.</p> <p>CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 4</p>	<p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 4</p>	<p>- Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên</p>		
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	<p>Làm bài kiểm tra GK1 Chương 5: TIỀN LƯƠNG</p> <p>5.1. Khái niệm, bản chất của tiền lương</p> <p>5.1.1. Khái niệm và bản chất tiền lương</p> <p>5.1.2. Tiền lương tối thiểu</p> <p>5.1.3. Phụ cấp, trợ cấp</p> <p>5.1.4. Thang lương, bảng lương</p> <p>5.1.5. Nguyên tắc trả lương.</p> <p>5.1.5. Hình thức trả lương.</p> <p>5.1.6. Trả lương trong các trường hợp đặc biệt</p> <p>5.2. Tiền thưởng</p> <p>5.2.1. Khái niệm, ý nghĩa</p> <p>5.2.2. Quy chế thưởng.</p> <p>CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 5</p>	<p>- Giao bài kiểm tra GK1</p> <p>- Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước</p> <p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 5;</p> <p>- Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 5</p>	<p>- Làm bài kiểm tra GK1</p> <p>- Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước</p> <p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên</p>	Bài kiểm tra giữa kỳ 1, Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO2 CLO5 CLO6 CLO7 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	<p>Chương 6. KỶ LUẬT LAO ĐỘNG – TRÁCH NHIỆM VẬT CHẤT</p> <p>6.1. Quyền quản lý lao</p>	<p>- Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước</p> <p>- Thuyết giảng kết</p>	<p>- Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước</p> <p>- Sinh viên</p>	Ví dụ thực tế, Thảo luận	CLO2 CLO5 CLO6 CLO7

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>động của người sử dụng lao động</p> <p>6.1.1. Cơ sở pháp lý của quyền quản lý lao động</p> <p>6.1.2. Nội dung và giới hạn của quyền quản lý lao động.</p> <p>6.2. Kỹ luật lao động</p> <p>6.2.1. Khái niệm kỹ luật lao động.</p> <p>6.2.2. Nội quy lao động.</p> <p>6.3. Trách nhiệm KLLĐ</p> <p>6.3.1. Khái niệm</p> <p>6.3.2. Căn cứ áp dụng trách nhiệm kỹ luật</p> <p>6.3.3. Nguyên tắc xử lý kỹ luật</p> <p>6.3.4. Các hình thức kỹ luật lao động</p> <p>6.3.5. Thủ tục, trình tự thi hành kỹ luật</p> <p>6.3.6. Thời hiệu xử lý kỹ luật</p> <p>6.3.7. Xoá kỹ luật, giảm thời hạn kỹ luật</p> <p>6.3.8. Tạm đình chỉ công việc</p> <p>6.4. Trách nhiệm vật chất</p> <p>6.4.1. Khái niệm trách nhiệm vật chất</p> <p>6.4.2. Căn cứ áp dụng trách nhiệm vật chất</p> <p>6.4.3. Mức bồi thường và phương thức bồi thường</p> <p>6.4.4. Thủ tục và thời hiệu áp dụng trách nhiệm vật chất</p> <p>CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 6</p>	<p>hợp trình chiếu slides chương 6;</p> <p>- Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 6</p>	<p>lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên</p>	nhóm	CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	- Làm bài kiểm tra TX2 Chương 7. AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH	- Giao bài kiểm tra TX2 - Tóm tắt lại nội	- Làm bài kiểm tra TX2 - Ôn lại nội	Kiểm tra thường	CLO2 CLO5 CLO6

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>LAO ĐỘNG</p> <p>7.1. An toàn lao động, vệ sinh lao động</p> <p>7.1.1. Khái niệm, các nguyên tắc cơ bản</p> <p>7.1.2. Nghĩa vụ đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động</p> <p>7.2. Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp</p> <p>7.2.1. Biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp</p> <p>7.2.2. Chế độ an toàn, vệ sinh lao động đối với một số đối tượng lao động đặc thù.</p> <p>CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 7</p>	<p>dung kiến thức tuần trước</p> <p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 7;</p> <p>- Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 7</p>	<p>dung kiến thức tuần trước</p> <p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên</p>	<p>xuyên, Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm</p>	<p>CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12</p>
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	<p>Chương 8. CÔNG ĐOÀN, BẢO HIỂM XÃ HỘI</p> <p>8.1 Công đoàn</p> <p>8.1.1 Khái niệm công đoàn</p> <p>8.1.2. Chức năng công đoàn</p> <p>8.1.3. Hệ thống công đoàn</p> <p>8.1.4. Công đoàn cơ sở</p> <p>8.2 Bảo hiểm xã hội</p> <p>8.2.1. Khái niệm về bảo hiểm xã hội</p> <p>8.2.2. Các chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc</p> <p>8.2.3. Bảo hiểm xã hội tự nguyện</p> <p>8.2.4. Bảo hiểm thất nghiệp</p> <p>CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 8</p>	<p>- Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước</p> <p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 8;</p> <p>- Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 8</p>	<p>- Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước</p> <p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên</p>	<p>Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm</p>	<p>CLO2 CLO3 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12</p>
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	<p>Chương 9. TRANH CHẤP LAO ĐỘNG, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP LAO ĐỘNG VÀ ĐÌNH CÔNG</p>	<p>- Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước</p> <p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu</p>	<p>- Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước</p> <p>- Sinh viên lắng nghe, ghi</p>	<p>Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm</p>	<p>CLO4 CLO5 CLO8 CLO10 CLO11</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>9.1. Tranh chấp lao động</p> <p>9.1.1. Khái niệm, đặc điểm</p> <p>9.1.2. Phân loại tranh chấp lao động</p> <p>9.2. Giải quyết tranh chấp lao động</p> <p>9.2.1. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp lao động</p> <p>9.2.2. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động</p> <p>9.2.3 Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp lao động</p> <p>9.2.4 Thời hiệu giải quyết tranh chấp lao động</p> <p>9.3. Đình công</p> <p>9.3.1. Khái niệm, đặc điểm</p> <p>9.3.2. Quyền đình công</p> <p>9.3.3. Thủ tục đình công</p> <p>9.3.4. Quyền lợi của người lao động trong thời gian đình công</p> <p>9.3.5. Hậu quả pháp lý của đình công</p> <p>9.3.6. Giải quyết đình công</p> <p>CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 9</p>	<p>slides chương 9;</p> <p>- Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 9</p>	<p>chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên</p>		CLO12
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	<p>- Kiểm tra giữa kỳ GK2</p> <p>- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết, nội dung chính của toàn môn học</p> <p>- Công bố điểm thành phần</p>	<p>- Giao bài kiểm tra giữa kỳ GK2</p> <p>- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm.</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Công bố điểm thành phần 40%</p>	<p>- Làm bài kiểm tra giữa kỳ GK2</p> <p>- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu.</p> <p>- Tham gia các hoạt động do</p>	Làm bài kiểm tra giữa kỳ	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
			giảng viên đưa ra.		

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

- Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phân biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 9.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

- Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

- Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

- Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

- Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

- Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ/email liên hệ: dinhhoa2490@gmail.com

Đồng Nai, ngày 04 tháng 06 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Đinh Thị Hóa

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MARKETING QUỐC TẾ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: MARKETING QUỐC TẾ
- Tên học phần Tiếng Anh: INTERNATIONAL MARKETING
- Mã học phần: 2112410
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 03

Tổng số giờ	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	30 giờ	0	00	90 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 3
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - + Học phần trước: Marketing căn bản
 - + Học phần song hành (nếu có): không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Học phần *Marketing quốc tế* trang bị những kiến thức chuyên môn chủ yếu về hoạt động marketing quốc tế của doanh nghiệp nhằm giúp cho sinh viên có thể nắm bắt được kiến thức cũng như quy trình thực hiện khi công ty muốn xây dựng và thực hiện chiến lược marketing vượt ra khỏi phạm vi lãnh thổ một quốc gia để mở rộng thị phần.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object-Viết tắt là CO):

- Về kiến thức:

CO1: Có kiến thức chuyên sâu về kinh doanh và marketing quốc tế.

CO2: Vận dụng các chiến lược quốc tế để tìm kiếm, nghiên cứu, thâm nhập và phát triển thị trường xuất khẩu.

CO3: Xây dựng chương trình marketing hỗn hợp như xây dựng chính sách sản phẩm quốc tế, định giá sản phẩm quốc tế, thiết kế kênh phân phối sản phẩm quốc tế và kỹ thuật xúc tiến hoạt động marketing quốc tế phục vụ cho việc tổ chức xuất khẩu hàng hoá đạt hiệu quả cao.

- Về kỹ năng:

CO4: Giúp người học nâng cao và hoàn thiện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng phản biện, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng lập kế hoạch.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO5: Ý thức được trách nhiệm, vai trò và đạo đức của người làm công tác marketing quốc tế.

CO6: Chủ động xây dựng chiến lược marketing mix quốc tế, nhạy bén với sự thay đổi và thích ứng với những cơ hội thị trường.

CO7: Có tinh thần hợp tác, tích cực và chủ động tham gia lớp học: nghe giảng, thảo luận nhóm, giải quyết tình huống, trình bày – phản biện.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Marketing quốc tế là học phần tự chọn đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh và đây là kiến thức chuyên ngành marketing của ngành quản trị kinh doanh.

Môn học này cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng sau: Quá trình tiến triển của Marketing Quốc tế và những hoạt động Marketing Quốc tế của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Các yếu tố thuộc về môi trường vĩ mô và vi mô mà một doanh

nghiệp cần tìm hiểu và xem xét đối với một quốc gia hoặc một khu vực thị trường trước khi quyết định xâm nhập vào thị trường đó. Các hình thức xâm nhập thị trường thế giới thông dụng từ hình thức xâm nhập thị trường bằng sản xuất trong nước đến hình thức xâm nhập thị trường bằng sản xuất nước ngoài hay vào khu vực mậu dịch tự do. Trong quá trình học, sinh viên sẽ tham gia vào các buổi trao đổi và thảo luận tình huống để có thể hiểu lý thuyết và vận dụng vào thực tế.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CĐR	Nội dung của chuẩn đầu ra <i>(đánh giá theo thang Bloom)</i>	Trình độ năng lực
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	Nắm rõ các kiến thức tổng quan về marketing quốc tế	3,0
CLO2	Phân tích môi trường marketing quốc tế, nắm rõ quy trình nghiên cứu marketing quốc tế và vận dụng được để lựa chọn thị trường mục tiêu phù hợp với doanh nghiệp	3,5
CLO3	Hiểu rõ và vận dụng để lựa chọn phương pháp thâm nhập thị trường thế giới phù hợp với doanh nghiệp	3,5
CLO4	Phân tích, nhận định và thiết kế được chiến lược sản phẩm quốc tế	4,0
CLO5	Phân tích, đánh giá và xây dựng được chiến lược giá quốc tế của các sản phẩm	4,0
CLO6	Nắm vững, đánh giá và thiết kế được chiến lược phân phối sản phẩm quốc tế	4,0
CLO7	Hiểu rõ, phân tích và thiết kế được chiến lược xúc tiến quốc tế	4,0
CLO8	Có thể vận dụng để tổ chức các hoạt động marketing quốc tế	3,5

Chuẩn về kỹ năng		
CLO9	Nâng cao và hoàn thiện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng phản biện, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng các phần mềm để phân tích số liệu, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng xây dựng chiến lược.	4,5
CLO10	Có kỹ năng phân tích môi trường marketing quốc tế để tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động marketing của doanh nghiệp từ đó lựa chọn thị trường mục tiêu phù hợp, chiến lược marketing mix phù hợp	4,0
CLO11	Phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng để lựa chọn phương pháp thâm nhập thị trường thế giới phù hợp với doanh nghiệp	4,5

Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm

CLO12	Có ý thức học tập tốt, có tinh thần hợp tác, tích cực và chủ động tham gia lớp học: nghe giảng, thảo luận nhóm, giải quyết tình huống, trình bày – phản biện.	4,5
CLO13	Ý thức được trách nhiệm, vai trò và đạo đức của người làm công tác marketing quốc tế.	4,5
CLO14	Chủ động xây dựng chiến lược marketing mix quốc tế, nhạy bén với sự thay đổi và thích ứng với những cơ hội thị trường.	4,5

❖ **Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):**

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1		x			x	x	x	x	x								x	x
2		x			x	x	x	x	x				x			x		
3		x			x	x	x	x	x	x								
4		x			x	x	x	x	x	x			x			x		

5						X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X				
6						X	X	X	X	X	X	X		X						
7						X	X	X	X	X	X	X		X						
8									X	X	X	X	X		X	X	X			
9									X	X	X	X	X	X	X	X	X			
10									X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X
11									X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X
12	X																		X	X
13	X	X																	X	X
14	X	X																	X	X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá sự chuyên cần	- Tham dự lớp học - Tham gia các hoạt động học tập	Đánh giá thường xuyên theo thang điểm ABCDF	CLO12, CLO13, CLO14	10%
2. Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra thường xuyên: TX1, TX2, TX3	Trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO8	5%
	Bài kiểm tra giữa kì: điểm thuyết trình nhóm	Chấm điểm thuyết trình nhóm	CLO1 đến CLO11	25%
3. Đánh giá cuối	Kết thúc học	Thi cuối kỳ hình	CLO1 đến	60%

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
kỳ	phần	thức thi trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO8	
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

[1] Philip R.Cateora, Mary C.Gilly & John L.Graham (2015), *Marketing quốc tế*, NXB Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh.

[2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế (2022), *Marketing quốc tế*, Đại học Đồng Nai, Lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Đông Phong (2007), *Marketing quốc tế*, NXB Lao động.

[2] PSG.TS Nguyễn Trung văn (2008), *Giáo trình marketing quốc tế*, NXB Lao động - Xã hội.

[3] GS. TS. Trần Minh Đạo - PGS.TS. Vũ Trí Dũng, (2009), *Marketing quốc tế*, NXB ĐH Kinh Tế Quốc Dân

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	Giới thiệu môn học - Giới thiệu về học phần Marketing quốc tế - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập - Chia nhóm sinh viên	- Trình chiếu slide bài giảng “Giới thiệu môn học” để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu	- Ghi chép, đặt các câu hỏi về môn học để được hướng dẫn cụ thể.	Không đánh giá	

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học.			
	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ MARKETING QUỐC TẾ 1.1. Quốc tế hóa và các doanh nghiệp quốc tế 1.2. Bản chất của marketing quốc tế 1.2.1 Bản chất của marketing quốc tế 1.2.2 Nội dung marketing quốc tế 1.3. Kế hoạch và chiến lược marketing xuất khẩu 1.4. Các yếu tố thúc đẩy doanh nghiệp tham gia thị trường thế giới 1.4.1 Yếu tố thúc đẩy từ thị trường trong nước 1.4.2 Yếu tố thúc đẩy từ thị trường thế giới 1.4.3 Những yếu tố mang tính chiến lược 1.4.4 Những yếu tố khác CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 1	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 1; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 1	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên	Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO1 CLO9 CLO10 CLO12 CLO13 CLO14
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	CHƯƠNG 2: MÔI TRƯỜNG MARKETING QUỐC TẾ VÀ NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI 2.1. Môi trường marketing quốc tế 2.1.1 Môi trường kinh tế- tài chính -cơ sở hạ tầng 2.1.2 Môi trường dân số	- Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 2; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội	- Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do	Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO2 CLO9 CLO10 CLO12 CLO13 CLO14

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	2.1.3 Môi trường văn hóa 2.1.4 Môi trường chính trị và pháp luật 2.1.5 Môi trường cạnh tranh 2.1.6 Môi trường công nghệ 2.2. Nghiên cứu thị trường thế giới 2.2.1 Thị trường thế giới 2.2.2 Nghiên cứu thị trường thế giới 2.2.3 Các bước cần nghiên cứu thị trường thế giới CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 2	dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 2	giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên		
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	Chương 2: (tiếp theo) 2.3. Quy trình nghiên cứu marketing quốc tế 2.3.1 Xác định vấn đề và mục tiêu nghiên cứu 2.3.2 Xác định các thông tin cần thu thập 2.3.3 Xác định nguồn thông tin và kỹ thuật thu thập 2.3.4 Thu thập thông tin 2.3.5 Phân tích thông tin 2.3.6 Báo cáo kết quả nghiên cứu 2.4. Lựa chọn thị trường mục tiêu 2.4.1 Gạn lọc sơ khởi 2.4.2 Phỏng ước thị trường tiềm năng 2.4.3 Tuyển chọn thị trường mục tiêu CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 2	- Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 2; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 2	- Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên	Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO2 CLO9 CLO10 CLO12 CLO13 CLO14
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP THÂM NHẬP THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI 3.1. Những yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn phương thức thâm nhập thị	- Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides	- Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm	Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO3 CLO9 CLO11 CLO12 CLO13 CLO14

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	trường thế giới 3.1.1 Môi trường kinh doanh khác nhau 3.1.2 Đặc điểm các trung gian 3.1.3 Đặc điểm của sản phẩm 3.1.4 Khả năng của doanh nghiệp xuất khẩu 3.2. Các phương thức thâm nhập thị trường thế giới 3.2.1 Phương thức thâm nhập thị trường thế giới từ sản xuất trong nước 3.2.2 Phương thức thâm nhập thị trường thế giới từ sản xuất ở nước ngoài 3.2.3 Phương thức thâm nhập tại khu thương mại tự do 3.3. Lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường thế giới 3.3.1 Quy tắc đơn giản 3.3.2 Quy tắc thực dụng 3.3.3 Quy tắc chiến lược CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 3	chương 3; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 3	chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên		
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	Làm bài kiểm tra TX1 CHƯƠNG 4: CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM QUỐC TẾ 4.1. Khái quát về sản phẩm quốc tế 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Phân loại sản phẩm 4.1.3. Đặc điểm của sản phẩm trên thị trường quốc tế 4.1.4. Tầm quan trọng của các quyết định sản phẩm trong marketing quốc tế 4.2. Chu kỳ sống của sản phẩm 4.2.1. Khái niệm	- Giao bài kiểm tra TX1 - Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ	- Làm bài kiểm tra TX1 - Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm	Bài kiểm tra thường xuyên 1, Ví dụ Thảo luận nhóm	CLO4 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13 CLO14

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	4.2.2. Chu kỳ sống sản phẩm quốc gia 4.2.3. Chu kỳ sống sản phẩm quốc tế 4.3. Kế hoạch phát triển sản phẩm 4.3.1 Phát triển hoặc thêm sản phẩm mới 4.3.2 Thay đổi sản phẩm hiện có 4.3.3 Tìm ra công dụng mới của sản phẩm 4.3.4 Loại bỏ sản phẩm CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 4	thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 4	theo yêu cầu của giảng viên		
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	Chương 4: (tiếp theo) 4.4. Tiêu chuẩn hóa và thích nghi hóa sản phẩm 4.4.1 Tiêu chuẩn hóa 4.4.2 Thích nghi hóa 4.5 Bao bì sản phẩm quốc tế 4.5.1 Chức năng bao bì sản phẩm quốc tế 4.5.2 Các yêu cầu của bao bì 4.6 Nhãn hiệu quốc tế 4.6.1 Bảo vệ nhãn hiệu 4.6.2 Các quyết định về nhãn hiệu quốc tế 4.6.3 Xây dựng thương hiệu quốc tế 4.7 Định vị sản phẩm quốc tế CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 4	- Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 4	- Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên	Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO4 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13 CLO14
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	CHƯƠNG 5: CHIẾN LƯỢC GIÁ QUỐC TẾ 5.1 Khái quát về giá quốc tế 5.1.1 Khái niệm 5.1.2 Tầm quan trọng của	- Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước - Thuyết giảng kết hợp trình	- Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước - Sinh viên lắng nghe, ghi	Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO5 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	chiến lược giá 5.1.3 Những lỗi thông thường trong định giá. 5.2 Các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến giá quốc tế 5.2.1 Những yếu tố bên trong 5.2.2 Những yếu tố bên ngoài 5.3 Các chiến lược giá quốc tế 5.3.1 Định giá trên cơ sở chi phí 5.3.2 Định giá hiện hành 5.3.3 Định giá hớt váng 5.3.4 Định giá xâm nhập 5.3.5 Định giá ngăn chặn 5.3.6 Định giá tiêu diệt CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 5	chiều slides chương 5; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 5	chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên		CLO13 CLO14
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	Chương 5: (tiếp theo) 5.4 Các bước thiết lập chiến lược giá quốc tế 5.4.1 Phân tích tổng thể thị trường 5.4.2 Xem xét các thành phần marketing mix 5.4.3 Lựa chọn chính sách định giá 5.4.4 Xác định chiến lược định giá 5.4.5 Định mức giá cụ thể 5.5 Quan hệ giá xuất khẩu và giá nội địa 5.5.1 Giá xuất khẩu thấp hơn giá nội địa 5.5.2 Giá xuất khẩu cao hơn giá nội địa 5.5.3 Giá xuất khẩu bằng giá nội địa 5.5.4 Giá khác biệt CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 5	- Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 5; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 5	- Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên	Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO5 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13 CLO14

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	<p>Làm bài kiểm tra thường xuyên TX2</p> <p>CHƯƠNG 6: CHIẾN LƯỢC PHÂN PHỐI SẢN PHẨM QUỐC TẾ</p> <p>6.1. Tổng quan về phân phối và hệ thống phân phối</p> <p>6.1.1. Khái niệm</p> <p>6.1.2. Đặc điểm hệ thống phân phối quốc tế</p> <p>6.1.3. Mục đích và chức năng hệ thống phân phối quốc tế</p> <p>6.1.4. Kênh phân phối quốc tế</p> <p>6.2. Chiến lược phân phối quốc tế</p> <p>6.2.1. Chiến lược phân phối độc quyền</p> <p>6.2.2. Chiến lược phân phối lựa chọn</p> <p>6.2.3. Chiến lược phân phối mạnh</p> <p>6.3. Quản trị hệ thống phân phối quốc tế</p> <p>6.3.1. Động viên khuyến khích các thành viên</p> <p>6.3.2. Kiểm soát các thành viên trong kênh</p> <p>CÂU HỎI THẢO LUẬN</p> <p>CHƯƠNG 6</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giao bài kiểm tra TX2 - Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 6; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 6 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện bài kiểm tra TX2 - Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên 	Bài kiểm tra thường xuyên TX2, Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO6 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13 CLO14
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	<p>Chương 6: (tiếp theo)</p> <p>6.4. Thâm nhập vào kênh phân phối ở nước ngoài</p> <p>6.4.1. Kênh khó thâm nhập</p> <p>6.4.2. Piggybacking</p> <p>6.4.3. Liên doanh</p> <p>6.4.4. Nhà sản xuất trang thiết bị</p> <p>6.4.5. Mua lại cơ sở</p> <p>6.4.6. Khởi sự doanh nghiệp mới</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 6; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, 	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa 	Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO6 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13 CLO14

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	6.5. Phân phối vật chất của sản phẩm quốc tế CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 6	yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 6	ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên		
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	Chương 7: CHIẾN LƯỢC XÚC TIẾN QUỐC TẾ 7.1 Những rào cản trong xúc tiến thương mại quốc tế 7.1.1 Khái niệm 7.1.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động xúc tiến quốc tế 7.1.3 Những rào cản trong xúc tiến thương mại quốc tế 7.2 Những quyết định xúc tiến quốc tế 7.2.1 Hỗn hợp xúc tiến quốc tế 7.2.2 Một số yếu tố ảnh hưởng đến xúc tiến hỗn hợp xúc tiến quốc tế 7.2.3 Những lý do truyền thông không hiệu quả 7.3. Các hoạt động xúc tiến marketing quốc tế 7.3.1 Quảng cáo 7.3.2. Quan hệ công chúng 7.3.3. Khuyến mại CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 7	- Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 7; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 7	- Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên	Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO7 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13 CLO14
Tuần 11 Buổi 11 4 giờ	Chương 7: (tiếp theo) 7.3.4. Bán hàng cá nhân 7.3.5. Xúc tiến bán hàng 7.3.6. Marketing trực tiếp 7.4. Chiến lược và chương	- Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước - Thuyết giảng kết hợp trình	- Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước - Sinh viên lắng nghe, ghi	Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO7 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	trình xúc tiến quốc tế 7.4.1 Đánh giá về các hoạt động xúc tiến quốc tế 7.4.2. Hoạch định chương trình xúc tiến quốc tế CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 7	chiếu slides chương 7; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 7	chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên		CLO13 CLO14
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ	CHƯƠNG 8: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG MARKETING QUỐC TẾ 8.1 Một số yếu tố cần cân nhắc khi tổ chức bộ phận marketing quốc tế 8.1.1 Các yếu tố môi trường 8.1.2 Xác định các bộ phận chức năng 8.1.3 Tập trung và phân quyền 8.1.4 Hệ thống truyền thông và kiểm soát 8.2 Cơ cấu tổ chức 8.2.1 Phòng xuất khẩu 8.2.2 Cơ cấu phân bổ quốc tế 8.2.3 Cơ cấu quốc tế dựa trên sản phẩm 8.2.4 Cơ cấu tổ chức dựa trên địa lý hoặc nhóm khách hàng 8.2.5 Cơ cấu hỗn hợp và ma trận CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 8	- Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 8; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 8	- Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên	Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13 CLO14
Tuần 13 Buổi 13	Làm bài kiểm tra thường xuyên TX3	- Giao bài kiểm tra TX3	- Thực hiện bài kiểm tra TX3	Bài kiểm tra	CLO1 đến

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
4 giờ	Thuyết trình nhóm. Mỗi nhóm sẽ phải áp dụng những kiến thức đã học, từng bước xây dựng kế hoạch (chiến dịch/chương trình) marketing quốc tế hoàn chỉnh áp dụng cho một doanh nghiệp cụ thể.	<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi bài thuyết trình của các nhóm. - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét, đặt câu hỏi cho các bài thuyết trình. - Nhận xét bài thuyết trình. - Đặt các câu hỏi để các nhóm làm rõ vấn đề. - Chấm điểm thuyết trình cho các nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm thuyết trình - Theo dõi bài thuyết trình của các nhóm khác. - Đưa ra các nhận xét và các câu hỏi cho các bài thuyết trình để làm rõ những vấn đề còn khúc mắc. 	thường xuyên TX3, Đánh giá điểm giữa kỳ	CLO14
Tuần 14 Buổi 14 4 giờ	Thuyết trình nhóm. Mỗi nhóm sẽ phải áp dụng những kiến thức đã học, từng bước xây dựng kế hoạch (chiến dịch/chương trình) marketing quốc tế hoàn chỉnh áp dụng cho một doanh nghiệp cụ thể.	<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi bài thuyết trình của các nhóm. - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét, đặt câu hỏi cho các bài thuyết trình. - Nhận xét bài thuyết trình. - Đặt các câu hỏi để các nhóm làm rõ vấn đề. - Chấm điểm thuyết trình cho các nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm thuyết trình - Theo dõi bài thuyết trình của các nhóm khác. - Đưa ra các nhận xét và các câu hỏi cho các bài thuyết trình để làm rõ những vấn đề còn khúc mắc. 	Đánh giá điểm giữa kỳ	CLO1 đến CLO14
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập và củng cố lại lý thuyết, nội dung chính của toàn môn học - Công bố điểm thành phần 	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Công bố điểm thành phần 40% 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trong tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. 	Bài tập	CLO1 đến CLO14

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

- Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 8.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

- Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

- Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

- Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

- Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

- Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách

báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ/email liên hệ: dinhhoa2490@gmail.com

Đồng Nai, ngày 04 tháng 06 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Đinh Thị Hóa

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: QUAN HỆ CÔNG CHÚNG
- Tên học phần Tiếng Anh: PUBLIC RELATIONS
- Mã học phần: 2112411
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 03

Tổng số giờ	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	30 giờ	0	00	90 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 3
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - + Học phần trước: Quản trị Marketing
 - + Học phần song hành (nếu có): không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Học phần *Quan hệ công chúng* trang bị những kiến thức chuyên môn chủ yếu về công tác quản lý trong hoạt động quan hệ công chúng của doanh nghiệp nhằm giúp cho sinh viên có khả năng điều hành, tổ chức các sự kiện để giao tiếp để có các mối quan hệ tốt giữa doanh nghiệp và các công chúng có liên quan.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object-Viết tắt là CO):

- Về kiến thức:

CO1: Hiểu biết đúng đắn về khái quát chung của quan hệ công chúng.

CO2: Nắm vững được cơ sở lý thuyết của quan hệ công chúng và nghiên cứu quan hệ công chúng.

CO3: Hiểu và thực hiện được tổ chức hoạt động quan hệ công chúng.

CO4: Phân tích và áp dụng quy trình quản trị quan hệ công chúng để xây dựng một chiến lược quan hệ công chúng cho doanh nghiệp

CO5: Thiết lập và duy trì mối quan hệ với các đối tượng công chúng có liên quan.

CO6: Phân tích, lập kế hoạch, triển khai và đánh giá các chương trình PR như sự kiện, họp báo, tài trợ.

CO7: Hiểu rõ tầm quan trọng và biết cách thực hành xử lý khủng hoảng trong doanh nghiệp.

- Về kỹ năng:

CO8: Giúp sinh viên nâng cao và hoàn thiện các kỹ năng: Kỹ năng thuyết trình; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng xây dựng hình ảnh trước công chúng; kỹ năng giao tiếp với các nhóm công chúng như: báo chí, truyền thông, chính quyền và nội bộ doanh nghiệp; kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động PR như: tổ chức sự kiện, họp báo, xử lý khủng hoảng.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO9: Hiểu rõ và tôn trọng những nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp PR.

CO10: Nhận thức được tầm quan trọng của quan hệ công chúng trong công tác truyền thông của doanh nghiệp.

CO11: Có tinh thần hợp tác, tích cực và chủ động tham gia lớp học: nghe giảng, thảo luận nhóm, giải quyết tình huống, trình bày – phản biện.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Quan hệ công chúng là học phần tự chọn đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh và đây là kiến thức chuyên sâu ngành marketing của ngành quản trị kinh doanh.

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về quan hệ công chúng (PR), giúp người học hiểu chính xác về các khái niệm cũng như vai trò của quan hệ công chúng đối với tổ chức. Bên cạnh đó, môn học còn trang bị các lý luận, quy trình, công cụ và kỹ năng PR cần thiết để người học có thể thực hành và ứng dụng trong việc tạo dựng và duy trì mối quan hệ tích cực giữa doanh nghiệp và các đối tượng công chúng của mình. Trong quá trình học, sinh viên sẽ tham gia vào các buổi trao đổi và thảo luận tình huống để dần làm quen và biết cách vận hành của các hoạt động quan hệ công chúng trong thực tế.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	Hiểu biết đúng đắn về khái quát chung của quan hệ công chúng.	3,0
CLO2	Nắm vững được cơ sở lý thuyết của quan hệ công chúng và nghiên cứu quan hệ công chúng.	3,0
CLO3	Hiểu và thực hiện được tổ chức hoạt động quan hệ công chúng.	3,5
CLO4	Phân tích và áp dụng quy trình quản trị quan hệ công chúng để xây dựng một chiến lược quan hệ công chúng cho doanh nghiệp	4,0
CLO5	Thiết lập và duy trì mối quan hệ với các đối tượng công chúng có liên quan.	4,0
CLO6	Phân tích, lập kế hoạch, triển khai và đánh giá các chương trình PR như sự kiện, họp báo, tài trợ.	4,0

CLO7	Hiểu rõ tầm quan trọng và biết cách thực hành xử lý khủng hoảng trong doanh nghiệp.	4,0
------	---	-----

Chuẩn về kỹ năng

CLO8	Giúp sinh viên nâng cao và hoàn thiện các kỹ năng: Kỹ năng thuyết trình; kỹ năng làm việc nhóm	4,5
CLO9	Sinh viên có được và hoàn thiện kỹ năng xây dựng hình ảnh trước công chúng; kỹ năng giao tiếp với các nhóm công chúng như: báo chí, truyền thông, chính quyền và nội bộ doanh nghiệp.	4,0
CLO10	Sinh viên có được và hoàn thiện kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động PR như: tổ chức sự kiện, họp báo, tài trợ, xử lý khủng hoảng.	4,5

Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm

CLO11	Có ý thức học tập tốt, có tinh thần hợp tác, tích cực và chủ động tham gia lớp học: nghe giảng, thảo luận nhóm, giải quyết tình huống, trình bày – phản biện.	4,5
CLO12	Hiểu rõ và tôn trọng những nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp PR.	4,5
CLO13	Nhận thức được tầm quan trọng của quan hệ công chúng trong công tác truyền thông của doanh nghiệp.	4,5

❖ **Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):**

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
1		x			x	x	x	x	x									x	x
2		x			x	x	x	x	x										
3		x			x	x	x	x	x	x									

4		x				x	x	x	x	x	x								
5						x	x	x	x	x	x	x			x				
6						x	x	x	x	x	x	x			x				
7						x	x	x	x	x	x	x			x				
8									x	x	x	x	x		x	x	x		
9									x	x	x	x	x		x	x	x		
10									x	x	x	x	x		x	x	x		
11																		x	x
12																		x	x
13																		x	x

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá sự chuyên cần	- Tham dự lớp học - Tham gia các hoạt động học tập	Đánh giá thường xuyên theo thang điểm ABCDF	CLO11, CLO12, CLO13	10%
2. Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra thường xuyên: TX1, TX2, TX3	Trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO7	5%
	Bài kiểm tra giữa kì: điểm thuyết trình nhóm	Chấm điểm thuyết trình nhóm	CLO1 đến CLO10	25%
3. Đánh giá cuối	Kết thúc học	Thi cuối kỳ hình	CLO1 đến	60%

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
kỳ	phần	thức thi trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO7	
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

[1] Lưu Văn Nghiêm (2015), *Quản trị quan hệ công chúng*, ĐH Kinh Tế Quốc Dân, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

[2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế (2022), *Quản trị Quan hệ công chúng*, Đại học Đồng Nai, Lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo:

[1] Ngô Minh Cách, Đào Minh Thanh (2015), *Giáo trình Quản trị quan hệ công chúng*, Học Viện Tài Chính, NXB Tài Chính.

[2] Denis L. Wilcox, Glen T. Cameron, & Bryan H. Reber (2015), *Public Relations – Strategies and Tactics*; Pearson;

[3] Erica Weintraub Austin & Bruce E. Pinkleton (2009), *Strategic Public Relations Management Planning and Managing Effective Communication Programs*, Routledge

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1	Giới thiệu môn học - Giới thiệu về học phần	- Trình chiếu slide bài giảng “ Giới thiệu môn	- Ghi chép, đặt các câu hỏi về môn học để	Không đánh	

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Buổi 1 4 giờ	<p>Quan hệ công chúng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập - Chia nhóm sinh viên 	<p>học” để hướng dẫn từng nội dung của môn học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học. 	<p>được hướng dẫn cụ thể.</p>	giá	
	<p>Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QUAN HỆ CÔNG CHỨNG</p> <p>1.1 Giới thiệu về môn học Quan hệ công chúng.</p> <p>1.2 Lược sử hình thành và phát triển của Quan hệ công chúng</p> <p>1.3 Các khái niệm của quan hệ công chúng</p> <p>1.3.1 Quan hệ công chúng (Quan hệ công chúng)</p> <p>1.3.2 Công chúng</p> <p>1.3.3 Các hoạt động quan hệ công chúng</p> <p>1.4 Vai trò của quan hệ công chúng</p> <p>1.5 Phân biệt quan hệ công chúng với các hoạt động khác</p> <p>1.5.1 Quan hệ công chúng và quảng cáo</p> <p>1.5.2 Quan hệ công chúng và marketing</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 1; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 1 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên 	Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO1 CLO8 CLO11 CLO12 CLO13

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 1				
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	<p>Chương 1: (tiếp theo)</p> <p>1.6 Kỹ năng và tổ chức của người làm Quan hệ công chúng</p> <p>1.7 Đạo đức nghề nghiệp quan hệ công chúng</p> <p>1.7.1 Khái niệm</p> <p>1.7.2 Các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp quan hệ công chúng</p> <p>1.8 Các hoạt động thực tiễn của Quan hệ công chúng</p> <p>1.9 Các qui trình Quan hệ công chúng điển hình</p> <p>1.10 Tổ chức thực hiện Quan hệ công chúng</p> <p>CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 1</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 1; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 1 	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên 	Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO1 CLO8 CLO11 CLO12 CLO13
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	<p>Chương 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ QUAN HỆ CÔNG CHỨNG VÀ NGHIÊN CỨU QUAN HỆ CÔNG CHỨNG</p> <p>2.1 Cơ sở xã hội học, tâm lý học và lý thuyết về tổ chức;</p> <p>2.2 Cơ sở lý thuyết truyền thông và nghệ thuật thuyết phục;</p> <p>2.3 Tiếp cận “mô hình” thông tin – truyền thông đại chúng;</p> <p>2.4 Nghiên cứu trong Quan</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 2; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ 	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm 	Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO2 CLO8 CLO11 CLO12 CLO13

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	hệ công chúng CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 2	thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 2	theo yêu cầu của giảng viên		
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	Chương 3: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CÔNG CHỨNG 3.1. Các thành phần tham gia vào hoạt động quan hệ công chúng 3.2. Tổ chức hoạt động phòng quan hệ công chúng trong doanh nghiệp, tổ chức 3.3. Công ty tư vấn quan hệ công chúng bên ngoài CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 3	- Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 3	- Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên	Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO3 CLO8 CLO11 CLO12 CLO13
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	Làm bài kiểm tra TX1 Chương 4: QUY TRÌNH QUẢN TRỊ QUAN HỆ CÔNG CHỨNG 4.1. Xác định vấn đề hay cơ hội trong quan hệ công chúng 4.2. Lập kế hoạch và chương trình	- Giao bài kiểm tra TX1 - Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides	- Làm bài kiểm tra TX1 - Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu	Bài kiểm tra thường xuyên 1, Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO4 CLO8 CLO11 CLO12 CLO13

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>4.3. Chương trình hành động và truyền thông</p> <p>4.4. Đánh giá chương trình quan hệ công chúng</p> <p>CÂU HỎI THẢO LUẬN</p> <p>CHƯƠNG 4</p>	<p>chương 4;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 4 	<p>hỏi để làm rõ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên 		
<p>Tuần 6</p> <p>Buổi 6</p> <p>4 giờ</p>	<p>Chương 5: HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CÔNG CHỨNG ĐỐI VỚI MỘT SỐ CÔNG CHỨNG ĐIỂN HÌNH</p> <p>5.1. Các nhóm công chúng điển hình của quan hệ công chúng và tầm quan trọng của việc nghiên cứu các nhóm công chúng điển hình</p> <p>5.2. Quan hệ và truyền thông nội bộ</p> <p>5.2.1 Khái niệm truyền thông nội bộ</p> <p>5.2.2 Các yêu cầu trong truyền thông nội bộ</p> <p>5.2.3 Các công cụ hỗ trợ truyền thông nội bộ</p> <p>CÂU HỎI THẢO LUẬN</p> <p>CHƯƠNG 5</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 5; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 5 	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên 	<p>Ví dụ thực tế,</p> <p>Thảo luận nhóm</p>	<p>CLO5</p> <p>CLO8</p> <p>CLO9</p> <p>CLO11</p> <p>CLO12</p> <p>CLO13</p>

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	<p>Chương 5: (tiếp theo)</p> <p>5.3. Quan hệ với giới truyền thông</p> <p>5.3.1 Quan hệ công chúng và báo chí</p> <p>5.3.2 Thông cáo báo chí</p> <p>CÂU HỎI THẢO LUẬN</p> <p>CHƯƠNG 5</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 5; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 5 	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên 	Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO5 CLO8 CLO9 CLO11 CLO12 CLO13
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	<p>Chương 5: (tiếp theo)</p> <p>5.4. Quan hệ cộng đồng</p> <p>5.4.1 Khái niệm quan hệ cộng đồng</p> <p>5.4.2 Các yêu cầu trong quan hệ cộng đồng</p> <p>5.4.3 Các công cụ hỗ trợ quan hệ cộng đồng</p> <p>5.5. Quan hệ với nhà đầu tư</p> <p>5.5.1 Khái niệm quan hệ với nhà đầu tư</p> <p>5.5.2 Các yêu cầu trong quan hệ với nhà đầu tư</p> <p>5.5.3 Các công cụ hỗ trợ quan hệ với nhà đầu tư</p> <p>CÂU HỎI THẢO LUẬN</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 5; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên 	Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO5 CLO8 CLO9 CLO11 CLO12 CLO13

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	CHƯƠNG 5	viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 5			
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	Làm bài kiểm tra thường xuyên TX2 Chương 6: TỔ CHỨC SỰ KIỆN, HỌP BÁO 6.1. Khái niệm và mục đích của sự kiện, họp báo 6.1.1. Khái niệm 6.1.2. Mục đích 6.2. Phân loại sự kiện kinh doanh 6.3. Quy trình tổ chức sự kiện, họp báo 6.3.1. Thu thập thông tin, yêu cầu về sự kiện 6.3.2. Hình thành ý tưởng cho sự kiện 6.3.3. Lên kế hoạch và dự trù kinh phí 6.3.4. Trình bày kế hoạch 6.3.5. Tổ chức thực hiện kế hoạch 6.3.6. Đánh giá tổng kết CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 6	- Giao bài kiểm tra TX2 - Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 6; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 6	- Thực hiện bài kiểm tra TX2 - Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên	Bài kiểm tra thường xuyên TX2, Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO6 CLO8 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	Chương 7: HOẠT ĐỘNG TÀI TRỢ 7.1. Khái niệm về tài trợ 7.2. Công chúng và các mục tiêu của hoạt động tài trợ sự kiện 7.3. Các loại hình và các thành phần tham gia vào tài trợ CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 7	- Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 7; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội	- Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do	Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO6 CLO8 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		<p>dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 7 	<p>giảng viên đưa ra;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên 		
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	<p>Chương 7: (tiếp theo) 7.4. Quy trình tài trợ 7.5. Những nhân tố ảnh hưởng đến việc xem xét lựa chọn chủ thể để tài trợ 7.6. Tài sản tài trợ CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 7</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 7; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 7 	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên 	Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO6 CLO8 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13
Tuần 11 Buổi 11 4 giờ	<p>Chương 8: QUẢN TRỊ KHỦNG HOẢNG 8.1. Khái niệm và đặc điểm của khủng hoảng 8.2. Phân loại khủng hoảng 8.3. Các nguyên tắc truyền</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước - Thuyết giảng kết hợp trình 	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước - Sinh viên lắng nghe, ghi 	Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO7 CLO8 CLO10 CLO11 CLO12

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	thông trong khủng hoảng CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 7	chiếu slides chương 8; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 8	chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên		CLO13
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ	Chương 8: (tiếp theo) 8.4. Quy trình xử lý khủng hoảng truyền thông 8.5. Quản lý khủng hoảng 8.5.1. Phòng ngừa, chuẩn bị 8.5.2. Phản ứng, hạn chế các tổn thất 8.5.3. Hồi phục CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 8	- Tóm tắt lại nội dung kiến thức tuần trước - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 8; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra câu hỏi thảo luận nhóm chương 8	- Ôn lại nội dung kiến thức tuần trước - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thực hiện thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên	Ví dụ thực tế, Thảo luận nhóm	CLO7 CLO8 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 13 Buổi 13 4 giờ	Làm bài kiểm tra thường xuyên TX3 Thuyết trình nhóm. Mỗi nhóm sẽ phải áp dụng những kiến thức đã học, từng bước xây dựng/tìm hiểu kế hoạch (chiến dịch/chương trình) PR hoàn chỉnh áp dụng cho một doanh nghiệp cụ thể.	<ul style="list-style-type: none"> - Giao bài kiểm tra TX3 - Theo dõi bài thuyết trình của các nhóm. - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét, đặt câu hỏi cho các bài thuyết trình. - Nhận xét bài thuyết trình. - Đặt các câu hỏi để các nhóm làm rõ vấn đề. - Chấm điểm thuyết trình cho các nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện bài kiểm tra TX3 - Các nhóm thuyết trình - Theo dõi bài thuyết trình của các nhóm khác. - Đưa ra các nhận xét và các câu hỏi cho các bài thuyết trình để làm rõ những vấn đề còn khúc mắc. 	Bài kiểm tra thường xuyên TX3, Đánh giá điểm giữa kỳ	CLO1 đến CLO13
Tuần 14 Buổi 14 4 giờ	Thuyết trình nhóm. Mỗi nhóm sẽ phải áp dụng những kiến thức đã học, từng bước xây dựng/ tìm hiểu kế hoạch (chiến dịch/chương trình) PR hoàn chỉnh áp dụng cho một doanh nghiệp cụ thể.	<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi bài thuyết trình của các nhóm. - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét, đặt câu hỏi cho các bài thuyết trình. - Nhận xét bài thuyết trình. - Đặt các câu hỏi để các nhóm làm rõ vấn đề. - Chấm điểm thuyết trình cho các nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm thuyết trình - Theo dõi bài thuyết trình của các nhóm khác. - Đưa ra các nhận xét và các câu hỏi cho các bài thuyết trình để làm rõ những vấn đề còn khúc mắc. 	Đánh giá điểm giữa kỳ	CLO1 đến CLO13
Tuần 15 Buổi 15	- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết, nội dung chính của	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức		CLO1 đến

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
4 giờ	toàn môn học - Công bố điểm thành phần	thức trọng tâm. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Công bố điểm thành phần 40%	trong tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Bài tập	CLO13

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

- Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 8.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

- Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

- Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.
- Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.
- Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.
- Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.
- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ/email liên hệ: dinhhoa2490@gmail.com

Đồng Nai, ngày 04 tháng 06 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Đinh Thị Hóa

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
DIGITAL MARKETING

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: DIGITAL MARKETING
 - Tên học phần Tiếng Anh: DIGITAL MARKETING
- Mã học phần: 2112412
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: *(đánh dấu X vào ô chọn)*
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 02 *(cần chi tiết số giờ lý thuyết, thảo luận/bài tập, thực hành/seminar, hoạt động nhóm, tự học)*

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
100	20	20	0	00	60

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 3
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: Marketing căn bản
 - + Học phần trước: Marketing căn bản
 - + Học phần song hành (nếu có): không có

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Marketing Trực tuyến là một trong những môn học nằm trong nhóm kiến thức chuyên ngành tự chọn của chuyên ngành Quản Trị Marketing. Mục đích của môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên những công cụ để có thể thực hiện Marketing trong môi trường internet. Sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên sẽ có được một lợi thế cạnh tranh rất lớn khi làm việc trong ngành Marketing, vì thị trường việc làm của ngành Marketing đang thiếu hụt những nhân sự có khả năng thực hiện các hoạt động Marketing trong môi trường internet. Môn học này sẽ hướng dẫn các bạn cách thức sử dụng các công

cụ marketing trực tuyến như: website 2.0, các kênh quảng cáo trực tuyến, mạng xã hội Facebook, Blog 2.0, Email marketing, tối ưu hóa công cụ tìm kiếm SEO, PR trực tuyến...và sinh viên sau khi học xong có thể dễ dàng lập kế hoạch marketing trực tuyến, thực thi kế hoạch và đánh giá nó.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức:

CO1: Sau khi học xong học phần này, người học có thể: Phân tích hoạt động truyền thông trên môi trường Internet và các công cụ Digital như mạng xã hội, email marketing, mobile marketing... và vận dụng vào quá trình lập kế hoạch truyền thông Marketing tổng thể.

- Về kỹ năng:

CO2: Giúp người học nâng cao và hoàn thiện kỹ năng phân tích; kỹ năng ra thuyết trình, kỹ năng tư duy sáng tạo và làm việc độc lập.

- Về thái độ:

CO3: Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập nhóm; Có nhận thức về trách nhiệm xã hội, tích cực và tinh thần trách nhiệm trong công việc, người học phải biết phối hợp lý luận và thực tế phát sinh để làm tác nhân thúc đẩy quá trình phát triển của tổ chức.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

- Digital Marketing là học phần tự chọn đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh và đây là kiến thức chuyên ngành của ngành quản trị kinh doanh.
- Học phần này đề cập các kiến thức về marketing kỹ thuật số, đánh giá được các yếu tố môi trường Marketing ,đối thủ cạnh tranh và nội lực của doanh nghiệp trên Internet để phục vụ cho hoạt động marketing trong doanh nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra (CLO) của học phần:

Mã số CLOs	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	- Liệt kê và phân loại được các công cụ, kênh truyền thông Digital Marketing.	3,5
CLO2	- Phân tích được đặc điểm, phân tích được ưu nhược điểm của các công cụ Digital.	3,5

CLO3	-Giải thích được sự cần thiết của việc áp dụng các công cụ Digital Marketing vào chiến lược và kế hoạch marketing của doanh nghiệp.	3,5
CLO4	- Lập kế hoạch Digital Marketing.	3,5
CLO5	- Lựa chọn, sử dụng các công cụ phù hợp cho từng kênh truyền thông trực tuyến và đánh giá được mức độ hiệu quả của các chương trình truyền thông trong kế hoạch Digital Marketing .	3,5
CLO6	- Chủ động, tích cực và liên tục cập nhật các kiến thức liên quan đến Digital Marketing để phát triển bản thân.	3,5
CLO7	- Cân nhắc về các vấn đề đạo đức, pháp luật trong việc thực hiện các hoạt động truyền thông trực tuyến nhằm đảm bảo kết quả mang lại có ảnh hưởng tích cực cho cộng đồng và xã hội.	3,5

Chuẩn về kỹ năng

CLO8	- Kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề: Dựa vào thực tiễn, số liệu đưa ra nhận xét, phân tích, đánh giá về những vấn đề liên quan đến học phần.	3,5
CLO9	- Kỹ năng ứng dụng các công cụ và kiến thức vào kế hoạch Marketing trực tuyến .	4,0

Chuẩn về thái độ

CLO10	Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập;	3,5
CLO11	Có nhận thức về khoa học kỹ thuật số và lĩnh vực marketing nói riêng đang phát triển mạnh mẽ trong thực tiễn, nhận thức rõ mức độ ảnh hưởng qua các chương trình truyền thông trực tuyến đến cộng đồng và xã hội.	4,0

❖ **Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):**

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1				x	x	x		x		x		x	x	x		x		
2				x	x	x		x	x	x		x	x	x	x	x		
3				x	x	x		x	x			x	x	x	x	x		
4								x	x	x	x	x	x	x				

5									X	X	X	X		X	X	X	X		
6													X	X	X				
7													X	X	X		X		
8															X	X	X		
9															X	X	X		
10																		X	X
11																		X	X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CLO học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá sự chuyên cần	- Tham dự lớp học - Xây dựng bài, thực hiện yêu cầu của giảng viên.	Thường xuyên	CLO1 đến CLO11	10%
2. Đánh giá quá trình	- Làm đủ bài tập cá nhân, bài tập nhóm (thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm) đúng hạn và đạt yêu cầu.	Thường xuyên	CLO1 đến CLO11	5%
	Bài kiểm tra giữa kì theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm.	Bài tập nhóm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO11	25%
3. Đánh giá cuối	Kết thúc học	Thi cuối kỳ hình	CLO2 đến	60%

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CLO học phần	Trọng số
kỳ	phần	thức thi tự luận. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO11	
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

[1] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai, *Digital Marketing*, Lưu hành nội bộ, 2022.

[2] Philip Kotler (2019), *Marketing trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0*. Nhà xuất bản Thế Giới.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Brian Halligan, Dharmesh Shah (2019). *Inbound marketing - Thu hút thế giới về với bạn trong môi trường trực tuyến*. Nhà xuất bản Tổng hợp TPHCM.

[2]. Dave Chaffey, Fiona Ellis-Chadwick (2019). *Digital Marketing – Strategy, Implementation and Practice*. Pearson

[3]. Philip Kotler, Hermawan Kartajaya, và Iwan Setiawan (2017), *Tiếp thị 4.0 - Dịch Chuyển Từ Truyền Thống Sang Công Nghệ Số*. Nhà xuất bản Trẻ.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần/ Buổi/ Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLO học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1/ Buổi 1 4 giờ	Giới thiệu môn học - Giới thiệu về học phần Digital Marketing - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập - Chia nhóm sinh viên	- Trình chiếu slide bài giảng “ Giới thiệu môn học” để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách	- Ghi chép, đặt các câu hỏi về môn học để được hướng dẫn cụ thể.	Không đánh giá	

Tuần/ Buổi/ Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLO học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học.			
	<p>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ DIGITAL MARKETING</p> <p>1.1. Khái niệm Digital marketing áp dụng trong doanh nghiệp</p> <p>1.2. Đặc điểm và mô hình Marketing</p> <p>1.3. Hành vi người tiêu dùng trên Internet</p> <p>1.4. Xu hướng phát triển của Digital Marketing</p> <p>1.5. Sự khác biệt giữa Marketing truyền thống và Digital Marketing.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 1; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài thảo luận và chọn đề tài cho nhóm TL1 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài TL1. 	<p>Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên</p> <p>TL 1</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p>
Tuần 2/ Buổi 2	<p>CHƯƠNG 2: QUẢN TRỊ WEB VÀ BLOG 2.0</p> <p>2.1. Website 2.0 và thiết kế website 2.0</p> <p>2.2. Blog 2.0 và thiết kế blog 2.0</p> <p>2.3. Các yêu cầu khi thiết kế website cần cho quá trình tối ưu hoá công cụ tìm kiếm trực tuyến (SEO)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra tình huống cho sinh viên thảo luận làm bài tập nhóm TL2. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tìm kiếm thông tin, tập thiết kế website và blog. - Làm bài TL2. 	<p>Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên</p> <p>TL 2</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p>

Tuần/ Buổi/ Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLOhọc phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 3/ Buổi 3	<p>CHƯƠNG 3: TIẾP THỊ BẰNG CÁC CÔNG CỤ TÌM KIẾM – SEM</p> <p>3.1. Cơ chế hoạt động của công cụ tìm kiếm.</p> <p>3.2. Từ khoá và các phương pháp lựa chọn từ khoá hiệu quả</p> <p>3.3. Tối ưu hoá các công cụ tìm kiếm SEO cho website.</p> <p>3.4. Các công cụ hỗ trợ SEO</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa thực tế và làm bài tập thảo luận nhóm TL3 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng lí thuyết vào bài tập tình huống nhóm - Làm bài TL3. 	<p>Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TL 3</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3 CLO5 CLO6 CLO7</p>
Tuần 4/ Buổi 4	<p>CHƯƠNG 4: TRUYỀN THÔNG MẠNG XÃ HỘI</p> <p>4.1 Khái niệm về mạng xã hội</p> <p>4.2. Vai trò của mạng xã hội trong các hoạt động Marketing.</p> <p>4.3. Các công cụ truyền thông xã hội (</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng thực hiện làm mạng xã hội. - Giao bài tập thảo luận nhóm TL4. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng lí thuyết và làm bài tập thảo luận nhóm. - Làm bài TL4. 	<p>Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TL 4</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3 CLO5 CLO6 CLO7</p>
Tuần 5/ Buổi 5	<p>CHƯƠNG 5: QUẢNG CÁO TRỰC TUYẾN (DIGITAL MEDIA)</p> <p>5.1. Lập kế hoạch truyền thông kĩ thuật</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 5; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do 	<p>Đánh giá quá trình, bài kiểm tra</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3 CLO5</p>

Tuần/ Buổi/ Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLO học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>số.</p> <p>5.2. Các hình thức quảng cáo trực tuyến.</p> <p>5.3. Lựa chọn kênh quảng cáo</p> <p>5.4. Lựa chọn vị trí và hình thức hiển thị quảng cáo</p> <p>5.5. Web banner trên các trang thông tin online</p> <p>5.6. Quảng cáo google ads</p> <p>5.7. Quảng cáo Marketing lặp lại (Remarketing)</p>	<p>cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng làm quảng cáo.</p> <p>- Giao bài tập thảo luận nhóm cho sinh viên áp dụng TL5.</p>	<p>giảng viên đưa ra;</p> <p>- Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao.</p> <p>- Làm bài TL5.</p>	<p>thường xuyên</p> <p>TL 5</p>	<p>CLO6</p> <p>CLO7</p>
Tuần 6/ Buổi 6	<p>CHƯƠNG 6: QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG TRỰC TUYẾN (PR 2.0)</p> <p>6.1. Sự khác biệt với các PR truyền thống</p> <p>6.2. Các kênh PR trực tuyến</p> <p>6.3. Thiết lập thông điệp truyền thông cho một chiến dịch PR trực tuyến.</p> <p>6.4. Kỹ năng trong truyền thông xã hội. Xử lý khủng hoảng online</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 5;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên làm PR</p> <p>- Giao bài tập thảo luận nhóm TL6</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Áp dụng lí thuyết vào bài tập nhóm.</p> <p>- Làm bài thảo luận TL6</p>	<p>Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên</p> <p>TL6</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p>

Tuần/ Buổi/ Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLO học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 7/ Buổi 7	<p>CHƯƠNG 7: TIẾP THỊ QUA EMAIL</p> <p>7.1. Các hình thức tiếp thị qua Email</p> <p>7.2. Chọn lọc cơ sở dữ liệu khách hàng.</p> <p>7.3. Thiết kế nội dung emailmarketing hiệu quả.</p> <p>7.4. Các công cụ thực hiện một chương trình tiếp thị qua email.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 7; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên làm emailmarketing - Giao bài tập thảo luận nhóm TL7 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng lý thuyết vào bài thảo luận nhóm. - Làm bài thảo luận TL7 	<p>Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên</p> <p>TL7</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p>
Tuần 8/ Buổi 8	<p>CHƯƠNG 8: LẬP KẾ HOẠCH DIGITAL MARKETING</p> <p>8.1. Phân tích thị trường</p> <p>8.2. Xác định đúng thị trường mục tiêu</p> <p>8.3. Xác định mục tiêu SMART của chiến dịch</p> <p>8.4. Sáng tạo chiến dịch Digital Marketing</p> <p>8.5. Lập kế hoạch Digital Marketing</p> <p>8.6. Cách thức triển khai kế hoạch</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 8; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch digital marketing - Giao bài tập thảo luận nhóm TL8. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng lý thuyết làm bài tập nhóm TL8 	<p>Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên</p> <p>TL8</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p>
Tuần 9/ Buổi 9	<p>CHƯƠNG 9. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, 	<p>Đánh giá quá</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p>

Tuần/ Buổi/ Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLO học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>TRUYỀN THÔNG TRỰC TUYẾN</p> <p>9.1. Đánh giá hiệu quả của một chiến dịch truyền thông trực tuyến bằng công cụ Google Analysis</p> <p>9.2. Các công cụ phân tích website</p>	<p>chương 9;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên đánh giá hiệu quả digital marketing</p> <p>- Giao bài thảo luận nhóm TL9</p>	<p>đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Áp dụng lý thuyết làm bài thảo luận nhóm TL9</p>	<p>trình, bài kiểm tra thường xuyên TL9</p>	<p>CLO3</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p>
Tuần 10/ Buổi 10	<p>- Làm bài kiểm tra giữa kì</p> <p>- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết và thảo luận lại các vấn đề đã học</p>	<p>- Giao bài kiểm tra giữa kì cho sinh viên.</p> <p>- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm.</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p>	<p>- Làm bài kiểm tra giữa kì .</p> <p>- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trong tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu</p>	<p>Đánh giá quá trình, bài kiểm tra giữa kì</p>	<p>CLO1-</p> <p>CLO11</p>

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

- Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.
- Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.
- Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 9.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

- Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.
- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.
- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

- Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.
- Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.
- Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.
- Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.
- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế
- Địa chỉ/email liên hệ: vuongnga1112@gmail.com

Đồng Nai, ngày 15 tháng 06 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc

**TRƯỞNG BỘ
MÔN**



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Vương Thúy Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN **KIẾN TẬP NGHỀ NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: KIẾN TẬP NGHỀ NGHIỆP
- Tên học phần Tiếng Anh: Cooperative Work Experience in Business Administration
- Mã học phần: 2112315
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 02

Tổng số giờ	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
115 giờ	5 giờ		50 giờ	00	60 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 4
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Sinh viên đã tham gia học tập đến hết học kỳ 7;
 - + Sinh viên không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Học phần *Kiến tập nghề nghiệp* được xây dựng nhằm mục đích giúp sinh viên có được thể tiếp cận được với những hoạt động quản trị thực tiễn tại các công ty. Sinh viên sẽ có điều kiện tham quan và có được những trao đổi trực tiếp từ phía công ty về các hoạt động của họ, từ đó có thể có những nhận xét, đánh giá từ lý thuyết đi vào thực tiễn như thế nào. Đồng thời hoạt động tham quan kiến tập này cũng giúp sinh viên bổ sung thêm vốn kiến thức ngoài những kiến thức đã được học tại nhà trường. Kết thúc đợt kiến tập sinh viên sẽ

trình bày những kết quả mà mình thu nhận được thông qua một bài tiểu luận để đánh giá kết quả học tập.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object-Viết tắt là CO):

- Về kiến thức:

CO1: Quan sát, tìm hiểu về các hoạt động quản trị thực tiễn trong các tổ chức, doanh nghiệp.

CO2: Đối sánh được giữa lý thuyết và thực tiễn trong hoạt động quản trị cụ thể của đơn vị kiến tập: tổ chức hoạt động, chiến lược kinh doanh, marketing, sản xuất, nhân sự, chất lượng, tiêu thụ...

CO3: Đúc kết được những bài học kinh nghiệm dựa trên nhận thức của bản thân đối với các hoạt động quản trị cụ thể.

- Về kỹ năng:

CO4: Phát triển được kỹ năng quan sát, phân tích, đánh giá và nhận xét các vấn đề trong hoạt động kinh doanh thực tế.

CO5: Tư duy, vận dụng kiến thức có được đưa ra được những đề xuất nhằm cải tiến các vấn đề trong quá trình tìm hiểu thực tế.

CO6: Phát triển kỹ năng tự tìm hiểu, nghiên cứu nâng cao kiến thức.

CO7: Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong môi trường kinh doanh.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO8: Nhận thức được vai trò, trách nhiệm của nhà quản trị trong mối quan hệ giữa các bên có liên quan, có ý thức tuân thủ về luật pháp của nhà nước, các quy định của tổ chức, doanh nghiệp.

CO9: Có thái độ hòa đồng, tinh thần hợp tác, tích cực và chủ động trong các hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp.

CO10: Hình thành thói quen học tập suốt đời, không ngừng nâng cao năng lực của bản thân.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần *Kiến tập nghề nghiệp* nhằm giúp sinh viên quan sát được thực tế về môi trường làm việc tại cơ quan, doanh nghiệp trong quá trình kiến tập.

Sinh viên lựa chọn một hoạt động trong chuyên ngành quản trị kinh doanh, sử dụng phương pháp thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu, tài liệu để tìm hiểu/ phân tích/ đánh giá về một hoạt động cụ thể trong doanh nghiệp hay đơn vị được kiến tập và cuối cùng là thực hiện trình bày nội dung chi tiết của vấn đề kiến tập theo yêu cầu của một tiểu luận.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra	Trình độ năng
------------------	----------------------------------	----------------------

(1)	(đánh giá theo thang Bloom) (2)	lực (3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	Hiểu rõ về bộ máy tổ chức, chức năng của các phòng ban trong tổ chức, doanh nghiệp mà sinh viên được tham gia kiến tập	3,0
CLO2	Nắm được các quy trình quản trị cụ thể của các doanh nghiệp, tổ chức: tổ chức hoạt động, chiến lược kinh doanh, marketing, sản xuất, nhân sự, chất lượng, tiêu thụ...	3,5
CLO3	Vận dụng kiến thức đã học đưa ra những phân tích, đánh giá các hoạt động quản trị thực tiễn của các tổ chức từ đó đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh hoặc khắc phục những hạn chế còn tồn đọng.	4,0
CLO4	Đúc kết được những bài học kinh nghiệm dựa trên nhận thức của bản thân đối với các hoạt động quản trị cụ thể.	4,0
Chuẩn về kỹ năng		
CLO5	Phát triển được kỹ năng quan sát, phân tích, đánh giá và nhận xét các vấn đề trong hoạt động kinh doanh thực tế.	4,0
CLO6	Tư duy, vận dụng kiến thức có được đưa ra được những đề xuất nhằm cải tiến các vấn đề trong quá trình tìm hiểu thực tế.	4,0
CLO7	Phát triển kỹ năng tự tìm hiểu, nghiên cứu để nâng cao kiến thức.	4,0
CLO8	Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong môi trường kinh doanh.	4,0
Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm		
CLO9	Nhận thức được vai trò, trách nhiệm của nhà quản trị trong mối quan hệ giữa các bên có liên quan, có ý thức tuân thủ về luật pháp của nhà nước, các quy định của tổ chức, doanh nghiệp.	4,0
CLO10	Có thái độ hòa đồng, tinh thần hợp tác, tích cực và chủ động trong các hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp, của học phần.	4,5
CLO11	Hình thành thói quen học tập suốt đời, không ngừng nâng cao năng lực của bản thân.	4,0

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1		X	X							X		X			X			
2		X	X	X						X		X			X			
3		X	X	X	X					X		X	X		X	X		
4					X	X	X	X	X	X		X						
5			X					X	X	X			X		X	X		
6					X			X	X	X	X	X	X			X	X	
7								X	X						X			X
8								X	X						X			X
9																	X	X
10															X		X	X
11																	X	X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá quá trình	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt hướng dẫn và các buổi tham quan kiến tập. - Ý thức tham gia và trao đổi với GVHD trong suốt thời 	Thường xuyên	CLO9, CLO10, CLO11	40%

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
	gian kiến tập.			
2. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần: Bài thu hoạch	Bài thu hoạch	CLO1 đến CLO8	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

[1] Khoa Kinh Tế (2022), *Quy định kiến tập nghề nghiệp ngành Quản trị kinh doanh*, Đại học Đồng Nai, Lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo:

- [1] Tài liệu của các doanh nghiệp
[2] Quy định trình bày về tiêu luận của Khoa Kinh tế

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 5 giờ	Phần 1: Hướng dẫn sinh viên về hoạt động kiến tập - Triển khai kế hoạch thực địa, hướng dẫn sinh viên các kỹ thuật cần thiết. - Phân nhóm tham gia, thời gian kiến tập	- Hướng dẫn cho sinh viên nắm được mục đích, yêu cầu và các hoạt động của đợt kiến tập. - Hướng dẫn kết cấu và cách trình bày của một bài tiểu luận	- Tham dự buổi sinh hoạt hướng dẫn của giảng viên - Ghi chép, đặt câu hỏi để làm rõ những nội dung chưa hiểu.	Đánh giá quá trình	CLO9 CLO10 CLO11
Tuần 2	Phần 2: Tham quan, nghe báo cáo và trao đổi với các công ty kiến tập a. Nghe chuyên đề - Triển khai công tác tham quan b. Tham quan thực tế các doanh nghiệp	- Lên kế hoạch và tổ chức thực hiện đợt kiến tập (đàm phán với công ty thực tập, thời gian, địa điểm, phương tiện đi lại, ăn ở, và các hoạt động chuyên môn:	- Tham gia đầy đủ các buổi tham quan: quan sát, nghe báo cáo, ghi nhận các nội dung đã được sinh hoạt và trao đổi, đặt	Đánh giá quá trình	CLO9 CLO10 CLO11

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe diễn giải bằng mô hình tương tác, giới thiệu về doanh nghiệp. - Tham quan hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp 	báo cáo viên, chủ đề trao đổi giữa công ty và sinh viên).	câu hỏi với các báo cáo viên tại công ty kiến tập.		
Tuần 3	<p>Phần 3: Tổng kết hoạt động kiến tập và viết bài thu hoạch</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng kết hoạt động kiến tập - Hoàn thành bài thu hoạch 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng kết hoạt động kiến tập - Chấm bài thu hoạch (tiểu luận) 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động tổ chức giờ tự học. - Hoàn thành bài tiểu luận, nộp đúng hạn theo quy định. 	Đánh giá cuối kỳ Bài thu hoạch (tiểu luận)	CLO1 đến CLO8

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

– Trọng số 40% điểm quá trình được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: tham dự đầy đủ các buổi sinh hoạt hướng dẫn của giảng viên, và tham gia đầy đủ các buổi tham quan.

– Không được tính điểm quá trình khi sinh viên: Vắng buổi sinh hoạt hướng dẫn của giảng viên.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của đánh giá cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thu hoạch.

- Hình thức: Bài thu hoạch (tiểu luận)
- Nội dung: toàn bộ kiến thức thu được từ chuyên kiến tập
- Tiêu chí đánh giá: theo thang điểm đánh giá của Bộ môn Quản trị kinh doanh.

8.3. Quy định nội quy tham gia kiến tập

- Tham gia đầy đủ, đúng thời gian qui định của Khoa Kinh Tế;
- Yêu cầu trong giờ học tại lớp: không được nói chuyện và làm việc riêng, không sử dụng điện thoại cá nhân và các thiết bị điện tử trừ khi giảng viên cho phép tra cứu tư liệu, thông tin để phục vụ cho học tập, nghiên cứu;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo qui định của giảng viên khi đến lớp;
- Khi tham gia kiến tập, yêu cầu sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu theo sự hướng dẫn giảng viên nhằm trao đổi, phản biện, góp ý, hợp tác, thảo luận các nội dung theo yêu cầu của giảng viên, tổ chức;

- Tinh thần, thái độ tôn trọng, nghiêm túc, trách nhiệm, tính kỷ luật, cầu thị trong học tập, làm việc với giảng viên và các bạn trong ngoài lớp;

- Kiểm soát tốt cảm xúc cá nhân khi tranh luận, phản biện, bác bỏ, chia sẻ, góp ý, thảo luận, trao đổi các vấn đề tại lớp, trong nhóm;

- Vắng buổi hướng dẫn của giảng viên sẽ không được tham gia buổi kiến tập và bị điểm F học phần này.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh

- Địa chỉ/email liên hệ: dinhhoa2490@gmail.com

Đồng Nai, ngày 04 tháng 06 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Đinh Thị Hóa

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP
- Tên học phần Tiếng Anh: Internship in Business Administration
- Mã học phần: 2112316
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 06

Tổng số giờ	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
355 giờ	5 giờ	00 giờ	170 giờ	00 giờ	180 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 4
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Sinh viên đã tham gia học tập đến hết học kỳ 7;
 - + Sinh viên không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Học phần Thực tập tốt nghiệp gắn liền lý luận với thực tiễn, giúp sinh viên làm quen và tăng cường kỹ năng thực tế, năng lực chuyên môn phù hợp với ngành, chuyên ngành đào tạo. Giúp sinh viên hệ thống hóa và củng cố kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, kiến thức chuyên môn đã được trang bị, vận dụng vào thực tế để phân tích các chính sách hoặc giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực ngành và chuyên ngành đào tạo. Giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng làm việc, kiến thức nghề nghiệp, hình thành các phẩm chất trí tuệ, phương pháp tiếp cận, giải quyết một vấn đề từ thực tế. Tạo cho sinh viên có cơ hội phát hiện những kiến thức và kỹ năng còn thiếu để có kế hoạch bổ sung hoàn thiện. Rèn luyện tác

phong làm việc chuyên nghiệp, quan điểm, thái độ lao động, ý thức phục vụ, năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object-Viết tắt là CO):

- Về kiến thức:

CO1: Trang bị thêm các kiến thức về nghiên cứu khoa học trong kinh tế như: các phương pháp thu thập dữ liệu, phân tích và đánh giá tổng quan về tình hình hoạt động tại doanh nghiệp mà sinh viên tham gia thực tập.

CO2: Thực hành phân tích về một hoạt động cụ thể của doanh nghiệp liên quan đến kiến thức quản trị kinh doanh như là quản trị nhân sự, quản trị điều hành sản xuất, quản trị marketing, quản trị tài chính, quản trị rủi ro, v.v...

CO3: Xác định được tầm quan trọng và mức độ đóng góp của hoạt động mà sinh viên lựa chọn nghiên cứu đối với doanh nghiệp được thực tập.

CO4: Mô tả được nhiệm vụ của vị trí công việc được phân công tại đơn vị thực tập (vị trí công việc này phải có liên quan đến hoạt động quản trị mà sinh viên đã lựa chọn nghiên cứu – nội dung chuyên đề).

- Về kỹ năng:

CO5: Phân tích môi trường kinh doanh, đưa ra những nhận định chung về thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp trong quá trình tổ chức hoạt động kinh doanh.

CO6: Đánh giá về một hoạt động cụ thể tại nơi thực tập và đồng thời vận dụng các kiến thức đã học, sinh viên đề xuất các giải pháp để khắc phục/hoàn thiện hoạt động đó của doanh nghiệp.

CO7: Ngoài ra, quá trình thực tập tại doanh nghiệp còn giúp sinh viên hoàn thiện thêm cho bản thân những kỹ năng cá nhân, cụ thể như kỹ năng soạn thảo văn bản, kỹ năng giao tế nhân sự, kỹ năng lưu trữ hồ sơ, kỹ năng tổ chức công việc, kỹ năng làm việc độc lập.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO8: Nhận thức đúng về bản chất và giá trị của học phần, có hành vi đúng đắn trong quá trình thực tập.

CO9: Có thái độ nghiêm túc, tinh thần trách nhiệm trong công việc được phân công, hướng dẫn của cán bộ tại nơi thực tập, nâng cao khả năng hợp tác, linh hoạt trong việc phối hợp với các cá nhân và tổ chức.

CO10: Có ý thức học tập tốt, có tinh thần hợp tác, tích cực và chủ động trao đổi với giảng viên: nghe giảng, chủ động làm bài và sửa theo hướng dẫn.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần Thực tập và báo cáo tốt nghiệp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Học phần này nhằm giúp sinh viên nắm được những kiến thức thực tế về môi trường làm việc tại cơ quan, doanh nghiệp trong quá trình thực tập. Sinh viên có thể áp dụng kiến thức và lý thuyết chuyên ngành được học vào thực tế. Thực hành kỹ năng nghề nghiệp gắn với chuyên ngành được đào tạo và rèn luyện kỹ năng cũng như thái độ làm việc chuyên nghiệp phát triển các mối quan hệ nhằm chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai sau tốt nghiệp.

Sinh viên lựa chọn một hoạt động trong chuyên ngành quản trị kinh doanh, sử dụng phương pháp thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu, tài liệu để tìm hiểu/ phân tích/ đánh giá về một hoạt động cụ thể trong doanh nghiệp hay đơn vị thực tập và cuối cùng là thực hiện trình bày nội dung chi tiết của vấn đề thực tập theo yêu cầu của một báo cáo chuyên đề tốt nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CDR (1)	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom) (2)	Trình độ năng lực (3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	Hiểu và vận dụng được các kiến thức về nghiên cứu khoa học trong kinh tế.	3,0
CLO2	Xác định được tầm quan trọng và mức độ đóng góp của hoạt động mà sinh viên lựa chọn tìm hiểu đối với doanh nghiệp được thực tập.	3,5
CLO3	Nắm vững kiến thức liên quan đến chuyên ngành, công việc thực tập và có thể phân tích các bước công việc của hoạt động cụ thể trong doanh nghiệp.	3,0
CLO4	Hiểu rõ về doanh nghiệp mà sinh viên tham gia thực tập.	3,5
CLO5	Mô tả được nhiệm vụ, quy trình thực hiện của vị trí công việc được phân công tại đơn vị thực tập.	3,5
Chuẩn về kỹ năng		
CLO6	Đưa ra những nhận định chung về thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp trong quá trình tổ chức hoạt động kinh doanh.	4,5
CLO7	Đánh giá về một hoạt động cụ thể tại nơi thực tập và	4,0

	đồng thời vận dụng các kiến thức đã học, sinh viên đề xuất các giải pháp để khắc phục/hoàn thiện hoạt động đó của doanh nghiệp.	
CLO8	Hoàn thiện thêm cho bản thân những kỹ năng cá nhân, cụ thể như kỹ năng soạn thảo văn bản, kỹ năng giao tế nhân sự, kỹ năng lưu trữ hồ sơ, kỹ năng tổ chức công việc, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng thuyết trình trình bày khóa luận.	4,5

Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm

CLO9	Nhận thức đúng về bản chất và giá trị của học phần, có hành vi đúng đắn trong quá trình thực tập.	4,5
CLO10	Có thái độ nghiêm túc, tinh thần trách nhiệm trong công việc được phân công, hướng dẫn của cán bộ tại nơi thực tập, nâng cao khả năng hợp tác, linh hoạt trong việc phối hợp với các cá nhân và tổ chức.	5,0
CLO11	Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong quá trình thực tập để đạt hiệu quả cao, có ý thức nghiêm cứu tài liệu và làm việc một cách nghiêm túc, trung thực;	4,5
CLO12	Có nhận thức đúng đắn về khoa học quản lý, biết phối hợp lý luận và thực tế phát sinh để hoàn thiện quá trình và thúc đẩy sự phát triển của tổ chức.	4,5

❖ **Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):**

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1		x	x		x													
2		x	x	x														
3			x	x	x	x	x	x	x	x		x	x			x		
4		x	x	x				x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
5			x	x	x	x		x	x	x		x						
6								x	x	x	x	x	x	x				
7								x	x	x		x	x		x	x		
8								x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9																	x	x

10																		X	X	
11																			X	X
12																			X	X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CDR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá chuyên cần	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia thực tập tại đơn vị thực tập đủ thời gian được quy định - Liên hệ sửa bài đầy đủ theo quy định của giảng viên hướng dẫn - Tham gia đầy đủ các buổi tập huấn hoặc sinh hoạt cho sinh viên cuối khóa do Khoa và trường tổ chức. 	Đánh giá thường xuyên theo thang điểm ABCDF	CLO9, CLO10, CLO11, CLO12	20%
2. Đánh giá báo cáo tốt nghiệp	Báo cáo tốt nghiệp	Chấm theo thang điểm 10. Theo khung chấm quy định của Khoa	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	80%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm đánh giá chuyên cần và Điểm báo cáo tốt nghiệp.

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

[1] Khoa Kinh Tế (2022), *Quy định hướng dẫn thực tập và báo cáo tốt nghiệp*, Trường Đại học Đồng Nai.

Tài liệu tham khảo:

[2] PGS.TS Trần Kim Dung (2018), *Quản trị nguồn nhân lực*, Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM.

[3] Trần Hùng (2017), *Giáo trình Quản trị rủi ro*, NXB Hà Nội

[4] Ngô Kim Thanh (2018), *Giáo trình quản trị chiến lược*, NXB Đại học kinh tế Quốc dân.

[5] PGS.TS Nguyễn Thành Hiếu (2018), *Quản trị tác nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc Dân.

[6] TS. Nguyễn Thanh Liêm (2014), *Giáo trình Quản trị tài chính*, NXB Tài chính.

[7] Trương Đình Chiến (chủ biên) (2013), *Giáo trình Quản trị Marketing*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân.

[8] Lưu Đan Thọ, Lương Văn Quốc (2016), *Quản trị quan hệ khách hàng*, NXB Tài chính.

[9] GS. TS Nguyễn Đình Phan, TS Đặng Ngọc Sur (2017), *Giáo trình Quản trị chất lượng*, NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân.

[10] PGS.TS Từ Quang Phương, *Quản lý dự án*, Tái bản lần thứ tư, Nhà xuất bản Đại học Kinh Tế Quốc Dân.

[11] Các tài liệu liên quan tại đơn vị thực tập.

7. Kế hoạch thực tập:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung thực tập	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 5 giờ	Những vấn đề chung về thực tập tốt nghiệp 1.1. Vị trí, vai trò và nhiệm vụ thực tập tốt nghiệp 1.1.1. Vị trí 1.1.2. Vai trò 1.1.3. Nhiệm vụ 1.2. Nội quy thực tập 1.2.1. Quy trình thủ tục thực tập 1.2.2. Quy định tại nơi thực tập 1.2.3. Kế hoạch thực tập 1.3. Hướng dẫn chọn đơn vị thực tập	- Trình chiếu slide bài giảng “ Những vấn đề chung về thực tập tốt nghiệp” để hướng dẫn từng nội dung của học phần. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu hỗ trợ viết báo cáo. - Hướng dẫn cách viết báo	- Ghi chép, đặt các câu hỏi về học phần để được hướng dẫn cụ thể. - Có thể trình bày tên đề tài dự kiến và đặc điểm của đơn vị thực tập để tham khảo ý kiến giảng viên hướng dẫn về sự phù hợp của	Đánh giá quá trình	CLO9, CLO10, CLO11, CLO12

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung thực tập	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	1.4. Hướng dẫn chọn đề tài thực tập 1.5 Quy định trình bày một báo cáo tốt nghiệp 1.6 Chốt tên đề tài và sửa đề cương báo cáo	cáo và các hình thức đánh giá học phần.	đề tài		
Tuần 2+3	MỞ ĐẦU Trình bày các vấn đề sau: 1. Lý do chọn đề tài 2. Mục đích thực hiện đề tài 3. Đối tượng và phạm vi thực hiện đề tài 4. Phương pháp thực hiện đề tài 5. Kết cấu của đề tài CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ.... 1.1 các khái niệm cơ bản 1.2 mục tiêu, vai trò, tầm quan trọng của... 1.3 các bước thực hiện 1.4 các nhân tố ảnh hưởng đến...	- Hỗ trợ giải đáp những thắc mắc của sinh viên trong quá trình thực tập. - Hướng dẫn sinh viên viết phần mở đầu và cơ sở lý luận - Giảng viên sửa bài cho sinh viên	- Sinh viên tìm hiểu lý thuyết các vấn đề chung về thực tập có sự hỗ trợ của giáo viên hướng dẫn. - Sinh viên viết nội dung chương 1 và nộp bài đúng hạn - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; và sửa lại theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn	Đánh giá quá trình	CLO9, CLO10, CLO11, CLO12
Tuần 4	CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TY 2.1 Tổng quan về công ty... 2.1.1 Tổng quan (tên, địa chỉ, lịch sử) 2.1.2 Ngành nghề kinh doanh - Sản phẩm kinh doanh - Dịch vụ dành cho khách hàng 2.1.3 Cơ cấu tổ chức của	- Hỗ trợ giải đáp những thắc mắc của sinh viên trong quá trình thực tập. - Hướng dẫn sinh viên viết tổng quan về đơn vị thực tập. - Giảng viên	- Sinh viên tìm hiểu tổng quan về tổ chức – nơi thực tập. - Sinh viên viết nội dung chương 2 phần 2.1 và nộp bài đúng hạn - Sinh viên	Đánh giá quá trình	CLO9, CLO10, CLO11, CLO12

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung thực tập	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình cơ cấu tổ chức - Tình hình nhân sự - Các phòng ban <p>2.1.4 Tình hình hoạt động kinh doanh</p> <p>a. Phân tích biến động kết quả kinh doanh năm</p> <p>b. Phương hướng phát triển của công ty trong thời gian tới</p>	sửa bài cho sinh viên	lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; và sửa lại theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn		
Tuần 5 + 6	<p>CHƯƠNG 2 (tiếp theo)</p> <p>2.2 THỰC TRẠNG (VẤN ĐỀ TÌM HIỂU)</p> <p>(Trình bày theo phần cơ sở lý luận. Có thể vừa trình bày thực trạng vừa phân tích đánh giá ưu nhược điểm ở mỗi bước thực hiện)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ giải đáp những thắc mắc của sinh viên trong quá trình thực tập. - Hướng dẫn sinh viên viết tổng quan về thực trạng tìm hiểu tại doanh nghiệp. - Giảng viên sửa bài cho sinh viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tự nghiên cứu những nội dung chính của vấn đề thực tập. - Sinh viên viết nội dung chương 2 phần 2.2 và nộp bài đúng hạn - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; và sửa lại theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn 	Đánh giá quá trình	CLO9, CLO10, CLO11, CLO12

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung thực tập	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 7+8	CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT, ĐỀ XUẤT 3.1 NHẬN XÉT 3.1.1 Ưu điểm 3.1.2 Hạn chế và nguyên nhân - Những hạn chế - Nguyên nhân 3.2 ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ CÁC GIẢI PHÁP (Đề xuất hướng giải quyết vấn đề từ những nguyên nhân phân tích được) KẾT LUẬN (Tổng hợp lại các ý chính đã thực hiện được)	- Hỗ trợ giải đáp những thắc mắc của sinh viên trong quá trình thực tập. Hướng dẫn sinh viên viết nhận xét, đề xuất và kết luận. - Giảng viên sửa bài cho sinh viên nội dung chương 3 về giới thiệu tổ chức thực tập	- Sinh viên thực hiện nhận xét đánh giá thực trạng tại tổ chức thực tập - Sinh viên làm và nộp bài đúng hạn - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;	Đánh giá quá trình	CLO9, CLO10, CLO11, CLO12
Tuần 9 + 10	- Hoàn tất quá trình thực tập - Nộp báo cáo về khoa theo đúng thời gian quy định	- Nhận báo cáo	- Hoàn tất bài báo cáo và nộp báo cáo đúng hạn	Đánh giá báo cáo tốt nghiệp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

Trọng số 20% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau:

- Tham gia thực tập tại đơn vị thực tập đủ thời gian được quy định
- Liên hệ sửa bài đầy đủ theo quy định của giảng viên hướng dẫn
- Tham gia đầy đủ các buổi tập huấn hoặc sinh hoạt cho sinh viên cuối khóa do Khoa và trường tổ chức.

8.2. Quy định về đánh giá báo cáo thực tập

Trọng số 80% điểm của bài báo cáo thực tập được tính khi sinh viên hoàn thành bài báo cáo và nộp về Khoa đúng thời gian quy định. Thang điểm chấm báo cáo do Khoa và Bộ môn quyết định.

- Hình thức: Nộp báo cáo
- Nội dung: toàn bộ kiến thức của quá trình thực tập.
- Tiêu chí đánh giá: theo thang điểm báo cáo thực tập, đầy đủ các nội dung theo yêu cầu.

8.3. Quy định nội quy thực tập

- Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường và tổ chức thực tập về: thời gian thực tập, tác phong trong quá trình thực tập.

- Sinh viên phải thực hiện các công việc được giảng viên giao và có sự tương tác với giảng viên hướng dẫn trong quá trình thực tập.

- Không được tính điểm quá trình, chấm báo cáo tốt nghiệp khi sinh viên: không tham gia đầy đủ thời gian thực tập theo qui định, không thực hiện các công việc được giao và không có sự tương tác với giảng viên hướng dẫn theo qui định.

8.4 Quy định về đơn vị thực tập

Sinh viên tự chọn một đơn vị để thực tập, đơn vị chọn để thực tập có thể các đơn vị như sau:

- Doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực hoạt động SXKD (doanh nghiệp: sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản, xây lắp, thương mại dịch vụ,...), thuộc các thành phần kinh tế (doanh nghiệp Nhà nước, Công ty cổ phần, công ty TNHH, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài,...);

- Doanh nghiệp dịch vụ
- Ngân hàng thương mại – các tổ chức tài chính, tín dụng;

Sinh viên thực tập cùng địa điểm không được phép trùng nhau về khóa luận.

8.5 Yêu cầu về nội dung thực tập

- Hệ thống hóa cơ sở lý thuyết liên quan đến vấn đề nghiên cứu và thu thập số liệu;

- Tìm hiểu về đặc điểm hoạt động SXKD, công tác quản lý, nhân sự, chất lượng, chiến lược, môi trường kinh doanh, marketing, bán hàng, kết quả kinh doanh và những vấn đề có liên quan,.....;

- Chọn và tìm hiểu một đề tài thuộc phạm vi chuyên ngành đào tạo, tìm hiểu, đánh giá thực tế vận dụng đề tài đó ở đơn vị, viết báo cáo Khóa luận tốt nghiệp.

8.6 Quy định thể thức trình bày bài báo cáo

❖ **Về hình thức trình bày:** Số lượng trang nội dung của báo cáo thực tập tốt nghiệp quy định tối thiểu là 40, tối đa 60 trang tính từ “Lời mở đầu” (*không tính phụ lục*). Hình thức

trình bày: Giấy khổ A4, in một mặt. Font: Times New Roman, size: 13, line spacing: 1,5 lines (trừ các tiêu đề), không sử dụng first line. Định lề trang: - Top 2cm - Bottom 2cm - Left 3cm - Right 2cm, Header 1,5cm - Footer 1,5 cm. Số thứ tự trang ở chính giữa và phía dưới mỗi trang. Được tính là 1 khi bắt đầu vào phần “Lời mở đầu” và kết thúc “Kết luận”. Cách đánh chương mục được đánh số Ả Rập (1, 2, 3, ...) nhiều cấp như được trình bày ở phần bố cục của một BC thực tập.

❖ **Về tài liệu tham khảo:** Tài liệu tham khảo chỉ liệt kê các tài liệu đã được người viết trích dẫn trong báo cáo thực tập. Nếu là sách ghi rõ họ tên tác giả, tên sách (chữ nghiêng), nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản. Đối với các bảng biểu số liệu nêu trong báo cáo thì phải ghi cuối bảng biểu về” Nguồn số liệu”. Ví dụ: Nguồn: Báo cáo tài chính năm 201... của Công ty....Về phụ lục (nếu có): Ghi các nội dung có liên quan đến báo cáo nhưng không tiện để ở trong thân bài do quá dài. Nếu có nhiều hơn 2 phụ lục thì các phụ lục phải được phân biệt hoặc bằng số (Phụ lục 1, Phụ lục 2, ...) hoặc bằng chữ cái (Phụ lục A, Phụ lục B, ...) và có tên.

❖ **Bố cục của một Báo cáo thực tập:** Bố cục của báo cáo gồm có các phần theo thứ tự sau đây: Trang bìa>Trang bìa lót>Lời cảm ơn>Nhận xét của giảng viên hướng dẫn>Nhận xét của cơ quan tác giả thực tập>Danh mục các từ viết tắt>Danh mục các bảng biểu>Danh mục các sơ đồ, hình>Mục lục>Lời mở đầu>Nội dung các chương>Kết luận>Tài liệu tham khảo>Phụ lục.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ/email liên hệ: dinhhoa2490@gmail.com

Đồng Nai, ngày 15 tháng 06 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Đinh Thị Hóa

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: THỰC TẬP VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
- Tên học phần Tiếng Anh: Internship and Graduate Thesis in Business Administration
- Mã học phần: 2112413
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 5

Tổng số giờ	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
295 giờ	05 giờ	00 giờ	140 giờ	00 giờ	150 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 4
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Đã tích lũy tối thiểu 90 tín chỉ (hoàn thành các học phần của học kỳ VI) có trong chương trình đào tạo của ngành học và điểm trung bình chung tích lũy phải đạt từ 2,5 trở lên.
 - + Đã tích lũy được một học phần chuyên môn có 2 tín chỉ trở lên liên quan đến đề tài và đạt kết quả từ điểm B trở lên.
 - + Số học phần thi lại trong các học kỳ trước đó không quá 2 học phần và không vượt quá tổng số 4 tín chỉ.
 - + Tỷ lệ sinh viên được làm khóa luận tốt nghiệp không quá 20% tổng số sinh viên của ngành học trong khóa đào tạo.

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Học phần Khóa luận tốt nghiệp gắn liền lý luận với thực tiễn, giúp sinh viên làm quen và tăng cường kỹ năng thực tế, năng lực chuyên môn phù hợp với ngành, chuyên ngành đào

tạo. Giúp sinh viên hệ thống hóa và củng cố kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, kiến thức chuyên môn đã được trang bị, vận dụng vào thực tế để phân tích các chính sách hoặc giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực ngành và chuyên ngành đào tạo. Giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng làm việc, kiến thức nghề nghiệp, hình thành các phẩm chất trí tuệ, phương pháp tiếp cận, giải quyết một vấn đề từ thực tế. Tạo cho sinh viên có cơ hội phát hiện những kiến thức và kỹ năng còn thiếu để có kế hoạch bổ sung hoàn thiện. Rèn luyện tác phong làm việc chuyên nghiệp, quan điểm, thái độ lao động, ý thức phục vụ, năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object-Viết tắt là CO):

- Về kiến thức:

CO1: Mô tả được nhiệm vụ của vị trí công việc được phân công tại đơn vị thực tập (vị trí công việc này phải có liên quan đến hoạt động quản trị mà sinh viên đã lựa chọn nghiên cứu).

CO2: Trang bị thêm các kiến thức về nghiên cứu khoa học trong kinh tế như: các phương pháp thu thập dữ liệu, phân tích và đánh giá tổng quan về tình hình hoạt động tại doanh nghiệp mà sinh viên tham gia thực tập.

CO3: Thực hành phân tích về một hoạt động cụ thể của doanh nghiệp liên quan đến kiến thức quản trị kinh doanh như là quản trị nhân sự, quản trị điều hành sản xuất, quản trị marketing, quản trị tài chính, quản trị rủi ro, v.v...

CO4: Xác định được tầm quan trọng và mức độ đóng góp của hoạt động mà sinh viên lựa chọn nghiên cứu đối với doanh nghiệp được thực tập.

CO5: Biết vận dụng phương pháp luận để giải quyết những khó khăn trong hoạt động kinh doanh thực tiễn của doanh nghiệp.

- Về kỹ năng:

CO6: Rèn luyện và nâng cao kỹ năng quan sát các hoạt động của doanh nghiệp trong quá trình tổ chức kinh doanh, phân tích môi trường kinh doanh: môi trường vi mô, môi trường vĩ mô.

CO7: Đánh giá về một hoạt động cụ thể tại nơi thực tập, đưa ra những nhận định chung về thuận lợi, khó khăn và đồng thời vận dụng các phương pháp luận và những kiến thức đã học để đề xuất các giải pháp để khắc phục/hoàn thiện hoạt động bị hạn chế của doanh nghiệp.

CO8: Ngoài ra, quá trình thực tập tại doanh nghiệp còn giúp sinh viên hoàn thiện thêm cho bản thân những kỹ năng cá nhân, cụ thể như kỹ năng soạn thảo văn bản, kỹ năng giao tế nhân sự, kỹ năng lưu trữ hồ sơ, kỹ năng tổ chức công việc, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thu thập dữ liệu.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO9: Nhận thức đúng về bản chất và giá trị của học phần, có hành vi đúng đắn trong quá trình thực tập.

CO10: Có thái độ nghiêm túc, tinh thần trách nhiệm trong công việc được phân công, hướng dẫn của cán bộ tại nơi thực tập, nâng cao khả năng hợp tác, linh hoạt trong việc phối hợp với các cá nhân và tổ chức.

CO11: Có ý thức học tập tốt, có tinh thần hợp tác, tích cực và chủ động trao đổi với giảng viên: nghe giảng, chủ động làm khóa luận và sửa theo hướng dẫn.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Chương trình Khóa luận tốt nghiệp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Học phần này nhằm giúp sinh viên nắm được những kiến thức thực tế về môi trường làm việc tại cơ quan, doanh nghiệp trong quá trình thực tập. Sinh viên có thể áp dụng kiến thức và lý thuyết chuyên ngành được học vào thực tế. Thực hành kỹ năng nghề nghiệp gắn với chuyên ngành được đào tạo và rèn luyện kỹ năng cũng như thái độ làm việc chuyên nghiệp phát triển các mối quan hệ nhằm chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai sau tốt nghiệp.

Sinh viên lựa chọn một hoạt động trong chuyên ngành quản trị kinh doanh, sử dụng phương pháp thu thập, tổng hợp và phân tích xử lý số liệu, tài liệu để tìm hiểu/ phân tích/ đánh giá về một hoạt động cụ thể trong doanh nghiệp hay đơn vị thực tập từ đó đưa ra các hướng giải quyết những vấn đề bị hạn chế của doanh nghiệp và cuối cùng là thực hiện trình bày nội dung chi tiết của vấn đề thực tập theo yêu cầu của một Khóa luận tốt nghiệp và thực hiện trình bày trước hội đồng nghiệm thu đề tài.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CĐR (1)	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom) (2)	Trình độ năng lực (3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	Hiểu và vận dụng được các kiến thức, phương pháp luận về nghiên cứu khoa học trong kinh tế.	3,0
CLO2	Xác định được tầm quan trọng và mức độ đóng góp của hoạt động mà sinh viên lựa chọn tìm hiểu đối với doanh nghiệp được thực tập.	3,5
CLO3	Trình bày được cơ sở lý thuyết của vấn đề nghiên cứu	

CLO4	Nắm vững kiến thức liên quan đến chuyên ngành, công việc thực tập và có thể phân tích các bước công việc của hoạt động cụ thể trong doanh nghiệp.	3,0
CLO5	Hiểu rõ về doanh nghiệp mà sinh viên tham gia thực tập.	3,5
CLO6	Mô tả được nhiệm vụ, quy trình thực hiện của vị trí công việc được phân công tại đơn vị thực tập.	3,5

Chuẩn về kỹ năng

CLO7	Rèn luyện và nâng cao kỹ năng quan sát các hoạt động của doanh nghiệp trong quá trình tổ chức kinh doanh, phân tích được môi trường kinh doanh: môi trường vi mô, môi trường vĩ mô.	4,0
CLO8	Đưa ra những nhận định chung về thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp trong quá trình tổ chức hoạt động kinh doanh.	4,5
CLO9	Đánh giá về một hoạt động cụ thể tại nơi thực tập và đồng thời vận dụng các kiến thức đã học, sinh viên đề xuất các giải pháp để khắc phục/hoàn thiện hoạt động đó của doanh nghiệp.	4,0
CLO10	Hoàn thiện thêm cho sinh viên những kỹ năng cá nhân, cụ thể như kỹ năng soạn thảo văn bản, kỹ năng giao tiếp nhân sự, kỹ năng lưu trữ hồ sơ, kỹ năng tổ chức công việc, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng trình bày, thuyết trình.	4,5

Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm

CLO11	Nhận thức đúng về bản chất và giá trị của học phần, có hành vi đúng đắn trong quá trình thực tập.	4,5
CLO12	Có thái độ nghiêm túc, tinh thần trách nhiệm trong công việc được phân công, hướng dẫn của cán bộ tại nơi thực tập, nâng cao khả năng hợp tác, linh hoạt trong việc phối hợp với các cá nhân và tổ chức.	5,0
CLO13	Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong quá trình thực tập để đạt hiệu quả cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và làm việc một cách nghiêm túc, trung thực;	4,5
CLO14	Có nhận thức đúng đắn về khoa học quản lý, biết phối hợp lý luận và thực tế phát sinh để hoàn thiện quá trình và thúc đẩy sự phát triển của tổ chức.	4,5

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1		x	x															
2			x	x														
3			x	x	x	x	x	x	x	x		x	x			x		
4			x	x	x	x	x	x	x	x		x	x			x		
5	x		x	x				x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
6			x	x	x	x		x	x	x		x						
7										x	x	x	x	x				
8										x		x	x		x	x		
9										x		x	x		x	x		
10								x	x	x	x	x	x	x	x		x	x
11													x			x	x	x
12															x		x	x
13								x	x								x	x
14					x			x	x								x	x

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Tỷ trọng (%)
Đánh giá quá trình (GVHD)	Xây dựng đề cương	Xây dựng đề cương		70
		Hoàn thành đúng hạn		30
	Chuyên cần	Sự hiện diện tại đơn vị thực tập		50
		Thực hiện, theo dõi, ghi chép...		30
		Tham gia đầy đủ các buổi tập huấn hoặc sinh hoạt cho sinh viên cuối khóa		20

		do Khoa và trường tổ chức.			
	Hoàn thiện	Tổng hợp và xử lý số liệu		30	50
		Khả năng viết và trình bày		30	
		Đánh giá kết quả nghiên cứu		30	
		Hoàn thành đúng hạn		10	
Chấm phản biện (CBPB)	Chấm phản biện	Hình thức		40	100
		Nội dung		60	
Bảo vệ khóa luận	Bảo vệ	Nội dung		60	100
		Trình bày		20	
		Trả lời câu hỏi		20	
Đánh giá chung	Điểm của Khóa luận TN = (Điểm của GVHD + Điểm của CBPB + Điểm trung bình của BV)/3.			100	

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm đánh giá chuyên cần và Điểm báo cáo tốt nghiệp.

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

[1] Khoa Kinh Tế (2022), *Quy định hướng dẫn thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp*, Trường Đại học Đồng Nai.

Tài liệu tham khảo:

[12] PGS.TS Trần Kim Dung (2018), *Quản trị nguồn nhân lực*, Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM.

[13] Trần Hùng (2017), *Giáo trình Quản trị rủi ro*, NXB Hà Nội

[14] Ngô Kim Thanh (2018), *Giáo trình quản trị chiến lược*, NXB Đại học kinh tế Quốc dân.

[15] PGS.TS Nguyễn Thành Hiếu (2018), *Quản trị tác nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc Dân.

[16] TS. Nguyễn Thanh Liêm (2014), *Giáo trình Quản trị tài chính*, NXB Tài chính.

[17] Trương Đình Chiến (chủ biên) (2013), *Giáo trình Quản trị Marketing*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân.

[18] Lưu Đan Thọ, Lương Văn Quốc (2016), *Quản trị quan hệ khách hàng*, NXB Tài chính.

[19] GS. TS Nguyễn Đình Phan, TS Đặng Ngọc Sur (2017), *Giáo trình Quản trị chất lượng*, NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân.

[20] PGS.TS Từ Quang Phương, *Quản lý dự án*, Tái bản lần thứ tư, Nhà xuất bản Đại học Kinh Tế Quốc Dân.

[21] TS Trần Tiến Khai (2009), *Phương pháp nghiên cứu kinh tế, tài liệu giảng dạy – Khoa kinh tế phát triển* – Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.

[22] Các tài liệu liên quan tại đơn vị thực tập.

[23] Các đề tài nghiên cứu có liên quan.

7. Kế hoạch thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung thực tập	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 5 giờ	<p>Tìm hiểu những vấn đề chung về thực tập tốt nghiệp</p> <p>1.1. Vị trí, vai trò và nhiệm vụ thực tập tốt nghiệp</p> <p>1.1.1. Vị trí</p> <p>1.1.2. Vai trò</p> <p>1.1.3. Nhiệm vụ</p> <p>1.2. Nội quy thực tập</p> <p>1.2.1. Quy trình thủ tục thực tập</p> <p>1.2.2. Quy định tại nơi thực tập</p> <p>1.2.3. Kế hoạch thực tập</p> <p>1.3. Hướng dẫn chọn đơn vị thực tập</p> <p>1.4. Hướng dẫn chọn đề tài thực tập</p> <p>1.5 Quy định trình bày một báo cáo tốt nghiệp</p> <p>1.6 Chốt tên đề tài và sửa đề cương khóa luận</p>	<p>- Thuyết giảng “ Những vấn đề chung về thực tập tốt nghiệp” để hướng dẫn từng nội dung của học phần.</p> <p>- Hướng dẫn cách tìm tài liệu hỗ trợ viết báo cáo.</p> <p>- Hướng dẫn cách viết báo cáo và các hình thức đánh giá học phần.</p>	<p>- Ghi chép, đặt các câu hỏi về học phần để được hướng dẫn cụ thể.</p> <p>- Có thể trình bày tên đề tài dự kiến và đặc điểm của đơn vị thực tập để tham khảo ý kiến giảng viên hướng dẫn về sự phù hợp của đề tài</p>	Đánh giá quá trình	CLO9, CLO10, CLO11, CLO12 CLO13 CLO14
Tuần 2+3	<p>MỞ ĐẦU</p> <p>Trình bày các vấn đề sau:</p> <p>6. Lý do chọn đề tài nghiên cứu</p> <p>7. Mục đích nghiên cứu</p> <p>8. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu</p>	<p>- Hỗ trợ giải đáp những thắc mắc của sinh viên trong quá trình thực tập.</p> <p>- Hướng dẫn sinh viên viết phần mở đầu và cơ sở lý thuyết</p>	<p>- Sinh viên tìm hiểu lý thuyết các vấn đề chung về thực tập có sự hỗ trợ của giáo viên hướng dẫn.</p> <p>- Sinh viên</p>	Đánh giá quá trình	CLO1 đến CLO6

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung thực tập	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>9. Phương pháp thực hiện nghiên cứu</p> <p>10. Kết cầu của khóa luận</p> <p>TỔNG QUAN TÀI LIỆU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT (Trình bày các khái niệm, cơ sở lý thuyết liên quan đến đề tài, hệ thống các chỉ tiêu và phương pháp phân tích, kinh nghiệm trong và ngoài nước)</p>	<p>- Giảng viên sửa bài cho sinh viên</p>	<p>viết nội dung phần mở đầu, tổng quan về tài liệu, cơ sở lý thuyết và nộp bài đúng hạn</p> <p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; và sửa lại theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn</p>		
Tuần 4	<p>PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU - Giới thiệu tổng quan về đơn vị, phân tích thực trạng của vấn đề nghiên cứu, phân tích/đánh giá kết quả nghiên cứu</p> <p>HOẶC TRÌNH BÀY TRÌNH BÀY BỐI CẢNH VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU - Trình bày phương pháp nghiên cứu, quy trình thực hiện nghiên cứu</p>	<p>- Hỗ trợ giải đáp những thắc mắc của sinh viên trong quá trình thực tập.</p> <p>- Hướng dẫn sinh viên viết tổng quan về đơn vị thực tập</p> <p>- Giảng viên sửa bài cho sinh viên</p>	<p>- Sinh viên tìm hiểu tổng quan về tổ chức – nơi thực tập.</p> <p>- Sinh viên viết nội dung</p> <p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; và sửa lại theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn</p>	Đánh giá quá trình	CLO6 đến CLO10
Tuần 5 + 6	<p>THỰC TRẠNG (VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU) - Phân tích thực trạng của</p>	<p>- Hỗ trợ giải đáp những thắc mắc của sinh</p>	<p>- Sinh viên tự nghiên cứu những nội</p>	Đánh giá quá trình	CLO4 đến CLO10

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung thực tập	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>vấn đề nghiên cứu, phân tích/đánh giá kết quả nghiên cứu</p> <p>- Trình bày theo phân cơ sở lý luận. Có thể vừa trình bày thực trạng vừa phân tích đánh giá ưu nhược điểm ở mỗi bước thực hiện</p> <p>HOẶC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU</p> <p>- Trình bày kết quả của quá trình nghiên cứu, kết quả của phân tích số liệu khảo sát được</p>	<p>viên trong quá trình thực tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn sinh viên viết thực trạng nghiên cứu. - Giảng viên sửa bài cho sinh viên 	<p>dung chính của vấn đề thực tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên viết nội dung - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; và sửa lại theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn 		
Tuần 7+8	<p>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích đánh giá, nhận xét vấn đề nghiên cứu - Đề xuất hướng giải quyết vấn đề từ những nguyên nhân phân tích được <p>KẾT LUẬN</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các kết luận chính rút ra từ kết quả nghiên cứu 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ giải đáp những thắc mắc của sinh viên trong quá trình thực tập. - Hướng dẫn sinh viên viết nhận xét, đề xuất và kết luận - Giảng viên sửa bài cho sinh viên nội dung chương 3 về giới thiệu tổ chức thực tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thực hiện kết luận đưa ra nhận xét đánh giá thực trạng tại tổ chức thực tập - Sinh viên làm và nộp bài đúng hạn - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; 	Đánh giá quá trình	CLO4 đến CLO10

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung thực tập	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 9 + 10	- Hoàn tất quá trình thực tập - Nộp khóa luận về khoa theo đúng thời gian quy định - Bảo vệ đề tài trước hội đồng	- Sửa bài, góp ý giúp sinh viên hoàn tất khóa luận. - Chấm khóa luận tốt nghiệp	- Hoàn tất khóa luận và nộp đúng hạn - Bảo vệ báo cáo trước hội đồng	Đánh giá khóa luận tốt nghiệp	CLO1, đến CLO10

8. Quy định đối với Khóa luận tốt nghiệp:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

Trọng số 30% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau:

- Tham gia thực tập tại đơn vị thực tập đủ thời gian được quy định
- Liên hệ sửa bài đầy đủ theo quy định của giảng viên hướng dẫn
- Tham gia đầy đủ các buổi tập huấn hoặc sinh hoạt cho sinh viên cuối khóa do Khoa và trường tổ chức.

8.2. Quy định về đánh giá khóa luận tốt nghiệp

Điểm của bài khóa luận được tính khi sinh viên hoàn thành và nộp về Khoa đúng thời gian quy định. Thang điểm chấm khóa luận do Khoa và Bộ môn quyết định.

- Thời gian thực hiện: 8 tuần theo quy định (5 TC) (bao gồm thời gian thực tập tại đơn vị và viết Khóa luận tốt nghiệp)
- Hình thức: Nộp và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp
- Nội dung: toàn bộ kiến thức của quá trình thực tập.
- Tiêu chí đánh giá: theo thang điểm báo cáo thực tập, đầy đủ các nội dung theo yêu cầu.

8.3 Quy định thể thức trình bày khóa luận

❖ Về hình thức trình bày:

- Số lượng trang nội dung của báo cáo thực tập tốt nghiệp quy định tối thiểu là 40, tối đa 60 trang tính từ “Lời mở đầu” (*không tính phụ lục*). Hình thức trình bày: Giấy khổ A4, in một mặt. Font: Times New Roman, size: 13, line spacing: 1,5 lines (trừ các

tiêu đề), không sử dụng first line. Định lề trang: - Top 2cm - Bottom 2cm - Left 3cm - Right 2cm

- Header 1,5cm - Footer 1,5 cm. Số thứ tự trang ở chính giữa và phía dưới mỗi trang. Được tính là 1 khi bắt đầu vào phần “Lời mở đầu” và kết thúc “Kết luận”. Cách đánh chương mục được đánh số Ả Rập (1, 2, 3, ...) nhiều cấp như được trình bày ở phần bố cục của một BC thực tập.

❖ **Về tài liệu tham khảo:**

- Tài liệu tham khảo chỉ liệt kê các tài liệu đã được người viết trích dẫn trong báo cáo thực tập. Nếu là sách ghi rõ họ tên tác giả, tên sách (chữ nghiêng), nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản. Đối với các bảng biểu số liệu nêu trong báo cáo thì phải ghi cuối bảng biểu về”
- Nguồn số liệu”. Ví dụ: Nguồn: Báo cáo tài chính năm 201... của Công ty....
- Về phụ lục (nếu có): Ghi các nội dung có liên quan đến báo cáo nhưng không tiện để ở trong thân bài do quá dài.
- Nếu có nhiều hơn 2 phụ lục thì các phụ lục phải được phân biệt hoặc bằng số (Phụ lục 1, Phụ lục 2, ...) hoặc bằng chữ cái (Phụ lục A, Phụ lục B, ...) và có tên.

❖ **Bố cục của một đề tài nghiên cứu:**

- Bố cục của báo cáo gồm có các phần theo thứ tự sau đây: Trang bìa>Trang bìa lót>Lời cảm ơn>Nhận xét của giảng viên hướng dẫn>Nhận xét của cơ quan tác giả thực tập>Danh mục các từ viết tắt>Danh mục các bảng biểu>Danh mục các sơ đồ, hình>Mục lục>**Nội dung khóa luận**>Tài liệu tham khảo>Phụ lục.
- Phần “Nội dung các chương” đề nghị viết theo kết cấu như sau:

Đối với đề tài theo truyền thống (cấu trúc 3 chương):

- + Mở đầu (Tính cấp thiết của đề tài, mục tiêu nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa của đề tài, cấu trúc của đề tài);
- + Chương 1. Cơ sở lý thuyết về vấn đề nghiên cứu (Trình bày các khái niệm, cơ sở lý thuyết liên quan đến đề tài, hệ thống các chỉ tiêu và phương pháp phân tích, kinh nghiệm trong và ngoài nước);
- + Chương 2. Phân tích thực trạng vấn đề nghiên cứu (Giới thiệu tổng quan về đơn vị, phân tích thực trạng của vấn đề nghiên cứu, phân tích/đánh giá kết quả nghiên cứu);
- + Chương 3. Các giải pháp (Trình bày các giải pháp đề xuất dựa trên phân tích và đánh giá thực trạng);
- + Kết luận (Trình bày các kết luận chính rút ra từ kết quả nghiên cứu).

Đối với đề tài theo hướng định lượng (cấu trúc 5 chương):

- + Chương 1: Giới thiệu (Tính cấp thiết của đề tài, mục tiêu nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa của đề tài, cấu trúc của đề tài);

- + Chương 2. Tổng quan tài liệu và cơ sở lý thuyết (Các khái niệm, cơ sở lý thuyết liên quan đến đề tài, các nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan, khung phân tích của nghiên cứu, các giả thuyết của nghiên cứu);
- + Chương 3. Phương pháp nghiên cứu (Cách tiếp cận nghiên cứu, phương pháp chọn mẫu/qui mô mẫu, dữ liệu thu thập, công cụ phân tích dữ liệu);
- + Chương 4. Kết quả nghiên cứu (Các kết quả nghiên cứu và thảo luận về kết quả nghiên cứu đạt được);
- + Chương 5. Kết luận và gợi ý chính sách (Trình bày các kết luận chính rút ra từ kết quả nghiên cứu và gợi ý chính sách/khuyến nghị).

Lưu ý: Đề cương chi tiết cụ thể cho từng đề tài, sinh viên làm việc với Giáo viên hướng dẫn được phân công trước khi thực hiện.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ/email liên hệ: dinhhoa2490@gmail.com

Đồng Nai, ngày 15 tháng 06 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Đinh Thị Hóa

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÂM LÝ DOANH NGHIỆP VÀ NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO**

(Ban hành kèm theo Quyết định số..... ngày ... tháng ... năm

của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: Tâm lý doanh nghiệp và nghệ thuật lãnh đạo
- Tên học phần Tiếng Anh: Business psychology and Leadership arts.
- Mã học phần: 2112414
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Số tín chỉ: 02

Tổng số giờ	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
100 giờ	20 giờ	20 giờ			60 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 4
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - + Học phần trước: Quản trị học
 - + Học phần song hành (nếu có): không có

2. Mục tiêu của học phần: sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung: Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng:

Trình bày được các giai đoạn phát triển của tâm lý học quản lý và vai trò của các trường phái tâm lý trong giai đoạn hiện nay. Trình bày và giải thích được các đặc điểm tâm lý cá nhân và tâm lý tổ chức; kiến thức về lãnh đạo nhóm và lãnh đạo trong tổ chức; các phương thức sử dụng quyền lực; các dạng phong cách lãnh đạo khác nhau và vai trò của nhà lãnh đạo trong khi thực hiện quá trình ra quyết định. Vận dụng các lý thuyết vào việc xử lý các tình huống trong quá trình thực hiện chức năng của một nhà quản lý với các cấp độ khác nhau trong một tổ chức. Xây dựng một quy trình ra quyết định một vấn đề thuộc lĩnh vực làm việc của bản thân (kinh doanh, nhân sự, sắp xếp bộ máy...)

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức:

Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng:

CO1: Trình bày được những vấn đề về tâm lý cá nhân và tâm lý tổ chức; phương pháp lãnh đạo nhóm và lãnh đạo trong tổ chức; các phương thức sử dụng quyền lực.

CO2: Phân tích các dạng phong cách lãnh đạo khác nhau và vai trò của nhà lãnh đạo trong khi thực hiện quá trình ra quyết định; Các yếu tố tác động đến quá trình ra quyết định và quy trình ra quyết định.

- Về kỹ năng:

CO3: Vận dụng kiến thức được học, sinh viên có thể áp dụng kiến thức phân tích các tình huống lãnh đạo, tìm ra nguyên nhân một nhà lãnh đạo thành công hay thất bại trong việc tạo ảnh hưởng và sức thuyết phục với nhân viên thuộc cấp.

CO4: Vận dụng kiến thức để xác định các căn cứ để ra quyết định và ra được quyết định trong những tình huống công việc khác nhau của DN/ tổ chức.

Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO5: Có thái độ tích cực, chủ động trong việc tìm kiếm và lĩnh hội kiến thức.

CO6: Tham dự đầy đủ các buổi học, hoàn thành các bài kiểm tra cá nhân và các bài tập nhóm.

CO7: Nghiêm túc chấp hành các quy định của nhà trường trong quá trình học tập, kiểm tra và thi.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

- Học phần Tâm lý doanh nghiệp và nghệ thuật lãnh đạo là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản trị kinh doanh. Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản về tâm lý cá nhân và tâm lý tổ chức; kiến thức về lãnh đạo nhóm và lãnh đạo trong tổ chức. Xác định bản chất và các vai trò khác nhau của nhà lãnh đạo trong tổ chức. Phân tích các dạng phong cách lãnh đạo khác nhau và các phương pháp nghiên cứu về lãnh đạo thế nào để thành công, vai trò của nhà lãnh đạo trong khi thực hiện quá trình ra quyết định.

- Học phần được trình bày trong 7 chương, đó là những nội dung: Giới thiệu về tâm lý quản lý, Sự phát triển của lý luận quản lý; Tâm lý của cá nhân và tâm lý của tập thể, Bản chất của sự lãnh đạo, người lãnh đạo và phương pháp- nghệ thuật lãnh đạo, Quyền lực và sự ảnh hưởng, Phong cách lãnh đạo và lựa chọn phong cách lãnh đạo; Quyết định quản lý và việc triển khai quyết định quản lý.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course learning outcomes-Viết tắt là CLOs):

Mã số CĐR	Nội dung của chuẩn đầu ra <i>(đánh giá theo thang Bloom)</i>	Trình độ năng lực
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	Trình bày được các khái niệm chung về tâm lý học quản lý, các phương pháp nghiên cứu tâm lý học quản lý.	2,0
CLO2	Trình bày được các giai đoạn phát triển của tâm lý học quản lý và vai trò của các trường phái tâm lý trong giai đoạn hiện nay.	2,5
CLO3	Phân tích được các dạng tâm lý của cá nhân và tâm lý tập thể.	3,5
CLO4	Trình bày được bản chất của sự lãnh đạo và người lãnh đạo; So sánh được những ưu điểm và nhược điểm của các phương pháp quản lý.	3,5
CLO5	Trình bày được khái niệm về quyền lực và giải thích được sự ảnh hưởng của quyền lực.	3,5
CLO6	Trình bày được khái niệm về phong cách lãnh đạo và phân tích các phương pháp lựa chọn phong cách lãnh đạo	4,0
CLO7	Trình bày và giải thích được khái niệm về quyết định quản lý và việc triển khai quyết định quản lý.	4,0
Chuẩn về kỹ năng		
CLO8	Phân tích được đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học quản lý	3,0
CLO9	Phân tích sự vận dụng các trường phái tâm lý của các nhà quản lý trong giai đoạn hiện nay.	3,5
CLO10	So sánh và phân tích đối tượng quản lý của người quản lý ở các lĩnh vực hoạt động của DN và các tổ chức khác.	4,0
CLO11	Phân tích được sự khác biệt giữa hoạt động lãnh đạo và quản lý; giữa quản lý và quản trị; Cho các ví dụ về các cách tiếp cận chủ yếu trong lãnh đạo.	4,0
CLO12	Phân tích sự tác động giữa phẩm chất của người lãnh đạo đến hiệu quả của quyền lực.	4,0

CLO13	Xây dựng được các phương án lựa chọn phong cách lãnh đạo phù hợp với các loại hình doanh nghiệp có những đặc điểm khác nhau.	4,5
CLO14	Phân loại được các quyết định quản lý, các chức năng của quyết định quản lý, phân tích được các bước trong quá trình ra quyết định và tổ chức thực hiện quyết định của nhà lãnh đạo trong DN.	4,5
Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm		
CLO15	Tích cực tiếp thu và tìm kiếm kiến thức mới; Tổ chức, thiết kế các hoạt động học tập một cách khoa học.	4,0
CLO16	Tổ chức các hoạt động thảo luận nhóm, thực hiện các bài báo cáo thảo luận nhóm nghiêm túc, trung thực, góp phần thực hiện trách nhiệm nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.	4,5

❖ **Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):**

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1						x	x	x										
2						x	x											
3						x	x											
4						x	x											
5							x											
6								x										
7								x										
8								x							x			
9								x										
10								x										
11								x						x				
12								x							x			
13								x							x			
14									x									

15																		X	X
16																		X	X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CLO học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá sự chuyên cần	- Tham dự lớp học - Tham gia các hoạt động học tập	Đánh giá thường xuyên theo thang điểm ABCDF	CLO 15;16	10%
2. Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra thường xuyên: TN1; TN2; TN3; TN4; TN5; TN6; Báo cáo thảo luận	Trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO 1 đến CLO 14	5%
	Bài kiểm tra giữa kì: TN	Kiểm tra trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO 1 đến CLO 13	25%
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	Thi cuối kỳ hình thức thi tự luận Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO 1 đến CLO 14	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

- [1] Nguyễn Thanh Hội (2008), *Nghệ thuật lãnh đạo nhân viên*, Nhà xuất bản thống kê.
- [2] Nguyễn Hữu Lam (2008), *Giáo trình Nghệ thuật lãnh đạo*, Nhà xuất bản Hồng Đức
- [3] Phạm Văn Thanh (2019), *Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo*, Tài liệu giảng dạy, Trường Đại học Lạc Hồng.
- [4] Đặng Thanh Tịnh (2014), *Nghệ thuật làm lãnh đạo*, Nhà xuất bản phụ nữ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Richard. L. Daft (2002), *The Leadership Experience*, Snd Edition, Thomson South-Western.
- [2] Peter F. Drucker (2020), *On Leadership* (Đặng Thanh Tâm dịch), Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.
- [3] Robert Herjavec (2018), *Driven: How to succeed in business and in life* (Nguyệt Minh dịch), Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.
- [4] Steven L.M, Mary A.V.G (2000), *Organization behavior*, Mcgraw-Hill.
- [5] John C. Maxwell (2009), *21 nguyên tắc vàng của nghệ thuật lãnh đạo*, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.
- [6] Nguyễn Văn Lê (1994), *Tâm lý học kinh doanh và quản trị*, Nhà xuất bản trẻ.
- [7] Michael Williams (2005), *Leadership for leaders*, Thorogood Publishing Limited.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	Giới thiệu môn học CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ TÂM LÝ QUẢN LÝ 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học lãnh đạo và quản lý 1.2. Phương pháp nghiên cứu tâm lý học lãnh đạo, quản lý 1.3. Vị trí và vai trò của tâm lý học quản lý 1.4. Tính chất của hoạt động lãnh đạo, quản lý	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 1; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn thảo luận nhóm - Giao bài trắc nghiệm TN1.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thảo luận nhóm hoàn thành bài tập. - Làm bài trắc nghiệm TN1.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 1	CLO1; CLO8; CLO15; CLO16.
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	CHƯƠNG 2: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA LÝ LUẬN QUẢN LÝ 2.1. Tư tưởng quản lý thời kỳ cổ đại 2.2. Các tư tưởng và học thuyết quản lý thời kỳ xã hội công nghiệp.	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học - Trả lời thắc	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Thảo luận nhóm hoàn thành bài tập	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 2.	CLO2; CLO9; CLO15; CLO16.

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		mắc của sinh viên. - Hướng dẫn thảo luận nhóm - Giao bài trắc nghiệm TN2.	- Làm bài trắc nghiệm TN2.		
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	CHƯƠNG 3: TÂM LÝ CỦA CÁ NHÂN VÀ TÂM LÝ TẬP THỂ 3.1. Tâm lý của cá nhân 3.1.1. Một số vấn đề về tâm lý cá nhân 3.1.2. Một số nét tâm lý khác của con người mà nhà quản lý cần biết 3.2. Tâm lý tập thể	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN3.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài trắc nghiệm TN3.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 3.	CLO3; CLO15.
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	CHƯƠNG 3: TÂM LÝ CỦA CÁ NHÂN VÀ TÂM LÝ TẬP THỂ (Tiếp) So sánh và phân tích đối tượng quản lý của người quản lý ở các lĩnh vực hoạt động của DN và các tổ chức khác.	- Hướng dẫn thảo luận nhóm (5 SV): So sánh và phân tích đối tượng quản lý của người quản lý ở một DN sản xuất và một tổ chức là một Tổ chức khác (có thể chọn một cơ quan quản lý nhà nước, một trường học...)	- Nộp bài thảo luận nhóm (5 SV)	Đánh giá quá trình, điểm bài báo cáo TLN	CLO3; CLO10; CLO15; CLO16.
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	CHƯƠNG 4: BẢN CHẤT CỦA SỰ LÃNH ĐẠO, NGƯỜI LÃNH ĐẠO VÀ NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ 4.1. Bản chất của sự lãnh đạo 4.2. Người lãnh đạo 4.3. Các phương pháp quản lý 4.4. Nghệ thuật quản lý TH: Phân tích được sự khác biệt giữa hoạt động lãnh đạo và quản	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 4; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn thảo luận nhóm - Giao bài trắc nghiệm TN4.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Thảo luận nhóm hoàn thành bài tập - Làm bài trắc nghiệm TN4.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN 4	CLO4; CLO11; CLO15; CLO16.

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	lý; giữa quản lý và quản trị; Cho các ví dụ về các cách tiếp cận chủ yếu trong lãnh đạo.				
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	CHƯƠNG 5: QUYỀN LỰC VÀ SỰ ẢNH HƯỞNG 5.1. Định nghĩa về quyền lực và sự ảnh hưởng 5.2. Sự hình thành quyền lực lãnh đạo 5.3. Các chiến lược ảnh hưởng đến quyền lực TH: Phân tích sự tác động giữa phẩm chất của người lãnh đạo đến hiệu quả của quyền lực.	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 5. - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn thảo luận nhóm. - Giao bài trắc nghiệm TN5.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Thảo luận nhóm hoàn thành bài tập; - Làm bài trắc nghiệm TN 5.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN5.	CLO5; CLO12; CLO15; CLO16.
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	CHƯƠNG 6: PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO VÀ LỰA CHỌN PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO 6.1. Những đặc điểm cơ bản về phong cách lãnh đạo 6.2. Lựa chọn phong cách lãnh đạo 6.3. Lãnh đạo mới về chất 6.4. Các tiêu chuẩn cơ bản để đánh giá phong cách lãnh đạo 6.5. Đổi mới phong cách lãnh đạo ở nước ta (Tiếp)	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 5. - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN5.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài trắc nghiệm TN 5.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN5.	CLO6; CLO15.
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	CHƯƠNG 6: PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO VÀ LỰA CHỌN PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO Xây dựng được các phương án lựa chọn phong cách lãnh đạo phù hợp với các loại hình doanh nghiệp có những đặc điểm khác nhau KT giữa kỳ	- Hướng dẫn thảo luận nhóm (5 SV): Xây dựng một tình huống trong đó người lãnh đạo mới nhận nhiệm vụ ở một DN và cách thức người lãnh đạo lựa chọn phong cách lãnh đạo	- Nộp bài thảo luận nhóm (5 SV)	Đánh giá quá trình, điểm bài báo cáo TLN. Điểm KT giữa kỳ	CLO6; CLO 13; CLO 15; CLO 16. KT từ CLO 1 đến CLO 6.

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	CHƯƠNG 7: QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ VÀ VIỆC TRIỂN KHAI QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ 7.1. Khái quát chung về quyết định quản lý 7.2. Chủ thể quyết định 7.3. Chức năng của các quyết định quản lý 7.4. Các nguyên tắc cơ bản ra quyết định 7.5. Quy trình ra quyết định quản lý 7.6. Quá trình tổ chức thực hiện quyết định 7.7. Một số trở ngại của người lãnh đạo khi ra quyết định	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 7; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN6.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài trắc nghiệm TN6.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra TN7,	CLO7; CLO 15.
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	CHƯƠNG 7: QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ VÀ VIỆC TRIỂN KHAI QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ (Tiếp) Phân loại được các quyết định quản lý, các chức năng của quyết định quản lý, phân tích được các bước trong quá trình ra quyết định và tổ chức thực hiện quyết định của nhà lãnh đạo trong DN.	- Hướng dẫn SV (5 SV) thực hiện một bài thuyết trình về việc ra một quyết định sản xuất một mặt hàng mới của một DN (trình bày Power point) Nhấn mạnh các nội dung trọng tâm từ chương 1 đến chương 7; Trả lời thắc mắc của sinh viên.	- Tổ chức thảo luận nhóm - Hoàn thành báo cáo seminar - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;	Đánh giá quá trình, điểm bài seminar	CLO7; CLO 14; CLO 15; CLO 16.

9. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

- Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

- Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 7.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

- Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

- Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

- Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

- Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

- Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/ Bộ môn Quản trị kinh doanh

Địa chỉ/email liên hệ: thanhvp0302@gmail.com

Đồng Nai, ngày 04 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA

**TRƯỞNG BỘ
MÔN**

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

ThS. Đinh Thị Hóa

TS. Phạm Văn Thanh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH DOANH QUỐC TẾ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: KINH DOANH QUỐC TẾ
- Tên học phần Tiếng Anh: INTERNATIONAL BUSINESS
- Mã học phần: 2112415
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 02

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
100 giờ	20 giờ	20 giờ	0	00	60 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 4
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - + Học phần trước: Kinh tế quốc tế
 - + Học phần song hành (nếu có): không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Học phần Kinh doanh quốc tế trang bị những kiến thức chuyên môn chủ yếu về kinh doanh quốc tế như tác động của toàn cầu hóa đến kinh doanh quốc tế, các yếu tố môi trường tới kinh doanh quốc tế, chiến lược kinh doanh, các phương thức thâm nhập thị trường và quản trị tại doanh nghiệp kinh doanh quốc tế nhằm giúp cho sinh viên am hiểu

về kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa từ đó có khả năng phân tích hay hoạch định chiến lược thâm nhập thị trường nước ngoài của doanh nghiệp sau này.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object – Viết tắt là CO):

- Về kiến thức:

CO1: Giúp sinh viên hiểu về kinh doanh quốc tế và các hoạt động liên quan đến kinh doanh quốc tế.

CO2: Phân tích và giải thích được chiến lược thâm nhập thị trường nước ngoài của doanh nghiệp.

- Về kỹ năng:

CO3: Giúp người học nâng cao và hoàn thiện kỹ năng phân tích, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng tổ chức và kỹ năng làm việc nhóm liên quan đến kinh doanh quốc tế.

CO4: Kết hợp các kỹ năng để phân tích, giải quyết, đề xuất các vấn đề liên quan trong kinh doanh quốc tế.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO5: Người học có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập nhóm.

CO6: Giúp người học nhận thức về khoa học quản lý nói chung và kiến thức về kinh doanh quốc tế nói riêng từ đó phối hợp lý luận và thực tế phát sinh để làm tác nhân thúc đẩy quá trình phát triển của tổ chức.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Kinh doanh quốc tế là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh và đây là kiến thức chuyên ngành của ngành quản trị kinh doanh.

Học phần này đề cập các kiến thức chuyên sâu của ngành và các kiến thức cần thiết về kinh doanh quốc tế, bao gồm: tác động của toàn cầu hóa đến kinh doanh quốc tế, các yếu tố môi trường tới kinh doanh quốc tế, chiến lược kinh doanh, các phương thức thâm nhập thị trường và quản trị tại doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Với hiểu biết đầy đủ về kinh doanh quốc tế, các nhà quản lý sẽ khai thác hiệu quả tất cả các nguồn lực còn lại trong một tổ chức.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	- Hiểu rõ các kiến thức nền tảng của kinh doanh quốc tế như vấn đề toàn cầu hóa, hoạt động kinh doanh quốc tế,	3,0

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra (<i>đánh giá theo thang Bloom</i>)	Trình độ năng lực
	ơ hội và thách thức của toàn cầu hóa với hoạt động kinh doanh quốc tế.	
CLO2	- Hiểu rõ về tác động của các yếu tố môi trường tới hoạt động kinh doanh quốc tế.	3,0
CLO3	- Vận dụng kiến thức liên quan để phân tích được tác động của các yếu tố môi trường tới hoạt động kinh doanh quốc tế.	4,0
CLO4	- Hiểu rõ về chiến lược kinh doanh quốc tế và các loại hình chiến lược kinh doanh quốc tế.	3,0
CLO5	- Vận dụng kiến thức liên quan để phân tích từ đó đề xuất chiến lược kinh doanh phù hợp với doanh nghiệp trong từng điều kiện cụ thể	4,5
CLO6	- Hiểu rõ về phương thức thâm nhập thị trường và các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn phương thức thị trường trong kinh doanh quốc tế	3,0
CLO7	- Vận dụng kiến thức liên quan để phân tích những khác biệt giữa các quốc gia sẽ tác động như thế nào đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của các phương thức thâm nhập thị trường phù hợp với doanh nghiệp trong từng điều kiện cụ thể.	4,0
CLO8	- Hiểu rõ về các hoạt động quản trị cụ thể tại doanh nghiệp kinh doanh quốc tế bao gồm quản trị chuỗi cung ứng, quản trị Marketing quốc tế, quản trị nguồn nhân lực quốc tế và quản trị tài chính quốc tế.	3,0
CLO9	- Vận dụng kiến thức liên quan để phân tích được các hoạt động quản trị cụ thể tại doanh nghiệp kinh doanh quốc tế bao gồm quản trị chuỗi cung ứng, quản trị Marketing quốc tế, quản trị nguồn nhân lực quốc tế và quản trị tài chính quốc tế.	4,0
Chuẩn về kỹ năng		
CLO10	- Kỹ năng thu thập, phân tích, ra quyết định: Dựa vào kiến thức liên quan đến học phần để phân tích, đánh giá, ra quyết định một cách hợp lý nhất đối với từng vấn đề liên quan.	3,5

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
CLO11	- Kỹ năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn: Áp dụng lý thuyết vào các tình huống thực tế để giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh quốc tế.	4,0
CLO12	- Kỹ năng làm việc nhóm: thành lập, tổ chức, phân công thực hiện công việc cho các thành viên trong nhóm	4,5
Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm		
CLO13	Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập.	3,5
CLO14	Có nhận thức về khoa học quản lý nói chung và lĩnh vực kinh doanh quốc tế nói riêng đang phát triển mạnh mẽ trong thực tiễn, biết phối hợp lý luận và thực tế phát sinh để làm tác nhân thúc đẩy quá trình phát triển của tổ chức.	4,0

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1			x	x	x					x								
2			x	x	x					x		x	x					
3					x		x	x		x	x	x				x		
4			x	x	x					x		x				x		
5					x		x	x		x	x	x	x			x		
6			x	x	x					x		x				x		
7					x	x	x	x		x	x	x	x			x		
8			x	x	x					x		x	x					
9					x		x	x		x	x	x	x			x		
10										x	x	x	x		x			
11										x	x	x	x		x	x		
12			x	x	x		x	x		x	x	x	x		x	x		
13																	x	x

14																		X	X
----	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	---	---

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CDR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá quá trình	- Chuyên cần; phát biểu, xây dựng bài; thực hiện yêu cầu của giảng viên.	Thường xuyên	CLO1 đến CLO14	10%
	- Làm đủ bài tập cá nhân, bài tập nhóm (thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm) đúng hạn và đạt yêu cầu.	Thường xuyên	CLO1 đến CLO14	5%
	- Bài kiểm tra giữa kỳ theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm.	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1 đến CLO14	25%
2. Đánh giá kết thúc	Kết thúc học phần: bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan	Thi cuối kỳ	CLO1 đến CLO14	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

- Tài liệu bắt buộc:

[1] PGS.TS Tạ Lợi, PGS.TS Nguyễn Thị Hường (2016), *Giáo trình Kinh doanh quốc tế*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc Dân.

[2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai (2022), *Giáo trình Kinh doanh quốc tế*, Lưu hành nội bộ.

- Tài liệu tham khảo:

[3] [1]. TS. Phạm Thị Hồng Yến (2012), *Giáo trình Kinh doanh quốc tế*, Nhà xuất bản Thống kê.

[4] [2]. PGS. Hà Nam Khánh Giao (2017), *Giáo trình cao học Quản trị kinh doanh quốc tế*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế TP.HCM.

[5] [3]. TS. Bùi Lê Hà, TS. Nguyễn Đông Phong (2008), Quản trị kinh doanh quốc tế, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.

[6] [4]. TS. Nguyễn Minh Hằng (2012), Giáo trình pháp luật kinh doanh quốc tế, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.

[7] [5]. Wild, J. J, Kenneth L. Wild, J. C. Y. Han (2000), *International Business: An Integrated Approach*, Prentice Hall, New Jersey

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	Giới thiệu môn học - Giới thiệu về học phần Kinh doanh quốc tế - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập - Chia nhóm sinh viên	- Trình chiếu slide bài giảng “Giới thiệu môn học” để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học.	- Ghi chép, đặt các câu hỏi về môn học để được hướng dẫn cụ thể.	Không đánh giá	
	CHƯƠNG 1: KINH DOANH QUỐC TẾ TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA 1.1. Toàn cầu hóa 1.2. Hoạt động kinh doanh quốc tế 1.3. Cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa đối với hoạt động kinh doanh quốc tế	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 1; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài thảo luận nhóm	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Sinh viên lắng nghe, ghi chép - Trao đổi và thảo luận nhóm.	Không đánh giá	CLO1 CLO10 CLO12 CLO13
Tuần 2 Buổi 2	CHƯƠNG 2: MÔI TRƯỜNG KINH DOANH QUỐC TẾ	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm	Đánh giá quá trình,	CLO2 CLO3

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
4 giờ	2.1. Môi trường chính trị 2.2. Môi trường pháp luật 2.3. Môi trường kinh tế 2.4. Môi trường văn hóa – xã hội	chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN1 cho sinh viên.	chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN1 được giao.	bài kiểm tra thường xuyên TN1	CLO10 CLO11 CLO12 CLO13
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	CHƯƠNG 3: CHIẾN LƯỢC KINH DOANH QUỐC TẾ 3.1. Chiến lược kinh doanh quốc tế 3.2. Các loại hình chiến lược kinh doanh quốc tế 3.3. Xây dựng chiến lược kinh doanh 3.4. Kiểm soát chiến lược kinh doanh	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN2 cho sinh viên.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN2 được giao.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN3	CLO4 CLO5 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết từ chương 1 đến chương 3. - Làm bài kiểm tra tự luận	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Giao bài kiểm tra giữa kì lần 1 (TL1).	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Làm bài kiểm tra giữa kì lần 1 (TL1).	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra giữa kì lần 1 TL1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO10 CLO11 CLO12

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	CHƯƠNG 4: CÁC PHƯƠNG THỨC THÂM NHẬP THỊ TRƯỜNG 4.1. Quyết định cơ bản về việc thâm nhập thị trường	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 4; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập thực hành, thảo luận nhóm.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tìm hiểu và hoàn thành bài tập thực hành, thảo luận nhóm được giao.	Không đánh giá	CLO6 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13 CLO14
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	CHƯƠNG 4: CÁC PHƯƠNG THỨC THÂM NHẬP THỊ TRƯỜNG (tiếp theo) 4.2. Các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến việc lựa chọn các phương thức thâm nhập thị trường	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 4; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập thực hành, thảo luận nhóm. - Giao bài trắc nghiệm TN3 liên quan lý thuyết đã học cho sinh viên áp dụng.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tìm hiểu và hoàn thành bài tập thực hành, thảo luận nhóm được giao. - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN3 được giao.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN5	CLO6 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13
Tuần 7	CHƯƠNG 4: CÁC PHƯƠNG THỨC	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu	- Sinh viên lắng nghe, ghi	Không đánh	CLO7

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Buổi 7 4 giờ	THÂM NHẬP THỊ TRƯỜNG (tiếp theo) 4.3. Các phương thức thâm nhập thị trường	slides nội dung chương 4; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập thực hành, thảo luận nhóm.	chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Trao đổi và thảo luận nhóm.	giá	CLO10 CLO11 CLO12 CLO13 CLO13
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	CHƯƠNG 5: QUẢN TRỊ TẠI DOANH NGHIỆP KINH DOANH QUỐC TẾ 5.1. Quản trị chuỗi cung ứng 5.2. Quản trị Marketing quốc tế 5.3. Quản trị nguồn nhân lực quốc tế	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 5; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập thực hành, thảo luận nhóm. - Giao bài trắc nghiệm TN4 liên quan lý thuyết đã học cho sinh viên áp dụng.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tìm hiểu và hoàn thành bài tập thực hành, thảo luận nhóm được giao. - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN4 được giao.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN6	CLO8 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	CHƯƠNG 5: QUẢN TRỊ TẠI DOANH NGHIỆP KINH DOANH QUỐC TẾ	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 5;	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu	Đánh giá quá trình, bài	CLO6 CLO7 CLO8

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	(tiếp theo) 5.4. Quản trị tài chính quốc tế - Làm bài kiểm tra giữa kì TL2 lần 2	- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao tình huống và thảo luận nhóm. - Giao bài kiểm tra giữa kì TL2 lần 2 cho sinh viên.	hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tìm hiểu và hoàn thành bài tập thực hành, thảo luận nhóm được giao. - Làm bài kiểm tra giữa kì TL2	kiểm tra giữa kì lần 2 TL2	CLO9 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết từ chương 1 đến chương 5.	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Trả lời thắc mắc của sinh viên.	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. lần 2.	Không đánh giá	CLO1 - CLO14

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 5.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

- Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.
- Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.
- Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.
- Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

- Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.
- Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.
- Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.
- Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.
- Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/Bộ Môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ/email liên hệ: tranghothithuy@dnp.edu.vn

Đồng Nai, ngày 03 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Hồ Thị Thuỳ Trang

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ LOGISTICS

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: QUẢN TRỊ LOGISTICS
- Tên học phần Tiếng Anh: LOGISTICS MANAGEMENT
- Mã học phần: 2112416
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 03

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150 giờ	30 giờ	30 giờ	0	00	90 giờ

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 4
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - + Học phần trước: Quản trị học
 - + Học phần song hành (nếu có): không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng làm việc với những kiến thức cơ bản nhất của quản trị logistics. Nội dung môn học, đáp ứng được những yêu cầu của nhà doanh nghiệp về việc tạo quản lý quá trình cung cấp nguyên liệu, sản phẩm đến đúng vị trí, vào đúng thời điểm với điều kiện và chi phí phù hợp cho doanh nghiệp và khách hàng. Đồng thời cung cấp cho sinh viên những kiến thức, lý luận liên quan đến hoạt động quản trị logistics trong hoạt động sản xuất kinh doanh của một đơn vị. Giúp sinh viên nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của hoạt động logistics trong doanh nghiệp, từ đó có thể áp dụng lý thuyết vào hoạt động thực tiễn kinh doanh.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object-Viết tắt là CO):

- Về kiến thức:

CO1: Hiểu được các kiến thức cơ bản về logistics và quản trị logistics. Nhận biết được môi trường kinh doanh dịch vụ logistics.

CO2: Hiểu rõ được tầm quan trọng của hệ thống thông tin logistics và các hệ thống phần mềm ứng dụng trong logistics.

CO3: Hiểu được các khái niệm cơ bản, kết cấu và các nhân tố hình thành, các phương pháp xác định nhu cầu vật tư, phương pháp tính toán nhu cầu vật tư cho quá trình sản xuất và phương pháp tìm nguồn hàng.

CO4: Nắm vững được các khái niệm cơ bản, các đặc điểm như: định mức, chi phí và mô hình quản trị dự trữ, điều chỉnh dự trữ.

CO5: Nắm vững được các khái niệm cơ bản, vai trò về dịch vụ vận tải, quá trình vận tải và các chiến lược vận tải trong hoạt động logistics.

CO6: Hiểu được khái niệm, vai trò của kho hàng, cách thức tổ chức vận hành, kiểm tra, kiểm kê kho hàng và các chỉ tiêu đánh giá kho hàng.

CO7: Nhận biết được đặc trưng và việc thiết lập các mối quan hệ trong hoạt động logistics.

- Về kỹ năng:

CO8: Có thể kiểm soát các hoạt động như: Dịch vụ khách hàng, thông tin trong vận tải, thông tin trong phân phối, dự trữ, vận tải, kho bãi.

CO10: Vận dụng các kiến thức đã học có thể giải quyết vấn đề liên quan đến logistics trong các doanh nghiệp sản xuất nói chung, vận tải nói riêng.

- Về mức độ tự chủ trách nhiệm:

CO11: Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập nhóm;

CO12: Nhận thức được tầm quan trọng logistics trong nền kinh tế hội nhập. Các doanh nghiệp muốn theo kịp tiến trình hội nhập thì phải quan tâm hơn nữa hoạt động logistic. Logistics là một trong những công cụ quan trọng giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Quản trị logistics là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp và đây là kiến thức chuyên ngành của ngành quản trị kinh doanh.

Học phần này đề cập những cơ sở lý thuyết và thực tiễn về quản trị logistics, hiểu các khái niệm cũng như biện pháp quản trị logistics trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như: quá trình hoạch định, thực hiện và kiểm soát có hiệu lực, hiệu quả việc chu chuyển và dự trữ hàng hoá, dịch vụ... và những thông tin có liên quan, từ điểm đầu đến điểm cuối cùng với mục tiêu thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng. Đồng thời trang bị những kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ quản trị logistics trong hoạt động sản xuất

kinh doanh của doanh nghiệp. Qua đó có được nhận thức đúng về logistics và vai trò của logistics, từ đó có thể áp dụng lý thuyết đã học vào thực tiễn trong các doanh nghiệp tại Việt Nam.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CDR (1)	Nội dung của chuẩn đầu ra (<i>đánh giá theo thang Bloom</i>) (2)	Trình độ năng lực (3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	- Hiểu được các kiến thức cơ bản về logistics và quản trị logistics.	3
CLO2	- Nhận biết được môi trường kinh doanh dịch vụ logistics.	3
CLO3	- Hiểu rõ được tầm quan trọng của hệ thống thông tin logistics và các hệ thống phần mềm ứng dụng trong logistics.	3
CLO4	- Hiểu được các khái niệm cơ bản, kết cấu và các nhân tố hình thành, các phương pháp xác định nhu cầu vật tư, phương pháp tính toán nhu cầu vật tư cho quá trình sản xuất và phương pháp tìm nguồn hàng.	3
CLO5	- Nắm vững được các khái niệm cơ bản, các đặc điểm như: định mức, chi phí và mô hình quản trị dự trữ, điều chỉnh dự trữ.	3
CLO6	- Nắm vững được các khái niệm cơ bản, vai trò về dịch vụ vận tải, quá trình vận tải và các chiến lược vận tải trong hoạt động logistics.	3
CLO7	- Hiểu được khái niệm, vai trò của kho hàng, cách thức tổ chức vận hành, kiểm tra, kiểm kê kho hàng và các chỉ tiêu đánh giá kho hàng.	3
CLO8	- Nhận biết được đặc trưng và việc thiết lập các mối quan hệ trong hoạt động logistics.	3
Chuẩn về kỹ năng		
CLO9	- Có thể kiểm soát các hoạt động như: hệ thống thông tin trong hoạt động logistics, quản trị nhu cầu vật tư, dự trữ, vận tải, kho bãi.	4,5

CLO10	- Vận dụng các kiến thức đã học có thể giải quyết vấn đề liên quan đến logistics trong các doanh nghiệp sản xuất nói chung, vận tải nói riêng.	4,5
CLO11	- Kỹ năng vận dụng các ứng dụng công nghệ để hỗ trợ các công việc trong quản trị logistics.	4,5

Chuẩn về mức độ tự chủ trách nhiệm

CLO12	Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập nhóm;	4,0
CLO13	Nhận thức được tầm quan trọng và yêu cầu cấp bách của quản trị logistics trong nền kinh tế hội nhập, hình thành tác phong làm việc chuyên nghiệp, có khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của xã hội và yêu cầu đổi mới trong hoạt động kinh doanh.	4,0

❖ **Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):**

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1					X	X	X	X	X						X	X		
2					X	X	X	X	X						X	X		
3					X	X	X	X	X						X	X		
4					X	X	X	X	X						X	X		
5					X	X	X	X	X						X	X		
6					X	X	X	X	X						X	X		
7					X	X	X	X	X						X	X		
8					X	X	X	X	X						X	X		
9								X	X		X	X		X	X	X		
10								X	X		X	X		X	X	X		
11								X	X				X	X	X	X		
12								X	X								X	X
13								X	X								X	X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CLOs học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá sự chuyên cần	- Tham dự lớp học - Tham gia các hoạt động học tập, làm việc nhóm	Đánh giá thường xuyên theo thang điểm ABCDF	CLO11	10%
2. Đánh giá quá trình	Bài kiểm tra thường xuyên: TN1; TN2; TN3; TN4; TN5; TN6; TN7;	Trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO1 đến CLO8	5%
	Bài kiểm tra giữa kì: TL	Kiểm tra làm bài tự luận. Đánh giá theo thang điểm 10.	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10	25%
3. Đánh giá cuối kỳ	Kết thúc học phần	Thi cuối kỳ hình thức thi trắc nghiệm. Đánh giá theo thang điểm 10.	Từ CLO1 đến CLO10	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

Tài liệu bắt buộc:

[1]. GS.TS. Đặng Đình Đào (2018), *Quản trị Logistics*, Nhà xuất bản Tài chính.

[2] Nhóm tác giả Khoa Kinh Tế - Trường Đại học Đồng Nai (2022), *Quản trị Logistic*, Lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo:

[1]. GS.TS. Đoàn Thị Hồng Vân (2020), *Logistic những vấn đề cơ bản*, Nhà xuất bản Lao Động – Xã Hội.

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLOs học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1 Buổi 1 4 giờ	<p>Giới thiệu môn học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về học phần Quản trị logistics - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá - Giới thiệu tài liệu học tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình chiếu slide bài giảng “ Giới thiệu môn học” để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học. - Phân nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi chép, đặt các câu hỏi về môn học để được hướng dẫn cụ thể. 	Ví dụ, bài tập	
	<p>Chương 1: Tổng quan về quản trị logistics</p> <p>1.1 Khái niệm về logistics</p> <p>1.2 Phân loại và vai trò của hoạt động logistics</p> <p>1.3 Đặc trưng và yêu cầu cơ bản của logistics</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 1; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; 	Ví dụ, bài tập	CLO1 CLO11 CLO13

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLOs học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 2 Buổi 2 4 giờ	Chương 1: Tổng quan về quản trị logistics (tt) 1.4 Quản trị logistics 1.5 Nội dung quản trị logistics 1.6 Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động Logistics của Doanh nghiệp Bài tập chương 1 (tt)	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 1; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN1.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài trắc nghiệm TN1.	Đánh giá quá trình TN1	CLO1 CLO12 CLO13
Tuần 3 Buổi 3 4 giờ	Chương 2: Môi trường kinh doanh dịch vụ logistics 2.1 Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam 2.2 Hoạt động logistics thế giới trong năm 2.3 Chính sách, pháp luật về logistics 2.4 Hạ tầng logistics 2.5 Trung tâm logistics Bài tập chương 2	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa thực tế - Giao bài trắc nghiệm TN2.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài trắc nghiệm TN2.	Đánh giá quá trình TN2	CLO2 CLO12 CLO13
Tuần 4 Buổi 4 4 giờ	Chương 3: Hệ thống thông tin logistics 3.1 Tầm quan trọng của hệ thống thông tin trong hoạt động logistics 3.2 Chu trình đặt hàng	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;	Đánh giá quá trình TN3	CLO3 CLO11 CLO12 CLO13

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLOs học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>– sự cần thiết phải quản lý hệ thống thông tin</p> <p>3.3 Hệ thống thông tin logistics – những bước cải tiến</p> <p>3.4 Các hệ thống phần mềm ứng dụng trong Logistics</p> <p>3.5 Giới thiệu một số hệ thống thông tin của các công ty logistics tại Việt Nam</p> <p>Bài tập chương 3</p>	<p>thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra ví dụ minh họa thực tế</p> <p>- Giao bài trắc nghiệm TN3.</p>	<p>- Làm bài trắc nghiệm TN3.</p>		
Tuần 5 Buổi 5 4 giờ	<p>Chương 4: Quản trị nhu cầu vật tư</p> <p>4.1 Nhu cầu vật tư và những đặc trưng cơ bản</p> <p>4.2 Kết cấu nhu cầu vật tư và các nhân tố hình thành</p> <p>4.3 Các phương pháp xác định nhu cầu vật tư của doanh nghiệp</p> <p>Bài tập chương 4</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế;</p> <p>- Trả lời thắc mắc của sinh viên.</p> <p>- Đưa ra ví dụ minh họa thực tế</p> <p>- Giao tình huống thảo luận nhóm</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Tham gia thảo luận nhóm</p>	Ví dụ, bài tập, thảo luận nhóm	CLO4 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13
Tuần 6 Buổi 6 4 giờ	<p>Chương 4: Quản trị nhu cầu vật tư (tt)</p> <p>4.4 Phương pháp tính toán nhu cầu vật tư cho kế hoạch sản xuất một loại sản phẩm</p> <p>4.5 Phương pháp xác</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 4;</p> <p>- Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ</p>	<p>- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ;</p> <p>- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra;</p> <p>- Làm bài trắc</p>	Đánh giá quá trình TN4	CLO4 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLOs học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	định các nguồn hàng để đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp Bài tập chương 4 (tt)	thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa thực tế - Giao bài trắc nghiệm TN4.	nghiệm TN4.		
Tuần 7 Buổi 7 4 giờ	Chương 5: Quản trị dự trữ 5.1 Khái quát về dự trữ hàng hoá 5.2 Dự trữ sản xuất 5.3 Định mức dự trữ sản xuất Bài tập chương 5	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 5; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa thực tế - Giao tình huống thảo luận nhóm	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tham gia thảo luận nhóm	Ví dụ, bài tập, thảo luận nhóm	CLO5 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13
Tuần 8 Buổi 8 4 giờ	Chương 5: Quản trị dự trữ (tt) 5.4 Quản lý dự trữ ở doanh nghiệp 5.5 Chi phí dự trữ 5.6 Các mô hình quản trị dự trữ 5.7 Theo dõi và điều chỉnh dự trữ Bài tập chương 5 (tt)	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 5; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa thực tế	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. - Làm bài trắc nghiệm TN5.	Đánh giá quá trình TN5	CLO5 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLOs học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		- Giao bài trắc nghiệm TN5.			
Tuần 9 Buổi 9 4 giờ	Chương 6: Quản trị vận tải 6.1 Vận tải và vai trò của vận tải 6.2 Lựa chọn người chuyên chở và lộ trình 6.3 Giao nhận hàng hóa 6.4 Kiểm tra, kiểm soát quá trình vận chuyển	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 6; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa thực tế - Giao tình huống thảo luận nhóm	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tham gia thảo luận nhóm	Ví dụ, bài tập, thảo luận nhóm	CLO6 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13
Tuần 10 Buổi 10 4 giờ	Chương 6: Quản trị vận tải 6.5 Hàng hóa bị hư hỏng, mất mát trong quá trình vận chuyển 6.6 Bóc dỡ hàng hóa 6.7 Vận đơn và kiểm tra vận đơn 6.8 Chiến lược vận tải 6.9 Thực trạng về dịch vụ vận tải và giao nhận tại Việt Nam Bài tập chương 6	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 6; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa - Giao bài trắc nghiệm TN6.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài trắc nghiệm TN6.	Đánh giá quá trình TN6	CLO6 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13
Tuần 11 Buổi 11	Chương 7: Quản trị kho hàng 7.1 Khái niệm và vai	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 7;	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt	Ví dụ, bài tập,	CLO7 CLO9

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLOs học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
4 giờ	<p>trò của kho hàng</p> <p>7.2 Chức năng kho và các loại nhà kho</p> <p>7.3 Tổ chức quản lý kho và các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh kho hàng</p> <p>7.4 Chế độ trách nhiệm vật chất đối với cán bộ công tác kho</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa thực tế - Giao tình huống thảo luận nhóm 	<p>câu hỏi để làm rõ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tham gia thảo luận nhóm 	thảo luận nhóm	CLO10 CLO11 CLO12 CLO13
Tuần 12 Buổi 12 4 giờ	<p>Chương 7: Quản trị kho hàng</p> <p>7.5 Công tác kiểm tra, kiểm kê ở kho</p> <p>7.6 Các chỉ tiêu đánh giá hoạt động kinh doanh kho hàng</p> <p>7.7 Giới thiệu hệ thống kho bãi của một số công ty logistics tại Việt Nam</p> <p>7.8 Thực trạng về dịch vụ kho hàng tại Việt Nam</p> <p>Bài tập chương 7</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 7; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài tập cho sinh viên áp dụng. - Giao bài trắc nghiệm TN7. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Áp dụng công thức hoàn thành các bài tập được giao. - Làm bài trắc nghiệm TN7. 	Đánh giá quá trình TN7	CLO7 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12 CLO13
Tuần 13 Buổi 13 4 giờ	<p>Chương 8: Thiết lập các mối quan hệ trong hoạt động logistics</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 8 phần tiếp 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt 	Đánh giá quá trình	CLO8 CLO11 CLO12

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLOs học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<p>8.1 Bản chất và đặc trưng của các mối quan hệ kinh tế trong hoạt động Logistics</p> <p>8.2 Hệ thống các mối quan hệ kinh tế trong hoạt động Logistics</p> <p>8.3 Quan hệ kinh tế trực tiếp và quan hệ kinh tế gián tiếp trong hoạt động Logistics</p> <p>8.4 Tổ chức các mối quan hệ kinh tế trong hoạt động Logistics</p> <p>8.5 Cơ sở pháp lý của các mối quan hệ kinh tế</p> <p>Bài tập chương 8</p>	<p>theo;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa - Giao bài trắc nghiệm TN8. 	<p>câu hỏi để làm rõ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Làm bài trắc nghiệm TN8. 	TN8	CLO13
Tuần 14 Buổi 14 4 giờ	<p>Ôn tập, sửa bài tập các chương</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Sửa bài tập các chương và trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài kiểm tra giữa kỳ TL 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. - Làm bài kiểm tra giữa kỳ TL 	<p>Bài tập</p> <p>Bài kiểm tra TL</p>	<p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p> <p>CLO8</p> <p>CLO9</p> <p>CLO10</p> <p>CLO12</p> <p>CLO13</p>
Tuần 15 Buổi 15 4 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập và củng cố lại lý thuyết, nội dung chính của toàn môn học - Sửa bài kiểm tra giữa 	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Công bố điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các 	Ví dụ, bài tập	Từ CLO1 đến CLO13

Tuần Buổi Số giờ	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CLOs học phần
		Giảng viên	Sinh Viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	kỳ 2 - Ôn tập 1 số dạng bài tập - Công bố điểm thành phần	thành phần 40%	hoạt động do giảng viên đưa ra.		

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 8.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

– Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

– Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

– Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

– Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

– Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

– Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

– Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

– Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ

sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

– Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế/ Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ/email liên hệ: dinhhoa2490@gmail.com

Đồng Nai, ngày 04 tháng 04 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Đinh Thị Hóa

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Đinh Thị Hóa

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN LÝ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1492 ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)*

1. Thông tin chung của học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt: QUẢN LÝ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC
- Tên học phần Tiếng Anh: WORK PERFORMANCE MANAGEMENT
- Mã học phần: 2112417
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: *(đánh dấu X vào ô chọn)*
 - + Kiến thức đại cương
 - + Kiến thức cơ sở ngành
 - + Kiến thức chuyên ngành
 - + Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp
- Ngành đào tạo: QTKD
- Số tín chỉ: 03

Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/ Seminar	Hoạt động nhóm	Tự học
150	30	30	0	00	90

- Trình độ đào tạo: dành cho sinh viên năm 4
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
 - + Học phần tiên quyết: không yêu cầu
 - + Học phần trước: Quản trị học
 - + Học phần song hành (nếu có): không yêu cầu

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung:

Học phần Quản lý thực hiện công việc trang bị những kiến thức chuyên sâu của Quản trị nguồn nhân lực trong đào tạo chuyên ngành Quản trị kinh doanh, cụ thể là hệ thống chỉ tiêu đánh giá, các phương thức quản lý, các phương pháp đánh giá thực hiện công việc và

phản hồi thông tin trong quản lý thực hiện công việc trong tổ chức nhằm giúp cho sinh viên có khả năng dự đoán và quản lý con người lên quan đến thực hiện công việc tại doanh nghiệp sau này.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Object – Viết tắt là CO):

- Về kiến thức:

CO1: Giúp sinh viên mô tả được các hoạt động liên quan đến quản lý thực hiện công việc.

CO2: Phân tích và giải thích được các vấn đề liên quan trong quản lý thực hiện công việc.

- Về kỹ năng:

CO3: Giúp người học nâng cao và hoàn thiện kỹ năng phân tích, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng tổ chức và kỹ năng làm việc nhóm liên quan đến quản lý thực hiện công việc trong tổ chức.

CO4: Kết hợp các kỹ năng để phân tích, giải quyết, đề xuất các vấn đề liên quan đến quản lý thực hiện công việc vào thực tế công việc và cuộc sống.

- Về thái độ:

CO5: Người học có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập nhóm.

CO6: Giúp người học nhận thức về khoa học quản lý nói chung và kiến thức về quản lý thực hiện công việc nói riêng từ đó phối hợp lý luận và thực tế phát sinh để làm tác nhân thúc đẩy quá trình phát triển của tổ chức.

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

- Quản lý thực hiện công việc là học phần thuộc nhóm kiến thức các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của sinh viên chuyên ngành quản trị kinh doanh.
- Học phần này đề cập đến các kiến thức tổng quan trong quản lý thực hiện công việc nhằm giúp sinh viên nắm được quy trình, hệ thống chỉ tiêu đánh giá và quản lý tình hình thực hiện công việc,... Với hiểu biết đầy đủ về quản lý thực hiện công việc sẽ giúp quá trình thực hiện mục tiêu chiến lược của các nhà quản lý đạt hiệu quả cao nhất trong vai trò của mình.

4. Chuẩn đầu ra (CLO) của học phần (Course learning outcomes – Viết tắt là CLOs):

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
(1)	(2)	(3)
Chuẩn về kiến thức		
CLO1	- Hiểu rõ về bản chất, nội dung, vai trò và các nhân tố	3,0

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra <i>(đánh giá theo thang Bloom)</i>	Trình độ năng lực
	ảnh hưởng đến quản lý thực hiện công việc. - Hiểu rõ về các cách thức phân loại và hệ thống quản lý thực hiện công việc.	
CLO2	- Chỉ ra được quy trình và các quan điểm về quản lý thực hiện công việc. - Hiểu rõ về đối tượng, nội dung của quản lý thực hiện công việc.	3,5
CLO3	- Hiểu rõ về bản chất, mối quan hệ của tiêu chí đánh giá thực hiện công việc và mục tiêu công việc. Từ đó xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá thực hiện công việc.	4,0
CLO4	- Hiểu rõ về thiết lập mục tiêu công việc. - Vận dụng kiến thức liên quan để áp dụng và xây dựng mục tiêu công việc.	4,5
CLO5	- Hiểu rõ về bản chất, vai trò của quản lý thực hiện công việc. - Phân tích quy trình thực hiện công việc của người lao động và liên hệ bằng thực tế các kiến thức liên quan.	4,5
CLO6	- Hiểu rõ về các phương thức quản lý người lao động trong thực hiện công việc đồng thời chỉ ra được cách thức thiết lập, phân bổ và theo dõi thực hiện công việc.	3,5
CLO7	- Hiểu rõ về các kỹ năng mềm và phương pháp quản lý thông tin về tình hình thực hiện công việc. - Phân tích và liên hệ thực tế các kiến thức liên quan.	4,0
CLO8	- Hiểu rõ về bản chất, vai trò và các phương pháp để đánh giá thực hiện công việc. - Vận dụng các phương pháp để so sánh và chỉ ra những đặc điểm, ưu điểm, nhược điểm từ đó tìm ra biện pháp khắc phục những hạn chế của từng phương pháp.	4,5
CLO9	- Hiểu rõ và diễn giải được tiến trình đánh giá thực hiện công việc từ đó liên hệ thực tế các kiến thức liên quan. - Chỉ ra được các lỗi thường gặp và cách khắc phục trong đánh giá thực hiện công việc.	4,0
CLO10	- Hiểu và giải thích được bản chất, vai trò, các nhân tố và phân loại về phản hồi thông tin.	3,5

Mã số CDR	Nội dung của chuẩn đầu ra (đánh giá theo thang Bloom)	Trình độ năng lực
CLO11	- Hiểu rõ và diễn giải được quy trình phản hồi thông tin trong đánh giá từ đó liên hệ thực tế các kiến thức liên quan. - Chỉ ra được các trách nhiệm, các lỗi thường gặp và yêu cầu đối với phản hồi thông tin trong quản lý thực hiện công việc.	4,0
Chuẩn về kỹ năng		
CLO12	- Kỹ năng thu thập, phân tích, ra quyết định: Dựa vào kiến thức liên quan đến học phần để phân tích, đánh giá, ra quyết định một cách hợp lý nhất đối với từng vấn đề liên quan.	3,5
CLO13	- Kỹ năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn: Áp dụng lý thuyết vào các tình huống thực tế để giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động quản lý thực hiện công việc.	4,5
CLO14	- Kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm: thành lập, tổ chức, phân công thực hiện công việc cho các thành viên trong nhóm	4,5
Chuẩn về thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp		
CLO15	Có ý thức học tập tốt, tương tác cùng giảng viên trong mỗi buổi học để đạt hiệu quả học tập cao, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập.	3,5
CLO16	Có nhận thức về khoa học quản lý nói chung và lĩnh vực quản lý thực hiện công việc nói riêng đang phát triển mạnh mẽ trong thực tiễn, biết phối hợp lý luận và thực tế phát sinh để làm tác nhân thúc đẩy quá trình phát triển của bản thân và tổ chức.	4,0

❖ Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLOs \ CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1				x	x				x									
2				x	x		x	x	x	x		x	x		x	x		
3				x	x	x			x	x		x	x		x	x		

4				X	X	X		X	X	X			X			X		
5				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X		
6		X		X	X				X	X		X	X		X	X		
7				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X		
8				X	X	X		X	X	X			X			X		
9				X	X				X	X		X	X		X	X		
10				X	X	X			X									
11				X	X	X			X	X		X	X		X	X		
12								X		X	X	X	X		X	X		
13								X		X	X	X	X		X	X		
14								X	X	X	X	X	X		X	X		
15																	X	X
16																	X	X

5. Đánh giá học phần:

5.1. Quy định về thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

5.2. Đánh giá bộ phận:

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Đánh giá quá trình	- Chuyên cần; phát biểu, xây dựng bài; thực hiện yêu cầu của giảng viên.	Thường xuyên	CLO1 đến CLO16	10%
	- Làm đủ bài tập cá nhân, bài tập nhóm (thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm) đúng hạn và đạt yêu cầu.	Thường xuyên	CLO1 đến CLO16	5%
	- Bài kiểm tra giữa kỳ theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm.	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1 đến CLO16	25%

Thành phần được đánh giá	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	CĐR học phần	Trọng số
2. Đánh giá kết thúc	Kết thúc học phần: bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan	Thi cuối kỳ	CLO1 đến CLO16	60%
Tổng cộng:				100%

5.3. Điểm học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

6. Học liệu:

- Tài liệu bắt buộc:

[1] TS Nguyễn Thị Hồng (2020). *Quản lý thực hiện công việc*. Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.

[2]

- Tài liệu tham khảo:

[1]. TS. Vũ Việt Hằng và ThS. Tạ Thị Hồng Hạnh (2019). *Quản trị nhân lực*. Nhà xuất bản Lao động.

[2]. PGS. TS Nguyễn Ngọc Quân và ThS Nguyễn Văn Điềm (2013). *Quản trị nhân lực*. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc Dân.

[3]. Parmenter David, Mai Chí Trung dịch (2019). *KPI – Thước đo mục tiêu trọng yếu*. Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM.

[4]. Cẩm nang kinh doanh Harvard (2015). *Quản lý hiệu suất làm việc của nhân viên*. Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM.

[5]. Harvard Business Review (2017), *HBR Guide to Performance Management (HBR Guide Series)*, Harvard Business Press [53041].

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 1/ Buổi 1/ (4 tiết)	Giới thiệu môn học - Giới thiệu về học phần Quản lý thực hiện công việc. - Giới thiệu về các phương pháp học tập, kiểm tra và đánh giá	- Trình chiếu slide bài giảng “Giới thiệu môn học” để hướng dẫn từng nội dung của môn học. - Hướng dẫn cách tìm tài liệu học tập	- Ghi chép, đặt các câu hỏi về môn học để được hướng dẫn cụ thể.	Không đánh giá	

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tài liệu học tập - Chia nhóm sinh viên 	<ul style="list-style-type: none"> môn học. - Hướng dẫn cách học và các hình thức kiểm tra đánh giá môn học. 			
	<p>CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QUẢN LÝ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC</p> <p>1.1. Bản chất, nội dung, vai trò của quản lý thực hiện công việc</p> <p>1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý thực hiện công việc</p> <p>1.3. Phân loại quản lý thực hiện công việc</p> <p>1.4. Hệ thống quản lý thực hiện công việc</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 1; - Đặt các câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn bài tập nhóm, thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Sinh viên lắng nghe, ghi chép - Trao đổi và thảo luận nhóm 	Không đánh giá	CLO1 CLO12 CLO13 CLO14 CLO15
Tuần 2/ Buổi 2/ (4 tiết)	<p>CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QUẢN LÝ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC</p> <p>(tt)</p> <p>1.5. Quy trình quản lý thực hiện công việc</p> <p>1.6. Quan điểm về quản lý thực hiện công việc trong các học thuyết quản trị nhân lực</p> <p>1.7. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu học phần</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 1; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn bài tập nhóm, thảo luận nhóm - Giao bài trắc nghiệm TN1 cho sinh viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Trao đổi và thảo luận nhóm - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN1 được giao. 	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN1	CLO2 CLO12 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
Tuần 3/ Buổi 3/ (4 tiết)	<p>CHƯƠNG 2: XÂY DỰNG HỆ THỐNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC VÀ HỖ TRỢ THIẾT LẬP MỤC TIÊU CÔNG VIỆC</p> <p>2.1. Bản chất, mối quan hệ của tiêu chí đánh giá thực hiện công việc và mục tiêu công việc</p> <p>2.2. Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá thực hiện công việc</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các câu hỏi liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Hướng dẫn bài tập nhóm, thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Trao đổi và thảo luận nhóm 	Không đánh giá	CLO3 CLO12 CLO13 CLO14 CLO15
Tuần 4/ Buổi 4/ (4 tiết)	<p>CHƯƠNG 2: XÂY DỰNG HỆ THỐNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC VÀ HỖ TRỢ THIẾT LẬP MỤC TIÊU CÔNG VIỆC (tt)</p> <p>2.3. Giao việc và hướng dẫn thiết lập mục tiêu công việc</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 2; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập tình huống cho sinh viên áp dụng. - Giao bài trắc nghiệm TN2 cho sinh viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Tìm hiểu và thực hành bài tập tình huống theo nhóm. - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN2 được giao. 	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN2	CLO4 CLO12 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16
Tuần 5/ Buổi 5/ (4 tiết)	<p>CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG VIỆC CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG</p> <p>3.1. Bản chất, vai trò của quản lý tình hình thực</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do 	Không đánh giá	CLO5 CLO6 CLO12 CLO13 CLO14

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
	hiện công việc 3.2. Phân tích quy trình thực hiện công việc của người lao động 3.3. Các phương thức quản lý người lao động trong thực hiện công việc	các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài tập tình huống cho sinh viên áp dụng.	giảng viên đưa ra; - Tìm hiểu và thực hành bài tập tình huống theo nhóm.		CLO15
Tuần 6/ Buổi 6/ (4 tiết)	CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG VIỆC CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG (tt) 3.4. Kỹ năng mềm trong quản lý tình hình thực hiện công việc 3.5. Phương pháp quản lý thông tin về tình hình thực hiện công việc	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 3; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN3 liên quan lý thuyết đã học cho sinh viên áp dụng.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN3 được giao.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN3	CLO7 CLO12 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16
Tuần 7/ Buổi 7/ (4 tiết)	- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết từ chương 1 đến chương 3. - Làm bài kiểm tra giữa kì TL1 lần 1	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Giao bài kiểm tra giữa kì lần 1 (TL1).	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Làm bài kiểm tra giữa kì lần 1 (TL1).	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra giữa kì lần 1 TL1	CLO1- CLO1- CLO7 CLO12 CLO13 CLO15 CLO16
Tuần 8/ Buổi 8/ (4 tiết)	Thực hành tình huống (liên quan đến lý thuyết từ chương 1 đến chương 3).	- Giao bài tập tình huống liên quan cho từng nhóm sinh viên. - Hướng dẫn sinh	- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Sinh viên lắng	Đánh giá quá trình bài thực	CLO1- CLO7 CLO12

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		viên tổ chức và thực tập các tình huống.	nghe, ghi chép các điểm chính để hoàn thành bài tập tình huống.	hành của sinh viên	CLO13 CLO14 CLO15 CLO16
Tuần 9/ Buổi 9/ (4 tiết)	CHƯƠNG 4: ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC 4.1. Bản chất, vai trò của đánh giá thực hiện công việc 4.2. Phương pháp đánh giá thực hiện công việc	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 4; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN4 liên quan lý thuyết đã học cho sinh viên áp dụng.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN4 được giao.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN4	CLO8 CLO12 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16
Tuần 10/ Buổi 10/ (4 tiết)	CHƯƠNG 4: ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC (tt) 4.3. Tiến trình đánh giá thực hiện công việc 4.4. Các lỗi cần tránh trong đánh giá thực hiện công việc	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 4; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa, bài tập thảo luận và hướng dẫn sinh viên áp dụng lý	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Trao đổi và thảo luận nhóm.	Không đánh giá	CLO9 CLO12 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		thuyết.			
Tuần 11/ Buổi 11/ (4 tiết)	CHƯƠNG 5: PHẢN HỒI THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC 5.1. Bản chất, vai trò của phản hồi thông tin 5.2. Phân loại phản hồi thông tin 5.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới phản hồi thông tin	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 5; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Giao bài trắc nghiệm TN5 liên quan lý thuyết đã học cho sinh viên áp dụng.	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN5 được giao.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN5	CLO10 CLO12 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16
Tuần 12/ Buổi 12/ (4 tiết)	CHƯƠNG 5: PHẢN HỒI THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC (tt) 5.4. Quy trình phản hồi thông tin trong đánh giá 5.5. Phân định trách nhiệm trong tổ chức phản hồi thông tin 5.6. Các lỗi thường gặp và yêu cầu đối với phản hồi thông tin	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu slides nội dung chương 5; - Đặt câu hỏi cho sinh viên về nội dung bài học, yêu cầu sinh viên đưa ra các ví dụ liên hệ thực tế; - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Đưa ra ví dụ minh họa và hướng dẫn sinh viên áp dụng công thức giải các bài tập - Giao bài trắc nghiệm TN6 liên quan lý thuyết đã	- Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính, đặt câu hỏi để làm rõ; - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Hoàn thành bài trắc nghiệm TN6 được giao.	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra thường xuyên TN6	CLO11 CLO12 CLO13 CLO14 CLO15 CLO16

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
		Giảng viên	Sinh viên		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)
		học cho sinh viên áp dụng.			
Tuần 13/ Buổi 13/ (4 tiết)	- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết từ chương 4 đến chương 5. - Làm bài kiểm tra giữa kì TL2 lần 2	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Giao bài kiểm tra giữa kì lần 2 (TL2).	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Làm bài kiểm tra giữa kì lần 2 (TL2).	Đánh giá quá trình, bài kiểm tra giữa kì lần 2 TL2	CLO8- CLO13 CLO15
Tuần 14/ Buổi 14/ (4 tiết)	Thực hành tình huống (liên quan đến lý thuyết từ chương 4 đến chương 5).	- Giao bài tập tình huống liên quan cho từng nhóm sinh viên. - Hướng dẫn sinh viên tổ chức và thực tập các tình huống.	- Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra; - Sinh viên lắng nghe, ghi chép các điểm chính để hoàn thành bài tập tình huống.	Đánh giá quá trình bài thực hành của sinh viên	CLO8- CLO16
Tuần 15/ Buổi 15/ (4 tiết)	- Ôn tập và củng cố lại lý thuyết từ chương 1 đến chương 5. - Công bố điểm thành phần	- Giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức trọng tâm. - Trả lời thắc mắc của sinh viên. - Công bố điểm thành phần 40%	- Tự hệ thống, ôn lại kiến thức trọng tâm, đặt các câu hỏi để làm rõ phần chưa hiểu. - Tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra.	Không đánh giá	CLO1- CLO16

8. Quy định đối với học phần:

8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình

– Trọng số 10% điểm chuyên cần được tính theo từng mức độ khi sinh viên thực hiện các nội dung sau: nghỉ học không quá 20% số giờ học; tham dự học với thái độ chuyên cần; tham gia các hoạt động như phát biểu, xây dựng bài và thực hiện các bài tập đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 5% điểm là bình quân giữa các điểm bài tập cá nhân, điểm kiểm tra thường xuyên, bài tập nhóm (tham gia phản biện, góp ý, tranh luận, thảo luận cùng nhóm trong quá trình thực hiện) đúng hạn và đạt yêu cầu.

– Trọng số 25% điểm là bình quân giữa các bài kiểm tra giữa kỳ (dạng tự luận hoặc trắc nghiệm). Nội dung thực hiện trải rộng trong phạm vi từ chương 1 đến hết chương 5.

8.2. Quy định về đánh giá cuối kỳ

Trọng số 60% điểm của bài thi cuối kỳ được tính khi sinh viên thực hiện bài thi trắc nghiệm khách quan. Cơ cấu đề thi do Khoa và Bộ môn quyết định.

– Hình thức: Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút. Không được tham khảo tài liệu khi dự thi.

– Nội dung: toàn bộ kiến thức của học phần.

– Tiêu chí đánh giá: theo kết quả số câu làm đúng.

8.3. Quy định nội quy lớp học

– Thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của nhà trường về: Giờ giấc lên lớp, đồng phục, quy chế học vụ.

– Trước khi đến lớp: Xem lại bài cũ, thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập giảng viên giao; Nghiên cứu nội dung bài mới, chuẩn bị và đọc trước tài liệu môn học.

– Trên lớp: Tham gia tích cực vào các hoạt động theo định hướng của giảng viên như: Ghi chép nội dung học tập; Tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân trong tiết học; Tham gia đóng góp vào bài tập, thảo luận nhóm.

– Sinh viên phải hệ thống và ôn tập lại các kiến thức đã học ở trên lớp; thực hiện đầy đủ các bài tập về nhà; thực hành; Tự trả lời các câu hỏi, cập nhật các kiến thức thực tế từ sách báo, mạng internet về học phần; thường xuyên trao đổi với giảng viên các nội dung học phần nhằm đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

– Không được tính điểm quá trình, điểm giữa kỳ khi sinh viên: vắng trên 20% số giờ học theo qui định, không tham dự làm bài tập thảo luận, thuyết trình cùng nhóm, không thực hiện bài tập cá nhân theo yêu cầu, không tham dự kiểm tra giữa kỳ theo qui định.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế

- Địa chỉ/email liên hệ: tranghothithuy@dnp.edu.vn

Đồng Nai, ngày 15 tháng 06 năm 2022

KT.TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích

ThS. Đinh Thị Hóa

ThS. Hồ Thị ThuýTrang